CẢI CÁCH RUỘNG ĐẤT TẠI MIỀN BẮC

CẢI CÁCH RUỘNG ĐẤT TẠI MIỀN BẮC 1949-1956

tập 1

Khối 8406 Tự do Dân chủ cho Việt Nam
11-2009

MỤC LỤC

CUỘC CẢI TẠO NÔNG NGHIỆP TAI MIỀN BẮC (*Võ Trường Sơn*) 06

I. Cuộc Cải tạo Nông nghiệp tại miền Bắc 06
Những vấn đề căn bản 07
Bối cảnh 10
Chiến lược và sách lược 11
II. Những giai đoạn đấu tranh trước 1954 12
Chính sách thuế nông nghiệp 13
Giai đoạn đấu tranh chính trị 17
Đấu tranh giảm tô 18
III. Giai đoạn đấu tranh sắt máu sau 1954 24
Giai đoạn đấu tranh đẫm máu 25
Phản ứng của nhân dân đưa đến quyết định sửa sai 27
Cuộc đấu tranh tiếp theo của nhân dân miền Bắc 30
Những đặc điểm của giai đoạn CCRĐ đưa đến chiến dịch sửa sai 37
IV. Mục tiêu của Hợp tác hóa Nông nghiệp 42
Giai đoạn Tổ đổi công 44
Giai đoạn Hợp tác xã cấp thấp 47
V. Xây dựng lực lượng để xâm chiếm miền Nam 60
Tổng biên chế quân đội miền Bắc 61
Xây dựng các công trình sản xuất chiến lược, cơ sở quân sự… 68
Xây dựng lực lượng chính quy Bắc Việt 71
Tổng kết 77

QUA NHỮNG SAI LẦM TRONG CẢI CÁCH RUỘNG ĐẤT, XÂY DỰNG QUAN ĐIỂM LÃNH ĐẠO (*Nguyễn Mạnh Tường*) 80

I. Vấn đề pháp lý trong Cải cách Ruộng đất 84
II. Các nguyên nhân sai lầm 87
III. Phương hướng sửa chữa các sai lầm 95

CÁI NGÀY ẤY RỒI CŨNG SẼ PHẢI TỚI (*T. Vấn*) 101

Liên lạc với
Khối 8406 Tự do Dân chủ cho Việt Nam
http://khoi8406vn.blogspot.com/
vanphong8406@gmail.com

Lời giới thiệu

Cách đây hơn 50 năm, một biến cố lớn lao đã xảy ra ở Bắc Việt. Người Cộng sản gọi đó là "cuộc Cách mạng long trời lở đất" còn lịch sử ghi nhận nó như "cuộc Cải cách Ruộng đất kinh thiên động địa", đầy máu và nước mắt vì đã gây ra cái chết cho khoảng nửa triệu đồng bào.

Những kẻ tạo nên biến cố đau thương này chính là Hồ Chí Minh và đảng Lao động VN (tiền thân đảng CS). Do mù quáng thấm nhiễm một học thuyết chủ trương quốc hữu hóa mọi phương tiện sản xuất để dễ dàng khống chế toàn xã hội, do nô lệ tuân hành sự chỉ đạo của các lãnh tụ Trung Cộng và Liên Xô, do ý đồ khuất phục nhân dân bằng khủng bố đe dọa và bóp bao tử, do toan tính tước mọi phương tiện sinh hoạt của các tôn giáo, hàng lãnh đạo CSVN đã đề ra một chương trình Cải cách Ruộng đất bằng đủ biện pháp nham hiểm và tàn nhẫn, qua một công cụ hết sức đặc biệt và chưa từng có là Tòa án nhân dân với những màn đấu tố mà cho đến nay vẫn là một nỗi kinh hoàng cho dân Việt.

Theo hầu hết các nhà nghiên cứu, Cuộc CCRĐ đã kéo dài 7 năm (1949-1956), trải qua 5 giai đoạn, đánh dấu bằng những sắc lệnh, ban đầu nhẹ nhàng và mỵ dân, tiến dần đến sắt máu và triệt để với Sắc luật về CCRĐ (14-6-1955), cho phép nhà nước tịch thu toàn bộ tài sản của những "tên Thực dân, địa chủ gian ác, cường hào ác bá, Việt gian phản động", truất hữu đất đai của các tôn giáo, gọi là để phân chia lại cho nông dân không đất, gia đình thương binh, chiến sĩ, liệt sĩ… Thế nhưng chính việc quy định thành phần xã hội, phân chia tài sản một cách bất công và với thâm ý tước đoạt quyền tư hữu đất đai đã gây nên bao cảnh giết chóc cùng đổ vỡ. Và rồi, những kẻ được phân chia ruộng đất sau đó phải trả lại tất cả cho nhà nước qua Hợp tác xã…

Trong mấy ngàn năm lịch sử dân tộc, có lẽ không biến cố nào đau thương bằng sự kiện ấy. Đau thương vì đó là cuộc đảo lộn xã hội nông thôn VN cách toàn diện từ kinh tế tới văn hóa đến luân lý do một chủ trương cải tạo nông nghiệp quá ư lạ lùng và tàn nhẫn. Vì đó là cuộc tàn sát trực tiếp lẫn gián tiếp gần nửa triệu nông dân chỉ trong thời gian ngắn mà không phải bằng bom đạn chiến tranh. Vì kết quả có được chỉ là sự suy sụp nông nghiệp, tan hoang làng xóm, đổ vỡ tình người, băng hoại đạo đức, ách nô lệ khoác lên toàn thể nhân dân miền Bắc.

Đến tận hôm nay, nhà cầm quyền CS vẫn tiếp tục tước đoạt quyền tư hữu đất đai của người dân, và các tòa án nhân dân vẫn

tiếp tục là công cụ CS dùng để bịt miệng, trói tay, giam thân những ai muốn đòi công lý và sự thật. Thành ra, việc nhìn lại cuộc Cải cách Ruộng đất là một kiểu ôn cố tri tân cần thiết cho mọi người dân Việt.

Khối Tự do Dân chủ cho Việt Nam 8406

CUỘC CẢI TẠO NÔNG NGHIỆP TẠI MIỀN BẮC

Võ Trường Sơn 1989

http://www.vlink.com/caicachruongdat/

I- Cuộc cải tạo Nông nghiệp tại Miền Bắc

Lời nói đầu:

*Những biến động chính trị đang diễn ra trong nội bộ các nước Cộng sản là những biến cố lịch sử **đánh dấu một giai đoạn đấu tranh mới của các dân tộc bị áp bức**.*

Một số học giả Tây phương quen giải thích các biến cố trên bằng những lập luận cho rằng các chế độ Cộng sản đang chuyển mình trên tiến trình dân chủ hoá khiến cho các lực lượng đối lập có cơ hội vùng lên chống đối. Lập luận trên mới chỉ là "một nửa của sự thật" (Pseudo-truth), và một nửa của sự thật ở đây là một sự sai lầm, một sự lẫn lộn nguyên nhân với hậu quả.

*Đúng ra, người ta phải nói rằng **các lực lượng bị áp bức đã vùng lên đấu tranh và đẩy tập đoàn Cộng sản thống trị tới chỗ phải nhượng bộ từng bước một**, tạm thời thoả mãn một cách hạn chế những đòi hỏi dân chủ của nhân dân bị áp bức và mặc dầu bị bắt buộc phải nhượng bộ, tập đoàn Cộng sản thống trị chỉ chịu lùi bước theo chiến thuật giai đoạn, trong khi đó vẫn luôn luôn tìm cách quật lại đối phương để giành lại ưu quyền chuyên chính, bất cứ khi nào chúng có thể làm được chuyện đó.*

*Một khía cạnh đặc biệt thứ hai của các biến động chính trị nói trên là **cuộc đấu tranh của các lực lượng bị Cộng sản áp bức đều mang tính chất phi quy ước**. Tuy hoàn cảnh đấu tranh của mỗi dân tộc và trình độ ý thức của mỗi lực lượng đấu tranh có khác nhau, nhưng bản chất chỉ là một.*

*Một đặc điểm thứ ba của các biến động nói trên là trong các cuộc đấu tranh phi quy ước ngày nay, **các chế độ Cộng sản đang ở thế thụ động**, và các lực lượng quần chúng đấu tranh đang ở thế*

chủ động. Nghĩa là các lực lượng này đang xoáy sâu vào những điểm yếu của Cộng sản để làm cho chúng càng ngày càng suy yếu thêm và cuối cùng bị toàn dân lật đổ. Vấn đề đặt ra ở đây là các thế lực tài phiệt Tây phương vẫn có khuynh hướng chỉ nhìn thấy "một nửa của sự thật", quen lẫn lộn nguyên nhân với hậu quả. Và như thế, liệu họ có nhảy xổ vào để cứu nguy và tiếp sức cho các tập đoàn Cộng sản thống trị phục hồi sức mạnh để tiếp tục củng cố sự đàn áp hay không? Đó là điều mà ta sẽ thảo luận trong một dịp khác.

Trong phạm vi bài này, những biến động chính trị hiện nay nhắc nhở chúng ta nhớ lại những cuộc khởi nghĩa tại Poznan, Budapest, vụ án Hồ Phong ở Trung Quốc, và vụ "Trăm Hoa Đua Nở" trên đất Bắc cùng thời với cuộc khởi nghĩa của nông dân ở Quỳnh Lưu, Nghệ An, cách đây 33 năm. Đó là những cuộc đấu tranh phi quy ước của các lực lượng bị áp bức, nhưng, hoàn cảnh đấu tranh thời đó đã đặt các lực lượng chống đối ở thế bị động, cô lập và bị đập tan. Mặt khác, ở Việt Nam lúc đó, Việt cộng ***cũng sử dụng hình thái chiến tranh phi quy ước*** *để đàn áp, tiêu diệt các lực lượng chống đối vì lúc đó chúng đang nắm ưu thế chủ động.*

Nội dung của bài nghiên cứu này và loạt bài nghiên cứu sắp tới nhằm trình bày hình thái chiến tranh phi quy ước mà Việt cộng đã sử dụng để củng cố bộ máy thống trị miền Bắc, mở rộng địa bàn "ỷ dốc" Miên-Lào trong tiến trình xâm chiếm miền Nam.

I. Những vấn đề căn bản của cuộc Cải tạo Nông nghiệp

Vào tháng 10-1987, nông dân tại một số tỉnh thuộc đồng bằng Cửu Long đã biểu tình chống đối Việt cộng vì những hành động tham nhũng và cướp giật ruộng đất do cán bộ Việt cộng chủ xướng nhân cuộc "Cải cách Ruộng đất năm 1983".

Ngày 9-11-1987, hàng trăm nông dân từ các tỉnh miền Tây đã tổ chức biểu tình chống chính quyền Việt cộng ngay tại Sài Gòn. Pháp Tấn xã tại Sài Gòn mô tả một tình trạng náo loạn chưa từng thấy kể từ năm 1975. (Thật ra, kể từ khi Việt cộng trục xuất các phóng viên báo chí và truyền hình ra khỏi Việt Nam vào năm 1976 thì truyền thông Tây phương hầu như mù tịt về tình hình Việt Nam. Mãi cho tới 1986, 1987, khi Nguyễn Văn Linh cho phép báo chí, truyền hình Tây phương trở lại Việt Nam trong mục đích ve vãn dư luận quốc tế, thì báo chí mới bắt đầu nhìn thấy một số hiện tượng bề ngoài với một mức độ hạn chế).

Những biến cố nói trên tương đối ôn hoà nếu ta so sánh với vụ Khởi nghĩa của Nông dân Quỳnh Lưu bị đàn áp đẫm máu vào năm 1956, vụ thanh niên Nam Bộ tập kết đốt phá bót Cảnh sát bờ hồ Hà

Nội, vụ đảng viên Việt cộng tìm nhau để chém giết trả thù nhân vụ Cải tạo Nông nghiệp đưa đến biện pháp "sửa sai". Lý do chính khiến có sự khác biệt về mức độ bạo động là vì hoàn cảnh chính trị đã khác nhiều; năm 1983, bạo quyền Việt cộng đã cực kỳ suy yếu, ruỗng nát so với năm 1956, và nhân dân ta ở trong Nam đã được tổ chức và hướng dẫn để đề kháng một cách hữu hiệu hơn thời gian 30 năm trước. Do đó, Việt cộng đã không dám thực hiện các biện pháp mạnh tay trong chính sách ruộng đất. Mặc dầu hai cuộc Cải cách Ruộng đất có khác nhau ở mức độ sắt máu; nhưng, những vấn đề căn bản của cả hai cuộc Cải cách Ruộng đất của Việt cộng chỉ là một: Đó là các vấn đề **Bản chất, Mục tiêu và Hậu quả.**

1. Bản chất của cuộc Cải tạo Nông nghiệp

Quan niệm Cải cách Ruộng đất không phải là quan niệm mới mẻ. Montesquieu, trong tác phẩm "Esprit des Lois" năm 1748, có viết rằng: "*Trong một nền dân chủ tốt, chia đều đất đai chưa đủ; cần phải chia nhỏ ruộng đất như người La Mã đã làm*" (xem tác phẩm "Esprit des Lois", quyển V, chương VI). Trong các chế độ dân chủ, bản chất của Cải cách Ruộng đất là hữu sản hoá dân nghèo để giúp họ có cơ hội phát triển và xây dựng đời sống kinh tế bắt đầu từ mảnh đất mà họ làm chủ, dù chỉ là một mảnh đất nhỏ.

Trong các chế độ Cộng sản, bản chất của Cải cách Ruộng đất là đảo lộn toàn bộ tổ chức xã hội bằng cách phế bỏ quyền tư hữu đối với tất cả ruộng, đất, vườn, ao, hoa màu, trâu bò và dụng cụ sản xuất như cày, bừa, cuốc, xẻng, cối xay lúa, cối giã gạo, v.v... Nói theo ngôn ngữ Việt cộng, đó là tiến hành cuộc **Cách mạng quan hệ sản xuất** trong đó có việc thay đổi **quyền làm chủ đất đai, quyền làm chủ tư liệu sản xuất**, và **thay đổi quan hệ giữa người với người** (tức là tương quan chủ–thợ). Có lẽ sự thay đổi tương quan chủ–thợ có tầm ảnh hưởng quan trọng nhất đối với số phận của tất cả mọi nông dân từ bần nông đến chủ đất, vì nó biến họ vĩnh viễn thành những người thợ vô sản phục vụ cho chủ nhân ông Cộng sản, trong một tương quan na ná hoặc tệ hơn một nông nô dưới chế độ phong kiến. Một hệ luận quan trọng của việc phế bỏ quyền tư hữu là sự tập trung đất đai vào tay nhà nước trong chế độ Cộng sản, thay vì chia nhỏ đất đai như trong một chế độ dân chủ. Điều này không phải là điều tình cờ phù hợp với mục tiêu của Cải cách Ruộng đất mà ta đề cập dưới đây.

2. Mục tiêu của cuộc Cải tạo Nông nghiệp

Mục tiêu tối hậu của việc phế bỏ quyền tư hữu đất đai là để giành giật khả năng và quyền lực chính trị khỏi tay nông dân, và tập

trung quyền lực chính trị đó vào tay chế độ chuyên chính vô sản. Những người thợ và trí thức vô sản bị mất hết quyền lực chính trị vì họ bị khống chế bởi *tên chủ* Việt cộng qua hệ thống *hộ khẩu* và chế độ *bình công chấm điểm*. Họ chỉ được đủ ăn tới một mức... lúc nào cũng còn đói, nếu họ tuân theo những quy luật do "tên chủ" Việt cộng đề ra. Trong tay họ không có tài sản, không có tiền, không có vũ khí; họ bị cô lập bởi hệ thống công an; bởi thế, về phương diện quyền lực chính trị, mỗi nông dân là một con số không trong chế độ Cộng sản. Trong một chế độ dân chủ, một nông dân dù nghèo rớt cũng còn có một chút vốn kinh tế vì họ còn làm chủ được tấm thân của họ, nghĩa là họ còn có một chút quyền lực chính trị. Đem gom góp hàng triệu những quyền lực chính trị nho nhỏ đó, người ta có thể tạo nên một thế lực tương đối lớn để tự bênh vực mình.

Trong chế độ Cộng sản, nếu đem gom góp một triệu con số không (của quyền lực chính trị của mỗi nông dân), ta cũng vẫn chỉ được một con số không thiệt to. Hiểu được như thế, ta hiểu được hậu quả của cuộc Cải cách Ruộng đất đối với việc củng cố bộ máy đàn áp kềm kẹp của Việt cộng ở miền Bắc.

3. Hậu quả ngắn hạn của cuộc Cải tạo Nông nghiệp

Qua sự tập trung đất đai, phương tiện sản xuất và đoàn ngũ hoá nông dân thành giai cấp nông nô sau cuộc Cải tạo Nông nghiệp, Việt cộng hoàn toàn nắm hết tài nguyên, lương thực, khởi sự xây dựng các nông trường quốc doanh, chuẩn bị đạo quân xâm lược Lào và miền Nam Việt Nam (Việt cộng gọi là lấy lương thực phục vụ chiến trường "C" và "B"). Hậu quả trước mắt của cuộc Cải tạo Nông nghiệp là giúp Việt cộng xây dựng cơ sở vật chất để tiến hành chiến tranh. Hậu quả pháp lý của cuộc Cải tạo Nông nghiệp là việc định chế hoá các cơ cấu quyền lực địa phương để tiến hành đấu tranh phi quy ước trong nội bộ chống lại nhân dân miền Bắc. Nói một cách rõ hơn, các Hợp tác xã nông nghiệp tại địa phương chính thức trở thành các cơ sở ban phát quyền lợi, thực thi chính sách và Bí thư Hợp tác xã, Bí thư Chi bộ xã là những kẻ có toàn quyền sinh sát tại nông thôn đã biến thành các cường hào ác bá dưới triều đại xã hội chủ nghĩa của "Rợ Hồ". Tóm lại, những hậu quả ngắn hạn và trước mắt là những điều có lợi cho việc củng cố quyền lực chính trị của giai cấp thống trị Cộng sản. Nhưng, hậu quả về lâu về dài là một vấn đề khác.

4. Hậu quả dài hạn của Cải tạo Nông nghiệp

Là một vấn đề mà Lênin, Stalin, Mao Trạch Đông, Hồ Chí Minh và cấp đầu lãnh các Đảng Cộng sản không nhìn thấy, hoặc vì ảo tưởng trên mây nên đã nhìn sai và tiên đoán sai. Đó là những vấn đề

liên quan đến năng suất lao động, năng suất đất đai, cơ cấu sản xuất và thị trường, đưa đến những bế tắc trong nền kinh tế của mọi quốc gia Cộng sản. Vì chủ quan nghĩ rằng quyền lực chính trị có thể giải quyết và "cả vú lấp miệng em" đối với mọi bài toán trong xã hội, các cấp đầu lãnh Cộng sản, và Việt cộng nói riêng, đã bị vỡ mặt khi những bế tắc kinh tế vượt ra ngoài khả năng kiểm soát của Đảng và các cơ cấu quyền lực chính trị địa phương biến thành các "sứ quân" tự chuyên, tự quản nền kinh tế quốc gia. Nhưng, đây là những chi tiết mà ta sẽ thảo luận khi đi sâu vào các bài nghiên cứu sắp tới.

Một câu hỏi được đặt ra ở đây là cuộc Cải tạo Nông nghiệp tại BV đã diễn ra trong hoàn cảnh nào? Để trả lời câu hỏi này, loạt bài nghiên cứu sắp tới sẽ trình bày về bối cảnh địa lý, kinh tế, xã hội và chính trị của giai đoạn 1949-1957 được tóm lược trong Phần II dưới đây.

II. Bối cảnh của cuộc Cải tạo Nông nghiệp

Cuộc Cải tạo Nông nghiệp tại miền Bắc có thể được coi như bắt đầu kể từ Sắc luật Giảm tô số 78/SL ngày 14-07-1949 và chính sách thuế nông nghiệp của chính quyền kháng chiến nằm trong toàn bộ của chính sách thuế khoá gồm cả thuế công-thương nghiệp, sát sinh, lâm-thổ sản, xuất nhập cảng, v.v... ra đời từ ngày 1-7-1951 do Sắc luật số 42/SL của Hồ Chí Minh.

Chính sách thuế Nông nghiệp là phát súng khởi đầu cho các chiến dịch "phân mảnh định hạng" các loại ruộng, "bình sản lượng", "bình diện tích" mỗi mảnh đất để làm căn bản tính thuế, sau đó tiến lên chiến dịch "chống phản động", "đấu tranh giảm tô" kéo dài tới năm 1954 chỉ được tạm chấm dứt khi chiến trường Điện Biên Phủ bắt đầu nghiêm trọng và đưa đến Hiệp định Genève. Sau đó, Việt cộng miền Bắc đã tạm ngưng cuộc đấu tranh Cải cách Ruộng đất tới cuối năm 1955, đầu năm 1956, vì ba lý do:

- Việt cộng còn bận lo đón tiếp bộ đội miền Nam tập kết ra Bắc.
- Việt cộng còn phải đối phó với phong trào di cư và cuộc đàn áp dân Ba Làng v.v....
- Việt cộng còn phải che giấu thủ đoạn tàn bạo để trấn an lòng dân, che mắt các quan sát viên quốc tế, và ổn định tình hình nội bộ.

Giai đoạn thứ hai của đấu tranh Cải cách Ruộng đất bắt đầu từ cuối năm 1955 đầu 1956 trong đợt **phóng tay phát động quần chúng đấu tranh Cải cách Ruộng đất** và *lên đến mức độ tàn bạo nhất trong đợt cải cách* **Điện Biên Phủ**. Để cho cuộc Cải cách Ruộng đất được nhanh chóng và đồng đều, tại những vùng mới tiếp thu và đồng bằng sông Nhị Hà, Việt cộng đã tiến hành hai cuộc "đấu

tranh giảm tô" và "đấu tranh Cải cách Ruộng đất" vào một lần. Thể thức đấu tranh Cải cách Ruộng đất cũng giống như đấu tranh giảm tô, chỉ khác ở mức độ tàn bạo gia tăng và con số nạn nhân cũng gia tăng do sự "càn đi, quét lại" và "tích tỷ lệ" mà ta sẽ giải thích trong những bài phân tích sắp tới.

Điều đáng chú ý là chính sách Cải cách Ruộng đất ở miền Bắc đã rập khuôn chính sách Cải cách Ruộng đất của Tr.Quốc mà không có sự chế biến cho hợp với hoàn cảnh và tình trạng nông nghiệp ở nước ta.

Các cán bộ Việt cộng có nhiệm vụ trong cuộc **Cải cách Ruộng đất** đã học tập kinh nghiệm của cán bộ CS Trung Quốc trong cuộc Cải cách Ruộng đất ở Hồ Nam, quê hương của Mao Trạch Đông. Tại Trung Quốc, gia cấp địa chủ điển hình còn mang nặng tính chất phong kiến lãnh chúa. Ngoài đồng ruộng thẳng cánh cò bay, một địa chủ điển hình còn có lâu đài, dinh cơ và quân lính riêng để bảo vệ sản nghiệp cũng như để đàn áp, bóc lột nhân dân. Trong cuộc CCRĐ đất ở miền Bắc, một số lớn những người bị gán là "địa chủ đại gian đại ác" thường chỉ có mấy mẫu ruộng hoặc ít hơn, nhưng thuộc thành phần **có uy tín ở nông thôn**, và **có thể trở thành chống đối Đảng và Nhà nước**.

Vậy, yếu tố giành giật độc quyền chính trị là yếu tố quan trọng nhất của Cải cách Ruộng đất, và do đó, Cải cách Ruộng đất là cơ hội ngàn năm một thuở để Việt cộng đánh quỵ cả thế lực tinh thần của Giáo hội Công giáo. Nhiều vị Linh mục Công giáo cũng bị bắt, bị tra khảo và bị giết, trong đó có Cha Thanh, đã từng là Linh mục giảng huấn tại Tiểu Chủng viện Ba Làng năm 1949-1950, một vị chân tu, hiền lành và đạo đức cũng bị sát hại một cách dã man trong tù.

Một cuộc cải cách tàn bạo, dã man nhất trong lịch sử Việt Nam từ hồi lập quốc do chính người Việt Nam để đàn áp chính người Việt Nam, tại sao có thể thành công được? Câu trả lời nằm trong chiến lược và sách lược của Việt cộng trong Cải cách Ruộng đất.

III. Chiến lược và Sách lược Cải cách Ruộng đất

Những cuộc nghiên cứu qua các nhân chứng của cuộc Cải cách Ruộng đất đã cho người ta một tầm nhìn sâu và rộng đối với quan niệm chiến lược của Việt cộng. Một số cán binh Việt cộng xâm nhập từ Bắc vào Nam và sau đó ra hồi chánh đã cung cấp những dữ kiện vừa phong phú, vừa chi tiết và cụ thể giúp ta nhìn thấy những đường đi, nước bước có lớp lang của Việt cộng, những chuẩn bị rất

công phu, những mưu mô lừa bịp tinh vi, che mắt ngay cả những đảng viên Việt cộng từng vào sinh ra tử trong kháng chiến.

Hồi chánh viên Nguyễn Văn Thân, Kỹ sư Thuỷ lợi, thuộc Bộ Thuỷ lợi Bắc Việt, trước kia đã tham gia Cải cách Ruộng đất tại Xóm Chuối tỉnh Ninh Bình, tóm tắt quan niệm chiến lược của Việt cộng như sau:

"*Theo tài liệu của Đại hội Đảng chuẩn bị cho Cải cách Ruộng đất thì việc đấu tranh giai cấp giữa địa chủ và nông dân đã được đặt ra ngay từ khi thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Họ nhận xét rằng từ 90% đến 95% dân chúng Việt Nam là nông gia chuyên nghiệp, và trong số này thì chỉ có khoảng 5% là địa chủ phú nông, còn đa số đều là kẻ làm thuê, làm mướn, tá canh, tá điền; do đó, nếu muốn làm cách mạng xã hội, họ phải lôi cuốn được khối đa số đó, phải thỏa mãn khối đa số đó bằng quyền lợi để sau này nắm chặt khối đa số đó bằng sắt máu*...".

Lời tiết lộ ở trên chẳng những tóm tắt quan niệm chiến lược mà còn phát hiện cả sách lược của Việt cộng. Như ta đã từng định nghĩa: **Chiến lược là toàn bộ một kế hoạch nhằm vận dụng sức mạnh căn bản để đánh trúng địch bằng những đòn chí tử cho tới khi nó gục ngã.**

Và sách lược cũng là toàn bộ một kế hoạch như chiến lược, duy có một điểm khác là để đạt mục tiêu, toàn bộ kế hoạch sử dụng những mưu kế để **lừa địch, dụ khị địch và qua mặt địch**.

Khi quan niệm rằng đa số dân Việt Nam là nông dân và đa số nông dân là khối người nghèo và cần phải lôi cuốn được đa số đó, Việt cộng đã nói lên được khía cạnh chiến lược của vấn đề. Sau hết, khi chủ trương phải thỏa mãn khối đa số đó bằng quyền lợi để sau này nắm chặt khối đa số đó bằng sắt máu, Việt cộng nói lên khía cạnh sách lược tức là phương án lừa bịp và dụ khị, qua mặt địch. Lừa bịp, dụ khị và qua mặt địch như thế nào thì đó là những chi tiết kế hoạch sẽ được trình bày trong nhiều bài sắp tới....

II- Những giai đoạn "Đấu tranh" trước 1954

Đại cương

Trong kế hoạch nắm vững toàn bộ nông thôn miền Bắc, Cộng sản phải tiến qua nhiều giai đoạn, theo một kỹ thuật tinh vi bắt đầu bằng cuộc Cải cách Ruộng đất được Đảng mệnh danh là "một cuộc cách mạng long trời lở đất" mà hậu quả là khiến cho người dân trở thành một đoàn người khiếp sợ Đảng, đến độ bảo sao cắm đầu nghe vậy, không dám oán than ngay cả với người thân trong gia đình.

Nhưng, bắt đầu một cách rất nhẹ tay, năm 1951, CSVN lập ra một thứ thuế nông nghiệp đánh vào tất cả những ai có ruộng, vườn trồng trọt được hoa màu. Đến năm 1952-1953 là giai đoạn áp dụng chính sách giảm tô mà thí điểm là khu Tư như Hoàng Hoá, Phú Thiện và vùng Trung du Bắc Việt như Bắc Giang, Phú Thọ, v.v... Chính sách giảm tô đã làm cho hàng ngũ địa chủ kinh sợ, xuống tinh thần. Các tầng lớp phú nông, trung nông lo lắng, và sốt sắng tham gia cách mạng để cầu an vì sợ bị xếp hạng vào thành phần địa chủ. Trái lại, các tầng lớp bần nông, cố nông thì sung sướng, thỏa mãn. Đến năm 1954, chính sách được áp dụng ở Nghệ An và Trung du Bắc Việt, mặc dầu ở mức tương đối tàn bạo, nhưng so với năm 1956 hãy còn được coi là... ôn hòa.

Từ 1954 đến 1955, chính sách Cải cách Ruộng đất tạm ngưng tiến hành vì Việt cộng đặt nặng vấn đề chống phong trào di cư, tranh thủ quần chúng để giữ dân ở lại.

Tới giữa năm 1955, cuộc di cư hoàn tất, việc phân chia lãnh thổ đã rõ ràng, chính quyền Cộng sản bắt đầu áp dụng chính sách Cải cách Ruộng đất trên toàn lãnh thổ Bắc Việt. Việc áp dụng được thi hành theo từng đợt, mỗi đợt từ 1 tới 3 tháng với khẩu hiệu: ***"dựa vào bần cố nông, đoàn kết trung nông, liên hiệp phú nông, đánh đổ toàn bộ giai cấp địa chủ"****.*

Trong phạm vi bài này, ta sẽ nghiên cứu thời kỳ đấu tranh Cải cách Ruộng đất trước năm 1954, và bài kế tiếp sẽ nghiên cứu chi tiết thời kỳ sau 1954....

Dựa theo kinh nghiệm đấu tranh tại Hoa Lục, cuộc Cải cách Ruộng đất tại Bắc Việt lần lượt trải qua các giai đoạn căn bản sau đây:

- Giai đoạn thi hành chính sách thuế nông nghiệp.
- Giai đoạn phóng tay phát động quần chúng đấu tranh chống phản động (đấu tranh chính trị).
- Giai đoạn phóng tay phát động quần chúng đấu tranh giảm tô giảm tức.
- Giai đoạn phóng tay phát động quần chúng đấu tranh CC Ruộng đất.

Nếu hiểu như trên thì, trong Kế hoạch Cải cách Ruộng đất, hai giai đoạn đầu là *phần chìm* hay là phần chuẩn bị, giai đoạn *đấu tranh giảm tô* là phần làm thử để rút tỉa kinh nghiệm, và giai đoạn sau chót là *phần nổi* hay là phần thực hiện. Để nắm vững toàn bộ Kế hoạch Cải cách Ruộng đất của Cộng sản Việt Nam, ta hãy quay trở lại giai đoạn 1951, khi chính sách thuế nông nghiệp mới được ban hành.

I. Chính sách thuế Nông nghiệp

Như đã nói trong bài trước, chính sách thuế nông nghiệp của *Chính quyền Kháng chiến* nằm trong toàn bộ chính sách thuế khoá gồm cả thuế Công nghiệp, Thương nghiệp, Sát sinh, Lâm sản, Thổ sản, Xuất nhập cảng v.v... ra đời từ ngày 1-7-1951 do sắc lệnh số 40/SL. Nhưng, trong tất cả mọi thứ thuế thì thuế Nông nghiệp là nguồn lợi căn bản thay thế các loại thuế có từ trước như thuế ruộng đất, đảm phụ quốc phòng, công phiếu kháng chiến, ủng hộ chiến sĩ mùa đông v.v.... Thuế Nông nghiệp nhằm cung ứng một số lượng lương thực và tài chánh lớn lao cho Việt cộng trong nỗ lực chiến tranh ngày càng cấp bách và nặng nề.

Hai nữa là, một phần của chính sách Cải cách Ruộng đất, thuế Nông nghiệp là một đòn phủ đầu để đánh quỵ những thành phần có nhiều ruộng đất, mà chưa cần dùng tới bạo lực. Một số địa chủ không chịu nổi thuế cao quá, phải tự động hiến ruộng đất cho Đảng và Nhà nước (lúc đó còn mệnh danh là "*Chính quyền Kháng chiến*"). Một số khác, nếu không hiến đất cho Đảng và Nhà nước, dĩ nhiên sẽ không đủ sức nộp thuế theo đúng sự đòi hỏi của Nhà nước. Như thế là chính họ đã gián tiếp kết bản án cho mình trong giai đoạn sắp tới.

Sau hết, trong việc thi hành chính sách thuế Nông nghiệp, Cộng sản để cho dân *bình nghị* lẫn nhau, nghĩa là người nọ ấn định mức lợi tức của người kia để cán bộ dựa vào đó *bổ thuế* theo tỷ lệ thuế của chính quyền. Khi để cho dân chúng bình nghị lẫn nhau, Cộng sản đã tự đề cao là chúng theo *chính sách dân chủ*, nhưng thực ra, dụng ý của Đảng là *mượn tay người để đánh người*, gây mầm đấu tranh căn bản theo chiến thuật của Cộng sản là **"lấy mâu thuẫn diệt mâu thuẫn"**.

Theo tài liệu chính thức, được phổ biến trên tờ *Cứu Quốc* số 2080 ngày 6-7-1952, thì tất cả những nông dân nào có mức lợi tức trung bình từ 71kg gạo một năm trở lên đều phải nộp thuế. Thuế Nông nghiệp là thứ thuế lũy tiến, lợi tức càng lớn thì tỷ lệ thuế càng cao.

Phân hạng Thuế Nông nghiệp		
Phân hạng	**Phân hạng lợi tức trung bình mỗi đầu người**	**Tỷ lệ thuế**
1	từ 71kg tới 95kg	5%
2	96kg - 115kg	6%
3	116kg - 135kg	7%

4	136kg - 155kg	8%
5	156kg - 175kg	9%
6	176kg - 205kg	10%
7	206kg - 235kg	11%
8	236kg - 265kg	12%
9	266kg - 295kg	13%
10	296kg - 325kg	14%
11	326kg - 355kg	15%
12	356kg - 385kg	16%
13	386kg - 425kg	17%
14	426kg - 465kg	18%
15	466kg - 505kg	19%
16	506kg - 545kg	20%
17	546kg - 585kg	21%
18	586kg - 625kg	22%
19	626kg - 665kg	23%
20	666kg - 705kg	24%
21	706kg - 775kg	25%
22	776kg - 805kg	26%
23	806kg - 855kg	27%
24	856kg - 905kg	28%
25	906kg - 955kg	29%
26	956kg - 1005kg	30%
27	1006kg - 1055kg	31%
28	1056kg - 1105kg	32%
29	1106kg - 1155kg	33%
30	1156kg - 1215kg	34%
31	1216kg - 1275kg	35%
32	1276kg - 1335kg	36%
33	1336kg - 1395kg	37%

34	1396kg - 1455kg	38%
35	1456kg - 1515kg	39%
36	1516kg - 1575kg	40%
37	1576kg - 1635kg	41%
38	1636kg - 1695kg	42%
39	1696kg - 1755kg	43%
40	1756kg - 1815kg	44%
41	1816kg trở lên	45%

Theo bảng phân hạng thuế này thì, trên lý thuyết, tỷ lệ thuế tối đa là 45% mức lợi tức trung bình, nhưng trên thực tế, qua kỹ thuật "bình nghị", chính quyền có thể khiến một người khá giả phải đóng thuế tới... 100% lợi tức. Ví dụ: Mức lợi tức trung bình của nông dân A là 1800kg, chính quyền có thể vận động để dân "bình nghị", gán cho nông dân A mức lợi tức là... 4000kg và khi phải đóng theo tỷ lệ 45% thành 4000 x 45/100 = 1800kg, thế là nông dân A bị phá sản, vì làm được bao nhiêu phải nộp thuế hết.

Trước khi bình nghị, cán bộ Đảng lãnh đạo việc "*phân mảnh định hạng*" tức là xếp hạng từng mảnh ruộng tùy theo đất cao, thấp, tốt, xấu theo thứ tự A, B, C v.v....

Kỹ thuật bình nghị gồm có "*bình sản lượng*" và "*bình diện tích*". Khi đã "phân mảnh định hạng" xong, cán bộ thuế triệu tập nông dân, gồm tá điền và chủ điền, để "bình sản lượng", tức là ấn định mức năng suất của một mảnh ruộng. Điểm cốt yếu của kỹ thuật "bình sản lượng" là Đảng dùng những phần tử cốt cán là các tá điền có đảng tịch, hoặc có cảm tình với Đảng để "bình sản lượng".

Những người này xác nhận mảnh ruộng do mình canh tác có một sản lượng thật cao. Dĩ nhiên, người chủ điền hay những người có mảnh ruộng kế cận, cùng một hạng, phải chấp nhận mà không có cách gì thanh minh; bởi vì, trên danh nghĩa, người tá điền là người trực tiếp cày cấy trên mảnh ruộng và biết được năng suất của mảnh ruộng. Nếu người chủ đất khai báo một năng suất thấp, mọi người dễ dàng tin rằng chủ đất đã khai gian để trốn thuế. "Bình diện tích" nghĩa là *xác định lại* diện tích của từng thửa ruộng. *Mặc dù trong trích lục của mỗi thửa ruộng đều có ghi diện tích đó, nhưng cán bộ thuế không chấp nhận, viện cớ rằng nhân viên của Chính phủ Bảo hộ thời xưa đã ăn tiền của chủ điền mà bớt diện tích để bớt thuế*.

Dĩ nhiên, khi "bình diện tích" thì bao giờ thửa ruộng cũng bị gán cho một diện tích lớn hơn, mặc dù không có đo lường chính xác. Sau khi đã "bình sản lượng" và "bình diện tích" thì tổng số thu hoạch của một thửa ruộng chính là sản lượng nhân với diện tích. Ví dụ: Một thửa ruộng có diện tích 3 mẫu và có sản lượng 2 tấn mỗi mẫu, thì tổng số thu hoạch của thửa ruộng là 3 mẫu x 2 tấn/ mẫu = 6 tấn mỗi năm.

Giai đoạn áp dụng chính sách thuế Nông nghiệp đã hoàn toàn thành công, với kết quả là chính quyền vơ vét được một số lượng tài lực lớn lao, đồng thời gây nên được mầm mống mâu thuẫn "bình nghị".

Tới đây, ta cần ôn lại một số danh từ và lề lối làm ăn sinh sống của nông dân trong giai đoạn Cải cách Ruộng đất của Việt cộng. Những danh từ như *tá điền, điền tốt, bần cố nông, bần nông, trung nông, phú nông, địa chủ* là những danh từ chỉ các loại nông dân chuyên nghiệp tùy theo mức độ tài sản mà họ có.

Một *bần nông*, theo định nghĩa của Việt cộng, là một nông dân nghèo không có đất đai để cày cấy, hoặc chỉ có mấy sào ruộng là tối đa. Một *bần cố nông* là một người suốt đời chỉ là một nông dân nghèo (vô sản). Một *trung nông*, theo định nghĩa của Việt cộng, là một người có một vài mẫu ruộng trở lại. Một *phú nông* là người có cả chục mẫu ruộng trở lên. Một trung nông hay phú nông có thể là một *địa chủ* nếu người đó không trực tiếp canh tác mà thuê người khác làm cho mình. Một *điền tốt* là một nông dân đi làm công cho một địa chủ và được trả công như một người thợ. Một *tá điền* là một nông dân mướn đất của địa chủ với điều kiện phải trả một mức lời nào đó cho địa chủ, theo từng mùa canh tác. Số lời đó được gọi là *địa tô* và lối làm ăn như thế gọi là "*tá canh*" hay "*làm rẽ*". Số lời (địa tô) chia cho chủ đất có thể dưới hình thức tiền bạc hoặc hoa màu; ví dụ như trong giai thoại ông Trạng Quỳnh cấy rẽ đất của Bà Chúa (có lẽ thời Vua Lê, Chúa Trịnh). Những nông dân trực tiếp canh tác đất của mình thì gọi là "*trực canh*".

Trong thời kỳ chiến tranh Việt-Pháp, một số đông nông dân bỏ vùng mất an ninh để về **Tề**, và Việt Minh đã khuyến khích những người khác chiếm hữu đất đai bỏ lại để canh tác. Tình trạng này được gọi là "*chiếm canh*", một vấn đề tế nhị về chính trị, đã được chính quyền Quốc gia dưới chế độ Bảo Đại giải quyết bằng cách chấp nhận cho những người chiếm canh được hưởng toàn bộ hoa lợi do họ làm ra, tuy nhiên quyền sở hữu đối với ruộng đất vẫn thuộc chủ đất nếu họ trở về canh tác (*Thông điệp đầu Xuân Ân lịch 1951 của Quốc trưởng Bảo Đại*).

Vấn đề định nghĩa các thành phần bần nông, trung nông, phú nông và địa chủ là vấn đề rất quan trọng đối với Việt cộng trong việc **ngầm xác định** ai là *đối tượng cần liên hiệp* và ai là *đối tượng cần tiêu diệt* trong giai đoạn đấu tranh chính trị sắp tới. Gọi là **ngầm xác định** vì, trong giai đoạn "Thuế Nông nghiệp", Việt cộng chưa công khai hoá chủ trương *tiêu diệt địa chủ* mà chỉ nhắm vào một số nạn nhân có tính cách điển hình, và "tội danh" của họ dựa trên "căn bản pháp lý" của Thuế Nông nghiệp, chứ không phải trên căn bản thành phần *giai cấp*.

II. Giai đoạn đấu tranh chính trị

Như đã nói trong giai đoạn thi hành Thuế Nông nghiệp, Việt cộng đã dùng đảng viên xúi giục một số nông dân, nhất là bần nông làm tá điền, gán cho những thửa ruộng mà họ cày cấy có một năng suất rất cao, khiến cho người chủ đất phải trả một số thuế nhiều khi tới 100% hoặc trên 100% số thu hoạch.

Người chủ đất nạn nhân chỉ có hai sự lựa chọn, hoặc chịu đầu hàng bằng cách *hiến đất* cho Đảng và Nhà nước (lúc đó còn mệnh danh là "Chính quyền Kháng chiến"), hoặc ỳ ra đấy vì không đủ sức nộp thuế theo đúng sự đòi hỏi của Chính sách Thuế Nông nghiệp. Bằng cách thứ hai, họ đã tự kết bản án cho mình trong Giai đoạn Đấu tranh Chính trị mà VC gọi là **"phát động quần chúng đấu tranh chống phản động"**.

Trong giai đoạn "phát động quần chúng đấu tranh chống phản động", Đảng Cộng sản nhắm vào ba mục đích chính yếu.

Mục đích thứ nhất là Đảng dùng bạo lực của quần chúng để đánh quỵ bớt một số phần tử lừng khừng chống đối nguy hiểm, trong đó có một số địa chủ, nhưng Đảng chưa để lộ kế hoạch đấu tranh giai cấp hạ địa chủ. Tất cả những phần tử bất mãn với chính sách của Đảng, nhất là chính sách Nông nghiệp đều bị *quy* tội "phản động", "thông với giặc".

Mục đích thứ hai là Đảng chuẩn bị kỹ thuật đấu tranh bạo lực, luyện tập cho cán bộ quen với các kỹ thuật *xâm nhập, khai thác mâu thuẫn, đấu tranh bạo động* dành cho cuộc Cải cách Ruộng đất.

Mục đích thứ ba là Đảng muốn vơ vét dân công và tân binh, đồng thời làm áp lực thu thuế Nông nghiệp. Đảng đã đạt được mục đích này vì nhiều người bở vía trước cuộc đấu tranh bạo lực đã xung phong đi dân công hoặc đi tân binh, giúp Đảng giải quyết được nhu cầu cấp bách của chiến tranh.

Cuộc "phát động quần chúng đấu tranh chống phản động" đã lấy đề tài Thuế Nông nghiệp và Đảng muốn nhóm họp Đại hội Nông dân để nêu câu hỏi: "Tại sao có người chưa thanh toán thuế?"

Anh Nguyễn Văn Thân, một hồi chánh viên, đã kể lại một cách tóm lược nội dung một buổi Đại hội Nông dân như sau:

"*Chủ tọa của buổi họp là những phần tử nông dân cốt cán, nghĩa là đảng viên hoặc cảm tình viên, và họ đã nắm trong tay một danh sách những phần tử cần phải triệt hạ. Khi nêu câu hỏi về việc thiếu thuế Nông nghiệp, chủ tọa đoàn kêu tên một người thiếu thuế và ra lệnh du kích trói nạn nhân lại, treo lên, rồi dùng cực hình tra tấn, đánh đập, mớm cung để nạn nhân khai tội "chủ mưu xúi giục" cho những người có tên trong danh sách có sẵn, tức là sổ đen của Đảng. Nhờ kỹ thuật này, Đảng đã bắt đầu bằng một người thiếu thuế Nông nghiệp mà kết tội những phần tử đối lập chính trị nằm trong sổ đen, không nhất thiết phải là những người thiếu thuế. Và, tất cả những tội nhân, sau khi bị đánh đập tra tấn theo kỹ thuật mớm cung, lần lượt từ người này chuyền lan tội lỗi sang người khác, họ bị giam giữ để chờ ngày ra Tòa án QS tỉnh*".

Tóm lại, một nông dân thiếu thuế Nông nghiệp được dùng làm đầu mối để triệt hạ những kẻ đối lập bị Việt cộng mệnh danh là "việt gian", "phản động" hay "theo Tây". Đó là điểm mấu chốt của phong trào "phát động quần chúng đấu tranh chống phản động".

Cuộc "đấu tranh chống phản động" được phát động vào khoảng cuối năm 1952, đầu năm 1953, đã làm nông thôn kinh hoàng nghẹt thở. Và kế tiếp theo đó, Đảng cho phát động "*đấu tranh giảm tô*" vào khoảng tháng 4-1953.

III. Đấu tranh giảm tô

Cuộc "*phóng tay phát động quần chúng đấu tranh giảm tô giảm tức*" là cuộc thí nghiệm thực sự của kỹ thuật Cải cách Ruộng đất theo phương pháp Cộng sản.

Để phát động đấu tranh, Đảng tổ chức những "*Đội đấu tố*", gồm những cán bộ đã được Trung Cộng huấn luyện, và gửi họ *xâm nhập* vào làng. Những "Đội đấu tố", này về sau trở thành các "*Đội Cải cách Ruộng đất*", đã giả dạng làm nông dân và được các Ủy ban Hành chánh làng, xã giới thiệu tới cư ngụ tại những gia đình nghèo nhất trong xã.

Các Đội này áp dụng một kỹ thuật tâm lý chiến rất tinh vi để mua chuộc cảm tình những gia đình nông dân nghèo nơi họ cư ngụ, đó là kỹ thuật **tam cùng**: *cùng ăn* (góp phần ăn chung), *cùng ở* (cùng ở chung một nhà) và *cùng làm* (mà không lấy công). Đây là

giai đoạn chuẩn bị đấu tranh, một giai đoạn quan trọng nhất, gồm ba mục tiêu:

- Mua chuộc tình cảm nông dân nghèo.
- Gây căm thù giữa các nông dân nghèo đối với địa chủ và xúi giục họ đấu tranh.
- Điều tra tỉ mỉ các gia đình khác trong làng, xã.

Kỹ thuật "tam cùng" này rất thành công. Sau khi đã chịu sống cực khổ với bần nông, giúp đỡ tận tình trong mọi công việc, mua chuộc được cảm tình của bần nông, "cán bộ tam cùng" bắt đầu rỉ rả nhồi sọ, tuyên truyền cho bần nông căm thù địa chủ là chính địa chủ đã gây nên cảnh cùng khổ cho họ. Sau khi gây được căm thù, cán bộ tam cùng phải thuyết phục bần nông đứng lên đấu tranh tiêu diệt địa chủ.

Khi đã thuyết phục được một bần nông chịu đứng lên đấu tranh với địa chủ, cán bộ gọi là đã "*xây dựng được một rễ*". Một "*rễ*" phải ưu tiên là một *thân nhân gần nhất* của địa chủ có tội, chẳng hạn như là vợ bé, con gái, con nuôi, hoặc gia nhân,... vì trong trường hợp như vậy, những lời tố cáo (vu oan giá họa) của "rễ" đối với địa chủ sẽ gây được xúc động tâm lý mạnh mẽ hơn. Nếu không tìm được người có liên hệ gần với địa chủ thì phải tìm người có liên hệ xa, và nếu cùng quá không tìm được người có liên hệ xa gần thì mới phải tìm người ngoài để "xây dựng rễ".

Khi đã xây dựng được 1 rễ, lại có thể móc nối thêm các rễ khác làm thành 1 "*chuỗi rễ*". Trong trường hợp cán bộ không thuyết phục được 1 "rễ" thuận ý đấu tranh với địa chủ, cán bộ nói là "*gặp phải rễ thối*". Sau bao nhiêu công lao "tam cùng", họ lại phải đi tìm 1 "rễ" khác.

Anh Nguyễn Văn Thân, và một số nhân chứng hồi chánh viên khác, đã kể lại những mẩu giai thoại bi hài về "Đấu tranh giảm tô" như sau: "*.... Cảnh sống tam cùng đã đưa đến nhiều bi-hài kịch: Có khi đội viên là một chàng trai mà gia đình bần cố lại có con gái lớn nên chuyện hủ hóa đã xảy ra; hoặc giả khi người nghèo khổ nhất làng lại là một bà cụ già bị bệnh thần kinh, ăn nói bất nhất, hoặc một người có lương tâm tốt nên dù đội viên Cải cách Ruộng đất có cố gắng đến mấy, họ cũng không thể hoặc không chịu đứng ra tố người địa chủ, nhất là khi họ đã từng chịu ơn của người địa chủ đó. Vì vậy mới có danh từ "rễ thối" để chỉ các loại này...*".

Sau khi đã chuẩn bị xong các nhân vật chính trong cuộc đấu giảm tô, các Đội Cải cách Ruộng đất mới ra mắt công khai tại làng, xã, và lập tức, các cơ cấu tổ chức cũ như Ủy ban Hành chánh xã v.v... đều bị giải tán để giao quyền hành lại cho Đội và những phần

tử cốt cán đảm nhiệm. Làng xã lúc đó lập tức bị phong tỏa, chỉ riêng Đội Cải cách có thể liên lạc bằng đường dây điện thoại với trung ương hoặc cấp trên của họ là Đoàn Cải cách Ruộng đất. Các địa chủ liền bị cô lập, giam lỏng hoặc bị quản chế thực sự, tài sản của họ bị niêm phong.

Tất cả gia đình của địa chủ cũng bị cô lập, bị khủng bố tinh thần, bị nhục mạ, trẻ con được xúi giục ném đá, đánh đập gia đình địa chủ mà họ không có quyền phản ứng lại, người lớn được quyền chửi bới gia đình địa chủ mỗi khi gặp mặt. Chẳng những gia đình địa chủ lâm vào cảnh cùng đường, mà thân nhân, bạn bè cũng bị đẩy vào tuyệt lộ. Những người này, nếu còn giữ cảm tình với gia đình địa chủ, tìm cách ngấm ngầm giúp đỡ hoặc bênh vực địa chủ mà bị Đội Cải cách phát giác là sẽ bị ghép vào tội "*Liên quan phản động*".

Phần chính của tấn kịch Đấu giảm tô là phần "*Thoái tô*", "*Đấu địa chủ"* và "*Xử án địa chủ*".

Ta biết rằng việc giảm tô đã được "Chính quyền Kháng chiến" quy định bằng Sắc lệnh số 78/SL ngày 14-07-1949 ấn định một mức chung là giảm đi 25%. Điều này có nghĩa là ưu đãi các tá điền và theo luật mới, địa chủ phải giảm bớt số lời ("địa tô") đánh trên tá điền.

Vì lề lối làm việc luộm thuộm ở nông thôn, khi địa chủ giảm tô cho tá điền chẳng hề có việc ghi biên lai làm bằng chứng. Vì thế, 4 năm sau, khi có phong trào Đấu giảm tô, địa chủ bị coi như không hề giảm tô cho tá điền theo như sắc lệnh, và Đội Cải cách hướng dẫn tá điền "khai nợ" để đòi địa chủ phải "Thoái tô" cho tá điền, nghĩa là hoàn trả cho tá điền số địa tô thặng dư mà địa chủ đã lấy một cách trái phép (theo sự "mớm cung" của cán bộ Cải cách và sự khai gian của tá điền). Số nợ "thoái tô" này nhiều hay ít là do Đội ấn định trước, tùy theo số tài sản, nữ trang của địa chủ mà "Đội" đã điều tra biết được.

Sau khi "xây dựng" xong "chuỗi rễ" và trước khi địa chủ bị đem ra tố khổ, đội viên Cải cách phải nhồi sọ "chuỗi rễ" qua một khóa học về "Tội ác của địa chủ", dạy họ cách nói, cách kể tội... với những bằng chứng ngụy tạo, như lời anh Nguyễn Văn Thân thuật lại dưới đây:

"*.... Chủ yếu là dạy họ tả chân với những chứng tích cụ thể* (nhưng gian trá) *để làm xúc động quần chúng. Thí dụ như một cái sẹo cũ bị ngã từ hồi còn bé sẽ được trình bày là vết dao chém của địa chủ ác ôn, hoặc cặp mắt bị kèm nhèm, mù lòa vì bệnh đau mắt hột hay lông quặm* (trichiasis) *sẽ dùng để tố là địa chủ ác ôn bắt thức khuya, dậy sớm chăn heo, nuôi gà, không cho ngủ... Hoặc nếu một*

bà lão rụng tóc hết vì già hay vì bệnh hoạn thì sẽ dùng chứng tích này để tố địa chủ nắm tóc giựt, đánh đập.... Nếu là phụ nữ thì sẽ tố rằng bị địa chủ hiếp dâm hàng trăm lần v.v...".

Sau khi lập xong "bảng tội ác" của từng địa chủ, các đội viên Cải cách bắt đầu tập dượt các "chuỗi rễ" cho thuần thục về "Cách tố khổ địa chủ trước quần chúng", y như như công việc của Đạo diễn và Diễn viên trước khi trình diễn. Họ phải học tập từ cách ăn nói, tới điệu bộ... trước một hình nộm địa chủ. Tiếp đó, đội cải cách mới công bố "Ngày đấu tố".

"*.... Trong thời gian này, dân làng rất sợ sệt và ngoan ngoãn, nhất là các thành phần trung nông và phú nông, bảo họp là họ đi họp, bảo khóc là họ khóc, bởi ai cũng sợ bị* **"nâng"** *lên thành phần địa chủ. Đại hội họp mấy đêm liền, mỗi đêm sẽ có một "rễ" chính lên tố khổ kể tội địa chủ với sự phụ họa của một vài "rễ" phụ. Đại hội này được gọi là* **"ôn nghèo kể khổ"**. *Trước khi lập báo cáo, Đại hội được xem trình chiếu phim "Bạch Mao Nữ"* (một nhân vật với cốt truyện của Trung Quốc)*. Truyện phim nói về một cô gái đi ở cho địa chủ, sau bị tên này hiếp dâm, áp bức, hành hạ, nên cô ta phải trốn lên núi theo "Cách mạng" cho đến khi Đội CCRĐ về làng, cô mới trở lại thì tóc cô đã bạc trắng.*

"Ảnh hưởng của cuốn phim đã tác động sâu đậm trong tâm lý quần chúng nông thôn chất phác. Họ đã xúc động, khóc thật sự trước cảnh dã man, tàn ác của tên địa chủ trong phim ảnh vừa chiếu thì, ngay sau đó, Đội Cải cách liền đưa các "rễ" ra trình diện nông dân và kể khổ. Thế là khí thế sắt máu của giai cấp bần cố nông nổi dậy theo tiếng khóc, tiếng kể lể của các "rễ", đã được Đội cho học tập từ trước. Khí thế ghê rợn đó đi từ việc hô các khẩu hiệu **"đả đảo địa chủ cường hào"** *đến việc ký tên vào quyết nghị xin xử tử hoặc kết án tù tên địa chủ cường hào đó. Thư ký Đội Cải cách sẽ lập biên bản phiên Đại hội, lập báo cáo điển hình và trình lên Đoàn ủy duyệt lại để xin quyết định của Trung ương. Mấy hôm sau, Đoàn gửi công văn xuống chỉ thị rằng Trung ương đồng ý với bản án của... toàn dân đưa ra.*

"Sau đó là việc tổ chức "Pháp trường đấu". Các đội viên Đội CCRĐ sẽ không tham dự nữa mà phải xây dựng (huấn luyện, nhồi sọ) *cho các gia đình bần cố "chuỗi rễ" làm việc đấu tố, và lập Tòa án nhân dân, gồm có: Chủ tịch đoàn và các Ủy viên Hội đồng Tòa án là các thành phần "chuỗi rễ" đã được các đội viên "xây dựng", không có Luật sư bào chữa cho bị can, có Đoàn ủy và chính quyền địa phương tham dự. Bị can là các địa chủ cường hào đã bị giam từ trước và đến khi đó, bị giải ra "đấu trường" tại sân đình hay sân*

trường làng, toàn thể dân làng đều phải có mặt và tập trung theo thành phần để tham dự. Trong phiên đấu này, các "chuỗi rễ" đã được huấn luyện cũng lại đứng ra kể tội, tố một cách tóm tắt hơn, và sau đó, vì không có Luật sư nên "Tòa" cho phép "bị can" tự bào chữa; tuy có hình thức "dân chủ" như thế, nhưng thực ra, bị can chỉ còn cách cúi đầu nhận tội. Nếu người nào ngoan cố không nhận, hoặc nói sai ý của Chủ tịch đoàn thì lập tức Chủ tịch đoàn hô khẩu hiệu đả đảo và nông dân tham dự ở dưới hô theo để áp đảo tinh thần bị can và cấm không cho bị can nói tiếp. Sau đó, Chủ tịch đoàn chỉ việc tuyên án bị can theo một bản án đã do Trung ương định sẵn".

Đoạn dưới đây thuật lại một cuộc đấu tố với những tội nhân điển hình tại Xóm Chuối, tỉnh Ninh Bình, khi Đội Cải cách về làng và anh Nguyễn Văn Thân được cử làm thư ký Đội:

"*.... Đoàn tôi về thi hành chính sách tại Ninh Bình. Đoàn trưởng là anh Thu, đã từng là Chính ủy Trung đoàn và lúc đó đang làm Tỉnh ủy viên. Tôi thuộc Đội 6. Đội trưởng là chị Văn, lúc đó mới 20 tuổi, mồ côi, đi ở đợ cho địa chủ từ nhỏ và đã tham gia Cải cách Ruộng đất các đợt 1, 2, 3 và 4 với tư cách "rễ". Đợt này là đợt thứ 5 chị được đề cử làm Đội trưởng. Về văn hoá, chị chỉ biết ký tên mà thôi, nhờ chúng tôi dạy cho chị. Đội chúng tôi được cử về Xóm Chuối, tỉnh Ninh Bình. Xóm này rất nghèo, số gia đình có khoảng trên 100, và thực tế thì chúng tôi chỉ thấy có 3 gia đình tạm gọi là khá giả, nghĩa là có từ 10 đến 15 mẫu ruộng, có ao, có vườn. Thứ nhất là gia đình ông Quản Năm, có con là Thiếu tá Trung đoàn phó 3/14, có 15 mẫu ruộng, con cháu đông nên chỉ mướn 3 anh tá điền làm công. Chúng tôi về "xây dựng" 3 anh này để đứng ra tố ông Quản Năm, nhưng 3 anh không chịu, nên sau phải vận động cô cháu họ của ông cụ tên là Min đứng ra đấu. Gia đình thứ hai có 10 mẫu ruộng, nhưng lại giao cho người cháu quản lý, còn chính gia chủ lại đi buôn bán ở thị xã Hà Nam, có con đi bộ đội chết* (tử sĩ); *sau, người cháu sợ bị ghép tội "Liên quan phản động" nên đứng ra đấu tố gia đình ông này. Gia đình thứ ba là gia đình bà Quản Hảo, một thành phần địa chủ mới giàu do công khó làm ăn vì ruộng đất toàn do con cái tự canh tác, không mượn người. Đội tôi đưa cháu gái đứng ra tố bà cô.*

"Sau khi tìm được ba địa chủ, xây dựng được "chuỗi rễ", Đội tôi làm báo cáo điển hình về Đoàn xin duyệt y, nhưng Đoàn không chấp nhận vì chưa đạt tiêu chuẩn tỷ lệ là 5% và Đội tôi phải "cố" làm sao để nâng số gia đình địa chủ lên 5 người. Làm đi làm lại, Đội tôi đành chịu thua nên Đoàn phải cử một anh cố vấn tên Thanh về để giúp giải quyết. Anh Thanh này có thành tích ***chuyên môn phát hiện địa chủ***; *nên sau khi có sự giúp đỡ của anh ta, chúng tôi có thêm hai gia*

đình địa chủ nữa để đấu tố. Hai gia đình này chỉ có một hai mẫu ruộng, nhưng có xe đạp, có con đi học ở Hà Nội, và nhất là một trong hai gia đình địa chủ có lần đi lính cho Pháp trước rồi sau về làm Phó lý tên gọi là Phó Hội Kha.

"Khi đã xây dựng đủ số 5 gia đình cường hào địa chủ, chúng tôi lập báo cáo và khi đó Đoàn mới duyệt phương án và đòi phải có ít ra là 2 cường hào ác bá phải bị xử tử. Chúng tôi định đưa bà Phó Hội Kha ra làm vật hy sinh vì ông chồng bà trước kia đi lính cho Pháp và làm Phó lý, tuy nay đã chết, nhưng nợ máu vẫn còn và bà vợ phải trả. Nhưng, bà Phó Hội Kha nghe được tin này đã thắt cổ tự tử trước khi bị chúng tôi đưa ra đấu trường. Tuy vậy, khi lập Tòa án Nhân dân, bà Phó Hội Kha vẫn bị xử khuyết tịch và bị tịch biên gia sản để trả lại cho nông dân.

"Riêng tôi được phân công "bắt rễ" với một bà 55 tuổi, không con, có họ với ông Quản Năm. Bà này bị bệnh thần kinh nhẹ. Tôi đã phải áp dụng kỹ thuật "tam cùng" thật là khổ sở: ăn đói, ngủ thiếu, làm khổ, nên trong thời gian này, tôi bị sút năm, sáu kí-lô, và điều nản nữa là bà này lại là một "rễ thối", nghĩa là bà ta chẳng nói, chẳng hiểu và chẳng làm gì cả. Sau, tôi phải bỏ lờ bà ta để tìm một "rễ" khác để xây dựng, đó là anh Thà, một thanh niên tá điền, cờ bạc, rượu chè nên rất căm thù ông Quản Năm. Rồi cô cháu họ của ông Năm, tức chị Min, tố bị ông hiếp tất cả 17 lần.... Mặc dù các gia đình này có con là bộ đội cũng vẫn bị tố như thường, mà khi con về còn bị Đội Cải cách bắt vì nghi là về liên lạc với địa chủ...".

Tóm lại, "Đấu giảm tô" chính là một giai đoạn thực tập thí nghiệm cho chiến dịch "Đấu tranh Cải cách Ruộng đất". Phong trào Đấu giảm tô đã thực sự sử dụng đến bạo lực của nông dân, đã thực sự gây chém giết, đổ máu và tỏ ra thành công hơn giai đoạn "Đấu tranh chống phản động" nhờ đã rút tỉa được nhiều kinh nghiệm hơn. Trong giai đoạn đấu tranh chống phản động, qua kỹ thuật "mớm cung" theo dây chuyền, nhiều nạn nhân đã khai lung tung ra ngoài sự dự liệu của cán bộ Đảng khiến cho Đảng không nắm vững được phong trào. Trong giai đoạn đấu tranh giảm tô, những người đứng ra tố cáo đã được cán bộ huấn luyện, giáo dục, nhồi sọ và chuẩn bị rất kỹ lưỡng tới mức hoàn hảo.

Một điểm rất quan trọng đáng lưu ý ở đây là **quy tắc kích tỷ lệ**. Đảng đã nhắm đến trong giai đoạn đấu tranh giảm tô là không phải chỉ riêng địa chủ mới bị xử tử mà cả những người có một, hai mẫu ruộng cũng phải lãnh những phát đạn kết liễu cuộc đời, vì bị kết vào những tội phản động, phản quốc, thông đồng với giặc Pháp v.v....

Làm như vậy, Đảng đã gián tiếp cảnh cáo những phần tử phú nông và trung nông khác phải coi chừng, đừng có nho nhoe chống đối.

Cuộc Đấu tranh Giảm tô đã kéo dài tới đầu năm 1954 thì tạm thời được ngưng lại khi Chiến trường Điện Biên Phủ đi vào giai đoạn nghiêm trọng và quyết định.

Nói tóm lại, cuộc Cải tạo Nông nghiệp tại miền Bắc bắt đầu vào năm 1951 với chính sách Thuế Nông nghiệp, trùng hợp với giai đoạn Tổng Phản công trên phương diện quân sự với các trận đánh lớn như trận Vĩnh Yên (khai diễn ngày 13-01-1951), trận Mao Khê (khai diễn đêm 23 rạng ngày 24-03) và trận Sông Đáy (khai diễn ngày 29-05). Sự trùng hợp này giải thích nhu cầu cấp bách trên ba phương diện:

- Động viên nhân lực và tài lực cho chiến tranh.
- Đánh gục các thành phần Quốc gia yêu nước nhưng không ủng hộ Việt cộng dưới danh hiệu Việt Minh.
- Chuẩn bị đánh gục các thành phần Quốc gia yêu nước đang tham gia cuộc Kháng chiến chống Pháp, nhưng có thể trở thành chống lại Việt cộng khi kháng chiến thành công.

Sự chuẩn bị này dành cho giai đoạn sắt máu sắp tới, mà ta sẽ nghiên cứu trong bài báo kế tiếp; trong đó, các câu hỏi sau đây sẽ được giải đáp:

- Việt cộng làm cách nào tiêu diệt các thành phần Quốc gia yêu nước tham gia Kháng Chiến?
- Nhân dân có thái độ như thế nào để chống lại các hành động gian ác của Việt cộng?
- Việt cộng dùng thủ đoạn gì để đối phó với phản ứng của nhân dân?

III- Giai đoạn đấu tranh sắt máu sau 1954

Trận Điện Biên Phủ và Hiệp định Genève 1954 là hai biến cố chính khiến cho chiến dịch Đấu tranh Giảm tô được tạm ngưng. Mặc dầu sau Hiệp định Genève, Việt cộng hoàn toàn làm chủ miền Bắc trong một khí thế đầy phấn khởi, bộ đội Việt cộng về thủ đô với một vinh dự chiến thắng, nhưng Hồ Chí Minh và giới đầu lãnh Hà Nội phải đối phó với nhiều vấn đề cấp bách: Phong trào di cư của gần một triệu đồng bào miền Bắc bỏ trốn Cộng sản vào Nam, việc tập kết khoảng 50 ngàn bộ đội và cán bộ Cộng sản từ Nam ra Bắc tạo nên nhu cầu ổn định tâm lý quần chúng cũng như củng cố an ninh. Do đó, Việt cộng đã dành một thời gian khoảng một năm để chấn chỉnh tình hình nội bộ và chuẩn bị làm nốt phần tối quan trọng của Cải

cách Ruộng đất để bắt đầu công việc xây dựng cơ sở vật chất cho công cuộc xâm lược miền Nam.

Trong phạm vi bài này ta sẽ đi vào các phần chính sau đây:

- Giai đoạn đấu tranh đẫm máu

- Phản ứng của nhân dân đưa đến quyết định sửa sai

- Cuộc đấu tranh tiếp theo của nhân dân miền Bắc

- Những đặc điểm điển hình của giai đoạn Cải cách Ruộng đất 1951-1956 đưa đến chiến dịch sửa sai.

I. Giai đoạn đấu tranh đẫm máu

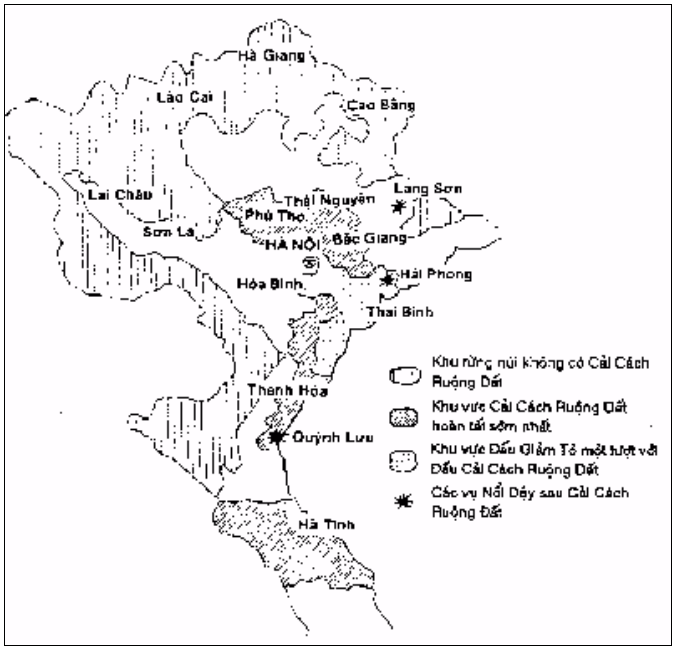

Giai đoạn này bắt đầu vào khoảng giữa năm 1955 trên toàn thể miền Bắc với những trường hợp sau đây:

- Khu rừng núi không có Cải cách Ruộng đất (xem bản đồ).

- Vùng đồng bằng sông Nhị Hà trước kia chưa có đấu giảm tô, thì trong giai đoạn này cả hai cuộc "*đấu tranh giảm tô"* và *"đấu tranh Cải cách Ruộng đất"* được xúc tiến cùng một lượt (xem bản đồ).

Như đã trình bày trước đây, thể thức đấu tranh CCRĐ cũng giống như đấu tranh giảm tô, chỉ khác ở mức độ tàn bạo gia tăng và con số nạn nhân cũng gia tăng do sự "*càn đi quét lại*" và "*kích tỷ lệ*".

Điểm căn bản là sau cuộc cải tạo nông nghiệp, ruộng đất cũng như gia tài sản nghiệp của địa chủ bị tịch thu và được chia cho nông

dân nghèo. Đây chính là cái mồi ngon cuối cùng mà đảng dành cho nông dân suốt trong những giai đoạn đấu tranh đã qua.

Cuộc đấu tranh Cải cách Ruộng đất được Trung ương Đảng giao cho Trường Chinh lãnh đạo qua một Trung ương ủy viên phụ trách là Hồ Viết Thắng; dưới trung ương có các đoàn Cải cách Ruộng đất cho mỗi tỉnh và dưới đoàn có các đội Cải cách Ruộng đất cho mỗi xã. Các đội và đoàn đều trực tiếp nhận lệnh của trung ương mà không cần qua ủy ban hành chánh địa phương. Nguyên tắc chọn lựa các đội viên của đội Cải cách Ruộng đất phải là những thành phần cốt cán, bần cố nông, là đảng viên trung kiên đã chiến đấu trong bộ đội. Đấy là các đội viên của đợt đầu tiên Cải cách Ruộng đất. Sau mỗi đợt, lại có một số thành phần cốt cán bần cố nông khác được bồi dưỡng để trở thành đội viên các đợt sau. Do đó càng về sau, chính sách Cải cách Ruộng đất càng khốc liệt bởi phần đông đội viên toàn là những người trẻ tuổi, cuồng tín được bồi dưỡng tư tưởng đấu tranh giai cấp để căm thù thật sự; và cũng do đó mà vào năm 1956, đợt Cải cách Ruộng đất được phát động lấy tên là đợt Tổng tấn công Điện Biên Phủ đưa số người bị tàn sát lên đến 10 ngàn người, riêng trong đợt này; đội Cải cách Ruộng đất trở thành một công cụ khủng bố ghê gớm khiến nhân dân đồng thanh coi là "*nhất Đội nhì Trời*" mỗi khi đội về làng. Sở dĩ có sự tàn sát ghê gớm như vậy, vì chiến thuật kích tỷ lệ (nâng tỷ lệ) của Việt cộng. Thí dụ: cứ mỗi xã có 100 gia đình thì dù đủ hay không đủ, có hay không có, đội CCRĐ của xã đó phải tìm cho ra ít nhất là 5 gia đình địa chủ (tỷ lệ 5%), nếu hơn càng tốt, và trong số 5 gia đình này phải quy cho được 2 gia đình là cường hào ác bá để xử tử. Nếu đội không làm đủ tiêu chuẩn tỷ lệ sẽ bị phê bình là thiếu ý thức đấu tranh giai cấp, công tác kém, v.v....

Cuộc "*phóng tay phát động quần chúng đấu tranh Cải cách Ruộng đất*" còn là cơ hội để Đảng thực hiện một cuộc thanh trừng quy mô nội bộ Đảng cũng như hàng ngũ kháng chiến, sau khi Thực dân Pháp đã bị đánh bại. Và theo chính sự thú nhận của Việt cộng khi có chính sách sửa sai, trong cuộc thanh trừng này có tới 23 ngàn đảng viên trung kiên bị "*chết oan*", ngoài ra còn bao nhiêu ngàn đảng viên "*không trung kiên*" bị chết "*một cách đích đáng*" thì không thấy có tài liệu chính thức nào của đảng ghi chép cả.

Khi cuộc Cải cách Ruộng đất lên tới mức độ tàn bạo nhất, tức là đợt cải cách Điện Biên Phủ, rất nhiều người thuộc thành phần trung nông, tiểu thương bị "*kích*" lên thành địa chủ phản động và bị đem đấu tố. Thê thảm hơn nữa là những cán bộ cao cấp có công với kháng chiến mà cũng bị kết tội là cường hào ác bá và có chân trong

tổ chức Quốc Dân đảng. Nhân chứng Nguyễn Văn Thân mô tả một cuộc đấu tố chụp mũ như sau:

"*Cuộc đấu tố điển hình nhất mà tôi được dự là lần đấu ông Nguyễn Văn Đô, bí thư huyện ủy tại Ô Cầu Giấy ngoại thành Hà Nội... Nạn nhân Nguyễn Văn Đô là bí thư huyện ủy, rất có công với kháng chiến nhưng lại bị kết tội là cường hào ác bá và có chân trong tổ chức Quốc Dân đảng. Chủ tịch đoàn nói rằng ông lợi dụng chức vụ của Đảng hoạt động cho Quốc Dân đảng. Người đứng kể tội là một nông dân trước kia đi chăn ngựa cho ông Đô. Một cụ già khác lên tố về việc cướp đất ruộng nương và cô con gái của ông lên đấu tố là đã bị ông cưỡng hiếp tất cả là 117 lần, v.v.... Đến khi ông Đô được phép lên phát biểu ý kiến nhận tội, ông đã cứng cỏi trả lời: Ông không phải là Quốc Dân đảng, ông chỉ làm việc cho Bác cho kháng chiến mà thôi. Ông trả lời cô con gái là: "Thưa bà, bà còn quên đấy, tôi đã hiếp cả mẹ bà để đẻ ra bà nữa". Câu trả lời này làm mọi người phải bật cười và làm đấu trường mất vẻ tôn nghiêm, chủ tịch đoàn vội vàng hô khẩu hiệu "Đả đảo tên Đô ngoan cố" để đàn áp và che lấp tiếng nói của ông này. Sau đó họ không cho ông nói tiếp. Họ nghị án và quyết định xử tử ông ngay tại chỗ. Cuộc đấu này kéo dài từ 5 giờ sáng tới 13 giờ, tức 1 giờ trưa mới xong*". (Nguyễn Văn Thân)

Rất nhiều cựu cán bộ Cộng sản có tham dự cuộc Cải cách Ruộng đất đều thắc mắc không hiểu ẩn ý của Đảng khi thẳng tay triệt hạ chính những cán bộ Đảng cao cấp và trung kiên, và triệt hạ luôn cả cơ cấu tổ chức Đảng ở nông thôn, thay vào đấy bằng những thanh thiếu niên bần cố nông từ 15 tới 18 tuổi. Rất nhiều người thắc mắc không hiểu Đảng vô tình hay cố ý giết oan người của Đảng.

Nhưng nếu người ta có cơ hội nghiên cứu kỹ cuộc Cách mạng Văn hóa của Mao Trạch Đông, thì ẩn ý của Đảng trở thành rõ rệt. Đó là chủ trương đấu tranh liên tục trong nội bộ Cộng sản bằng những cuộc thanh trừng đẫm máu. Đảng phải luôn luôn đào thải những cán bộ đảng viên cũ không thuộc thành phần vô sản, những người đã lỗi thời, có thể trở thành nguy hiểm cho đảng vì đã trau dồi những kinh nghiệm đấu tranh, đã có khả năng lãnh đạo, có uy tín, nắm vững tình hình Đảng, quy tụ được thế lực mạnh, và có thể phản Đảng. Thay vì dùng nghị đình, thông tư, sự vụ lệnh để thải hồi những phần tử này, Đảng đã mượn tay quần chúng nông dân để tiêu diệt cho hết hậu họa. Kết quả là chính nạn nhân của Cải cách Ruộng đất cũng không biết được thâm ý của "Hồ chủ tịch" và của "Đảng", mà tưởng rằng cấp dưới làm sai, nên có người khi chết còn tung hô "Hồ chủ tịch".

II. Phản ứng của nhân dân đưa đến quyết định sửa sai

Mức độ sắt máu của Cải cách Ruộng đất đã được chính những tên thợ thơ nô dịch của Việt cộng cổ võ để nịnh Đảng và nạt dân. Tố Hữu, một cán bộ lãnh đạo văn hóa của Việt cộng miền Bắc viết bằng một giọng khát máu:

"Giết, giết nữa, bàn tay không phút nghỉ
Cho ruộng đồng lúa tốt, thuế mau xong,
Cho Đảng bền lâu, cùng rập bước chung lòng
Thờ Mao chủ tịch, thờ Sít-ta-lin... bất diệt."

Còn Xuân Diệu cũng cuồng say với cuộc đấu tố bằng những vần thơ như sau:

Địa hào đối lập ra tro
Lưng chừng phản động đến giờ tan xương
Thắp đuốc cho sáng khắp đường,
Thắp đuốc cho sáng đình làng đêm nay.
Lôi cổ bọn nó ra đây
Bắt quỳ gục xuống, đọa đày chết thôi.

(trích Trăm Hoa Đua Nở Trên Đất Bắc, trang 22 và 23)

Nhưng những vụ tàn sát của Cuộc Cải cách Ruộng đất đã gây xúc động công phẫn mãnh liệt ở khắp mọi nơi. Mặc dầu dân chúng chưa võ trang nổi dậy quy mô, nhưng những vụ phục kích giết cán bộ đấu tố và những vụ chém giết giữa bần cố nông và thân nhân của người bị đấu tố đã xảy ra thường xuyên. Những người bị đẩy đến bước đường cùng đã liều mạng một sống một còn với kẻ thù của mình, bất chấp những đe dọa của Đoàn Cải cách Ruộng đất.

Đúng vào lúc đó, Đại hội Đảng Liên Xô lần thứ 20 đã đem lại một biến cố làm chấn động dư luận thế giới và có ảnh hưởng đến tình hình Việt cộng miền Bắc. Ngày 20-02-1956, Krushchev đọc bài diễn văn trong Đại hội Cộng đảng, công khai lên án bản chất khát máu của Stalin qua những vụ thủ tiêu hàng vạn đảng viên đối lập đồng thời tiết lộ nhiều tội lỗi khác của Stalin, kể cả tội bắt dân Nga sùng bái cá nhân của Stalin như một vị thánh sống.

Cũng trong Đại hội lần thứ 20, Cộng đảng Liên Xô đã sửa đổi "*chủ thuyết Stalin*" bác bỏ chủ trương quá khích của Stalin đòi hỏi "*Cách mạng phải bạo động và càng tiến tới xã hội chủ nghĩa thì đấu tranh giai cấp càng quyết liệt*".

Việc hạ bệ Stalin và việc thay đổi đường lối chính sách tại Liên Xô chỉ là một sách lược lừa địch và dụ khị địch. Trên phương diện đối nội, sau khi lật đổ Beria và Malenkov, phe của Krushchev có nhu cầu đánh gục "*bọn tàn dư*" của khuynh hướng Stalin để củng cố quyền lực cho phe phái của mình, chứ không hề có ý định thực hiện những cải cách dân chủ.

Trên phương diện đối ngoại, sách lược dụ khị của Krushchev nhằm quảng cáo cho món hàng "*sống chung hòa bình*", lôi kéo một số quốc gia Á Phi vào một khối trung lập thân cộng gọi là "*Phi Liên kết*", đồng thời mở đầu cho giai đoạn "*Hòa dịu*" nhằm ru ngủ các cường quốc Tây phương nhất là Hoa Kỳ, với mục đích chính: mượn tiền và kỹ thuật Tây phương để phát triển kinh tế và kỹ thuật Liên Xô, tạo nên phong trào đòi giảm vũ trang tại các nước Tây phương, trong khi Liên Xô ngấm ngầm sản xuất vũ khí hạch tâm chiến lược nhằm đánh thắng trong một cuộc chiến tranh hạch tâm.

Với thâm ý như trên, Krushchev phái Mikoyan sang Hà Nội để giải thích cho Hồ Chí Minh và Việt cộng miền Bắc, về nhu cầu sách lược "*xét lại*". Vào lúc đó, Hồ Chí Minh tâm sự với đàn em rằng "*Khí thế của cuộc đấu tranh Cải cách Ruộng đất đang phừng phừng bốc cháy, không lẽ lại dội một gáo nước lạnh vào đầu cán bộ và anh em nông dân*". Vì thế Việt cộng miền Bắc vẫn bít kín không phổ biến "*chính sách mới*" của Liên Xô. Tuy nhiên, đứng trước những phản ứng bạo động của nhân dân, cũng như những bất mãn của tầng lớp trí thức đã từng tham gia tích cực ủng hộ Việt Minh trong cuộc kháng chiến chống Pháp, vào tháng 3-1956, Hồ Chí Minh đã phải chuẩn bị kế hoạch dừng tay.

Những biến cố trên thế giới và phong trào chống đối trong nước liên tiếp đánh mạnh vào uy tín của Hồ Chí Minh và giới đầu lãnh Việt cộng. Ngày 26-05-1956, Mao Trạch Đông công bố chính sách "*Bách Gia Tranh Minh, Bách Hoa Tề Phóng*" nghĩa là các môn phái tư tưởng được mặc sức phát biểu ý nghĩ của mình như trăm thứ hoa đua nở. Với chính sách mới, giới trí thức Trung Quốc được "*mở mồm nói trong phạm vi có sự kiểm soát của Đảng*".

Ngày 28-06-1956 công nhân Ba Lan sát cánh với sinh viên biểu tình ở Poznan chống lại chế độ độc tài và đòi tự do, cơm áo. Ngày 23-10-1956 công nhân Hung Gia Lợi nổi dậy làm cách mạng ở Budapest khiến Krushchev phải dùng vũ lực đàn áp một cách tàn bạo. Tại Bắc Việt, Hồ Chí Minh cố chờ cho cuộc Cải cách Ruộng đất kết thúc với đợt Điện Biên Phủ, mới ra lệnh đình chỉ mọi vụ hành quyết địa chủ, và tháng 10-1956 Trung ương Đảng Việt Cộng ra nghị quyết "*sửa sai*".

Chiến dịch sửa sai được bắt đầu bằng các đợt học tập dành cho Đảng viên về nghị quyết Đại hội lần thứ 20 của Cộng đảng Liên Xô, đồng thời, báo chí của nhà nước giải thích cho quần chúng về sự thay đổi bên Liên Xô. Tiếp theo đó Hồ Chí Minh chọn Trường Chinh và Hồ Viết Thắng làm con vật tế thần (Trường Chinh mất chức Tổng bí thư đảng, và Hồ Viết Thắng mất chức Thứ trưởng phụ

trách Cải cách Ruộng đất). Mười hai ngàn đảng viên còn sống sót trong tù vì bị kết tội là địa chủ đã được thả ra. Trong số này có nhiều người đã bị kết án tử hình. Hồ Chí Minh đã khóc lóc và đổ tội cho cấp dưới phạm phải sai lầm. Khả năng trình diễn của họ Hồ rất cao khiến nhiều người dân miền Bắc tưởng Hồ khóc thật, và ít nhiều tin vào sự vô trách nhiệm của Hồ.

Trong Hội nghị thứ 10 của Trung ương Đảng, Võ Nguyên Giáp thay mặt Đảng đọc một bản thú nhận những sai lầm trong cuộc Cải cách Ruộng đất. Hội nghị Mặt trận Trung ương họp để nghiên cứu các sai lầm trong cuộc Cải cách Ruộng đất và chính sách sửa sai. Sự sửa sai đưa ra để xoa dịu lòng dân không có nghĩa là chính sách Cải cách Ruộng đất của Đảng sai lầm, và theo như Võ Nguyên Giáp nhận định trong bản báo cáo lên Trung ương Đảng thì thắng lợi cơ bản của cuộc Cải cách Ruộng đất là đã đạt được mục tiêu cốt yếu đề ra, đó là đánh đổ toàn bộ giai cấp địa chủ. Những sự sai lầm, theo Đảng nhận định, là do sự "quá tay" của cán bộ, ví dụ như:

- Phủ nhận thành tích kháng chiến của những người bị đấu tố.
- Không đoàn kết trung nông, liên hiệp phú nông như đã hứa mà lại đẩy họ vào hàng ngũ kẻ thù.
- Xử tử oan người ngay, đả kích bừa bãi, tra tấn đàn áp kẻ vô tội.
- Xúc phạm tới tôn giáo.
- Không nhẹ tay với vùng dân thiểu số.

Hành động "sửa sai" của Việt cộng chỉ là một "sách lược" để đối phó với tâm trạng công phẫn bất mãn của nhân dân, tạo một cơ hội để cho sự công phẫn xẹp xuống, và tránh nguy cơ một cuộc nổi loạn trên toàn miền Bắc. Căn bản của cuộc sửa sai là xác nhận chính sách Cải cách Ruộng đất vẫn là đường lối lâu dài của Đảng và Nhà Nước Việt cộng. Nếu có những "sai lầm" trong việc thi hành chính sách, thì đó là lỗi của một vài cá nhân đã "quá tay" làm nhiều người chết oan, và những cá nhân phạm lỗi khiến hàng trăm ngàn người bị chết oan chỉ bị khiển trách một cách tượng trưng, không có ai bị truy tố ra trước tòa án, không có ai phải đền tội một cách đích đáng. Hồ Chí Minh và giới đầu lãnh Việt cộng ngang nhiên coi việc tàn sát giết người là quyền tự nhiên của Đảng, không cần phải thắc mắc, và nếu có giết oan vài chục ngàn người thì chỉ cần đổ tội cho cấp dưới "lỡ tay", và phủi tay xin lỗi với một thái độ hoan toàn vô trách nhiệm.

Nhưng quần chúng nhân dân miền Bắc không chấp nhận thái độ đó, và họ đã nắm lấy cơ hội "sửa sai" để vùng lên.

III. Cuộc đấu tranh tiếp theo của nhân dân miền Bắc

Lợi dụng hành động phủi tay của Hồ Chí Minh khi đổ tội cho cấp dưới đi quá trớn, các nạn nhân còn sống sót sau đợt đấu tranh CCRĐ đã tìm những cán bộ cải cách để trả thù. Tình trạng rối loạn được mô tả trong cuốn "Trăm Hoa Đua Nở Trên Đất Bắc" như dưới đây:

"*Sau khi các đảng viên trung kiên được tha từ nhà tù về, được khôi phục công quyền, khôi phục đảng tịch và chức vụ thì họ tìm ngay đến các "đồng chí" đã "tố sai" để trả thù. Do đó tình trạng xung đột, giết chóc giữa đảng viên cũ và đảng viên mới lan rộng khắp mọi nơi. Uy tín của Đảng bị sụp đổ, cán bộ đâm ra hoang mang. Trong dịp này nhà văn Nguyễn Sáng có nói một cách hài hước:* ***"Lạc quan sai, bi quan cũng sai, chỉ có hoang mang mới đúng"****. Nhân dân được dịp đòi lại ruộng nương nhà cửa bị tịch thu.*

Ở nông thôn các đảng viên đi họp phải mang búa theo để "thảo luận" với nhau. Những địa chủ được tha về, thấy tình trạng làng xóm như vậy, vội vàng chạy ra thành phố ở nhờ các gia đình "tiểu tư sản" hồi kháng chiến đã trú ngụ tại nhà mình. Các bần cố nông, trót nghe lời Đảng "tố điêu" nay sợ bị rạch mồm, cắt lưỡi, cũng vội vàng chạy ra thành phố để đạp xích-lô và đi ở thuê. Vì vậy nên dân số ở Hà Nội, Nam Định đột nhiên tăng gấp bội và không khí căm thù ở nông thôn lan ra thành phố, lây cho công nhân, tiểu tư sản, sinh viên và trí thức. Đáp lại vụ nổi loạn của nông dân ở Quỳnh Lưu, thanh niên và công nhân "Nam bộ tập kết" đập phá bót cảnh sát Bờ hồ Hà Nội (bên cạnh ga tầu điện, đầu phố Cầu gỗ)".

Tại khắp các vùng nông thôn miền Bắc, đâu đâu người ta cũng thấy những vành khăn tang của thân nhân những người bị giết trong Cải cách Ruộng đất. Cho tới nay, không ai biết được con số chính xác những nạn nhân bị Việt cộng tàn sát. Chỉ có một yếu tố then chốt để giúp người ta ước lượng số nạn nhân đó là yếu tố "*kích tỷ lệ*" được đề cập ở phần đầu. Với dân số miền Bắc vào giai đoạn 1956 khoảng chừng 20 triệu người tức là vào khoảng 4 triệu gia đình nông dân, ta hãy giả sử 2% gia đình nông dân bị liệt vào giai cấp cường hào địa chủ nằm trong sổ đen của Việt cộng. Qua kỹ thuật "*kích tỷ lệ*", những tên cán bộ trung kiên trong các đội cải cách đã thực hiện đúng chỉ tiêu bằng cách phát hiện và đem ra giết đủ tỷ lệ tối thiểu là 2% mỗi xã. Như vậy trên toàn miền Bắc, những gia đình nông dân có thể bị giết ít nhất là 80.000 người trong cuộc Cải cách Ruộng đất nếu các đội cải cách "*kích tỷ lệ*" theo đúng chỉ tiêu của Đảng đề ra.

Trong lịch sử Việt Nam, chưa ai nghe thấy có thời kỳ nào lực lượng ngoại bang thống trị đã tàn sát nhân dân một cách lạnh lùng máy móc như vậy. Nỗi căm hờn uất hận của nạn nhân Cải cách Ruộng đất cùng thân nhân của họ đã lên tới mức cùng cực, nhưng sau khi Hồ Chí Minh đưa ra chính sách sửa sai, thì chế độ Việt cộng đã thoát khỏi một cuộc nổi loạn bạo động lan rộng vì một số nguyên nhân chính:

a) Đa số những người mà tính mệnh bị đe dọa đồng thời là những người có tiềm năng lãnh đạo nổi loạn thì đã chết rồi, còn lại một số nhỏ được tha về và được khôi phục lại công quyền, tự coi là mình đã thoát chết trong đường tơ kẽ tóc và cần được yên thân. Mặc dù có một số người liều mạng đi tìm đội cải cách để trả thù, nhưng hầu hết không dám có ý định chống lại kẻ chủ mưu đại gian đại ác là Hồ Chí Minh và Đảng Lao động, hoặc là vì họ tưởng cấp dưới làm sai chính sách Đảng, hoặc vì họ nhìn ra Hồ Chí Minh và Đảng của họ Hồ quá nguy hiểm và quá mạnh. Nguy hiểm vì chúng ném đá giấu tay, xúi giai cấp nọ giết giai cấp kia để chúng bảo toàn lực lượng. Mặt khác, chúng quá mạnh vì có súng đạn trong tay, còn họ thì thân cô thế cô.

b) Phần đại đa số nông dân còn lại là phú nông, trung nông và bần nông thì như cá nằm trốc thớt. Tuy tính mạng của họ chưa bị đe dọa vì chưa bị liệt vào hàng cường hào địa chủ nhưng trông gương những vụ đấu tố chụp mũ, họ biết rằng bất cứ ai cũng có thể bị kết tội là "*liên quan*" hoặc "*phản động*" ("*liên quan*" là nói tắt của *"liên quan với địa chủ cường hào*").

Vậy, cho dù có nhiều người trong lòng còn căm hận, nhưng ngoài mặt không dám ngo ngoe. Duy có một thành phần trí thức văn nghệ sĩ dám hiên ngang đứng lên chống Đảng và kể tội Đảng. Thành phần này gồm có những nhân vật đã tham gia kháng chiến từ những ngay đầu cho tới khi kháng chiến chống Pháp thành công. Đó là những người đã nằm trong lòng của cuộc kháng chiến chống Pháp và đã nhìn ra bản chất Cộng sản của bọn Hồ Chí Minh. Là những người có tinh thần Quốc gia, một số những người này đã ngây thơ lựa chọn con đường chống Thực dân trước, cho tới khi thành công rồi sẽ thanh toán Cộng sản sau (!!!). Một số còn lại đã tìm cớ nọ cớ kia để từ từ ngưng hợp tác với Đảng ngay từ trước khi kháng chiến chống Pháp thành công, mặc dầu họ vẫn được mọi người mến chuộng và được coi là giới trí thức và văn nghệ sĩ kháng chiến.

Là những người nặng lòng với đất nước, giới trí thức và văn nghệ sĩ kháng chiến về thủ đô đã rất đau lòng và căm hận chính

sách tương tàn của bọn Hồ Chí Minh, và lợi dụng hoàn cảnh thuận lợi khi họ Hồ đề ra chính sách sửa sai, giới trí thức văn nghệ sĩ đã vùng lên đấu tranh, tạo nên một chấn động trong dư luận thế giới sau khi có cuộc nổi dậy của nông dân Quỳnh Lưu, Nghệ An.

Cuộc nổi dậy của nông dân Quỳnh Lưu gây một chấn động lớn vì nó xảy ra ngay tại tỉnh Nghệ An, quê quán của Hồ Chí Minh, và nó cho thấy ngay đối với nhân dân tỉnh nhà, Hồ Chí Minh là một đứa con vô liêm sỉ bị từ bỏ. Hồ Chí Minh rất căm hận hành động nổi dậy, nên đã dùng các sư đoàn Nam bộ Tập kết để đàn áp, giết và đày ải hơn 6.000 nông dân, đồng thời cố tình bít kín mọi tin tức liên quan đến cuộc nổi dậy này không lọt ra thế giới bên ngoài.

Trong khi nông dân Nghệ An nổi dậy dùng gậy gộc, dáo mác đánh Việt cộng thì văn nghệ sĩ miền Bắc dùng ngòi bút, đánh Việt cộng bằng những bài văn, những lời thơ sắc như thép:

Tôi muốn làm nhà văn chân thật trọn đời
Đường mật công danh không làm ngọt được lưỡi tôi
Sét nổ trên đầu không xô tôi ngã
Bút giấy tôi, ai cướp giật đi
Tôi sẽ dùng dao viết văn trên đá
(Phùng Quán trong bài "Lời mẹ dặn")

Trong khi thế giới biết rất ít về những chi tiết của cuộc nổi loạn của nông dân Quỳnh Lưu, thì trái lại những tài liệu của cuộc nổi dậy của văn nghệ sĩ miền Bắc đã được bí mật gởi ra ngoài, bằng giấy trắng mực đen, khiến cho lịch sử văn học đã ghi được đầy đủ chi tiết về nội dung cuộc nổi dậy, những văn nghệ sĩ tham gia và đường lối đấu tranh của giới văn nghệ sĩ miền Bắc, v.v.... Nhờ đó, những văn thi họa phẩm của giai đoạn "*Trăm Hoa Đua Nở*" trên đất Bắc đã không bị mai một, dù Cộng sản tìm cách thủ tiêu, và những tài liệu trên đã đóng góp vào kho tàng văn hóa dân tộc, tiêu biểu cho một trong những giai đoạn văn học phản ảnh trung thực sức đấu tranh dũng mãnh của dân tộc.

Nội dung cuộc nổi dậy của Văn nghệ sĩ và Trí thức miền Bắc

Diễn đàn của giới trí thức văn nghệ sĩ đấu tranh khởi đầu là cuốn sách **Giai phẩm 1956** còn gọi là **Giai phẩm Mùa xuân** được xuất bản vào khoảng tháng 3-1956, trước khi có chiến dịch sửa sai. Sau khi Mikoyan sang Hà Nội giải thích chính sách của Liên Xô, đưa đến vụ sửa sai, thì phong trào nổi dậy đã bùng lên với **Giai phẩm Mùa thu** (29-8-1956) **Giai phẩm Mùa đông** (1956), tờ báo **Nhân Văn** (liên tiếp trong nhiều số), tờ **Đất Mới**, tuần báo **Trăm Hoa**, tờ nhật báo **Thời Mới**, và ngay cả báo **Văn** của Đảng. Tuy nhiên, tiêu

biểu nhất trong những tài liệu trên là báo **Nhân Văn** và các quyển **Giai Phẩm**, cho nên người ta quen gọi phong trào nổi dậy của văn nghệ sĩ là **Phong trào Nhân văn - Giai phẩm**

Nội dung của Phong trào Nhân văn–Giai phẩm là **đấu tranh chống chế độ Việt cộng** trên hai lãnh vực chính:

- Đường lối chính sách của Đảng
- Hệ thống lãnh đạo của Đảng

Phong trào Nhân văn - Giai phẩm đánh vào đường lối chính sách tức là đánh tận gốc chủ nghĩa Cộng sản, chĩa mũi dùi vào **chủ trương giai cấp đấu tranh người bóc lột người, chính sách Cải cách Ruộng đất, chính sách cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh** tại thành thị, đồng thời tấn công vào liên minh **giai cấp đấu tranh** giữa Việt cộng và Trung cộng. Một trong những tài liệu quan trọng nhất thuộc loại này là cuốn "*Nắng Chiều*" của cụ Phan Khôi, gồm nhiều bài bút ký, tạp văn, bị Việt cộng cấm xuất bản, may nhờ có Đoàn Giỏi, một cán bộ Đảng đem ra mổ xẻ phê bình trên báo *Văn Nghệ* của Đảng số 15, xuất bản tháng 8-1958, người ta mới biết về nó. Sau đó, Đoàn Giỏi đã bị phê bình kiểm thảo là cố tình mổ xẻ chửi bới cụ Phan Khôi nhằm mục đích phổ biến tài liệu chống Đảng. Tội nặng nhất của cụ Phan khôi được phát hiện trong cuốn Nắng Chiều nằm trong các chuyện "*Nuôi vịt ở miền Nam*", "*Tiếng Chim*", "*Thái Văn Thu*" và chuyện "*Ba Ông Vua*" Càn Long, Quang Trung và Chiêu Thống.

Trong chuyện "*Tiếng Chim*", cụ Phan Khôi đã thuật chuyện hai con quạ không giành nhau miếng ăn để ngụ ý mỉa mai vấn đề đấu tranh giai cấp là vấn đề căn bản của chủ nghĩa Mác-Lênin. Trong chuyện "*Nuôi vịt ở miền Nam*", cụ Phan Khôi thuật lại cách làm việc và cách sống của chủ và người làm thuê đều cực khổ như nhau, đồng thời chủ chẳng những trả công cho thợ mà còn chia hoa hồng cho thợ mỗi khi được mùa, vừa có ý ám chỉ rằng cảnh người bóc lột người theo quan niệm đấu tranh giai cấp là không hoàn toàn có thực mà còn có ý ám chỉ Đảng bóc lột người hơn những người chủ nuôi vịt. Trong chuyện "*Ba Ông Vua*", Đoàn Giỏi giải thích rằng cụ Phan có ý ám chỉ "*quan hệ ngoại giao giữa Quang Trung và Càn Long ngày xưa không khác gì quan hệ hữu nghị giữa ta và Trung Quốc ngày nay, **một con cáo và một con sói đồng tình vật chết một con dê***". (Xem Trăm Hoa Đua Nở…, trang 94)

Ngoài việc đả kích tư tưởng đấu tranh giai cấp, căn bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, Phong trào Nhân văn - Giai phẩm còn kêu gọi mọi người đứng lên chống lại chủ nghĩa đó. Trong bài "*Tiếng Hát*",

một vở kịch thơ ngắn, Hoàng Cầm đã cất tiếng kêu gọi qua tiếng hát của Trương Chi:

Nào người quả phụ trắng khăn tang
Nào đứa em mồ côi khát sữa
Nào ai sống nhục chết oan
Nào ai tan lìa đôi lứa
Nghe tiếng hát này...

để ám chỉ những nạn nhân của Cải cách Ruộng đất, và tiếp theo đó kêu gọi mọi người hãy theo "*Tiếng gọi của trời cao, của đất rộng*" quyết "*Vượt qua tường đá*" của hệ thống kềm kẹp áp bức của Việt cộng.

Một mặt chống đường lối chủ trương Đấu tranh Giai cấp của Đảng, một mặt khác Phong trào Nhân văn - Giai phẩm đánh thẳng vào hệ thống lãnh đạo Đảng gồm có con người và tổ chức. Về con người lãnh đạo, các văn nghệ sĩ đánh từ Hồ Chí Minh trở xuống cho tới các cán bộ cao cấp Trung ương như Trường Chinh, các cán bộ lãnh đạo văn nghệ như Tố Hữu, Hoài Thanh, Xuân Diệu mà mọi người gọi là những tên "*cai văn nghệ*".

Một nhà thơ trẻ là Lê Đạt đã dám ví Hồ Chí Minh như cái bình vôi:

Những kiếp người sống lâu trăm tuổi
Y như một cái bình vôi
Càng sống càng tồi
Càng sống càng bé lại

Cụ Phan Khôi còn viết bài "*Ông Bình Vôi*" trong Giai phẩm Mùa thu tập I, với một câu giải thích rằng cái bình vôi sống lâu "*cũng như pho tượng đất hoặc gỗ không nói năng, không nhúc nhích, thì người ta tôn thờ sùng bái mà gọi bằng "Ông*". Chẳng những cụ đánh thẳng vào Hồ Chí Minh mà còn đánh luôn những bọn văn nô đã tôn thờ sùng bái cá nhân Hồ Chí Minh nữa. Cụ Phan Khôi còn chọc quê Hồ Chí Minh là Ông Bình vôi vì Hồ Chí Minh đã phạm tội tầy đình trong cuộc Cải cách Ruộng đất, mà còn giả đò ù lỳ vô trách nhiệm, phủi tay chối tội và bắt Trường Chinh chịu tội thay cho mình.

Bài thơ "*Nhất định thắng*" của Trần Dần đã khiến nhà thơ này bị ngồi tù, bị đấu tố và đã dùng lưỡi dao cạo cứa cổ tự tử mà không chết. Trần Dần là nhà văn Đảng viên thuộc giới trẻ trong Phong trào Nhân văn - Giai phẩm, đã tham dự trận Điện Biên Phủ, sau đó vì chống Đảng mà bị đi tù ở Việt Bắc. Tới khi dư luận chống đối của giới trí thức kháng chiến trở nên quá sôi nổi, Trần Dần mới được Việt cộng đưa về miền đồng bằng và bắt đi theo chiến dịch Cải cách Ruộng đất. Tiếp theo đó xảy ra Phong trào Nhân văn - Giai phẩm,

Hoàng Cầm là bạn của Trần Dần đã đem in một bài thơ của Trần Dần vốn được viết từ năm 1954 với nội dung đấu tranh chống đối, đồng thời đề nghị Trần Dần viết thêm một đoạn cho có "lập trường tốt" như thế mới được phép xuất bản và đặt tên bài thơ là "*Nhất định thắng*". Ngay trong phần đầu có tính chất đấu tranh, Trần Dần cũng đánh bằng những đòn rất kín khiến Việt cộng dù đem ông ra đấu tố, cũng chỉ bắt bẻ bâng quơ về cách dùng chữ không ổn, "phạm húy". Đọc bài thơ *Nhất định thắng* của Trần Dần, người ta phải đặt mình vào khung cảnh 1954 với không khí bàng hoàng của Hiệp định Genève cắt đôi đất nước, hàng triệu người nông dân miền Bắc hốt hoảng bỏ trốn Cộng sản, trong tâm tư họ còn hằn vết thương đỏ lòm của đấu tranh Giảm tô trước 1954, rồi cảnh gia đình xé đôi vì người đi Nam kẻ ở lại Bắc (người vợ trẻ của Trần Dần lạc lõng giữa Hà Nội vì cha mẹ đã di cư), rồi cảnh bộ đội Nam bộ tập kết được sử dụng để đàn áp cuộc nổi dậy ở Quỳnh Lưu. Có đặt mình vào hoàn cảnh 1954 người ta mới mường tượng đọc ra được những ẩn ý lên án Hồ Chí Minh chia đôi đất nước bằng cách ký Hiệp định Genève:

Tôi đi giữa trời mưa đất Bắc
Đất hôm nay tầm tã mưa phùn
Bỗng nhói ngang lưng, máu rỏ xuống bùn
Lưng tôi có tên nào chém trộm?
A! Cái lưỡi dao cùn
Không giết được, mà đau
Chúng định chém tôi làm hai mảnh
Ôi cả nước! Nếu mà lưng tôi lạnh
Hãy nhìn xem có phải vết dao?
Không đứt được mà đau!
Lưng Tổ quốc hôm nay rướm máu.

Và kế đến là cảnh đất nước miền Bắc ngập trong điêu linh dưới chế độ mới:

Tôi bước đi
không thấy phố
không thấy nhà
Chỉ thấy mưa sa
trên màu cờ đỏ....

Rồi bằng những câu hỏi "buộc tội" đối với trách nhiệm về phong trào di cư, Trần Dần cầm bút chỉ vào Hồ Chí Minh:

"Họ vẫn ra đi
Nhưng sao bước rã rời?
Sao họ khóc? Họ có gì thất vọng?"

Và:

"Ai dẫn họ đi? Ai?
Dẫn đi đâu? Mà họ khóc mãi thôi"

Và cũng vẫn bằng những câu hỏi làm Việt cộng không trả lời được:

*Ai có **lý** và ai có **lực**?*
Ai người tin? Ai kẻ ngã lòng tin?

Cuối cùng, Trần Dần phang bốn câu làm cán bộ lãnh đạo văn hóa của Việt cộng hết nhịn nổi:

*Ôi! Xưa nay **Người** vẫn thiếu tin **Người***
***Người** vẫn thường kinh hoảng trước tương lai*
***Người** quên mất Mỹ là sư tử giấy*
***Người** vẫn vội -*
***Người** chưa kiên nhẫn mấy.*

Trần Dần bị hạch tội đã dùng danh từ "Người" viết bằng chữ lớn xưa nay được cán bộ Việt cộng dùng để chỉ Hồ Chí Minh với sự tôn sùng tột độ. Tuy Trần Dần bị bỏ tù nhưng cán bộ Việt cộng không dám nói đích danh tội phỉ báng Hồ Chí Minh của Trần Dần cũng như của cụ Phan Khôi. Giống như dưới thời đại "*cực kỳ phong kiến*", riêng việc nhắc tới những lời "*khi quân*" phỉ báng *của người khác* cũng đủ là một sự phạm thượng đại nghịch, và không một tên Việt cộng nào dám làm.

Ngoài việc tấn công tên đầu sỏ của Việt cộng, các văn nghệ sĩ và trí thức miền Bắc còn đả kích hệ thống lãnh đạo Việt cộng qua tổ chức "*Hội các nhà văn*", tổ chức *Mậu dịch Quốc doanh*, đồng thời đả kích tính chất phi pháp của Cải cách Ruộng đất qua bài tham luận của Luật sư Nguyễn Mạnh Tường mà ta sẽ có dịp đề cập tới trong một đoạn khác.

Trên đây ta đã tóm lược cuộc đấu tranh tiếp theo của nhân dân miền Bắc để chống lại sự phản bội kháng chiến của Hồ Chí Minh và cuộc tàn sát dã man qua Cải cách Ruộng đất. Phong trào Nhân văn - Giai phẩm tượng trưng cho một cuộc nổi dậy có tổ chức và tư tưởng chỉ đạo quy mô hơn cả. Tuy nhiên nó cũng có nhược điểm quan trọng và đã bị dập tắt sau khi Hồ Chí Minh ký một sắc lệnh ngày 15-12-1956 chính thức hủy bỏ quyền tự do ngôn luận, cấm lưu hành tất cả các nhật báo, tạp chí, sách vở văn nghệ phẩm chống đối.

Trước khi ký sắc lệnh bịt miệng văn nghệ sĩ, Hồ Chí Minh đã phóng ra một chiến dịch dùng báo chí Đảng chụp mũ tội "gián điệp" của Pháp và của Mỹ lên đầu nhóm **Nhân văn–Giai phẩm**, tổ chức học tập khắp nơi, và cán bộ Đảng thúc đẩy các đoàn thể công nông binh, học sinh và dân Nam bộ tập kết ký kiến nghị tự xưng là "mọi từng lớp nhân dân" đòi nhà nước trừng trị nhóm **Nhân văn**. Sau khi

bịt miệng văn nghệ sĩ, Việt cộng chỉ cho phép báo của Đảng múa võ một mình. Hội văn nghệ của Đảng được chỉ thị cho ra báo Văn. Nhưng múa võ một mình trong một thời gian, báo Văn trở nên nhạt nhẽo quá khiến ban chủ nhiệm cũng phải cảm thấy nản, và quay ra chống Đảng bằng cách đăng những bài của nhóm Nhân văn Giai phẩm. Việt cộng bèn đàn áp thẳng tay, bắt 304 văn nghệ sĩ đi chỉnh huấn, sau đó đi "*Lao động cải tạo*" ở những vùng rừng thiêng nước độc của Việt Bắc. Hành động bịt miệng và đàn áp thẳng tay đối với văn nghệ sĩ đã tạm thời chấm dứt một hình thức chống đối trên Mặt trận Văn hóa, nhưng chưa chấm dứt phong trào đấu tranh của nhân dân dưới các hình thức khác. Cuộc đấu tranh phi quy ước giữa Việt cộng và các tầng lớp nhân dân bị áp bức còn đương diễn ra trên Mặt trận Kinh tế qua các giai đoạn tiếp theo gồm có **công hữu hóa ruộng đất vườn ao, Hợp tác xã cấp thấp, Hợp tác xã cấp cao v.v...**

Các cuộc đấu tố của giai đoạn đã qua cho tới năm 1956 mới chỉ là Màn I của tấn kịch Cải cách Ruộng đất. Giai đoạn đấu tranh từ 1951 đến 1956 đưa tới vụ sửa sai và Phong trào Nhân văn - Giai phẩm có một số đặc điểm rất điển hình đáng cho ta ghi chép lại đây.

IV. Những đặc điểm của giai đoạn Cải cách Ruộng đất 1951-1956 đưa đến chiến dịch sửa sai

Những nỗ lực và những hoạt động của Cộng sản nhằm giành giựt quyền lực hoặc từ vai trò **có quyền lực trong tay để đàn áp quần chúng nhân dân,** tất cả đều là những nỗ lực và hoạt động của chiến tranh **mặc dầu nhiều khi không có tiếng súng nổ**. Đó là cuộc chiến tranh diễn ra từ 1951 tới 1956 phối hợp hai loại đặc điểm nổi bật:

- **Những đặc điểm có tính cách chiến tranh phi quy ước**
- **Những đặc điểm có tính cách Mácxít-Lêninnít điển hình**

Nếu ta còn nhớ những đặc điểm của chiến tranh phi quy ước trong bài nghiên cứu đầu tiên **Đại cương về chiến tranh quy ước và phi quy ước**, ta sẽ thấy lại những đặc điểm này trong cuộc Cải cách Ruộng đất của giai đoạn 1951-1956.

1. Dựa vào lực lượng quần chúng

Đây là một đặc điểm điển hình của chiến tranh phi quy ước cũng như của chiến dịch Đấu tranh chống Phản động, Đấu tranh Giảm tô, Đấu tranh Cải cách Ruộng đất. Để tiêu diệt mầm mống chống đối, Việt cộng đã không sử dụng biện pháp pháp lý, biện pháp hành chánh, hay sử dụng cảnh sát công an, quân đội, mà đã huy động nông dân, bằng cách nhóm Đại hội Nông dân, dùng các "đội

đấu tố" và "đội cải cách" xâm nhập vào dân để xách động dân, làm như thể nông dân đứng chủ động đòi tiêu diệt phản động, tiêu diệt địa chủ. Việt cộng còn công khai giải tán hệ thống hành chánh xã trong giai đoạn "đội cải cách" về làng phát động đấu tranh, bề ngoài làm như đề cao quyền lực của nông dân, nhưng thực sự bên trong là gán ghép trách nhiệm cho dân, làm cho bàn tay nông dân có dây máu địa chủ, nghĩa là nếu họ không có chủ động thì ít ra cũng là kẻ đồng lõa tội ác. Tại sao họ Hồ lại cần có liên minh tội ác đó? Theo sự suy đoán của các hồi chánh viên có liên hệ tới Cải cách Ruộng đất thì một trong những lý do có tính cách chiến lược là tương quan lực lượng giữa Đảng và giới địa chủ, phú nông, trung nông và tất cả nông dân hữu sản cho thấy Đảng là thiểu số. Quan niệm **dựa vào lực lượng quần chúng** vừa là một đặc điểm của chiến tranh phi quy ước lại vừa phù hợp chủ trương cố hữu của Cộng sản và kỹ thuật đấu tranh của Cộng sản. Chủ trương của Cộng sản là tiêu diệt tư hữu, tiêu diệt tư sản, tất nhiên phải tiêu diệt địa chủ là những phần tử tư sản "ngoan cố" nhất. Kỹ thuật đấu tranh của Cộng sản là "lấy mâu thuẫn giải quyết mâu thuẫn": nghĩa là **tạo ra mâu thuẫn giữa các lực lượng thù địch để các lực lượng này tiêu diệt lẫn nhau và Cộng sản ngồi rung đùi hưởng lợi.** Đó là chiến lược xúi Ngô đánh Ngụy để mình lấy ngon đất Kinh Châu (Tam Quốc Chí). Áp dụng vào trường hợp đấu tranh Cải cách Ruộng đất, "lấy mâu thuẫn giải quyết mâu thuẫn" là lấy bần cố nông giải quyết bài toán địa chủ. Nếu dùng biện pháp pháp lý để Cải cách Ruộng đất như các nước Á Châu khác, Việt cộng phải quốc hữu hóa hoặc mua rẻ ruộng đất của địa chủ rồi chia cho nông dân, như thế đích thân Đảng phải đối phó với khoảng 1 triệu người thuộc thành phần địa chủ phú nông và trung nông, mà trong đó có nhiều người có công với kháng chiến, có uy tín với dân. Tự lực đối phó với khoảng 1 triệu có tư sản, trong khi đảng viên nòng cốt của Việt cộng lúc đó chưa đầy 500 ngàn người là một việc nguy hiểm.

2. Bất chấp pháp lý, bất chấp quy ước hành chánh

Đây là đặc điểm thứ hai của Cộng sản khi áp dụng hình thái chiến tranh phi quy ước vào Cải cách Ruộng đất. Chẳng những Việt cộng không sử dụng các biện pháp pháp lý và các quy ước hành chánh thông thường, mà chúng còn trắng trợn vi phạm các nguyên tắc pháp lý và hành chánh được coi là khuôn mẫu để duy trì trật tự quốc gia và xã hội của các nước văn minh từ 400 năm qua.

Luật sư Nguyễn Mạnh Tường, qua bài diễn văn đọc ngày 30-10-1956 trong một cuộc họp của Mặt trận Tổ quốc Hà Nội, đã nêu lên những vi phạm nguyên tắc pháp lý, trong Cải cách Ruộng đất:

a) Nguyên tắc thứ nhất: Không hành phạt các tội đã phạm quá lâu rồi mới bị khám phá vì khó xác định các bằng chứng buộc tội. Khi buộc tội một người với những bằng chứng hồ đồ, xã hội sẽ tạo ra những tiền lệ bất công làm mất uy tín của cơ chế cầm quyền và gây xáo trộn xã hội. Việt cộng đã vi phạm thô bạo nguyên tắc thứ nhất khi mớm cung cho những bần cố nông vu oan giá họa cho nạn nhân Cải cách Ruộng đất về những tội đã phạm từ mấy chục năm trước, dựa vào những bằng chứng hồ đồ (như hồi chánh viên Nguyễn Văn Thân đã tường thuật).

b) Nguyên tắc thứ hai: Trách nhiệm của phạm nhân thì chỉ một mình phạm nhân phải chịu, không có trách nhiệm chung với vợ con, của gia đình; chỉ trong thời đại phong kiến dã man mới có luật tru di tam tộc để trừng phạt bà con họ hàng của người có tội. Nhưng riêng trong chế độ Việt cộng, không những thân nhân của người có tội phải trả nợ máu, mà ngay cả những người không có liên hệ máu mủ gì với nhau mà cũng bị chết chùm với nhau vì mang cái nhãn hiệu chung là địa chủ, phú nông. "Kích tỷ lệ" là một vi phạm thô bạo của nguyên tăc thứ hai về pháp lý.

c) Nguyên tắc thứ ba: Muốn kết án một người phải có bằng chứng xác đáng. Phải có nhân chứng là những kẻ đã mục kích sự phạm pháp và cung khai một cách cụ thể, rõ ràng và chắc chắn. Một nhân chứng thôi cũng chưa đủ, ít ra phải có hai nhân chứng khai phù hợp với nhau, mới được là đáng kể... Khi nêu lên nguyên tắc thứ ba trên đây, có lẽ ông Nguyễn Mạnh Tường muốn ám chỉ những vụ Đấu Giảm tô như anh Nguyễn Văn Thân thuật lại, ví dụ: "*Một cái sẹo cũ vì bị ngã từ hồi còn bé sẽ được trình bày là vết dao chém của địa chủ ác ông... Hoặc nếu một bà lão rụng hết tóc vì già hay vì bệnh hoạn thì sẽ dùng chứng tích này để tố địa chủ nắm tóc giật đánh*" (xem bài trước). Những bằng chứng cần thiết để chứng tỏ vết dao chém tối thiểu là phải trình bày được con dao có vết máu của nạn nhân. Vì bất chấp nguyên tắc thứ ba trên đây, trong giai đoạn "Đấu tranh chống phản động", đội cải cách của Việt cộng đã "mớm cung theo dây chuyền", khiến nhiều nạn nhân đã khai lung tung ra ngoài sự dự liệu của cán bộ Đảng và làm trò cười cho đấu trường cải cách, cũng như làm trò cười cho lịch sử mai hậu.

d) Nguyên tắc pháp lý thứ tư: "Thủ tục điều tra, xét xử phải bảo đảm quyền lợi của bị tố nhân. Bị tố nhân có quyền nhờ luật sư bào chữa cho mình, và khi thiếu điều kiện nhờ luật sư, khi nào là một trọng tội, tòa phải cử luật sư bào chữa không, cho bị can... Khi điều tra, thẩm vấn, tuyệt đối không được dùng phương pháp tra khảo,

đánh đập, hành hạ bị cn, mớm cung cho bị can, dọa nạt hay dụ dỗ đương sự"...

3. Thủ tiêu Chế độ pháp trị chân chính

Một chế độ pháp trị chân chính phải xác định rõ đâu là quyền lợi và trách nhiệm của mỗi người từ thường dân cho tới lãnh đạo. Việt cộng chẳng những thủ tiêu quyền lợi của người dân qua việc bất chấp các nguyên tắc pháp lý căn bản, mà còn lờ luôn trách nhiệm pháp lý của cấp lãnh đạo đảng, nhất là họ Hồ, tên chủ mưu trong chiến dịch Cải cách Ruộng đất đẫm máu. Về điểm này ông Nguyễn Mạnh Tường viết: "Trước hết, bức thư của ông Hồ Viết Thắng tự phê bình và xin rút lui khỏi Mặt trận Trung ương chỉ là một giải pháp chính trị mà thôi..." "...là một nhà luật học, tôi chưa thể nào nhận định được trách nhiệm của ông Thắng. Có thể trách nhiệm của ông ấy rất lớn, có thể rất nhỏ. Đứng trên tinh thần pháp lý, sự nhận tội lỗi của một người không đủ để quy định trách nhiệm của người ấy...".

Lập luận của ông Nguyễn Mạnh Tường có ý nói rằng:

Thứ nhất: Giải pháp hạ tầng công tác Trường Chinh và sự từ chức của Hồ Viết Thắng chỉ là một giải pháp chính trị, và nếu ngưng ở đó, Việt cộng đã cố tình xí xóa trách nhiệm pháp lý đối với các vụ sát nhân có mưu định rõ ràng. Và ông Tường gọi đó là "chính trị lấn áp pháp lý".

Thứ hai: Trách nhiệm của Hồ Viết Thắng có thể rất lớn, có thể rất nhỏ, nghĩa là nếu Hồ Viết Thắng chỉ là một kẻ thừa hành, thì cần phải truy nguyên ra cái trách nhiệm pháp lý cao chót vót là Trung ương Đảng và Hồ Chí Minh. Không xác định quyền lợi của người dân và trách nhiệm pháp lý của Đảng và nhà nước Việt cộng đã thủ tiêu chế độ pháp trị chân chính. Mà thủ tiêu chế độ pháp trị chân chính là một đặc điểm có tính cách Mácxít-Lêninnít điển hình. Và nó là nguyên nhân của bao xương máu, chết chóc và đau thương diễn ra trên đất Việt Nam từ hơn 30 năm nay.

Bài nghiên cứu này kết thúc một giai đoạn đặc biệt của Cải cách Ruộng đất ở miền Bắc, và không có nghĩa cuộc Cải cách Ruộng đất của Việt cộng đã chấm dứt khi ruộng đất được lấy từ địa chủ để chia cho nông dân nghèo. Không! Sau khi chia ruộng cho nông dân nghèo, Việt cộng đã từ từ lấy lại hết tất cả ruộng đất tài sản của họ qua các chiến dịch Tổ đổi công, Hợp tác xã cấp thấp, Hợp tác xã cấp cao v.v... song hành với các Kế hoạch kinh tế 3 năm, Kế hoạch kinh tế 5 năm v.v… mà chúng ta sẽ nghiên cứu trong những bài tới.

Trong phần kết luận của bài này, chúng ta hãy đưa ra một nhận xét về trách nhiệm chính trị và pháp lý của một hành động liên quan đến trật tự công cộng và tính mạng của người dân.

Một thường dân phạm tội giết người phải chịu trách nhiệm pháp lý cho hành động đó. Nếu việc giết người có chủ mưu, đó là một trọng tội về hình sự, và hình phạt thường là lấy mạng đền mạng. Một cấp lãnh đạo chính trị, nếu giết người có chủ mưu vì mục đích chính trị thì phải chịu trách nhiệm về pháp lý, và sau đó còn phải chịu thêm trách nhiệm về chính trị. Trách nhiệm pháp lý càng gia tăng gấp bội nếu là tội tàn sát nhiều người với sự dự mưu kỹ càng. Một chế độ, một tập đoàn thống trị phạm tội tàn sát tập thể cả trăm ngàn người cũng phải chịu trách nhiệm chính trị và pháp lý như trường hợp chế độ Phát xít Đức, Phát xít Ý và Quân phiệt Nhật v.v... Những kẻ lãnh đạo, tùy theo trách nhiệm và sự dự mưu đều phải đền tội cả về phương diện chính trị và pháp lý. Trước hết bị tước hết quyền hành chính trị và sau đó lấy mạng đền mạng.

Công lý đã được thi hành tại Đức, tại Ý, tại Nhật, sau Đệ nhị Thế chiến, và trật tự quốc gia nhờ đó đã được tái lập tại Đức, tại Ý, tại Nhật. Nhưng cũng kể từ sau Đệ nhị Thế chiến, vì Liên Xô không bị trừng phạt về những tội diệt chủng nên các chế độ Cộng sản từ Âu sang Á đã thừa kế thủ tiêu nền pháp trị chân chính. Chúng phủi tay chối bỏ mọi trách nhiệm pháp lý đối với tội ác của chúng vì nhân dân bất lực trước họng súng đàn áp, và vì công lý không có sức mạnh để thực thi.

Ở Việt Nam, Hồ chí Minh và đảng Việt cộng đã phạm nhiều tội ác chồng chất. Tội tàn sát trong Cải cách Ruộng đất chỉ là một trong nhiều tội ác tày đình của chúng trong hơn 30 năm qua. Mỗi lần gặp khó khăn vì nhân dân ta đấu tranh, chúng lại tìm cách xoa dịu, xí xóa, khi thì bằng chính sách sửa sai, khi thì bằng chính sách nới lỏng các biện pháp kềm kẹp kinh tế, khi thì bằng màn xiếc "đổi mới tư duy". Nhưng luôn luôn có nhiều người bị chúng lường gạt, và mỗi lần như thế, Việt cộng lại chối bỏ được trách nhiệm về tội ác, và trở nên mạnh hơn khi những nhóm người hoặc thế lực ngu xuẩn giúp chúng cơ hội và phương tiện phục hồi sức mạnh để tiếp tục tội ác.

Ngày nay, dân ta đã thức tỉnh, và đã đấu tranh mạnh mẽ buộc Việt cộng phải lãnh trách nhiệm đối với tội ác của chúng. Dân ta cương quyết thì hành động công lý bằng cách lật đổ chế độ Việt cộng và thiết lập một nền pháp trị chân chính, nghĩa là bất cứ tập đoàn nào phản nước hại dân phải chịu trách nhiệm chính trị và pháp lý trước toàn dân, tức là trả lại quyền hành chính trị và chịu sự phán đoán của luật pháp quốc gia. Nhân dân VN coi những biện pháp

"sửa sai" hoặc "cởi mở" hoặc "đổi mới" hoặc "hòa giải hòa hợp" là những trò xiệc bịp bợm để bịp những nhóm người ngu xuẩn, hoặc đón gió làm tay sai cho ngoại bang.

IV- Mục tiêu của Hợp tác hóa Nông nghiệp: Khống chế Nông dân Bắc Việt

Giai đoạn đấu tố địa chủ và lấy ruộng đất chia lại cho bần cố nông chỉ là màn I của tấn kịch Cải cách Ruộng đất. Mỗi bần cố nông được chia một mảnh đất nhỏ, một số nồi niêu, xoong chảo, bàn ghế, giường nằm của địa chủ, cuốc xẻng cầy bừa, kể cả chổi cùn, rế rách. Đối với bần cố nông chất phác, đây là một cuộc đổi đời chưa bao giờ họ ngờ tới. Trong thời kỳ đấu tố địa chủ, các bần cố nông bị xúi giục, bị áp lực của cán bộ Đảng đi đến chỗ đồng lõa tội ác nhúng tay vào máu địa chủ; nhưng đến giai đoạn sửa sai, họ bị trả thù khiến nhiều người phải bỏ nông thôn chạy ra thành thị đi ở đợ. Những người còn lại biết rằng số phận của họ khá bấp bênh, tuy nhiên điều mà họ không ngờ nhất là: Cuộc "đổi đời" chỉ cho họ hưởng tài sản chiếm được của địa chủ trong một thời gian rất ngắn. Họ không biết rằng Đảng cho tay này nhưng sẽ lấy lại bằng tay kia với những thủ đoạn tráo trở lừa lọc tinh vi, khiến ngay cả những người khôn ngoan, có kiến thức hoặc có thế lực còn không thể ngờ... Sau khi đã lợi dụng bần cố nông để đạt mục tiêu chiến lược giai đoạn là đánh gục giai cấp địa chủ, Việt cộng dần dần tước hết tài sản của trung nông kể cả bần cố nông qua chính sách ***công hữu hóa toàn bộ ruộng đất vườn ao.***

Cuộc cải cách được gọi là "long trời lở đất" ở miền Bắc đã đập nát các giai cấp, các thế lực ở nông thôn. Đối với giai cấp phú nông địa chủ, đó là một kinh nghiệm đẫm máu mà họ nhớ và sợ cho đến suốt đời. Đối với giai cấp trung nông, tuy chưa nếm mùi đau đớn nhục nhã, nhưng họ biết họ chỉ là con cá đang nằm trên thớt. Còn giới bần cố nông, những người chất phác, chưa có kinh nghiệm lãnh đạo, thì mặc dầu cuộc Cải cách Ruộng đất ban cho họ một số quyền lợi, họ thừa biết người đứng chủ mưu là Việt cộng. Nhưng họ không thể kết hợp thành một lực lượng nào đáng kể.

Tóm lại, ở nông thôn không có một lực lượng nào tồn tại để thách thức quyền lực của Đảng. Tất cả chỉ là những cá nhân bị bỏ rơi đơn độc, không nơi nương tựa, trừ bần cố nông được dựa vào Đảng để hưởng một số ưu thế nếu chịu làm tay sai cho Đảng. Khối dân chúng nông thôn hoàn toàn tan rã. Mặc dầu có chiến dịch sửa

sai, phục hồi danh dự cho người có công với kháng chiến, nhưng chiến dịch này chỉ cứu được một số người còn sống trong tù, chứ không cứu được cả trăm ngàn người đã bị chôn dưới đất. Hơn nữa chiến dịch sửa sai ***không tái lập giai cấp cũ vì Việt cộng xác nhận đường lối Cải cách Ruộng đất là đúng, chỉ có những cá nhân phạm phải sai lầm mà thôi.***

Sau khi chiến dịch sửa sai đã làm xẹp cơn thịnh nộ của quần chúng, Việt cộng phải đối phó với Phong trào Nhân văn Giai phẩm. Mặc dầu phong trào này có đường lối quy mô (xem cuốn Trăm hoa đua nở trên đất Bắc) nhưng không có tổ chức sâu rộng và không có sức mạnh vũ trang trong tay nên sau một thời gian đã bị VC đàn áp thẳng cánh.

Giải quyết được Phong trào Nhân văn Giai phẩm, Việt cộng đã triệt hạ được lực lượng căn bản chống lại đường lối vô sản chuyên chính, chúng bèn tiến hành luôn giai đoạn kế tiếp của Cải cách Ruộng đất. Đó là nội dung của bài nghiên cứu kỳ này.

Kể từ cuối năm 1955 và đầu năm 1956, chính sách ruộng đất ở miền Bắc của Việt cộng đã được lồng vào trong khuôn khổ đường lối công hữu hóa tư sản và tư bản được tiến hành qua nhiều bước liên tiếp nhau, gọi là những "kế hoạch" kinh tế 3 năm hoặc 5 năm. Những kế hoạch kinh tế này nhắm vào hai ngành chính là Nông nghiệp và Công nghiệp (Công nghiệp là danh từ Việt cộng để chỉ kỹ nghệ). Ngành Thương nghiệp sẽ bị Việt cộng bóp chết dần theo đúng chủ trương đường lối Mác-xít không chấp nhận giới thương nhân trung gian trong guồng máy kinh tế Cộng sản.

Trong giai đoạn từ 1959 tới 1970, Việt cộng đã theo đuổi những kế hoạch kinh tế sau đây:

- Kế hoạch 3 năm lần thứ nhất (1955-1957).
- Kế hoạch 3 năm lần thứ nhì (1955-1960.
- Kế hoạch hoàn thành và chuẩn bị kế hoạch 5 năm (1960-1961).
- Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961-1965).
- Kế hoạch 5 năm lần thứ nhì (1966-1970).

Trong khuôn khổ nói trên, đợt Cải cách Ruộng đất đưa đến "sửa sai" là một phần căn bản của kế hoạch 3 năm lần thứ nhất. Nó giúp Đảng đánh gục giai cấp địa chủ và nhất là các thành phần chống đối bị coi là nguy hiểm, để dọn đường tiến tới mục tiêu tối hậu là truất hữu toàn bộ ruộng đất tài sản của nông dân sát nhập vào tài sản Nhà nước. Làm sao Cộng sản Việt Nam có thể ăn cướp một cách trắng trợn như vậy mà nông dân lại cam chịu đắng cay, và thế

giới bên ngoài hầu như hoàn toàn không biết gì hết? Để trả lời câu hỏi trên, ta cần đi lần lượt qua các giai đoạn căn bản của chính sách **Công hữu hóa Ruộng đất:**

- Giai đoạn Tổ đổi công.
- Giai đoạn Hợp tác xã cấp thấp.
- Giai đoạn Hợp tác xã cấp cao.

Ba bước căn bản nói trên được tiến hành nhịp nhàng với các kế hoạch kinh tế 3 năm và 5 năm, nhưng có hai đặc điểm rất quan trọng trong việc Việt cộng thi hành đường lối chính sách mà ta cần nắm vững.

Thứ nhất: Việt cộng luôn luôn đặt ra những thí điểm để cho cán bộ học tập kinh nghiệm và dạy lẫn nhau.

Thứ hai: Mỗi chính sách, mỗi giai đoạn không nhất thiết phải được tiến hành đều khắp trên toàn miền Bắc, nhưng tùy thuộc vào điều kiện thực tế từng vùng, ví dụ: Chính sách Hợp tác xã cấp thấp có thể hoàn thành tại một vùng và đẩy lên Hợp tác xã cấp cao, nhưng nếu tại những vùng khác, điều kiện chưa cho phép thực hiện Hợp tác xã cấp cao, thì nông dân vẫn còn ở trong Hợp tác xã cấp thấp. Tình trạng này dẫn đến những quy luật không đồng đều cho mỗi vùng, chẳng hạn như tiêu chuẩn lương thực khác nhau, và thuế nông nghiệp cũng khác nhau, cho mỗi vùng.

I. Giai đoạn Tổ đổi công

Như đã trình bày, giai đoạn Tổ đổi công nằm trong kế hoạch 3 năm lần thứ nhất sau khi kết thúc cuộc đấu tố "long trời lở đất". Mỗi nông dân đều được chia một mảnh đất nhỏ để canh tác, phù hợp với tinh thần tư sản thiên nhiên của con người. Trong không khí mới đó, một số đông quần chúng là bần nông đều cảm thấy hân hoan. Việt cộng khơi dậy không khí vui vẻ phấn khởi bằng cách phổ biến thơ văn của các văn nô như hai câu thơ dưới đây:

Từ đây ta có đất cày
Con ơi bưng bát cơm đầy nhớ ai?
(văn nô Trần Hữu Thung)

Không phải tất cả các bần nông đều hăng hái cánh tác trên mảnh đất mới. Có một số bỏ ra thành thị sinh sống, một số khác cần tiền hoặc thiếu nông cụ sản xuất nên bán ruộng đi để làm thuê. Do đó, những người có khả năng mua lại ruộng và có khả năng canh tác trở nên sung túc hơn. Đó là điều Việt cộng kỵ nhất, vì khi có sự tích lũy tư sản trong tay một số người là có sự suy yếu quyền lực của Việt cộng. Nhưng tình trạng này không kéo dài vì Việt cộng tung hàng loạt cán bộ về nông thôn tổ chức nông hội và **"Nhóm sản**

xuất". Một nhóm sản xuất là một tập hợp từ 5 đến 10 hay 15 gia đình giúp nhau sản xuất trong tất cả các công tác nông nghiệp. Nhóm sản xuất là hình thức giới thiệu cho **"Tổ đổi công"**. Tổ đổi công cũng tương tự như nhóm sản xuất nhưng số gia đình tham gia lớn hơn, từ 25 đến 30 gia đình. Một sự khác biệt quan trọng ở sự giúp đỡ lẫn nhau dựa trên căn bản trao đổi ngày công.

Để hướng dẫn về Tổ đổi công, cán bộ Việt cộng giải thích cho nông dân như sau: *Một anh nông dân A không có trâu để cày hoặc bừa mảnh đất cho kịp gieo mạ, có thể mượn trâu của anh nông dân B. Khi mạ đã lên, tới lúc cần cấy lúa, anh nông dân B tuy có trâu nhưng không sử dụng vào việc cấy lúa được, mà trong gia đình lại neo người. Vậy anh nông dân B có thể mượn người trong gia đình anh nông dân A để cấy lúa, cũng trên căn bản ngày công.*

Một ngày công của một người cũng tính bằng một ngày công của trâu, và có thể trả bằng lúa, ví dụ 3 kg lúa một ngày công cho người thì cũng trả như vậy cho trâu. Với Tổ đổi công, Đảng ủy xã ấn định một lịch trình theo đó các gia đình trong tổ luân phiên làm giúp nhau, mang cày bừa, cuốc xẻng đi canh tác giúp, hoặc sửa nhà, lợp mái cho các gia đình trong tổ.

Quan niệm của Tổ đổi công đã tạo một ấn tượng tốt trong đầu nông dân, vì nó đưa ra những tiêu chuẩn đẹp và đề cao tinh thần liên đới hỗ tương. Không những thế, nó còn có vẻ hợp lý vì giúp nông dân giải quyết được tình trạng bế tắc khi thiếu phương tiện hoặc nông cụ cánh tác để cho kịp "thời vụ". Ví dụ nếu không kịp có trâu để cày bừa thì không kịp gieo mạ lúc ruộng đang có nước. Nếu lấy sức người để cày bừa sẽ quá lâu, và sau một trận nắng lớn đất khô sẽ không cấy lúa được nữa, và ngôn ngữ Việt cộng gọi là "không kịp thời vụ".

Ngoài ra, trên phương diện kinh tế, lối làm ăn trong Tổ đổi công có các đặc điểm (trên nguyên tắc) như sau:

- Quyền tư hữu ruộng đất vẫn còn được duy trì như trước.
- Quyền làm chủ hoa màu vẫn thuộc về người chủ đất nông dân.
- Công của ai người ấy hưởng.

Duy có ba ý niệm mà Việt cộng muốn mớm cho nông dân qua hình thức Tổ đổi công:

Thứ nhất: Nếu có thể sử dụng trâu bò, nông cụ của nhau, tại sao không tập trung vào một nơi để sử dụng chung (mở đầu cho giai đoạn hợp tác hóa nông nghiệp).

Thứ hai: Trong Tổ đổi công, mọi người cùng chung vai làm việc tập trung nhân lực, khiến cho dân quen dần với lối làm ăn tập thể.

Thứ ba: Trong Tổ đổi công có tổ trưởng, tổ phó, tổ nông hội, tổ thanh niên, tổ chức như công đoàn sau này, có sinh hoạt học tập đôn đốc chủ trương của Đảng, của nhà nước, đặc biệt là chính sách thuế nông nghiệp. Với guồng máy tổ chức này, một mặt Việt cộng gài cán bộ vào làm tai mắt theo dõi hành vi và tư tưởng chính trị của mỗi nông dân, một mặt đôn đốc chuẩn bị dân sản xuất dưới chiêu bài *Nhân dân làm chủ và Đảng lãnh đạo* (chưa tới giai đoạn *Nhà nước quản lý*). Trong mỗi buổi sinh hoạt tổ hoặc sinh hoạt rộng lớn hơn, thành phần đảng viên thường len lỏi vào chiếm chừng một phần ba, thành phần cảm tình viên cũng vào khoảng một phần ba, và đã được Đảng vận động trước để ủng hộ những đề nghị có lợi cho chính sách Đảng. Như vậy bất cứ những nghị quyết nào quan trọng đều được hai phần ba biểu quyết, lợi cho Đảng mà bề ngoài Đảng vẫn khoe khoang là dân chủ vì dân quyết định mọi việc.

Trong giai đoạn Tổ đổi công, thuế nông nghiệp bắt đầu tăng cao. Ngay ở những vùng đất nghèo nàn cằn cỗi như phía nam Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, thuế nông nghiệp cũng từ 20% đến 25%, nghĩa là cứ 1000 kg thóc thì phải nộp tới 250 kg, và số thóc đó phải phơi thật khô và quạt thật sạch. Ở những vùng đất tốt như Thái Bình Nam Định, thuế nông nghiệp còn cao hơn nữa, và nói chung, thuế nông nghiệp có tiêu chuẩn cố định, bất kể thiên tai, hạn hán hoặc lụt lội.

Việc tiến hành kế hoạch Tổ đổi công không đồng loạt và đều khắp trên toàn cõi Bắc Việt, vì Việt cộng rất dè dặt và tiến hành làm nhiều đợt tại nhiều thí điểm khác nhau. Tại Khu tự trị Việt Bắc (*xem bản đồ*) gồm các tỉnh Tuyên Quang, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Cao Bằng, Bắc Kạn, kế hoạch Tổ đổi công mãi tới năm 1964 mới bắt đầu. Như vậy, cho tới tháng 12-1958 kế hoạch Tổ đổi công vẫn chưa thực hiện xong hết trên toàn miền Bắc, chỉ mới có 65% gia đình nông dân tham gia Tổ đổi công. Tuy nhiên, tại những nơi mà Tổ đổi công tiến triển điều hòa thì chế độ Hợp tác xã cấp thấp bắt đầu được thí nghiệm.

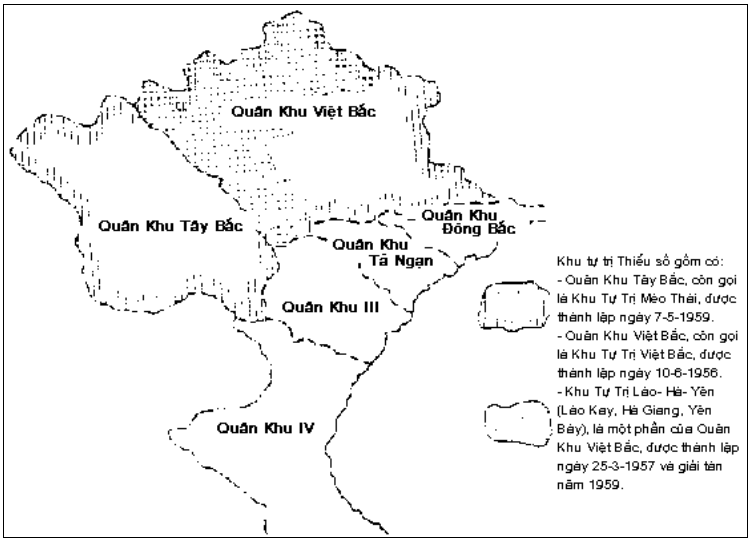

Trong giai đoạn Tổ đổi công, đời sống nông thôn Bắc Việt tương đối còn tạm dễ thở. Mặc dầu có một số cá nhân đi làm thuê, nhưng những gia đình đông người nhờ nhiều nhân công đã sản xuất nhiều, trở nên sung túc, mua thêm trâu cày, mua thêm nông cụ. Những gia đình ít người, tuy sản xuất ít hơn, nhưng vì ít miệng ăn nên cũng dành dụm được ít tư sản. Đó là hiện tượng "tích lũy tư bản" mà Cộng sản không chấp nhận. Thực ra, giai đoạn công hữu hóa đã được hoạch định tiếp theo để giải quyết vấn đề tích lũy tư bản này. Một ích lợi hiển nhiên trong giai đoạn Tổ đổi công là Việt cộng đã có cơ hội ước lượng chính xác năng suất trung bình của nông dân, để đo lường trước xem tối thiểu có thể bóc lột được của nông dân là bao nhiêu khi bước lên giai đoạn Hợp tác xã cấp thấp (danh từ Việt cộng dùng để chỉ thủ đoạn bóc lột này là: "*Giải phóng sức sản xuất*").

Tổ đổi công			
Thời điểm thực hiện	**Số Tổ đổi công**	**Tỷ số gia đình tham gia**	**Tài liệu**
10-1957	72000	24,3%	Báo Nhân Dân 3-10-57
11-1957	8569	29%	Báo Nhân Dân 28-

			11-57
01-1958	102000		
07-1958	137600	31,6%	VNI 15-8-58 (+)
10-1958	203582	51,1%	VNI 23-1-59 (+)
12-1958	300000 (++)	65%	Đài Hà Nội 29-12-58

Ghi chú:

(+) *VNI: Tạp chí Viet Nam Information xuất bản ở Rangoon*

(++) *300000 Tổ đổi công gồm khoảng 2 đến 3 triệu gia đình nông dân*

II. Giai đoạn Hợp tác xã cấp thấp

Trong khi chế độ Tổ đổi công chưa hoàn tất đều khắp trên toàn cõi Bắc Việt, thì vào năm 1958, nghị quyết 14 của Trung ương Đảng Lao động Bắc Việt đề ra nhiệm vụ và mục đích của **Kế hoạch 3 năm** lần thứ hai là để **"Xây dựng nền Kinh tế Dân chủ Nhân dân"**, khác với nền kinh tế trong giai đoạn Tổ đổi công mà Việt cộng gọi là **Nền Kinh tế Dân tộc Tư sản**.

Cán bộ Việt cộng tổ chức học tập khắp nơi về nhu cầu phải vượt qua giai đoạn **Kinh tế Dân tộc**: "*Cảnh làm thuê cho chủ*" vẫn còn, từ đó đưa đến tình trạng bất bình đẳng, và kềm chế sức sản xuất, vậy phải tiến lên giai đoạn Kinh tế Dân chủ Nhân dân để "*giải phóng sức sản xuất và thành lập quan hệ kinh tế bình đẳng giữa con người*".

Hệ thống sản xuất mới trong ngành nông nghiệp được gọi là **Hợp tác xã cấp thấp**. Cùng lúc với Hợp tác xã cấp thấp ở nông thôn, có cuộc cải tạo **Công thương nghiệp Tư bản Tư doanh** ở thành thị mà ta sẽ nghiên cứu sau này. Mặc dầu từ cuối năm 1957 trong khi các Tổ đổi công chưa hoàn tất, một số Hợp tác xã cấp thấp đã được phát động làm thí điểm, nhưng chính thức vào năm 1958 phong trào Hợp tác xã cấp thấp mới ra đời, và được thực hiện sớm muộn tùy nơi. Nhất là tại Khu tự trị Thái Mèo và ở Việt Bắc như Tuyên Quang, Thái Nguyên v.v..., phong trào Hợp tác xã được thực hiện rất muộn vì Đảng còn phải ve vuốt các nhóm thiểu số.

Khi chế độ Hợp tác xã mới ra đời, Việt cộng chưa bắt buộc toàn thể dân chúng phải gia nhập, và phần lớn chỉ có đảng viên, giai cấp bần nông gia nhập trước và được hưởng những ưu quyền như con em được đi học, xã viên được cấp phân bón, nông cụ v.v....

Những khẩu hiệu trong giai đoạn này là:

Đảng viên đi trước
Làng nước đi sau,
Đoàn viên đầu tàu
Vào Hợp tác xã.

VC đã phát động phong trào Hợp tác xã một cách rầm rộ như một đại hội, với bích chương, biểu ngữ, chiêng trống, chương trình phát thanh, báo chí, phim ảnh cổ động cho quan niệm Hợp tác xã làm ăn,

"Buôn có bạn, bán có phường
Làm ăn có xóm có làng mới vui"

hoặc:

"Làm ăn riêng lẻ như nghé không đàn
Có tổ có đoàn, mạnh lắm ai ơi"

Để diễn tả sức mạnh của lối làm ăn hợp tác, các văn nô nghĩ ra những lời thơ nghe rất phấn khởi và khoái lỗ tai:

"Nghiêng đồng đổ nước ra sông"

hay là:

"Vắt đất ra nước thay trời làm mưa"

Câu trên ngợi ca cảnh tát nước từ những cánh đồng bị úng nước để cứu cho lúa khỏi chết. Câu dưới tả cảnh tát nước từ sông vào cánh đồng khô cạn để cứu hạn hán. Ngoài ra, hai câu trên còn đề cao khả năng "*cải tạo thiên nhiên*" của lối làm ăn tập thể.

1. Nguyên tắc căn bản của Hợp tác xã cấp thấp

Hợp tác xã cấp thấp có một số khác biệt căn bản so với Tổ đổi công.

Thứ nhất: Trong Hợp tác xã cấp thấp, những xã viên không còn làm chủ đất đai và dụng cụ làm ruộng của mình (Việt cộng gọi là "phá vỡ quyền tư hữu tư liệu sản xuất của tư nhân"). Những nông dân, sau khi được chia ruộng đất qua cuộc cải cách, được cán bộ tuyên truyền gia nhập Hợp tác xã bằng cách nộp hết ruộng đất cho Hợp tác xã, nông cụ được tập trung vào một nơi gọi là kho vật liệu.

Thứ hai: Ban quản trị Hợp tác xã gồm những thành phần đảng viên ưu tú mà thôi. Ban quản trị này lãnh đạo việc "*phân phối sức kéo*" (tức là người và trâu bò), phân phối nông cụ thành các đội hoặc tổ sản xuất. Một xã viên sẽ không còn làm việc trên mảnh đất cũ của mình, mà sẽ làm trên mảnh ruộng của Hợp tác xã.

Thứ ba: Người nông dân sau khi vào Hợp tác xã không còn làm chủ hoa màu do mình sản xuất, không còn gánh thóc về nhà sau mỗi mùa gặt, mà gánh thóc vào kho lẫm của Hợp tác xã. Thay vì hoa màu thu được, người nông dân xã viên được trả lương như một

công nhân viên Nhà nước. Tiêu chuẩn trả lương ra sao là điều ta sẽ nói tới sau.

Mặc dầu những nguyên tắc trên đi ngược lại tinh thần tư sản cố hữu của người nông dân, nhưng cán bộ Đảng đã vẽ ra trước mắt người dân quê Việt Nam một hình ảnh huy hoàng của tương lai: Nhờ hợp tác làm ăn, năng suất sẽ cao hơn trước, và người hưởng lợi trực tiếp là xã viên. Những khẩu hiệu như: "*Hợp tác, cánh đồng năm bảy tấn*" trở thành những chỉ tiêu về gia tăng năng suất trong những Kế hoạch 3 năm và 5 năm. Ngoài ra cán bộ Đảng còn hứa hẹn những tiến bộ kỹ thuật để nâng cao đời sống xã viên như máy cày, máy bơm nước, điện khí hóa nông thôn....

Nông dân miền Bắc nói chung vốn cầu an và có tinh thần làm ăn theo xóm theo phường, nên ban đầu cũng có nhiều người nghe lời tuyên truyền của Đảng gia nhập Hợp tác xã. Có một số ít không gia nhập Hợp tác xã vì lúc này chưa có sự bó buộc. Theo nông dân Lê văn Hùng, thì tại làng Hàm Cách của anh, thuộc huyện Thành Hà, tỉnh Hải Dương, ban đầu chỉ có 20% nông dân tham gia Hợp tác xã cấp thấp. Những nông dân không gia nhập Hợp tác xã nghĩ rằng họ có thể làm ăn riêng lẻ được, và Việt cộng cũng tạm để cho họ yên trong giai đoạn đầu.

Đối với những nông dân gia nhập Hợp tác xã, chỉ trong vòng một thời gian ngắn đã vỡ mộng vì những thu hoạch mà họ mang về cho gia đình không tương xứng với một phần nhỏ của mồ hôi nước mắt mà họ nhỏ xuống gốc rạ. Họ đã phải đóng góp rất nhiều cho Hợp tác xã, nhưng đến cuối mùa họ tổng kết lại thì thấy phần lớn những đóng góp của họ rơi vào một cái thùng không đáy. Sở dĩ như vậy là vì sự cách biệt quá xa giữa một bên là chế độ đóng góp (gồm có lao động, thuế, và các quỹ xã hội...), và một bên là chế độ hưởng thụ theo công điểm (ghi công làm việc của mỗi người).

Chế độ lao động ấn định mức làm việc của mỗi người. Chế độ thuế ấn định bổn phận tài chánh của mỗi công dân. Còn các quỹ đóng góp thì trên lý thuyết tượng trưng cho sự để dành hoặc sự đầu tư của nông dân giống như quỹ an sinh xã hội hoặc những quỹ bảo hiểm của các nước tự do. Chế độ công điểm ghi chép số giờ lao động mỗi người đóng góp mỗi ngày để dựa vào đó trả tiền công cho mỗi người.

Để dễ dàng nhìn thấy sự lợi hại của Hợp tác xã, ta hãy đặt lên bàn cân để so sánh sự đóng góp công sức tài vật của nông dân, với những số thù lao mà họ được hưởng.

2. Chế độ đóng góp của xã viên

Một đặc điểm quan trọng và nổi bật của chế độ Hợp tác xã là "*hạch toán kinh tế*", danh từ Việt cộng chỉ mọi tính toán thu chi lời lỗ, ở đây chỉ về sự đóng góp của xã viên cũng như sự hưởng thụ của xã viên. Đây là đặc điểm quan trọng vào bậc nhất vì nó liên quan mật thiết đến sự tình trạng đói của xã viên, vì thế cho nên hầu như bất cứ hồi chánh viên nông dân nào khi được phỏng vấn cũng biết tính toán một cách rành mạch từng đồng, từng xu những đóng góp và hưởng thụ của xã viên. Vì những con số đó tượng trưng cho sự no đói của xã viên nên sẽ được trình bày khá tỉ mỉ trong bài nghiên cứu này.

a. Đóng góp lao động

Trong một Hợp tác xã nông nghiệp, ban quản trị gồm những người được Đảng lựa chọn từ trước và được vận động ngầm từ trước, mặc dầu cũng được bầu cho đủ hình thức dân chủ.

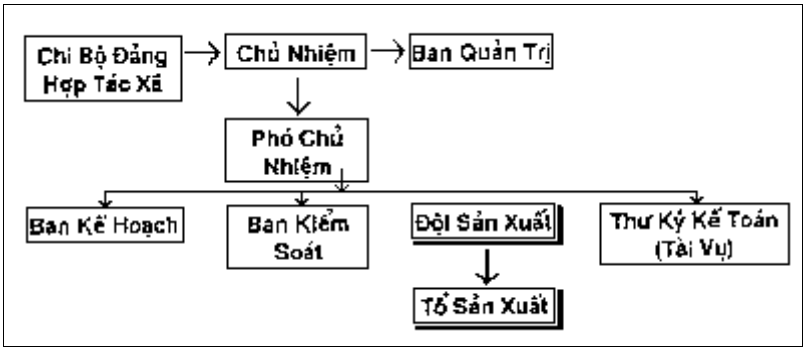

Sơ đồ này cho thấy cái khung của Hợp tác xã gồm có những xã viên nằm trong các đội sản xuất và tổ sản xuất tượng trưng cho bộ máy sản xuất. Bộ máy này được điều khiển bởi các đội trưởng sản xuất theo nguyên tắc "*làm việc tại đồng, phân công tại sở*" có nghĩa là các đội trưởng trở lên ban quản trị Hợp tác xã chỉ việc ngồi rung đùi tại sở để phân công tác, và các xã viên mới là những người phải đổ sức lao động ra tại đồng. Các tổ trưởng là những phần tử bần nông trung kiên vừa làm việc vừa đôn đốc, và ban kiểm soát theo dõi ở trên, đánh giá sự làm việc của mỗi người theo từng loại:

- *Loại A:* loại khỏe mạnh, làm nhanh, tích cực đi làm sớm.
- *Loại B:* là loại làm việc trung bình.
- *Loại C:* là loại làm việc kém, hay đi trễ, không tích cực.

Bình công Chấm điểm

Sau mỗi ngày làm việc, mỗi người được đánh giá lao động bằng cách Bình công Chấm điểm tức là dựa vào một người giỏi nhất

để làm tiêu chuẩn cho điểm những người khác, và gọi tiêu chuẩn đó là "*mốc khoán*". Ví dụ: Trên một mảnh ruộng do một số người làm việc gồm đủ cả 3 loại A, B và C.

Khi chấm điểm mỗi người, loại A được 10 điểm nếu làm đủ 12 giờ một ngày, loại B được 8 điểm và loại C chỉ được 6 điểm. Và số 10 điểm trong một ngày làm việc của một xã viên loại A được dùng làm chuẩn gọi là một công. Một người loại A làm việc 3 ngày được số điểm tương đương với 3 công lao động, trong khi một người loại C làm việc 3 ngày chỉ được ghi có 18 điểm, tức là chưa được 2 công lao động. Muốn đạt được 3 công, xã viên loại C chỉ có hai cách, một là làm thêm ngày, hai là tăng thêm giờ làm việc mỗi ngày. Nhưng cách thứ nhất không thể thực hiện được vì không ai có ngày nghỉ để làm bù nên xã viên loại C chỉ còn một sự lựa chọn là tăng số giờ làm mỗi ngày. Do đó mới có câu "*Làm ngày không đủ tranh thủ làm đêm*".

Tại sao phải làm cho đủ công?

Ban quản trị giao khoán cho từng gia đình phải làm đủ một số công điểm cho mỗi vụ mùa, và danh từ Việt cộng gọi là "*mức giao điểm*", tùy theo số nhân khẩu trong mỗi gia đình.

Nếu gia đình đông người thì mức giao điểm cao. Ví dụ một gia đình có hai lao động chính và một lao động phụ thì mức giao điểm là 5000 điểm, tức là trong một vụ 6 tháng phải làm đủ 5000 điểm, tức là 500 công (10 điểm là một ngày công) mỗi lao động chính phải làm khoảng 170 công và lao động phụ 140 công.

Nghĩa là trung bình mỗi người trong gia đình đó phải làm 170 ngày trong 6 tháng (180 ngày) và mỗi ngày 12 giờ mới hy vọng đạt được mức điểm giao để được tính khẩu phần theo loại A.

Nói như vậy, có phải cứ sáu tháng thì có 10 ngày nghỉ?

Không, con số 170 ngày công là con số lao động được trả lương gọi là "*lao động sản xuất*" như cày, bừa, gặt, hái. Mỗi năm, nông dân còn phải làm lao động không công tức là "*lao động nghĩa vụ*". Việt cộng đặt ra hai loại lao động nghĩa vụ chính:

- *Loại A:* Lao động Thủy lợi - đó là lao động bắt buộc như đắp bờ đập, tát nước, khai nương v.v..., mỗi năm từ 15 đến 30 công.

- *Loại B:* Lao động Xã hội - như đắp đường, xây trụ sở, xây cầu, đi gác ban đêm.

Hai loại nghĩa vụ trên không tính công để lãnh lương, trái lại chỉ có phạt nếu thiếu nghĩa vụ. Ví dụ một người được ban quản trị Hợp tác xã phân công đi đắp đường mà vì lý do gì đó không đi thì bị phạt từ 1 cho tới 3 công (3 ngày công).

Như vậy, nếu gồm cả lao động nghĩa vụ với lao động sản xuất, một xã viên không có đủ số ngày trong một năm để làm cho đủ công điểm. Vì thế hầu như ai cũng phải làm thêm bằng cách ra đồng sớm hơn và ở lại tới khuya để làm thêm. Nhưng không phải ngày nào cũng có thể ở lại khuya để làm thêm, vì còn phải đi họp để học tập về chính sách nông nghiệp, học tập chính trị và đủ thứ học tập khác.

Điều đó có nghĩa là dù có muốn làm cho đủ công điểm, cũng không có đủ giờ để làm theo ý muốn. Và thiếu công điểm là thiếu ăn.

Dù có làm đủ công điểm cũng chưa có nghĩa là đủ ăn, vì đến lúc thu hoạch vào cuối mùa, Hợp tác xã cộng điểm của toàn gia đình và khấu trừ ra 25% gọi là điểm *Kiến thiết Xã hội Chủ nghĩa*, còn lại bao nhiêu mới tính ra giá bằng lúa tùy theo từng vụ. Số lúa tương ứng với mỗi công điểm cũng không nhất định, vì gặp năm mất mùa, số lúa cũng giảm theo, mặc dù công điểm không đổi.

Công dân Lê văn Hùng giải thích rất rõ như sau:

"*Tiền chia cho mỗi điểm tùy theo số thu tổng kết của Hợp tác xã. Hợp tác xã hàng tháng cộng chung số điểm của toàn thể dân làng. Đem số tiền tổng thu chia cho số điểm chung của cả dân làng, ta có tiền cho mỗi điểm. Thí dụ Hợp tác xã tổng thu được 10000 đồng và số điểm chung của Hợp tác xã là 100000 điểm, như vậy mỗi điểm trị giá 10 xu. Mặt khác nếu số tổng thu chỉ có 8000 đồng, thì giá trị mỗi điểm chỉ còn có 8 xu. Tóm lại giá trị mỗi điểm tùy số tổng thu, cho nên, nếu nông dân muốn được số tổng thu cao hơn thì phải gia tăng sản xuất. Hạn hán hay mất mùa là một thảm họa cho nông dân*".

Hình thức bình công chấm điểm bắt buộc mọi người, đàn ông cũng như đàn bà, ông già cũng như bà lão phải làm việc như máy suốt ngày: "*Mệt nhọc đến độ tình vợ chồng cũng bị ảnh hưởng, không còn sức nào mà yêu thương ân ái với nhau được nữa*". (Lời anh Lê văn Hùng)

Tuy số giờ làm việc chính thức là 12 giờ một ngày, nhưng vì ai cũng sợ đói, và nếu có một hai đứa con thì phải làm việc suốt từ 4 giờ sáng tới 10 giờ đêm (18/24 giờ một ngày) mới đủ ăn.

b. Đóng góp Thuế Nông nghiệp và Thuế Đảm phụ.

Khi nhà nước đã nắm toàn bộ sinh hoạt, lợi tức của dân, thì nông dân có còn phải đóng thuế nữa không? Câu hỏi này được anh Lê văn Hùng trả lời như sau:

"*Người dân quê đâu còn gì là của riêng nữa mà đóng thuế. Nhưng trên thực tế họ vẫn gián tiếp phải đóng thuế vì Hợp tác xã nhân danh tập thể đóng thuế cho nhà nước: Thuế Nông nghiệp, Thuế Đảm phụ nghĩa vụ, Thuế Đảm phụ nghĩa thương.*

"Khi HTX đóng thuế cho nhà nước, dĩ nhiên số thóc còn lại để chia cho xã viên phải ít đi. Thí dụ cụ thể cho dễ hiểu: Tại làng Hàm Cách của tôi chẳng hạn, mỗi vụ lúa phải đóng 15 tấn thóc Thuế Nông nghiệp, 5 tấn thóc Thuế Đảm phụ nghĩa vụ và 3 tấn thóc Thuế Đảm phụ nghĩa thương. Tổng số thu hoạch mỗi mùa là 100 tấn, đóng thuế xong chỉ còn 77 tấn. Thuế Nông nghiệp ấn định là 15% sản lượng, Thuế Đảm phụ nghĩa vụ tùy theo tình hình chung, nhưng không quá 5% sản lượng".

Thuế Đảm phụ nghĩa vụ được cán bộ Đảng giải thích như là một thứ thuế đóng thế chân cho việc đi lính làm nghĩa vụ quân sự. Còn Thuế Đảm phụ nghĩa thương là để giúp cho các thương bệnh binh bị đau ốm hoặc bị thương vì đi làm nghĩa vụ quân sự.

Thuế Nông nghiệp là một thứ thuế nặng nề nhất đối với nông dân Bắc Việt, và cán bộ Đảng trong Hợp tác xã thi hành rất khắt khe, ví dụ một cán bộ làm thổ sản ở Thanh Thủy, tỉnh Thanh Hóa tên là Hoàng Văn Kính, là cán bộ phụ trách của tỉnh, có người cha thiếu thuế hai năm liền, tức là phạm vào tội "*dây dưa Thuế Nông nghiệp*". Anh Hoàng văn Kính đã bị Đảng thi hành biện pháp kỷ luật bằng cách khai trừ khỏi Đảng. Sau đó, anh Kính đã "thắc mắc" với chính quyền địa phương nên bị đi cải tạo.

Chẳng những Thuế Nông nghiệp là một sự bóc lột khắt khe, nhưng nông dân oán hận nhất là nhà nước bắt trả các thứ thuế bằng thóc, chứ không phải bằng tiền. Nông dân Nguyễn văn Hùng đã giải thích tại sao trả thuế bằng thóc lại thiệt hại cho dân hơn là trả bằng tiền:

"*Nhà nước mỗi mùa lấy 23 tấn thóc (gồm Thuế Nông nghiệp, Thuế Đảm phụ nghĩa vụ và Thuế Đảm phụ nghĩa thương, áp dụng cho làng Hàm Cách mỗi mùa sản xuất 100 tấn phải đóng thuế 23 tấn), như vậy nghĩa là dân mất đi 23 tấn thóc mỗi mùa. Tại miền Bắc mỗi hột thóc quý như hột vàng. Nếu nhà nước lấy tiền thay thóc thì Hợp tác xã thay mặt tập thể dân chúng chỉ phải đóng 6200 đồng (giá chính thức 270 đồng một tấn thóc). Như vậy đổ đồng mỗi người dân (làng tôi có 100 dân) đóng 62 đồng. Với 62 đồng đó, trên thị trường chợ đen chỉ tương đương với 70 kg thóc hay 50 kg gạo mỗi mùa. Trong khi đó nếu dân được giữ lại 23 tấn thóc (nếu đóng thuế bằng tiền) thì chia đều mỗi người được 230 kg thóc (tức là khoảng 164 kg gạo, và nếu chia cho 6 tháng thì trung bình mỗi ngày một nông dân được thêm gần 1 kg gạo tức là 4 bát cơm đầy). Giá trị một hột thóc ở chỗ đó*".

Chú thích: giá thóc chính thức là 270 đồng một tấn, trong khi giá chợ đen là khoảng 800 đồng tới 900 đồng một tấn vào lúc đó.

Sau khi đã được đóng góp sức lao động, đóng các thứ thuế "*nghĩa vụ cao cả*" nghe khoái lỗ tai, nông dân còn được Đảng thương cho đóng nhiều loại quỹ khác nữa.

c. Đóng góp cho các thứ quỹ của Hợp tác xã.

HTX cũng "thay mặt xã viên" để đóng vào các loại quỹ dưới đây:

Quỹ Thủy lợi: "*Ban quản trị nói là để mua dụng cụ máy móc làm công tác thủy lợi như dẫn nước vào ruộng khô, hút nước ra khỏi ruộng ngập nước, hoặc hệ thống đập nước v.v... nhân dân đóng khá nhiều cho quỹ này, nhưng trên thực tế, Quỹ Thủy lợi thực sự đi đâu mất tiêu và không ai thấy có bằng chứng cụ thể là Quỹ Thủy lợi được dùng vào mục tiêu thủy lợi. Quỹ Thủy lợi đã như nước ngấm vào sa mạc hết trơn, máy bơm nước, máy hút nước không thấy đâu, chỉ thấy nông dân tiếp tục dùng gầu để tát nước thấy ông bà nội*".

Quỹ Tích lũy: "*Cán bộ Việt cộng tuyên truyền rằng quỹ này được dùng để giúp đỡ xã viên gặp hoàn cảnh khó khăn. Trên thực tế một phần nhỏ được dùng để mua dụng cụ làm việc, còn phần lớn để tổ chức những buổi liên hoan của ban quản trị Hợp tác xã, tức là các ông trời con ở nông thôn*".

Quỹ Xã hội: "*Được dùng để xây trường học, xây nhà thương. Tất cả quỹ này được nộp cho xã và từ xã đưa về huyện, hoàn toàn do nhà nước nắm giữ, nhân dân làm chủ nó, nhưng không hề biết nó được chi tiêu ra sao*".

Quỹ Bảo hiểm: *Cán bộ Việt cộng tuyên truyền cổ động như sau về quỹ bảo hiểm: "Lao động phải an toàn. An toàn để lao động*"

Việt cộng đã lên tới đỉnh cao trong việc sản xuất những khẩu hiệu nghe qua thấy mê mẩn tâm thần, nhưng không có liên hệ gì tới thực tế của vấn đề bảo hiểm cả. Các xã viên sau khi "nhờ" Hợp tác xã "đóng tiền dùm" vào các Quỹ Bảo hiểm, thì chẳng biết những quỹ này đi đâu, mà cũng chẳng bao giờ được hưởng những quyền lợi do quỹ này mang lại. Tuy biết rằng mất của, đa số nông dân vẫn đành để cho "của đi thay người" mà không dám thắc mắc, sợ rằng có thể được Việt cộng cho đi xa để tìm ra sự thật như trường hợp anh Hoàng Văn Kính đã nói ở trên.

Tuy nhiên họ cũng phản ứng lại bằng cách khác như ta sẽ thấy sau này. Trong hiện tại nông dân còn nhẫn nhịn thì Việt cộng còn tiếp tục nhẩn nha làm tới. Việt cộng coi nông dân miền Bắc như một thứ trái cây có nhiều lớp vỏ ngọt ngào tha hồ bóc lột từ lớp vỏ này tới lớp vỏ khác để mà ăn. Từ Hồ Chí Minh cho đến tên cán bộ hạng bét của Việt cộng đều thi đua phát huy sáng kiến để bóc lột nông dân.

Sau khi bắt dân góp sức lao động, đóng các thứ thuế, góp các thứ quỹ, Hợp tác xã còn "phát huy sáng kiến" ra một thứ "nhiệm vụ tình nguyện" nuôi gà, nuôi heo cho nhà nước.

Anh Lê văn Hùng kể lại như sau:

"*Về chăn nuôi, mỗi gia đình bắt buộc phải nuôi một số lợn tương đương với 100 kg thịt mỗi năm để bán cho Hợp tác xã. Việc nuôi lợn là việc cưỡng bách và người nuôi không được bán ra ngoài hoặc giết ăn thịt. Mỗi gia đình còn phải nuôi hai con gà cho Hợp tác xã. Không ai muốn nuôi lợn vì bị lỗ vốn, nhưng vẫn bị bắt buộc phải nuôi*".

Vấn đề nuôi heo lỗ vốn đã thành quy luật của xã hội chủ nghĩa Việt cộng. Anh Lê văn Hùng giải thích lý do:

"*Hợp tác xã không cung cấp lợn giống, mà cũng không bán lợn con cho dân. Vì thế, người nuôi lợn phải mua lợn giống ở ngoài với giá tự do. Những người nuôi lợn giống được bán lợn con tự do. Một con lợn con nặng 10 kg giá 30 đồng (tiền miền Bắc). Lợn ở ngoài Bắc thì nhỏ và chậm lớn. Phải nuôi tới tám chín tháng mới lớn tới 50 kg. Lợn được nuôi bằng cám, mà cám thì rất đắt. Mỗi con lợn ăn hết 4 hào tiền cám, nghĩa là 12 đồng một tháng, hay là 96 đồng trong 8 tháng. Hai con lợn mất 192 đồng tiền cám, và giá mua 2 con hết 60 đồng, tổng cộng là 252 đồng tiền vốn. Hai con lợn nặng 100 kg bán cho Hợp tác xã 1 đồng mỗi kg thịt theo giá chính thức, tức là lỗ hết 152 đồng không kể công lao khó nhọc trong tám tháng. Do đó không ai muốn nuôi lợn nếu không bị cưỡng bách. 152 đồng là* ***tiền công 4 tháng lao động cực nhọc ở ngoài đồng.*** *Nhưng nếu không chịu nuôi lợn thì sẽ không được ăn thịt và bị kết tội là phản động chống lại xã hội chủ nghĩa, chỉ biết nghĩ đến quyền lợi ích kỷ làm hại quyền lợi chung.* ***Ngoài ra còn bị phạt 30% số thóc được mua của Hợp tác xã****...*".

Lý do căn bản khiến việc nuôi lợn lỗ vốn là vì phải mua lợn con và thức ăn ở thị trường tự do (gần như chợ đen) và cuối cùng bán thịt heo giá chính thức cho nhà nước. Khi tất cả nông dân bị lỗ, thì chỉ có một bọn hưởng lời trên sức lao động của nông dân. Ai cũng đoán được bọn đó là bọn nào. Khi anh Lê văn Hùng nói đến việc "bị phạt 30% số thóc được mua của Hợp tác xã" thì các độc giả chưa nếm mùi Việt cộng có thể không hiểu điều đó nghĩa là cái gì, và có thể sẽ có người bảo **"cần chi phải mua thóc của Hợp tác xã?".**

Thực ra đây là căn bản của chế độ hưởng thụ, tức là vấn đề no đói của xã viên mà ta sắp phân tích dưới đây.

3. Chế độ hưởng thụ của Hợp tác xã cấp thấp

Chế độ hưởng thụ của Hợp tác xã cấp thấp thay đổi theo từng mùa hay từng vụ tùy theo sự thu hoạch. Vì thế, cứ tới mùa gặt hái là tất cả ba ban kiểm soát, kế hoạch và kế toán châu đầu lại họp với ban quản trị Hợp tác xã để ấn định mức hưởng thụ của xã viên, và danh từ Việt cộng gọi việc này là "*làm phương án kết toán ăn chia*".

a. Định giá trị của một công

Phương án kết toán ăn chia là đường lối đại cương mỗi vụ mùa. Sau khi phương án làm xong, ban quản trị quyết định mức ăn chia tức là mức độ hưởng thụ dựa trên giá trị của mỗi công theo cách thức mà anh Lê văn Hùng đã mô tả (một công có thể từ 8 xu tới 10 xu). Cán bộ Việt cộng đi kiểm tra tất cả các mảnh ruộng bằng cách đo năng suất mỗi mảnh, rồi từ đó tính ra mức tổng thu.

Xã viên không được trả công dựa trên mức tổng thu. Hợp tác xã trích một phần của số tổng thu để đóng các loại thuế, các loại quỹ, các loại công khác. Còn lại mới chia cho số điểm tổng cộng của toàn thể xã viên để ấn định giá trị của công điểm.

Hợp tác xã sẽ tùy theo công điểm của mỗi xã viên để trả tiền cho từng người, và với số tiền đó xã viên đến Hợp tác xã để mua gạo về ăn. Dĩ nhiên ai cũng muốn mua gạo của Hợp tác xã theo giá chính thức thay vì mua ở ngoài theo giá chợ đen. Nhưng điều đó không có nghĩa là "có tiền mua tiên cũng được". Thật ra ít có xã viên nào có đủ công điểm để mua gạo theo đúng tiêu chuẩn ăn của mình. Và dù có dư công điểm, số gạo được mua cũng bị hạn chế bởi cái **"mức ăn quy định"** giống như gông cùm để kềm kẹp cái miệng và bao tử.

b. Mức ăn quy định:

Tức là tiêu chuẩn lương thực, bao gồm những "cấp bậc ăn uống" khác nhau tùy theo khả năng lao động cũng như loại lao động. Khả năng lao động được chia theo cấp bậc A, B, C như đã nói ở trên.

Còn các loại lao động gồm có: *Lao động chính:* Những người sản xuất nông nghiệp. *Lao động phụ:* Những người làm các nghề khác như đánh cá, thủ công nghiệp, chăn nuôi, thợ nề, thợ mộc. *Mất sức lao động:* Những người già cả. *Không lao động:* Con nít dưới 8 tuổi.

Mức ăn quy định còn thay đổi tùy theo vùng và tùy theo từng giai đoạn.

Nguyễn Văn Việt, một cán binh xâm nhập từ Bắc Việt vào Nam, sinh năm 1952, khi hồi chánh năm 1970 mới được 18 tuổi cho biết về vấn đề thực phẩm ở tỉnh Tuyên Quang (Khu tự trị Việt Bắc là nơi anh sinh trưởng). Trước khi Hoa Kỳ oanh tạc miền Bắc (1965) thì

anh Việt còn nhỏ tuổi nên không lưu ý về khẩu phần gạo là bao nhiêu, nhưng: "*...Sau khi người Mỹ ngừng ném bom miền Bắc, đời sống của nhân dân riêng tỉnh Tuyên Quang trở nên sung túc hơn.... Tiêu chuẩn gạo hàng tháng của người dân khu tự trị Việt Bắc là 21 cân gạo (21 kg) cho một lao động chính, học sinh được 18 cân, trẻ em được 6 cân*".

Về lý do tại sao người dân ở Khu tự trị được tiêu chuẩn gạo cao trong khi đa số người dân đồng bằng miền Bắc chỉ được tối đa là 13 đến 18 cân, anh Việt giải thích như sau: "*Người dân ở Khu tự trị Việt Bắc vốn được ăn uống tự do, nên tiêu chuẩn 21 cân gạo/tháng cũng là quá ít ỏi. Nếu phải ăn ít hơn nữa họ sẽ không tin tưởng vào nhà nước*".

Tình trạng anh Việt mô tả là tình trạng dễ thở tại Khu tự trị Việt Bắc mà Việt cộng cần ve vuốt nhẹ tay để tránh sự nổi loạn. Ở những vùng khác như Thanh Hóa, vào năm 1967-1968, tiêu chuẩn lương thực đại khái như sau:

Tiêu chuẩn gạo mỗi tháng		
(lao động cừ, thừa công điểm)	**Loại A**	**Số lượng**
	Lao động chính	9,6kg
	Lao động phụ	7,0kg
	Mất sức lao động	6,4kg
(trung bình, vừa đủ công điểm)	**Loại B**	**Số lượng**
	Lao động chính	8,4kg
	Lao động phụ	6,0kg
	Mất sức lao động	4,8kg
	8 tuổi trở xuống	4-6kg
(lao động kém, thiếu công điểm)	**Loại C**	**Số lượng**
	Lao động chính	7,0kg
	Lao động phụ	5,25Kkg
	Mất sức lao động	4,0kg
	Dưới 8 tuổi	2-3kg

Ở làng Hàm Cách, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương, tiêu chuẩn gạo cao hơn vùng Thanh Hóa nhưng, câu hỏi đáng đặt ra ở đây là: "Nếu đã trả tiền theo công điểm thì cần gì Việt cộng phải ấn định tiêu chuẩn lương thực?"

Anh Lê văn Hùng đã trả lời câu hỏi trên theo hoàn cảnh ở làng Hàm Cách, nhưng câu trả lời của anh cũng áp dụng được cho tất cả các địa phương khác:

"*Vấn đề mức ăn quy định thực sự không giản dị. Nhà nước ấn định cho mỗi lao động chính là 14,4kg gạo một tháng, lao động phụ 12kg gạo một tháng, trẻ nhỏ dưới 10 tuổi được 6 hoặc 7kg gạo. Thí dụ gia đình tôi 2 vợ chồng, 2 đứa con dưới 10 tuổi, tôi được quyền mua gạo theo tiêu chuẩn 14,4kg cho tôi 12kg cho vợ tôi, và 12kg cho 2 đứa con, tổng cộng 38,4kg gạo một tháng. Hợp tác xã tính công điểm trả thành tiền. Tôi lấy tiền đó mua thóc (hoặc tính ra gạo) ở Hợp tác xã. Nếu tôi làm khỏe được nhiều điểm, tôi mua thóc đủ tiêu chuẩn, còn thừa tiền mang về tiêu riêng và mua thực phẩm, chứ không được quyền mua thêm quá tiêu chuẩn. Nếu chẳng may vì ốm đau hay vì một lý do nào đó tôi làm không đủ điểm, nhất định tôi không đủ tiền mua thóc, thì nguy hiểm vô cùng. Thí dụ cho dễ hiểu: Tháng X, tôi làm ít công điểm, cả gia đình chỉ đủ mua 24kg gạo, tức là thiếu 14,4kg gạo. Theo như tiêu chuẩn ấn định, tôi không được quyền mua 14,4kg đó, cho dù tôi có tiền*".

Tới đây, độc giả có thể hiểu "*bị phạt 30% số thóc được mua của Hợp tác xã*" nghĩa là gì, và hậu quả ra sao. Đó là 30% số lương thực để ăn trong cả vụ mùa. Nếu bị phạt 30% số thóc được mua của Hợp tác xã, người ta phải mua bù ở chợ đen với giá cắt cổ thì chỉ có nước treo cổ lên xà nhà để tự vận (Nhưng khổ là Đảng không cho ai chết vì Đảng cần lao động để sản xuất).

4. Phản ứng của nông dân đối với Hợp tác xã cấp thấp

Sau khi đa số nông dân dại dột nghe theo Đảng để vào Hợp tác xã cấp thấp, cuộc đời của họ tuy được sống trong những năm hòa bình và ổn định hơn thời đấu tranh sắt máu trước đó, nhưng điều kiện làm việc thật là khắt khe và sự thu hoạch về cho gia đình không đủ số dù đã làm việc như trâu bò. Hơn nữa, họ hoàn toàn mất hết quyền tư hữu, quyền tự do, lại thêm bị nhồi sọ ngày đêm về chính trị riết rồi phát khùng. Nông dân nhìn ra Hợp tác xã không nhằm mục đích giúp đỡ dân, mà thực ra là để bóc lột dân đến kiệt quệ, và họ đã phản ứng.

Nhưng rút kinh nghiệm của cuộc đấu tranh Cải cách Ruộng đất, những nông dân bất mãn không dám tỏ ra chống đối hoặc vi phạm những quy luật chính trị mà chỉ dám phản ứng trong phạm vi có thể

được. Vì Đảng nói rằng không ép buộc mọi người vào Hợp tác xã nên những nông dân bất mãn đã làm đơn rút ra khỏi Hợp tác xã.

Có hai loại gia đình xin ra khỏi Hợp tác xã.

Loại thứ nhất gồm những gia đình có đông người mạnh khỏe, có trâu bò, và họ lại là những người lao động giỏi, siêng năng. Nhưng ở trong Hợp tác xã dù làm giỏi, dư công điểm cũng phải bán hết số thu hoạch cho nhà nước theo chế độ "thu mua".

Loại thứ hai gồm những gia đình thiếu người lao động giỏi, nên vụ mùa nào cũng thiếu điểm, mang nợ liên tiếp trong nhiều mùa, mà còn bị nhục mạ là lười biếng, ích kỷ, không tích cực đối với quyền lợi tập thể.

Khi những cá nhân riêng lẻ này rút ra khỏi Hợp tác xã thì họ đã hành động đơn phương chứ không dám rủ nhau, nhưng vì nhiều người đơn phương rút ra nên tình cờ đã biến thành phong trào xảy ra khắp nơi, làm cho nhiều Hợp tác xã phải giải tán. Ví dụ ở vùng Bình Cát, Thanh Thủy, Thanh Hóa, Việt cộng phải giải tán 3 Hợp tác xã để gom lại làm một. Ở vùng Xích Thổ, Ninh Bình, nhiều Hợp tác xã phải giải tán toàn bộ để tổ chức lại.

Đối với Khu tự trị Thái Mèo, vì đồng bào thiểu số chống đối mạnh nên cho mãi tới năm 1964 vẫn chưa tiến lên được Hợp tác xã cấp thấp. Nói chung trên toàn miền Bắc trước kia vẫn có một số nông dân đứng ngoài Hợp tác xã và Việt cộng vẫn để yên cho họ sống. Những người này trao đi đổi lại những sản phẩm với nhau và làm thành một thứ thị trường ngoài Hợp tác xã mà ta gọi là thị trường tự do và chợ đen.

Việt Cộng đối phó ra sao?

Khi những người xã viên rút ra khỏi HTX, lối làm ăn cá thể và thị trường tự do đột nhiên lớn hẳn lên và đe dọa quyền lực Đảng, do đó Việt cộng chỉ thị cho các chính quyền địa phương và ban quản trị Hợp tác xã phải có biện pháp đối phó. Có ba biện pháp chính được áp dụng.

Biện pháp tuyên truyền giáo dục và dùng đoàn viên vận động với gia đình

Đối với các đoàn viên (chưa phải là đảng viên) có gia đình ra khỏi Hợp tác xã, Đảng và Đoàn áp dụng biện pháp kỷ luật như phê bình kiểm thảo, áp lực để đoàn viên dùng tình cảm lôi kéo gia đình trở lại Hợp tác xã. Nếu không thành công có thể dùng biện pháp khai trừ khỏi Đoàn. Biện pháp này cũng không đạt nhiều kết quả, và Việt cộng phải tiến thêm một bước nữa.

Biện pháp cấp thẻ xã viên

Thẻ xã viên có công dụng cho xã viên có thể mua đồ dùng hay thực phẩm ở Mậu dịch Quốc doanh. Biện pháp này tương đối hữu hiệu hơn, vì đa số xã viên sống bằng nông nghiệp, nên khi ra khỏi Hợp tác xã chỉ có thể cấy lúa. Nhưng khi muốn có muối ăn, vải mặc, họ phải tới cửa hàng mậu dịch diêm-nghiệp hoặc mậu dịch của Hợp tác xã dệt vải để mua. (các ngành này đều được tổ chức thành Hợp tác xã). Nếu không có thẻ xã viên thì không mua được muối được vải. Biện pháp này tương đối có hiệu quả hơn và đã buộc nhiều người quay trở vào HTX.

Biện pháp khoanh vùng

Nói chung, đối với những xã viên ra khỏi Hợp tác xã, ban quản trị phải trả lại đất. Nhưng vì những bờ ruộng đều phá hết cả, nên không ai có thể nói rằng đất cũ của mình ở đâu. Lợi dụng tình trạng này, Hợp tác xã đã đưa ra biện pháp **khoanh vùng** để bóp chết những nông dân này. Hợp tác xã đã dành những mảnh đất thật xấu hoặc ở những vùng cao không có nước, lại bị ruộng của Hợp tác xã bao vây, muốn lấy nước vào ruộng không được vì Hợp tác xã không cho nước chảy qua. Cuối cùng nhiều người đành phải trở vào Hợp tác xã, và tất cả đều phải bị phạt công điểm rất nặng.

Cũng vào khoảng mùa Đông 1957, miền Bắc bị mất mùa rất trầm trọng, khắp nơi bị đói, và Đảng đã tổ chức cứu trợ, nhưng chỉ cứu những người ở trong Hợp tác xã mà thôi. Dĩ nhiên, những ai ở ngoài Hợp tác xã nếu muốn khỏi chết đói thì phải gia nhập Hợp tác xã. Thật ra nếu năm 1957 không có nạn đói thì sớm muộn gì cũng có một nạn đói khác để giúp Đảng thanh toán Hợp tác xã cấp thấp vì từ năm 1956 tới 1968 miền Bắc đã trải qua 7, 8 lần mất mùa đói kém.

Tại những nơi mà đa số nông dân bị bắt buộc phải quay trở lại Hợp tác xã, Đảng bèn thừa thắng xông lên, đẩy mạnh phong trào **Hợp tác xã cấp cao**. Điển hình là tại làng Hàm Cách lúc này nông dân đã hoàn toàn bị đoàn ngũ hóa và Đảng đề ra chiến dịch cải tiến đợt I với khẩu hiệu "*công hữu hóa ruộng đất trâu bò*", và thanh toán nốt số 5% hoa mầu mà nông dân được hưởng trong Hợp tác xã cấp thấp.

Trong giai đoạn Hợp tác xã cấp cao, Đảng đã gia tăng năng xuất nông dân như thế nào, và nông dân "sung sướng" như thế nào, đó là điều chúng ta sẽ nghiên cứu trong kỳ tới.

V- Xây dựng Lực lượng để chuẩn bị xâm chiếm miền Nam

Ngày 21-7-1954, trong buổi họp kết thúc Hội nghị Genève, Phạm Văn Đồng tuyên bố sẽ đạt tới thống nhất như đã chiến thắng nước Pháp. Ngày hôm sau, 22-7-1954, Hồ Chí Minh cũng nhấn mạnh sự quyết tâm này bằng cách công khai kêu gọi nhân dân miền Bắc đấu tranh gian khổ và trường kỳ để chiếm cho được miền Nam, mà họ Hồ gọi là "lãnh thổ của chúng ta". Để có thể chiếm được miền Nam, Việt cộng phải củng cố ách thống trị trên miền Bắc, một công việc mà Hồ Chí Minh gọi là "Xây dựng Xã hội Chủ nghĩa".

Sau cuộc Cải cách Ruộng đất, Việt cộng đã đoàn ngũ hóa được khối nhân lực ở nông thôn. Đồng thời cuộc cải tạo tư bản tư doanh, đưa đến công tư hợp doanh, và biến thành quốc doanh cùng hợp tác hóa nông nghiệp, đăng ký hộ khẩu giúp nhà nước Cộng sản đoàn ngũ hóa được khối nhân lực thành thị. Tổng cộng trong những năm sau đó, Việt cộng đã động viên được một khối nhân lực lao động lên tới 9.600.000 người dưới sự lãnh đạo sản xuất của nhà nước. Họ làm đêm làm ngày, tăng gia sản xuất, "một người làm việc bằng hai" để tăng cường củng cố sức mạnh của chế độc và chuẩn bị xâm chiếm miền Nam. Tất cả các nỗ lực của miền Bắc đều dồn vào việc thực hiện hai mục tiêu trên.

Tháng 2-1957, Việt cộng triệu tập Đại hội Trung ương Đảng Lao động khóa 12 để thông qua kế hoạch nhà nước năm 1957, và để tăng cường quốc phòng.

Tháng 4-1960, Quốc hội bù nhìn Việt cộng thông qua Đạo luật Động viên thanh niên miền Bắc mà Việt cộng gọi là Đạo luật về Nghĩa vụ Quân sự.

Đó là những nét đại cương về đường lối chính sách trên phương diện quân sự. Nhìn lại thực tế thì, vào thời điểm 1955 sau khi chiếm được miền Bắc, cuộc chiến tranh chống Pháp đã để lại cho Việt cộng một quân đội tuy háo chiến nhưng còn yếu kém về tổ chức và kỹ thuật hiện đại. Muốn xâm lăng miền Nam, Việt cộng cần cải tổ lại quân đội đó. Công tác này được gọi là "Công cuộc xây dựng quân đội chính quy miền Bắc" mà ta sẽ nói ở phần sau. Nhưng công tác này không đòi hỏi nhiều thì giờ cho bằng công tác xây dựng kinh tế miền Bắc, vì muốn vơ vét nhân lực miền Bắc, Cộng sản đã lợi dụng luôn lực lượng quân đội làm cái khung cho công việc sản xuất, và chuẩn bị các cơ sở có tính cách phục vụ cho một cuộc chiến tranh lâu dài. Với ý niệm trên, trong chương này, chúng ta sẽ nghiên cứu 3 chủ đề chính:

- Tổng biên chế quân đội miền Bắc.

- Xây dựng các công trình sản xuất chiến lược, cơ sở quân sự và xa lộ chiến lược.

- Xây dựng lực lượng chính quy Việt cộng trong đó có công tác hiện đại và công tác chính trị hóa quân đội.

I. Tổng biên chế Quân đội miền Bắc

Năm 1956 Phạm Văn Đồng "đệ trình" lên Quốc hội bù nhìn Việt cộng dự luật "Giảm trừ Quân bị". Nguyễn Ngọc Mai, một hồi chánh viên thuật lại: "*Theo dự luật này, Việt cộng nói rằng sẽ giảm bớt 80.000 bộ đội chính quy, và tuyên truyền ầm lên rằng miền Nam vi phạm hiệp định Geneve, không chịu Hiệp thương Tổng tuyển cử*".

Thực chất của vấn đề là Việt cộng miền Bắc dùng dự luật Giảm trừ Quân bị làm bình phong cho chính sách Tổng biên chế Quân đội miền Bắc. Danh từ Tổng biên chế có nghĩa là chuyển một cách quy mô số 80.000 quân đội từ công tác chiến đấu sang công tác sản xuất mà vẫn duy trì khả năng võ trang. Danh từ Tổng biên chế khác với danh từ *Phục viên* của Việt cộng dùng để chỉ việc giải ngũ quân đội cho họ trở thành thường dân. *Phục viên* có nghĩa là *về vườn* (mượn của Tàu).

Điểm chủ yếu của chính sách Tổng biên chế quân đội Miền Bắc là quân đội đóng vai trò chính trong mọi công tác sản xuất, làm thành phần tiên phong để xây dựng nhất là ngành công nghiệp và nông nghiệp. Sau chiến dịch sửa sai và ổn định tình hình chính trị, ổn định tình hình an ninh lãnh thổ, Việt cộng đặt một kế hoạch ba năm (1957,1958,1959) ổn định kinh tế với mức yêu cầu là phải đạt được nền kinh tế 1939 (Việt cộng lấy tiêu chuẩn năng suất canh nông của năm 1939 là năm tấn mỗi hectare). Chính sách Tổng biên chế quân đội mang phần lớn nhân lực của quân đội Việt cộng ra thực hiện công tác phục hồi kinh tế và chỉ giữ lại một số quân thường trực để đáp ứng tình hình.

1. Sự lợi hại của chính sách Tổng biên chế

Chính sách Tổng biên chế đã giải quyết một lúc hai vấn đề gai góc:

- Thứ nhất là các đơn vị miền Nam ra tập kết ngoài Bắc, sau công tác đàn áp di cư và Cải cách Ruộng đất, trở nên dư thừa và có nhiều bộ đội tập kết thất vọng vì Hồ Chí Minh không thực hiện được sự thống nhất đất nước qua một cuộc tổng tuyển cử như đã hứa hẹn long trọng. Không thống nhất được đất nước, nghĩa là sau 2 năm xa cách miền Nam, những bộ đội tập kết ra Bắc nhìn thấy hy vọng được phép về đoàn tụ với gia đình trở nên quá mờ mịt. Trong 5 năm hay 10 năm, chưa chắc đã gặp lại thân nhân còn ở lại miền Nam, việc "hội nhập" một số đông đảo thanh niên gốc miền Nam ở đất Bắc là một vấn đề khó khăn, gây nhiều áp lực tâm lý trên tập thể này.

Đề ra chính sách Tổng biên chế, Việt cộng hứa hẹn sẽ xây dựng gia đình cho các anh em bộ đội tập kết bằng cách đưa anh em đi khai phá miền thượng du lập nông trường, nơi mà nhà nước gọi là "quê hương mới". Khi đã đưa anh em tới nơi khai phá nông trường, một mặt nhà nước hứa hẹn xây dựng vợ con cho bộ đội, một mặt ra lệnh cho Tỉnh ủy địa phương tuyển mộ những thiếu nữ địa phương từ 18 tới 25 tuổi vào làm công nhân trong nông trường. Các nữ công nhân này khi đã vào trong nông trường mới biết rằng mình không được phép ra khỏi nông trường, vì lệnh trên truyền xuống là bất cứ nữ công nhân nào muốn ra nông trường phải có giấy phép của "*chồng*". Như vậy họ chỉ còn có cách lấy bộ đội tập kết chứ còn cách nào khác nữa! Tình trạng này đã đưa đến những sự mâu thuẫn giữa bộ đội tập kết và dân chúng địa phương, vì trong số những nữ công nhân bị đưa vào nông trường, có nhiều người đã hứa hôn với thanh niên tại địa phương. Do đó nhiều thanh niên địa phương tìm đánh bộ đội tập kết vì cho rằng các anh em tập kết đã chiếm đất lại còn chiếm cả vợ của họ nữa.

Vấn đề gai góc thứ hai là tại Việt cộng có nhiều nơi ở đồng bằng dân cư quá đông, mà đất đai cằn cỗi không canh tác được, trong khi ở miền thượng du nhiều nơi đất còn nguyên mầu mỡ chưa được khai phá. Những người nông dân Việt Nam rất sợ nơi rừng thiêng nước độc, vả lại công việc phá rừng lấy đất trồng trọt là một công tác cực kỳ gian khổ. Đề ra chính sách Tổng biên chế quân đội, đảng và nhà nước có một lực lượng nhân công có sẵn tinh thần kỷ luật, chịu đựng gian khổ.

Có nhiều nông trường "*quê hương mới*" được bắt đầu thiết lập từ 1957-1958, mà quan trọng nhất phải kể nông trường Lam Sơn ở Thanh Hóa, nông trường Đồng Vàng ở Phú Thọ, nông trường gỗ Cao-Bắc-Lạng (thuộc ba tỉnh Cao Bằng, Bắc Kạn và Lạng Sơn).

Tại nông trường Lam Sơn, chính sách Tổng biên chế sử dụng bộ đội của Sư đoàn 338 tập kết, mỗi tiểu đoàn lấy ra một đại đội xuất sắc. Sự gian khổ cực nhọc của công việc khai phá nông trường có khi còn vượt quá mức độ ở nông thôn, nơi giờ lao động hàng ngày là 12 giờ, từ 6 giờ sáng tới 6 giờ tối. Một cán binh tập kết thuộc Sư đoàn 338 đã phải phục vụ tại nông trường Lam Sơn 3 năm từ 1958 đến 1961, kể lại nỗi gian khổ và công trình trồng cà phê, cao su:

"*Công việc khai thác rừng để thành lập nông trường là một công tác cực nhọc vô biên, không tả xiết. Từ nhỏ đến lớn, chưa bao giờ tôi phải làm cực nhọc như thế. Nông trường lấy tên là nông trường Lam Sơn tại huyện Hòa Lạc, tỉnh Thanh Hóa, quê hương vua Lê Lợi. Chúng tôi đến đây phá rừng để trồng cà phê, cao su và chăn*

nuôi trâu bò gà vịt. Chiến sĩ lúc này trở thành một tên cu-li, đầu đội nón lá tay cầm rựa suốt ngày đi chặt cây đốt rừng, cuốc đất v.v.... Nắng cháy da thịt. Chúng tôi có cảm tưởng như tù khổ sai bị đầy ải..." (Nguyễn Văn Hoài).

Ngoài Sư đoàn 338 tập kết, tại Nông trường Lam Sơn còn có nhiều đơn vị khác nữa vì tổng số bộ đội tập kết tại đây là 39 đại đội, mỗi đại đội phụ trách một khu rừng và được tăng cường thêm một số công nhân địa phương.

"*Đời sống anh em mình ngày Bắc đêm Nam*" đó là câu nói thường xuyên của các anh em tập kết, có nghĩa là ban ngày gian lao khổ cực không còn thì giờ suy nghĩ nhưng đêm xuống là tâm hồn bộ đội tập kết đều hướng về miền Nam nơi gia đình thân yêu đương sống.

Tại nông trường Đồng Vàng, Phú Thọ, bộ đội tập kết được Tổng biên chế để khai khẩn nông trường trồng trà và cà phê. Thượng uý Đặng Anh Kiến thuộc Trung đoàn tập kết 96 từ An Khê ra Bắc và hoạt động tại nông trường Đồng Vàng, cho biết hai phần ba trung đoàn và cơ quan Trung đoàn Bộ được đưa tới nông trường:

"*...Lúc mới đầu tuy sản xuất nhưng vẫn giữ nguyên cách thức tổ chức và điều hành của quân đội, nhưng về sau, khi nông trường đã hoạt động đều, hình thức quân đội được xoá bỏ. Anh em bộ đội biến thành công nhân của nông trường, trực thuộc Bộ Nông trường. Nghĩa là họ chính thức thành công nhân, họ ăn lương theo cấp bậc công nhân nông trường chứ không còn ăn lương của quân đội nữa.... Trong thời gian khai phá nông trường Đồng Vàng (lúc ban đầu) chúng tôi vẫn ăn uống theo chế độ cung cấp của quân đội, 1 ngày là 0.70 đồng (tức là 21 đồng một tháng). Ngoài ra chúng tôi không được bồi dưỡng thêm gì cả. Có thể nói thời gian này mồ hôi chúng tôi đổ rất nhiều...*"

"*... Sau khi các nông trường đã hoàn chỉnh, nghĩa là các nông trường đã bắt đầu hoạt động thì nhà nước đẩy các chị em phụ nữ chưa chồng vào các nông trường. Và sau đó, anh em bộ đội và chị em phụ nữ xây dựng với nhau thành những cặp vợ chồng. Trong tinh thần đó các nông trường dần dần lớn mạnh và trở thành những trung tâm kinh tế đông dân cư...*".

Chính sách Tổng biên chế không phải chỉ đem quân đội vào nông trường, mà nói chung vào tất cả mọi ngành:

"*Nông trường là ngành mà quân đội xây dựng đến 80% hay 90% Về công nghiệp (công trường) quân đội cũng chuyển ngành qua xây dựng, như khu công nghiệp Việt Trì là do Trung đoàn 108 thuộc Sư đoàn 305 xây dựng hoàn toàn, hoặc khu Liên hợp Gang*

thép Thái Nguyên là do Sư đoàn 316 xây dựng.... Hoặc công tác cải tạo tư bản tư doanh, công tư hợp doanh ở thành thị cũng đều do cán bộ quân đội đảm trách... Có thể nói quân đội chiếm trên 90%. Ngay công an dân cảnh Hà Nội bây giờ, các hầm mỏ, cảng Hải Phòng". (Đặng Anh Kiến).

Ngoài việc Tổng biên chế các đơn vị chiến đấu chính quy để làm công tác sản xuất, Việt cộng bắt bộ đội phải thi hành Lời thề thứ 5: "*Quân đội làm tròn trách nhiệm là chiến đấu và sản xuất*". Vì thế các đơn vị chủ lực của các tỉnh, hay các đơn vị công binh, cầu đường sống tại căn cứ, ít di chuyển cũng phải sản xuất để tự túc cung cấp lương thực một tháng mỗi năm. Các đơn vị này còn phải chăn nuôi thêm để trực tiếp cung cấp thịt ăn.

2. Các Nông trường, Công trường do Quân đội được Tổng biên chế để xây dựng và quản lý

Mặc dầu các cán binh bị đem vào nông trường và công trường làm công tác sản xuất như một công nhân viên, họ vẫn phải nằm trong khuôn khổ huấn luyện quân sự. Trên toàn miền Bắc có 43 nông trường, thì 32 cái được gọi là nông trường quân đội, trong đó hàng tuần công nhân được huấn luyện quân sự, và được biên chế vào các đơn vị đại đội, tiểu đoàn, trung đoàn chiến đấu.

Một hồi chánh viên cho biết như sau: "*Mỗi nông trường coi như một trung đoàn tự vệ. Khi cần thiết họ có thể điều động một lúc hàng trăm người ra chiến đấu ngay được, ví dụ cụ thể năm 1961, nông trường Rạng Đông tỉnh Nam Định thuộc Quân khu Hữu ngạn Sông Hồng điều động một lần được 300 sĩ quan và binh sĩ đi chiến đấu ở chiến trường B (miền Nam) chiến trường C (Lào) và sau đó mỗi quý, mỗi 6 tháng hay một năm lại điều động một loạt cho đến khi hết cựu sĩ quan và binh sĩ ở nông trường mới ngưng lại. Như vậy mục đích họ thành lập nông trường Quốc doanh do bộ đội chuyển ngành sang (Tổng biên chế) là để giữ lượng cựu sĩ quan và binh sĩ lại để vừa sản xuất kinh doanh vừa huấn luyện quân sự, và khi cần thiết có thể điều động ngay ra chiến trường chiến đấu*...".

Các nông trường còn là nguồn bổ sung lực lượng trừ bị. Đó là các thanh niên được tuyển từ các thành phố, thị xã hoặc các vùng nông thôn vào làm công nhân trong nông trường. Một khi đã vào nông trường, họ bị khép vào kỷ luật quân đội, kỷ luật tập thể, phải học tập chính trị và bị nhồi sọ bằng tư tưởng Mác-xít.

Trên phương diện an ninh diện địa, các nông trường còn có nhiệm vụ phòng thủ biên giới, bờ biển và các vị trí trọng yếu như ta sẽ thấy trên bản đồ dưới đây. (*xem bản đồ*)

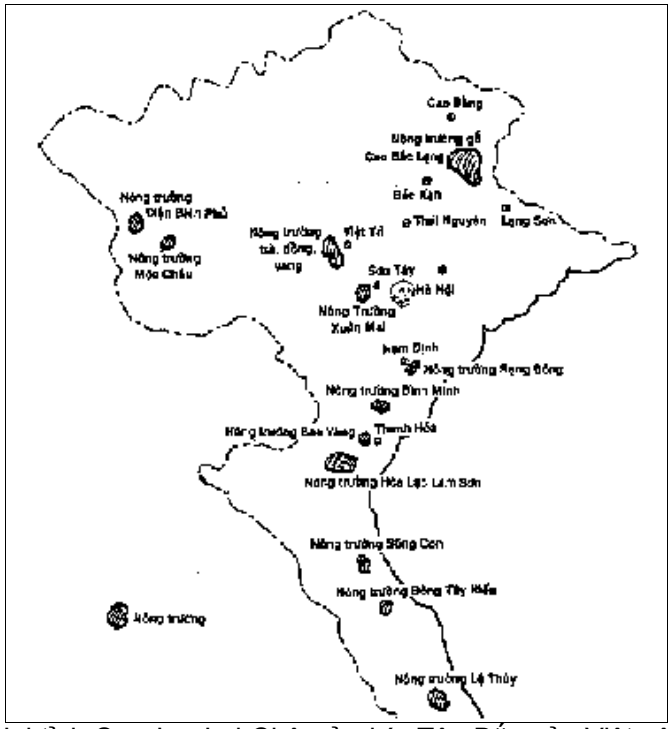

- Hai tỉnh Sơn La, Lai Châu ở phía Tây-Bắc của Việt cộng có 2 nông trường Điện Biên Phủ và nông trường Mộc Châu do hai trung đoàn thuộc Sư đoàn 305 tập kết và 316 đóng giữ.

- Tỉnh Sơn Tây có nông trường Xuân Mai do một trung đoàn của Sư đoàn 338 tập kết trấn đóng.

- Tỉnh Thanh Hóa có nông trường Sao Vàng do một trung đoàn của Sư đoàn 338 quản trị, cùng với nhiều đơn vị khác, tổng cộng 39 đại đội tập kết (tương đương một Sư đoàn).

- Tỉnh Nam Định có nông trường Rạng Đông do Trung đoàn độc lập 269 quản trị.

- Tỉnh Ninh Bình có nông trường Bình Minh do Trung đoàn độc lập 271 quản trị.

- Tỉnh Nghệ An có các nông trường Sông Con, Đông Tây Hiếu do một trung đoàn của Sư đoàn 324 tập kết quản trị.

- Tỉnh Quảng Bình có nông trường Lệ Thủy do một trung đoàn của Sư đoàn 325 tập kết quản trị.

- Tỉnh Phú Thọ có nông trường Đồng Vàng do Trung đoàn tập kết 96 (từ An khê ra Bắc) quản trị.

- Khu công nghiệp Việt Trì do Trung đoàn 108 thuộc Sư đoàn 305 tập kết quản trị.

- Khu Liên Hợp Gang Thép Thái Nguyên do Sư đoàn 316 xây dựng và quản trị.

3. Hệ thống tổ chức các Nông trường, Công trường

Mặc dầu các nông trường, công trường quốc doanh là do quân đội xây dựng và quản trị, nhưng các nông trường đều do một Bộ Nông trường chỉ huy trên phương diện chính quyền, và các Đảng ủy trong nông trường thì chịu sự lãnh đạo trực tiếp của Tỉnh ủy chứ không ở dưới sự lãnh đạo của Huyện ủy địa phương, mặc dầu trên phương diện địa dư nó có thể nằm trong phạm vi một huyện. Ví dụ nông trường Rạng Đông thuộc phạm vi địa dư và hành chánh huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định, thì Đảng ủy nông trường chịu sự điều khiển của tỉnh ủy Nam Định, mặc dầu trong những vấn đề hành chánh thì cũng có liên lạc hội ý với cơ quan hành chánh địa phương của huyện Nghĩa Hưng.

Những nông trường hoặc công trường tùy theo phạm vi lớn nhỏ phải sử dụng ít hoặc nhiều công nhân, hoặc phải dùng cơ giới. Ví dụ khu Liên hợp Gang thép Thái Nguyên là một công trường đại quy mô có tới 20.000 nhân công. Nông trường Rạng Đông là một nông trường trung quy mô, còn gọi là nông trường loại II, sử dụng khoảng 2500 cán bộ và công nhân (từ 2.500 đến 5.000 nhân công là trung quy mô. Theo tài liệu phỏng vấn các hồi chánh viên, hệ thống tổ chức của một nông trường điển hình có thể được mô tả theo sơ đồ dưới đây của nông trường Rạng Đông. (*xem sơ đồ*)

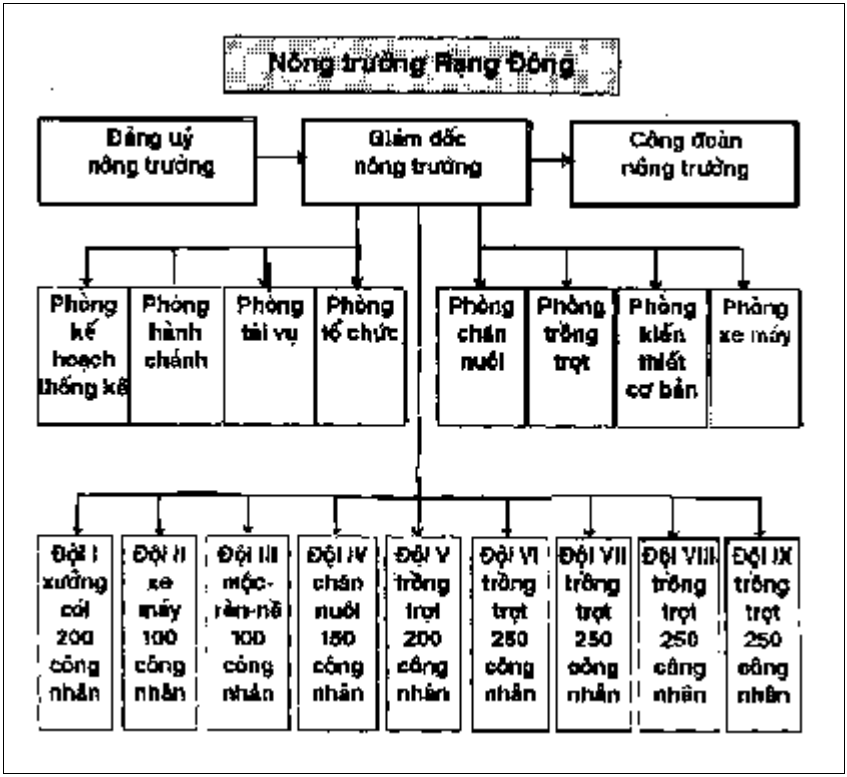

Nông trường trung quy mô nói trên có một Giám đốc và 2 Phó giám đốc, dưới sự lãnh đạo của một bí thư Đảng ủy với cấp bậc Đại úy hay Thiếu tá trong quân đội. Quân hàm của Phó GĐ Thượng úy.

Bên công đoàn có một thư ký công đoàn cấp bậc Thượng úy và 2 thư ký công đoàn cấp bậc Trung úy có nhiệm vụ giám sát kiểm tra từ Giám đốc xuống đến công nhân, mặc dầu trên danh nghĩa là để bảo vệ quyền lợi công nhân.

Tổ chức Công đoàn trong Nông trường

Công đoàn là tổ chức hàng dọc để đoàn ngũ hoá mọi công nhân không phải là đảng viên, và như vậy, không có một công nhân nào thoát ra khỏi màng lưới của đảng và nhà nước.

Danh từ Công đoàn khiến nhiều người bên ngoài nhầm lẫn với Công đoàn của các nước tự do nhằm bảo vệ quyền lợi của công nhân, hoặc trong một số trường hợp bảo vệ quyền lợi riêng của một bọn đầu nậu. Dưới chế độ VC, bọn đầu nậu chính là đảng, và đảng

kiểm soát công nhân một cách chặt chẽ qua Công đoàn và hệ thống Đảng ủy.

Tổ chức Đảng ủy trong Nông trường

Giống như trong Hợp tác xã nông nghiệp hay bất cứ một tổ chức quy mô nào của Cộng sản, Đảng ủy giống như hệ thống thần kinh nối liền cấp chỉ huy xuống tới mọi thành phần nhỏ nhất là một đội hoặc một tổ sản xuất. Đảng ủy từ cao xuống thấp có tên gọi là Chi ủy, Chi bộ, Liên tổ đảng và Tổ đảng, có nhiệm vụ lãnh đạo, giám sát, làm đầu tàu gương mẫu để thúc đẩy và bắt buộc công nhân lao động sản xuất. Cũng giống như trong Hợp tác xã nông nghiệp, "làm việc tại đồng, phân công tại sở", trong nông trường quốc doanh cán bộ có nhiệm vụ thi công, tức là thi hành công tác bằng cách chỉ tay năm ngón phân phối công việc, còn công nhân đổ mồ hôi và sức lao động xuống nông trường. Về tình trạng bóc lột công nhân trong các nông trường và công trường, ta sẽ có dịp nghiên cứu một cách chi tiết trong tương lai, khi nói về những nỗ lực đẩy mạnh chiến tranh của Việt cộng.

II. Xây dựng các công trình sản xuất chiến lược, cơ sở quân sự và xa lộ chiến lược

Đầu tháng 9-1960, Đại hội Đảng Lao động Việt cộng lần thứ III họp tại Hà Nội để thông qua Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, nhằm xây dựng một nền công nghiệp làm "cơ sở vật chất của xã hội chủ nghĩa", mà căn bản là chiến tranh bành trướng.

Bắt đầu từ năm 1961 trở đi rất nhiều xí nghiệp kỹ nghệ được thiết lập, và các nhà máy này được xây dựng chung quanh các khu công nghiệp quan trọng nhất sau đây:

- Khu công nghiệp Hà Nội
- Khu công nghiệp Hải Phòng
- Khu công nghiệp Việt Trì (khánh thành ngày 18-1-1962)
- Khu liên hợp gang thép Thái Nguyên

1. Sản xuất chiến lược

Nằm trong mục tiêu chiến lược dài hạn, ngành công nghiệp nặng được chú trọng đặc biệt. Với sự giúp đỡ của Liên Xô và khối Cộng sản, Việt cộng đã đẩy mạnh việc sản xuất điện lực, khai thác than đá và luyện thép.

Các nhà Máy điện quan trọng nhất là:

- Nhà máy thủy điện Bàn Thạch, Thanh Hóa (khánh thành 2-1-1962)
- Nhà máy thủy điện Thác Bà, Bắc Kạn
- Nhà máy nhiệt điện Uông Bí, Hồng Quảng
- Nhà máy nhiệt điện Cao Ngạn, Thái Nguyên

- Nhà máy nhiệt điện Cọc 5, Cẩm Phả
- Nhà máy nhiệt điện Lào Kay
- Nhà máy nhiệt điện Việt Trì
- Nhà máy nhiệt điện Hà Nội
- Nhà máy nhiệt điện Vinh
- và một trạm biến điện lớn nhất miền Bắc tại Đông Anh, ngoại thành Hà Nội, với đường giây điện cao thế Đông Anh - Thái Nguyên, khánh thành ngày 5-1-1963.

Khu Liên hợp Gang thép Thái Nguyên do Trung Quốc viện trợ là một kỳ vọng của Việt cộng cho nền công nghiệp nặng và nền kinh tế tự túc và chiến lược. Khu gang thép dùng 20.000 công nhân làm việc ngày đêm, và năm 1965 mức sản xuất lên tới 150,000 tấn. Ngày 20-12-1963 Việt cộng khánh thành lò luyện thép đầu tiên tại Thái Nguyên. Ngày 23-9-1965, lò luyện thép số II được khánh thành.

Song song với nền công nghiệp gang thép là việc khai thác than đá tại khu vực Hòn Gay, Đông Triều, Cẩm Phả, Vàng Gianh, Thái Nguyên phần lớn là loại anthracite (năng xuất nhiệt rất cao) và số lượng sản xuất năm 1965 đã lên tới 4.000.000 tấn.

Vẫn trong phạm vi mục tiêu chiến lược lâu dài, Việt cộng thiết lập những ngành sản xuất có tính chất lưỡng thể, cần thiết trong thời bình cũng như thời chiến:
- Các nhà máy phân đạm Hà-Bắc: Trong thời bình, các nhà máy này yểm trợ cho canh nông, còn trong thời chiến chỉ cần thay đổi công thức hóa học một chút để sản xuất thuốc nổ.
- Các nhà máy cơ khí: nhà máy cơ khí Hà Nội, nhà máy cơ khí Trần Hưng Đạo, nhà máy cơ khí xe lửa Gia Lâm, nhà máy cơ khí Lương Yên, nhà máy sửa chữa xe hơi "1 tháng 5", nhà máy cơ khí ZK 120. Để phục vụ chiến tranh các nhà máy có thể sản xuất võ khí, vỏ lựu đạn, vỏ mìn, một số phụ tùng thay thế cho đại bác, xe tăng v.v....

2. Sản xuất hàng tiêu thụ

- Có lẽ Hà Nội nghĩ rằng với sách lược chiến tranh nhân dân, chiến tranh giải phóng, các nước chống cộng không có lý do can thiệp mạnh tới mức độ oanh tạc Miền Bắc và tàn phá nền kỹ nghệ của Cộng sản. Vì thế Hà Nội đã xây dựng hàng loạt những nhà máy sản xuất đồ tiêu thụ (danh từ Việt cộng gọi là hàng tiêu dùng) để cho các cấp cán bộ đảng được ưu đãi sử dụng theo "*phiếu cung cấp*", còn công nhân viên phải là những người xuất sắc trong những người xuất sắc nhất mới được rút thăm (danh từ Việt cộng gọi là "*bình bầu chiến sĩ thi đua*") để mua trong những dịp đặc biệt. Những nhà máy này tập trung ở những khu vực quan trọng dưới đây.

- *Khu Hải Phòng*: Nhà máy len, nhà máy đồ hộp, nhà máy hóa chất, nhà máy thủy tinh.
-Khu công nghiệp Việt Trì: Nhà máy hoá chất, nhà máy mì chính, nhà máy giấy, nhà máy đường, nhà máy sấy chuối khô.
-Khu công nghiệp Hà Nội: Nhà máy phích nước, bóng đèn, nhà máy Cao-Xà-Lá (cao su, xà phòng, thuốc lá) do Trung Quốc viện trợ và được khánh thành ngày 18-5-1960; nhà máy dệt kim Đồng Xuân (dệt áo lót và bí tất) do Trung Quốc viện trợ, khánh thành ngày 13-4-1959; nhà máy xe đạp Thống Nhất, nhà máy pin Văn Điển nhà máy in Tiến Bộ, nhà máy diêm Thống Nhất v.v....

3. Những công trình xây cất chiến lược

Ngoài những nhà máy sản xuất võ khí như công trường 14 ở Tuyên Quang (sản xuất súng AK mang nhãn hiệu Trung Quốc, lựu đạn, súng đại bác, mìn) Việt cộng xúc tiến mạnh mẽ những công trình chiến lược có tính cách quan trọng như sân bay, đường chiến lược với sự giúp đỡ của Liên Xô và Trung Quốc. Tại mỗi tỉnh của miền Bắc ngày nay đều có một phi trường chiến lược dành riêng cho mục tiêu quân sự. Ngoài những phi trường quan trọng có từ trước như sân bay Cát Bi, sân bay Bạch Mai, sân bay Gia Lâm, được mở rộng, Việt cộng còn xây cất thêm các phi đạo quan trọng khác như:

- Sân bay Đa Phúc (Vĩnh Yên)
- Sân bay Hòa Lạc (Sơn Tây)
- Sân bay Kép (Bắc Giang)
- Sân bay Sao Vàng (Thanh Hóa)

Nguyễn Văn Thân, kỹ sư thủy lợi nói về phi trường Đa Phúc tại Vĩnh Yên: "...*Tôi biết rõ nhất là sân bay Đa Phúc vì sân bay này ở ngay cạnh đập Đại Lãi. Khi bộ Giao thông Vận tải thiết kế sân bay này cũng có tham khảo ý kiến của tôi. Theo như họ nói thì sân bay Đa Phúc là sân bay chiến lược lớn nhất Đông Nam Á, có thể chứa được từ 500 tới 700 phi cơ phản lực Mig, tuyệt đối không có máy bay vận tải tại đây. Phi trường này rộng một chiều 12 km và một chiều 9km. Nằm theo trục quốc lộ số 2 và số 3. Đường bay được làm rất kỹ với các lớp đệm cát rất dày và mặt đường bay được lát bằng tấm bê tông dày từ 50 phân tới 70 phân. Bởi vì làm bằng các tấm bê tông như vậy nên khi bị đánh phá hư hỏng trong các vụ oanh tạc của Mỹ ở miền Bắc, phi trường được sửa chữa và sử dụng lại mau chóng bởi vì đã có sẵn các tấm bê tông. Hơn nữa phi trường Đa Phúc ở cạnh núi Sóc Sơn nên có nhiều hầm hố kiên cố do Nhật để lại, nay Việt cộng dùng để chứa nhiên liệu hoặc cất dấu máy bay rất kín đáo...*" (Nguyễn Văn Thân).

Về đường bộ có việc xây cất hai con đường chiến lược quan trọng do Trung Quốc thiết kế và thi công:

"*...Đường thứ nhất là đường từ biên giới Trung Quốc qua các tỉnh Bắc Kạn, Bắc-Thái (Bắc Giang và Thái Nguyên) đường rộng từ 18 thước tới 24 thước, không tráng nhựa mà trải đá lớn dầy 50 phân rồi đổ đá dăm và đất Biên Hòa cán bằng. Nói tóm lại các tỉnh ven biên giới Việt Nam-Trung Quốc đều do Trung Quốc đài thọ. Các đường này đều được mở cấp tốc từ khoảng năm 1961-1962, và có thể chịu đựng được các chiến xa nặng khoảng 70 tấn".*

Con đường chiến lược lớn thứ hai là đường lộ từ Trung Quốc qua biên giới Việt Nam đến Điện Biên Phủ rồi sang Lào tới Cánh đồng Chum, Savanakhet. Đường này đã có từ trước, nay chỉ làm công tác mở rộng và đảm bảo lại cho chắc chắn, kỹ càng hơn..." (Nguyễn Văn Thân).

Theo kỹ sư Nguyễn Văn Thân thì con đường chiến lược Điện Biên Phủ tới cánh đồng Chum và Savanakhet đã có từ trước, nhưng đương sự không cho biết có từ bao giờ. Hệ thống này không thể là hệ thống quốc lộ số 13 vì quốc lộ này nằm trong khu vực quân đội Hoàng gia Lào, khiến cho Việt cộng không thể sử dụng thường xuyên cho những đoàn xe vận tải như thực tế đã chứng tỏ. Ở một đoạn khác, Nguyễn Văn Thân nói rõ con đường chiến lược này song song với đường mòn thượng đạo (sách báo Tây phương quen gọi là *Đường mòn Hồ Chí Minh*) vì trong khi đi đường vẫn nghe thấy tiếng xe ôtô di chuyển gần đó. Nhưng đương sự lại gọi lầm đường đó là đường số 9 đưa đến Khe Sanh bởi vì đường số 9 băng ngang từ Việt Nam qua Lào tới Savanakhet, chứ không chạy song song với đường mòn thượng đạo dọc biên giới Việt Lào.

Ngoài ra Nguyễn Văn Thân không nói đến con đường chiến lược từ Bắc Việt băng qua khu Bắc Lào sang Thái Lan.

III. Xây dựng Lực lượng chính quy Bắc Việt

Năm 1956, sau khi việc chia đôi hai miền Nam Bắc đã dứt khoát, vấn đề an ninh lãnh thổ tạm ổn định, Hà Nội bắt đầu bỏ ra nhiều năm xây dựng quân đội chính quy. Lực lượng võ trang của Việt cộng nói chung có ba ngành: lực lượng chính quy, lực lượng địa phương và dân quân du kích. Tại mỗi xã ngoài Bắc, lực lượng địa phương có một xã đội với ban chỉ huy và lực lượng du kích có từ một trung đội đến một đại đội tùy theo xã lớn hay nhỏ và tùy theo tầm quan trọng. Tại mỗi huyện có một huyện đội và ít nhất một đại đội, còn tại mỗi tỉnh có tỉnh đội và một tiểu đoàn. Ngoài ra tại các đô thị, thị xã, xí nghiệp còn có các đơn vị tự vệ giữ an ninh, và có một

cán bộ cấp Đảng ủy viên tại mỗi nơi này phụ trách việc tổ chức, lãnh đạo, huấn luyện các lực lượng tự vệ.

Ở một phần khác ta sẽ nói kỹ về lực lượng địa phương quân và dân du quân kích trong vai trò giữ nhà. Ở đây ta chỉ nói về công trình xây dựng quân đội chính quy Việt cộng trong kế hoạch thôn tính Đông Dương, kể từ năm 1956 khi Phạm Văn Đồng đệ trình lên quốc hội Việt cộng dự luật **"Giảm trừ Quân bị"**.

Đạo luật "*Giảm trừ Quân bị*" được thông qua nằm trong chính sách Tổng biên chế quân đội Miền Bắc, và 80.000 quân chính quy giải ngũ gồm một số lớn thương phế binh, số còn lại quy tụ các thành phần bị coi là địa chủ, cường hào, ác bá, tư sản v.v... và được đem vào khai thác các nông trường "*quê hương mới*" cùng với một số lớn các bộ đội tập kết miền Nam (ở những nông trường riêng).

Những đơn vị Nam Bộ tập kết năm 1954 ra Bắc được tổ chức thành những sư đoàn mang phiên hiệu Việt cộng 305, 324, 325, 330, 338 và một số trung đoàn biệt lập. Như ta đã thấy trong bài trước, một phần của các sư đoàn này được chia ra xây dựng và quản trị các nông trường, phần còn lại có nhiệm vụ giữ an ninh, hoặc được huấn luyện tại các quân trường như sẽ được trình bày trong phần dưới đây.

Theo đạo luật về "*Nghĩa vụ quân sự*" của Việt cộng năm 1960, tất cả các thanh niên từ 18 đến 28 tuổi đều phải nhập ngũ và phục vụ ít nhất 3 năm. Bắt đầu từ đó, Việt cộng xúc tiến công tác xây dựng quân đội chính quy, mà xuyên qua các tài liệu về Việt cộng, ta có thể nhận định thấy hai nét chính yếu:

- Hiện đại hóa quân đội
- Chính trị hóa quân đội

1. Hiện đại hóa quân đội

Hiện đại hóa là khuynh hướng chung của bất cứ một nhà cầm quyền mới nào chứ không riêng gì Việt cộng. Nhưng việc hiện đại hóa quân đội của Việt cộng có một số đặc điểm làm nổi bật những ưu điểm cũng như khuyết điểm của Hà Nội trong khung cảnh chiến tranh Đông Dương.

Sau khi đã nắm vững được tình hình chính trị Miền Bắc, Hồ Chí Minh và cấp đầu lãnh Việt cộng có nhiều vấn đề phải giải quyết liên quan đến công tác hiện đại hóa quân đội. Năm 1956, khi dự tính nuốt trôi miền Nam qua âm mưu Tổng tuyển cử không thành, viễn ảnh xâm chiếm Miền Nam bằng một cuộc chiến tranh võ trang đã trở thành một sự lựa chọn chắc chắn. Trong dự tính xâm lăng Miền Nam, Việt cộng cũng nhìn thấy khả năng can thiệp của Hoa Kỳ bằng một lực lượng quân sự hiện đại.

Mặt khác, trong khi rêu rao rằng "*không có gì quý hơn độc lập và tự do*", Hồ Chí Minh và đảng Việt cộng còn nhằm thôn tính Đông Dương và Thái Lan, một công tác phục vụ cho quan thầy được mệnh danh là **"Nghĩa vụ Quốc tế"**.

Quân đội Việt cộng Miền Bắc lúc đó còn mang tính chất một lực lượng võ trang của một cuộc chiến tranh du kích, thích hợp với một cuộc chiến tranh phi quy ước, nhưng thiếu những đặc tính cần có trong một cuộc viễn chinh quy ước tại các chiến trường ngoại lai như Kampuchia và Thái Lan, hoặc trong trường hợp phải đương đầu với quân đội VN Cộng hòa và lực lượng yểm trợ của Hoa Kỳ tại miền Nam.

Cho tới năm 1958, ngay các đơn vị chủ lực của quân đội Việt cộng còn được trang bị bằng đủ loại võ khí hỗn tạp của Pháp và Nhật để lại cùng với võ khí và trang bị của Trung Quốc. Các sĩ quan và binh lính Việt cộng còn mang quân phục của thời kháng Pháp.

Ngày 20-6-1958, chính quyền Việt cộng ký nghị định số 307/TTG chính thức ấn định quân hàm cho các cấp trong quân đội, và ngày 22-12, Hồ Chí Minh và Phạm Văn Đồng gắn lon cho các cấp tướng Miền Bắc. Từ ngày các cấp tướng tá Việt cộng mang lon, báo chí Việt cộng lại mở một chiến dịch tuyên truyền về sự khác biệt giữa hệ thống "*lon tư bản phản cách mạng*" và hệ thống "*quân hàm tiến bộ*" của Quân đội Nhân dân (bài diễn văn của Nguyễn Chí Thanh đăng trong báo Quân đội Nhân dân ngày 9-9-1958).

Nhưng vấn đề quan trọng nhất của công tác hiện đại hóa là vấn đề tổ chức, huấn luyện và trang bị. Trên phương diện tổ chức một đạo quân hiện đại, Việt cộng Miền Bắc phải thành lập thêm các quân chủng ngoài quân chủng Bộ binh. Đó là các quân chủng Hải quân, Không quân, và các binh chủng Pháo binh, Công binh, Truyền tin và Thiết kỵ. Việc thành lập thêm những binh chủng mới đòi hỏi công tác huấn luyện trong nước cũng như gửi các thành phần đảng viên trung kiên hoặc con của các lãnh tụ và cán bộ đầu sỏ đi học ở các trường quân sự của các nước Cộng sản khác.

Từ năm 1958, Việt cộng thiết lập các trường huấn luyện sĩ quan và hạ sĩ quan thuộc mọi quân binh chủng:

- Trường Bộ binh
- Trường Hải quân Bãi Cháy, Hòn Gay
- Trường Hải quân Hải Phòng
- Trường Hải quân Vinh
- Trường Pháo binh Sơn Tây
- Trường Truyền tin
- Trường Công binh

- Trường sĩ quan Thiết kỵ

Việt cộng đã gửi quân nhân đi các nước Cộng sản để được huấn luyện về không quân, ra-đa, tên lửa (hỏa tiễn), hải quân (chủ yếu là tàu ngầm và phóng ngư lôi), công binh, quân giới, đặc công v.v... Đồng thời các chế độ Cộng sản, nhất là Liên Xô và Trung Quốc, đã trang bị võ khí hiện đại cho Việt cộng. Quan niệm hiện đại hóa quân đội của Việt cộng bị giằng co giữa hai khuynh hướng đối nghịch. Khuynh hướng Võ Nguyên Giáp chủ trương sử dụng võ khí hiện đại, kỹ thuật hiện đại. Vì "chiến tranh nhân dân" đã lỗi thời. Dĩ nhiên, trong khối Cộng sản chỉ Liên Xô là có khả năng trang bị đầy đủ võ khí hiện đại cho Việt cộng. Đối nghịch với khuynh hướng Võ Nguyên Giáp là khuynh hướng Trường Chinh gồm có Trường Chinh, Nguyễn Chí Thanh và Lê Đức Thọ chủ trương lấy "chiến tranh nhân dân" để đánh thắng chiến tranh hiện đại và trong chủ trương "chiến tranh nhân dân", vấn đề tối quan trọng là lãnh đạo tư tưởng, là chính trị hóa quân đội, và võ trang một cách dư thừa bằng võ khí cổ điển. Quan điểm của Trường Chinh cũng là quan điểm Mao Trạch Đông đã thắng thế trong Bộ chính trị, vì thế việc hiện đại hóa quân đội Miền Bắc chỉ được thực một cách hạn chế. Hậu quả là Việt cộng nhận tương đối ít võ khí hiện đại của Liên Xô, mặc dầu tính thành tiền, con số viện trợ của Liên Xô rất lớn vì vũ khí hiện đại trị giá cao. Mặt khác Việt cộng nhận được rất nhiều võ khí cổ điển của Trung Quốc từ súng lục súng trường tới tiểu liên, trung liên, súng phòng không 37, phòng không 57, đại bác phòng không v.v....

Ưu điểm thứ nhất của đường lối hiện đại hóa quân đội Việt cộng là việc thành lập binh chủng đặc công, tượng trưng cho quan điểm trang bị hạn chế võ khí hiện đại nhưng chú trọng tới chiến thuật, kỹ thuật chiến đấu chuyên biệt và tinh nhuệ. Bộ Tư lệnh Đặc công trực thuộc Bộ Tổng Tư lệnh quân đội Miền Bắc và Bộ Tổng Tham mưu. Ban chỉ huy rường cột là Lữ đoàn 305 tức là Lữ đoàn Dù được thành lập từ năm 1958. Nhưng vì binh chủng Dù không đắc dụng trong cuộc chiến tranh Đông Dương nên bộ Tổng Tư lệnh Việt cộng đã giải tán và lấy toàn thể Bộ Tư lệnh Dù lập thành Bộ Tư lệnh Đặc công, do Đại tá Điều làm Tư Lệnh trưởng và Thượng tá Đạo làm Chính ủy. Đặc điểm về tổ chức là binh chủng này không có cấp trung đoàn, trung đội và tiểu đội, chỉ có cấp tiểu đoàn, đại đội, phân đội và thấp nhất là tổ, gồm từ 3 đến 5 người. Từ 4 tới 5 tổ hợp thành một phân đội và 5 phân đội thành một đại đội. Đặc điểm thứ hai là sự chuyên biệt. Ví dụ Tiểu đoàn 5 chuyên đánh dưới nước, đánh cầu, đánh tàu. Tiểu đoàn 2 chuyên huấn luyện bổ sung miền Nam. Tiểu đoàn 4 chuyên đánh thành phố....

Ưu điểm của đặc công là lấy chuyên môn đánh không chuyên môn, lấy ít đánh nhiều, và về phương diện này, bộ đội đặc công giống các chiến sĩ biệt kích và các chiến sĩ người nhái của Việt Nam Cộng hòa trước đây.

Ưu điểm thứ hai của đường lối hiện đại hóa hạn chế là ngành pháo binh của Việt cộng. Pháo binh đã dùng hỏa lực cực kỳ ồ ạt phối hợp với việc quan trắc địa hình rất kỹ lưỡng. Pháo diện địa cũng như pháo phòng không của Việt cộng đã nắm ưu thế tại miền Bắc cũng như ở Hạ Lào. Ở Miền Nam, pháo của cộng quân đã nâng đỡ cho chúng rất nhiều trước ưu thế trên không, ưu thế lưu động tính, và ưu thế cơ giới của quân đội Miền Nam và Đồng minh.

Mặt khác, đường lối hiện đại hóa hạn chế cũng có một số khuyết điểm. Trước hết, quân chủng Hải quân, mặc dầu với tàu ngầm, với phóng ngư lôi hạm, với tên lửa trang bị cho chiến hạm, đã bị Hạm đội 7 của Hoa Kỳ đè bẹp ngay trong giai đoạn đầu của cuộc chiến tranh không tập và Việt cộng đã phải giải tán quân chủng này, chỉ giữ lại một ít tàu tượng trưng để tuần tiễu. Toàn bộ sĩ quan và binh sĩ tàu nổi đều được chuyển sang các quân chủng khác, phần lớn là bộ binh. Riêng quân số tàu ngầm được tăng cường thêm. Một khuyết điểm thứ hai là về không quân. Sau 10 năm chiến tranh, không quân Việt cộng hầu như đã không có dịp nào tung hoành trên mặt trận Đông Dương, mà chỉ quanh quẩn trong nội bộ Việt cộng, hơn nữa, còn bị đàn áp trước ưu thế của không lực Hoa Kỳ, suốt trong 3 năm không tập từ 1965 tới 1968, Việt cộng đã mất 50% không lực trong các cuộc không chiến cũng như trong các cuộc không tập của Hoa Kỳ. Khuyết điểm thứ ba là về hoả tiễn. Từ 1965 tới tháng 1-1967, Việt cộng đã bắn 1.000 hỏa tiễn SAM mà chỉ hạ 30 máy bay Hoa Kỳ trị giá 60 triệu Mỹ kim.

Trong khi các loại võ khí thường hạ được 430 máy bay trị giá hơn 1 tỷ Mỹ kim, thì trong suốt thời gian chiến tranh không tập, Việt cộng đã bắn hơn 3.500 hỏa tiễn SAM trị giá gần 100 triệu Mỹ kim mà không đạt được kết quả mong muốn.

2. Chính trị hoá quân đội

Đường lối hiện đại hoá quân đội một cách hạn chế và khuynh hướng ngả về loại chiến tranh phi quy ước mà Việt cộng mệnh danh là "chiến tranh nhân dân" đã đưa đến việc rập khuôn mẫu tổ chức của Trung Quốc trong công tác **"chính trị hóa"** quân đội.

Cấp cao nhất của hệ thống chính quyền trong quân đội Việt cộng là Hội đồng Tối cao Quốc phòng gồm toàn Ủy viên chính trị bộ và Trung ương đảng:

- **Chủ tịch là Chủ tịch Nhà nước** Hồ Chí Minh (chủ tịch đầu tiên) và Tôn Đức Thắng (chủ tịch thứ hai).

Phó chủ tịch:

Phạm Văn Đồng (chính trị bộ)
Võ Nguyên Giáp (chính trị bộ)

Ủy viên:

Nguyễn Chí Thanh (chính trị bộ)
Văn Tiến Dũng (chính trị bộ)
Nguyễn Duy Trinh (chính trị bộ)
Trần Quốc Hoàn (chính trị bộ)
Nguyễn Văn Trân (Trung ương đảng bộ)
Chu Văn Tấn (Trung ương đảng bộ)
Song Hào (Trung ương đảng Bộ)

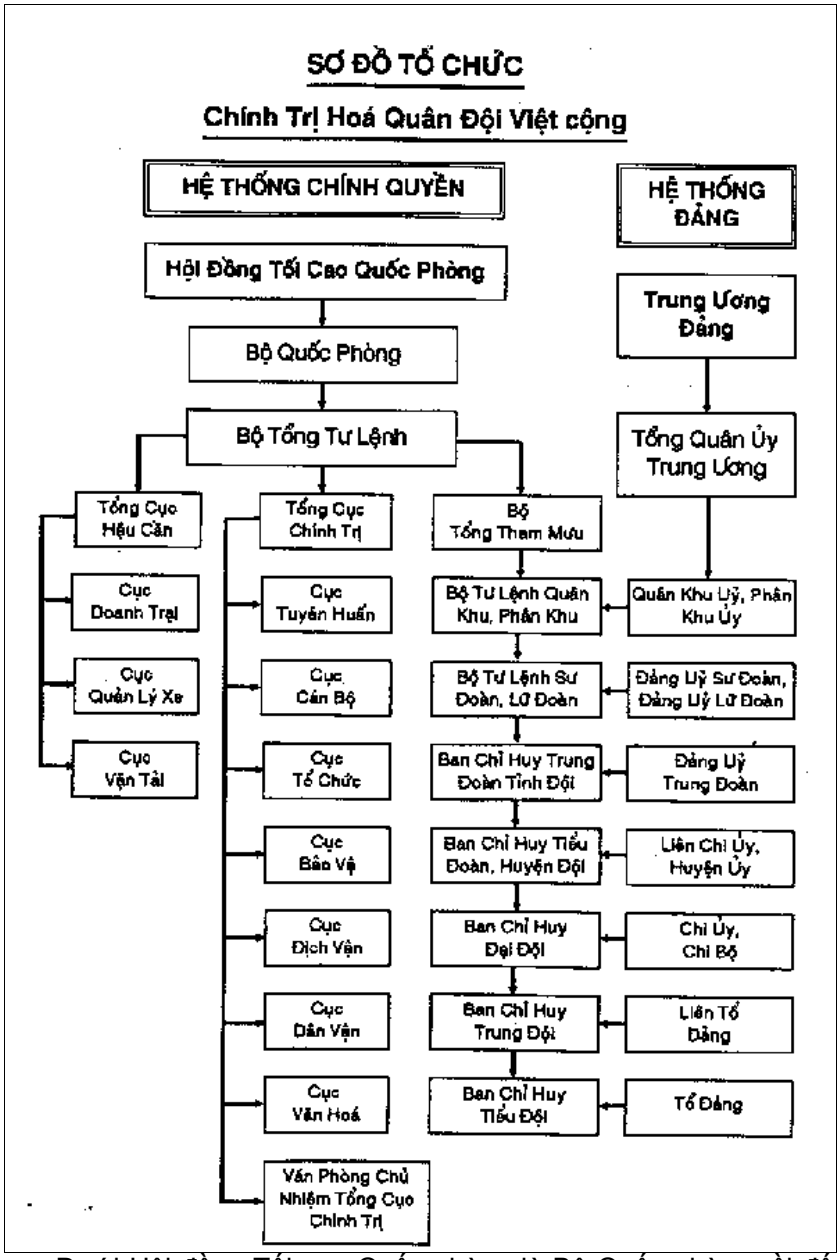

Dưới Hội đồng Tối cao Quốc phòng là Bộ Quốc phòng rồi đến Bộ Tổng Tư lệnh. Cấp đảng ủy kiểm soát Bộ Tổng Tư lệnh Miền Bắc

là Tổng Quân ủy Trung ương, gồm một số Tướng lãnh Việt cộng: Võ Nguyên Giáp (quân hàm Đại tướng), Song Hào (Trung tướng), Phạm Ngọc Mẫu (Thiếu tướng) và một số Ủy viên Trung ương đảng như Hoàng Quốc Việt, Nguyễn Lương Bằng v.v....

Đường lối chính trị hóa quân đội, theo sơ đồ, cho thấy mấy đặc điểm chính sau đây:

- Thủ trưởng (chỉ huy) các cấp đơn vị từ Bộ chỉ huy đến ban chỉ huy đều phải chịu sự lãnh đạo của đảng. Sự lãnh đạo của đảng đi tới cấp thấp nhất là một tổ trong một tiểu đội. Đơn vị nhỏ nhất của quân đội là "*Tổ tam tam*", gồm 3 người, trong đó tổ trưởng hoặc phải là một đảng viên, hoặc một thành phần trung kiên cơ bản. Một tiểu đội có ba ba "Tổ tam tam".

- Cấp chỉ huy quân đội chịu sự kiểm tra của cấp đảng ủy đơn vị, ví dụ Sư đoàn Trưởng chịu sự kiểm tra của Chính ủy sư đoàn là người chấp hành đường lối đảng thi hành các Nghị Quyết do đảng đề ra.

- Các chức vụ Chính trị viên hay Chính ủy trong quân đội đều do Bí thư Đảng ủy, Đảng bộ cấp đó nắm giữ mà bí thư là nhân vật quan trọng nhất của Đảng ủy, Đảng bộ.

Dĩ nhiên đường lối chính trị hóa quân đội nói trên cũng được áp dụng cho tất cả các đơn vị võ trang của Việt cộng ở trong Nam, và đảng của Việt cộng ở trong Nam mang "ngụy danh" là Đảng Nhân dân Cách mạng để che giấu sự can thiệp của Việt cộng.

Tóm lại, với tổ chức chính trị hóa như trên, đảng đã nắm chắc quân đội trong tay, đã nhào nặn cả triệu thanh niên trong một hệ thống "bịt mắt bắt hào quang giải phóng miền Nam ruột thịt", đã lừa bịp và thúc đẩy cả triệu thanh niên miền Bắc chết cho cái ảo vọng đẫm máu của Mác-Lênin.

Cũng theo sơ đồ nói trên, song song với vai trò kiểm soát và lãnh đạo chính trị của hệ thống Đảng ủy, Tổng cục Chính trị có nhiệm vụ thi hành các công tác chính trị qua các Cục Tuyên huấn, Cục Cán bộ, Cục Tổ chức, Cục Bảo vệ, Cục Địch vận, Cục Dân vận và Cục Văn hoá.

Chuẩn bị xâm nhập Miền Nam

Đồng thời với công việc xây dựng lực lượng quân đội Miền Bắc, Việt cộng đã bí mật huấn luyện cán binh để âm thầm xâm nhập miền Nam, thành lập khung cho lực lượng cộng quân ở miền Nam mệnh danh là "*Lực lượng võ trang giải phóng miền Nam*". Các cán binh VC ở miền Nam tập kết ra Bắc được huấn luyện tại các trung tâm sau đây:

- Trung tâm Mạch Lũng ở làng Mạch Lũng, huyện Đông Anh, tỉnh Hải Dương.

- Trung tâm Xuân Mai, tỉnh Hòa Bình.

- Trung tâm Sơn Tây.

- Trung tâm Phú Yên, tỉnh Bắc-Thái (Băc Kạn-Thái Nguyên)

- Khu vực "Thép" tại Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, huấn luyện bộ binh, pháo binh, cơ giới, công binh, thông tin, hóa học.

- Trường đặc công, núi Na Sơn, tỉnh Sơn Tây.

- Trường đặc công xã Đông Yên, huyện Quốc Oai, tỉnh Sơn Tây.

Các cán binh thuộc Sư đoàn Nam bộ tập kết 324 là những cán binh xâm nhập trong đợt đầu tiên vào năm 1960, và được bí mật huấn luyện tại một doanh trại của bản doanh Sư đoàn 338 của Tô Ký.

Riêng trung tâm Xuân Mai có khả năng huấn luyện mỗi đợt 1.000 người.

Tổng kết

Những nỗ lực của Hồ Chí Minh và Việt cộng trong việc xây dựng cơ sở vật chất nhằm thôn tính Đông Dương đã làm nổi bật kế hoạch hai mặt của Việt cộng: mặt chìm và mặt nổi. Mặt nổi là xây dựng và phát triển, mặt chìm là chiến tranh thôn tính và bành trướng mà Hồ Chí Minh gọi là "*Nghĩa vụ Quốc tế*", trong đó Hồ bắt nhân dân Việt Nam đóng vai trò tên lính tiền phong cho Cộng sản Liên Xô.

Trong giai đoạn chuẩn bị cơ sở vật chất cho cuộc chiến tranh, một nhà máy phân đạm (chlorure de potassium) được Việt cộng đề cao là để phục vụ cho nông nghiệp, tăng gia năng xuất và nâng cao mức sống nhân dân. Nhưng khi phát động cuộc chiến tranh, nhà máy phân đạm biến thành nhà máy thuốc súng (sản xuất chlorate de potassium) và nhà nước nói là để "*giải phóng miền Nam ruột thịt và các nước anh em Miên-Lào*".

Khi nhân dân phải ăn đói để nhà nước xây cất các nhà máy cơ khí, thì họ hy vọng có máy cày, máy nổ, xe đạp, bình thủy, để nâng cao mức sống. Nhưng khi Việt cộng phát động chiến tranh thôn tính, nhân dân mới vỡ lẽ ra rằng nhà máy cơ khí là nơi sản xuất vỏ lựu đạn, mìn, súng đạn, cơ giới chiến tranh.

Xây dựng xã hội chủ nghĩa trong mấy chục năm qua đã gắn liền với chiến tranh thôn tính. Hình thức bề ngoài có khác, nhưng bản chất bên trong nếu có khác thì cũng chỉ là sự khác biệt giữa chlorure de potassium và chlorate de potassium.

Chiến tranh thôn tính trong mấy chục năm qua đã đem lại gì cho nhân dân, và đã phục vụ cho ai? Nhân dân nghĩ gì về cuộc chiến tranh mà Hồ Chí Minh nói là sẽ đem lại Thống nhất, Độc lập và Tự do? Ta hãy đọc những vần thơ dưới đây của thi sĩ *Nguyễn Chí Thiện*:

Không có gì quý hơn độc lập tự do!

Tôi biết nó, thằng nói câu đó,
Tôi biết nó, đồng bào miền Bắc này biết nó,
Việc nó làm, tội phạm nó ra sao.
Nó đầu tiên đem râu nó bện vào
Hình xác lão Mao lông lá.
Bàn tay Nga đầy băng tuyết giá
Cũng nhoài qua lục địa Trung Hoa,
Không phải xoa đầu mà túm tóc nó từ xa.
Nó không đứng yên, tất bật điên đầu
Lúc rụi vào Tàu, lúc rụi vào Nga.
Nó gọi Tàu Nga là cha anh nó
Và tình nguyện làm con chó nhỏ,
Xông xáo giữ nhà gác ngõ cho cha anh.
Nó tận thu từ quả trứng trái chanh
Học lối hung tàn của cha anh nó.
Cuộc chiến tranh chết vội hết thanh niên
Đương diễn ra triền miên ghê gớm đó
Cũng là do Nga giật Tàu co
Tiếp nhiên liệu gây mồi cho nó:
Súng, tăng, tên lửa, tàu bay.
Nếu không, nó đánh bằng tay?
Ôi đó, thứ độc lập không có gì quý hơn của nó!

\+ + +

Tôi biết rõ, đồng bào miền Bắc này biết rõ
Việc nó làm, tội phạm nó ra sao.
Nó là tên trùm đao phủ năm nào
Hồi Cải cách đã đem tù, đem bắn
Độ nửa triệu nông dân
Rồi bảo là nhầm lẫn.
Đường nó đi trùng điệp bất nhân,
Hâm hấp trời đêm nguyên thủy,
Đói khổ dựng cờ đại súy.
Con cá, lá rau nát nhầu quản lý
Tiếng thớt tiếng dao vọng từ hồi ký

Tiếng thở lời than đan họa ụp vào thân.
Nó tập trung hàng chục vạn "ngụy quân"
Nạn nhân của đường lối "khoan hồng chí nhân" của nó.
Mọi tầng lớp nhân dân bị cầm chân trên đất nó
Tự do, không thời hạn đi tù!
Mắt nó nhìn ai cũng hóa kẻ thù
Vì ai cũng đói mòn nhục nhằn cắn răng tạm nuốt.
Hiếm có gia đình không có người bị nó cho đi suốt
Đất nó thầm câm cũng chẳng được tha!
Tất cả phải thành loa
Sa sả đêm ngày ngợi ca nó và đảng nó.
Đó là thứ tự do không có gì quý hơn của nó!

\+ + +

Ôi! Độc lập! Tự do!
Xưa cũng chỉ vì quý hai thứ đó
Đất Bắc mắc lừa mất vào tay nó
Nhưng nay mà vẫn còn có người mơ hồ nghe nó!
Nó mới vạn lần cần nguyền rủa thực to!

Qua những sai lầm trong Cải cách Ruộng đất, xây dựng quan điểm lãnh đạo

Nguyễn Mạnh Tường

http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=4412&rb=0505

Luật sư Nguyễn Mạnh Tường (1909-1996), năm 23 tuổi đã đậu hai bằng Tiến sĩ Văn khoa và Luật khoa ở Đại học Montpellier, Pháp. Sau khi về nước, ông dạy học tại trường Trung học Bảo hộ (Lycée du Protectorat). Bất mãn vì chính sách kỳ thị của Pháp, ông bỏ nghề dạy ra mở văn phòng luật sư. Năm 1946, ông tham dự Hội nghị Việt-Pháp tại Đà Lạt nhưng không được cử đi dự Hội nghị Fontainebleau. Ông theo chính phủ Hồ Chí Minh kháng chiến chống Pháp tới ngày ký Hiệp định Genève 1954 thì trở về Hà Nội dạy học ở trường Đại

học Văn khoa. Với tư cách thành viên của Mặt trận Tổ quốc, L.S. Nguyễn Mạnh Tường đọc bài diễn văn này trong một phiên họp của Mặt trận Tổ quốc ở Hà Nội, ngày 30-10-1956. Cũng nên nhắc lại rằng bài diễn văn này được đọc sau khi Trung ương Đảng hạ lệnh chấm dứt chiến dịch Cải cách Ruộng đất ngày 20-07-1956 và sau đó ban hành các biện pháp sửa sai. Vì bài diễn văn này, ông Tường bị tước hết mọi chức vụ và danh vị nghề nghiệp và phải sống một cuộc đời vô cùng thiếu thốn. Năm 1991, nhân dịp được phép sang Pháp, ông đưa cho nhà xuất bản Quê Mẹ ở Paris in và phát hành cuốn sách tự thuật L'excommunié (Kẻ bị khai trừ) năm 1992. Ông trở về Hà Nội và mất năm 1996, thọ 87 tuổi.

Thưa các quí vị,

Hội nghị Mặt trận Trung ương họp để nghiên cứu các sai lầm trong Cải cách Ruộng đất và chính sách sửa chữa sai lầm ấy. Hôm nay tôi được đúc kết trước toàn thể Hội nghị các ý kiến mà trong mười ngày vừa qua tôi đã trình bày trong tổ thảo luận, với tinh thần thận trọng của người trí thức không bao giờ quên trách nhiệm của mình trước nhân dân và lịch sử nước nhà.

Tôi phấn khởi được nghe bản phê bình của Đảng Lao động do ông Trường Chinh đọc trước Hội nghị. Nhưng tôi cũng phải thú rằng lòng phấn khởi của tôi một phần bị giảm đi, vì tôi nhớ lại kết quả tai hại của các sai lầm đã phạm trong công cuộc Cải cách Ruộng đất. Tôi xin phép các vị được kính cẩn nghiêng mình trước kỷ niệm những người vô tội đã chết oan, không phải vì bàn tay của địch mà chính của ta. Trong cuộc kháng chiến anh dũng của ta, những đồng bào đã hi sinh, có thể nói được, chết với trong lòng chan chứa nỗi vui sướng vì chết cho sự nghiệp giải phóng dân tộc khỏi nanh vuốt của địch. Họ chết vì địch, cho ta, đó là cái chết tích cực, cái chết vẻ vang, cái chết oanh liệt mà Tổ quốc ghi nhớ muôn thuở. Trái lại, các người chết oan vì các sai lầm trong cuộc Cải cách Ruộng đất này, lúc tắt thở, cay đắng đau xót vì chết với một ô danh. Chúng ta đã xoá bỏ cái ô danh đó, nhưng con cháu của các nạn nhân tài nào mà không ngậm ngùi? Đau đớn hơn, bây giờ ta làm thế nào mà biến cái khổ cực của người tắt thở thành một niềm an ủi cho họ được? Nếu chúng ta duy tâm và tin rằng linh hồn còn tồn tại thì một phần nào ta chuộc lại được tội lỗi của ta. Nhưng ta duy vật và các người ấy lúc chết cũng là duy vật. Do đó, cái nỗi khổ cực của họ ta biết rõ rằng bây giờ ta không thể nào thủ tiêu được nữa. Quyền hạn của ta không tới đó. Nhưng cái gì ta có thể làm được, ta cần làm, để như là đền bù một phần nào sự tổn thiệt của các người ấy, và chứng minh

ta thấm thía nỗi đau khổ của họ khi họ từ trần là ta cương quyết rút bài học kinh nghiệm đau đớn và sửa chữa các sai lầm nghiêm trọng mà họ là nạn nhân.

Với tinh thần của một người trong quần chúng, của một người công dân đau khổ trước bao nhiêu cái chết oan của người vô tội, tôi xin phép trình bày mấy ý kiến xây dựng. Chủ yếu tôi sẽ phê phán và truy nguyên các sai lầm trong Cải cách Ruộng đất, nhưng theo ý tôi các sai lầm này chỉ là biểu hiện điển hình và bi đát nhất của những thiếu sót trong sự lãnh đạo của Đảng Lao động. Do đó tôi xin được góp ý kiến xây dựng quan điểm lãnh đạo của Đảng Lao động.

Tại sao tôi lại tin như vậy? Là vì, không những trong Cải cách Ruộng đất chúng ta đã phạm sai lầm nghiêm trọng mà cả trong nhiều khu vực khác nữa. Trong các khu vực này, sai lầm cũng đã đưa một số người trong quần chúng đến cái chết thê thảm. Do đó, nếu chỉ cục bộ hóa các sai lầm, chúng ta không thể rút được bài học kinh nghiệm, chúng ta sẽ khiếm khuyết với sự tín nhiệm của tất cả các đảng viên Đảng Lao động, với sự mong đợi của toàn dân. Chúng ta phải kiên quyết không cho các sai lầm ấy tái diễn và tác hại nữa. Đó là nhiệm vụ tối thiểu của chúng ta đối với các người đã chết oan.

Tình hình nước ta hiện thời ra sao? Tình hình ấy có bi quan không? Đó là vấn đề nhận định thôi. Nhưng cái chủ yếu là ta không nhìn tình hình ấy với con mắt bi quan. Vậy sự thật khách quan như thế nào? Nhìn vào nông thôn, ta thấy hiện thời tình trạng thiếu đoàn kết rất phổ biến. Vì thi hành sai chính sách cải cách, ta đối lập các từng lớp trong giai cấp nông dân, cán bộ cũ và mới, chi bộ cũ và mới của Đảng. Trong khi đập tan giai cấp địa chủ, ta không phân biệt đối xử, ta để cho chết chóc thê thảm những người hoặc già cả hoặc thơ ấu mà ta không chủ trương tiêu diệt. Ta chỉ cần đọc lại các bài giáo huấn cho đồng bào nông thôn trong báo Nhân Dân là ta đủ hiểu mặt mũi nông thôn hiện giờ ra sao. Nhìn vào các công xưởng, công trường, ta thấy gì? Cứ đọc báo Nhân Dân thôi, ta thấy Chính phủ gửi các phái đoàn đi thăm các anh chị em công nhân, ủy lạo họ, bắt buộc thi hành quy chế lao động mà Chính phủ đã ban ra. Nghĩa là thế nào? Nghĩa là giai cấp công nhân đã phải lao động sản xuất hai năm nay mà không được bồi dưỡng đúng mức. Lắng nghe dư luận đồng bào Hà Nội thôi, ta được biết rằng có ít ra một doanh nghiệp quốc gia lãng phí bao nhiêu triệu trong khi dưới chế độ Pháp thuộc, cũng doanh nghiệp ấy mang lại cho thực dân đế quốc các số lãi khổng lồ.

Về Mậu dịch nửa năm nay, đồng bào ca thán như thế nào, ta đã biết. Nào chèn ép các nhà kinh doanh tư nhân, nào lãng phí bao nghìn triệu trong khi thực hiện chính sách, nào tàn nhẫn với các người bán sức lao động cho mình, nào đưa ra thị trường sữa hư mà không bao giờ nghĩ đến tính mệnh của người ốm, của trẻ sơ sinh, nào tung ra bơ hỏng, thuốc lá mốc, phạm đến sức khỏe của nhân dân, nào bất lực trước hiện tượng vật giá ngày càng lên trong khi nhiệm vụ của mình là phải bình ổn nó. Có thể nói được, suốt ngày đêm không đâu là không có lời oán trách Mậu dịch.

Về hộ khẩu thì cán bộ tỏ vẻ không phải là nhằm duy trì trật tự an ninh, phá vỡ cơ sở của địch, trái lại quấy nhiễu nhân dân, tạo ra một đời sống thành thị điêu đứng cho tất cả. Nếu các vị cần những dẫn chứng cụ thể, tôi chỉ xin nhắc lại hồ sơ mênh mông, thu lượm các thắc mắc cay đắng của đồng bào Thủ đô trong Đại hội lần thứ ba của nhân dân Hà Nội vừa họp cách đây hai tháng.

Nói về chính sách khôi phục kinh tế, ta thấy gì? Số vốn mà các nhà công thương mang ra kinh doanh chỉ là một phần ti tiểu, số công nhân làm việc trong các doanh nghiệp tư nhân không có nghĩa lý gì. Trái lại ta thấy tất cả một phong trào các nhà tư bản thu hẹp hoạt động của họ, hoặc "chuyển hướng" bằng cách đâm ra quay chỉ, bán nước mía, hay dệt vài thước vải vớ vẩn, hoặc đóng cửa ăn vào vốn để khỏi đụng chạm đến Sở Lao động vì vấn đề công nhân, với Sở Công thương vì vấn đề đăng ký và nguyên liệu sản xuất, với Sở Tài chính vì thuế khoá đặc biệt. Thuế bổ sung đã đưa bao nhiêu người đến chỗ phá sản, có kẻ đến chỗ tự sát. Các người tiểu thương buôn thúng bán mẹt, đẩy chiếc xe hàng tiều tụy trong phố, cũng "được" nộp thuế, cũng như các người suốt ngày làm việc ở công sở hay công xưởng, tối về thức đêm dệt vài thước kiếm thêm tiền độ thân. Hàng trăm, hàng nghìn công chức cũ về hưu, với gia đình của họ, trước đây sống bằng lương hưu trí, hai năm nay không được ai chiếu cố đến, chết dần chết mòn, có người đâm đầu xuống sông tự tử, có người hai lần uống độc dược để quyên sinh.

Còn như các cán bộ thì ta có cần nói đến không? Ta cứ trông mặt mũi, quần áo họ, ta chỉ cần hỏi con số những người qua các phòng khám bệnh, các bệnh viện, ta liếc mắt nhìn họ ăn uống những gì trong bữa cơm, là ta đủ hiểu khổ cực của họ.

Ta quên thế nào được các đồng bào tập kết ra ngoài Bắc, số phận con cái họ ở Hà Nội, Hải Phòng, số phận chính của họ bi đát quá nỗi! Khổ cực nhất cho các anh chị em là không nương tựa được vào một đời sống gia đình để khuây khỏa trong lúc thảm sầu.

Các hiện tượng trên đây có đúng không, tôi chỉ yêu cầu các vị đọc báo Nhân Dân, nghiên cứu các hồ sơ chồng chất lên ở Mặt trận thành Hà Nội sau Đại hội lần thứ 3 vừa rồi, nghe ngóng lời than phiền của quần chúng, nhìn nhận các quang cảnh diễn ra dưới mắt của các vị là các vị đủ hiểu rồi. Quả thực như ông Trường Chinh đã tuyên bố, uy tín của Chính phủ, của Đảng bị tổn thiệt rất nhiều. Thế tại sao đồng bào chúng ta lại khổ cực? Phải chăng vì cán bộ của chúng ta non, hẹp hòi, chưa thấm nhuần lý luận cách mạng, không tôn trọng giá trị của con người, các nhu cầu và đòi hỏi chính đáng của nó? Phải chăng vì ta đang mắc trầm trọng bệnh ấu trĩ của cách mạng? Các điều đó là có, ta không hề chối và ta cũng không thể chối cãi được. Nhưng nhận định như vậy vẫn còn hời hợt. Ta phải đi sâu hơn nữa. Khi trong Cải cách Ruộng đất của ta, ta thấy bao nhiêu người bị tù tội, bị giết oan, trong đó bao nhiêu người dân ưu tú đã từng góp phần không nhỏ vào sự nghiệp cách mạng, khi hiện thời ở nông thôn vẫn có người bị đánh đập, ngược đãi, khi ta không xây dựng được đoàn kết giữa các đồng bào, thì ta phải nhận định rằng các sai lầm ta đã mắc trong cuộc Cải cách Ruộng đất này chỉ là những biểu hiệu cực độ của các sai lầm ta đã phạm, và các sai lầm ấy nêu lên, như tôi trình bày trên đây, một vấn đề cực kỳ quan trọng là vấn đề lãnh đạo của Đảng Lao động.

Do đó, tôi yêu cầu các vị cho phép tôi bắt đầu nghiên cứu các sai lầm trong Cải cách đã rồi sau khi truy nguyên các sai lầm ấy, đề đạt mấy ý kiến về vấn đề lãnh đạo.

I. Vấn đề pháp lý trong Cải cách Ruộng đất

Ta đã sai lầm nghiêm trọng trong Cải cách Ruộng đất, ta có thể tránh được sai lầm ấy mà vẫn bảo đảm được đường lối căn bản của cách mạng (CM) không? Tôi trả lời cương quyết rằng có.

Đường lối cách mạng của ta đòi hỏi gì? Ruộng phải trở về người cày. Điều này rất đúng không ai có thể chối cãi được. Nông dân là đại đa số trong nhân dân, nông dân là quân đội chủ lực của cách mạng, nhất định cách mạng không thể nào thành công được nếu ta không thỏa mãn nhu cầu thiết yếu và cấp bách của nông dân. Không cần phải là một nhà chính trị cao, một nhà cách mạng thạo, cũng nhận thấy điều ấy. Chỉ cần nhìn lịch sử cách mạng từ thời kỳ cổ đại đến giờ là đủ hiểu rồi. Như vậy về nguyên tắc, ta tán thành chủ trương Cải cách Ruộng đất.

Về phương pháp, ta có nên ban ơn cho nông dân không? Nhất định là không. Nông dân ta trong bao nghìn năm đã khổ cực dưới chế độ bóc lột phong kiến và một trăm năm nay dưới chế độ bóc lột

thực dân. Đồng bào nông thôn ta lầm than như vậy, đã mất hết khí thế con người. Ta cần khôi phục khí thế của người nông dân, xây dựng cho họ tinh thần chủ nhân ông trên đất nước. Do đó ta thấy cần thiết phải phát động tư tưởng của họ để họ nhận được phân minh kẻ thù của họ, để họ vùng dậy nắm lấy quyền thế ở nông thôn.

Nhưng từ đây trở đi, ta thấy khởi phát các sai lầm. Sai lầm này, ông Trường Chinh đã nhận thấy là ở chỗ: ta quên hẳn ta hiện thời nắm chính quyền và chính quyền ấy, nếu ta biết sử dụng nó, khai thác nó một cách sáng suốt, nhất định ta vẫn thành công nhưng ta tránh được bao tai họa làm ta đau khổ hiện thời.

Con đường ông Trường Chinh đã đi để tiến tới kết luận ấy là con đường chính trị. Các anh em tôi là những nhà luật học, chỉ là nhà chuyên môn và lý luận trên cơ sở chuyên môn thôi, đã trông thấy kết luận ấy ngay từ khi chính sách phát động và Cải cách được đề ra. Tại sao? Vì giải pháp chính quyền cụ thể là giải pháp pháp lý, đảm bảo thắng lợi hoàn toàn của cách mạng nếu ta biết mang nó ra phục vụ chính trị và cách mạng.

Ta muốn gì? Tìm kẻ thù của nông dân, của cách mạng để tiêu diệt nó. Nhưng đồng thời nếu ta biết lo xa, nhìn xa, ta cũng không quên rằng công lý của cách mạng, muốn bảo toàn được uy tín và thắng lợi của cách mạng, phải biết đánh đúng địch. Khi đưa ra khẩu hiệu "Thà chết 10 người oan còn hơn để sót một địch" thì khẩu hiệu này không những quá tả một cách vô lý mà phản lại cách mạng là đằng khác nữa. Muốn chứng minh điều này ta chỉ cần nhìn thực tế: kết quả sai lầm ta đã phạm khi thực hiện khẩu hiệu này rất tổn thiệt cho uy tín của cách mạng và cho bản thân bao nhiêu chiến sĩ cách mạng. Nếu không phải đó là phản lại cách mạng thì là gì?

Khẩu hiệu của pháp lý thì khác hẳn: "Thà 10 địch sót còn hơn 1 người bị kết án oan". Thế ta có lo ngại rằng 10 địch sót không? Không, vì ta nắm chính quyền, vì CM ta đã thành công. Như vậy kẻ thù của CM chẳng sớm thì chậm, nhất định hoặc cải thiện, giác ngộ, hoặc lọt vào lưới của ta. Khẩu hiệu này lợi ở chỗ: không 1 người oan nào bị kết án. Do đó, không có các kết quả cực kỳ tai hại diễn ra hiện thời.

Làm thế nào thực hiện được khẩu hiệu ấy? Kinh nghiệm pháp lý của hàng nghìn năm lịch sử thế giới cho ta biết rằng ta có phương pháp để tìm đúng địch mà đánh, không đánh tràn lan, không đánh người vô tội. Tôi xin phép nhắc tóm tắt sau đây các nguyên tắc căn bản mà pháp lý nêu lên để đạt mục đích ấy.

Một nguyên tắc đầu tiên là không hình phạt các tội đã phạm quá lâu rồi mà bây giờ mới khám phá ra. Tại sao? Vì rằng vấn đề

bằng chứng khó giải quyết được, tang vật đã mất, nhân chứng có người đã từ trần, có người không nhớ rõ các sự việc họ đã mục kích. Hơn nữa, sở dĩ hình luật phạt các tội, là vì các tội ấy đã xâm phạm vào trật tự xã hội: tác hại cho nạn nhân và gây tác dụng xấu trong quần chúng. Nhưng khi tội đã phạm quá lâu, trật tự xã hội hết bị xâm phạm rồi, nạn nhân không còn đau khổ, tác dụng xấu của tội cũng hết, thời gian đã hàn gắn các vết thương. Bây giờ lại vạch chuyện cũ thì không những khó thu thập được bằng chứng kết tội mà lại gây một sự náo động trong xã hội không cần thiết. Chính xã hội thấy "quên" lợi hơn là "nhớ".

Một nguyên tắc thứ hai là trách nhiệm của phạm nhân thì chỉ một mình phạm nhân phải chịu, không có trách nhiệm chung của vợ con, của gia đình. Nêu trách nhiệm trước hình luật của các người "có quan hệ" với phạm nhân không những là bất công mà lại còn gây các sự rung động vô ích trong xã hội. Hơn 400 năm nay không một nước Tây phương nào làm việc đó nữa. Trách nhiệm trước hình luật chỉ là một trách nhiệm cá nhân mà thôi. Không những thế, về phương diện nhân đạo, thì các phạm nhân quá già được miễn nghị, miễn tố và các vị thành niên được chiếu cố.

Một nguyên tắc thứ ba là muốn kết án một người phải có bằng chứng xác đáng. Phải có nhân chứng là những kẻ đã mục kích sự phạm pháp và cung khai một cách cụ thể, rõ ràng, chắc chắn. Một nhân chứng thôi chưa đủ, ít ra cũng phải có hai nhân chứng cung khai phù hợp với nhau mới được coi là đáng kể. Cung khai của các nhân chứng phải ăn khớp với nhau và trong quá trình phạm pháp các tang vật thu được phải có tác dụng hợp lý, sát hợp với kết quả do cuộc điều tra mang lại.

Một nguyên tắc thứ tư là thủ tục điều tra, xét xử phải bảo đảm quyền lợi của bị tố nhân. Bị tố nhân có quyền nhờ luật sư bào chữa cho mình, và khi thiếu điều kiện nhờ luật sư, khi nào là một trọng tội, Tòa phải cử luật sư bào chữa không, cho bị can. Trong tất cả, giai đoạn điều tra ở trình độ công an thẩm vấn trong phòng dự thẩm, buộc tội trước tòa, quyền lợi của công tố viện ngang với quyền lợi bị can, nghĩa là nếu công tố viện đưa hết lý lẽ để buộc tội, bị can đưa hết lý lẽ để minh oan. Cuộc đấu lý diễn ra trong tất cả quá trình điều tra, truy tố, xét xử giữa công tố viện và luật sư. Các vị thẩm phán ngồi xét xử phải là vô tư, đứng giữa để theo rõi cuộc đấu lý diễn ra dưới mắt mình. Như thế mới nhận định đúng và xử công minh. Toà án xét xử không chịu lệnh của ai trong khi xét xử, chỉ biết xét xử theo lương tâm của mình và căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ, sau khi nghe hai tiếng chuông buộc tội và gỡ tội. Người thẩm phán phải được đủ

đảm bảo để làm nhiệm vụ của mình mà không sợ ai khiển trách hay gây khó khăn cho mình được. Khi điều tra thẩm vấn, tuyệt đối cấm không được dùng phương pháp tra khảo, đánh đập, hành hạ bị can, mớm cung cho bị can, dọa nạt hay dụ dỗ hắn. Khi nào có điều nghi ngờ thì bị can được miễn nghị. Nếu bị kết án thì còn quyền chống án lên tòa trên. Nếu bị kết án tử hình thì lại còn quyền xin ân giảm trước vị Chủ tịch Chính phủ. Con người của bị can, trong tất cả quá trình truy tố và xét xử phải được tôn trọng triệt để, khi bị can ra trước tòa thì không được xiềng xích họ và không lúc nào được dùng nhục hình đối xử với họ.

Theo một nguyên tắc căn bản, không phải vì một người tác hại cho một người khác mà người ấy phải chịu trách nhiệm trước hình luật. Tác hại cho ai thì chỉ nêu trách nhiệm về phương diện dân sự – nghĩa là bồi thường thôi – của người đã tác hại. Muốn truy tố người ấy để thi hành hình luật đối với hắn thì phải chứng minh rằng hắn phạm một tội, nghĩa là phạm vào một điều khoản nào qui định trong hình luật, và hình luật không bao giờ có tác dụng đối với quá khứ cả: nếu hành động của một người diễn ra trong thời kỳ mà hình luật chưa quan niệm là một tội thì người ấy không thể mang ra truy tố được. Không những bị can phải phạm một tội đã qui định rồi trong pháp luật, mà ta lại còn phải xét xem rằng lúc phạm tội ấy bị can có ý thức, có ý chí phạm pháp hay không, hay là vô tình mà phạm pháp. Sự đối xử trong hai trường hợp ấy khác nhau.

Lúc tôi nhắc lại các nguyên tắc này thì có vị cho rằng như thế là phiền phức, phức tạp. Dĩ nhiên rồi, nhưng tất cả vấn đề là: ta có muốn giết người vô tội không? Nếu không thì không thể nào làm khác được. Hơn nữa, muốn nhận định vấn đề cho đúng, ta không nên đứng vào vị trí một người hiện thời không dây dưa với pháp luật, một người ở một cương vị chính quyền. Ta phải đứng vào cương vị của bị tố nhân; lúc ấy vấn đề rất sáng tỏ, không những ta đòi thi hành các nguyên tắc pháp luật, ta còn cố gắng tìm hiểu thêm các nguyên tắc mới để đảm bảo người oan khỏi bị chết.

Nếu mang ra áp dụng các nguyên tắc ấy vào cuộc Cải cách Ruộng đất của ta, ta sẽ làm thế nào? Thủ tục cải cách cứ diễn bày nhưng sự trừng trị bọn cường hào gian ác hay phản động, ta sẽ không giao cho một tòa án nhân dân, đặc biệt như ta đã làm với tất cả sự thiếu sót về phương diện pháp lý mà ta đã biết. Trái lại, sau khi phát động tư tưởng của nông dân, ta sẽ nghe lời họ tố cáo kẻ thù của họ. Ta sẽ ủy nhiệm toà án nhân dân thường lập các hồ sơ, để tòa án, với bộ máy và kinh nghiệm của nó, tiếp tục điều tra, kiểm tra,

lấy cung chứng, truy tố, luận tội, xét xử. Ta đảm bảo triệt để cho bị tố nhân quyền bào chữa của họ, ta yêu cầu các luật sư làm tròn nhiệm vụ của họ, ta tôn trọng triệt để con người của bị tố nhân. Ta chỉ thù ghét và kết án, trừng phạt tội của nó đã phạm thôi. Ta tin tưởng ở tòa án, ta đảm bảo cho các vị thẩm phán làm việc ngoài sự điều khiển của chính quyền, một cách biệt lập, tôi nói biệt lập chứ không phải độc lập, theo lương tâm của các vị và căn cứ vào hồ sơ và kết quả của cuộc thẩm vấn.

II. Các nguyên nhân sai lầm

Theo như tôi nhận định, với chủ quan của tôi, các nguyên nhân sai lầm thuộc hai loại, có loại trực tiếp, nhưng nếu ta phân tích loại này thì ta sẽ đi tới một loại thứ hai mà theo tôi là những nguyên nhân chính, ta cần chú ý.

Các nguyên nhân trực tiếp ta trông thấy ngay. Sở dĩ khi nghiên cứu chính sách cải cách, ta không nghĩ đến giải pháp pháp lý đưa ra để điều hòa với giải pháp chính trị, phải chăng là vì ta không biết giải pháp pháp lý? Nếu không thì là sự thiếu sót nghiêm trọng của cấp lãnh đạo. Nhưng tôi tin rằng không phải như thế đâu. Sở dĩ ta không để ý đến giải pháp pháp lý là vì ba lý do:

Quan điểm ta-địch, thù-bạn của ta rất mơ hồ.

Ta bất chấp pháp luật, lấy chính trị lấn át pháp lý.

Ta bất chấp chuyên môn.

Quan điểm bạn-thù, ta-địch mơ hồ: Các hiện tượng trên trường quốc tế và trong nước rất nhiều và rõ rệt.

Trên trường quốc tế, trong các nước dân chủ của ta thôi, ta thấy những điều làm ta suy nghĩ. Ta thấy chẳng hạn những người suốt đời hi sinh cho sự nghiệp cách mạng, giữ những trọng trách trong chính thể cách mạng, rồi bỗng nhiên phải truất quyền, khai trừ ra khỏi Đảng, tống giam, thậm chí có khi bị giết nữa. Rồi ít lâu sau, ta lại thấy các người ấy được khôi phục công quyền, đảng tịch, cương vị, người nào bị kết án tử hình rồi thì được an táng lại ở các đài kỷ niệm các liệt sĩ mà Tổ quốc ghi tên muôn đời.

Trong nước ta, qua cuộc Cải cách Ruộng đất, ta thấy bao nhiêu chiến sĩ cách mạng thành tích lộng lẫy, có người ngực gắn tới hai huy chương kháng chiến (ở ngoại thành Hà Nội) bị kết án là phản động, cường hào gian ác và, sau khi nhận tội, bị tống giam hay bị hành hình. Ấy là không nói đến các người trong quần chúng bị hi sinh oan. Đối với các nạn nhân này, ta có thể một phần nào hiểu các sai lầm đã phạm, vì họ thiếu hay không có thành tích cách mạng hay kháng chiến. Nhưng đối với các đảng viên ưu tú, tinh hoa của dân

tộc, lúc bị xử trí như ta đã biết, thì ta tự hỏi trong đầu óc của những người xử họ có cái gì mà ta gọi là lý tính không? Ngay một thường dân, không phải là một nhà chính trị hay văn hóa, chỉ sử dụng cái lẽ phải của mình thôi, cũng không thể nào hỗn hợp người xấu với kẻ tốt như vậy được. Ta phải đặt vấn đề rằng cán bộ từ trên xuống dưới, tham gia CCRĐ, không phải là người điên cuồng, cũng không phải là người chủ mưu, dụng tâm phá hoại. Nếu như thế thì ta sẽ gửi họ đến bác sĩ chuyên môn chữa bệnh thần kinh, hay đến công tố viện của các tòa án. Nhưng không phải như thế, ta tin như vậy. Do đó, kết luận mà ta tiến tới, dù muốn hay không, là các các cán bộ ấy có một quan điểm rất mơ hồ về ta-thù, bạn-địch.

Còn gì đau đớn hơn là câu ta được nghe "Ta đánh cả ta nữa". Nếu như vậy thì ta cần phải nhận rằng ta không phân biệt được bạn và thù. Ta đọc lại các bài gần đây đăng trong báo Nhân Dân của các đồng chí bị xử trí oan, hoặc các đồng chí ấy nói, hoặc không nói, nhưng ta đều hiểu các đồng chí ấy nghi ngờ những người kết án các đồng chí, không phân biệt được bạn và thù. Vì vậy nên đánh cả bạn, giết cả bạn.

Tôi thấy đây là một điều cực kỳ quan trọng. Nguyên do ở đâu? Phải chăng ở một tinh thần cảnh giác quá cao đến nỗi mù quáng, ở một tả khuynh mà ta thường mắc trong giai đoạn ấu trĩ của cách mạng? Đây không phải là nơi và lúc mà ta cần phân tích sâu sắc điều ấy. Chủ yếu là ta nhận thấy rằng một nguyên nhân sai lầm là ở trong quan điểm thù bạn rất mơ hồ. Nếu ta không kịp sửa chữa sai lầm, xây dựng lại quan điểm thù bạn, một ngày kia ta sẽ lại phải khóc trên kỷ niệm của những vị có công nhất với cách mạng, với nhân dân. Ta cương quyết không thể nào để tình trạng ấy tái diễn ra được.

Bất chấp pháp luật: Giáo sư Ba Lan Mahelli nói chuyện ở Bộ Tư pháp, cho ta biết rằng bên Ba Lan, khi cách mạng thành công, các nhà chính trị bất chấp pháp luật. Họ quan niệm rằng họ đủ tài năng để đảm nhận các cương vị lãnh đạo trong ngành tư pháp, để bó buộc tư pháp phục vụ triệt để chính trị mà không đếm xỉa đến các nguyên tắc căn bản của pháp lý. Kết quả là chẳng bao lâu bộ máy tư pháp xộc xệch, không những không củng cố được chính thể cách mạng, ngược lại, tác hại quá nhiều gây bao nhiêu khó khăn cho chính quyền cách mạng. Sai lầm ấy được uốn nắn kịp thời: hoàn cảnh khách quan đã dạy một bài học cho chủ quan các nhà chính trị, để lãnh đạo chuyên môn phải nhập trường học tập, trước non 2 năm, sau 5 năm, để qua pháp lý, phục vụ chính trị và cách mạng.

Điều này không làm chúng ta ngạc nhiên. Trong giai đoạn đầu tiên, chính trị say sưa với các thắng lợi đã thu – và dĩ nhiên các thắng lợi ấy vĩ đại – lâm vào tình trạng tự mãn và bao biện.

Nhưng quản trị một nước, đặc biệt một nước đang xây dựng chính quyền cách mạng, nghĩa là một cái gì vô cùng mới mẻ và khó khăn, không giống như là đề ra đường lối và khẩu hiệu tranh đấu cách mạng và vận động quần chúng làm cách mạng. Hai khu vực hoạt động ấy tuy quan hệ mật thiết với nhau, nhưng mỗi ngành hoạt động có kỹ thuật và quy luật của nó. Lúc nhà chính trị bao biện, bất chấp hoàn cảnh khách quan kinh nghiệm xương máu của lịch sử, thì chẳng sớm thì muộn ta thấy diễn ra những tai hại hiện thời làm chúng ta đau xót. Trên con đường bao biện và tự mãn ấy, các nhà chính trị đã bị thúc đẩy bởi những thành kiến đối với pháp lý và tin rằng pháp lý là cái gậy chỉ dùng để chọc bánh xe, không hiểu rằng, trái lại, chính pháp lý giúp xe khỏi lật, khỏi gây tai nạn. Nguy hại hơn là chính trị tự đặt mình lên trên pháp luật. Ngay trong trường hợp chính trị sau khi đặt mình lên trên pháp luật, còn giữ vững thái độ chân chính, cũng đã gây ra bao khó khăn rồi. Pháp luật chủ yếu đề ra những cái gì có thể làm được, cái gì không được phép làm, do đó nhân dân vững tâm biết rõ đường mà đi. Nhưng tâm hồn quần chúng chỉ được ổn định khi nào quần chúng biết rõ rằng cái gì bó buộc mình cũng đồng thời bó buộc nhà cầm quyền. Trái lại, khi pháp luật chỉ gò bó quần chúng mà không gò bó nhà cầm quyền thì nhà cầm quyền mỗi lúc có thể vẽ ra các đường mới mà quần chúng chưa từng biết. Vì vậy quần chúng hoang mang: cái gì hôm qua làm được, ngày mai với sự độc đoán của nhà cầm quyền có thể bị coi là phi pháp. Hoang mang ấy lên tới cực độ khi tác dụng của sự thay đổi thái độ này của nhà cầm quyền không những ảnh hưởng đến tương lai, mà là ảnh hưởng cả về quá khứ nữa. Đó là trường hợp nhà cầm quyền, lúc tự đặt mình lên trên pháp luật, giữ thái độ chân chính đúng mực, huống hồ là khi nhà cầm quyền sử dụng quyền thế của mình một cách lộng quyền, như ông Trường Chinh đã nhận định. Quyền xử tử người một cách đơn giản như vậy trái với luật pháp: đó chỉ là một giải pháp chính trị mà thôi. Nếu mà các người sử dụng quyền ấy lại không sử dụng với tinh thần chính sách của lãnh đạo, sử dụng một cách lộng quyền thì kết quả thế nào, hiện thời ta đã trông thấy rõ.

Bất chấp chuyên môn: Các nhà chính trị bất chấp pháp luật. Nhưng nếu các vị ấy tranh thủ ý kiến của các nhà chuyên môn và cho phép các nhà chuyên môn đề đạt ý kiến thì các nhà chuyên môn

cũng sẽ yêu cầu các nhà chính trị nên chú ý đến pháp luật, và dùng pháp luật phục vụ cách mạng.

Nhưng tiếc thay, trong 10 năm vừa qua, ta thấy một tình trạng quái gở. Chính trị ám ảnh đầu óc chúng ta đến nỗi hai chữ "lập trường" làm ta mất ăn mất ngủ. Nếu được dùng một hình ảnh "duy tâm", tôi ví lập trường như cái oan hồn ngày đêm theo đuổi kẻ nào đã hãm hại người chủ của nó. Có một điều lạ, là các anh em công nông, các vị lãnh tụ không bao giờ nói đến lập trường trong sinh hoạt hàng ngày. Trái lại, các cán bộ và đảng viên tiểu tư sản không lo ngại gì bằng sự mất lập trường. Vì vậy, để nhớ đến nó, mở miệng ra là nêu lập trường rồi. Đó là tinh thần tự ti của một giai cấp mất khí thế, quên rằng mình đứng trong hàng ngũ cách mạng. Dù sao, ở Việt Nam chúng ta cũng đã xẩy ra những sự việc như sau đây, ta cần ghi nhớ để con cháu ta cười muôn thuở: khi chọn một người vặn lái ô tô, ta không hỏi người ấy có bằng vặn lái và đã vặn lái bao năm, ta chỉ hỏi: "Có lập trường không?" Kết quả là từ hai năm nay, riêng trong thủ đô Hà Nội, hàng trăm tai nạn xảy ra do các người vặn lái ô tô có lập trường mà không nắm chuyên môn. Khi đưa tới bệnh viện một bệnh nhân cấp cứu, vấn đề mang ra thảo luận trước tiên là: Bệnh nhân thuộc thành phần giai cấp nào? Chữa cho địa chủ thì "mất lập trường". Để nó chết mới chứng minh mình có "lập trường giai cấp" (hiện tượng do B.S. Nguyễn Xuân Nguyên đưa ra).

Tại sao có những hiện tượng quái gở như vậy? Là vì chính trị chiếm đóng tất cả các khu vực trong nhận thức của chúng ta làm chúng ta mất cả cái nhân đạo tối thiểu của con người, làm chúng ta khước từ các chân lý. Chân lý cho biết rằng chính trị không thể nào thay thế được cho chuyên môn, không làm được việc của chuyên môn. Nếu như vậy thì ít ra chính trị cũng hỏi ý của chuyên môn mới là phải. Nhưng không. Chính trị nghi ngờ chuyên môn, không tin ở chuyên môn. Lúc thì cho rằng chuyên môn là do văn hoá và khoa học tư sản đế quốc xây dựng, là vô dụng (đó là một sai lầm nghiêm trọng các người tin như vậy chưa đọc Lênin). Lúc thì cho rằng các nhà chuyên môn không phải xuất hiện ở tầng lớp cơ bản, công hay nông, thì không có đảm bảo vì thái độ lừng chừng, lập trường lỏng lẻo, dù là 10 năm nay họ đã bước chân vào đường cách mạng và chứng minh nhiệt tình của mình đối với sự nghiệp giải phóng dân tộc, kiến thiết quốc gia.

Theo ý tôi, đây là một vấn đề then chốt. Các anh em trí thức kháng chiến thường phàn nàn rằng Đảng Lao động thiếu tín nhiệm họ. Họ đau khổ mà nhận thấy rằng mặc dầu họ đã trải qua bao nhiêu thử thách, chịu đựng bao nhiêu hi sinh, trải qua bao nhiêu gian nguy,

Đảng vẫn chưa tin ở họ. Nào họ có yêu sách gì quá đáng đâu? Họ có đòi làm Bộ trưởng hay Đại sứ đâu? Không. Đại đa số các anh em trí thức nói chung, không mơ ước các cương vị, công tác lộng lẫy đâu, họ vui lòng nhường chỗ cho các nhà chính trị, các đảng viên. Họ chỉ thiết tha đòi hỏi được mang khả năng chuyên môn và kinh nghiệm của họ ra phục vụ nhân dân mà thôi. Họ chỉ thiết tha mong muốn được bảo toàn danh dự trí thức của họ và cái tự do tư tưởng mà họ quan niệm là cần thiết cho nhân phẩm của người trí thức mà thôi. Họ đã từng nghe thấy Đảng tuyên bố: Người trí thức là vốn quí của dân tộc. Nhưng họ cảm thấy vốn ấy quí quá đến nỗi phải cất nó đi thật kỹ, giữ gìn nó trong một bán ảnh, một hoàng hôn trường cửu. Nếu có ai cho rằng tôi nói không đúng, tôi cứ đề nghị người ấy quay mặt nhìn chung quanh, ở các cương vị công tác trong chính thể của ta. Có một chỗ nào mà người trí thức ngoài Đảng nắm được thực quyền không? Tác dụng "hiếu hỉ" hay "cười gật" thì có, mà lại có nhiều. Nhưng ngay ở các cương vị ấy, ngoài vai trò hiếu hỉ, cười gật, người trí thức có một trách nhiệm gì không, có quyền nói gì làm gì không, quần chúng đã biết và miễn tôi trả lời.

Chính trị chèn ép chuyên môn như thế nào, xua đuổi người trí thức ra ngoài con đường cách mạng ra sao, lịch sử kháng chiến đã cho ta kinh nghiệm đau đớn. Năm 1949, phong trào tư pháp liên khu III tan vỡ vì chính quyền quan niệm tư pháp phải thuộc sự điều khiển của mình. Năm 1951, phong trào quân y, dân y liên khu IV sụp đổ vì các chính trị viên đưa vào các bệnh viện đã đàn áp chuyên môn, thúc đẩy các bác sĩ có công với cách mạng, với kháng chiến, phải gạt nước mắt mà rời bỏ kháng chiến. Đó không phải là chủ trương của Đảng Lao động. Nhưng có một điều làm ta suy nghĩ: sao mãi bây giờ sau 10 năm Đảng mới nghiên cứu một chính sách cho trí thức? Điều ấy chứng tỏ rằng từ khi cách mạng thành công, ta chưa đánh đúng giá người trí thức, chưa đặt vấn đề trí thức. Do đó, làm thế nào khai thác được tất cả khả năng của người trí thức để họ mang chuyên môn ra phục vụ nhân dân?

Trên đây, tôi nói về người trí thức từ chiến khu trở về. Đối với người trí thức vẫn ở trong Thủ đô, ta thấy sự thiếu tín nhiệm ấy lại còn trầm trọng hơn nữa. Bao lần ta nghe tiếng chua cay của các anh em ấy phàn nàn bị coi như là kẻ thù, mặc dầu các anh em vì yêu nước đã khắc phục mọi lo sợ do tuyên truyền của địch gây ra và ở lại với chúng ta. Ta để cho cán bộ hộ khẩu xâm phạm đến danh dự của các anh em, ta không tìm cách nào sửa chữa sai lầm ta đã phạm đối với anh em. Ở các công sở tình trạng chèn ép của chính trị đối với chuyên môn đã đưa đến cái danh từ bi đát làm cho ta đau

lòng: “họ Lưu, họ Kháng”. Không đoàn kết được các anh em, ta lại còn có thái độ úp mở, nhùng nhằng (ta tưởng như vậy là thượng sách), thậm chí ta lại còn nghi ngờ các anh em. Ta không hiểu rằng làm như vậy, ta bất công với các anh em, ta không tôn trọng lời đã hứa qua chính sách tiếp quản và cương lĩnh Mặt trận, ta đẩy các anh em xa rời ta, ta vô tình ném xuống bể tiêu cực cái vốn chuyên môn của các anh em trí thức trong Thủ đô.

Đó là những nguyên nhân trực tiếp. Đào sâu hơn nữa, ta thấy rằng sở dĩ có những hiện tượng như ta vừa phân tách trên đây, chẳng qua chỉ vì sự lãnh đạo của ta thiếu dân chủ, xa lìa quần chúng.

Chính thể ta thiếu dân chủ như thế nào, ta đã từng biết. Vai trò của các vị Bộ và Thứ trưởng ngoài Đảng như thế nào, các vị đó làm được những gì trong Hội đồng Chính phủ, trong các ngành chuyên môn mà các vị ấy phụ trách, ta không nên đi quá sâu. Ta chỉ cần liếc mắt nhìn qua công việc làm trong mỗi Bộ, ta chỉ cần nghe tiếng than phiền của các cán bộ, công chức làm việc trong các Bộ là ta hiểu. Ta cũng biết rằng chủ trương của Đảng có lẽ không phải như vậy đâu, nhưng trong thực tế công tác, mỗi anh em ta tiếp xúc với các vị Bộ hay Thứ trưởng ngoài Đảng, đều nhận thấy rằng quyền hành của các vị ấy hình như không phải là quan trọng cho lắm. Nhận định như vậy có lẽ ta lầm đấy. Nhất định ta lầm. Nhưng dù sao có “dư luận” không ai chối cãi được. Do đó, nếu chủ trương của Đảng không phải như vậy thì ít ra Đảng cũng mang trách nhiệm không làm thế nào để tiêu tan cái dư luận tai hại mà chúng ta thấy tồn tại từ thời kỳ kháng chiến đến giờ. Nhưng cũng có điều chắc chắn không ai chối cãi được, là các vị Bộ hay Thứ trưởng không có trách nhiệm gì trước Quốc hội, trước nhân dân, chỉ có trách nhiệm trước Chính phủ mà thôi. Chưa bao giờ ta thấy vị Bộ trưởng nào bị lật đổ cả. Phải đợi đến các sai lầm đặc biệt nghiêm trọng trong Cải cách mới thấy hai vị Thứ trưởng phải rút lui khỏi Hội đồng Chính phủ. Các hiện tượng ấy chứng tỏ rằng Chính phủ ta chưa thực hiện được dân chủtrong khi lập Hội đồng Chính phủ, vì các vị Bộ hay Thứ trưởng đều được cử hay bị truất, ngoài sự tham gia trực tiếp hay gián tiếp (qua Quốc hội) của quần chúng.

Tình trạng của Quốc hội lại rõ hơn nữa. Mười năm Quốc hội đã thành lập. Các vị đại biểu Quốc hội còn phản ảnh được ý nguyện của quần chúng không, quần chúng có tín nhiệm ở Quốc hội nữa không, đó là một vấn đề. Nhưng dù vấn đề ấy ta giải quyết như thế nào đi nữa, có một điều chắc chắn là một Quốc hội già 10 năm rồi mà vẫn tồn tại ngoài sự can thiệp của quần chúng, sự lựa chọn của

quần chúng, chứng minh rằng quần chúng 10 năm nay đã bị truất quyền cử đại biểu của mình rồi. Dĩ nhiên trong thời kỳ kháng chiến, bầu lại Quốc hội là một điều không làm được. Và hiện thời, Nam-Bắc bị tạm chia cắt, do đó sự bầu lại toàn thể Quốc hội cũng là khó khăn. Nhưng dù sao riêng ở các miền giải phóng này, nếu ta chú ý đến quyền người dân cử đại biểu của họ thì nhất định ta phải cho phép người dân bỏ phiếu rồi. Từ khi hòa bình trở lại, 2 năm đã qua, mãi bây giờ trước phong trào quần chúng đòi thực hiện dân chủ, ta mới nghĩ đến quyền bỏ phiếu của người dân và bổ sung Quốc hội.

Nào có thế thôi đâu? Ngay cái Quốc hội ta đang có hiện thời, ta có thực hiện dân chủ với nó không? Chắc chắn là không! Thỉnh thoảng ta mới họp Quốc hội, và trong các buổi họp đó ta chỉ thấy Chính phủ đưa ra các báo cáo để Quốc hội nghiên cứu, xây dựng, hay các chính sách để Quốc hội tán thành và bổ khuyết. Quyền lập pháp của Quốc hội ở đâu? Quyền đề ra đường lối, chủ trương trong nội trị, ngoại giao, quyền nêu trách nhiệm của Chính phủ và các Bộ, quyền lựa chọn nhân viên trong Hội đồng Chính phủ, bấy nhiêu quyền, Quốc hội có được hưởng dụng không? Dư luận quần chúng quan niệm rằng Quốc hội chỉ có quyền thông qua các chính sách mà thôi. Còn như các sắc lệnh hay đạo luật thì thường thường, quyền thông qua ấy chỉ thuộc ban Thường trực của Quốc hội. Nếu Quốc hội là tổ chức cao nhất của quần chúng, đại diện cho quần chúng, thì ta phải khách quan nhận thấy rằng, với vai trò vô cùng yếu ớt của Quốc hội hiện thời, quyền dân chủ của quần chúng không được thực hiện.

Nói đến Mặt trận thì tình hình cũng tương tự. Mặt trận hiện thời là tổ chức quần chúng có lẽ sát tình hình quần chúng nhiều nhất. Nhưng ta có để nó đóng vai trò của nó không? Không! Tác dụng của nó là động viên quần chúng để tán thành, ủng hộ và thi hành các chính sách. Đứng về phương diện này, nó làm tròn nhiệm vụ của nó. Nó xứng đáng với tín nhiệm của Đảng và Chính phủ. Nhưng hoạt động của nó như thế chỉ có một chiều thôi. Ta chưa khai thác các khả năng của nó. Ta chưa nhận thấy bản chất của nó. Nó có thể là liên lạc "hai chiều" giữa quần chúng và Đảng, Chính phủ. Một mặt như nó thường làm, nó động viên quần chúng để thực hiện các chủ trương của Đảng và Chính phủ. Nhưng mặt khác, nó có thể là cơ quan phản ảnh lên Đảng và Chính phủ các ý kiến, thắc mắc, nguyện vọng của quần chúng, góp phần xây dựng các chính sách, nói lên tiếng nói của quần chúng, cung cấp tài liệu nguồn gốc ở quần chúng, tích cực giúp đỡ cấp lãnh đạo tránh khỏi chủ quan, thắt chặt liên lạc giữa cấp lãnh đạo và quần chúng. Nhưng muốn để cho nó đóng vai

trò ấy, ta phải "dân chủ" đối với nó, nghĩa là phát động tự do tư tưởng của nó, để nó mạnh dạn nói lên ý kiến của quần chúng, dù là các ý kiến trái ngược với nhận định của cấp lãnh đạo. Nhưng từ trước tới nay, ta không làm như vậy. Ta thấy khó chịu khi nó thỏ thẻ – chỉ thỏ thẻ thôi – những lời làm ta một phút chốc tỉnh giấc mộng chủ quan mà ta trong cấp lãnh đạo đang say sưa. Vì vậy ta chỉ thường cho phép nó, chỉ khuyến khích nó phụ họa ta, tán đồng ta với thái độ của đứa con khen hay khi mẹ nó hát. Tóm lại, ta không dân chủ với nó. Do đó, ta hạn chế khả năng của nó, nó không giúp ích gì cho cấp lãnh đạo.

Thiếu dân chủ là gì? Là xa rời quần chúng, là giam hãm mình vào ngục thất của chủ quan. Tại sao một chính thể cách mạng lại có thể phạm sai lầm nghiêm trọng như vậy được?

Trước đây, ta không trả lời được. Những người kính yêu cách mạng rất ngạc nhiên khi thấy có kẻ đi tìm tự do, rời bỏ hàng ngũ cách mạng để lén sang phía tư bản. Ngay trong thủ đô ta hiện thời, qua Đại hội lần thứ 3 của Mặt trận thành, ta thấy phản ảnh ý muốn của bao nhiêu đồng bào muốn đi Nam. Ta nghĩ đến các đồng bào, trong thời kỳ kháng chiến, gạt nước mắt mà trở về Hà Nội. Nếu cách mạng mang lại cho họ ánh sáng và hạnh phúc, sao lại có người lo ngại trước cách mạng, đau đớn vì cách mạng. Các người ấy không phải thuộc thành phần kẻ thù của cách mạng, trái lại thuộc thành phần cơ bản trong nhân dân, như nông dân, công nhân. Thế thì đâu là chân lý? Đó là một vấn đề mà trước đây ta chỉ đặt thôi và không giải quyết được.

Bây giờ sau Đại hội lần thứ 20 của Đảng Cộng sản Liên xô, sau các cuộc bạo động ở Berlin, Poznan, bên Tiệp, bên Hung, ta hiểu rõ vấn đề, ta giải quyết được nó. Chung quy, mặc dầu cách mạng là tốt đẹp, mang lại hạnh phúc cho dân tộc, sở dĩ vẫn có người xa lánh cách mạng, chẳng qua là vì chính thể cách mạng mắc trầm trọng bệnh xa lìa quần chúng, thiếu dân chủ, do đó đi càng ngày càng sâu vào tình trạng quan liêu, mệnh lệnh, duy trì một thái độ lãnh đạo hẹp hòi, độc đoán, có khi độc tài. Thái độ một chiều không muốn, không cho phép ai nói cái gì trái ngược ít nhiều với ý kiến nhận định, thành kiến của mình. Mình tự phụ, tự hào mình có độc quyền tìm thấy và gìn giữ chân lý. Đó là tật tự cao tự đại của nhà cách mạng. Ta bay bổng lên trời xanh của ảo tưởng, ta chỉ tin ở ta. Trong tư tưởng, ta không khinh quần chúng, nhưng trong hành động, quả thật con mắt khách quan nhận thấy ta bất chấp quần chúng. Thậm chí, khi ta nghe thấy một tiếng nào từ quần chúng nói lên rằng ta nhầm, ta làm như thế này mới phải, lập tức ta thét ngay đó là tiếng của địch. Sở dĩ

quan điểm bạn thù của ta mơ hồ, và đâu ta cũng trông thấy địch, chẳng qua là vì ta quá tự phụ, ta sùng bái ta quá đáng mà thôi. Bây giờ ta biết rõ là nếu bệnh ấy phổ biến trong hàng ngũ cách mạng hiện thời thì trách nhiệm chính là Stalin phải chịu. Vì tự cao, tự đại, tự phụ, tự mãn, Stalin không cho phép ai dân chủ với mình, đâu cũng trông thấy địch. Kết quả thế nào ta đã biết: khẩu hiệu nêu lên, thét lên, gào lên là: đề cao cảnh giác. Và lợi dụng tình thế ấy, ta biết Béria đã làm những gì, phạm tội ác như thế nào.

Nếu không có quyết nghị lần thứ 20 của Đảng Cộng sản Liên xô, nếu không có những sai lầm cực kỳ tai hại trong Cải cách, ta chưa mở mắt được, ta sẽ còn thấy bao nhiêu máu oan chảy thành suối thành sông, bao nhiêu người kính yêu cách mạng mà vẫn đau sót rời bỏ cách mạng. Tuy ta phải trả một giá quá cao, nhưng bây giờ ta biết rõ nguyên do của các đau khổ của ta: ta thiếu dân chủ.

III. Phương hướng sửa chữa các sai lầm

Qua lịch sử tranh đấu của quần chúng hai nghìn năm nay, ta thấy cái gì mà nhân bản của loài người đòi hỏi thiết tha nhất, đó là một đời sống vật chất tương đối đầy đủ êm ấm, đó là một đời sống tinh thần tương đối ổn định, có đảm bảo và tự do. Hạnh phúc của loài người xây dựng trên cơ sở dân sinh và dân quyền. Tôi muốn nhấn mạnh ở đây về vấn đề dân quyền. Ta được biết từ hai thế kỷ nay chủ yếu trong vấn đề dân quyền là vấn đề dân chủ, nghĩa là quyền của người dân làm chủ trên đất nước, đồng thời là quyền của con người được sống theo các nhu cầu thiết yếu và chính đáng của nhân bản. Từ cuộc Cách mạng tư sản Hoa Kỳ cuối thế kỷ 18, Cách mạng tư sản Pháp 1789, tới cuộc Cách mạng xã hội chủ nghĩa của Nga, quần chúng nổi dậy, mang xương máu để giành kỳ được chế độ dân chủ. Sau cuộc Đại chiến lần thứ hai, Hiến chương Liên Hiệp quốc đúc kết những thành quả của các phong trào lịch sử tranh đấu cho dân chủ và đặt các nước văn minh trước trách nhiệm của họ để thực hiện và đảm bảo các nguyên tắc dân chủ. Đối với các nước tư bản ta không ngạc nhiên thấy chế độ dân chủ thực hiện với những thiếu sót quan trọng. Nhưng ta có quyền ngạc nhiên khi ta thấy các thiếu sót ấy cũng xuất hiện trong các nước đã hoàn thành cuộc Cách mạng dân chủ nhân dân và xã hội chủ nghĩa. Đại hội lần thứ 6 của Hội Quốc tế các Luật gia dân chủ họp trong tháng 5 vừa rồi tại Bruxelles đã lấy làm tiếc mà nhận thấy rằng trong tất cả các nước, dù tư bản hay xã hội chủ nghĩa, mặc dầu các Hiến pháp, các bộ luật tuyên bố trịnh trọng, tôn trọng thực hiện, đảm bảo thực hiện các

nguyên tắc dân chủ, tuy nhiên các nguyên tắc này vẫn bị dày xéo. Vì vậy trong tất cả các nước, quần chúng tranh đấu kịch liệt.

Ở nước ta, trong bản Tuyên ngôn độc lập, trong Hiến pháp cũng như trong các sắc lệnh, đạo luật, nguyên tắc dân chủ đã được ban bố. Nhưng qua phong trào phát huy dân chủ mà Chính phủ chủ trương, qua đại hội nhân dân thủ đô lần thứ 3, các Đại hội Mặt trận Trung ương, Mặt trận thành, qua thông cáo của Hội nghị lần thứ 10 của Trung ương Đảng Lao động, của Chính phủ v.v…, nhân dân nhận thấy, và Đảng cũng như Chính phủ xác nhận rằng ta thiếu sót về dân chủ khá nhiều. Vì các thiếu sót ấy, ta phạm các sai lầm nghiêm trọng trong Cải cách Ruộng đất như tôi đã trình bày trên đây. Nguyên nhân sâu sắc của các sai lầm ấy, ta có thể quy kết được. Sở dĩ đời sống tinh thần của ta không được ổn định, lúc nào ta cũng nơm nớp lo sợ các hành động "lộng quyền" của nhà đương cục, là vì ta thiếu một chế độ pháp trị phân minh, không đề ra nghĩa vụ và quyền lợi của mọi người, đồng thời cả của cấp lãnh đạo nữa. Sở dĩ cấp lãnh đạo có thể phạm được các sai lầm nghiêm trọng trong Cải cách Ruộng đất, tổn thất cho xương máu, mồ hôi nước mắt của đồng bào, cho uy tín của Đảng và Chính phủ, là vì người dân không có quyền, không có phương tiện nói lên ý kiến của mình, tham gia xây dựng các chính sách của Chính phủ.

Do đó, phương hướng sửa chữa các sai lầm là một chế độ pháp trị chân chính, một chế độ dân chủ thực sự.

Một chế độ pháp trị chân chính : Ở đây, chưa phải lúc và chỗ để tôi trình bày ý kiến về vấn đề pháp trị. Ta sẽ có dịp khác. Ở đây, tôi chỉ muốn trình các quí vị một nhận xét.

Đảng Lao động và Chính phủ có nhận thấy cần thiết, trong chính sách sửa chữa các sai lầm trong Cải cách, phải "tăng cường chế độ pháp trị" của ta. Tôi e rằng trong tư tưởng lãnh đạo, sự nhận thức về vấn đề pháp trị chưa được rõ và đầy đủ. Chính trị vẫn coi pháp luật như một "bà con nghèo". Chữ "tăng cường" là 1 chứng minh. Tuy rằng trong nước ta có 1 Bộ Tư pháp, có các toà án, có luật lệ, nhưng chế độ pháp trị hầu như không có. Đó là một điều tôi sẽ nghiên cứu sâu sắc hơn khi nào tôi trình bày ý kiến về chế độ pháp trị, 1 chế độ pháp trị chân chính. Theo ý tôi, thì vấn đề không phải là tăng cường mà là xây dựng.

Một chứng minh khác trong chính sách Sửa sai trong Cải cách này, tôi vẫn thấy chính trị lấn át pháp lý. Trước hết bức thư của ông Hồ Viết Thắng tự phê bình và xin rút lui khỏi Mặt trận Trung ương chỉ là một giải pháp chính trị mà thôi. Trong cuộc mạn đàm với các vị đại biểu đến họp hội nghị này, tôi nhận thấy không ai "thông" về ý kiến

và biện pháp ông Hồ Viết Thắng trình bày cả. Riêng về phần tôi là một nhà luật học, tôi chưa thể nào nhận định được trách nhiệm của ông Thắng. Có thể trách nhiệm của ông ấy rất lớn, có thể rất nhỏ. Đứng trên tinh thần pháp lý, sự nhận tội lỗi của một người không đủ để qui định trách nhiệm của người ấy. Trong Cải cách, khi những đảng viên ưu tú bị đoàn Cải cách gán cho là phản động, ra trước nhân dân, có người cũng nhận tội trong khi biết là mình oan. Ta nên rút kinh nghiệm vừa qua, sửa sai không phải là phạm các sai lầm khác. Do đó, đứng trên một lập trường pháp trị chân chính, tôi đề nghị phải lập một ủy ban điều tra gồm các vị đại biểu Quốc hội, Mặt trận, Đảng Lao động với sự cộng tác của các vị thẩm phán cao cấp, giàu kinh nghiệm để lập một hồ sơ theo phương pháp pháp lý đã nhận định, trên quá trình đi từ lãnh đạo qua chỉ đạo đến chỗ thực hiện chính sách, trách nhiệm ở chỗ nào và do những ai phải chịu. Sau khi kết thúc cuộc điều tra, ủy ban ấy sẽ phân tách trách nhiệm chính trị và trách nhiệm pháp lý. Ai chịu trách nhiệm chính trị sẽ trả lời trước Quốc hội biến thành Toà án tối cao. Ai chịu trách nhiệm pháp lý sẽ trả lời trước các tòa án tư pháp. Dưới con mắt của quần chúng theo dõi xây dựng cuộc điều tra và xét xử, công lý phát huy, không còn ai thắc mắc nữa.

Có người hỏi làm thế để làm gì? Tôi xin phép trả lời. Làm thế để rút kinh nghiệm. Tôi cảm thấy ngay hiện thời ta chưa rút được kinh nghiệm đâu. Chính trị không những lãnh đạo pháp lý – đó là đúng – nhưng vẫn lấn át pháp lý, thay thế cho pháp lý, như trong trường hợp ông Hồ Viết Thắng, như thế là ta vẫn mở cửa cho các sai lầm mới còn nguy hại hơn nữa. Không những thế, ta biết rằng nhu cầu công lý thuộc nhân bản con người văn minh. Từ người bị xử trí oan cho đến các người chỉ chịu thiệt gián tiếp vì các sai lầm, có thể nói được rằng toàn dân đợi chờ công lý. Một biện pháp chính trị xuề xoà không thỏa mãn được ai. Bằng chứng ở nông thôn, ta được biết tình hình "căng thẳng". Phong trào trả thù, tự xử diễn ra khắp mọi nơi, kéo chúng ta trở về quá khứ của lịch sử. Còn như các đảng viên bị xử trí sai, tâm hồn các anh em như thế nào, ta chỉ cần đọc lại báo Nhân Dân. Tuy rằng các anh em kết thúc các bài tường thuật lại đau khổ của mình bằng những lời phấn khởi, nhưng các lời này không làm ta quên được các lời phẫn uất, chua xót, cay đắng mà các anh em nói lại với ta từ đầu bài. Nhưng bi đát hơn hết là các chiếc khăn trắng chít trên đầu họ hàng thân thích của những anh em bị xử tử, những bàn thờ vẫn dựng trong nhà, các thổn thức phá vỡ im lặng của các đêm hiu quạnh, các ngày cúng giỗ nhắc lại hàng

năm bi kịch thê thảm đã diễn ra trong gia đình vì cuộc Cải cách. Nhân dân đòi hỏi các người có công được thưởng và các người có tội phải đền tội. Trách nhiệm của tất cả mọi người từ trên xuống dưới, từ dưới lên trên, phải được qui định rõ ràng, dứt khoát. Như thế mới yên được lòng dân, như thế mới thu phục được nhân tâm. Kinh nghiệm lịch sử dạy ta điều ấy. Trong chính sách sửa chữa sai lầm, ta không thể quên được bài học lịch sử. Quần chúng im lặng đợi chờ công lý.

Chúng ta thiết tha mong ước ở chính trị một nhận định đúng về vai trò của pháp luật phục vụ cách mạng. Kinh nghiệm đau đớn vừa qua bó buộc ta phải xây dựng lại quan điểm "địch" trên cơ sở pháp lý và pháp trị. Các sai lầm nghiêm trọng ta đã phạm bắt nguồn ở một quan điểm chính trị về địch. Quan điểm ấy linh động quá, "biện chứng" quá, nên ta không biết phân tách địch và ta, do đó ta đánh cả ta nữa. Muốn tránh các sai lầm hôm qua đừng tái diễn ngày mai, ta cần xác định theo hình luật thế nào là địch. Lúc đó ta mới đánh đúng địch, và có đánh đúng địch ta mới củng cố được ta, ổn định được nhân tâm, duy trì lại trật tự và an ninh ở thôn quê, kiến thiết lại đoàn kết giữa các tầng lớp nhân dân ở thôn quê cũng như ở thành thị, đảm bảo cho quần chúng một đời sống tự do, thoát khỏi mọi sự đe dọa của "lộng quyền", bênh vực các quyền căn bản và thiết yếu của con người.

Tóm lại, nếu chính trị giác ngộ, vui lòng tôn trọng pháp lý, thiết lập một chế độ pháp trị trong đó chính trị vẫn lãnh đạo pháp lý, nhưng đồng thời nêu thật cao gương phục tùng pháp lý và pháp trị thì nhất định chính trị khôi phục được uy tín và được quần chúng nhiệt liệt ủng hộ.

Một chế độ thực sự dân chủ : Thế nào là một chế độ thực sự dân chủ? Đó là một chế độ trong đó người dân được làm chủ trên đất nước không những trong Hiến pháp, mà cả trong thực tế nữa. Đây không phải là lúc, là chỗ, mà ta đi sâu vào vấn đề. Ta chỉ cần nhận thấy rằng trong giai đoạn hiện thời, quần chúng có đòi hỏi cái gì quá đáng đâu, chỉ yêu cầu có một điều thôi, là được đàm thoại với cấp lãnh đạo, được đề đạt lên cấp lãnh đạo, ý kiến về các chính sách do cấp lãnh đạo xây dựng. Các vị lãnh tụ đã bao lần khen dân ta tốt. Mà dân ta tốt thật. Bằng chứng là điều tôi vừa nhắc lại đây. Trong khi quần chúng có quyền đòi hỏi ở một chính thể cách mạng rất nhiều, nhân dân ta chỉ có một yêu cầu mà ai cũng phải nhận là chính đáng. Tại sao nhân dân chỉ có cái yêu cầu nhũn nhặn ấy mà thôi? Là vì nhân dân thông cảm với cấp lãnh đạo phải đương đầu với bao khó khăn. Nhưng nếu nhân dân chỉ đề ra có một yêu cầu,

yêu cầu ấy thiết yếu. Tôi tin rằng cấp lãnh đạo cũng nhận thấy như vậy. Tôi không quên lời của ông Trường Chinh đọc bản tự phê của Đảng Lao động tại Hội nghị này. Ta nghe thấy cấp lãnh đạo thú nhận trước Hội nghị rằng Trung ương Đảng đã phạm sai lầm là xa quần chúng, chỉ tiếp xúc với quần chúng qua báo cáo của các cán bộ đảng viên mà thôi. Ta phải nhận định rằng đây là một sai lầm nghiêm trọng. Do đó, cuộc Cải cách Ruộng đất của ta đã gặp các thất bại cay đắng. Trái với lời ta thường nói, ta đã thiếu dân chủ với nhân dân.

Nhân dân nhất định không để tình trạng tai hại ấy kéo dài nữa. Tôi xin phép Hội nghị góp một số ý kiến để chấm dứt tình trạng đó. Tôi không đặt vấn đề dân chủ nói chung. Tôi chỉ chú ý đến yêu cầu thiết tha nhất hiện thời của quần chúng là được phản ảnh lên ý nguyện của mình. Theo ý tôi, để thực hiện và đảm bảo yêu cầu vô cùng chính đáng ấy, chỉ cần ba giải pháp.

Một chế độ báo cáo của cán bộ. Đảng tín nhiệm ở cán bộ. Đúng! Không tài nào khác được. Vậy phải đặt các cán bộ có nhiệm vụ báo cáo trước trách nhiệm của họ. Một báo cáo không phản ảnh trung thành sự thực với các khía cạnh của nó, với các ưu và khuyết điểm của nó, rất tai hại. Cấp lãnh đạo cần đề cao cảnh giác với các con số thống kê, các động cơ bất chính của cán bộ muốn thi đua thành tích, vừa mị dưới, vừa lừa trên, do đó đưa ra một hình ảnh quá hẹp của thực tế. Ta phải tiến tới giải pháp nhận định rằng người nào hữu ý xuyên tạc sự thật vì động cơ bất chính, có thể bị truy tố về tội giả mạo được.

Một chế độ cho các đoàn thể nhân dân được quyền mạnh dạn nói lên ý kiến của quần chúng mà họ tập hợp. Từ trước tới nay, ta có thể ví Đảng Lao động như một cây rất to, lá rườm rà che hết ánh sáng của mặt trời, khiến ngay một ngọn cỏ cũng không mọc dưới chân nó được. Vì vậy, Quốc hội cũng như Mặt trận không thể đóng được vai trò của mình. Ở đây, tôi chỉ xin phép nói về MT của ta thôi. Các vị đã thấy rằng từ khi thành lập MT Liên Việt cho đến MT Tổ quốc, chúng ta chỉ có nhiệm vụ động viên quần chúng thi hành chính sách mà thôi. Đó là một nhiệm vụ. Nhưng dù sao chỉ có một chiều. Ta là giây liên lạc giữa các cấp lãnh đạo và quần chúng. Nếu ngược lại, ta có quyền liên lạc giữa quần chúng và cấp lãnh đạo, nghĩa là phản ảnh lên Đảng và Chính phủ ý kiến thắc mắc, nguyện vọng của quần chúng, công tác của ta thế nào cũng tốt đẹp hơn, hoàn hảo hơn. Ta gắn liền lãnh đạo và quần chúng, do đó lãnh đạo sát hợp với thực tế hơn. Tôi xin phép đặt mỗi vị ủy viên trước trách nhiệm của mình. Chúng ta ủng hộ Chính phủ, nhưng chúng ta cũng

là đại biểu của nhân dân. Công tác của chúng ta có hai mặt, chúng ta không thể chỉ lệch về một bên được. Quần chúng không cho phép chúng ta làm như vậy, muốn theo rõi công việc ta làm vì chúng ta làm đại biểu của quần chúng, được quần chúng tín nhiệm. Quần chúng giao quyền cho chúng ta, chúng ta phải xứng đáng với sự ủy quyền ấy. Ta sử dụng quyền ấy thế nào, quần chúng đòi kiểm soát ta.

Để đạt mục đích này, tôi xin phép đề nghị: một là mỗi ủy viên phải có nhiệm vụ phản ánh lên Mặt trận ý kiến của quần chúng. Mặt trận phải có nhiệm vụ đề đạt lên cấp lãnh đạo những phản ảnh của các ủy viên và báo cho các vị ấy thái độ của cấp lãnh đạo giải quyết vấn đề ra sao, sử dụng các phản ảnh ấy như thế nào. Khi Mặt trận họp hội nghị, phải cho phép quần chúng đến bàng thính: để quần chúng kiểm soát công việc của Mặt trận làm và thái độ của các ủy viên. Dĩ nhiên các người bàng thính ấy không có quyền tham gia thảo luận, chỉ được nhập hội trường cho tới khi hết số ghế dành cho quần chúng, và phải tôn trọng kỷ luật của hội nghị. Ngoài ra, báo chí, đặc biệt báo chí của Mặt trận như tờ Cứu Quốc, phải phản ảnh trung thành nội dung của các cuộc thảo luận và đăng các tham luận của các vị ủy viên.

Một chế độ tự do ngôn luận, xuất bản báo chí. Ta phải đề phòng trường hợp các cán bộ không báo cáo, các ủy viên Mặt trận không phản ảnh ý kiến của quần chúng. Do đó, ta thấy cần thiết phải cho phép quần chúng nói lên tiếng nói của mình qua báo chí. Có người lo ngại rằng tự do ngôn luận này mà ai cũng thấy cần thiết có thể bị sử dụng một cách bừa bãi. Về điều này ta phải suy nghĩ. Mối lo ngại trên đây xuất phát từ động cơ nào? Nếu là động cơ tốt – nghĩa là do một nhiệt tình đối với cách mạng gây ra – ta hoan nghênh. Nhưng ta cũng sẽ trả lời rằng trong một chính thể dân chủ muốn sử dụng tự do nào, dĩ nhiên phải nêu trách nhiệm của người sử dụng tự do ấy trước pháp luật. Nếu sử dụng với tinh thần trách nhiệm hợp pháp, ta không có quyền kêu ca gì, trái lại, ta hoan nghênh. Nếu lạm dụng một cách vô trách nhiệm, ta đã có tòa án để nghiêm trị. Vậy ta không lo ngại. Nhưng nếu mối lo ngại xuất phát từ một động cơ bất chính, nhắm mục đích thủ tiêu các tự do dân chủ, thì tôi chỉ cần khuyên nhủ người lo ngại như vậy nên đọc lại lịch sử các phong trào cách mạng trong hơn một thế kỷ nay. Họ sẽ nhận thấy rằng chưa bao giờ, chưa ai có thể ngăn cản được một phong trào quần chúng tranh đấu đòi các tự do dân chủ.

Không những ta công nhận các tự do dân chủ, ta lại còn cung cấp phương tiện để thực hiện các tự do ấy. Thí dụ tự do ngôn luận. Ta có các báo của Chính phủ, của Đảng, của Mặt trận, ta lại có các báo của tư nhân, ta giúp đỡ cho các báo ấy giấy và mực in đầy đủ, ta lại còn quảng cáo cho các báo ấy là đàng khác nữa. Các cơ quan tuyên truyền, báo chí của ta không bao giờ tìm khó dễ cho các báo ấy, và khi nào các báo đó được hàng vạn độc giả hoan nghênh, ta rất lấy làm sung sướng vì trong thâm tâm ta, ta là những người dân chủ.

Các biện pháp tôi đề nghị trên đây đều nhằm mục đích cống hiến các cấp lãnh đạo một nhận thức đúng và sát thực tế mà cấp lãnh đạo không có điều kiện biết đến một cách trực tiếp. Sát với thực tế của quần chúng, cấp lãnh đạo thông cảm với quần chúng, đi đúng đường lối của quần chúng, được quần chúng tín nhiệm, ủng hộ, mến yêu.

Thưa các quý vị,

Tôi nói đã quá lâu, nhưng tôi tin các vị cũng tha thứ cho, vì biết rằng tôi là một người thiết tha đến sự nghiệp của cách mạng và tiền đồ của dân tộc. Các ý kiến của tôi, dù sai hay đúng, tôi cứ thành khẩn đề đạt lên các vị, gọi là để góp phần vào hội nghị, một phần nhỏ mọn nhưng chan chứa một niềm hi vọng và tin tưởng vô biên ở tương lai của đất nước.

Hà Nội, ngày 30-10-1956

Cái ngày ấy rồi cũng sẽ phải tới

T. Vấn 02-03-2007

http://www.vietbao.com/?ppid=45&pid=45&nid=101972

1. Năm 1954, tôi chỉ là một đứa bé 5 tuổi tay xách nách mang lẽo đẽo theo bố mẹ xuống tàu há mồm vào Nam để tránh nạn Cộng sản. Khi ấy, cuộc Cải cách Ruộng đất long trời lở đất làm chết oan hàng mấy trăm ngàn nông dân miền Bắc đang đi vào giai đoạn quyết liệt nhất. Sau đó, qua sách báo, phim ảnh (phim "Chúng tôi muốn sống" của đạo diễn Vĩnh Noãn), những tài liệu biên khảo, tôi được

biết ít nhiều về cái "sự biến kinh người", "nỗi oan khuất ám ảnh cả một thế hệ", những cái tên nhằm ám chỉ một giai đoạn đen tối nhất của lịch sử Việt Nam cận đại. Phần lớn những tài liệu về Cải cách Ruộng đất (CCRĐ) mà tôi được đọc, đều do những người ở phía bên đối địch với chính quyền Cộng sản, hay những tác giả ngoại quốc biên soạn. Đọc thì có đọc, tin thì cũng có tin, nhưng tận thâm tâm, tôi vẫn không nghĩ rằng con người (dù là con người Cộng sản) lại có thể đối xử tàn ác với nhau đến như thế. Về phía những người có trách nhiệm, hay trong cuộc, hay liên quan đến CCRĐ, từ bao nhiêu năm nay vẫn giữ một sự im lặng đáng sợ về những sự thật (mà rất nhiều người khao khát muốn biết) của lịch sử, những sự thật mà sớm muộn gì, cũng sẽ phải được phơi bày.

Mới đây nhất, tôi đã được đọc tác phẩm Ba Người Khác, nói về CCRĐ, dưới dạng tiểu thuyết của Tô Hoài, một nhà văn nổi tiếng từ thời tiền chiến với “Dế mèn phiêu lưu ký” (1941), “O Chuột” (1942), “Giăng thề” (1943), “Nhà Nghèo” (1944) mà không một học trò nào của miền Nam trước 1975 không biết tới. Sau Cách mạng tháng 8-1945, ông theo Việt Minh, rồi gia nhập Đảng Cộng sản, giữ nhiều chức vụ trong Hội Nhà văn Việt Nam (Cộng sản). Ông cũng đã tham gia cuộc Cải cách Ruộng đất với tư cách đội viên một đội cải cách. Tác phẩm Ba Người Khác, theo lời tác giả, ông viết từ 13 năm trước, nhưng không được phép in. Cuối năm 2006, một nhà xuất bản ở Đà Nẵng bằng lòng cho ra đời quyển này. Ngay sau khi được phát hành, quyển sách đã gây nên một tiếng vang đáng kể. Trong nước, sự ra đời của quyển sách này được bình chọn là 1 trong 10 sự kiện văn hóa của năm 2006. Hội nhà văn Việt Nam đã phải cho tổ chức ngay một cuộc tọa đàm trong hội để thảo luận về nội dung quyển sách.

Với tôi, quyển Ba Người Khác của nhà văn Tô Hoài mang giá trị một bản cáo trạng đanh thép nhất về cuộc CCRĐ đẫm máu 50 năm trước ở nông thôn miền Bắc. Vì nó được viết bởi chính người trong cuộc, đã từng được hưởng bao ân sủng của chế độ, nay đến tuổi gần đất xa trời, bao ấm ức trong lòng cần được trút ra hết một lần, để khi ra đi được... nhẹ xác nhẹ lòng. Và vì nó là phút sự thật của một người đang ở vào những ngày tháng cuối đời, không có gì đáng sợ hơn cái chết trước mặt, nên những gì được viết ra hẳn phải là sự thật không bị che đậy.

2. Ba Người Khác của Tô Hoài kể lại câu chuyện một đội cải cách ruộng đất về một ngôi làng quê nghèo xơ xác để làm cải cách ruộng đất, có nghĩa là tịch thu ruộng của địa chủ, rồi đem chia đều cho những kẻ không có ruộng (bần cố nông). Nhiệm vụ chính yếu

thứ hai là tìm ra và tiêu diệt những kẻ thù của cách mạng do địch còn gài lại để phá hoại. Do chỉ tiêu của chiến dịch đề ra là mỗi làng phải có một tỉ lệ địa chủ, phú nông, cường hào nào đó nên bắt buộc các đội cải cách phải "đẻ" ra những địa chủ, phú nông, cường hào, ác bá. Kết quả là vô số người bị đưa ra đấu tố, kết tội, giết oan vì những tội tưởng tượng mà chỉ tiêu kế hoạch của đảng đòi hỏi. Bên cạnh những câu chuyện đại loại như trên, có những hoạt cảnh đấu tố, thủ tiêu, những trò dâm ô hủ hóa của các anh đội với những cô dân quân được đảng cử làm bảo vệ cho cách mạng, với những cô gái quê con nhà bần cố nông mà các anh đội chọn để làm cơ sở tai mắt cho đội. Có cả những câu chuyện về những thủ đoạn mà các anh đội dùng để triệt hạ lẫn nhau, lợi dụng nhau, dẫm lên nhau để tiến thân.

Bằng một giọng văn tỉnh táo, săm soi, chi tiết đến rợn người, Tô Hoài dắt người đọc (tôi) theo bước chân ông vào chuyện. Những con người nông thôn chất phác, cục cằn, như cục đất khô bên lũy tre làng mà hồi ức của tôi còn ghi lại được đôi chút, đã hiện ra thật sắc nét. Cứ thế, người và vật, người và người và những mối quan hệ của họ, đan quyện vào nhau khi ẩn khi hiện làm cho tôi ngộp thở, như người nằm ngủ mơ thấy mình bị đè. Đến lúc thóat ra được, tức là khi tôi đọc xong quyển sách, cảm tưởng sợ hãi vẫn như còn đọng lại đâu đó. Nếu tác giả không phải là người bao nhiêu năm hưởng ơn mưa móc của chế độ, không phải là người được tiếng là hiểu nông thôn miền Bắc hơn bất cứ nhà văn nào của thế kỷ, chắc tôi vẫn khó tin câu chuyện đó là sự thật. Nhân vật xưng tôi trong Ba Người Khác, anh đội phó cải cách kiêm phụ trách tòa án (nhờ có biết chút ít chữ nghĩa), hủ hóa hết dân quân cho tới gái làng, thèm ăn như thèm gái (và cũng thèm gái như thèm ăn), theo lời nhiều người phê bình ở trong nước, chính là Tô Hoài, ông nhà văn 87 tuổi, cán bộ văn hóa đã về hưu, để lại một sự nghiệp viết lách đồ sộ khó có ai bì được. Trong buổi tọa đàm về tác phẩm Ba Người Khác, do Hội Nhà văn Việt Nam (Cộng sản) tổ chức tại Hà Nội ngày 22-12-2006, chính tác giả đã thú nhận rằng: "Tôi làm tòa án nhưng không giết ai, nên sau tôi vẫn về lại Nông Cống, Hải Dương bình thường. Câu chuyện tôi làm tòa án cũng lạ lắm, nó như thế này: Khi ta cải cách, đài Sài Gòn rêu rao nói ta vi phạm nhân quyền, CCRĐ giết người không có tòa án xét xử gì cả. Lúc đó tôi ở Thanh Hoá, không biết tại sao ông Hồ Viết Thắng (*Bí thư Trung ương Đảng, đặc trách CCRĐ - ghi chú của T. Vấn*) (đi Volga, mặc quần áo nâu) biết trong đội cải cách ở Thanh Hoá có anh nhà báo nhà văn, thế là tôi được gọi làm chánh án. Tôi sáng tác hàng nghìn khẩu cung (cứ nửa trang một) đem vào nhà tù

cho phạm nhân điểm chỉ, ký tên. Tôi sợ họ kiểm tra nhưng rồi cũng không ai kiểm tra việc ấy. Cũng là việc "sáng tác" đó". Và ông cũng rất "can đảm, không xấu hổ" khi trả lời một câu hỏi về sự hủ hóa của ông với các rễ, chuỗi (Những bần nông, cố nông đội cải cách lấy lên làm cán bộ đội được gọi là rễ, chuỗi): "Có khi có có khi không. Có khi ôm ấp rễ chuỗi nhưng nó bảo nó "có tháng". Các cậu ở Hải Dương sau này vẫn giao thiệp với tôi, chính họ kể chuyện cho tôi nghe rằng đặc công giết Huỳnh Cự (*tức nguyên Trung tá Việt cộng, cùng với Thượng tá Tám Hà về đầu thú chính phủ VNCH - ghi chú của T. Vấn*) là người làng ấy. Tóm lại là tôi viết chuyện rất thật, nhưng cũng có đôi chút mơ màng."

Với tôi, Tô Hoài của Ba Người Khác, tác phẩm mới nhất được xuất bản, đã phục hồi được vị trí của ông trong tâm tưởng tôi, như năm xưa, tôi đọc "Dế mèn phiêu lưu ký", "O chuột".

3. Cải cách Ruộng đất là một biến cố rất lớn, vì nó liên quan đến nông dân, tức là đại đa số nhân dân Việt Nam. Hậu quả của nó khôn lường. Ngòai con số hàng trăm ngàn người chết oan uổng do sự xét xử của những tòa án nhân dân không một kiến thức về luật pháp, mà chỉ có lòng căm thù giai cấp gieo rắc bởi chủ thuyết Cộng sản, nó còn phá vỡ cả nền tảng văn hóa làng xã Việt Nam, đảo lộn mọi gía trị truyền thống kính trên nhường dưới, tôn sư trọng đạo, ác quả ác báo mà người nông dân Việt Nam tuy ít học nhưng vẫn thấm nhuần những tư tưởng ấy bằng cách hiểu thô sơ nhưng chân chất của mình. Về mặt xã hội, nó đã tiêu diệt những tình cảm nhân bản giữa con người. Về mặt gia đình, nó phá hủy sợi dây gắn bó thiêng liêng bằng những thủ đoạn thúc ép con tố cha, vợ tố chồng.

Vì thế, câu chuyện CCRĐ 50 năm trước không thể được xem như là câu chuyện cũ cần được khép lại để nó ngủ yên trong quá khứ. Bao nhiêu năm nay, nó vẫn là những mối ám ảnh cho những gia đình có người là nạn nhân trong CCRĐ. Ở trong nước, nhất là miền Bắc, tuy chưa một ai, trong số những người hiểu biết về CCRĐ, lên tiếng về vấn đề gai góc này, nhưng không có nghĩa là mọi người đã muốn quên nó đi. Dấu ấn của nó nặng nề quá, như một vết thương quá khứ vẫn còn mưng mủ, vẫn còn đau nhức vì bấy lâu nó chưa được chẩn bệnh, cho thuốc. Cho nên, không có gì ngạc nhiên trước sự đón nhận nồng nhiệt của công chúng với tác phẩm Ba Người Khác của nhà văn Tô Hoài. Tất nhiên, những cán bộ văn hóa trung kiên cũng cố gắng lên tiếng. Họ cho rằng tác phẩm xóay quá sâu vào những khía cạnh tiêu cực (dâm ô, hủ hóa, giết người vô tội vạ, xét xử oan uổng v.v…), điều đó phản ánh "một tâm thức chối bỏ trách nhiệm, tâm thế đánh đồng, đổ đồng, cào bằng, thiếu công

bằng với hiện thực lịch sử Cải cách Ruộng đất. Trong một ý nghĩa nào đó, dường như tác giả chủ ý gián cách lui vào góc xa để nhìn lại toàn cảnh Cải cách Ruộng đất song lại lùi quá xa, đến mức khuất lấp trong bóng tối, chìm trong bóng tối và tâm thế biếm họa, phản ánh hiện thực nghiêng hẳn về gam màu tối thẫm. Tác phẩm thiếu đi nguồn sáng nhân văn, thiếu đi niềm tin vào con người, thiếu đi tính bi kịch và niềm ân hận cao cả thì thật không dễ cảnh tỉnh, thức tỉnh được con người trước bài học quá khứ". (*Nguyễn Xuân Sơn - Bài tham dự Tọa đàm về tiểu thuyết Ba người khác của nhà văn Tô Hoài do Hội Nhà văn Hà Nội tổ chức ngày 22-12-2006*). Có lẽ, giữa không khí nồng nhiệt, sôi sục trước sự ra đời của một tác phẩm lớn như Ba Người Khác về một vấn đề nghiêm trọng như CCRĐ, giới cầm quyền cũng không thể làm gì khác hơn ngòai những lời lẽ kết tội mơ hồ, nhất là với một nhà văn tầm cỡ như Tô Hoài, từng được giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật.

4. Nhắc đến Cải cách Ruộng đất ở miền Bắc, lại không thể quên cuộc Cải tạo Tư sản ở miền Nam sau ngày 30-4-1975. Chiến dịch đánh tư sản, cải tạo công thương nghiệp miền Nam và hai lần đổi tiền cùng với chính sách đưa dân thành thị đi kinh tế mới tuy không trực tiếp gây nên những cái chết thảm cho dân chúng miền Nam như trong CCRĐ ở miền Bắc, nhưng thực chất là một vụ cướp bóc tài sản dân miền Nam có kế hoạch, khiến nhiều người uất ức mà chết, hàng triệu người phút chốc trở thành tay trắng, sống vất vưởng ở những nơi rừng thiêng nước độc, gia đình tan nát và hàng triệu người khác liều mình bỏ nước ra đi (như 50 năm trước tôi cùng hơn một triệu đồng bào miền Bắc di cư để không phải là nạn nhân của các chính sách hà khắc trong đó có CCRĐ). Con số những thuyền nhân, bộ nhân bỏ mạng trên đường tìm tự do không phải là nhỏ. Tuy không bao giờ thống kê được một con số chính xác, nhưng chắc chắn là lớn hơn con số người chết vì CCRĐ 50 năm trước ở miền Bắc rất nhiều lần. Và tất nhiên, như những nạn nhân của CCRĐ, thân nhân còn sống sót của những thuyền nhân, bộ nhân bỏ mình năm xưa, hay những nạn nhân trực tiếp còn sống sót sau nhiều lần bị hải tặc cướp bóc, hãm hiếp, hẳn vẫn không thể nguôi ngoai được nỗi đau còn cứ âm ỉ, một vết thương vẫn còn mưng mủ, thậm chí còn đau đớn hơn cả vết thương CCRĐ trên thân thể đất nước.

Vậy thì phải làm sao để "thức tỉnh con người trước bài học quá khứ"? Nên khép lại tất cả những vết thương còn mở miệng, quên đi mọi nỗi buồn đau, hướng về một ngày mai tươi sáng, không có những bóng đen ghê khiếp một thời ám ảnh chăng?

Nhưng lấy gì để bảo đảm rằng những thảm cảnh quá khứ sẽ không bao giờ có cơ hội lập lại, nếu người ta không dám nhìn thẳng vào những lỗi lầm, không dám đối diện thực sự với hậu quả của những lỗi lầm đó bằng cách soi rọi chúng dưới nhiều góc cạnh khác nhau, để tìm ra nguồn gốc chính, thủ phạm chính của những bi kịch ấy?

5. Những sôi động ở trong nước về quyển sách Ba Người Khác liên quan đến cuộc Cải cách Ruộng đất, tuy rất đáng khích lệ trong một bầu không khí vẫn còn ngột ngạt, khó thở quen thuộc ở một nước Cộng sản, nhưng cho đến nay, những tiếng nói phê bình cứng cỏi nhất cũng mới chỉ dừng lại ở chỗ tán dương sự can đảm đáng nể phục của một ông già hơn 80 tuổi, về tính chân thật và sự đởm lược cần thiết của người cầm bút, của những chứng nhân lịch sử đối với thời đại mình và các thế hệ tương lai.

Họ không (chưa) dám đi xa hơn là chỉ đích danh tên thủ phạm, kẻ sát nhân tàn ác, tội phạm chính chịu trách nhiệm về những gì xảy ra hơn 50 năm trước. Tội danh này, nếu xử cho thật công bằng, còn nặng hơn gấp ngàn lần những gì Saddam đã gây ra cho nhân dân Iraq. Nhưng, như một người có máu mặt ở trong nước đã tiên đoán, sự kiện này là một dấu chỉ cho thấy tảng băng đang từ từ vỡ ra, ít nhất là ở lãnh vực văn chương, nghệ thuật. Điều kiện để cho một cuộc đàn áp của giới cầm quyền với những người cầm bút như vụ việc Nhân văn Giai phẩm năm xưa chắc chắn không còn nữa, vì ngày nay, kẻ bị áp bức còn có nhiều vũ khí khác ngòai cây viết. Cho nên, sớm muộn, với những bài học quá khứ như CCRĐ, như Cải tạo Công thương nghiệp miền Nam, sẽ đến lúc kẻ có tội bị chỉ đích danh.

Tôi hy vọng, đến lúc ấy viên cựu đội phó phụ trách tòa án Tô Hoài vẫn còn sống và đủ minh mẫn để "sáng tác một bản khẩu cung cho phạm nhân ký vào", chỉ khác với lần này, ông thực sự hài lòng. Vì ông chỉ phải ghi lại những gì đã xảy ra, không thêm không bớt. Và, tôi cũng mong ông viết lại đoạn kết tiểu thuyết Ba Người Khác, để kẻ đền tội không chỉ có anh đội trưởng đội cải cách Hùynh Cự vốn chỉ là tay sai thừa hành lệnh cấp trên.

Cuối cùng, sau khi đọc xong Ba Người Khác của Tô Hoài, tôi tin hòan tòan những gì trước đó tôi được biết về CCRĐ qua sách báo, phim ảnh miền Nam. Chỉ cần nói thêm một chút, hình ảnh CCRĐ trong tác phẩm của Tô Hoài ghê khiếp hơn nhiều.

Những hình ảnh đấu tố do nhiếp ảnh gia Liên Xô Dmitri Baltermants (1912-1990) chụp năm 1955 tại Việt Nam.

Tòa án nhân nhân

Địa chủ bị đấu tố

Trẻ thơ cũng bị buộc đi dự tòa án nhân dân

Kính mời xem tiếp tập 2

CẢI CÁCH RUỘNG ĐẤT TẠI MIỀN BẮC 1949-1956

tập 2

Khối 8406 Tự do Dân chủ cho Việt Nam
11-2009

MỤC LỤC

CUỘC CẢI CÁCH RUỘNG ĐẤT (*Trần Gia Phụng*) tr. 06

1- Các giai đoạn Cải cách Ruộng đất 06
2- Phương pháp tiến hành 11
3- Hậu quả cuộc Cải cách ruộng đất 19

CẢI CÁCH RUỘNG ĐẤT TẠI MIỀN BẮC (*Diễn đàn Dân chủ*) 27

1. Bối cảnh xảy ra đấu tố Cải cách Ruộng đất 27
2. Các hoạt động liên quan đến Cải cách Ruộng đất 28

CUỘC CẢI CÁCH RUỘNG ĐẤT (*Đài Á châu Tự do*) 39

1- Cuộc Cải cách Ruộng đất 50 năm trước tại miền Bắc (*Nguyễn An*) 39
2- Các giai đoạn của cuộc CCRĐ - Phỏng vấn nhà nghiên cứu sử Trần Gia Phụng (phần 1) (*Nguyễn An*) 43
3- Giai đoạn cuối của cuộc CCRĐ - Phỏng vấn nhà nghiên cứu sử Trần Gia Phụng (phần 2) (*Nguyễn An*) 45
4- Đảng và nhà nước CSVN đã chuẩn bị thế nào cho cuộc CCRĐ - Phỏng vấn ông Nguyễn Minh Cần (phần 1) (*Nguyễn An*) 48
5- Diễn biến cụ thể một đợt CCRĐ - Phỏng vấn ông Nguyễn Minh Cần (phần 2) (*Nguyễn An*) 50
6- Diễn biến cụ thể một vụ xử án địa chủ: Lời kể của một nhân chứng - Phỏng vấn nhà thơ Nguyễn Chí Thiện (*Nguyễn An*) 53
7- Diễn biến cụ thể một vụ xử án địa chủ: Lời kể của một nạn nhân - Phỏng vấn ông Trần Anh Kim (*Việt Hùng*) 55
8- Câu chuyện ông Ng. Văn Thủ và nhà thơ Hữu Loan (*Phương Anh*) 59
9- Diễn tiến của việc nhận sai lầm và tiến hành sửa sai (*Thy Nga*) 62
10- "Thành quả" của cuộc cách mạng "long trời lở đất" (*Nguyễn An*) 64

XIN ĐỪNG QUÊN NỬA THẾ KỶ TRƯỚC (*Nguyễn Minh Cần*) 67

1- Nguồn gốc và diễn tiến Cải cách Ruộng đất 68
2- Tội ác của Cải cách Ruộng đất 72
3- Trách nhiệm về Cải cách Ruộng đất 81

NHÌN LẠI CUỘC CCRĐ: NHỮNG BÀI HỌC… (*Bùi Tín*) 86

1- Cục diện mới dẫn đến Cải cách Ruộng đất 87
2- Đặc sản Trung Quốc: từ chủ trương đến phương châm… 88
3- Bàn tay của Trung Quốc trong chia đôi Việt Nam 90
4- Món nợ lưu cữu của đảng CS đối với nông dân VN 93

HỒ CHÍ MINH trong CCRĐ (*Nguyễn Quang Duy*) 96

****

Lời giới thiệu

Tập 2 này tiếp tục trình bày diễn tiến và hậu quả của cuộc CCRĐ, đặc biệt qua lời tường thuật của nhiều chứng nhân còn sống. Tất cả đã cho thấy vụ Cải tạo Nông nghiệp do CS chủ trương và thực hiện này đã gây nhiều tội ác kinh hoàng và nhiều hậu quả nghiêm trọng.

Trước hết, đó là tàn sát thường dân vô tội. Nông dân VN hiền hoà, chất phác đang làm ăn sinh sống và hết lòng đóng góp vào cuộc kháng chiến, bỗng dưng bị ĐCS giáng cho họ một đòn chí tử. Đảng tuyên bố CCRĐ là nhằm thực hiện ước mơ muôn đời của nông dân: "người cày có ruộng", nhưng thực tế thì tầng lớp năng nổ, giỏi giang nhất ở nông thôn bị quy là phú nông, địa chủ, cường hào ác bá, hết đường sinh sống; tầng lớp cán bộ nông thôn từng chịu đựng gian khổ lãnh đạo sản xuất thì bị quy là phản động, gián điệp… bị bắn giết hay bị trừng trị.

Tiếp đến là phá hoại truyền thống tốt đẹp hàng nghìn năm của dân tộc, truyền thống hiếu hoà, thương yêu, đùm bọc lẫn nhau ở nông thôn VN. Chỉ trong vài năm, Đảng đã đánh tan tinh thần «tương thân tương ái» thường đậm đà trong mối quan hệ người với người, đặc biệt nơi thôn dã, qua chính sách "phân định thành phần giai cấp" hết sức bất công, vô lý, tùy tiện, bằng kiểu "tố khổ" đầy thành kiến, gian trá và hận thù.

Thứ ba là phá hoại luân thường của xã hội. Trong lịch sử dân tộc, chưa bao giờ đạo lý làm người bị đảo điên một cách quái đản như trong CCRĐ. Để "tìm ra địa chủ", "tìm ra phản động", "tìm ra của chìm", các đội cải cách đã ép buộc con cái "đấu tố" cha mẹ, con dâu "đấu tố" bố mẹ chồng, con rể "đấu tố" bố mẹ vợ, vợ "đấu tố" chồng, anh em "đấu tố" lẫn nhau, trò "đấu tố" thầy, kẻ hàm ơn "đấu tố" người làm ơn… Những người bị quy là địa chủ ngay lập tức bị tước mọi quyền làm người, bị hạ nhục, bị mất mạng và gia đình họ cũng chịu vạ lây.

Cuối cùng là phá hủy truyền thống tâm linh và văn hoá của đất nước. Qua cuộc CCRĐ, ĐCS cố tình triệt hạ các tôn giáo và tín ngưỡng bằng cách tước đoạt đất hương hỏa, ruộng nhà chung, ruộng nhà chùa vốn vẫn dành lo việc cúng tế thờ phượng, từ thiện bác ái, nuôi sống chức sắc, tu bổ các nơi phụng tự. Với đòn độc địa này, tất cả mọi tổ chức, mọi cơ sở tôn giáo và tín ngưỡng -vốn che chở hồn dân tộc- đều trở nên điêu đứng và dần dần tàn tạ.

Những khuôn mặt tội đồ như Hồ Chí Minh, Trường Chinh, Hồ Viết Thắng, Hoàng Quốc Việt đã trở thành vết nhơ muôn đời cho dân tộc. Việc làm của họ, được đồng đảng của họ hôm nay tiếp nối, cho toàn dân thấy được tính chất phi nhân bản, phản dân tộc của chủ nghĩa và chế độ Cộng sản. Nó không thể tồn tại trên đất nước Việt Nam !

Khối Tự do Dân chủ cho Việt Nam 8406

CUỘC CẢI CÁCH RUỘNG ĐẤT

Trần Gia Phụng

Vietland News - Vietland.net

1- CÁC GIAI ĐOẠN CẢI CÁCH RUỘNG ĐẤT

Xã hội Việt Nam, cho đến nay, vẫn là một xã hội dựa trên căn bản nông nhiệp. Bất cứ nhà cầm quyền nào tại nước ta đều phải giải quyết những vấn đề do nền nông nghiệp lạc hậu của chúng ta đặt ra, hầu tìm kiếm những giải pháp thích hợp để thăng tiến đời sống của nông dân, một thành phần chiếm khoảng 70% dân số hoạt động. Cộng sản Việt Nam lại càng chú trọng đến vấn đề nầy hơn nữa, vì lý thuyết Mác-xít dùng yếu tố kinh tế để giải thích những vận động của lịch sử.

Căn bản của yếu tố nầy là quan hệ sản xuất giữa chủ và thợ, mà ứng dụng vào xã hội nông nghiệp là quan hệ giữa chủ đất (điền chủ hay địa chủ) và dân cày (nông dân hay tá điền). Hơn nữa, do ảnh hưởng chủ thuyết của Mao Trạch Đông, lấy nông thôn bao vây thành thị, nên khi nắm quyền tới đâu, Cộng sản Việt Nam tổ chức Cải cách Ruộng đất (CCRĐ) tới đó, để tập họp sức mạnh nông dân và cô lập giới phú hào.

Ngay từ năm 1949, Việt Minh (VM) Cộng sản đã phát động CCRĐ, nhưng việc nầy chỉ tiến hành mạnh mẽ từ năm 1950 trở đi. Vào năm nầy, Hồ Chí Minh qua Liên Xô xin viện trợ. Stalin thúc bách Hồ Chí Minh thực hiện ngay hai việc: thứ nhất tái công khai đảng Cộng sản và thứ hai đẩy mạnh CCRĐ theo đường lối Cộng sản.

Sau cuộc gặp nầy trở về, Hồ Chí Minh triệu tập Đại hội lần 2 đảng Cộng sản Đông Dương tại chiến khu rừng núi Tuyên Quang, tái công khai đảng Cộng sản dưới danh xưng mới là đảng Lao động (LĐ) ngày 19-2-1951, do Hồ Chí Minh làm chủ tịch, Trường Chinh

làm tổng bí thư. Về việc CCRĐ, Hồ Chí Minh và VM Cộng sản thực hiện dần dần qua năm đợt liên tiếp, và chỉ chấm dứt năm 1956 để chuẩn bị chiến tranh tấn công Việt Nam Cộng Hòa.

Cuộc CCRĐ của VM Cộng sản chia làm năm giai đoạn, bắt đầu từ năm 1949 đến 1956. Trong những giai đoạn đầu trước năm 1954, cuộc CCRĐ chưa lên đến cao điểm ở miền Nam và miền Trung nước ta, nên nông dân ở miền Nam vĩ tuyến 17 ít có kinh nghiệm về việc nầy. Chỉ có vài nơi VM gọi là vùng "tự do", do họ kiểm soát ở Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định diễn ra cảnh đấu tố (đấu tranh và tố cáo). Lúc đó, VM bắt đầu cuộc thương thuyết ở Genève, rồi đất nước bị chia hai, VM rút ra Bắc, nên cảnh đấu tố ở các tỉnh miền nam vĩ tuyến 17 chưa dữ dội lắm. Trong khi đó, tại Bắc Việt, khi mới bắt đầu, cuộc CCRĐ khá ôn hòa, nhưng trở nên mạnh mẽ từ sau khi Hồ Chí Minh nhận lệnh của Stalin năm 1950, và càng ngày càng ác liệt, nhất là giai đoạn 5 từ 1955 đến 1956 là giai đoạn sắt máu giết hại nhiều người nhất.

GIAI ĐOẠN SƠ KHỞI: Vào giữa năm 1949, khi sửa soạn chuyển qua giai đoạn phản công quân sự, VM đã vững mạnh ở vùng nông thôn và nhất là rừng núi Việt Bắc. Lúc đầu, VM thực hiện cuộc CCRĐ một cách nhẹ nhàng, chỉ kiếm cách tăng gia sản lượng nông nghiệp nhắm cung ứng nhu cầu đội quân càng ngày càng gia tăng. Để khuyến khích nông dân ra sức cầy bừa, chính phủ VM đã ra sắc lệnh số 78/SL ngày 14-7-1949 thành lập "Hội đồng giảm tô", ấn định các chủ đất (điền chủ, hay như VM gọi là địa chủ) phải giảm thiểu đồng bộ tiền thuê đất (địa tô) cho tá điền (nông dân) là 25%, có nơi có thể giảm tối đa 35% trong trường hợp tá điền quá nghèo khổ (1). Sau đó, thông tư liên bộ số 33/NVI ngày 21-8-1949 đưa ra những nguyên tắc chủ yếu về việc phân chia tạm thời cho nông dân ruộng đất tịch thu của các điền chủ người Pháp và những điền chủ "Việt gian", tức là những người bị VM kết tội thân Pháp, hoặc không cộng tác với VM (2).

GIAI ĐOẠN THỨ NHÌ: Trong năm 1950, một loạt sắc lệnh nông nghiệp ra đời có tính cách mỵ dân, nhắm đẩy mạnh sản xuất, phục vụ công cuộc kháng chiến của VM, bắt đầu bằng sắc lệnh số 20/SL ngày 12-2-1950 ra lệnh tổng động viên toàn bộ "nguồn nhân lực [người], vật lực [gia súc, nông cụ] và tài lực [tiền bạc] cho tổ quốc".

Sau đó, ngày 22-5-1950, xuất hiện cùng một lúc hai sắc lệnh. Sắc lệnh số 89/FL quyết định xóa bỏ tất cả những hợp đồng vay nợ giữa tá điền với điền chủ ký kết trước năm 1945, và xóa bỏ cả những hợp đồng ký kết sau năm 1945 nếu con nợ đã trả đủ 100%

số tiền đã vay, hoặc con nợ đã từ trần vì sự nghiệp của VM thì gia đình khỏi trả nợ.

Sắc lệnh thứ nhì do chính phủ VM ban hành cùng ngày 22-5-1950 mang số 90/FL, quốc hữu hóa tất cả những đất đai đã bỏ hoang trong 5 năm liên tục kể từ ngày ra sắc lệnh (điều 2). Đất đai nầy sẽ được chia cho nông dân nghèo, tạm thời trong thời gian 10 năm, và 3 năm đầu cho miễn thuế (điều 3 và 4). Những thửa ruộng bị bỏ hoang chưa tới 5 năm, điền chủ bắt buộc phải cho những tập đoàn nông dân cày cấy lại, hoặc cho người khác thuê cày. Nếu các điền chủ bất tuân, ủy ban kháng chiến hành chánh địa phương sẽ can thiệp và ra điều kiện hợp đồng thuê mướn (điều 5). Ngoài ra, sắc lệnh nầy không áp dụng cho những đất đai trồng cây kỹ nghệ thu hoạch theo mùa hằng năm, hoặc những điền chủ đang phục vụ VM nên không thể trồng trọt, và cấm việc xẻ nhỏ những đồn điền kỹ nghệ (điều 8).

GIAI ĐOẠN THỨ BA: Giai đoạn thứ ba bắt đầu bằng sắc lệnh ngày 20-4-1953, đăng trên Công báo VM ngày 20-5-1953. Sắc lệnh nầy không có gì mới lạ, chỉ củng cố những "thành quả" của cuộc Cải cách trước. Lần nầy, giá thuê đất được hạ thêm 25% để "làm thế nào cho tiền thuê đất không thể vượt quá 1/3 lợi tức mùa gặt." Luật mới quy định các chủ đất không được buộc tá điền phải đóng thêm tiền cho các phí tổn khác, như tiền thuê dụng cụ hay trâu bò cầy bừa (điều 6), cũng như cấm các chủ đất hủy bỏ những hợp đồng cũ để ký kết những hợp đồng tương tự khác (điều 14, 16). Sắc luật nầy nhắc lại việc huỷ bỏ hoàn toàn tiền nông dân vay nợ trước tháng 8-1945 (điều 17), và hoãn lại những món nợ của các thành phần ưu đãi của VM (binh sĩ VM, người nghèo...) trong trường hợp những chủ nợ đang sống trong vùng do chính quyền Quốc gia kiểm soát (điều 18). Đối với những chủ nợ sống tại vùng VM, các con nợ vay sau 1945 cũng được giảm từ 18 đến 20% (điều 21). Sắc lệnh nầy quyết định tịch thu tất cả những tài sản của "đế quốc" Pháp, "Việt gian" và "địa chủ ác ôn" để phân phối lại cho những người không có đất đai nhà cửa, và ưu tiên cho những thành phần nòng cốt của VM (điều 25 đến 30). Cuối cùng, sắc luật nầy thành lập "Ủy ban nông nghiệp" các cấp. Ở trung ương, Ủy ban nông nghiệp do thủ tướng đứng đầu, gồm bộ trưởng Canh nông, bộ trưởng Nội vụ, đại diện Mặt trận Liên Việt (3), và hai đại diện của Ủy ban Liên lạc Nông dân. Ở mỗi cấp hành chánh, cho đến cấp xã đều có những "Ủy ban nông nghiệp" gồm những nhân vật tương tự ở mỗi cấp (điều 35, 36).

GIAI ĐOẠN THỨ TƯ: Vào cuối tháng 11 đầu tháng 12-1953, VM triệu tập Đại hội Đại biểu đảng LĐ, và Đại hội Trung ương đảng

tại vùng chiến khu Việt Bắc. Đề tài thảo luận chính của khóa họp đảng LĐ lần nầy là câu khẩu hiệu "Ruộng đất cho người cày". Sau gần một tháng hội họp, kết quả thảo luận của Trung ương đảng LĐ được đưa cho quốc hội VM thông qua để có hình thức dân chủ, trong kỳ họp ngay sau đó. Quốc hội nầy thành lập từ năm 1946 gồm 444 người, nay chỉ có 171 đại biểu dự họp. Đảng LĐ quyết định thực hiện dần dần cuộc CCRĐ theo một kế hoạch được soạn thảo kỹ lưỡng.

Sắc lệnh CCRĐ lần nầy hơi khác với đường lối cải cách của Liên Xô. Tại Liên Xô, đảng Cộng sản Liên Xô xóa bỏ hẳn sự tư hữu đất đai, và nông dân chỉ có "quyền lao động". Việt Minh theo đường lối cải cách của Trung Cộng và Bắc Triều Tiên, trên lý thuyết không xóa bỏ hẳn quyền sở hữu đất đai của nông dân mà cho phép dân cày có quyền có đất. Việc nầy thực sự chỉ có trên lý thuyết, chứ trong thực tế, nhà nước Cộng sản quản lý toàn bộ đất đai.

Mở đầu, Sắc lệnh ngày 4-12-1953 nêu lên ý nghĩa và mục đích của cuộc CCRĐ lần nầy là "bãi bỏ toàn diện quyền sở hữu đất đai của "Thực dân Pháp" và của tất cả những "đế quốc" khác, đồng thời thiết lập quy chế sở hữu đất đai của nông dân" (điều 1). Toàn bộ đất đai của "Thực dân Pháp", "Việt gian", "địa chủ phản động", và những "phú hộ ác ôn" đều bị tịch thu (điều 1). Đất đai của những thành phần dân chủ tiến bộ, kháng chiến và hợp tác với VM sẽ được trưng dụng. Nhà nước sẽ bồi thường hằng năm khoảng 1,5% tài sản (điều 4). Đối với những điền chủ lẩn tránh chính sách bằng cách sang, bán, chuyển nhượng đất đai sau cuộc CCRĐ lần thứ ba (20-4-1953), nhà nước xem đó là những hành động bất chính, sẽ trưng dụng đất đai và bồi thường bằng tín phiếu ngân hàng (điều 5). Những trung nông đã mua những đất nầy sẽ phải bán lại cho những nông dân nghèo vô sản với giá phải chăng (điều 5). Đặc biệt sắc lệnh nầy chấp nhận các cơ sở tôn giáo như chùa, nhà thờ, và các tổ đình làng xã sử dụng một ít đất đai và phải tự cày cấy để tự mưu sinh (điều 10). Trên nguyên tắc, sắc luật bãi bỏ quyền sở hữu đất đai của ngoại kiều (điều 19). Tuy nhiên cũng có một số miễn trừ cho đất đai của những người ngoại quốc, đặc biệt cho người Trung Hoa vì họ được CHNDTH bảo trợ. Ngoại kiều có quyền giữ đất nếu không có nghề gì khác để sinh sống (điều 25). Nguyên tắc phân phối đất đai có vẻ lý tưởng: giao đất theo nhu cầu của nông dân, người không có gì được nhiều, người đã có đất thì được ít hơn [?], và không giao đất cho những ai đã có đủ đất (điều 26). Điều nổi bật trong sắc lệnh nầy là người được phân phối đất có quyền chuyển nhượng bằng cách thừa kế, thế chấp, bán hay cho kẻ khác (điều 31). Đây rõ ràng là ảnh

hưởng từ luật điền địa CHNDTH, nhưng hoàn toàn có tính cách lý thuyết mà thôi. Việc thực hiện luật CCRĐ lần nầy được giao cho Nông hội, một thành phần của Mặt trận Liên Việt, với sự chấp thuận của Ủy ban Kháng chiến hành chánh tỉnh (điều 34). Cuối cùng, sắc lệnh nầy cấm đoán mọi sự phản kháng cuộc CCRĐ (điều 35), và quy định việc thiết lập tòa án nhân dân đặc biệt để xét xử những thành phần chống lại cuộc CCRĐ của Việt Minh (điều 36).

GIAI ĐOẠN THỨ NĂM: Vào giữa năm 1954, nước Việt Nam bị chia hai bằng Hiệp định Genève ký kết ngày 20-7-1954, theo đó Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tức VM Cộng sản cai trị ở phía bắc vĩ tuyến 17, Quốc gia Việt Nam ở phía Nam. Nói cách khác, Cộng sản không còn ở rải rác trong các chiến khu khắp Bắc, Trung và Nam Việt Nam, mà tập trung tại vùng phía bắc vĩ tuyến 17 đến biên giới CHNDTH. Hồ Chí Minh và đảng LĐ muốn áp đặt một chính quyền độc tài theo chủ thuyết Mác-Lê trên lãnh thổ miền Bắc. Muốn thế, họ nhắm ngay đến thành phần rộng rãi chiếm đại đa số xã hội Việt Nam, đó là nông dân ở thôn quê. Nắm được nông thôn, kho lương thực của dân chúng, thì Cộng sản sẽ nắm được thành thị không mấy khó khăn.

Tình hình ruộng đất ở Bắc Việt thay đổi lớn lao sau hiệp định Genève, vì khoảng 1,000,000 người bỏ đất Bắc di cư vào Nam, để lại toàn bộ điền sản tại quê nhà. Sau khi tái tổ chức chính quyền, tạm ổn định tình hình, Hồ Chí Minh ký sắc luật về CCRĐ ngày 14-6-1955. Sắc luật nầy dựa căn bản trên hai sắc lệnh tháng 4 và tháng 12 năm 1953, theo đó nhà nước tịch thu toàn bộ tài sản (đất đai, nhà cửa, gia súc, nông cụ…) của những người "Thực dân", địa chủ gian ác, cường hào ác bá, "Việt gian" phản động; trưng thu không bồi thường và thu mua đất đai, nông cụ, gia súc thuộc các nhân vật "tiến bộ", các địa chủ đã tham gia kháng chiến, các địa chủ thuộc thành phần thương gia hay kỹ nghệ gia; truất hữu đất đai của các tổ chức tôn giáo như Công giáo, Phật giáo (chương 2). Những người được thụ hưởng chính sách Cải cách Ruộng đất theo thứ tự ưu tiên: nông dân không có đất, hay thiếu đất để tự mưu sinh, các thành phần nghèo khổ ở thôn quê làm thợ hoặc buôn bán nhỏ có thể xin đất trồng trọt để cải thiện đời sống, gia đình liệt sĩ, chiến sĩ Cộng sản, thương phế binh (chương 3). Việc quy định thành phần xã hội của một người sẽ do hội nghị đại biểu nông dân quyết định. Một toà án nhân dân sẽ xét xử các địa chủ phản động, gian ác, những người chống phá "cách mạng" hay chống phá CCRĐ; hoặc xét xử những vụ tranh chấp ruộng đất, những vấn đề liên quan đến Cải cách Ruộng đất, như việc quy định thành phần xã hội, phân chia tài sản… (chương 4) (4).

Chú thích

(1) Tô hay địa tô là tiền thuê đất mà tá điền (nông dân cày ruộng) trả cho chủ đất (điền chủ hay địa chủ). Tô có thể trả bằng tiền hay bằng hiện vật tức hoa màu mỗi mùa gặt được. Ngày xưa, chủ ruộng chịu giống, trâu cày, tá điền làm công. Khi thu hoạch, tá điền nộp tô là 50% hoa màu cho chủ ruộng, nông dân (tá điền) hưởng 50% hoa màu. Theo cách nầy, giảm tô thêm 25%, nghĩa là chủ ruộng chỉ còn 25% hoa màu thu hoạch, còn nông dân (tá điền) được 75%. Nếu giảm thêm 35%, nghĩa là chủ ruộng còn 15%, nông dân hưởng 85%.

(2) Những cuộc CCRĐ từ giai đoạn sơ khởi đến giai đoạn thứ tư, theo tài liệu của Bernard Fall, Le Viet-Minh, Max Leclerc et Compagnie, Paris, 1960, [Bản dịch có bổ sung của The Viet-Minh Regime [Chế độ Việt Minh] cũng do Bernard Fall viết, Viện Liên lạc Thái Bình Dương và Đại học Cornell, New York, 1956, tt. 265-291.

(3) Mặt trận Liên Việt (Liên hiệp Quốc dân Việt Nam) do Việt Minh Cộng sản thành lập ngày 27-5-1946, do Huỳnh Thúc Kháng làm chủ tịch, Tôn Đức Thắng, phó chủ tịch. Năm 1947, Huỳnh Thúc Kháng từ trần, Tôn Đức Thắng lên thay.

(4) Lâm Thanh Liêm, "Chính sách Cải cách Ruộng đất của Hồ Chí Minh: sai lầm hay tội ác?", đăng trong "Hồ Chí Minh, sự thật về thân thế và sự nghiệp", một nhóm tác giả, Nxb. Nam Á, Paris, 1990, tt. 185-186.

Lên mạng 09-02-2006

2- PHƯƠNG PHÁP TIẾN HÀNH

Từ 1949 đến 1956, Việt Minh (VM) Cộng sản mở năm đợt Cải cách Ruộng đất (CCRĐ). Sau mỗi đợt, VM tổ chức hội nghị rút ưu khuyết điểm, để rồi tiến hành tiếp đợt khác. Trong hai đợt đầu (1949 và 1950), VM thực hiện cải CCRĐ nhẹ nhàng để phục vụ nhu cầu lương thực, nuôi quân trong hoàn cảnh chiến tranh.

Năm 1949, Mao Trạch Đông và đảng Cộng sản chiếm được lục địa Trung Hoa, thành lập nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa (CHNDTH). Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa thừa nhận chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa của Hồ Chí Minh ngày 18-1-1950. Tiếp theo, Liên Xô thừa nhận ngày 30-1-1950. Tháng 2-1950, Hồ Chí Minh qua Bắc Kinh (Beijing) và Mạc Tư Khoa (Moscow) xin viện trợ.

Khi gặp Hồ Chí Minh, Stalin ra lệnh cho Hồ Chí Minh phải thực hiện ngay hai việc: thứ nhất tái công khai đảng Cộng sản và thứ hai đẩy mạnh CCRĐ theo đường lối Cộng sản. Stalin chỉ đạo cho Hồ Chí Minh phải cử người sang CHNDTH học tập phương pháp CCRĐ triệt để, vì lúc đó mối liên lạc Xô-Trung còn bình thường và vì Việt Nam nằm sát biên giới CHNDTH.

Sau khi về nước, Hồ Chí Minh liền triệu tập Đại hội lần 2 đảng Cộng sản Đông Dương tại chiến khu rừng núi Tuyên Quang, tái công khai đảng Cộng sản dưới danh xưng mới là đảng Lao động (LĐ) ngày 19-2-1951, do Hồ Chí Minh làm chủ tịch, Trường Chinh làm tổng bí thư. Tưởng cũng nên nhắc lại rằng trong Đại hội nầy, Hồ Chí Minh đã phát biểu: “Về lý luận, đảng Lao động Việt Nam theo chủ nghĩa Mác-Lênin… lấy tư tưởng Mao Trạch Đông làm kim chỉ nam… Tôi không có tư tưởng ngoài chủ nghĩa Mác-Lênin”. (Nguyễn Văn Trấn, Viết cho mẹ và quốc hội, Nxb. Văn Nghệ, California, 1995, tr. 150,152.) Chẳng những thế, cũng trong Đại hội nầy, Hồ Chí Minh còn nhiều lần tuyên bố: “Ai có thể sai, chứ đồng chí Stalin và đồng chí Mao Trạch Đông thì không thể sai được”. (Nguyễn Minh Cần, Đảng Cộng sản Việt Nam qua những biến động trong phong trào Cộng sản quốc tế, 2001, tr. 63.)

Để tiến hành CCRĐ, sau Đại hội 2, VM cử người sang CHNDTH tham dự khóa học tập về chủ nghĩa Mác-Lênin tổ chức tại Bắc Kinh cho các đảng Cộng sản các nước Á Châu như Indonesia, Mã Lai, Thái Lan, Pakistan, Phi Luật Tân, Nhật Bản, chính là để học phương thức CCRĐ theo đường lối CHNDTH. Phái đoàn nầy trở về liền được đảng LĐ gởi tổ chức thí điểm CCRĐ, bắt đầu phát động "giảm tô, giảm tức" (1) ở vài tỉnh Việt Bắc và ở Thanh Hóa.

Nguyễn Văn Trấn, một đảng viên Cộng sản cao cấp miền Nam tập kết ra Bắc, đã có mặt trong phái đoàn Việt Nam sang Bắc Kinh học tập CCRĐ. Về nước, ông Trấn tham gia công tác tại thí điểm Thanh Hóa, và nhận xét rằng cuộc phát động CCRĐ tại Thanh Hóa xem ra không thành công. (Nguyễn Văn Trấn, sđd. tr. 164). Sau lần thử nghiệm ở các thí điểm trên, VM rút kinh nghiệm và chuẩn bị kỹ lưỡng bài bản thực hiện cuộc CCRĐ một cách chu đáo triệt để.

Trong khi đó, từ năm 1949, ban lãnh đạo VM đã đưa ra phong trào "Rèn cán chỉnh quân" trong quân đội, và "Rèn cán chỉnh cơ" về phía dân sự. “Rèn cán chỉnh quân” là rèn luyện cán bộ, chỉnh đốn quân đội. “Rèn cán chỉnh cơ” là rèn luyện cán bộ, chỉnh đốn cơ quan. Phong trào nầy không đạt được những mục tiêu do VM đề ra. Việt Minh liền theo đường lối cứng rắn quyết liệt của CHNDTH, tổ chức phong trào "Chỉnh huấn" năm 1950.

CHỈNH HUẤN: Theo nghĩa tầm nguyên, “chỉnh” là sửa đổi, sắp xếp; “huấn” là dạy dỗ. Chỉnh huấn có nghĩa là dạy dỗ, huấn luyện và sửa đổi (con người) cho đúng hơn, tốt hơn theo đường lối Cộng sản. Phong trào "chỉnh huấn" của VMCS nhắm mục đích thanh lọc đảng viên, củng cố tư tưởng chuyên chính vô sản, và hỗ trợ cho cuộc CCRĐ. Lúc đó VM nhận định: "Phần lớn [cán bộ, đảng viên lúc đó] là tiểu tư sản trí thức, công chức cũ, có người xuất thân giai cấp bóc lột, và không loại trừ người "hai mặt chui vào đảng". Nói chung, anh em ta trót đã thụ hưởng giáo dục của đế quốc tư bản thì sự tham gia cách mạng không khỏi có phức tạp. Huống chi nay lại còn có Cải cách Ruộng đất để bồi dưỡng cho nông dân để đảm bảo cho cuộc kháng chiến thắng lợi, thì biết đâu tư tưởng của họ không biến đổi phức tạp hơn nữa. Vậy nên Trung ương cho mở cuộc vận động chỉnh huấn nầy để tiếp tục giáo dục, để cải tạo họ một cách triệt để, cho họ phân rõ địch ta trong tư tưởng, cho họ… tự mình cắt đứt mối liên hệ với thành phần xuất thân, dứt khoát từ bỏ các thứ tư tưởng cầu an hưởng lạc, tự tư tự lợi…". (Nguyễn Văn Trấn, sđd. tt. 171-172).

Nói theo ngôn ngữ của Cộng sản, chỉnh huấn là tự phê, tự kiểm. Như vậy chỉnh huấn có nghĩa là tự suy nghĩ và nhận xét về những tư tưởng, hành động cũ của mình trong đời sống đã qua, mà không thích hợp với đường lối Cộng sản. Những tư tưởng và hành động nầy bị xem là sai lầm, tội lỗi, được từng cá nhân tự giác ngộ, tự khai trình, và tự đề ra những biện pháp sửa chữa. Nói cách khác, chỉnh huấn là đoạn tuyệt với quá khứ và tự nguyện sống theo nguyên tắc Cộng sản, hay cũng theo ngôn ngữ Cộng sản, là lột xác để trở thành con người Cộng sản. Những văn nhân, thi sĩ, nhạc sĩ, họa sĩ như Nguyễn Tuân, Xuân Diệu, Thế Lữ, Tô Ngọc Vân, Nguyễn Xuân Khoát… đã tự phỉ báng mình, và nguyện theo Cộng sản suốt đời. Sau đây là tâm tư của Xuân Diệu đáp lại lá thư của ông Hồ trong cuộc học tập chỉnh huấn:

"Chúng con thề nguyện một lời,
Quyết tâm thành khẩn… lột người từ đây…"

(Hoàng Văn Chí, Trăm hoa đua nở trên đất Bắc, SG 1959, tr. 22.)

Phong trào chỉnh huấn đã gây nhiều điêu đứng cho giới trí thức, văn nghệ sĩ. Một trong những điêu đứng rất mỉa mai, như lời ông Nguyễn Văn Trấn viết, đó là: "Họ nói khổ sở không phải là nói ra lỗi lầm, mà khổ sở là phải bịa ra lỗi lầm để bản kiểm thảo được coi là thành khẩn". (Nguyễn Văn Trấn, sđd. tr. 173.)

THÀNH PHẦN NÔNG THÔN: Đối với các thành phần nông nghiệp, VM ra sắc lệnh vào tháng 3-1953 ấn định các thành phần xã hội ở nông thôn như sau (Bernard Fall, sđd. tr. 283):

Địa chủ: là những người có nhiều ruộng đất mà không trực tiếp canh tác. Địa chủ được chia thành ba hạng: địa chủ thường (có khoảng dưới 5 mẫu ta, đủ ăn, không phạm tội ác ôn dưới thời Pháp thuộc), địa chủ cường hào ác bá (những người hiếp đáp, ngược đãi bần nông và bần cố nông), địa chủ phản động (quan lại phong kiến, Việt Quốc, Đại Việt, hay thân Pháp).

Phú nông: có khoảng 3 mẫu ta đất, có một con trâu, tự đứng ra canh tác và thuê nông dân trong việc canh tác.

Trung nông: có dưới 3 mẫu ta, trực canh, đủ sống. Trung nông chia thành 2 loại: trung nông cấp cao (có dưới 3 mẫu ta, có một con trâu hay bò), và trung nông cấp thấp (có dưới 1 mẫu ta ruộng).

Bần nông: có ít sào đất, không đủ sống, phải đi làm thuê cho địa chủ hay thuê đất của địa chủ rồi trả địa tô.

Bần cố nông: hoàn toàn không có đất, không có gia súc, không có nông cụ, làm thuê đủ thứ nghề để sống. (Lâm Thanh Liêm, bđd. sđd. tt. 187-188).

Đường lối đấu tranh CC là: dựa vào bần cố nông, lôi kéo (tranh thủ) trung nông, cô lập phú nông, và tập trung mũi nhọn vào địa chủ.

VẬN ĐỘNG QUẦN CHÚNG: Để lôi cuốn nông dân hưởng ứng cuộc CCRĐ, ban cải cách phải theo đúng ba giai đoạn đề ra do sắc lệnh ngày 12-4-1953 như sau:

Thứ nhất: khích động tâm lý quần chúng chống lại các địa chủ bằng cách đưa cán bộ về thực hiện "tam cùng" hay "tam đồng" với bần nông, để "thăm nghèo hỏi khổ" và sau đó "bắt rễ, xâu chuỗi".

Theo VM, cán bộ cần phải tam cùng tức "cùng ăn, cùng ở, cùng làm" với dân chúng, để "thăm nghèo hỏi khổ", mới khám phá được rõ ràng những gia đình nghèo khổ, bần cố nông. Cũng theo VM, bần nông nghèo khổ nợ nần và sợ sệt các địa chủ, không dám nói lên sự thật, nên cán bộ phải "tam cùng" để họ thổ lộ tâm can, mới có thể "bắt rễ xâu chuỗi", tạo ra liên minh đấu tranh cải cách. "Bắt rễ" có nghĩa là tìm ra những bần cố nông có tinh thần đấu tranh, thường thường là những tên đầu trộm đuôi cướp hung hãn. Sau khi tìm ra "rễ", thì khuyến khích "rễ" tìm thêm đồng bọn, gọi là "xâu chuỗi". Một khi đã "bắt rễ xâu chuỗi", cán bộ sẽ cho bần nông biết là họ được nhà cầm quyền VM hỗ trợ để chống lại địa chủ.

Thứ hai: Sau khi len lỏi "bắt rễ xâu chuỗi", và nhờ thông tin của rễ chuỗi nầy, nắm vững tình hình các gia đình trong địa bàn hoạt động, cán bộ bắt đầu đánh giá và xác định lại các thành phần xã hội

đã được Ủy ban hành chánh địa phương sắp xếp theo Sắc lệnh tháng 3-1953 nêu trên. Từ đó, đội công tác mới quyết định các đối tượng sẽ bị đấu tố. Đây là cơ hội giải quyết những ân oán đã có từ trước ở trong làng, ví dụ rút địa chủ xuống hàng phú nông cho nhẹ tội, hay ngược lại đưa phú nông lên hàng địa chủ cho nặng tội.

Thứ ba: Thiết lập tòa án nhân dân để xét xử những kẻ có tội với nhân dân. Để việc xét xử đạt kết quả đúng yêu cầu của đảng LĐ, các bần nông được tổ chức chặt chẽ và sửa soạn kỹ càng để họ chủ động đấu tố.

Trong năm 1953, mọi việc đã chuẩn bị đầy đủ để tiến hành CCRĐ, nhưng vào đầu năm 1954, chiến tranh đến hồi khốc liệt và sắp kết thúc, chính phủ VM bận giải quyết chiến trường, vận động ngoại giao, rồi ký kết Hiệp định Genève nên cuộc CCRĐ tạm đình hoãn vì sợ tiếng vang lan truyền khắp nơi, khiến dân chúng lo sợ bỏ di cư vào Nam. Việt Minh chỉ đình hoãn chứ không bãi bỏ.

Sau Hiệp định Genève ngày 20-7-1954, đảng LĐ cai trị phía bắc vĩ tuyến 17 (bắc sông Bến Hải, Quảng Trị). Ổn định xong tình hình, đảng LĐ mở lại cuộc CCRĐ giai đoạn 5. Lần nầy việc tổ chức có quy củ rõ ràng, do Ủy ban CCRĐ đứng đầu.

UỶ BAN CẢI CÁCH RĐ: gồm hai cấp trung ương và địa phương.

Cấp trung ương: do tổng bí thư đảng LĐ là Trường Chinh Đặng Xuân Khu làm chủ tịch, có ba người phụ tá là Hoàng Quốc Việt, Lê Văn Lương (đều là ủy viên Bộ chính trị) và Hồ Viết Thắng (ủy viên Trung ương đảng). Hồ Viết Thắng giữ chức giám đốc, trực tiếp điều hành cuộc Cải cách theo mệnh lệnh của Trường Chinh. Hồ Viết Thắng đã từng đi học CHNDTH, được Trường Chinh giao nhiệm vụ mở "Trung tâm đào tạo cán bộ Cải cách Ruộng đất" tại chiến khu Cao Bắc Lạng.

Cấp tỉnh: Hồ Viết Thắng bổ nhiệm những người đã được đào tạo về các tỉnh tổ chức các đoàn CCRĐ. Trung bình mỗi tỉnh có 10 đoàn, mỗi đoàn có khoảng 100 cán bộ do một đoàn trưởng đứng đầu, quyền hạn tương đương với một bí thư đảng cấp tỉnh, nhận lệnh trực tiếp từ Ban cải cách trung ương, không qua trung gian hệ thống đảng hay chính quyền địa phương. Mỗi đoàn gồm nhiều đội, mỗi đội có khoảng 6 hay 7 cán bộ. Đội trưởng được chọn trong số bần nông hay bần cố nông, nhất là những người đã từng có kinh nghiệm tham gia các CCRĐ trước đây. Các đội có quyền hạn tuyệt đối, nhận lệnh thẳng từ Ủy ban CCRĐ, đúng như câu tục ngữ lúc đó "nhất đội nhì trời", được quân đội bảo vệ để thi hành công tác, và được nhà cầm quyền địa phương cung cấp đầy đủ tài liệu theo

chính sách của đảng và nhà nước. (Lâm Thanh Liêm, sđd., bđd. tt. 184-185).

Nguyên tắc hành động căn bản của các Ủy ban CCRĐ là câu khẩu hiệu: "Thà chết mười người oan còn hơn để sót một địch" (2). Chính câu khẩu hiệu nầy đã đưa đến việc giết hại tràn lan biết bao nhiêu lương dân vô tội.

Đoàn và đội công tác phóng tay phát động quần chúng đấu tranh CCRĐ hoạt động giống như thần chết: Bí mật đến một địa phương nào đó, bí mật hành động... và gieo rắc tai ương khủng khiếp cho địa phương. Không những chỉ địa chủ, phú nông sợ hãi mà toàn thể dân chúng và cả các cấp chính quyền cũng như quân đội địa phương đều sợ hãi, vì bất cứ ai cũng có thể bị dính tên vào sổ đấu tố mà không ai có thể đoán lường trước hậu quả.

TÒA ÁN NHÂN DÂN: Sắc lệnh năm 1953 cũng như Sắc lệnh năm 1955 đều thiết lập tòa án nhân dân để xét xử những tội phạm trong CCRĐ. Tòa án nầy được tổ chức ở những vùng có cải cách, chánh án là một đội viên trong đội cải cách, biện lý (công tố) là một nông dân hay bần nông đã từng làm việc (gia nhân, tá điền…) trong nhà của bị cáo, biết rõ lý lịch khổ chủ. Các quan tòa nầy chỉ là những kẻ dốt nát, lâu nay thấp kém, bỗng chốc được cất nhắc lên địa vị quan trọng, nên hạch sách trả thù, moi ra hay bịa đặt mọi thứ gọi là thói hư tật xấu của khổ chủ, đặc biệt là tội dâm ô, để đấu tố. Đặc biệt trong tòa án nhân dân không có người đóng vai trò luật sư biện hộ, và cũng chẳng ai dám biện hộ cho bị cáo cả. Quân đội bảo vệ tòa án và những người tham dự đều là những người do Cộng sản sắp đặt trước, hò hét khuyến khích người đóng vai "công tố", bằng cách chửi rủa hoặc tố cáo thêm những “tội ác” của nạn nhân để làm bằng chứng.

Cuộc đấu tố bắt đầu bằng đấu lý, rồi đấu lực, đến đấu pháp, có khi còn cả đấu ảnh nữa. Đấu lý là đưa ra những bằng chứng hoặc có thực, hoặc bịa đặt để tố cáo nạn nhân. Đấu lực là dùng sức mạnh để trấn áp (Cộng sản mạo xưng là sức mạnh quần chúng), với cực hình tra khảo, đánh đập nạn nhân và bắt buộc nạn nhân phải nhận tất cả tội lỗi đã được đưa ra, dầu nạn nhân không phạm phải. Cuối cùng là đấu pháp tức đưa nạn nhân ra trước "pháp luật", tức tòa án nhân dân. Việc xét xử không dựa trên luật pháp của nhà nước, mà dựa trên những ý kiến và đòi hỏi đưa ra tại chỗ của "quần chúng", tức là những người tổ chức và hiện diện tại "phiên tòa", nghĩa là chẳng có luật pháp gì cả, mà chỉ theo quyết định của đội cải cách.

Những người chứng kiến các cảnh đấu tố hiện còn sống kể lại nhiều cảnh tra tấn nạn nhân mà trong hoàn cảnh bình thường ngày

nay không ai có thể tưởng tượng nổi: từ bỏ đói, bỏ khát, sỉ nhục, mắng chửi, hành hạ, thậm chí đào một cái hố bắt nạn nhân nằm xuống, rồi tiểu đại tiện lên người nạn nhân, giựt tóc, đánh đập, đến dìm nước (rồi kéo lên cho tỉnh lại), dùng tre nhọn đâm xuyên thủng tay chân, thân thể...

Sau khi nạn nhân chịu khuất phục, đội cải cách cho tập dượt trước việc xét xử. Họ bắt buộc "chánh án, biện lý" và nạn nhân học thuộc tất cả những lời đối đáp qua lại, cho đến khi cả ba thành phần nầy (chánh án, biện lý và nạn nhân) nhuần nhuyễn, thuộc lòng mọi việc, mới chính thức mở phiên tòa xét xử công khai trước quần chúng.

Phiên tòa được tổ chức tại một địa điểm công cộng trong làng. Mọi người trong làng đều phải tham dự, kể cả gia đình nạn nhân. Nạn nhân bị trói thúc ké, tay quặt ra đàng sau lưng, quỳ trước mặt bàn quan tòa, đầu cúi xuống. Sau khi tòa lấy khẩu cung xong, dân chúng và nhân chứng đứng ra tố cáo "tội ác" của nạn nhân. Họ xỉ vả chửi rủa, nhổ nước bọt, hành hạ đánh đập nạn nhân. Đôi khi ngay những người trong gia đình nạn nhân, cũng bị buộc phụ họa với tòa án, tố cáo nạn nhân.

Cuối cùng viên "biện lý" dựa vào “bằng chứng” nhân dân vừa tố cáo, đứng ra buộc tội nạn nhân và đề nghị một bản án thích đáng. Thật ra, bản án nầy đã được đội CCRĐ quyết định trước rồi. Để có vẻ dân chủ, viên chánh án còn đưa bản án ra “hỏi ý kiến” nhân dân. Những nhân viên ban cải cách, các chức quyền làng xã, các quân sĩ bảo vệ phiên tòa có mặt tại hiện trường, liền tỏ ý hưởng ứng bằng cách vỗ tay, la hét, đưa vũ khí lên để ủng hộ. Dân chúng chẳng đặng đừng phải làm theo.

Bản án của tòa án nhân dân có tính cách chung thẩm. Nạn nhân không được kháng án, không được khiếu tố khiếu nại với ai cả. Nạn nhân không có cách gì để tự biện hộ, và chỉ cúi đầu chấp nhận kết quả bản án. Vì đã được thao dượt trước, nhiều nạn nhân biết trước kết quả bản án, nên có người đã tự tử trước khi tòa án thực sự tiến hành, để tránh kéo dài sự nhục nhã và đau đớn. Nhiều nạn nhân tự tử hoặc không chịu nổi những đòn tra tấn mà chết, nhưng gia đình không được đem đi chôn, để phơi nắng, phơi mưa giữa các cánh đồng. Gia đình nạn nhân đau lòng quá, hoặc phải hối lộ đội cải cách để được đem xác thân nhân đi chôn, hoặc ban đêm kiếm cách đánh cắp đem chôn một cách bí mật.

Nạn nhân tuy đã tự tử (chết) vẫn tiếp tục bị đấu tố, gọi là "đấu ảnh". “Đấu ảnh” là đặt tấm ảnh của nạn nhân trên một bục đất, nếu không có ảnh thì đặt một di vật của nạn nhân như mũ, áo..., nơi chỗ

nạn nhân bị trói, và người ta đứng ra tố cáo, xỉ vả nạn nhân như là người nầy vẫn còn sống.

Câu chuyện do ông Lê Nhân, một cựu cán bộ đảng viên, kể lại trong lá thư ông gởi cho ông Phan Văn Khải, thủ tướng nhà cầm quyền Hà Nội, viết từ Hà Nội ngày 5-12-2005, có thể xem là một trường hợp đấu ảnh điển hình.

"Bạn của Lê Nhân là anh Phan Thiệu Cơ, cháu đích tôn của cụ Phan Bội Châu kể rằng ông nội của anh là cụ Phan bị quy lên thành phần địa chủ, quan lại phong kiến nên nhà cửa của Phan Bội Châu ở Nam Đàn Nghệ An và sách vở di cảo của cụ bị đảng Cộng sản phần thì tịch thu, phần thì đốt sạch. Cụ Phan một anh hùng dân tộc vĩ đại nhất thế kỷ XX chết rồi vẫn bị đội Cải cách Ruộng đất sai làm hình nộm giống y người thật đem ra giữa chợ đấu tố, lấy cứt trát vào mặt hình nộm cụ Phan". (trích Đàn Chim Việt ngày 5-12-2005).

Phan Bội Châu (1867-1940) là một nhân vật lịch sử vĩ đại tầm cỡ quốc gia và quốc tế, gốc người Nghệ An. Cụ là niềm hãnh diện của tòan thể dân chúng tỉnh Nghệ An, trong đó có cả những đảng viên cao cấp trong đảng LĐ. Phan Bội Châu lại cùng quê với Hồ Chí Minh. Khi Hồ Chí Minh qua Trung Hoa hoạt động năm 1924, Phan Bội Châu cũng hoạt động tại đây. Bề ngòai Hồ Chí Minh kính cẩn gọi cụ Phan bằng bác, để rồi sau đó chính Hồ Chí Minh (lúc đó có tên là Lý Thụy) đã hợp tác cùng Lâm Đức Thụ bán tin cho Pháp bắt Phan Bội Châu ngày 1-7-1925 khi cụ Phan vừa từ Hàng Châu đến Thượng Hải (Trung Hoa)(3). Pháp bí mật đưa cụ Phan về Hà Nội để đưa ra tòa án, rồi quyết định an trí cụ Phan ở Huế cho đến khi cụ từ trần ngày 29-10-1940.

Phan Bội Châu từ trần trước cuộc CCRĐ 15 năm, mà vẫn bị đem ra đấu tố. Việc đấu tố một nhân vật tầm cỡ như Phan Bội Châu, một người được dân chúng Nghệ An kính mến và trân trọng, không thể là một hành động tự phát tại chỗ của đội CCRĐ địa phương, mà phải có mật lệnh từ cấp trên, mà cấp trên nầy phải là một người lãnh đạo cao cấp. Người lãnh đạo cao cấp nầy không thể ai khác hơn là Hồ Chí Minh, nên đội CCRĐ Nghệ An mới dám chà đạp lên Phan Bội Châu, thần tượng của quê hương Nghệ An. Như thế, chính Hồ Chí Minh đã hai lần ném đá giấu tay triệt hạ nhà yêu nước vĩ đại Phan Bội Châu.

Trở lại với chuyện CCRĐ. Sau đây là hoạt cảnh đấu tố qua một bài "thơ" của Xuân Diệu. Trước năm 1945, Xuân Diệu là một nhà thơ lãng mạn nổi tiếng. Sau năm 1945 Xuân Diệu cũng rất nổi tiếng vì ông là một bồi bút Cộng sản:

"Anh em ơi! quyết chung lưng

Đấu tranh tiêu diệt tàn hung kẻ thù,
Địa hào, đối lập ra tro,
Lưng chừng phản động đến giờ tan xương.
Thắp đuốc cho sáng khắp đường,
Thắp đuốc cho sáng đình làng đêm nay.
Lôi cổ bọn nó ra đây,
Bắt quỳ gục xuống, đọa đày chết thôi…"

Tóm lại, trong cuộc CCRĐ, Cộng sản đã không từ nan bất cứ một phương pháp nào để hạ nhục và hạ gục đối tượng bị đem ra đấu tố, đồng thời để làm cho dân chúng nông thôn khiếp hãi mà phải phục tòng theo mệnh lệnh của Cộng sản một cách tuyệt đối. Từ đó Cộng sản mới thực hiện những âm mưu đen tối của họ, mà gần nhất là dễ dàng áp đặt nông dân vào tổ chức hợp tác xã nông nghiệp, để bóc lột nông dân một cách khoa học và tàn bạo hơn bao giờ cả.

Chú thích

(1) "Giảm tô, giảm tức": Tô: tiền thuê đất mà tá điền (nông dân cày ruộng) trả cho chủ đất (điền chủ hay địa chủ). Tức: lãi trên số tiền hay trên số lúa tá điền vay của chủ điền. Số lãi nầy nặng hay nhẹ tùy theo sự thỏa thuận giữa người cho vay và người xin vay, thường thường là rất nặng, lại lũy tiến, nên có lúc tiền lãi cao hơn tiền vay.

(2) Hoàng Văn Chí, sđd. tt. 293-315, trích đăng lại bài "Qua những sai lầm trong Cải cách Ruộng đất, xây dựng quan điểm lãnh đạo" của luật sư Nguyễn Mạnh Tường, tt. 293-315. Trong bài nầy, luật sư Tường nhắc lại câu khẩu hiệu trên đây của Ủy ban CCRĐ.

(3) Tưởng Vĩnh Kính, Nhất cá Việt Nam dân tộc chủ nghĩa đích ngụy trang giả [chữ Trung Hoa], Đài Bắc: Nxb. Truyện Ký Văn Học, 1972; bản dịch của Thượng Huyền, Hồ Chí Minh tại Trung Quốc, California: Nxb. Văn Nghệ, 1999, tt. 84-85.

Lên mạng 15-02-2006

3- HẬU QUẢ CUỘC CẢI CÁCH RUỘNG ĐẤT

Hậu quả gần

Cộng sản độc quyền đất đai: Theo nguồn tin từ phía Liên Xô, cuộc Cải cách Ruộng đất (CCRĐ) đã tịch thu 702,000 mẫu tây ruộng đất, 1,846,000 nông cụ, 107,000 trâu bò, 22,000 tấn thực phẩm. Tất

cả những thứ đó đã được chia lại cho 1,500,000 gia đình nông dân và bần nông. Như thế mỗi gia đình nhận được 0,46 mẫu tây, một nông cụ, và những gia đình 13 người mới nhận được một con trâu hay bò. Theo tác giả Bernard Fall, một gia đình nông dân bốn người cần có ít nhất 1,5 mẫu tây để bảo đảm đời sống, đó là chưa kể đến thuế nông nghiệp phải đóng hằng năm. (Bernard Fall, sđd. tt. 271, 282).

Sự phân chia đất đai theo đơn vị gia đình, dựa trên số thành viên thực sự lao động và không dựa trên giới tính. Ví dụ một gia đình 5 người, hai vợ chồng và 3 người con mà chỉ có 2 vợ chồng và người con lớn nhất (dầu trai hay gái) thực sự làm nông thì được chia 3 phần. Đây là lần đầu tiên người phụ nữ được chia đất. Cách thức chia đất không phân biệt giới tính đã được người Cộng sản Trung Hoa thực hiện trong các cuộc CCRĐ tại những vùng do họ chiếm đóng từ trước năm 1949. Việc nầy nhằm phá bỏ phá bỏ quan niệm trọng nam cổ truyền và tục lệ chỉ chia ruộng đất trong làng cho các đinh (nam) dưới chế độ quân chủ trước đây.

Thuế nông nghiệp tính trung bình 17 ký lúa trên một đầu người trong gia đình. Thuế đóng bằng lúa phơi khô, quạt sạch rồi gánh đến nạp kho cơ quan thu thuế. Một điều làm cho nông dân khổ sở nữa là cách cân của các cán bộ Cộng sản luôn luôn vượt quá mức quy định. Thuế nầy lại lũy tiến hằng năm, nên mỗi năm mỗi cao. Thuế nông nghiệp có thể đóng bằng tiền, và giá lúa quy định lại cao hơn giá thị trường. Nhiều nông dân không chịu nổi thuế nông nghiệp, đem trả lại đất được phân phối nhưng không ai dám nhận; nông dân phải tiếp tục giữ đất để canh tác. Thiếu hỗ trợ về vốn, lúa giống, dụng cụ canh tác, trâu bò..., mức sản xuất xuống thấp hơn so với trước kia.

Tuy chia đất cho nông dân, nhưng sau cuộc CCRĐ, CSVN tổ chức những hợp tác xã nông nghiệp, và ép nông dân phải gia nhập hợp tác xã nông nghiệp. Quá khiếp sợ trước cảnh tra tấn trong CCRĐ, không một nông dân nào dám phản đối. Thế là tất cả nông dân phía bắc vĩ tuyến 17 đều phải gia nhập hợp tác xã nông nghiệp. Khi vào hợp tác xã, ruộng đất riêng tư của nông dân đều phải nạp cho hợp tác xã, và trở thành ruộng đất tập thể của hợp tác xã. Thế là chẳng những số đất đã được chia, mà cả đất đai do cha ông để lại, cũng đều bị lọt vào tay hợp tác xã, tức vào tay nhà cầm quyền Cộng sản. Toàn thể nông dân nay trở thành vô sản, và nhà cầm quyền CS trở thành chủ nhân ông độc quyền của tất cả ruộng đồng nông thôn. Thật là một tiến trình cướp đất rất hoàn hảo, mà không một nông dân nào dám lên tiếng tố cáo.

Số lượng người bị giết: Những địa chủ "Việt gian" hay địa chủ "cường hào ác bá" đều bị tử hình. Trong trường hợp họ đã qua đời trước đó lâu ngày, vợ con họ bị đem ra xét xử và kết quả không khác. Những địa chủ Việt Nam Quốc Dân đảng (Việt Quốc) hay Việt Nam Cách mạng Đồng minh hội (Việt Cách), dầu đã theo VM tham gia kháng chiến cũng bị tử hình. Những địa chủ các đảng bù nhìn của chế độ Hà Nội như đảng Dân chủ, đảng Xã hội cũng chịu y số phận. Một trường hợp cụ thể được dân Nghệ An nhắc đến là ông Vương Quan, trước làm ở tòa soạn báo Tiếng Dân của cụ Huỳnh Thúc Kháng, sau năm 1945 là chủ tịch huyện Nam Đàn, rồi đứng ra làm chủ tịch đảng Dân chủ tỉnh Nghệ An, cũng bị tử hình trong đợt CCRĐ cuối cùng sau năm 1954. Những địa chủ khác, kể cả địa chủ đảng viên đảng LĐ, cũng bị kết án từ 5 đến 20 năm khổ sai.

Một khi bị tử hình, bản án tử hình được thi hành ngay tại chỗ bằng nhiều cách: bị bắn, bị trấn nước chết, bị phơi nắng (không được ăn uống), hoặc bị đánh đập cho đến chết. Nhiều khi nạn nhân qua đời, thân nhân không được cho phép chôn cất, xác bị để phơi nắng mưa. Gia đình quá đau lòng, phải hối lộ các chức việc, rồi ban đêm đến ăn cắp xác đem đi chôn.

"Một xã có từng nầy bần cố nông thì theo kinh nghiệm Trung Quốc, nhất định phải có bằng nầy địa chủ." Ông Nguyễn Văn Trấn, một đảng viên miền Nam đã tham dự khóa học về CCRĐ ở Trung Cộng, cho biết cố vấn Trung Cộng đã dạy như thế (Nguyễn Văn Trấn, sđd. tr. 167). Mỗi tỉnh phải đạt chỉ tiêu truất hữu ruộng đất của các địa chủ là 5% dân số. Thực tế cho thấy thành phần địa chủ đúng theo quy định của luật CCRĐ lúc đó ở miền Bắc ít hơn số 5%. Lý do chính là đồng bằng miền Bắc hẹp, lại đã được khai thác trong thời gian quá lâu. Tài sản đất đai cha ông để lại chia cho con cái thừa kế trong gia đình qua nhiều đời, mỗi đời lại phân chia nhỏ thành nhiều mảnh, nên giới địa chủ trên 3 mẫu (ta) rất ít oi. Số địa chủ, theo quy định của luật CCRĐ do đảng LĐ đưa ra, không đạt chỉ tiêu 5%. Ban cải cách liền đôn hạng địa chủ, nghĩa là có nhiều nơi những phú nông hay trung nông theo quy định cũ, nay được đôn lên thành địa chủ, và cũng bị đấu tố như các địa chủ khác, cho đủ chỉ tiêu cấp trên quy định.

Dựa vào tài liệu các nước ngoài, giáo sư Lâm Thanh Liêm, đã từng giảng dạy tại Đại học Văn khoa Sài Gòn và Huế trước năm 1975, cho rằng số người bị giết trong cuộc CCRĐ năm 1955-1956 ở Bắc Việt có thể lên đến từ 120,000 đến 200,000 người. (Lâm Thanh Liêm, bđd., sđd. tt. 203-204).

Theo sách Lịch sử Kinh tế Việt Nam 1945-2000 tập 2, viết về giai đoạn 1955-1975, xuất bản tại Hà Nội năm 2004, tức là một tài liệu mới của nhà cầm quyền Hà Nội, cho biết cuộc CCRĐ đợt 5 (1955-1956) được thực hiện ở 3,563 xã, có khoảng 10 triệu dân, và tổng số người bị sát hại trong CCRĐ đợt nầy lên đến 172,008 người, trong đó có 123,266 người (71,66%) sau nầy được xác nhận đã bị giết oan.

Trong số 172,008 nạn nhân, thống kê cho biết cụ thể như sau:

Thành phần	***Số bị giết***	***Bị oan***	***Tỷ lệ***
Địa chủ cường hào:	*26.453*	*20.493*	*77%*
Địa chủ thường:	*82.777*	*51.480*	*62%*
Địa chủ kháng chiến:	*586*	*290*	*49%*
Phú nông:	*62.192*	*51.003*	*82%*
Tổng cộng:	***172.008***	***123.266***	***72%***

Những tác giả bộ Lịch sử Kinh tế Việt Nam 1945-2000 tập 2 dựa trên số thống kê do tài liệu của nhà cầm quyền Cộng sản lưu trữ, nếu không đúng thì cũng thấp hơn số người thật sự bị giết, chứ không thể cao hơn, vì thông thường, CSVN hạ bớt những số liệu bất lợi cho họ. Nói cách khác, số người bị giết tối thiểu là 172,008 người, còn số thật sự bị giết không thể biết được, ngoài con số dự đoán tối đa của giáo sư Lâm Thanh Liêm là 200,000 người.

Phản ứng của dân chúng: Cuộc CCRĐ đã "phạm phải những sai lầm nghiêm trọng là đánh tràn lan vào trung nông, phú nông và những người có một ít ruộng đất cho thuê, đánh tràn lan vào cả cơ sở đảng." (Hoàng Văn Hoan, Giọt nước trong biển cả, viết xong tại Bắc Kinh năm 1986, Oregon: 1991, tr. 361.) Hành động tàn ác trong cuộc CCRĐ khiến dân chúng chẳng những bất mãn mà còn kinh khiếp. Ngoài 172,008 người bị giết, một số lượng người lớn hơn nữa bị tù đày, bị gởi vào các trại cải tạo, bị sỉ nhục cả gia đình; con cái bị người ngoài xa lánh. Số lượng người nầy không được thống kê đầy đủ.

Chỉ riêng với số 172,008 người bị giết, nếu tính trung bình một gia đình Việt Nam gồm có 5 người (vợ chồng và 3 con), thì số người bị liên lụy trong cuộc CCRĐ có thể lên đến 172,008 x 5 = 860,040 trong tổng số khoảng 10 triệu dân ở các làng xã đã thực hiện CCRĐ đợt thứ 5.

Lúc đầu, dân chúng chưa dám tỏ thái độ, nhưng số người bất mãn càng ngày càng đông, nên vào mùa hè năm 1956, nhiều nơi dân chúng nổi dậy phản đối. Tại huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, tỉnh sinh quán của Hồ Chí Minh, dân chúng đã nổi lên khá mạnh mẽ vào đầu tháng 11-1956. Nhà cầm quyền Cộng sản kiếm cách che

đậy tin tức nầy, nhưng không thể "lấy thúng úp đầu voi", nên sau đó, đài phát thanh Hà Nội đành lên tiếng ngày 13-11-1956 thừa nhận đã xảy ra dân biến (Đoàn Thêm, Hai mươi năm qua 1945-1964, tr. 208). Hồ Chí Minh gởi sư đoàn 325 đến Nghệ An đàn áp những nông dân không súng ống, chỉ có gậy gộc, cuốc xẻng và tấm lòng uất ức vì bất công tàn bạo của chế độ, trong thời gian từ ngày 10 đến 20-11-1956. Trong cuộc đàn áp nầy, quân đội ông Hồ đã giết khoảng 1,000 người, bắt bớ và lưu đày hàng ngàn người khác (Bernard Fall, sđd. tr. 289).

Sửa sai của nhà cầm quyền: Trong hội nghị "Tổng kết thành tích Cải cách nông nghiệp đợt 5", Hồ Chí Minh đã gởi văn thư đề ngày 1-7-1956 cho đoàn cán bộ CCRĐ, trong đó có đoạn viết:

"Bác thay mặt Đảng và chính phủ gởi lời an ủi gia đình những cán bộ đã hy sinh vì nhiệm vụ, đợt 5 Cải cách Ruộng đất rất gay go, phức tạp. Song nhờ chính sách đúng đắn của Đảng và chính phủ, nhờ nông dân hăng hái đấu tranh nên chính sách Cải cách Ruộng đất đã thu được thắng lợi to lớn…

"Giai cấp địa chủ đã bị đánh đổ, các tổ chức ở xã đã được trong sạch hơn v.v… và bản thân cán bộ được thử thách, rèn luyện…

"Nhưng đợt 5 Cải cách Ruộng đất phạm sai lầm cũng không ít, nó đã hạn chế một phần thành tích của chúng ta. Trung ương đã tự phê. Các cô, các chú cần kiểm điểm kỹ công tác của mình, đánh giá đúng thành tích và khuyết điểm. Phải thành khẩn phê bình và thật thà tự phê, để tiến bộ mãi…". (Lâm Thanh Liêm, bđd. sđd. tt. 196-197).

Hồ Chí Minh trở lại vấn đề nầy một lần nữa trong thư ngỏ trước toàn dân đề ngày 18-8-1956: "Trung ương Đảng và chính phủ đã nghiêm khắc kiểm điểm những sai lầm khuyết điểm…, và đã có kế hoạch kiên quyết sửa chữa, nhằm đoàn kết nhân dân, ổn định nông thôn, đẩy mạnh sản xuất". (Chính Đạo, Việt Nam niên biểu 1939-1975, tập I-C: 1955-1963, Houston: Văn Hóa, 2000, tr. 102.)

Trong tháng 9-1956, hội nghị Trung ương đảng LĐ lần thứ 10 thảo luận vấn đề CCRĐ, và quyết định những biện pháp sửa sai. Những biện pháp nầy đã được Võ Nguyên Giáp, ủy viên Bộ chính trị Trung ương đảng, tuyên đọc trên đài phát thanh Hà Nội ngày 29-10-1956. (Chính Đạo, I-C, sđd. tr. 105). Sở dĩ Cộng sản chọn Võ Nguyên Giáp vì lúc đó ông được xem là người hùng Điện Biên Phủ; ông làm bộ trưởng quốc phòng, đứng đầu quân đội, và quân đội có thể nói là ít dính dáng đến CCRĐ.

[Tưởng cũng nên thêm ở đây vào năm 2000, trong quyển hồi ký nhan đề là Điện Biên Phủ, điểm hẹn lịch sử, Võ Nguyên Giáp đã viết rằng luật CCRĐ ngày 4-12-1953 "đã thổi một luồng sinh khí mới vào hàng ngũ những người kháng chiến, đặc biệt là cán bộ, chiến sĩ trong quân đội vốn phần lớn xuất thân từ nông dân". (Võ Nguyên Giáp, Điện Biên Phủ, điểm hẹn lịch sử, Hà Nội: Nxb. Quân đội Nhân dân, 2000, tr. 86). Ý kiến nầy của ông Võ Nguyên Giáp (năm 2000) không nhắc đến số người bị bức tử một cách đau đớn và oan uổng trong cuộc CCRĐ ở Bắc Việt, mà theo tài liệu của CSVN là 172,008 người, trong đó có 71,66% là sai lầm, đến nỗi Bộ chính trị đảng LĐ phải ra nghị quyết sửa sai và chính Võ Nguyên Giáp đã đại diện để đọc trên đài phát thanh ngày 29-10-1956.]

Nghị quyết sửa sai của đảng LĐ được báo Nhân Dân đăng ngày 30-10-1956, theo đó Trường Chinh Đặng Xuân Khu bị cất chức tổng bí thư đảng. Tuy nhiên ông nầy vẫn giữ ghế ủy viên Bộ chính trị cho đến khi tự ý từ chức vào Đại hội 6 đảng Cộng sản Việt Nam vào cuối năm 1986, rồi lên làm cố vấn đảng cho đến khi chết vào năm 1988. Hoàng Quốc Việt và Lê Văn Lương đều bị loại ra khỏi Bộ chính trị, Lê Văn Lương thôi luôn chức Trưởng ban tổ chức Trung ương đảng, còn Hồ Viết Thắng bị loại khỏi ban chấp hành Trung ương đảng. Đó là những biện pháp về mặt đảng LĐ.

Về mặt hành chánh, ngày 2-11-1956, báo Nhân Dân đăng thông báo của Hội đồng Chính phủ, theo đó:

- Ủy ban CCRĐ không có quyền chỉ đạo nữa, mọi việc sẽ thuộc chính phủ trung ương.
- Hủy bỏ Tòa án Nhân dân đặc biệt (tức tòa án chuyên đấu tố).
- Hồ Viết Thắng thôi chức Phó chủ nhiệm và Ủy viên thường trực Ủy ban CCRĐ Trung ương, cũng như Thứ trưởng Nông lâm.
- Lê Văn Lương thôi chức Thứ trưởng bộ Nội vụ và Chủ nhiệm phòng Nội chính Chính phủ. (Chính Đạo, I-C, sđd. tr. 106.)

Tuy thế, chẳng bao lâu sau, Trường Chinh được cử làm Phó thủ tướng (29-4-1958), rồi Chủ tịch Ủy ban thường vụ Quốc hội (7-7-1960). Hoàng Quốc Việt lẫn Lê Văn Lương về sau vẫn tiếp tục giữ những chức vụ quan trọng trong guồng máy cầm quyền Hà Nội, còn Hồ Viết Thắng sau đổi tên là Hồ Thắng, làm thứ trưởng bộ Nông nghiệp. (Lâm Thanh Liêm, bđd. sđd. tt. 211-212).

Những điều đó chứng tỏ các người nầy chỉ là những kẻ thừa hành chủ trương chính sách của đảng LĐ. Khi chủ trương đó bị dân phản đối, họ bị làm vật hy sinh để chống đỡ và cứu nguy cho đảng, tạm thời bị huyền chức một thời gian, rồi được trọng dụng trở lại. Nếu các kẻ nầy mà tự ý làm sai trái chủ trương của đảng LĐ, nếu

không bị thủ tiêu hoặc tù tội, thì cũng bị loại luôn, mà không bao giờ trở lại được chính trường, như trường hợp Dương Bạch Mai, Ung Văn Khiêm, Hoàng Minh Chính… trong vụ án mà CS gọi là "Vụ án Tổ chức chống Đảng, chống Nhà nước ta, đi theo chủ nghĩa xét lại hiện đại và làm tình báo cho nước ngoài".

Những đảng viên LĐ đã lỡ bị hành quyết hay chết trong các trại tù sau cuộc CCRĐ được xem là thành phần yêu nước, hy sinh vì cách mạng, gia đình được hưởng chính sách ưu đãi. Những đảng viên bị oan, nếu còn sống, được phục hồi danh dự và tái thu nạp vào chức vụ cũ. Thường dân bị oan được bồi thường, nhưng chỉ có tính cách tượng trưng và được sắp xếp lại thành phần giai cấp xã hội, để có thể tái hội nhập trở lại trong đời sống, không còn bị cô lập hay ngược đãi.

Theo đài BBC ngày 17-10-2004, mục "Ý kiến bạn đọc", có người cho biết rằng: "Theo báo Hà Nội Mới, Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội vừa quyết định trợ cấp cho một số trường hợp có tài sản bị trưng thu, trưng mua trong thời kỳ Cải cách Ruộng đất với mức ba triệu đồng một trường hợp" [3 triệu đồng VN năm 2004 tương đương với khoảng dưới 200 Mỹ kim]. Tuy nhiên cho đến nay, không có tin tức gì về việc bồi thường nầy cả.

Hậu quả lâu dài

Nền nông nghiệp suy sụp: Thông thường, nhà cầm quyền tổ chức CCRĐ nhắm giải quyết những sai lầm của nền nông nghiệp cũ, giúp nông gia tăng gia sản lượng nông nghiệp, thăng tiến đời sống dân chúng. Nhưng cuộc CCRĐ của Cộng sản chấm dứt năm 1956 lại đi đến kết quả ngược lại: đời sống nông dân tụt hậu, sản lượng giảm xuống rõ rệt. Lý do vì trong các giai đoạn đầu của cuộc Cải cách, đất đai bị chia thành nhiều mảnh nhỏ. Nông dân mới nhận đất chưa có kinh nghiệm tổ chức sản xuất, thiếu tài chánh để mua trâu bò dụng cụ, phân bón để cày cấy. Sau đó, vào cuối giai đoạn 5, việc suy sụp kéo dài nhiều năm vì nhà nước Cộng sản đưa ra kế hoạch hợp tác lao động, tổ chức hợp tác xã nông nghiệp và những nông trường quốc doanh tập thể từ khoảng năm 1957, 1958. (Bernard Fall, sđd. tt. 284-287).

Đảo lộn luân lý xã hội, tiêu diệt tình người: Chiến dịch CCRĐ của Cộng sản đã khủng bố tinh thần dân chúng, làm cho mọi người sợ hãi khép mình vào kỷ luật cai trị Cộng sản, và nhất là đánh tan nề nếp xã hội cũ, làm sụp đổ nền tảng luân lý cổ truyền của dân tộc, tiêu diệt tận gốc rễ tình cảm giữa người với người. Trong khi quyết tâm thực hiện phương châm "trí phú địa hào, đào tận gốc, trốc tận ngọn" (nghĩa là tiêu diệt từ trên xuống dưới bốn thành phần trí

thức, phú thương, địa chủ, cường hào), Cộng sản đã khuyến khích, ép buộc, đe dọa mọi người tố cáo, đấu tố lẫn nhau, dù đó là cha mẹ, vợ chồng, con cái. Do đó, chẳng những đã xảy ra cảnh đấu tố giữa người với người ngoài xã hội, mà trong gia đình cũng xảy ra cảnh đấu tố với nhau giữa cha mẹ, con cái, vợ chồng, và anh chị em.

Năm 1315, vua Trần Minh Tông (trị vì 1314-1329) ra chỉ dụ cấm trong một nhà, cha con, vợ chồng, nô tỳ tố cáo lẫn nhau. Điều luật nầy dung túng những sai trái diễn ra trong gia đình, nhưng cũng góp phần gìn giữ trật tự gia đình, đơn vị căn bản của xã hội. Trong khi đó, vì muốn khai thác triệt để tin tức hoạt động cá nhân, Cộng sản khuyến khích việc đấu tố giữa những người trong gia đình, đã làm hỏng hoàn toàn giềng mối nề nếp luân lý đạo đức gia đình Việt Nam. Sống trong hoàn cảnh như thế, không còn ai tin ai, không còn tình người, dù giữa những người thân nhất trong gia đình. Sau đây là lời trong hồi ký của một nhà lãnh đạo Cộng sản Bắc Việt lúc đó về cuộc đấu tố trong các tòa án nhân dân: "…Các đội Cải cách Ruộng đất đã để cho nông dân xỉ vả người bị gọi là địa chủ , thậm chí để nàng dâu xỉ vả mẹ chồng, con xỉ vả bố mẹ, mà người bị gọi là địa chủ cứ phải cúi đầu không được thanh minh phải trái…" (Hoàng Văn Hoan, sđd. tr. 361).

Gần đây, nhà văn Hoàng Tiến ở Hà Nội, đã kể lại câu chuyện một nông dân tham gia CCRĐ, chất vấn ông địa chủ như sau: "Thằng kia! Ngẩng mặt lên! Mày biết tao là ai không?" Địa chủ: "Dạ thưa ông, có ạ. Ông là con của con!" (trích Ánh Dương, ngày 26-11-2005). Câu chuyện nầy được nhà văn Hoàng Tiến, hiện ở trong nước, kể lại trong lá thư đề ngày 25-11-2005, gởi cho các cấp lãnh đạo đảng CSVN, để góp ý với Đại hội đảng CSVN sắp diễn ra trong năm 2006, thì không thể là một câu chuyện bịa đặt được, mà phải là một câu chuyện có thật. Theo nhà văn Hòang Tiến, "nó đã làm thương tổn đến cõi tâm linh sâu thẳm của người Việt Nam, còn đau thắt đến tận hôm nay".

Một sĩ quan cấp tiểu đoàn trưởng quân đội Cộng sản Bắc Việt, từng chứng kiến những ngày tháng hãi hùng trong CCRĐ, đã nói lên cảm nghĩ chua chát về người lãnh đạo tối cao của nhà nước Cộng sản Hà Nội, kẻ đã đạo diễn tất cả những tấn tuồng đau thương và đẫm máu của dân chúng Bắc Việt: "Ông ấy [chỉ Hồ Chí Minh] biến những con người lương thiện thành những con quỷ..." (Vũ Thư Hiên, Đêm giữa ban ngày, Nxb. Văn Nghệ, California, 1997, tr. 249).

Chính ông Hồ đã làm gương cho cán bộ đảng viên trong việc đấu tố nầy. Năm 1952, trong thí điểm CCRĐ tại 6 xã thuộc huyện Đại Từ tỉnh Thái Nguyên, tòa án nhân dân đã kết án tử hình bà

Nguyễn Thị Năm, tức bà Cát Hanh Long (*có người ghi là Cát Thành Long. BBT*), một ân nhân của đảng LĐ, người đã từng che chở, nuôi ăn chẳng những ông Hồ, mà hầu hết các nhà lãnh đạo đảng LĐ. Khi bị đấu tố, bà kêu cứu đến ông Hồ. Ông ta biết chuyện nầy, nhưng ông ta đã để mặc cho bà bị giết thảm thương. Chuyện nầy của ông Hồ thật đúng với một câu tục ngữ Việt Nam: "Giúp vật, vật trả ân; giúp nhân, nhân trả oán".

Dư luận lúc đó ở Hà Nội còn cho rằng, một nhà lãnh đạo khác của đảng LĐ, tổng bí thư Trường Chinh Đặng Xuân Khu, đã đấu tố cả cha mẹ của ông ta. Vì vậy, ở Hà Nội lưu truyền một câu đối hết sức bất hủ: "Đấu tố phụ mẫu, tôn thờ Mác-Lê, nhục ấy đời chê thằng họ Đặng/ Hãm hại sĩ nông, đảo điên văn hóa, tội kia sách chép đứa tên Khu."

Tâm lý "kiêu nông": Mao Trạch Đông chủ trương "lấy nông thôn bao vây thành thị". Nông dân được xem là thành phần nòng cốt trong cuộc cách mạng Cộng sản, dùng làm giai cấp tiên phong trong cách mạng, trên cả công nhân. Chủ trương nầy được CSVN noi theo. Do đó, thành phần nông dân rất được CSVN đề cao. Trong cuộc CCRĐ, CSVN đã sử dụng bần nông làm công cụ để đẩy mạnh phong trào đấu tố. Từ trước đến nay, các bần nông chỉ giữ chức cao nhất là "thằng mõ", thuộc hạng chót cùng ở xã thôn, phụ trách việc đánh mõ rao tin tức trong làng, nay lần đầu tiên được làm "quan tòa", rồi có người được đề bạt nắm giữ vai trò lãnh đạo thôn xã, trở thành những hào mục mới. Bỗng chốc "thăng quan", các bần nông không khỏi mang tâm lý hãnh diện về giai cấp nông dân và nhất là bần nông. Tâm lý hãnh diện nầy đôi khi biến thành tâm lý "kiêu nông". Họ tự cho rằng chính họ là thành phần rường cột trung kiên của chế độ Cộng sản, đã góp công đầu làm cho cuộc CCRĐ thành công. Tâm lý kiêu nông nầy cũng giống như tâm lý kiêu binh ở Thăng Long thời chúa Trịnh vào thế kỷ 18.

Từ bần nông ít học được đưa vào hàng ngũ lãnh đạo cơ sở làng xã vào đầu thập niên 50, một số người nầy, nhờ thâm niên tuổi đảng, dần dần thăng lên các cấp cao hơn trong hàng ngũ lãnh đạo đảng Cộng sản, từ địa phương đến trung ương. Ngoài ra, nhờ lý lịch gia đình "tốt", và càng "tốt" hơn nữa nếu "tam đại bần cố nông" (ba đời bần cố nông), con cái của giai cấp nầy được ưu tiên chọn vào làm việc trong những ngành quan trọng và nắm những chức vụ then chốt trong chế độ CS.

Tâm lý chung cố hữu của nông dân, nhất là nông dân Việt Nam, thường bảo thủ, nên những nhà lãnh đạo Cộng sản xuất thân từ giai cấp nầy thường thiển cận, không cởi mở. Dư luận kể rằng có

một nông dân làm nghề hoạn heo (tức thiến heo theo lối cổ truyền ở nông thôn) đã lên tới chức thủ tướng CHXHCNVN, rồi tổng bí thư đảng CSVN, nên hết sức bảo thủ và ngoan cố. Phải chăng tâm lý kiêu nông là một trong những lý do giải thích vì sao trong một thời gian dài, đảng CSVN là một trong những đảng Cộng sản khép kín nhất trên thế giới?

Tóm lại, hậu quả của cuộc CCRĐ thật tai hại. Những sai lầm trong CCRĐ không phải chỉ là sai lầm chính trị, mà cả sai lầm văn hóa. Những hậu quả về nhân mạng, về kinh tế, về vật chất dầu to lớn và đau thương nhưng dần dần sẽ qua đi và có thể sửa đổi được. Riêng hậu quả về văn hóa và xã hội thật trầm trọng. Con người cấu xé con người như súc vật. Tình người, đạo đức, luân lý, niềm tin hoàn toàn bị tan vỡ, và sẽ còn tiếp tục bị tan vỡ khi chế độ Cộng sản còn tồn tại trên đất nước thân yêu. Ngày xưa, Lão Tử đã nói đại khái rằng: "Làm thầy thuốc sai thì hại một người; làm chính trị sai thì hại một thế hệ; làm văn hóa sai thì hại muôn đời." Không biết khi nào Việt Nam mới có thể hàn gắn được những chấn thương văn hóa trầm trọng do chế độ Cộng sản gây ra từ khi ông Hồ Chí Minh nhập cảng chủ nghĩa CS vào Việt Nam, rồi cướp chính quyền, thực hiện cuộc CCRĐ và cho đến ngày nay?

Toronto, Canada
Posted on 22-02-2006

CẢI CÁCH RUỘNG ĐẤT TẠI MIỀN BẮC 1953–1956

Diễn đàn Dân chủ

http://hoa-hao.com/kktd/su_that_lich_su/hcm_cai_cach_ruong_dat_mb_1.html

Nhóm Học tập Biên soạn viết theo dữ kiện lấy từ:
- Án tích Cộng sản Việt Nam (2001), Trần Gia Phụng
- Từ Thực dân đến Cộng sản (1964), Hoàng Văn Chí
- Trăm hoa đua nở trên đất Bắc, Hoàng Văn Chí
- Đêm giữa ban ngày, Vũ Thư Hiên

- Mặt thật, Bùi Tín

1. Bối cảnh xảy ra đấu tố Cải cách Ruộng đất

Chiến dịch CCRĐ xảy ra vào giai đoạn mà đảng Cộng sản Việt Nam đã củng cố được địa vị lãnh đạo và quyền lực. Đi ngược thời gian, chúng ta thấy sau khi cướp được chính quyền vào năm 1945, đảng CSVN đã tiêu diệt các lực lượng và đảng phái quốc gia cũng như CS khác từ năm 1946. Trong giai đoạn từ 1946 đến 1950 thì đảng CSVN bị tách biệt với phong trào CS Quốc tế, không thể nhận sự giúp đỡ của Liên Xô và Trung Quốc và vì còn yếu nên còn cần sự hợp tác của các thành phần không Cộng sản trong hàng ngũ Việt Minh. Khi đảng CS Trung Quốc chiếm được chính quyền tại Trung Quốc tháng 10-1949, biên giới Việt Nam–Trung Hoa thông thương được. CSVN được CSTQ viện trợ khí giới, cán bộ huấn luyện. Lúc đó đảng CSVN cũng đã nắm vững tình hình trong nước nên có thể thi hành biện pháp có tính cách Cộng sản mà trước đây đảng CS chưa thể làm vì chưa đủ sức chống đỡ với sự phản đối của quần chúng và các tổ chức không theo CS.

Chiến dịch Cải cách Ruộng đất và một số các chiến dịch thuộc vào giai đoạn hai trong sách lược cách mạng vô sản của đảng Cộng sản: giai đoạn đầu là Cách mạng Dân tộc Dân chủ Nhân dân, giai đoạn hai là giai đoạn Cách mạng Xã hội Chủ nghĩa. Chỉ từ giai đoạn hai trở thì thì các đặc tính của CS mới lộ ra.

2. Các hoạt động liên quan đến Cải cách Ruộng đất

Các hoạt động có liên quan đến Cải cách Ruộng đất theo thứ tự thời gian như sau:

2.1 Sắc lệnh giảm tô 1949:

Sắc lệnh số 78/SL, 14-7-1949, giảm tô, chủ điền giảm tô cho tá điền từ 25% đến 35%, lấy ruộng đất của điền chủ người Pháp và người Việt bị ghép tội Việt gian chia cho nông dân.

2.2 Các sắc lệnh giảm tô và tịch thu ruộng đất 1950:

Sắc lệnh số 89/SL, 22-5-1950: xóa bỏ hợp đồng vay nợ giữa chủ điền và tá điền trước 1945, nếu món nợ sau 1945 thì chỉ phải trả vốn mà không phải trả lãi.

Sắc lệnh 90/SL, 22-5-1950: tịch thu ruộng đất bỏ hoang quá 5 năm tính đến ngày ra sắc lệnh. Đất tịch thu chia cho nông dân cày cấy trong thời hạn 10 năm, 3 năm đầu miễn thuế. Ruộng bỏ hoang chưa đến 5 năm thì phải cho những tập đoàn nông dân cày cấy lại hoặc cho người khác thuê cày. Sắc lệnh này không áp dụng cho đất đai trồng cây kỹ nghệ hoặc đất đai của những người vì phục vụ cho

Việt Minh nên không thể trồng trọt.

2.3 Sắc lệnh giảm tô 1953:

Sắc lệnh ngày 20-4-1953, giảm thêm giá thuê đất 25%, để tổng số phí tổn của tá điền không quá 1/3 hoa lợi.

Sau năm 1951, đảng CSVN đưa người qua Trung Quốc để học tập cách Cải cách Ruộng đất rồi về nước phát động giảm tô, giảm tức. Theo Nguyễn Văn Trấn, đã tham gia công tác thí điểm tại Thanh Hóa, thì không thành công lắm vì gặp sự chống đối của nông dân.

2.4 Đấu tố đợt một 1953:

Giai đoạn này được bắt đầu năm 1952 với 6 xã thí điểm ở huyện Đại Từ, Thái Nguyên rồi sau đó chính thức thực hiện vào giữa năm 1953. Chiến dịch làm đầu tiên ở 47 xã tỉnh Thái Nguyên và 6 xã tỉnh Thanh Hóa rồi sau đó lan ra các tỉnh miền Bắc. Các tỉnh gần vĩ tuyến 17 thì không có đấu tố, giết chóc để tiếng đồn không lan xuống miền Nam và để người dân đừng chạy xuống phía Nam. Qua đến đầu 1954 thì dừng lại khi sắp thi hành hiệp định Genève để người dân đừng sợ hãi thêm mà bỏ vào miền Nam rồi qua năm 1955 lại bắt đầu CCRĐ trở lại.

Cuốn phim Chúng Tôi Muốn Sống của đạo diễn Vĩnh Noãn thực hiện tại miền Nam sau năm 1954 kể lại vụ đấu tố ở giai đoạn trước khi chia đôi đất nước, nghĩa là thuộc đợt xảy ra vào trước năm 1954. Kết cục trong phim là những kẻ từng tham gia Việt Minh kháng chiến chống Pháp phải bỏ miền Bắc mà đi vào miền Nam vì thấy không sống nổi dưới chế độ như vậy.

2.4.1 Ủy ban Cải cách Ruộng đất:

Gồm hai cấp, cấp trung ương và cấp địa phương.

- **Cấp trung ương:**

- Chủ tịch: Trường Chinh, Tổng Bí thư đảng Lao động.
- Phụ tá: Hoàng Quốc Việt, Lê Văn Lương (cả 2 đều là Ủy viên Bộ Chính trị) và Hồ Viết Thắng. Hồ Viết Thắng, là người đã đi học tại CHNDTH, trực tiếp điều hành theo lệnh của Trường Chinh.

- **Cấp địa phương:**

- Những người đã được đào tạo về CCRĐ được bổ về các tỉnh.
- Trung bình mỗi tỉnh có 10 đoàn, mỗi đoàn có khoảng 100 cán bộ. Đoàn trưởng nhận lệnh trực tiếp từ Ủy Ban Cải Cách, không qua hệ thống đảng và chính quyền địa phương.
- Mỗi đoàn chia ra thành nhiều đội. Mỗi đội có khoảng 6–7 cán bộ. Đội trưởng được chọn trong số bần nông hay bần cố nông, nhất là những người đã từng tham gia CCRĐ trước đây. Đội có quyền hành tuyệt đối chỉ nhận lệnh từ Ban Cải cách Ruộng đất vì thế có câu

“nhất đội, nhì trời”. Phương châm thi hành là “Thà chết mười người oan còn hơn để sót một địch”.

2.4.2 Nội dung Sắc lệnh

- Tịch thu ruộng đất của người ngoại quốc, những người bị gọi là Việt gian, “địa chủ phản động” và “phú hộ ác ôn”.
- Ruộng đất của những người hợp tác với Việt Minh thì được trung thu, mỗi năm bồi thường 1.5% trị giá đất. Ai bán, sang, chuyển nhượng để trốn tránh bị trưng thu sẽ bị tịch thu và bồi thường bằng tín phiếu ngân hàng. Trung nông đã mua các ruộng này sẽ phải bán lại cho nông dân nghèo không có ruộng với giá chỉ định.
- Các cơ sở tôn giáo như chùa, nhà thờ chỉ được giữ một số đất đai và phải tự cày cấy. Điều này có nghĩa có nhiều chùa và nhà thờ sẽ bị mất ruộng đất nếu có nhiều hơn số qui định. Điều này làm chùa và nhà thờ mất đi bớt phương tiện hoạt động.
- Việc thực hiện được giao cho Nông hội, một thành phần của Mặt trận Liên Việt. Tòa án Nhân dân sẽ được thiết lập để trừng phạt những kẻ chống đối.

2.4.3 Diễn tiến của Chiến dịch Đấu tố

2.4.3.1 Bắt rễ xâu chuỗi

Để chuẩn bị cho các cuộc đấu tố, các cán bộ CCRĐ được gửi về các làng, xã thực hiện chính sách Tam cùng, Thăm nghèo Hỏi khổ, rồi Bắt rễ Xâu chuỗi.

Tam cùng:

Tam cùng là cùng làm việc, cùng ăn và cùng ngủ chung. Các cán bộ đi vào làng quan sát ai là thành phần nghèo khổ, giả vờ xin vào ở chung mà không cho biết ý định của mình rồi phụ làm việc, ăn chung, ngủ chung để làm thân.

Thăm nghèo Hỏi khổ:

Sau khi gây được thân tình thì hỏi thăm tình cảnh, khêu gợi người nông dân thổ lộ nỗi khổ của mình. Từ đó dọ ý và khêu gợi lòng căm thù những kẻ giàu có trong làng. Đồng thời các cán bộ cũng dọ hỏi tin tức về các gia đình, các cá nhân trong làng trong nhiều năm qua để biết ai được xếp vào loại kẻ thù, ai có thể bênh kẻ thù, ai là có thể là người đứng ra đấu tố kẻ thù. Các chi tiết như phụ nữ nào lúc trẻ có quan hệ với địa chủ được xử dụng để sau này ép các phụ nữ đó tố địa chủ đã cưỡng hiếp mình. Tin tức về những ai từng làm thuê cho địa chủ sẽ được dùng để sau này dùng để bị ép người làm thuê tố địa chủ đã đánh đập, bạc đãi mình. Các vụ tai nạn như chết đuối, chết vì bệnh hoạn trong làng dù không liên quan đến địa chủ cũng có thể dùng để vu cáo cho địa chủ vì ác tâm mà gây ra.

Bắt rễ Xâu chuỗi:

Những kẻ nào sau khi được khêu gợi lòng căm thù mà mang tâm trạng muốn trả thù được xếp vào loại Rễ. Cán bộ dùng Rễ để giới thiệu thêm những kẻ khác cũng nghèo khổ và mang tâm trạng căm thù tạo thành xâu chuỗi một nhóm những kẻ căm thù, đồng lòng trả thù địa chủ. Nhiều thành phần bất hảo, vô đạo đức trong làng đã hưởng ứng lời thúc giục trả thù này. Việc Rễ giới thiệu thêm người được cán bộ giới hạn chỉ vài ba người và kiểm soát kỹ để đừng lọt vào những kẻ mà sau này có thể phản đối hành động đấu tố.

2.4.3.2 Phân định thành phần:

Sau khi thu thập đủ tin tức về làng đó, các cán bộ báo cáo kết quả trong một phiên họp bí mật của Đoàn CCRĐ tỉnh. Cán bộ làm việc điều tra đưa ra đề nghị là những ai trong làng sẽ bị qui là địa chủ, gán ghép người nào tội gì cho họ. Khi được cấp tỉnh chấp thuận thì Đội CCRĐ công khai phát động chiến dịch trong làng đó.

Bắt đầu chiến dịch CCRD là Ủy ban Hành chính xã và Chi bộ đảng bị giải tán, Ban CCRĐ có toàn quyền hành động trong làng. Các bần cố nông nằm trong Nông hội được Đội CCRĐ núp sau giựt dây sai làm để làm ra vẻ phong trào CCRĐ là của nhân dân đứng ra làm chứ không phải của chính quyền. Cổng làng được đóng lại, có công an canh gác, chỉ những ai có giấy phép mới được ra vào. Các làng ở miền Bắc thường được bao bọc bằng lũy tre xanh nên khi đóng cổng làng thì coi như làng đó hoàn toàn bị cô lập với bên ngoài.

Sau đó các cán bộ tổ chức buổi họp kéo dài khoảng 10 ngày gồm các thành phần bản bộ, tức là bần cố nông để dạy cho cách phân định thành phần. Các bần cố nông cũng được họp bàn với cán bộ để thống nhất ý kiến về cách sắp xếp ai vào thành phần nào. Thường thì bần cố nông đều đồng ý với cách cán bộ đã định trước.

Sau khóa học về cách phân định thành phần thì buổi họp công khai có dân làng tham dự được tổ chức và kết quả phân định thành phần được loan báo. Sau khi loan báo kết quả, địa chủ bị bắt giữ ngay.

Các thành phần được chia ra như sau:

- Địa chủ: có ruộng đất mà không trực tiếp cày cấy. Có 3 hạng:

1. Địa chủ ác ôn phản động: là quan lại, những người có liên quan đến các tổ chức đảng phái khác hay thân Pháp.
2. Địa chủ cường hào, ác bá: những người có thế lực trong làng, hiếp đáp, ngược đãi bần nông, cố nông. Địa chủ có dưới 5 ha, không hợp tác với chính quyền cũ.
3. Địa chủ có dưới 5 ha, không hợp tác với chính quyền cũ.

- Phú nông: có khoảng 3 mẫu ta, 1 con trâu, tự cày cấy và thuê

nông dân phụ giúp.

- Trung nông: có dưới 3 mẫu ta, tự cày cấy, chỉ đủ sống. Chia ra hai hạng:

1. Trung nông cấp cao: có dưới 3 mẫu ta, 1 trâu hay 1 bò.
2. Trung nông cấp thấp: có dưới 1 mẫu ta.

- Bần nông: có một ít sào đất, không đủ sống, phải đi làm thuê cho địa chủ hay thuê đất của địa chủ để cày cấy và phải trả tô.

- Bần cố nông: không có đất đai nhiều đời, không có gia súc, không có nông cụ, làm thuê đủ thứ nghề để sống.

Ban Cải cách Ruộng đất phân loại như vậy để chia rẽ nông dân, giảm sức chống đối. Khẩu hiệu của chiến thuật là : Dựa vào bần cố nông, tranh thủ trung nông, cô lập phú nông, tập trung mũi nhọn vào địa chủ. Đó là chiến thuật "bẻ đũa thì bẻ từng chiếc".

Đảng CS chia ra nhiều thành phần rồi tiêu diệt từng thành phần một để giảm bớt sự chống đối. Nếu chúng ta xét từ các sắc lệnh Cải cách Ruộng đất đầu tiên thì lúc đầu thành phần bị tịch thu ruộng đất chỉ là người Pháp và những người hợp tác với người Pháp. Rồi sau đó là hễ đất bỏ hoang quá 5 năm thì bị tịch thu bất kể là của người có hợp tác với Pháp hay không. Lần đầu thì chỉ những người Việt hợp tác với Pháp mới bị mất ruộng. Lần thứ hai thì tất cả những người nào có ruộng bỏ hoang quá 5 năm mới bị mất ruộng.

Đến đợt đấu tố thì "tập trung mũi nhọn vào địa chủ" nghĩa là tất cả ai làm chủ ruộng mà có thuê tá điền đều là nạn nhân. Địa chủ lại được chia ra 3 thành phần và đối xử khác nhau, do đó phản ứng của mỗi thành phần mạnh yếu cũng khác nhau. Địa chủ ác ôn sẽ bị bắt và gia đình bị cô lập sau khi phân định thành phần. Địa chủ cường hào ác bá phải đi dự lớp cải tạo kéo dài 3, 4 tuần, ban đêm không cho ngủ để khủng bố tinh thần, phải khai ra chỗ giấu của cải. Địa chủ loại 3 bị bắt đi ở nhà của một nông dân khác có công an canh chừng, đêm đến giải từ nhà này qua nhà khác.

Phú nông, trung nông, bần nông thì thấy mình không bị đụng đến nên cố hợp tác với chính quyền để bảo vệ quyền lợi của mình. Phú nông, trung nông cũng bị đối xử cho thấy rõ có phân biệt là thấp hơn đối với bần nông. Chẳng hạn, khi đi vào buổi đấu tố, bần nông đi thành đoàn và đứng riêng, phú nông, trung nông đi riêng, đứng riêng. Cách đối xử phân biệt khiến cho phú nông, trung nông sợ hãi, không dám chống đối vì sợ bị xép vào hạng địa chủ và hết sức ủng hộ đấu tố.

Nhưng đến chiến dịch CCRĐ sau, phú nông, trung nông bị kích lên thành địa chủ và cũng vẫn bị mất ruộng đất tài sản, bị tù tội, bị chết.

Cuối cùng sau khi đấu tố chấm dứt, đến phong trào hợp tác hóa, toàn thể nông dân đều phải đem ruộng vào Hợp tác xã cả, không còn ai có ruộng riêng.

Để không còn ai bênh vực địa chủ, những người có thể bênh địa chủ cũng bị gán cho tội "liên quan đến địa chủ". Có ba loại liên quan:

1. Liên quan nặng: dám có thái độ bênh vự địa chủ, bị gán cho tội "có tư tưởng địa chủ". Bị đối xử như là địa chủ nghĩa là bị bắt giam "cô lập", bị tịch thu tài sản, vợ con bị quản thúc trong nhà cho đến khi đói mà chết.

2. Liên quan vừa: trước đây có cảm tình với địa chủ, nhận ơn nghĩa của địa chủ. Bị đưa sang làng khác quản thúc đổi nhà với thành phần "liên quan vừa" của làng kia được đem qua làng này quản thúc.

3. Liên quan sơ: bị nghi là vẫn còn có óc muốn bênh địa chủ, không chịu đấu tố hăng. Bị đuổi khỏi Nông hội, nghĩa là sau này sẽ không được phân phát cho các phương tiện cày cấy như trâu bò, nông cụ, vay lúa giống...

Trong giai đoạn phân định thành phần, nhiều người bị trả thù mà bị đưa vào thành phần địa chủ. Hoặc vì muốn lập công làm cho đủ hoặc nhiều hơn chỉ tiêu ở trên giao cho mà nhiều người bị qui là địa chủ oan.

Trong khi địa chủ bị giam giữ thì các Đội CCRĐ đến nhà các địa chủ đòi gia đình phải nộp tiền "thoái tô", tức là số tiền thâu của tá điền quá mức nhà nước qui định, cho Nông hội. Trên lời nói của Đội CCRĐ thì số tiền thoái tô là do tá điền mách bảo nhưng trên thực tế thì món tiền được định tùy theo Đội CCRĐ thấy nhà địa chủ có của cải nhiều ít đến mức nào. Mục đích là bắt địa chủ phải nộp cho hết tiền, vàng bạc, của cải. Ai mau mắn đóng đủ thì bị nghi là vẫn còn của cải nên Đội CCRĐ nói là đã định lầm và gia tăng bắt đóng thêm cho đến mức đóng không nổi. Những kẻ không mau mắn nộp thì bị hành hạ, con cái bị giam riêng để tra hỏi. Gia đình nào không chịu đóng thì bị kích thành phần cho lên hạng trên và có thể bị bắn.

Các giai đoạn đấu tố chia ra làm đấu lý, đấu lực và đấu pháp.

2.4.3.3 Tố khổ (Đấu lý)

Đấu lý là dùng lời lẽ kết án. Trong khi địa chủ bị giam thì nông dân được triệu tập đi học lớp về "Tội ác của giai cấp địa chủ". Mục đích của lớp này là giảng cho nông dân biết địa chủ đã bóc lột nông dân thế nào.

Sau khi học, các học viên phải "kể khổ", nghĩa phải kể ra địa chủ đã đối xử xấu với mình như thế nào. Mỗi người phải kể ra ít nhất

một tội. Phần lớn các tội đều là bịa đặt, nhiều người nông dân bị ép buộc phải ra tố cáo và phải bịa ra chuyện để tố. Giảng viên đọc ra một danh sách các tội "điển hình" nói là đã thu thập trong các lớp trước, cốt để gợi ý các nông dân nào không bịa được tội thì cứ lấy các tội trong danh sách mà kể ra. Lúc tố phải dùng ngôn từ hung dữ, nặng nề. Các tội bịa ra càng là những tội xấu xa, bỉ ổi nhưng hiếp dâm, đánh đập người... thì càng tốt. Các "diễn viên" tập dợt tố khổ với hình nộm bằng rơm giả làm địa chủ.

Những kẻ nào không tỏ vẻ hưởng ứng thì bị kết tội là muốn bênh địa chủ và có thể bị kích thành phần lên để trị tội. Vì thế một số địa chủ bảo con cái tố mình cho hăng, họ biết thế nào họ cũng chết, chỉ hy vọng là con cái không bị xếp vào thành phần xấu hơn, may ra còn giữ lại được chút của cải.

2.4.3.4 Đấu tố địa chủ (Đấu lực)

Đấu lực là dùng cực hình hành hạ nạn nhân.

Sau khi đã có danh sách các tội sẽ đem ra kể, những ai được chọn ra đấu tố trong tòa án nhân dân sẽ tập dượt lời ăn tiếng nói, cử chỉ sẽ làm trong buổi đấu tố. Đội CCRĐ cố tình dùng những cách làm cho nạn nhân bị sỉ nhục trở nên mất tư cách trước con mắt mọi người đứng xem và dùng những cách hành hạ để người xem thấy kinh khủng. Người tập dượt phải học thuộc lòng lời nói của mình, phải biết khi nào cần hung dữ, quát tháo, khi nào cần khóc lóc bi thảm để tỏ ra vẻ bị ức hiếp.

Khi việc tập dợt đã xong, đấu trường được thiết lập để thi hành việc đấu tố. Đấu tố là màn chính trong chiến dịch CCRĐ. Tất cả mọi người trong làng đều phải đến tham dự.

Cách xử địa chủ được phân theo hạng:

- Địa chủ hạng 1, phản động ác ôn, bị đấu 3 ngày liền trước một đám đông từ một đến hai chục ngàn người, gồm dân của một "liên xã", tổng cộng là 15 làng.
- Địa chủ hạng 2, cường hào ác bá, bị đấu 2 ngày liền trước đám đông khoảng hai ngàn người, tức là dân của cả làng.
- Địa chủ hạng 3 bị "đấu lưng" nghĩa là đấu vắng mặt. Trong khi địa chủ bị giam một nơi thì dân làng đem kể tội với nhau trong tòa án nhân dân. Sau đó mới gọi địa chủ ra ký nhận biên bản là có tội.

Lý do cho xử vắng mặt được nói là "nhà nước muốn khoan hồng" nhưng trên thực tế thì đây là hạng địa chủ không có tội gì đáng kể để mà tố, nếu để cho họ có mặt thì họ sẽ cãi làm cho buổi đấu tố không thể thành công. Địa chủ hạng này có thể là người có ruộng trong làng nhưng lại sống nhiều ở thành thị, ít chung đụng với dân làng nên chẳng có gì để mà kết tội là đối xử tệ với nông dân.

Những địa chủ không chịu nổi sự hành hạ, sỉ nhục mà bị chết hoặc tự tử thì sẽ bị "đấu ảnh", nghĩa là lấy mũ, nón hoặc khăn, áo của người này đem ra để tập thể nông dân xỉ vả.

Đấu trường được lập ở một nơi rộng rãi như sân vận động hay bãi đất trống. Một bục ba tầng được dựng lên, tầng dưới là 14 thư ký gồm toàn bần cố nông, trong đó có ít ra 1 người thực sự biết chữ làm ra vẻ là viết biên bản có thể là trung nông. Tầng hai là 7 người bần cố nông của Chủ tọa đoàn, gồm Chủ tịch Nông hội và một công an trưởng. Tầng trên cùng trưng ảnh Hồ Chí Minh, hai bên là ảnh Malenkov và Mao Trạch Đông. Hai bên đấu trường chăng các biểu ngữ với khẩu hiệu như "Phóng tay phát động quần chúng đấu tranh giảm tô" hoặc "Đấu tranh Cải cách Ruộng đất", "Đả đảo tên địa chủ ABC Việt gian, phản động, cường hào, ác bá".

Chủ tọa đoàn tuyên bố lý do buổi họp, thuyết trình về ý nghĩa và sự cần thiết của cuộc đấu tranh chống địa chủ. Công an trưởng ra lệnh lôi địa chủ ra để tố. Khi địa chủ bị lôi ra, những người xung quanh phải hô to "Đả đảo thằng Việt gian, phản động, cường hào, gian ác... (tên nạn nhân)". Nạn nhân phải bò ra đấu trường chứ không được đi bằng hai chân. Giữa đấu trường đắp hai mô đất, người bị đấu đứng trên một mô đất, người đấu đứng trên mô đất kia.

Khi chủ tọa đoàn kêu gọi "anh chị em nông dân" ra kể tội thì theo như đã sắp xếp mọi người xung quanh đua nhau giơ tay xung phong. Chủ tọa đoàn gọi những người đã định trước trong danh sách của mình ra để đấu.

Tùy theo từng sáng kiến của mỗi Đội CCRĐ mà các hình thức sỉ nhục, hành hạ tại mỗi làng khác nhau, chẳng hạn bỏ đói, bỏ khát nạn nhân, bắt phải quì phơi nắng, đào hố sâu đến đầu gối bắt nạn nhân đứng xuống để trông thấp hèn hơn mọi người xung quanh... Dùng những lời lẽ nặng nề, cực đoan, quát mắng, hò hét, thóa mạ để làm mất nhân phẩm người bị xử. Người bị đấu phải gọi kẻ tố mình là "thưa các ông, các bà nông dân", còn người tố thì phải gọi nạn nhân là "thằng này", "con kia", "mụ kia", "chúng bay", và tự xưng là "tao", "chúng tao". Ngay cả những nạn nhân lớn tuổi cũng phải gọi kẻ đấu mình còn nhỏ tuổi là "ông", "bà", còn người nhỏ tuổi thì dùng những tiếng xưng hô rất khinh miệt để gọi người lớn tuổi hơn mình.

Hành động điển hình thường bắt đầu bằng lấy tay xỉa xói vào nạn nhân và nói "Mày có nhớ tao là ai không", rồi nói "Tao là... ở làng... đã đi ở cho mày trong... năm", rồi sau đó kể ra các tội tưởng tượng như bị cướp trâu, bò, bị đánh đập, bị nhét phân vào miệng, bị cưỡng hiếp, bị giết con, bị rủ vào hội "Việt gian", vẫy tay với máy bay Pháp...

Thái độ người tố trình diễn như đã tập sẵn là phải làm ra vẻ căm thù, hoặc khóc lóc tùy theo màn, theo cảnh đã sắp xếp. Tuy vậy khi ra đấu trường, nhiều kẻ cũng không thuộc lời mình nói và đóng kịch một cách vụng về, phải có người đứng ngoài nhắc khiến cho các phiên tòa của Tòa án Nhân dân càng rõ chỉ là những màn trình diễn.

Người bị đấu không được quyền trả lời mà chỉ được nhận "Có" hay là "Không". Mỗi khi trả lời "Không" thì đám đông phải la ó "Đả đảo thằng... ngoan cố". Cứ mỗi năm phút thì công an trưởng bắt người bị tố phải quì xuống, đứng lên, giơ tay lên trời rồi giang tay ra.

Một số trò hành hạ được được ghi lại như: sỉ nhục, mắng chửi, đánh đập, đào hố bắt nạn nhân nằm xuống rồi tiểu, đại tiện lên người nạn nhân, giựt tóc, dìm nước, nhét phân vào miệng, dùng tre nhọn xuyên qua qua tay chân, thân thể, cho ngồi vào ổ kiến lửa, dùng lửa đốt tay chân...

Nhà văn Vũ Thư Hiên viết trong cuốn Đêm Giữa Ban Ngày tả cảnh thời đấu tố như sau:

"*Đấu tố diễn ra liên miên, ngày càng khốc liệt. Người dân cày dung dị hôm trước, được Đảng phóng tay phát động, vụt trở thành hung tợn, mặt bừng bừng khoái trá trong niềm vui hành hạ đồng loại. Tôi kinh hoàng không hiểu nổi: lần lượt lướt qua mặt tôi từng bầy đàn người bị kích thích bởi mùi máu, hăm hở đi dưới lá cờ đỏ sao vàng không phải để chiến đấu với quân xâm lược mà với chính đồng bào mình.*"

"Tại xã Ngô Xá, làng Ngò, Thanh Hóa,... người ta trói chặt hai tay rồi dong mẹ bạn tôi đi khắp làng, chỉ vì bà ta trót dại nói điều gì đó mất lập trường hoặc không vừa lòng cán bộ giảm tô, giảm tức... Chúng tôi nghe tiếng kêu khóc chạy tới thì mấy anh du kích quen đang xềnh xệch kéo bà đi. Hai tay bị trói giơ lên trời, bà xiêu vẹo bước sau họ, kêu gào thảm thiết: "Ới cụ Hồ ơi! Cụ trông xuống mà xem người ta đối xử với con dân Cụ thế này đây!"

"Ở một xã khác, một người đàn bà bị trói vào hai cây nứa bắt chéo, bên dưới là một đống lửa. "Con mẹ ni là phú nông phản động, ngoan cố lắm", những người bâu quanh nhao nhao nói thế. Người đàn bà quằn quại mãi, tới khi ngất đi rồi mới được người ta hạ xuống".

"Cha bạn tôi, hoạt động cách mạng từ trước năm 1945, bị tống giam vì bị vu là đảng viên Quốc Dân đảng, thắt cổ tự tử, để lại bức thư tuyệt mệnh: "Oan cho tôi lắm, cụ Hồ ơi. Tôi trung thành với cụ, với Đảng".

"Trẻ thơ cũng không thoát : Người ta lấy gai bưởi cắm vào đầu

ngón tay của một cô gái, có trời biết cô ta bị tội gì, có thể là cô ta chỉ có tội là con địa chủ, cứ mỗi câu hỏi lại nhấn những cái gai sâu thêm một chút làm cô gái rú lên vì đau, quằn quại trong dây trói".

"Một cụ già tóc bạc phơ bị tròng dây vào cổ, bị lôi xềnh xệch trên đường như một con chó. Lũ trẻ trong làng rùng rùng chạy theo sau, chúng vỗ tay, chúng reo hò, chúng cười ngặt nghẽo".

Mỗi người nông dân được tố trong15 phút. Mỗi địa chủ thông thường bị 4 người tố. Tổng cộng thời gian bị tố khoảng một tiếng đồng hồ. Sau khi đã tố xong, địa chủ bị đưa đến bàn chủ tịch để ký vào biên bản đã ghi các tội sẵn để nhận tội.

Về nội dung tội trạng, địa chủ hạng 1, phản động ác ôn, bị đấu 3 loại tội vào vào 3 ngày:

1- Ngày 1: tội về các "món mồ hôi": cướp trâu, cướp bò, cho vay nặng lãi v.v...

2- Ngày 2: tội về các "món nợ hạnh phúc": hãm hiếp vợ người tố, hãm hiếp người tố, cha cưỡng hiếp con gái...

3- Ngày 3: tội về các "món nợ máu": các tội liên quan đến chính trị như rủ rê người tố vào hội "phản động", do thám tin tức cho Pháp, rủ rê làm việc cho Pháp...

Những kẻ cứ khăng khăng không nhận tội thì những ngày hôm sau sẽ bị gán cho các tội càng nặng hơn, cuối cùng sẽ đưa ra tòa án nhân dân để nhận án tử hình. Những kẻ ngoan ngoãn nhận tội sẽ bị các tội tương đối nhẹ hơn. Dù ngoan ngoãn cuối cùng cũng sẽ bị xử tử nếu như án đã được định từ trước là phải xử tử và vì mỗi xã phải có bao nhiêu người đó phải bị bắn cho đúng chỉ tiêu.

Trong những đợt đấu tố đầu tiên, nhiều địa chủ không hiểu điều này nên cứ khăng khăng không nhận tội nên số người bị bắn rất cao. Nhưng về sau, mọi người đều hiểu là dù nhận hay không thì số phận đã được định sẵn rồi.

Những linh mục, hòa thượng, nhà nho càng đạo mạo thì lại càng hay bị tố cáo về các tội liên quan đến đạo đức như hiếp dâm, loạn luân.

2.4.3.5 Thi hành án (Đấu pháp)

Trừng phạt bản thân địa chủ:

Đấu pháp là đem nạn nhân ra xử tội. Việc kết án không theo điều luật nào mà chỉ tùy thuộc đội cải cách quyết định. Toàn thể dân làng phải đi xem xử án. Chánh án là đội viên trong đội CCRĐ. Biện lý hay công tố là một trong những nông dân trước đây đã làm thuê cho kẻ bị xử. Không có luật sự biện hộ. Án căn cứ theo biên bản mà tội nhân đã ký. Không ai có quyền cãi hay biện hộ. Hình phạt có thể từ 5 năm khổ sai đến tử hình, kèm theo tịch thu một phần hoặc toàn

bộ tài sản. Sau khi tòa tuyên án tử hình thì tội nhân bị đem xử bắn ngay. Công chúng xung quanh phải vỗ tay hoan hô sau khi tội nhân ngã gục xuống.

Chính sách cô lập gia đình địa chủ:

Chẳng những địa chủ bị xử tội mà gia đình địa chủ cũng bị cô lập. Sau khi địa chủ bị xử tội, trong vòng hơn một năm trời, từ đợt đấu tố đầu tiên cho đến đợt thứ hai, nhiều gia đình địa chủ không được phép ra khỏi nhà, trừ khi bị chính quyền gọi ra xét hỏi. Nhiều gia đình bị chết đói trong giai đoạn này. Trẻ con và người già chết trước rồi đến các người lớn. Người trong làng không được giao thiệp, chào hỏi, không được tiếp thế thức ăn. Khi những người này bị chính quyền giải đi ngoài đường hay đứng trước sân nhà, cán bộ xúi trẻ con lấy đá ném vào họ.

Luật sư Nguyễn Mạnh Tường viết trong bài diễn văn đọc trước Đại hội Toàn quốc của Mặt trận Tổ quốc nói về việc cô lập làm chết người già, trẻ em như sau: “Trong khi đập tan giai cấp địa chủ, ta không phân biệt đối xử, ta để cho chết chóc thê thảm những người già cả, hoặc thơ ấu mà ta không chủ trương tiêu diệt”.

Nguyễn Hữu Đang, từng là Bộ trưởng Văn hóa cũng viết: “Trong CCRĐ, những việc bắt người, giam người, tra hỏi (dùng nhục hình dã man), xử tử, xử bắn, tịch thu tài sản hết sức bừa bãi, bậy bạ, cũng như việc bao vây làm cho chết đói những thiếu nhi vô tội trong các gia đình địa chủ, hoặc chính là nông dân bị quy sai thành phần”.

2.5 Đấu tố giai đoạn hai 1955

Cách thức đấu tố thì vẫn như đợt trước nhưng lần này có thêm một số đảng viên cũ cũng trở thành nạn nhân. Vì Chi bộ đảng tại xã đã bị giải tán vào lúc đợt CCRĐ đầu tiên bắt đầu nên sau khi đợt CCRĐ đầu tiên chấm dứt, việc kết nạp đảng viên được thực hiện để tái lập Chi bộ. Trong đợt này, nhiều bần cố nông đã được kết nạp vào đảng, một số đảng viên cũ bị xét là có “liên quan đến địa chủ”, mặc dù trước đó đã góp công kháng chiến, cũng bị gạt ra ngoài. Trong đợt CCRĐ thứ hai, nhiều đảng viên cũ cũng bị qui là địa chủ đem ra đấu tố, tài sản bị tịch thu. Ngoài ra vì chỉ tiêu là mỗi xã phải có 5% địa chủ cho nên một số người trước đây là phú nông hoặc trung nông cũng bị đôn lên thành địa chủ cho đủ số, hoặc bất cứ ai mà Đội CCRĐ không ưa cũng bị ghép vào làm địa chủ. Ước lượng có từ 40.000 đến 60.000 đảng viên bị qui tội địa chủ và bị đem ra đấu tố.

Một số điểm trong nội dung sắc lệnh của đợt này ban hành ngày 14-6-1955 như sau:

Tịch thu toàn bộ tài sản (đất đai, nhà cửa, gia súc, nông cụ...) của những người bị liệt vào hạng Thực dân, địa chủ gian, cường hào ác bá, Việt gian.

- Những người hợp tác với Cộng sản thì hoặc bị trưng thu không bồi thường hoặc được thu mua.
- Các cơ sở tôn giáo như chùa, nhà thờ bị lấy hết đất đai.
- Đất sẽ được chia theo thứ tự ưu tiên: nông dân không có đất hay thiếu đất, các thành phần nghèo khổ làm thợ, buôn bán nhỏ, gia đình liệt sĩ, bộ đội, thương phế binh...

Tuy sắc lệnh là như vậy nhưng khi thực hiện thì việc tịch thu rất là bừa bãi, còn những kẻ mà tài sản bị thu mua thì về sau chính phủ cũng không nhắc đến việc bồi thường mà nạn nhân cũng không dám đòi bồi thường vì sợ bị gán cho là còn "đầu óc địa chủ" hoặc không "tiến bộ".

Trong đợt CCRĐ lần hai, số người bị cô lập chết đói nhiều hơn đợt đầu vì gia đình những "địa chủ" từ phú nông hoặc trung nông bị đôn lên quá nghèo không có nhiều vườn tược hoặc của cải thu giấu, không được bạn bè lén giúp như các địa chủ đợt trước để sống sót cầm hơi.

2.6 Sửa sai 1956

Các cuộc đấu tố làm cho mọi nơi tại nông thôn miền Bắc người dân phẫn nộ. Một trong những phản ứng của nông dân ghi lại được là vụ nổi dậy ở huyện Quỳnh Lưu, Nghệ An vào tháng 11-1956. Hàng ngàn người dân đã nổi lên đánh đuổi các cán bộ, chiếm chính quyền địa phương. Sư đoàn 325 được đưa đến để bao vây và đàn áp. Trong vòng 10 ngày từ 10-11-1956 đến 20-11-1956, dân làng đã chống nhau với quân đội và cuộc nổi dậy bị dập tắt. Khoảng 1000 người đã bị giết và nhiều người khác bị bắt.

Tuy vậy theo ông Hoàng Văn Chí, chiến dịch Sửa sai không phải là do sự phẫn nộ của người dân mà là một giai đoạn đã được dự trù từ trước cùng với các giai đoạn trước đó trong một chương trình toàn bộ. Sửa sai là để xoa dịu lòng công phẫn của quần chúng sau khi làm cho họ phải chịu sự kinh hoàng tột độ.

Các vụ qui chụp bừa bãi, dùng các biện pháp tàn ác trong các đợt trước là có dụng tâm do sự thực hiện nguyên tắc của Mao Trạch Đông: "Muốn chữa một tình trạng bất công thì phải vượt quá mức của sự công bằng" hoặc như ông Hồ Chí Minh nói: "Nếu muốn uốn thẳng một cái que cong thì phải bẻ nó quá về phía bên kia và giữ như vậy một lúc lâu. Khi buông tay, cái que sẽ từ từ thẳng trở lại". Sửa sai là để cho cái que trở về vị trí "thẳng".

Ngày 1-7-1956, Hồ Chí Minh gửi văn thư cho đoàn CCRĐ nói

rằng trong CCRĐ đã có sai lầm.

Ngày 18-8-1956, Hồ Chí Minh gửi thư ngỏ cho toàn dân công nhận có sai lầm: "Trung ương Đảng và Chính phủ đã nghiêm khắc, kiểm điểm những sai lầm khuyết điểm... và đã có kế hoạch kiên quyết sửa chữa, nhằm đoàn kết nhân dân, ổn định nông thôn, đẩy mạnh sản xuất".

Tháng 9-1956, Hội nghị Trung ương Đảng Lao động lần thứ 10 họp thảo luận và cho rằng về đường lối Cải cách Ruộng đất vẫn đúng, chỉ có cấp dưới làm sai. Hội nghị cũng bàn về các biện pháp sửa sai. Ngày 29-10-1956, buổi mít-ting ở Nhà Hát lớn Hà Nội, ông Võ Nguyên Giáp đã đọc lời công nhận có sai lầm. Nhưng về sau, guồng máy thông tin của đảng CSVN cũng vẫn nói CCRĐ là thắng lợi lớn.

Một số nhân vật bị cách chức để xoa dịu sự phẫn nộ của người dân, trong đó có Trường Chinh.

CUỘC CẢI CÁCH RUỘNG ĐẤT

Đài Á châu Tự do trình bày và phỏng vấn trong 10 bài - tháng 05-2006

1- Cuộc Cải cách Ruộng đất 50 năm trước đây tại miền Bắc

Nguyễn An 15-05-2006

Thưa quý thính giả, kể từ hôm nay, và liên tiếp trong 10 buổi phát thanh, ban Việt ngữ đài Á châu tự do xin gửi đến quý thính giả loạt bài về cuộc Cải cách Ruộng đất (CCRĐ) diễn ra đầu thập niên 1950 tại miền bắc Việt Nam. Loạt bài do Nguyễn An thực hiện. Mời quý thính giả theo dõi bài thứ nhất qua sự trình bày của Phương Anh.

50 năm trước, tại miền Bắc Việt Nam lúc bấy giờ là nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, dưới sự lãnh đạo của ông Hồ Chí Minh và Đảng Lao động Việt Nam, tức là đảng Cộng sản sau này, đã diễn ra một cuộc cách mạng được chính những người phát động mô tả là "long trời lở đất". Đó là cuộc CCRĐ.

Nói đúng ra thì năm 1956 chỉ là năm cuối của giai đoạn 5, tức cũng là giai đoạn cuối của cuộc CCRĐ đất đã bắt đầu bẩy năm trước đó. Tuy nhiên, mốc thời gian này đáng nhớ thứ nhất vì cuộc CCRĐ đến năm đó đã đụng trần, với những án tử hình thi hành tại chỗ, những án tù dài hạn, mà hầu hết nạn nhân đều chết trong khi đang bị giam cầm, và một bầu không khí nặng nề, đe doạ đã lan rộng khắp nơi, khiến người dân phải chìm đắm trong nỗi e sợ mênh mông.

"Đào tận gốc, trốc tận rễ"

Thống kê chính thức của nhà nước được đăng trong cuốn Lịch sử Kinh tế Việt Nam tập 2 cho biết là đã có 172.008 người bị quy vào thành phần địa chủ và phú nông, là những người bị xếp vào loại kẻ thù của nhân dân, bị "đào tận gốc, trốc tận rễ" nghĩa là không bị bắn tại chỗ thì cũng bị lãnh án tù rồi chết trong nhà giam.

Con số này có thể không chính xác, nhưng số nạn nhân quyết không thể thấp hơn thế được vì nó được ghi trong Văn kiện đảng (toàn tập) do nhà xuất bản Chính trị Quốc gia ấn hành, và vì nó không nói gì đến những người bị kết án là Quốc Dân đảng thường thì bị bắn ngay tại chỗ. Trong số này, có cả những đảng viên Cộng sản trung kiên, mà trước khi chết vẫn còn hô to khẩu hiệu "Đảng Cộng sản muôn năm"!

Năm 1956 cũng là năm mà ông Hồ Chí Minh và đảng Lao động công khai lên tiếng nhận sai sót trong quá trình thực hiện cuộc CCRĐ, rồi thực hiện một số biện pháp kỷ luật và tiến hành sửa sai. Bản thống kê chính thức cho biết là trong số 172.008 người bị quy là địa chủ và phú nông trong CCRĐ thì 123.266 người bị quy sai, tức là bị oan. Tính theo tỷ lệ là 71,66%. Có lẽ chưa bao giờ và ở đâu tỷ lệ giữa số bị oan và nạn nhân lại cao đến như thế!

Nhà thơ Tố Hữu lúc bấy giờ là trưởng ban tuyên truyền trung ương đảng sau này nhớ lại đã phải nói: "Không thể tả hết được những cảnh tượng bi thảm mà những người bị quy oan là địa chủ, ác bá (mà trong thực tế là trung nông) phải chịu đựng ở những nơi được phát động."

Lời dặn "nhân ái"

Trong "Nội san CCRĐ" số ra ngày 25-02-1956, có đăng toàn văn lời căn dặn của ông Hồ Chí Minh rằng: "Nhục hình là lối dã man" và "tuyệt đối không được dùng nhục hình, nếu dùng nhục hình là trái chính sách của đảng, của chính phủ, trái tác phong của cách mạng."

Căn cứ trên thời gian phát hành của báo, thì lời căn dặn "nhân ái" này được đưa ra bốn năm sau khi bắt đầu thực hiện thí điểm, và chỉ ba tháng trước khi cuộc CCRĐ chấm dứt bằng đợt sửa sai. Khi

đó, nhục hình đã phổ biến khắp nơi và sự sợ hãi đến mụ cả người đã bao trùm toàn lãnh thổ.

Cũng xin nhắc rằng ngay từ khi thực hiện thí điểm, địa chủ đã bị xác định là kẻ thù của nhân dân, như lời ông Nguyễn Minh Cần, nguyên phó chủ tịch thành phố Hà Nội kể lại: "Trước đây, chúng ta coi địa chủ là một thành phần ở trong nhân dân, nhưng bây giờ thì không phải như vậy rồi. Bây giờ thì địa chủ không phải là nhân dân. Nhân dân chỉ là nhân dân thôi, còn địa chủ thì không phải, đó là những người chống lại nhân dân, là kẻ địch của nhân dân."

Không chỉ những nạn nhân đau đớn, mà gia đình họ cũng chịu họa lây vì bị xã hội cô lập theo chính sách của đảng. Không chỉ gia đình của những người bị kết tội địa chủ phải chịu nhục nhằn, mà những cảnh tượng diễn ra hàng ngày ở mọi nơi những năm đó vẫn còn in dấu cả mấy chục năm sau nơi những chứng nhân.

Ngay trong Đề cương Báo cáo của Bộ chính trị đảng năm 1956, mỗi khi nói đến các cuộc thanh trừng thời CCRĐ, cũng đều phải dùng hình dung từ “tàn khốc” để nói lên những gì xảy ra hàng ngày, hàng giờ tại miền bắc trong suốt mấy năm trời cao điểm của CCRĐ.

Nhà văn Dương Thu Hương trong cuộc phỏng vấn dành cho ký giả Đinh Quang Anh Thái của Little Saigon Radio mới đây vẫn còn nhắc lại: "Đối với tôi, lý tưởng Cộng sản là một cái gì đó khủng khiếp và xa lạ. Vì ngay trước cổng nhà tôi là một người chết treo năm CCRĐ, và tám tuổi, tôi đã phải đi theo các đoàn học sinh để chứng kiến những cuộc đấu đá địa chủ. Sau lưng nhà tôi, đường, cũng là xác một người tự tử chết bằng cách tự đặt cổ mình vào đường ray. Khi tôi tám tuổi, buổi sáng tôi đi tưới rau, tôi đã thấy những người chết đó, và điều đó làm cho tôi vô cùng khủng khiếp".

Và nhà văn Trần Mạnh Hảo, cũng trong một cuộc phỏng vấn của ký giả Đinh Quang Anh Thái, khi nói lên lý do tại sao ông muốn từ bỏ chủ nghĩa Mác đã phát biểu: "Tôi nhận ra cái điều này cũng lâu rồi, mà nhận từ từ, bởi vì tôi đã được chứng kiến cuộc CCRĐ ở ngoài miền Bắc mà gia đình tôi là nạn nhân. Tôi thấy nó rất là khủng khiếp. Tôi không hiểu cái chủ nghĩa gì mà nó chỉ có một biện pháp duy nhất là trấn áp người ta, mang người ta ra đấu tố và bắn bỏ người ta, mà không có xét xử công minh, cũng không có bằng cớ gì cả. Cuộc CCRĐ là một cuộc diệt chủng như là Pon Pot và Yeng Sari (đã làm bên xứ chùa Tháp) mà thời đó tôi đã chứng kiến.

“Gia đình nhà tôi may mắn là ông nội tôi và các chú các cô, toàn bộ đã di cư vào nam. Bố tôi là con trưởng nên phải ở lại để giữ đất, cho nên không di cư được, phải gánh chịu cái tai họa của ông nội cũng như các chú, một mình phải chịu trận, cho nên rất là khổ."

Còn nhà văn Vũ Thư Hiên mới đây, khi nói chuyện về cuộc CCRĐ với đài Á châu Tự do, đã nhớ lại lời bà cô của ông dặn dò như sau: "Tôi có một bà cô ruột, chồng bà cũng bị đấu, mà ông ấy là chủ nhiệm Việt Minh của một xã, mà lại có chân trong Liên Việt huyện. Liên Việt tức là Mặt trận Tổ quốc bây giờ. Ông ấy bị đấu, bị giam trong chuồng trâu chuồng bò, nói chung là khổ lắm, rồi ăn uống kém cỏi, đến lúc được thả về nhà thì ông ấy chết, chết tại nhà. Bà cô tôi chỉ nói: cháu ạ, mình phải lựa bạn mà chơi. Cái bọn Cộng sản nó gian ác và bất nhân lắm đấy. Tôi nói: nhưng bố cháu là Cộng sản cơ mà! Bà cô trả lời: thì bố cháu không hiểu, bố cháu mới đi với bọn ấy."

Vết thương chưa lành

Cuộc CCRĐ chấm dứt 50 năm trước đây quả nhiên vẫn còn là một vết thương chưa lành đối với quá nhiều con người dù có trực tiếp là chứng nhân hay không. Đáng tiếc là những sách báo viết về giai đoạn ấy quá ít, lại thường bị tịch thu ngay sau khi phát hành, và dù 50 năm đã qua đi, thì CCRĐ vẫn còn là một đề tài cấm kỵ, trong khi những chứng nhân cứ già đi và chết đi dần.

Đó là lý do khiến ban Việt ngữ đài Á châu Tự do chúng tôi quyết định thực hiện một loạt bài về cuộc CCRĐ để vẽ lại bức tranh thực xẩy ra của một thời mà không ai không xót xa khi nhớ lại.

Loạt bài sẽ bắt đầu với nhà nghiên cứu sử Trần Gia Phụng. Ông sẽ điểm lại 8 đợt phát động quần chúng giảm tô và 5 đợt CCRĐ kéo dài suốt bẩy năm kể từ năm 1949. Sau đó, là lời kể lại của ông Nguyễn Minh Cần là người từng trực tiếp tham gia đoàn CCRĐ cũng như công tác sửa sai.

Xen kẽ sẽ là lời kể của nhà thơ Nguyễn Chí Thiện từng chứng kiến từ đầu đến cuối một phiên xử của toà án nhân dân, của ông Ông Trần Anh Kim có ông nội và bố đều là nạn nhân của CCRĐ, lời kể của nhà văn Vũ Thư Hiên khi ông có dịp qua những nơi đã diễn ra cuộc cách mạng được gọi là “long trời lở đất” ấy, của nhạc sĩ Trịnh Hưng là người bạn chí cốt của nhà thơ Hữu Loan, tác giả Màu tím Hoa sim, vốn là người mà những biến chuyển của đời sống gắn liền với cuộc CCRĐ.

(*Chúng tôi xin phép bỏ đoạn kết thúc gồm có lời chào tạm biệt và lời loan báo bài tiếp. Các bài sau cũng vậy*).

Thông tin trên mạng:

- *Trang web có những hình ảnh về Cuộc CCRĐ*
- *CCRĐ - Wikipedia*
- *Land Reform in China and North Vietnam*

- A Special Supplement: In North Vietnam (The New York Review of Book)
- The Solzhenitsyn of Vietnam
- Statistics of Vietnamese Genocide and Mass Murder

2- Các giai đoạn của cuộc CCRĐ
Phỏng vấn nhà nghiên cứu sử Trần Gia Phụng (phần 1)

Nguyễn An 15-05-2006

Mở đầu loạt bài về cuộc CCRĐ diễn ra tại miền Bắc Việt Nam 50 năm trước đây, chúng tôi xin gửi đến quý thính giả cuộc phỏng vấn của BTV Nguyễn An với nhà nghiên cứu sử Trần Gia Phụng về các giai đoạn của cuộc CCRĐ bắt đầu từ năm 1949 và chấm dứt vào năm 1956. Ông Trần Gia Phụng hiện đang sinh sống tại Canada.

Ông Trần Gia Phụng đã tốt nghiệp khoa sử địa Đại học Sư phạm Huế và cử nhân giáo khoa sử Đại học Văn khoa Huế năm 1965. Trong vòng 10 năm trở lại đây, ông đã xuất bản 14 đầu sách nghiên cứu về sử, trong đó liên quan đến chủ nghĩa Cộng sản tại Việt Nam có các cuốn "Án tích Cộng sản Việt Nam" xuất bản năm 2001 và "Lột trần huyền thoại Hồ Chí Minh" xuất bản năm 2003.

Nguyễn An: *Trước hết, xin anh cho biết bối cảnh và mục đích của cuộc CCRĐ.*

Ông Trần Gia Phụng: Muốn nói đến bối cảnh và mục đích của cuộc CCRĐ thì có lẽ chúng ta phải khởi sự từ đầu. Tức là bắt đầu từ cuộc chiến tranh 46-54. Cuộc chiến tranh này có thể chia ra làm hai giai đoạn: từ 46-49 và từ 49-54.

Năm 1949 là năm cần phải chú ý, thưa anh, là vì năm này có hai sự kiện quan trọng. Sự kiện thứ nhất là chính phủ Bảo Đại ra đời sau hiệp định Élysée năm 1949. Thứ hai là nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa được thành lập vào 1-10-1949. Khi chính phủ Bảo Đại được thành lập, nhiều người rời bỏ chiến khu để về thành thị sinh sống theo chính phủ Bảo Đại.

Ngoài hậu quả chính trị, thì việc trở về thành thị làm cho Việt Minh mất đi nguồn nhân lực, nhất là thiếu thanh thiếu niên để đưa vào bộ đội. Còn về phía Trung Hoa, khi mà đảng CS lên cầm quyền ở Trung Hoa thành lập nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa thì Trung Hoa viện trợ cho Việt Minh vừa vũ khí vừa cả nhân sự nữa. Cho nên Việt Minh chuyển từ du kích chiến qua vận động chiến, mở

những trận đánh lớn chống Pháp. Thành ra, năm 1949 là mốc giới quan trọng trong chiến tranh Việt Nam.

Ngoài ra, nếu tính từ năm 1946 chiến tranh đã xảy ra cho đến năm 1949 (3 năm) thì dân chúng tản cư từ vùng này sang vùng khác, hoặc là bỏ vùng quê ra thành thị sinh sống nên có nhiều đất đai bỏ hoang, không canh tác. Vì vậy mà Việt Minh mở cuộc CCRĐ để giải quyết hai nhu cầu trên của họ.

Nguyễn An: *Thưa, nhu cầu thứ nhất là thiếu người, và nhu cầu thứ hai là...*

Ông Trần Gia Phụng: Lương thực cho bộ đội.

Nguyễn An: *Như vậy cuộc CCRĐ như anh vừa nói thì có thể coi như bắt đầu từ năm 1949?*

Ông Trần Gia Phụng: Dạ vâng!

Nguyễn An: *Và nó kéo dài đến năm 1956, như vậy nó qua bao nhiêu giai đoạn?*

Ông Trần Gia Phụng: Thưa anh, nó qua tất cả là 5 giai đoạn.

Nguyễn An: *Thưa, là những giai đoạn nào?*

Ông Trần Gia Phụng: 5 giai đoạn này bắt đầu là nó được đánh dấu bằng Sắc lệnh CCRĐ. Thứ nhất là từ năm 1949, năm này để khuyến khích nông dân ra sức cày bừa thì nhà cầm quyền Việt Minh ra Sắc lệnh để thành lập Hội đồng giảm tô. Họ ấn định rằng các chủ đất phải giảm tối thiểu và đồng bộ tiền thuê đất (tô tức là tiền thuê đất) cho tá điền (tức là nông dân cày ruộng). Có nơi giảm đến 35% tiền thuê đất.

Sau đó, Thông tư liên bộ của năm 1949 đưa ra nguyên tắc chủ yếu về phân chia tạm thời ruộng đất cho nông dân mà những ruộng đất này họ tịch thu được từ điền chủ của người Pháp, từ điền chủ là những người mà Việt Minh gọi là Việt gian, tức là những người mà Việt Minh kết tội thông Pháp hoặc là những người không cộng tác với Việt Minh.

Nguyễn An: *Thưa, giai đoạn này kéo dài bao lâu ạ?*

Ông Trần Gia Phụng: Thưa, giai đoạn này cũng chỉ trong năm 1949 thôi! Bởi vì trong năm 1950 đã thay đổi. Sắc lệnh ngày 12-02-1950 tổng động viên toàn bộ nguồn nhân lực (tức là người), vật lực (gia súc và nông cụ) và tài lực (tức là tiền bạc) cho tổ quốc.

Trong năm 1950 này, xuất hiện cùng một lúc 2 Sắc lệnh, cùng một ngày nữa. Sắc lệnh thứ nhất là xoá bỏ tất cả các hợp đồng vay nợ giữa tá điền và điền chủ ký kết trước năm 1945 và xoá bỏ các hợp đồng ký sau năm 1945 nếu con nợ đã trả đủ 100%

Nguyễn An: *Như vậy, cả lãi lẫn vốn đã trả rồi mà bằng cái số vốn vay ban đầu thì xoá luôn?*

Ông Trần Gia Phụng: Dạ, xoá luôn! Cùng Sắc lệnh thứ hai đó là quốc hữu hoá tất cả những đất đai bỏ hoang trong 5 năm liên tục, thì những đất đai này sẽ lấy và chia lại cho nông dân. Nhưng mà ngang đây, tức là năm 1950 thì nó có những sự kiện quan trọng mà cái quan trọng nhất là ông Hồ Chí Minh qua thăm Bắc Kinh tháng 1-1950 rồi qua thăm Mạc Tư Khoa.

Trong cuộc gặp gỡ tại Mạc Tư Khoa giữa ông Hồ và Stalin, thì Stalin thúc bách ông Hồ thực hiện 2 việc: việc thứ nhất là ông Hồ phải tái công khai Đảng CS, và việc thứ hai là ông Hồ phải đẩy mạnh cuộc CCRĐ theo đường lối CS. Để chuẩn bị cho việc CCRĐ thì ông Hồ mở phong trào chỉnh huấn theo đường lối của CS Trung Hoa

Nguyễn An: *Và sau chuyến đi của ông Hồ thì bắt đầu cho giai đoạn 3 chăng?*

Ông Trần Gia Phụng: Dạ vâng! Thì sau đó chuẩn bị bắt đầu cho giai đoạn 3. Trước giai đoạn 3, ông Hồ đã cử phái đoàn sang Trung Hoa để học khoá học về chủ nghĩa Mác-Lênin ở Bắc Kinh. Nhưng thật sự ra đó là học về phương thức CCRĐ theo đường lối của Trung Cộng. Và phái đoàn này trở về thì được Đảng CS tổ chức gởi thí điểm tất cả các nơi ở Bắc và Bắc Trung Việt; còn ở trong Nam cũng có nhưng mà ở những miền sâu, còn những miền bán bình nguyên là những miền đồng bằng gần với các tỉnh thì ít thấy xuất hiện.

Nguyễn An: *Thưa, như vậy thì giai đoạn 3 kéo dài bao lâu và đặc điểm của nó là gì?*

Ông Trần Gia Phụng: Nó bắt đầu bằng Sắc lệnh ngày 20-04-1953 đăng trên công báo của Việt Minh. Đặc điểm của nó là ngoài luật lệ thêm vào thì luật mới là quyết định tịch thu tất cả tài sản của đế quốc Pháp, của Việt gian, của địa chủ ác ôn. Và nó có một đặc điểm nữa đó là giai đoạn 3 này bắt đầu thành lập Ủy ban Nông nghiệp các cấp.

Ủy ban Nông nghiệp trung ương do thủ tướng đứng đầu, và ở các thành phố đến cấp xã cũng có ủy ban Nông nghiệp. Và bắt đầu thấy xuất hiện những cuộc đấu tố. Nhưng mà khi đó bắt đầu sửa soạn hội nghị Geneva, cho nên Việt Minh nhẹ tay để tránh làm xôn xao dư luận.

Thế còn qua giai đoạn 4 là nó bắt đầu quy định toà án nhân dân để xét xử những thành phần chống lại cuộc CCRĐ. Nhưng mà giai đoạn 4 mới tiến hành thì xảy ra Hiệp định Geneva. Tuy có toà án nhân dân nhưng chưa xảy ra vụ đấu tố rùng rợn như sau năm 1954.

3- Giai đoạn cuối của cuộc CCRĐ
Phỏng vấn nhà nghiên cứu sử Trần Gia Phụng (phần 2)

Nguyễn An 17-05-2006

Kỳ trước, chúng tôi đã gửi đến quý thính giả phần đầu cuộc phỏng vấn của biên tập viên Nguyễn An với nhà nghiên cứu sử Trần Gia Phụng về các giai đoạn của cuộc CCRĐ bắt đầu từ năm 1949. Nay xin gửi đến quý vị phần thứ hai của cuộc phỏng vấn, nói về giai đoạn 5 và cũng là giai đoạn cuối đầy máu và nước mắt của cuộc CCRĐ.

Ông Trần Gia Phụng: Ngày 14-06-1955, ông Hồ Chí Minh mới ký Sắc luật về CCRĐ đợt 5. Sắc luật ngày 14-06-1955, tuy dựa trên căn bản của hai Sắc lệnh năm 1953, nhưng mà còn có những hành động gắt gao hơn là thành lập Ủy ban CCRĐ từ trung ương do Trường Chinh cầm đầu, rồi ở mỗi địa phương họ thành lập những đội CCRĐ, rồi họ thành lập tòa án nhân dân, thì giai đoạn này chính là thảm họa của nông dân Bắc Việt.

Tòa án nhân dân là công cụ để thanh lọc hàng ngũ nông thôn, truy xét tận gốc rễ lý lịch của tất cả cái thành phần nông thôn, và đồng thời tòa án nhân dân cũng là công cụ để tiêu diệt tất cả những thành phần lãnh đạo xã hội cũ.

Nguyễn An: *Tất cả những thảm kịch đó xảy ra là trong đợt 5, thưa anh tại sao cuộc CCRĐ lại dừng lại năm 1956? Có phải là vì họ đã đạt dược mục đích không hay là bởi có quá nhiều lời kêu ca, có quá nhiều trường hợp oan ức cho nên họ phải dừng lại?*

Ông Trần Gia Phụng: Đây là một câu hỏi lý thú, lý thú là vì chỗ này: Đứng trên quyền lợi dân tộc, đứng trên lập trường của đại đa số quần chúng Việt Nam, nghĩa là đứng trên lập trường của một người Việt Nam thì rõ ràng ai cũng thấy là CSVN sai lầm trong CCRĐ, nhưng đứng trên quyền lợi của đảng CSVN, của thiểu số chóp bu trong đảng, họ không sai lầm. Đứng về phương diện chuyên môn nông nghiệp, cuộc CCRĐ không thúc đẩy được nông nghiệp phát triển, không thăng tiến được đời sống nông dân mà còn làm tan nát nền nông nghiệp cổ truyền ở ngoài Bắc và đưa mọi người vào cảnh nghèo đói.

Tuy nhiên, đứng trên quan điểm của đảng CS thì họ đã thành công trong CCRĐ. Hồ Chí Minh và đảng CS phải chấm dứt đợt CCRĐ năm 1956 vì hai lẽ. Lẽ thứ nhất là vấn đề nội bộ Bắc Việt là

cuộc CCRĐ đã đạt được những mục tiêu chính trị của họ. Cái mục tiêu chính trị của họ là gì?

Mục tiêu chính trị của họ, thứ nhất là xóa bỏ giới hào mục lãnh đạo hạ tầng cơ sở ở nông thôn và thay vào đó lớp lãnh đạo mới là những đảng viên CS, mục tiêu chính trị nữa là họ chận đứng sự trà trộn của những điệp viên địch thủ trong dân chúng, họ xóa bỏ toàn bộ nền văn hóa cổ truyền nổi tiếng là bảo thủ từ bao nhiêu đời ở nông thôn, họ thay thế bằng chủ trương của CSVN theo chủ nghĩa Mác-xít.

Ngoài ra, liều lượng khủng bố của CS đối với nông dân trong cuộc CCRĐ đợt 5 đủ để khuất phục nông dân, đủ để làm cho nông dân khiếp sợ, làm cho họ ăn không đủ no, mặc không đủ ấm, sống luôn luôn trong sự sợ hãi tột cùng và ghép họ vào trong khuôn phép CS, ổn định một cách kiên cố hạ tầng cơ sở xã hội nông thôn miền Bắc. Nhưng nếu làm quá đi, đẩy họ đến cùng thì nông dân họ sẽ nổi dậy như vụ ở Quỳnh Lưu, Nghệ An tức là quê hương của ông Hồ Chí Minh năm 1956 và ông Hồ Chí Minh phải điều động cả một sư đoàn tới đó mới dẹp yên.

CSVN đã đạt được cái mục đích là tiêu diệt cũng như là xóa sạch những thành phần "phản động" ở nông thôn, đưa nông dân vào hợp tác xã do nhà nước quản lý, lấy lại cái đất đai mà lâu nay đã cấp cho nông dân, hoàn toàn làm chủ phương tiện sản xuất nông nghiệp, quản lý kho lúa gạo trên toàn miền Bắc, áp đặt và củng cố vững vàng chính sách chỉ huy nông nghiệp, thì ông Hồ Chí Minh và đảng của ông ta, đảng CS lúc đó có cái tên là đảng Lao Động, ngưng cuộc CCRĐ để quay qua ổn định tình hình ở thành phố. Tôi nói như vậy đó là đứng trên phương diện nội bộ Bắc Việt.

Nguyễn An: *Anh vừa dùng chữ nội bộ Bắc Việt, như vậy thì yếu tố thứ hai chắc phải là từ bên ngoài vào?*

Ông Trần Gia Phụng: Dạ vâng, thứ hai là trên bình diện quốc tế, cái này mình phải chú ý, bởi vì phải đặt tình hình Việt Nam trong toàn bộ tình hình CS và toàn bộ tình hình thế giới. Trên tình hình quốc tế thì lúc đó ở tại Nga, nhà độc tài Stalin chết năm 1953, thì trong cuộc tranh giành quyền lực đấu đá với nhau, ông Khrushốp trồi lên và nắm được chính quyền, nắm được đảng CS và trong Đại hội lần thứ 20 của đảng CS Liên Sô năm 1956 tại Moscow thì Khrushốp đã đọc một bài diễn văn nảy lửa kể hết tội lỗi độc tài, tàn ác, tôn sùng cá nhân của Stalin. Bài diễn văn này làm cho cả thế giới kinh ngạc và ông Khrushốp hứa hẹn sẽ mềm dẻo hơn, sẽ sống chung hòa bình với các nước không đồng chế độ chính trị và ông hứa hẹn sẽ dân chủ hóa Liên Sô.

Sau khi vững vàng rồi, Khrushốp mới gởi đại diện đi các nước Cộng sản, và riêng CSVN thì ông Mikoyan đến Hà Nội vào tháng 4-1956. Ông giải thích chính sách mới của Đại hội đảng 20 của Liên Sô và vì vậy mà CSVN không thể đi ngược lại đường lối mới của Liên Sô. Cho nên nhân cuộc tổng kết CCRĐ đợt 5 vào tháng 7-1956, ông Hồ vì những lý do trong nước và ngoài nước thì đã cho ngưng cuộc CCRĐ và bắt đầu chương trình sửa sai. Ông đổ trách nhiệm cho những người thừa hành mà người gần ông nhất là Trường Chinh, nên ông cách chức Trường Chinh, cất chức nhưng sau rồi ông Trường Chinh cũng ra lại, và rồi cất chức những nhân vật khác như là Hoàng Quốc Việt, Lê Văn Lương, Hồ Viết Thắng và các nhân vật này sau cũng được trọng dụng trở lại hết, rồi bồi thường thiệt hại và xét lại một cách tượng trưng cho vài trường hợp quá đáng mà thôi./.

4- Đảng và nhà nước CSVN đã chuẩn bị thế nào cho cuộc CCRĐ
Phỏng vấn ông Nguyễn Minh Cần (phần 1)

Nguyễn An 18-05-2006

Trong các buổi phát thanh trước, chúng tôi đã gửi đến quý thính giả phần đầu cuộc phỏng vấn của biên tập viên Nguyễn An với nhà nghiên cứu sử Trần Gia Phụng về các giai đoạn của cuộc CCRĐ bắt đầu từ năm 1949 đến năm 1956.

Kỳ này xin gửi đến quý thính giả cuộc phỏng vấn với ông Nguyễn Minh Cần về sự chuẩn bị của Đảng Cộng sản và nhà nước Việt Nam trước khi bắt đầu cuộc CCRĐ. Cuối giai đoạn chuẩn bị là thí điểm với vụ án bà Cát Thanh Long từng gây xôn xao dư luận một thời.

Ông Nguyễn Minh Cần trong giai đoạn ấy là một cán bộ trung cấp. Ông từng là bí thư quận uỷ ngoại thành Hà Nội trước khi ra công khai, trở thành phó chủ tịch uỷ ban hành chính Hà Nội vào năm 1954. Ông thấu hiểu từng bước của cuộc CCRĐ và đã trực tiếp làm công tác sửa sai sau đó tại ngoại thành Hà Nội. Hiện ông Cần sinh sống tại Matxcơva.

Mời quý thính giả theo dõi cuộc trao đổi giữa biên tập viên Nguyễn An và ông Nguyễn Minh Cần về những chuẩn bị mọi mặt

của đảng Cộng Sản và nhà nước Việt Nam cho cuộc CCRĐ, khi đó được gọi là một cuộc "cách mạng long trời lở đất".

Nguyễn An: *Kính chào ông Nguyễn Minh Cần, ông có thể cho biết là ông HCM và đảng CS đã chuẩn bị cho cuộc CCRĐ như thế nào?*

Ông Nguyễn Minh Cần: Trong năm 1951 và 1952 ông HCM đã cùng với Thường vụ trung ương đảng, bây giờ ta gọi là Bộ chính trị, lúc bấy giờ gọi là Thường vụ trung ương đảng, họ chuẩn bị về mọi mặt. Chuẩn bị quan trọng đầu tiên là chuẩn bị về mặt tư tưởng, làm cho cán bộ, đảng viên, quân đội thông suốt về tư tưởng.

Vì vậy họ đã tiến hành chỉnh huấn và chỉnh quân. Trong này có một điều đáng chú ý nhất, tức là người ta nói rằng trước đây người ta coi địa chủ là một thành phần ở trong nhân dân, mà bây giờ không phải như vậy. Bây giờ địa chủ không phải là nhân dân, nhân dân chỉ là nhân dân và địa chủ tức là những người chống lại nhân dân - kẻ địch của nhân dân.

Điểm đó là điểm xoay chiều tư tưởng rất lớn ở trong cán bộ. Lúc bấy giờ cũng có nhiều cán bộ thắc mắc, đại thể tôi muốn nói một kinh nghiệm, khía cạnh như vậy để thấy rằng lúc đầu tư tưởng của cán bộ cũng không phải nhất trí trong vấn đề đánh địa chủ đâu, mà có những thắc mắc như vậy. Thế nhưng những cuộc chỉnh huấn có nhiệm vụ làm thế nào để dẹp hết tất cả những tư tưởng thắc mắc đó để tạo một sự nhất trí bắt buộc ở trong đảng, ở trong quân đội và ở trong các đoàn thể. Trong giới trí thức cũng có những cuộc chỉnh huấn.

Việc thứ hai, chuẩn bị mặt tổ chức thì tôi muốn nói rõ thêm là về mặt tổ chức lúc bấy giờ theo sự phân công giữa Mao Trạch Đông và ông HCM thì Stalin có nói rằng Trung Quốc ở gần Việt Nam và đã từng có kinh nghiệm CCRĐ rồi, thế thì Trung Quốc sẽ giúp cho Việt Nam làm việc đó.

Vì vậy cho nên Việt Nam mời các cố vấn sang. Tổng cố vấn lúc bấy giờ là Lã Quý Ba, ông ta đồng thời là đại sứ của Bắc Kinh, đại sứ mà lại đồng thời là tổng cố vấn. Tổng cố vấn về quân đội là Vi Quốc Thanh, tổng vấn về CCRĐ là Triểu Hiểu Quang. Ông này là phó bí thư tỉnh ủy Quảng Tây, là tỉnh cũng đã làm CCRĐ.

Như vậy là trùm lên trên về mặt tổ chức là hệ thống cố vấn. Đồng thời về mặt tổ chức thì thành lập cái gọi là Ủy ban CCRĐ trung ương, dưới trung ương có các đoàn CCRĐ. Mỗi đoàn CCRĐ thì có một đoàn ủy lãnh đạo. Dưới các đoàn là các đội CCRĐ.

Nguyễn An: *Xin ông nói rõ thêm về đội CCRĐ, là những người trực tiếp thực hiện và dân chúng còn mô tả là có quyền hành hơn cả Trời. Nhất đội nhì Trời kia mà.*

Ông Nguyễn Minh Cần: Mỗi đội CCRĐ, theo xã to hay nhỏ gồm khoảng 30 hoặc 40 người. Phần nhiều là những người ở các địa phương khác, tức là họ giữ một nguyên tắc là không để cho người địa phương nơi nào phải đi làm CCRĐ ở nơi ấy. Vì họ sợ như vậy sẽ tạo điều kiện bao che cho tổ chức cũ, bao che cho địa chủ quen biết v.v... Đấy là một nguyên tắc.

Như vậy là cả một đạo quân để đi làm CCRĐ. Bây giờ để chuẩn bị một bước thứ ba nữa tức là chuẩn bị mặt chính sách. Năm 1952, Bộ chính trị tổ chức làm thí điểm CCRĐ ở 6 xã thuộc huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên, là một tỉnh căn cứ của Việt Minh thời kỳ bấy giờ. Trong lần thí nghiệm này có một sự kiện động trời, tức là tòa án CCRĐ tử hình bà Nguyễn Thị Năm (còn có tên gọi khác là bà Cát Hanh Long).

Nguyễn An: *Thưa ông, vụ án này nổi tiếng lắm, ông vui lòng kể thêm một số chi tiết về vụ án này.*

Ông Nguyễn Minh Cần: Bà là một người mà thời kỳ trước Cách mạng đã từng che giấu, nuôi ăn, giúp đỡ các ông lớn nhất của đảng CS lúc bấy giờ là ông Trường Chinh, ông Hoàng Quốc Việt, ông Lê Đức Thọ, ông Phạm Văn Đồng, ông Lê Thanh Nghị và ông Lê Giảng.

Còn trong thời kỳ "Tuần lễ vàng", là sau khi đã có chính phủ Việt Nam DCCH rồi thì gia đình bà đã dâng nộp100 lạng vàng cho chính quyền mới. Bà lại hoạt động trong hội phụ nữ, lại có con trai làm trung đoàn trưởng. Thế mà bà lại bị quy là địa chủ, cường hào gian ác và bị đoàn CCRĐ xử án tử hình.

Ủy ban CCRĐ trung ương do Trường Chinh cầm đầu đã duyệt và Thường vụ trung ương, tức là Bộ chính trị cũng đã chuẩn y và tất nhiên cả ông Hồ Chí Minh lúc bấy giờ cũng biết sự kiện đó chớ không phải không. Nhưng họ lại lạnh lùng chuẩn y một án tử hình như vậy.

Phát súng đầu tiên của CCRĐ nổ vào đầu một người phụ nữ yêu nước, đã từng giúp đỡ cho những người CS! Phát súng đó đã nói rằng nó nói lên nhiều về tâm địa của những lãnh tụ CS, nó báo hiệu trước một tai họa khôn lường cho toàn dân ở miền Bắc lúc bấy giờ.

Nguyễn An: *Xin được hỏi thêm ông về vụ xử tử bà Cát Hanh Long. Về sau mỗi khi tòa án tuyên án tử hình thì án được thi hành*

liền. Thế tại sao án tử hình của bà Cát Hanh Long lại còn phải đưa lên trên để xin ý kiến.

Ông Nguyễn Minh Cần: Vì đây là thí điểm đầu tiên, vừa làm vừa rút kinh nghiệm cho nên có sự thận trọng. Về sau này thì lại khác, tức là quyết định của tòa án là bắn luôn.

Từ ngày mùng 1 đến ngày mùng 4-12-1953 thì kỳ họp thứ 3 của Quốc hội khóa I, tại đó chủ tịch HCM đọc báo cáo "Tình hình trước mắt và nhiệm vụ CCRĐ". Đến ngày 4-12 thì Quốc hội nhất trí thông qua luật CCRĐ và chủ tịch HCM đã ký sắc lệnh ban hành luật. Từ đó bắt đầu các đợt CCRĐ.

Lúc đầu, mỗi đợt CCRĐ thì ở một vùng, số lượng xã ít hơn, nhưng dần dần thì mở rộng ra. Đến năm 1956, tức đợt 5 là đợt cuối cùng, diễn ra ở hầu hết các đồng bằng Bắc bộ và các vùng trước đây bị Pháp chiếm đóng.

5- Diễn biến cụ thể một đợt CCRĐ
Phỏng vấn ông Nguyễn Minh Cần (phần 2)
Nguyễn An 18-05-2006

Nguyễn An: *Thưa ông Nguyễn Minh Cần, kỳ trước ông có nói là trong cuộc CCRĐ thì cả một đạo quân được chuẩn bị thật là kỹ lưỡng để ra trận. Mà mũi xung kích xuống từng xã là đội CCRĐ. Vậy thì đội CCRĐ đó hoạt động như thế nào?*

Ông Nguyễn Minh Cần: Tôi xin giới thiệu chương trình của một đợt CCRĐ ở một xã để bạn nghe đài hiểu được, là vì bây giờ đã lâu, nhiều người không biết quá trình làm như thế nào. Tức là khi đội xuống xã, việc đó rất là bí mật - coi như đợt đột kích ở trên đưa xuống.

Khi đội cải cách xuống xã rồi thì việc đầu tiên là người ta hạn chế việc đi ra đi vào. Người ta sợ việc phân tán tài sản của địa chủ. Người ta đình chỉ công việc của các ủy ban lãnh đạo, người trưởng công an cho đến người chỉ huy du kích v.v... Lúc bấy giờ toàn bộ công việc do đội nắm. Đội sẽ xây dựng nhóm người gọi là "bần cố nông" cốt cán theo cách thức mà nhà văn Vũ Thư Hiên kể lại như sau:

"*Có anh đội, anh đội về đấy là ở trong nhà nông dân là 3 cùng: ăn cùng, ở cùng, lao động cùng. Thăm nghèo hỏi khổ, tức là hỏi xem hồi xưa sống như thế nào, địa chủ nó bốc lột ra sao. Xong rồi "bắt*

rễ", tức là anh này tin tưởng được thì bắt anh này làm rễ. Từ anh bắt rễ thì hỏi ngày xưa khổ như anh thì có ai, cũng làm tá điền như anh thì có những ai, anh biết ai khổ nhất. Tìm một anh A, chị B nào nữa thì gọi là "xâu chuỗi". Những từ lúc bấy giờ mà tôi còn nhớ là nó như vậy."

Tất cả những lời tố khổ của những người cốt cán đó thì đều được ghi chép lên hồ sơ, nhìn vào để phân biệt được địa chủ, phân biệt được phản động, phân biệt được nhân dân.

Rồi cũng qua lời tố khổ đó, để hiểu được và phân định thành phần ai là công nông, ai là bần cố nông. Khi đã xác định được lên hồ sơ ai là địa chủ rồi thì việc đầu tiên là phải bao vây gia đình đó, không cho đi ra khỏi nhà. Tiếp tục ngay lập tức là truy tài sản.

Vì vấn đề này là vấn đề mà theo mục đích cải cách là để sau này còn có của để chia cho bần cố nông. Của nổi thì rõ rồi, nhưng của chìm là vàng bạc, tiền thì rất khó cho nên phải truy tài sản. Nhưng nói thực ra anh em họ vẫn gọi là "truy của" hay "tra của". Truy ngày, truy đêm liên tục. Tôi còn nhớ khi tôi đi CCRĐ ở Thái Bình thì có nghe một câu than như thế này, đến bây giờ tôi vẫn còn nhớ: "*Truy đêm rồi lại truy ngày. Tra lui tra tới của mày để đâu. Sân vườn, chuồng lợn, bờ ao. Đào tung, xới hết chẳng sao: có vàng. Trời ơi, oan thật là oan. Thân con quá khổ biết làm sao đây!*"

Còn việc lập hồ sơ các loại địa chủ, cường hào v.v... thì chủ yếu dựa vào lời tố của bần cố nông. Nhưng có một điều có thể nói là người ta đánh vào lòng tham lam, vào lòng hận thù. Có khi bà con lúc đầu họ không muốn tố, nhưng nếu mà không tố thì tức là dường như mình có liên quan đến địa chủ, mình chưa có thái độ dứt khoát.

Và người ta nói rằng ai tố nhiều thì sau này bả thực, tức là chia tiền, chia ruộng đất, chia tài sản v.v... sẽ được nhiều. Cho nên, nói thật đánh vào lòng tham, đánh vào lòng hận thù, cho nên cũng nhiều người tố rất bừa bãi. Ở nông thôn lúc bấy giờ gọi là "tố điêu" hoặc "tố đại hội", "tố bừa". Nhưng khốn nỗi, tất cả những lời tố đó đều coi như những bằng chứng để kết tội người địa chủ, hoặc người đối tượng mà mình coi là phản động hay đảng phái v.v... Cho nên sau khi lên hồ sơ rồi, tức là đưa lên đoàn CCRĐ, tức là đoàn duyệt xong và chuẩn bị cho việc đấy và xử án.

Nguyễn An: *Vậy là coi như hồ sơ xử án đã xong rồi, thế bây giờ chính phiên xử của tòa án nhân dân thì diễn ra như thế nào?*

Ông Nguyễn Minh Cần: Tổ chức tòa án là tổ chức cuộc đấu. Trước đó bao nhiêu ngày phải chuẩn bị, người ta làm như là một diễn tập cho một vỡ kịch, tức là mỗi người nông dân lên tố như thế nào, rồi ý cho họ chỉ mặt như thế nào, tức là xỉa vào mặt của địa

chủ, bắt quì xuống như thế nào v.v... tất cả những cái đó được đạo diễn trước một cách rất cẩn thận.

Nguyễn An: *Có vẻ họ tập dợt trước tất cả mọi thứ, cả ai nói gì, phản ứng ra sao, hô khẩu hiệu như thế nào?*

Ông Nguyễn Minh Cần: Đúng rồi, khi nào địa chủ nói cái gì mà có thể gây ra điều tự bênh vực hoặc gì đấy, thì để lấn áp thì lúc bấy giờ phải hô khẩu hiệu như thế nào v.v... Có cả một kế hoạch, diễn tập như diễn một vỡ tuồng.

Như vậy đấu, có khi đấu 2-3 ngày tùy theo "tình trạng nghiêm trọng" của địa chủ hay số người v.v... Sau khi kết án thì hành quyết ngay ở trước mặt. Đấy là đợt sau này nó mới vậy.

Nguyễn An: *Dường như là vào lúc bấy giờ các đoàn cố vấn của Trung Quốc nói rằng phải làm sao để có tỷ lệ 5% trên tổng số dân là địa chủ. Điều đó có không và họ đã thực hiện như thế nào?*

Ông Nguyễn Minh Cần: Cái đó chính là một cái khó khăn nhất của các đội, như vậy là cái này không chỉ là cố vấn đưa ra mà phải nói rằng ngay cả ông Trường Chinh cũng nói như vậy trong Hội nghị giải thích cho cán bộ về CCRĐ. Sự thật ra tỷ lệ này, một sự chủ quan rất trầm trọng về tỷ lệ như vậy. Cho nên có tình trạng là ép các đội phải nông lên, gọi là "kích thành phần".

Chính cái đó đã gây ra một thảm họa cho dân chúng trong CCRĐ. Có nhiều khi vì bí quá, cho nên các đội, và đoàn cũng nói: "thà sai hơn sót", đấy là chữ mà người ta thường nói, hoặc là "oan một tí, nhưng không để lọt lưới". Đấy là những câu nói cửa mồm của các đoàn và các đội. Nhưng sự thật ra "oan một tí" lại trở thành oan một trăm tí, một nghìn tí...

6- Diễn biến cụ thể một vụ xử án địa chủ: Lời kể của một nhân chứng
Phỏng vấn nhà thơ Nguyễn Chí Thiện

Nguyễn An 18-05-2006

Trong buổi phát thanh trước, chúng tôi đã gửi đến quý thính giả cuộc phỏng vấn của BTV Nguyễn An với ông Nguyễn Minh Cần về một đợt CCRĐ, bắt đầu từ khi đội cải cách xuống xã đến khi toà án nhân dân tuyên án. Kỳ này, xin gửi đến quý thính giả lời kể của nhà thơ Nguyễn Chí Thiện, từng tận mắt chứng kiến một phiên xử của toà án nhân dân tại ngoại thành Hà Nội.

Ông Nguyễn Chí Thiện: Hồi làm CCRĐ ở Thái Hòa ấp, ở đấy có một ông địa chủ, tôi còn nhớ tên là ông Bảy Dần. Ông ta là một người cũng có ruộng đất nhưng không phải giàu lắm đâu anh ạ. Ông ta chỉ có vài chục mẫu ruộng thôi và ông ta còn lại là một ông đồ dạy học nữa.

Chính tôi có đi xem buổi đấu tố cuối cùng đó, nó tổ chức đông người đi lắm, Hà Nội kéo nhau đi rất đông. Tôi đến nơi, lúc bấy giờ tôi cũng len lên được hàng đầu để mà xem. Ông Bảy Dần cũng mặc áo the, cũng ăn mặc tử tế lắm, đội khăn hẳn hoi. Ông ta thế là bị trói vào cột - bị trói vào cột.

Nguyễn An: *Tức là đem ra trước tòa án nhân dân phải không ạ?*

Ông Nguyễn Chí Thiện: Gọi là tòa án nhân dân. Trước hết ông ta bị trói vào cột và đàng sau cột độ mươi thước thôi thì có một cái hố đào sẵn. Người ta nói là đào cả hàng tuần trước rồi. Buổi đấu tố hôm đó nó diễn ra cả ngày, từ sáng đến tận khoảng 5, 6 giờ chiều mới kết thúc.

Nguyễn An: *Xử thì cứ xử thôi nhưng kết quả thì đã biết trước rồi phải không ạ?*

Ông Nguyễn Chí Thiện: Phải biết trước, chứ còn làm sao mà sống nổi. Lên đấu tố thì đủ các người lên đấu tố. Sự thật họ đấu tố, tôi phải vô tư mà nói, phải nói thật anh ạ, thì đa phần là phụ nữ. Họ lên đấu tố khiếp lắm, chớ không phải bị cưỡng bức, nghĩa là họ hăng say họ đấu tố.

Trong số hàng mấy chục người lên đấu tố thì cũng có vài ba người là miễn cưỡng. Những người miễn cưỡng thì mình biết ngay, chớ còn những người hăng hái đấu tố, chỉ chỏ vào mặt, cứ lồng lên như những con hổ cái thì nhiều.

Nguyễn An: *Theo ông nhận xét thì tự họ họ làm chứ không phải họ bị ép buộc hay là gì cả?*

Ông Nguyễn Chí Thiện: Họ bị kích động nhiều, bị kích động hơn là bị ép buộc anh ạ. Nhưng số người mà sau này họ hăng say lao theo thì đông, chứ còn số người miễn cưỡng lên thì ít thôi.

Nhưng phải nhớ một điều là từ đầu đã có một sự cưỡng bức rồi. Những người hăng say thì không phải là tự họ họ lên đâu, mà họ không lên cũng không được. Qua quá trình kể khổ rồi khơi sâu lòng hận thù thì nhiều người trở thành hận thù thật. Họ lên họ làm việc đó.

Chỉ riêng trong gia đình thôi thì là một sự miễn cưỡng rõ rệt anh ạ. Thí dụ như con dâu mà lên tố bố chẳng hạn, tố là ông ấy hiếp

mình thế nọ thế kia thì ăn nói nó có vẻ gượng gạo, không có tinh thần hăng say như những người khác.

Có một điều đặc biệt là, ông ta đã ngoài 60 rồi, mà ông ta vẫn cứ phải xưng cháu hoặc xưng con với bất cứ một người nào lên đấu tố, dù người lên đấu tố chỉ đáng tuổi con ông thôi. Thậm chí tôi còn nhớ một cô con gái lên tố ông ta thì ông ta cũng phải xưng con với người con gái đó - con gái mình đẻ ra đấy ạ.

Bây giờ nói đến tòa án nhân dân mà ngồi xử thì toàn là nông dân thôi, toàn là nông dân họ sắp xếp lên ngồi thôi. Chị làm "chánh án", tôi còn nhớ chị ấy còn mù chữ nữa anh ạ, không biết viết a,b,c thế mà lại lên làm chánh án.

Sau một ngày đấu tố nhục nhã như thế rồi thì họ bắt đầu họ tuyên án. Họ tuyên án với tất cả những tội ác mà địa chủ đã phạm phải, mà toàn bộ là bịa đặt thôi. Người ta tuyên án ông ấy tử hình. Đặc biệt là trong quá trình đấu tố thì ông địa chủ này không có quyền cãi mà chỉ có quyền bất cứ ai đấu tố thế nào đều chỉ có quyền "nhận tội" - nhận tội lỗi của mình chớ không hề có một lời cãi nào được phép cả.

Nguyễn An: *Tức là ai nói gì thì nói, phản ứng duy nhất mà ông được phép là cứ nhận thôi?*

Ông Nguyễn Chí Thiện: Và phải nhận ngay lập tức. Họ đã diễn tập nhiều lần rồi anh ạ. Đấy không phải là lần đầu tiên mang ra, trước khi mang ra làm thật như vậy thì đã có những cuộc diễn tập trước đó anh ạ. Diễn tập trong một số nhỏ người để cho ông này phải quen lối phục tùng như thế.

Buổi hôm đó, tôi còn nhớ là sau khi đấu tố xong thì lập tức có 6 anh du kích. 6 anh du kích này đứng cách khoảng độ 2 mét... thế là bắn chết ông ta ngay. Sau khi bắn chết xong thì chặt dây thừng - không phải là cởi nữa mà là chặt dây thừng, lấy con dao chặt dây thừng ra và lôi ông ta ra chỗ cái hố đó. Xin nhớ một điều, không có áo quan anh nhá. Thế là họ vất tụt xuống hố đó là lấp đất ngay lập tức thôi.

Lấp đất xong thì đất ấy cũng không được đắp thành mộ mà đắp bằng như bình thường thôi chớ không đắp gồ lên như một khối u như là một mộ phần anh ạ. Đấy là điều mà tôi chứng kiến tận mắt.

Nhưng tôi muốn nói thêm, chính vì chứng kiến đó cho nên sau này tôi vào tù, tôi nằm nghĩ lại. Để bàn về CCRĐ thì tôi chỉ làm một bài thơ thôi - đây chính là vụ Bảy Dần:

"*Được nghe bà kể khổ. Con thấy đời con thực là đáng chết. Con đã đi bóc lột để nuôi bà. Con bây giờ không dám nhận là cha. Dù bà là do con đẻ ra. Con - thành phần địa chủ thối tha. Trước*

nhân dân, trước đảng, trước bà. Xin thành khẩn cúi đầu chịu tội. Đó là lời của cụ đồ ở ngoại thành Hà Nội. Giữa đấu trường giăng giối với con".

Tôi làm bài như vậy. Khi tôi đọc bài này cho anh Nguyễn Huy Thiệp nghe ở quán cơm của anh hồi tôi ra tù năm 91-92 thì anh có nói một câu thế này: Thôi, ông làm một bài thơ về CCRĐ như thế cũng đủ rồi. Nhưng tôi nghĩ là nó không đủ đâu anh ạ. Nó còn rất nhiều chuyện mà chúng ta phải bàn đến.

7- Diễn biến cụ thể một vụ xử án địa chủ: Lời kể của một nạn nhân
Phỏng vấn ông Trần Anh Kim

Việt Hùng 19-05-2006

Trong buổi phát thanh trước, chúng tôi đã gửi đến quý thính giả cuộc phỏng vấn của BTV Nguyễn An với nhà thơ Nguyễn Chí Thiện, đã tận mắt chứng kiến một phiên xử của toà án nhân dân tại ngoại thành Hà Nội. Kỳ này, xin gửi đến quý thính giả lời kể của ông Trần Anh Kim, hiện đang sống tại Thái Bình.

Ông Kim có ông nội, bác và bố là nạn nhân của cuộc CCRĐ, bị quy là Quốc Dân đảng và địa chủ, bị đem ra đấu tố và xử tội. Mời quý thính giả nghe câu chuyện đau thương này của gia đình ông Trần Anh Kim qua cuộc phỏng vấn do Việt Hùng thực hiện.

Việt Hùng: *Lập lại trang sử về cuộc CCRĐ, trường hợp gia đình ông như thế nào, thưa ông?*

Ông Trần Anh Kim: Ông nội tôi là người sớm giác ngộ Cách mạng, cho nên khi được tư tưởng của ông HCM trau dồi vào đầu óc của cụ thì cụ giáo dục tất cả gia đình hết lòng vì Cách mạng. Về đào hầm bí mật, mà mới ngay gần đây thôi chúng tôi vừa đào một hố ga thì trúng hầm bí mật đó, tôi định gọi ủy ban xác định là hầm bí mật nhà tôi đây.

Ông tôi ủng hộ, hưởng ứng "Tuần lễ vàng" của Hồ chủ tịch phát động, cho nhà nước mượn 1075 vuông vải để may áo mùa đông binh sĩ để cho du kích mặc để đánh giặc.

Đấy là ông nội tôi. Còn bố tôi mua 1000 công phiếu kháng chiến, ủng hộ 9 áo sợi. Bố tôi hoạt động Cách mạng từ năm 21 tuổi, tức là từ năm 1942. Đến năm 1948 thì bố tôi được kết nạp vào đảng CSVN. Sau năm 1954 giải phóng, sau đó thì giảm tô, đến CCRĐ thì

người ta quy cho ông tôi là địa chủ, và quy cho bố tôi là Quốc Dân đảng.

Bố tôi là phó bí thư Quốc Dân đảng và bác tôi là bí thư Quốc Dân đảng. Bác tôi bị bắn luôn, ông ấy nhận thì bị bắn luôn. Còn bố tôi thì kiên quyết không nhận. Không nhận thì người ta tra tấn, người ta thắt hai dây thừng vào hai ngón chân cái rồi người ta kéo lên sàn nhà, bố tôi đau quá, kêu khóc, xin thả xuống. Kêu khóc to quá thì người ta lấy rơm, lấy rạ nhét vào mồm.

Toàn bộ những cái bố tôi kể thì tôi còn ghi được nguyên cuốn băng. Cứ làm như thế, hàng ngày làm như thế, làm để bắt nhận là QDĐ. Bố tôi không nhận QDĐ, bố tôi bảo rằng bố tôi chẳng biết QDĐ là ai cả, chỉ biết đảng viên đảng CS thôi. Thế người ta không quy được cho bố tôi QDĐ thì người ta lại đưa bố tôi lên địa chủ luôn.

Địa chủ ngày đó là địa chủ "phân" anh ạ. Thí dụ mỗi một thôn là mấy địa chủ thì cứ thế người ta đưa lên thôi. Cuối cùng thì cũng bị tù không án, hai năm. Mà khốn nạn hơn thời tôi tù nhiều. Tức là tay thì trói cánh khuỷu ra đàng sau, chân thì cùm, quần áo thì chẳng có mặc, cứ nằm như thế ở dưới sàn chuồng trâu thôi.

Lúc bấy giờ tôi còn nhỏ, khoảng 10 tuổi, tôi mang cơm cho bố tôi thì khổ thế này: đầu tiên mang ra ngõ thì mình cũng chẳng biết gì cả, lúc bắt bố tôi thì tôi biết nhưng bắt ông tôi thì tôi không biết. Lúc bắt bố tôi thì tôi chỉ biết khóc thôi. Tôi thấy tự nhiên người ta đến nhà mình, 5 người đến, người ta dẫn bố mình ra người ta trói mang đi, nói thằng này là QDĐ, trói mang đi thì mình chỉ biết khóc thôi. Không biết làm gì cả.

Đến trưa mẹ tôi về, kể chuyện cho mẹ tôi nghe thì mẹ tôi cũng lăn ra khóc luôn. Thế là hai mẹ con cùng khóc. Lúc bấy giờ mẹ chỉ động viên: thôi bây giờ con mang cơm cho bố con với cho ông thôi...

Ra ngõ thì gặp đội, thế là nó quát ầm lên: "Thằng này con nhà QDĐ, cháu địa chủ, tại sao mày gặp chúng tao mày không chào, mày không quì xuống?". Lúc bấy giờ biết đâu được, chỉ khóc thôi. Tôi khóc và bắt đầu quỳ xuống, nó bảo: từ nay trở đi mày gặp chúng tao mày phải quỳ xuống, mày lạy các ông đội, xin phép các ông đội, xin phép các ông cốt cán để tôi mang cơm cho ông tôi, cho bố tôi, thế thì chúng tao cho đi. Thế thì cuối cùng từ đấy cứ quen như vậy. Cứ ra ngõ gặp người ta là phải quỳ xuống, xong lại xin phép các ông cốt cán để tôi mang cơm cho ông tôi, bố tôi. Gọi là cơm nhưng có cơm đâu, chủ yếu là khoai thôi.

Nắm cơm mang xuống thì thế này. Người ta dùng ngay cái trét xúc cứt đấy ông ạ, xúc phân gà, nó xắn vào chén cơm. Tôi cũng chẳng biết gì cả, tôi chỉ biết người ta làm như vậy thôi. Nhưng ông

thôi thì rất hăng. Ông tôi bảo tại sao lại phải làm như vậy thì nó bảo là phải kiểm tra xem bọn địa chủ nó có tiếp tế cho nhau không, nó có thông tin cho nhau không, chúng ta phải kiểm tra.

Có hôm thì họ làm như vậy, có hôm thì không có trét, nó rút ngay cái cọc ở chuồng lợn bên cạnh con trâu, thế thì họ chọc vào cơm, chọc luôn vào khoai, bảo chúng tao phải kiểm tra. Năm đó thì có gì đâu, có cái gáo dừa thôi mà. Cái gáo dừa treo hai cái dây lủng là lủng lẳng đem nước vô cho ông - nó đổ đi một nửa xong nó đái vào đấy. Tôi cũng chẳng biết gì, chỉ biết như thế thôi.

Nhưng ông tôi quát rầm lên thì nó bảo rằng cho chúng mày uống để mà sáng mắt ra, cho chúng mày hết tư tưởng bóc lột, hết tư tưởng ức hiếp nhân dân. Nó cứ chửi ông tôi như thế. Tôi cũng chỉ biết khóc, chẳng biết làm thế nào cả. Mình chỉ mang đi cho ông, mang đến chỗ thì lại về rồi.

Việt Hùng: *Chúng tôi xin được chia sẻ những nỗi đau của gia đình và lật lại một trang sử thì chúng tôi cũng muốn đi tìm lại những sự thật. Thưa ông Ông Trần Anh Kim, ông nói rằng ông cụ thân sinh ra ông cũng bị quy kết vào thành phần địa chủ trong vụ CCRĐ, ông nội cũng vậy, ông bác thì bị bắn chết vì nhận là QDĐ. Ông nói rằng cuốn băng mà ông cụ thân sinh kể lại...*

Ông Trần Anh Kim: Tôi vẫn còn ạ. Mà kể lại cho đồng đội tôi nghe thì anh em đồng đội nó ghi chớ thật ra mà nói nhà tôi cũng chẳng có máy ghi âm. Đồng đội nó nghe cũng phát khóc lên vì chuyện ấy.

Việt Hùng: *Ông nói là lúc đó ông mới có 10 tuổi. Lúc những cuộc đấu tố đó, ông còn nhớ là vào thời điểm nào?*

Ông Trần Anh Kim: Chính xác ngày thì tôi không nhớ, tôi phải về nhà tôi hỏi lại.

Việt Hùng: *Vậy ông nội ông và cụ thân sinh của ông tên là gì ạ?*

Ông Trần Anh Kim: Ông nội tôi là ông Trần Ngọc Toản, còn bố đẻ tôi là Trần Ngọc Chất. Khi bố tôi và ông nội tôi ra thì có một cái như thế này. Sau khi ra rồi thì lúc bấy giờ là sửa sai, sửa sai thì...

Việt Hùng: *Như vậy là tù bao nhiêu năm?*

Ông Trần Anh Kim: Hai năm.

Việt Hùng: *Ông nói rằng hôm ông bác của ông bị bắn chết khi nhận là QDĐ...*

Ông Trần Anh Kim: Ông bác tôi là đảng viên đảng CS, ông bác tôi nhát hơn bố tôi, nên khi bị tra tấn nặng quá thì ông nhận, nhận cái thì nó bắn luôn.

Việt Hùng: *Và chuyện đó xảy ra ở tại thôn nào?*

Ông Trần Anh Kim: Xóm La Xuyên, xã Bố Tiến, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

Việt Hùng: *Thế còn trường hợp ông cụ thân sinh của ông đưa ra để đấu tố, cũng như ông nói rằng buộc dây thừng vào hai ngón chân cái để kéo lên trần nhà là ở tại địa phương hay ở đâu ạ?*

Ông Trần Anh Kim: Ở tại địa phương, tại chuồng trâu nhà ông Dụng ngay cùng xóm. Nhưng bố tôi vẫn cứ để trong lòng thôi. Bạn bè đến động viên thì bây giờ mới kể lại, kể lại thì mới đem máy ghi âm ghi lại hết được cái đó.

Việt Hùng: *Trước khi qua đời thì ông cụ thân sinh của ông có kể lại cho những người đồng đội cũ thì mọi người có ghi được cuốn băng ghi âm đó à. Thời gian đó là thời gian nào thưa ông?*

Ông Trần Anh Kim: Có ạ. năm 1993.

Việt Hùng: Một tuổi thơ của ông đã bị hằn trong tâm tư, vào lúc mà ông nói khi ông lên 10 tuổi. Bây giờ nếu mỗi lần nhớ lại thì cảm tưởng của ông như thế nào?

Ông Trần Anh Kim: Bố tôi với ông tôi, sau khi sửa sai thì ra vẫn cứ động viên tôi là thôi con à, bây giờ bác Hồ làm sai bác Hồ sửa rồi thì bỏ qua tất cả đi, xong gia đình nhà ta trở lại vị trí cũ thôi, vẫn tinh thần cách mạng thôi.

Thế thì vào năm 1958, vào hợp tác xã thì lại là gia đình gương mẫu và vào hợp tác xã đầu tiên. Còn được bao nhiêu của cải làm được lại góp vào hợp tác xã hết. Tôi lúc bấy giờ, năm 58, thì lên 12 tuổi. Bắt đầu đi học cấp một rồi. Lao động hết mình đấy ông ạ. Bởi vì tôi vào thiếu niên, vừa làm đội trưởng đội thiếu niên, rồi sang làm chỉ huy liên đội. Chuyên môn đi kẻ khẩu hiệu, kẻ băng biển, hô khẩu hiệu. Có nghĩa là mình biết làm công tác chính trị ngay từ nhỏ ông ạ. Lúc bấy giờ thì quên hết những nỗi đau đi thôi, để phục vụ cho "cách mạng" thôi.

Việt Hùng: *Thưa ông, ở tại tỉnh Thái Bình, những gia đình trong vụ CCRĐ theo ghi nhận thì có nhiều không?*

Ông Trần Anh Kim: Những người bị oan ức bây giờ kể lại thì rất nhiều. Nếu bây giờ tôi đi lại tất cả những nhà đó thì ai người ta cũng kể như thế. Như lúc đầu tôi nói là địa chủ "phân" mà. Giả sử một xóm tôi có 2, 3 địa chủ chẳng hạn, thì cứ tỷ lệ thì nhân lên.

Coi như là địa chủ phân, nghĩa là chưa được như thế là chưa đạt được tiêu chuẩn, nhân lên và cứ phân như thế thôi. Bây giờ cần nhân thì có thôi, một thôn khoảng 3 địa chủ thì một xã có bao nhiêu thì nhân lên thì nó thành ra ngay thôi.

Việt Hùng: *Thưa ông, bây giờ vụ CCRĐ đã đi qua. Cá nhân ông, tuổi thơ của ông đã chứng kiến những cảnh như vậy và gia đình*

ông là nạn nhân. Bây giờ nhìn lại, mỗi lần nhắc đến lịch sử đau buồn này thì...

Ông Trần Anh Kim: Nghĩ đến lịch sử đau buồn này thì tôi vẫn nói với bạn bè rằng gia đình tôi 3 đời bị Cộng sản đè nén, áp bức rồi, bị cướp trắng tay rồi, đời ông nội tôi, đời bố tôi, rồi đến đời tôi, cướp trắng tay như vậy rồi. Cho nên tôi vẫn nói với anh em, bạn bè rằng tao không căm thù chế độ này thì thôi chớ chế độ này lấy quyền gì để căm thù tao.

Thế còn đời tôi, tôi nói là đời tôi từ nhỏ đến giờ tôi luôn luôn giữ trong sạch, và chính vì giữ trong sạch cho nên tôi mới dám vạch trần những thối tha, những bẩn thỉu. Bây giờ tôi gọi là cái thác loạn của cái chế độ này.

8- Câu chuyện của ông Nguyễn Văn Thủ và nhà thơ Hữu Loan

Phương Anh 19-05-2006

Trong buổi phát thanh trước, chúng tôi đã gửi đến quý thính giả câu chuyện của gia đình ông Trần Anh Kim, một nạn nhân trực tiếp của cuộc CCRĐ diễn ra 50 năm trước đây tại miền Bắc Việt Nam.

Kỳ này, mời quý vị nghe chuyện của một gia đình nạn nhân khác, đó là ông Nguyễn Văn Thủ, quê ở tỉnh Hưng Yên, năm nay 72 tuổi, hiện nay đang sống ở Hà Nội. Ông Thủ kể lại với Phương Anh về những tại hoạ bất ngờ đổ xuống gia đình ông hồi CCRĐ.

Và trong phần cuối, nhạc sĩ Trịnh Hưng, người bạn thân của nhà thơ Hữu Loan, tác giả bài thơ Màu tím Hoa sim, kể lại hoàn cảnh của chính nhà thơ Hữu Loan. Trước tiên, là trường hợp của ông Thủ. Ông nói về hoàn cảnh lúc bấy giờ:

Câu chuyện của ông Nguyễn Văn Thủ

Ông Nguyễn Văn Thủ: Dân trí thì thấp, đời sống thì đói… Lúc ấy, miền Bắc được "giải phóng", còn miền Nam thì…, chia làm hai chế độ. Ngoài này, thực hiện chính sách giảm tô cải cách để có ruộng cho người nông dân cầy.

Đường lối đưa ra là đánh đổ địa chủ, cải tạo tư sản, tư bản… để lấy đất chia cho nhân dân, cho những người nghèo. Cho nên, có những người bị thiệt thòi. Lúc ấy, lộn xộn, chẳng ai giữ đạo làm người, con tố bố, vợ tố chồng… mất cả đạo đức con người.

Phương Anh: *Thưa ông, xin ông cho biết chuyện gì đã xảy ra cho gia đình ông?*

Ông Nguyễn Văn Thủ: Gia đình tôi, cụ (ông nội) công tác rất tốt, đến lúc ấy tự nhiên qui cho cụ tôi là thành phần đối kháng, bắt cụ đi đấu tố, gia sản bị tịch thu hết. Tôi bị coi là con nhà địa chủ, khổ lắm, đi ra ngoài đường là phải chào ông bà nông dân. Dù nó là con là cháu mình, cũng phải gọi nó là "Ông" là "Bà"… của cải mất hết, chả còn gì cả.

Tôi là con nhà địa chủ, bị nằm trong cảnh xem từng người tố bố mình, toàn bịa chuyện. Lúc ấy dân ngu dốt lắm, chả hiểu gì cả, cứ nói bừa, nói theo kiểu "mớm" lời, toàn là bịa ra, chúng (đội CC) bảo thế nào thì người nông dân nói thế. Lúc đó, trình độ của chúng có ra cái gì đâu.

Phương Anh: *Thưa ông, biết là năm nay tuổi đã cao, nhưng ông có còn nhớ được cảnh đấu tố những người bị qui là địa chủ không?*

Ông Nguyễn Văn Thủ: Ôi… Tôi còn nhớ như thế này: tôi chưa bao giờ thấy lịch sử con người lại ngược đời như thế, đến nỗi phải nói là thời đại trâu bò đi "bí tất", cóc nhái nhẩy lên làm người, mõ sãi ngày xưa nhẩy lên làm chánh án, làm thẩm phán. Thậm chí ngồi trên toà đấu bố mình. Tả lại thì nhiều lắm, khí thế của nhân dân nó vùng lên, đánh đổ địa chủ mà!

Ông bà nông dân họp riêng với nhau, người ta họp thế nào đó, xong rồi "đùng" một cái, nhà mình bị qui là đối kháng luôn, mặc dù nhà là một thành phần rất tốt, có công với cách mạng, thế mà "đùng" một cái, ngược lại hết! Nó đến nó tịch thu, nó đuổi mình ra khỏi nhà. Trong người mặc quần áo thế nào thì đi ra thế đấy.

Tôi đi học về, cắp cái cặp, là chỉ có thế… thế là hết, và mấy mẹ con dắt nhau ra ngồi một chỗ, nhìn ông bà nông dân chia của. Sau đó, ông bà nông dân tập hợp ra, ngồi đông lắm, cảnh đấu tố đông lắm, các "vị" thì ngồi trên toà, làm cái toà trên cao đàng hoàng, kê ở ngoài đình, cánh đồng, như sân khấu vậy, rồi bắt nông dân lên đấu tố, địa chủ phải cúi mặt xuống, họ trói, cùm kẹp, thậm chí còn tra tấn…

Phương Anh: *Thưa ông, được biết người đấu tố ông bà nội và bố ông lại chính là bà sui gia và cũng là người láng giềng, từng được ông cụ, tức ông nội của ông giúp đỡ trong nhiều năm. Vậy, ông còn nhớ bà ấy đã làm những gì khi đó? Và kết quả cuộc đấu tố lúc bấy giờ ra sao?*

Ông Nguyễn Văn Thủ: Bà ấy lên, lật ngửa mặt cụ ra, rồi chỉ vào tận mặt và nói: Con Ly, (tên bà cụ là Ly), vợ chồng mày ép buộc

tao, phải gả con gái cho con mày… rồi bà ấy khóc hu hu lên… rồi xin đội cải cách cho đem con gái về… rồi bà ấy bảo là mày dụ dỗ con tao đi Nam để cho bố mẹ lìa con…

Lúc ấy, tự nhiên nó như ma quỉ cám dỗ, người ta nhìn thấy nhà tôi, người ta như muốn ăn thịt luôn, họ muốn làm gì thì làm. Lúc ấy, người nào càng hăng hái, càng tốt, càng đấu tố, càng đánh đập, thì càng tốt. Có những người bị tử hình, ông cụ tôi bị kết án tử hình, bắn chết ngay, lôi ra bắn chết ngay, bắn ngay trước mặt mọi người, con cháu…

Đấu tố bố mình, bắt phải ra nhìn… Còn những người khác bị tra tấn, bị chết thì cho là họ tự tử, bắn thì rõ ràng rồi, mấy trường hợp… Cuối cùng thì sửa sai, biết là sai lầm, rồi xin lỗi, thế thôi !

Phương Anh: *Sau khi bị đấu tố, cuộc sống của gia đình ông như thế nào?*

Ông Nguyễn Văn Thủ: Sau đó thì mò cua bắt ốc mà nuôi nhau, nhà không có, phải đi ở nhờ, nằm đất, không có cái chiếu để nằm. Ông bà nông dân phải tránh xa mình. Ông bà nông dân nào có thương mình đi chăng nữa thì phải để trong lòng, nếu không thì đội nó qui cho, cũng chết luôn! Đi ra ngoài thì phải chào ông bà nông dân, xưng "con", chả muốn đi đâu cả, nhưng vì cuộc sống, nên lúc ấy, cũng phải đi ra ngoài đồng để kiếm rau, con cua, con cá… mẹ con bắt ốc nuôi nhau, vẫn phải cúi mặt xuống để mà tránh né, cho qua ngày, biết làm thế nào được… Giai đoạn lịch sử nó là thế đấy!

Trường hợp của vợ nhà thơ Hữu Loan

Vừa rồi là cuộc trao đổi với ông Nguyễn Văn Thủ, hiện đang ở Hà Nội, một nạn nhân trong cuộc CCRĐ. Một trường hợp khác mà nạn nhân chính là vợ của nhà thơ Hữu Loan, tác giả bài thơ nổi tiếng suốt mấy chục năm qua, Mầu tím Hoa sim.

Chúng tôi không thể liên lạc với nhà thơ Hữu Loan được vì gia đình ông hiện đang ở một xã nhỏ thuộc tỉnh Thanh Hoá, không có điện thoại. Tuy nhiên, được biết nhạc sĩ Trịnh Hưng hiện đang ở Pháp, là người bạn thân của nhà thơ và mới đây có về thăm nhà thơ, chúng tôi liên lạc và được ông kể lại:

"Ông ấy kể tôi nghe là: Lúc ấy, ông ấy là Trưởng ban Tuyên huấn của đoàn 304, do tướng Nguyễn Sơn phụ trách. Quân đội thì đói khổ lắm, chỉ có ăn khoai, ăn sắn, không có gạo mà ăn… Ông địa chủ đó thì giầu, tháng nào cũng đem gạo đến, để nuôi quân cho… Chính tướng Nguyễn Sơn tháng nào cũng làm lễ vinh danh cho ông ta, ban thưởng huân chương.

Năm 1953, cuộc đấu tố lan đến Thanh Hoá, ông bà địa chủ ấy bị giết chết. Nhà thì chỉ có một cô con gái thôi. Nó cấm tất cả mọi người, con trai, hay con gái, không được kết hôn với con nhà địa chủ, không được nuôi con nhà địa chủ.

Ông ấy (nhà thơ Hữu Loan) thấy thế bực quá, mới bỏ về làng. Đi qua làng ấy, ông ghé vào thăm, ông biết rằng ông bà cụ bị giết chết rồi, cô con gái không ai nuôi cả, cô ấy phải đi mót sắn, mót khoai ở ngoài đồng, ăn sống, để sống thôi. Quần áo rách rưới, bẩn thỉu lắm, ngủ ở đường, ở đình làng. Ông thấy thế, thương hại và đem về nhà nuôi… và bây giờ là vợ ông ấy!"

Trong hai buổi phát thanh vừa qua, quý thính giả đã nghe chuyện của những nạn nhân trực tiếp trong cuộc CCRĐ diễn ra 50 năm trước đây ở miền Bắc Việt Nam. Không thể biết chính xác số nạn nhân của cuộc cách mạng được gọi là "long trời lở đất" này là bao nhiêu vì nhiều người đã chết, nhiều người không muốn nói ra, và nhiều người không dám nói ra. Tuy nhiên, qua các lời kể, quý thính giả cũng có thể hình dung được những đau khổ tận cùng mà những người dân lúc đó phải chịu đựng, do chính những người cùng làng cùng xóm với mình gây ra theo chỉ đạo của các đội CCRĐ.

9- Diễn tiến của việc công khai nhận sai lầm và tiến hành sửa sai

Thy Nga 20-05-2006

Trong 8 chương trình vừa qua, quý thính giả đã nghe những chuyện liên quan đến cuộc CCRĐ diễn ra tại miền Bắc Việt Nam 50 năm trước. Cuộc cách mạng được gọi là long trời lở đất ấy chấm dứt vào mùa thu năm 1956. Đảng cộng sản và nhà nước và nhà nước công khai nhận sai lầm và tiến hành sửa sai.

Từ tháng 7-1956, đã có nhiều hội nghị của Bộ chính trị, Ban bí thư và Ban chấp hành bàn về những sai lầm trong CCRĐ và sửa sai. Cao điểm là Hội nghị trung ương 10 vào tháng 9. Đó là hội nghị họp dài ngày nhất cho đến lúc bấy giờ, họp làm hai lần cho đến tháng 11 mới xong.

Trong cuốn hồi ký "Giọt nước trong biển cả", ông Hoàng Văn Hoan, nguyên phó chủ tịch Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà kể lại rằng trong hội nghị, các đại biểu đã nêu lên những sai lầm khá đầy đủ và rõ rệt trong quá trình thực hiện CCRĐ. Ông viết như sau:

"*Người phụ trách Ủy ban CCRĐ là Trường Chinh, tuy không chối cãi được, nhưng cứ lý luận rằng Cải cách đã đưa lại ruộng đất cho nông dân là một thắng lợi lớn, còn những sai lầm thì né tránh, không thừa nhận một cách thẳng thắn. Hoàng Quốc Việt cũng không nhận sai lầm. Chỉ có Lê Văn Lương, trưởng ban tổ chức Trung ương đảng là thành thực nhận sai lầm trong việc chỉnh đốn tổ chức… Hội nghị trung ương đáng lẽ phải có một nghị quyết tổng kết kinh nghiệm về CCRĐ, nhưng Trường Chinh, vừa là tổng bí thư, lại vừa là trưởng ban CCRĐ, vì tư tưởng chưa thông, nên dự thảo nghị quyết mấy lần đều không được hội nghị trung ương chấp thuận*."

Bốn năm sau, khi đảng họp Đại hội lần thứ 3 vào năm 1960, nghị quyết ấy cũng chưa có, và lúc bấy giờ cũng chẳng ai nhắc lại nữa. Đó là lần đầu tiên, một Hội nghị trung ương quan trọng như thế mà lại không có nghị quyết tổng kết. Ông Hoàng Văn Hoan còn nói thêm rằng, ngay trong quá trình sửa sai, Trương Chinh vẫn không dứt khoát.

Điều đó có thể giải thích rằng, mặc dù bị tạm thời hạ tầng công tác như một biện pháp kỷ luật, nhưng Trường Chính chắc vẫn cho rằng ông không phải là ngươi chịu trách nhiệm cao nhất.

Cuối tháng 10 năm 1956, có mít-tinh lớn tại nhà hát nhân dân Hà Nội, ủy viên Bộ chính trị đại tướng Võ Nguyên Giáp thay mặt ông Hồ Chí Minh và Trung ương đảng chính thức công nhận những sai lầm nghiêm trọng trong Cải cách ruộng đất. Cả hai nhân vật lãnh đạo cao cấp nhất và phải chịu trách nhiệm nặng nhất là ông Hồ và ông Trường Chinh đều không ra mặt.

Sau khi công nhận sai lầm, đảng bắt đầu sửa sai.

Cuộc CCRĐ đầy oan khuất, đầy máu và nước mắt đã chấm dứt. Đã có tổng số tám đợt phát động quần chúng và năm đợt CCRĐ được thực hiện tại 3563 xã.

Một câu hỏi phải đặt ra là tại sao đảng Cộng sản lại ngưng cuộc CCRĐ vào lúc đó? Nhà nghiên cứu sử Trần Gia Phụng trả lời:

"*Hồ Chí Minh và đảng CS phải chấm dứt đợt CCRĐ năm 1956 vì hai lẽ. Lẽ thứ nhất trong nội bộ Bắc Việt, cuộc CCRĐ đã đạt được các mục tiêu chính trị của họ. Mục tiêu chính trị của họ là gì? Mục tiêu chính trị của họ, thứ nhất là xóa bỏ giới hào mục lãnh đạo hạ tầng cơ sở ở nông thôn và thay vào đó lớp lãnh đạo mới, là những đảng viên cộng sản. Mục tiêu chính trị của họ nữa là chận đứng sự trà trộn của những điệp viên địch thủ trong dân chúng. Họ xóa bỏ toàn bộ nền văn hóa cổ truyền nổi tiếng là bảo thủ từ bao nhiêu đời ở nông thôn và họ thay thế bằng chủ trương của CSVN theo chủ nghĩa Mác-xít.*

"Thứ hai là trên bình diện quốc tế thì ông Mikoyan đến Hà Nội vào tháng 4-1956. Ông ấy giải thích chính sách mới của Đại hội đảng 20 của Liên Xô. Vì vậy mà CSVN không thể đi ngược lại với đường lối mới của Liên Xô. Cho nên nhân cuộc tổng kết CCRĐ đợt 5 vào tháng 5-1956, ông Hồ vì những lý do ở trong và ngoài nước thì ông Hồ cho ngưng cuộc CCRĐ và bắt đầu chương trình sửa sai."

Một người khác là nhà thơ N. C. Thiện kể lại về sửa sai như sau:

"*Sửa sai ở đây là không phải sửa sai cho địa chủ mà sửa sai cho những người vốn là đảng viên hoặc là những người vốn rất có công với kháng chiến nhưng bị vu cho là Đại Việt, Quốc Dân đảng, vu cho là gián điệp... đủ thứ.*

"Những người đã giết rồi thì thôi, không nói làm gì rồi. Thế nhưng những người còn sót lại thì tha. Thế còn thực tế, những người bị quy là địa chủ mà đã vào tù rồi, chết rồi thì tôi không nói, đấu tố bắn ngay tôi không nói, nhưng vào tù rồi thì công bằng mà nói thì cả huyện của tôi là huyện Bình Dục, sau này tôi về chơi thì không có ông nào được tha cả.

"Ngay làng tôi thôi có hai cha con ông Chánh Hồ, cũng bị quy là địa chủ, mà ông ta có giàu có gì đâu, bị quy là địa chủ. Ông ta trước kia là người chuyên môn đón bộ đội về làng, bộ đội là đến nhà ông ấy mà. Rồi là nhà ông Phó Liêm nữa. Những ông đó, một ông thì tự tử chết, hai người đi tù. Một ông nữa là ông Chánh Điểm cũng đi tù. Tất cả mấy người đi tù đó đều chết trong tù hết. Cả những làng xung quanh tôi không thấy ai về.

"Mãi đến tận năm 1961, lần đầu tiên tôi đi tù thì tôi gặp không biết bao nhiêu là địa chủ vẫn còn nằm nguyên trong tù thôi. Đến tù lần thứ hai năm 1966, tôi sống trong tù đến năm 1977 mới ra, thì vẫn còn những bác địa chủ vẫn bị sống trong tù - tuy là chết nhiều lắm rồi."

Sau cùng, xin được kết thúc bài về sửa sai này bằng bài thơ mà ông Nguyễn Minh Cần nghe được khi công tác sửa sai tại một làng thuộc huyện Đông Anh ở ngoại thành Hà Nội: "*Bác Hồ nói chuyện sửa sai. Sai thì cứ sửa, sửa rồi cứ sai. Đảng ta có lắm anh tài. Sai hoài sai mãi, sửa hoài cứ sai*".

10- "Thành quả" của cuộc cách mạng "long trời lở đất"

Nguyễn An 21-05-2006

Trong những buổi phát thanh vừa qua, ban Việt ngữ chúng tôi đã gửi đến quý thính giả loạt bài nói về cuộc CCRĐ tại miền Bắc Việt Nam 50 năm trước đây do Nguyễn An thực hiện. Kỳ này là bài thứ 10 và cũng là bài cuối, tổng kết về cuộc cách mạng được gọi là "long trời lở đất để đem lại ruộng đất cho người nông dân", đã được thực hiện trong suốt mấy năm trời trên toàn lãnh thổ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà trước khi đảng Cộng sản nhận sai lầm và sửa sai.

Cuộc CCRĐ tại miền Bắc đã chấm dứt và cuộc sửa sai bắt đầu từ mùa thu năm 1956. Nói về "thành quả" của cuộc cách mạng được coi là "long trời lở đất" này, nhà nghiên cứu sử Trần Gia Phụng nhận định:

"*Đứng về phương diện chuyên môn nông nghiệp, cuộc CCRĐ không thúc đẩy được nông nghiệp phát triển, không thăng tiến được đời sống nông dân mà còn làm tan nát nền nông nghiệp cổ truyền ở ngoài Bắc và đưa mọi người vào cảnh nghèo đói. Tuy nhiên, đứng trên quan điểm của đảng CS thì họ đã thành công trong CCRĐ, đã đạt được những mục tiêu chính trị của họ.*

Mục tiêu chính trị của họ, thứ nhất là xóa bỏ giới hào mục lãnh đạo hạ tầng cơ sở ở nông thôn và thay vào đó lớp lãnh đạo mới, là những đảng viên cộng sản. Mục tiêu chính trị của họ nữa là chận đứng sự trà trộn của những điệp viên trong dân chúng. Họ xóa bỏ toàn bộ nền văn hóa cổ truyền nổi tiếng là bảo thủ từ bao nhiêu đời ở nông thôn và họ thay thế bằng chủ trương của CSVN theo chủ nghĩa Mác-xít.

Ngoài ra, liều lượng khủng bố của cộng sản đối với nông dân trong cuộc CCRĐ đợt 5 đủ để khuất phục nông dân, đủ để làm cho nông dân khiếp sợ, làm cho họ ăn không đủ no, mặc không đủ ấm, sống luôn luôn trong sự sợ hãi tột cùng, và ghép họ vào trong khuôn phép cộng sản, ổn định một cách kiên cố hạ tầng cơ sở của xã hội nông thôn miền Bắc".

Nhà văn Vũ Thư Hiên, trong cuộc phỏng vấn mới đây dành cho đài Á châu Tự do đã đưa ra hình ảnh so sánh vùng quê ở miền Bắc trứơc và sau khi tiến hành CCRĐ như sau:

"*Bây giờ thì cần phải nói như thế này, cái này là kinh nghiệm cá nhân. Vào đầu cuộc kháng chiến chống Pháp thì tôi tham gia một đoàn tuyên truyền xung phong. Chúng tôi đi đâu mà còn có cái ăn thì đó là những người giàu có, sau này thì bảo đó là những địa chủ.*

Nhưng lúc đó thì chúng tôi chẳng hiểu họ là địa chủ hay họ là cái gì. Họ là những người hằng tâm, hằng sản nuôi bộ đội, cho cán bộ và cho chúng tôi nữa (đoàn tuyên truyền xung phong), đến là có cái ăn. Tất cả những người đó khi chúng tôi hỏi thăm thì đều bị đấu tố, bị vứt ra ngoài lề của xã hội mà họ gọi là mới.

Về sau này tìm hiểu thì tôi thấy có một cái tệ, tức là đấy không phải là một cuộc CCRĐ. Bởi vì nếu là một cuộc CCRĐ thì trước CCRĐ phải có điều tra tình hình ruộng đất.

Tôi nhớ, vào giai đoạn đó tôi không đọc được một bản điều tra nào về tình hình ruộng đất ở Việt Nam cả. Sự phân bổ ruộng đất, bao nhiêu phần trăm là địa chủ, bao nhiêu phần trăm là trung nông, phú nông, bần nông, chẳng hạn như thế. Họ không cần CCRĐ, tức là không muốn phân bố lại ruộng đất sao cho nó hợp lý. Mà căn bản, đó là một cuộc đấu tranh chính trị.

Ruộng đất đối với CCRĐ là một cái cớ để cào xới lại, đưa lại rất nhiều những quyền lợi, mà cũng không phải rõ ràng lắm, cho nông dân. Nông dân vùng lên đấu tranh làm cách mạng, người cày phải có ruộng. Thế nhưng thật sự ra thì khi tiến hành tất cả những cái đó thì ruộng đất có một thời gian là có cắm cờ, rồi phân thửa ruộng này là của ông A, ông B rồi đóng cọc. Các bạn có xem những cái phim, chắc là bây giờ còn lại trong tư liệu, còn cả đấy. Nhưng cũng chỉ trong một thời gian rất ngắn thôi thì nó là tổ vần công, tổ đổi công xong thì họ lại cũng không có gì nữa."

Lời kể của người trong cuộc

Ông Nguyễn Minh Cần, một người từng là phó chủ tịch Ủy ban hành chính thành phố Hà Nội và trực tiếp tham gia chiến dịch sửa sai cũng phân tích về những hậu quả của cuộc CCRĐ. Mời quý thính giả theo dõi cuộc trao đổi giữa BTV Nguyễn An và ông Nguyễn Minh Cần sau đây:

Nguyễn An: *Thưa ông, bây giờ trở lại cuộc CCRĐ cách đây 50 năm. Theo ông thì cuộc CCRĐ đó để lại những hậu quả gì, di hại gì?*

Ông Nguyễn Minh Cần: Cái CCRĐ ở miền Bắc Việt Nam để lại những hậu quả hết sức nghiêm trọng về rất nhiều mặt.

Nguyễn An: *Xin Ông vui lòng phân tách từng điểm một!*

Ông Nguyễn Minh Cần: Điểm thứ nhất: Đây là một cuộc tàn sát dân lành một cách vô tội vạ. Nếu nói theo từ ngữ hiện nay thì phải nói đây là một cuộc diệt chủng vì kỳ thị giai cấp. Bỗng dưng lập ra lệnh CCRĐ, đưa những đoàn người về và tha hồ qui người ta lên là địa chủ.

Trên 172.000 người là nạn nhân. Tôi cón phải nói đến số người mà người ta oan ức quá, bực bội quá, người ta tự tử. Số đó cũng

không phải là ít. Theo tôi, hậu quả đó rất lớn, nó gây ra một tâm trạng sợ sệt, khủng khiếp của người dân.

Hậu quả thứ hai là phá hoại truyền thống hòa hiếu của nông thôn, là vì từ trước ai nói dù rằng có thể có bóc lột, có thể có gì đấy với nhau, nhưng người nông dân sống với nhau là lá lành đùm lá rách, rất hòa hiếu với nhau.

Cuộc CCRĐ về xúi người này bới móc tội lỗi của người kia, và có thể những tội hoàn toàn không có cũng bới ra. Và dựa vào những thù cũ rồi gây ra thù hận giữa các tầng lớp với nhau. Chính cái đó nó phá hoại truyền thống đoàn kết lâu đời của người Vn mình ở nông thôn.

Nguyễn An: *Thưa ông, có phải ông muốn nói rằng cuộc CCRĐ đặt trên cơ sở là gây sự căm thù để phát động quần chúng, và sau đó sự căm thù đó lớn rộng và nó tiếp tục còn lại sau khi cuộc CCRĐ đã chấm dứt không?*

Ông Nguyễn Minh Cần: Đúng như vậy.

Nguyễn An: *Thưa điểm thứ ba là gì?*

Ông Nguyễn Minh Cần: Hậu quả thứ ba là phá hoại đạo lý luân thường của dân tộc. Từ xưa đến nay cha đối với con, mẹ đối với con, vợ chồng đối với nhau, họ hàng cha chú đối với nhau đều có một luân thường đạo lý. Nhưng CCRĐ về xúi giục con tố cha, vợ tố chồng, nàng dâu tố mẹ chồng, bố chồng v.v... đấu đá lẫn nhau như vậy.

Nguyễn An: *Và gọi mày tao mi tớ hết?*

Ông Nguyễn Minh Cần: Vâng. Như vậy, luân thường đạo lý tan hoang.

Nguyễn An: *Thưa ông, theo ông thì những cái mà phá hoại nền tảng luân lý đạo đức, rồi sự hòa hiếu ở trong nông thôn đó cách đây 50 năm thì được khai thác tối đa để hoàn thành cuộc CCRĐ... tinh thần như thế sau bao nhiêu lâu mới phục hồi được? Hay bây giờ nó vẫn còn là những vết thương rỉ máu?*

Ông Nguyễn Minh Cần: Theo tôi, vì cho đến nay chưa có một sự sám hối rõ ràng. Chưa có một tuyên bố rằng chính sách hận thù giai cấp là một chính sách không đúng. Phải nói thật rằng bây giờ thì 50 năm đã qua thì người ta yên như vậy, nhưng lòng hận cũ không phải là đã hết.

Còn một điểm tôi cũng muốn nói nữa là hậu quả thứ tư: Nó phá hủy truyền thống tâm linh và văn hóa của dân tộc. Vì khi làm CCRĐ thì các ông đều có cái ý hướng là tiêu diệt các tôn giáo, chèn ép các tôn giáo, tước đoạt tài sản của các tôn giáo để làm cho các tôn giáo không tồn tại được một cách độc lập./.

XIN ĐỪNG QUÊN NỬA THẾ KỶ TRƯỚC...

Nguyễn Minh Cần 15-12-2002

Có thể bạn đọc sẽ trách tôi: trong dịp đầu năm mà nhắc đến chuyện quá buồn. Xin các bạn lượng thứ cho! Nhưng chuyện này không thể không nói đến! Nó cũng khủng khiếp không kém gì chuyện Tết Mậu Thân (1968). Vậy mà chuyện Tết Mậu Thân chúng ta vẫn phải đành lòng nhắc đến trong dịp Tết cơ mà!

Cần phải nhắc đến các tấn bi kịch, các thảm họa dân tộc đã qua và hiện đang còn đang tiếp diễn dưới nền chuyên chính của đảng Cộng sản Việt Nam (ĐCSVN), để mọi người yêu nước thương dân thắp một nén hương cho vong linh biết bao người vô tội đã ngã xuống, để tưởng nhớ đến bao nhiêu người oan ức đã chịu những cực hình man rợ phải ngậm hờn mãi mãi, để nhớ lại biết bao bạo hành của một đảng độc tài đã gây ra trong quá khứ và trong hiện tại, để mọi người hun đúc ý chí đấu tranh cho công cuộc dân chủ hoá đất nước. Âu cũng là việc cần lắm thay! Hơn nữa, ngày nay tập đoàn cầm quyền đang cố xuyên tạc lịch sử, cố làm mọi cách để dân tộc ta quên đi các tội ác tày trời của họ, nhất là để các thế hệ mới lớn lên không hề hay biết gì đến các tội ác đó và những kẻ tội phạm chính danh!

Chuyện tôi muốn nói đến hôm nay là cuộc CCRĐ đầy kinh hoàng ở miền Bắc Việt Nam, thảm họa khủng khiếp chưa từng thấy trong lịch sử dân tộc. Cuộc CCRĐ đã thực tế bắt đầu diễn ra từ năm 1953, đúng 50 năm trước đây, và kết thúc năm 1956. Nhưng dư âm và hậu họa của nó vẫn còn mãi cho đến tận ngày nay. Hồi đó, CCRĐ chẳng khác nào một trận bão táp ác liệt đổ ập xuống miền Bắc Việt Nam gây ra biết bao tàn phá khủng khiếp, biết bao đảo lộn kinh người, biết bao tang tóc, đau thương cho người dân lương thiện.

NGUỒN GỐC VÀ DIỄN TIẾN CCRĐ: Xuất phát từ đâu mà trận bão táp ghê rợn đó đã tràn đến cái xứ sở đau thương này? Số là trong chuyến đi bí mật của ông Hồ Chí Minh từ chiến khu Việt Bắc (hồi cuối năm 1950) đến Moskva (đầu năm 1951), ông đã gặp Stalin và Mao Trạch Đông (lúc đó đang có mặt tại Moskva). Hai ông này đã

nhận xét là đảng VN coi nhẹ nhiệm vụ phản phong (ý nói hữu khuynh), và chỉ thị phải tiến hành cách mạng phản phong để "bồi dưỡng động lực cách mạng là nông dân lao động", nói cụ thể là phải làm CCRĐ ở các vùng gọi là "giải phóng". Sau khi về nước, ông Hồ đã cùng Thường vụ Trung ương (Bộ chính trị sau này) ĐCS trong hai năm trời bí mật và tích cực chuẩn bị tiến hành CCRĐ. Chuẩn bị cả về mặt tư tưởng, cả về mặt chính sách, đường lối, lẫn về mặt tổ chức. Theo sự phân công của Stalin, Trung Quốc sẽ giúp đỡ cho VN, nên ông Hồ đã mời các đoàn cố vấn TQ đến miền Bắc VN – tổng cố vấn là La Quý Ba đồng thời là đại sứ Bắc Kinh tại VN Dân chủ Cộng hoà (VNDCCH). Vi Quốc Thanh đứng đầu đoàn cố vấn quân sự, còn đứng đầu đoàn cố vấn CCRĐ là Kiều Hiểu Quang, vốn là phó bí thư tỉnh ủy Quảng Tây. Đó là chưa kể đủ loại cố vấn khác, như cố vấn chỉnh huấn, cố vấn công an, cố vấn tổ chức, cố vấn tuyên truyền... Để chuẩn bị về mặt tư tưởng cho cán bộ, đảng viên và quân đội, năm 1952, Bộ chính trị (BCT) Trung ương (TW) Đảng thực hiện "cuộc chỉnh huấn" trong Đảng và "cuộc chỉnh quân" trong quân đội, theo đúng mẫu mã "cuộc chỉnh phong" của ĐCS Trung Quốc, chỉ có cái tên hơi khác một chút mà thôi. Chuẩn bị về mặt tổ chức, BCT TW đã thành lập Ủy ban CCRĐ Trung ương (UBCCRĐTW), gồm có Trường Chinh, Tổng bí thư ĐLĐVN làm chủ nhiệm, hai phó chủ nhiệm là Hoàng Quốc Việt, ủy viên BCT và Lê Văn Lương, ủy viên BCT, còn ủy viên thường trực là Hồ Viết Thắng, ủy viên TW Đảng. Dưới UBCCRĐTW là các đoàn CCRĐ, dưới các đoàn là các đội CCRĐ. Cả một đạo quân hùng hậu để làm "chiến dịch" đánh phong kiến!

ĐCS coi CCRĐ là "một cuộc cách mạng long trời lở đất", cho nên cần phải "phóng tay phát động quần chúng" để thực hiện, có nghĩa là phải làm hết sức mãnh liệt, thẳng tay, không khoan nhượng, không thương xót, cho dù có những hành động quá trớn, quá tả cũng không đáng sợ. Nhiều lãnh tụ Cộng sản thường nhấn mạnh ĐCS là đảng cách mạng thì nhất định phải làm CCRĐ theo tinh thần "cách mạng", "cách mạng long trời lở đất"! Họ cao ngạo phê phán các cuộc CCRĐ hoà bình ở nhiều nước là cải lương chủ nghĩa, tư sản và phản cách mạng: vì tại các nước đó, chính quyền hạn định mức ruộng đất tối đa cho điền chủ được có, còn phần thừa thì nhà nước mua lại để chia cho người ít hay không có ruộng đất. Còn khi giải thích cho cán bộ mấy chữ "phóng tay phát động quần chúng" khó hiểu này, ông Hồ đã dùng hình ảnh dễ hiểu sau: khi uốn thanh tre cong cho nó thẳng ra, phải uốn quá đi một tí và giữ lâu lâu, rồi thả tay ra thì nó mới thẳng được. Hình như ông cũng khoái cái lối giải

thích hóm hỉnh ấy, không nghĩ rằng cái tinh thần "quá đi một tí" sau này chính là mối họa lớn cho dân! Các đội, các đoàn CCRĐ được tung về nông thôn. Họ tung hoành gần như với quyền hạn không hạn chế, họ cảm thấy mình nắm trong tay quyền sinh quyền sát. Cấp trên đã "phóng tay" cho họ và họ cũng tự "phóng tay"... Vì thế, trong dân gian thường nói "nhất đội, nhì Trời", và các "anh đội" cũng khoái tai khi nghe như thế! Tôi còn nhớ một lần, thiếu tướng Vương Thừa Vũ, chủ tịch ủy ban quân quản thành phố Hà Nội, về quê thăm nhà ở làng Tó (Thanh Oai) ngoại thành Hà Nội. Ông bị đội CCRĐ bắt giữ cùng với anh cần vụ (lính hầu) và xe ô tô, van xin gì cũng không được thả ra. Về sau do một sự tình cờ, chính quyền Hà Nội biết được mới cho người đến nhận ông về. Đại thần của chế độ mà còn bị như thế huống hồ dân đen!

Trong năm 1952, BCT TW Đảng lao động Việt Nam (ĐLĐVN), tức là ĐCS khoác tên mới từ năm 1951, cho làm thí điểm CCRĐ ở sáu xã thuộc huyện Đại Từ tỉnh Thái Nguyên. Trong lần thí điểm này có một sự kiện "động trời": toà án CCRĐ xử tử hình bà Nguyễn Thị Năm, tức là Cát Thành Long, người mà thời trước cách mạng đã từng che giấu, nuôi ăn, giúp đỡ các ông Trường Chinh, Hoàng Quốc Việt, Lê Đức Thọ, Phạm Văn Đồng, Lê Thanh Nghị, Lê Giản... Còn trong Tuần lễ Vàng, gia đình bà đã hiến 100 lạng vàng cho chính quyền mới. Bà đã hoạt động trong Hội Phụ nữ, lại có con trai đi bộ đội làm trung đoàn trưởng. Thế mà bà đã bị quy là địa chủ cường hào ác bá, bị đoàn CCRĐ xử án tử hình, UBCCRĐ TW duyệt y và BCT TW ĐLĐVN cũng chuẩn y! Những người lãnh đạo Cộng sản trong BCT và đứng đầu chính phủ đã từng được bà che giấu, nuôi ăn, tặng vàng, nay đang làm Chủ tịch nước, Tổng bí thư, ủy viên BCT, Thủ tướng, phó thủ tướng đã lạnh lùng chuẩn y một cái án tử hình như vậy! Phát súng đầu tiên của CCRĐ nổ vào đầu một người phụ nữ yêu nước đã từng giúp đỡ cho những người Cộng sản! Phát súng đó tự nó đã nói lên nhiều điều về các lãnh tụ Cộng sản! Nó báo hiệu trước những tai họa khôn lường cho toàn dân tộc!

Năm 1953, thực tế là năm bắt đầu tiến hành CCRĐ, năm ĐCS chuẩn bị toàn bộ đường lối, chính sách và "luật pháp hoá" các chính sách của Đảng bằng quyết nghị của Quốc hội, sắc lệnh và nghị định của Chính phủ, thông tư của các bộ. Dựa trên tài liệu chính thức của ĐCS, tôi xin ghi lại những cái mốc lịch sử đau thương của dân tộc ta trong cuộc CCRĐ đẫm máu và nước mắt này:

- cuối tháng 01-1953, hội nghị lần thứ tư của TW ĐLĐVN để thông qua bản Dự thảo cương lĩnh Đảng về chính sách ruộng đất.

Tại hội nghị, ông Hồ đọc báo cáo đề ra nhiệm vụ triệt để giảm tô, tiến tới CCRĐ.

- đầu tháng 03-1953, Hội đồng Chính phủ họp thảo luận báo cáo của Phó thủ tướng Phạm Văn Đồng về mục đích, phương châm, kế hoạch phát động quần chúng. Hội đồng Chính phủ đã thông qua các văn bản về chính sách ruộng đất và phát động quần chúng, tức là đã "luật pháp hoá" nghị quyết của TW Đảng.

- 01–05-03-1953, báo Nhân Dân đăng tải bài "Chỉnh đốn chi bộ" của ủy viên Bộ chính trị ĐLĐVN, trưởng ban tổ chức TW Lê Văn Lương, người trực tiếp phụ trách cuộc Chỉnh đốn tổ chức trong CCRĐ, và ngày 16-03-1953, Chính phủ VNDCCH ra thông tư về việc chỉnh đốn chính quyền cấp xã qua việc phát động quần chúng. Đây là những hướng dẫn cho việc gắn liền cuộc Chỉnh đốn tổ chức với CCRĐ, với tinh thần "không dựa vào (thực tế là đánh vào) tổ chức cũ mà lập nên tổ chức mới" ở nông thôn!

- 12-04-1953, Chính phủ VNDCCH ra ba sắc lệnh: 1/ sắc lệnh quy định chính sách ruộng đất, trong đó có việc tịch thu, trưng thu, trưng mua ruộng đất chia cho nông dân; 2/ sắc lệnh quy định việc thành lập Toà án nhân dân ở những nơi phát động quần chúng; 3/ sắc lệnh quy định việc trừng trị những địa chủ ở những nơi phát động quần chúng tiến hành CCRĐ.

- 01-06-1953, báo Nhân Dân đăng bài về Chương trình CCRĐ.

- tháng 06-1953, ĐLĐVN tổ chức cái gọi là "đợt chỉnh huấn chính trị" để nâng cao lập trường giai cấp cho cán bộ đảng viên trong cuộc đấu tranh CCRĐ.

- 14-11-1953, hội nghị lần thứ năm TW và Hội nghị toàn quốc của ĐLĐVN để quyết định tiến hành CCRĐ. Ông Hồ đã phát biểu ý kiến tại hội nghị nhấn mạnh phải "phóng tay phát động quần chúng tiến hành CCRĐ".

- 01–04-12-1953, kỳ họp thứ ba của Quốc hội khoá 1, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc báo cáo "Tình hình trước mắt và nhiệm vụ CCRĐ" và ngày 04-12-1953, Quốc hội nhất trí thông qua Luật CCRĐ. Sau đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ra sắc lệnh ban hành Luật CCRĐ do Quốc hội thông qua.

Từ đó, bắt đầu các đợt CCRĐ, mà đợt đầu tiến hành ở 47 xã tỉnh Thái Nguyên và 6 xã tỉnh Thanh Hoá, sau đó lan tràn trên khắp miền Bắc, trừ các vùng miền núi. Đợt năm là đợt cuối cùng, phần lớn diễn ra ở các xã đồng bằng Bắc bộ và các vùng bị Pháp chiếm trước đây. May mắn cho đồng bào miền núi, vì ĐLĐVN chủ trương sau khi hoàn thành CCRĐ ở vùng đồng bằng mới làm ở miền núi. Do sự phẫn nộ của quần chúng đã bùng lên dữ dội, nhiều cuộc nổi

dậy của nông dân đã nổ ra ở Quỳnh Lưu, Phát Diệm, nên về sau, TW ĐLĐVN chỉ tiến hành cái gọi là "cải cách dân chủ" ở miền núi, nghĩa là dẹp bỏ phong kiến địa phương (tức là các phìa tạo) mà không dùng bạo lực quá mạnh vì sợ dân chúng chạy sang Trung Quốc, Lào... Còn ở huyện Vĩnh Linh tỉnh Quảng Trị, vì nằm sát giới tuyến, tiếp giáp Việt Nam Cộng hoà, nên cũng được chiếu cố, nghĩa là dùng bạo lực vừa phải "để không gây ảnh hưởng xấu đến miền Nam".

- tháng 09-1956, hội nghị lần thứ 10 của TW ĐLĐVN kiểm điểm tình hình CCRĐ. Do ảnh hưởng của đại hội lần thứ 20 ĐCS Liên Xô vạch trần những tội ác của Stalin, do sự bất mãn trong dân chúng, cộng thêm sự phản ứng khá mạnh của cán bộ, TW Đảng buộc phải thừa nhận những sai lầm nghiêm trọng trong CCRĐ và chủ trương sửa sai. Tại hội nghị, TW đã thi hành kỷ luật như sau: Trường Chinh mất chức Tổng bí thư, chỉ còn làm ủy viên BCT, còn Hoàng Quốc Việt và Lê Văn Lương mất chức ủy viên BCT, Hồ Viết Thắng bị đưa ra khỏi TW ĐLĐVN. Ông Hồ Chí Minh kiêm nhiệm Tổng bí thư, còn Lê Duẩn làm bí thư TW, thường trực BCT.

- 29-10-1956, mít-tinh lớn tại Nhà hát Nhân dân Hà Nội, ủy viên BCT đại tướng Võ Nguyên Giáp thay mặt Chủ tịch Hồ Chí Minh và TW ĐLĐVN chính thức công nhận những sai lầm nghiêm trọng trong CCRĐ. Nhân đây, xin nói rõ: một vài người viết không đúng là cuộc mít-tinh tổ chức tại sân vận động Hàng Đẫy và ông Hồ đã đến dự và khóc trước dân chúng. Hà Nội được giao cho việc tổ chức mít-tinh nên tôi biết rõ. Hồi đó, chúng tôi được giải thích: "Bác đến không tiện", nhưng chúng tôi đều hiểu là ông Hồ muốn đưa ông Giáp ra "chịu trận" thay mình, nên không hề có việc ông Hồ khóc trước dân chúng.

*

TỘI ÁC CỦA CCRĐ : Ở hải ngoại, cho đến nay cũng đã có một số tài liệu nói đến những bạo hành, những tội ác trong CCRĐ, cuốn sách nói về đề tài này khá kỹ ra mắt sớm nhất (1964, bằng tiếng Anh) là cuốn "Từ Thực dân đến Cộng sản" của ông Hoàng Văn Chí. Còn ở trong nước thì đến nay, chưa có một công trình nghiêm túc nào nghiên cứu, chưa ra một tiểu thuyết nào viết riêng về đề tài CCRĐ. Tại sao? Dễ hiểu là sau khi bị bắt buộc phải thừa nhận những sai lầm trong CCRĐ, BCT TW Đảng ra lệnh miệng tuyệt đối cấm không được nói đến đề tài này. Người đầu tiên "vi phạm" tabou thiêng liêng đó là nhà văn Hà Minh Tuân – anh đã viết lướt qua rất nhẹ nhàng đến đề tài cấm kỵ đó trong tác phẩm "Vào Đời". Tức thì Nguyễn Chí Thanh hô hoán lên là "tư tưởng địa chủ ngóc đầu dậy",

và anh bị hành hạ hết nước. Từ đó mọi người ai cũng im re, "lo giữ cái đội nón của mình" (nhóm từ thông dụng hồi đó có nghĩa là giữ đầu mình)... Mãi sau này, chỉ có vài nhà văn rụt rè mon men đến đề tài đó mà thôi. Hy vọng rồi đây sẽ có nhiều nhà văn, nhà nghiên cứu trong nước vượt qua nỗi sợ "truyền kiếp", dám đề cập đến đề tài đau thương này một cách nghiêm túc và toàn diện.

Nếu nói về những tội ác trong CCRĐ, theo tôi, cần nêu bật mấy loại chính sau đây.

Thứ nhất. Tội tàn sát thường dân vô tội – tội ác chống nhân loại. Người nông dân Việt Nam hiền hoà, chất phác đang làm ăn sinh sống và hết lòng đóng góp vào cuộc kháng chiến chống Pháp, bỗng dưng ĐCS giáng cho họ một đòn chí mạng. ĐCS nói rằng CCRĐ là một cuộc cách mạng để thực hiện ước mơ muôn đời của nông dân: "người cày có ruộng" – nhưng thực tế thì không phải như vậy, thực tế là nông dân bị đánh đòn chí mạng! Tầng lớp năng nổ, giỏi giang biết làm ăn nhất ở nông thôn thì bị quy là địa chủ, phú nông, thậm chí cường hào ác bá, bị triệt hạ hết đường sinh sống, còn một loạt cán bộ ở nông thôn đã từng chịu đựng gian khổ làm nhiệm vụ lãnh đạo kháng chiến, sản xuất thì bỗng nhiên bị quy là phản động, gián điệp, Việt gian, v.v... bị trừng trị, nhiều người bị bắn giết vô cùng man rợ. Ngay cả nhiều trung nông, thậm chí một số bần nông cũng "bị kích lên" làm địa chủ cho đủ cái tỷ lệ quái gở 5% địa chủ (so với dân số thôn xã!) và họ phải cam chịu cái số phận mà ĐCS dành cho địa chủ. Cái tỷ lệ quái gở 5% đó lại kèm thêm những "kết luận" quái đản khác: đã có địa chủ, tất phải có cường hào ác bá! Thế là người dân chịu chết! Biết bao nỗi oan khuất không thể nào kể hết. Cái phương châm "thà sai hơn là bỏ sót", cộng thêm với việc "thi đua lập thành tích đánh phong kiến" đã gây ra tình trạng "kích thành phần", "nống thành tích" cố tìm ra nhiều địa chủ, phản động, xử tử nhiều ác bá... để có được bằng khen, huân chương, để ngoi lên địa vị cao hơn... càng làm cho nỗi khổ đau của người dân tăng lên nhiều gấp bội! Chỉ xin dẫn vài chuyện mà thôi.

Một anh bạn đi làm CCRĐ ở Khu Bốn kể lại. Ở Khu Bốn, hồi đó ai cũng biết danh Chu Văn Biên, bí thư Khu ủy, và Đặng Thí, phó bí thư khu ủy, khét tiếng hiếu sát trong CCRĐ, họ đều là trưởng và phó đoàn CCRĐ. Thậm chí trong dân gian lưu truyền bài vè có câu "Giết người nổi tiếng gã Chu Biên". Anh bạn tôi kể chuyện Đặng Thí ký hai án tử hình trên ghi đông (guidon) xe đạp! Chuyện như sau: một đội tới làm CCRĐ ở một xã nghèo ở Nghệ An, quê hương của ông Hồ Chí Minh và Hồ Viết Thắng, tìm mãi mà không thể quy ai là địa chủ được (những ai đã từng đến tỉnh này đều biết cảnh nghèo chung của

dân chúng ở đây). Đặng Thí "đả thông tư tưởng" là cố vấn Trung Quốc dạy rồi: phải có 5% địa chủ. Đội sợ trên "đì", tính ra cả làng từng này hộ, từng ấy nhân khẩu, thôi thì cũng buộc phải kiếm ra năm địa chủ. Tưởng thế là xong, nào ngờ khi báo cáo lại cho Đặng Thí thì... Liếc mắt qua không thấy có danh sách "lên thớt", bực mình Thí mới xạc cho "anh đội" một trận: "Có địa chủ mà không bắn thằng nào cả à?" và ném cả tập giấy vào mặt đội trưởng. Cuối cùng thì đội cũng lọc ra được "hai địa chủ để bắn" vội chạy lên đoàn báo cáo. Giữa đường gặp Đặng Thí đang đi xe đạp, tay đội trưởng đưa báo cáo và danh sách bắn hai người. Thí còn đang vội, vẫn ngồi trên yên xe, chẳng thèm xem hết nội dung, đặt "đơn đề nghị bắn hai người" lên ghi đông xe đạp, mở vội xà cột (sacoche), rút bút ký toẹt vào. Xong rồi Thí đạp xe đi thẳng.

Một ông bạn làm việc ở Viện Khoa học Việt Nam đã đi làm CCRĐ kể lại chuyện thương tâm này. Đội mà ông bạn có chân về một làng nghèo ở Thái Bình, không thể nào tìm đâu ra đủ số địa chủ, và cũng không thể nào tìm ra địa chủ ác bá để bắn. Họ lo lắm. Thế là họ đưa một ông chăn vịt vào danh sách bị bắn! Làng nào cũng thế thôi, mấy ông "gột vịt" (ấp trứng nuôi vịt con) chẳng bao giờ được dân làng ưa cả, vì lùa vịt con xơi thóc lúa của dân, thế mà lại hay to mồm cãi lại, gây gổ. Thế là "đủ yếu tố cấu thành tội", trong đó có tội "bị dân làng ghét cay ghét đắng". Địa chủ bóc lột thóc của nông dân, vịt cũng ăn cướp thóc của nông dân, vịt không thể bắn được thì chủ nó phải chịu thay! Ai cũng vui vẻ cả. Ông bạn biết là sai nhưng không dám mở miệng khi "cỗ máy nghiền thịt" của Đảng đã khởi động rồi!

Cho đến nay, không ai biết số người bị quy oan, bị tù oan và bị giết oan là bao nhiêu vì ĐCS giấu tịt. Những con số mà nhiều người đưa ra chỉ là ước đoán. Hồi cuối năm 1956, tôi được Thành ủy Hà Nội giao cho trách nhiệm sửa sai CCRĐ ở ngoại thành Hà Nội. Vì tính chất quan trọng của việc đó ở thủ đô, nên ông Võ Nguyên Giáp được BCT phân công giúp đỡ việc sửa sai ở Hà Nội. Vì thế, thỉnh thoảng tôi đến nhà ông Giáp làm việc. Đôi khi chúng tôi cũng nói chuyện với nhau về những vấn đề chung. Một hôm tôi hỏi thẳng ông: trong CCRĐ có bao nhiêu người bị oan. Ông Giáp nói hai vạn. Lúc đó tôi không dám hỏi thêm cụ thể hơn – thế thì bao nhiêu người bị chết oan, vì tôi biết là mình đã đụng đến vấn đề cấm kỵ nhất của Đảng. Cho đến nay, tôi không biết con số mà ông Giáp nói với tôi có thật hay không, nhưng hôm đó ông trả lời tôi tức thì, không nghĩ ngợi gì, nên tôi cũng có phần tin. Còn số người bị hành quyết trong CCRĐ và Chỉnh đốn tổ chức thì tôi ước đoán là chừng năm-sáu

nghìn người. Đó là chưa kể nhiều người bị chết vì các lý do khác, như tự tử trước khi xét xử, chết khi bị tra của hay bị giam cầm ở xã, chết trong tù, người nhà địa chủ chết đói do bị bao vây, v.v... Tại cuộc mít tinh tối 29-10-1956, ông Võ Nguyên Giáp chỉ cho biết con số 12 nghìn cán bộ và đảng viên đã được trả tự do mà thôi! Con số đó đúng hay không, ai mà biết được! Tóm lại, những con số về người bị thiệt mạng trong CCRĐ vẫn chưa xác định được. Dù thế chăng nữa, với những con số ước tính đã cho thấy đây là một tội ác tày trời. Tội ác này chính là tội ác chống nhân loại!

Còn chuyện "sửa sai" thì cũng chỉ là một lối "tung hoả mù" chủ yếu để làm dịu đi phần nào nỗi công phẫn dữ dội của dân chúng, tránh những cuộc bùng nổ bất lợi cho Đảng mà thôi. Chúng tôi đã từng đi làm sửa sai nên biết khá rõ. Có nhiều cái sai không thể nào "sửa" được. Bắn giết người ta, làm què quặt thân thể, làm tổn hại tâm thần người ta (có không ít người bị điên, bị mất trí, bị lẩn thẩn), làm gia đình người ta tan vỡ... thì chỉ có Trời mới sửa được! Ngay cả những việc tưởng chừng không khó sửa lắm, nhưng cũng không thể sửa nổi, chẳng hạn, gia đình bị quy là địa chủ, nhà cửa bị tịch thu chia cho mấy hộ nông dân, khi được xét là quy oan phải trả lại nhà cho người chủ cũ. Nhưng, khi biết là phải trả lại nhà, các ông bà nông dân bèn cạy gạch, cạy cửa, dỡ ngói, rút rui mè, cất giấu hết, phá phách gần như tan nát cả ngôi nhà họ đang ở. Nên cái nhà được trả lại đâu còn nguyên vẹn như trước. Còn các "quả thực" khác khi đã chia rồi thì sửa sai làm sao được! Thóc lúa, nông dân ăn hết, bán hết rồi (hoặc khai như thế), nông cụ bị tiêu tán hết (hoặc khai hư hỏng rồi), thì lấy gì mà trả lại cho người ta. Đó là không nói đến những quan hệ tình cảm đã bị tổn thương, giữa vợ chồng, giữa anh em, giữa họ hàng, giữa thầy trò, giữa hàng xóm, láng giềng thì chẳng làm gì được, ngoài việc khuyên nhủ chung chung. Trong sửa sai chỉ có việc này làm được là trả tự do cho những người bị tù oan. Còn việc khôi phục lại chức vụ cho một số cán bộ đã bị đấu tố cũng đã thực hiện, nhưng cũng không giản đơn vì quan hệ khá phức tạp giữa cán bộ mới với cán bộ cũ.

Nhân thể cũng xin nói thêm, khi hội nghị lần thứ 10 của TW ĐLĐVN hồi tháng 09-1956, TW buộc phải thừa nhận những sai lầm nghiêm trọng trong CCRĐ, người ta cũng đổ lỗi một phần cho cấp dưới đã thi hành sai, chứ TW Đảng không nghiêm khắc tự phê phán mình, họ vẫn coi "đường lối của TW về cơ bản là đúng", chỉ có "việc tổ chức thực hiện không đúng" mà thôi. Họ vẫn khư khư khẳng định: CCRĐ dù có sai lầm "nhưng về cơ bản vẫn giành được thắng lợi lớn". Điều đó nói lên sự giả dối, nguỵ biện, sự không thực lòng hối

hận của họ. Thế thì làm sao mà Đảng sửa sai được?! Còn cái gọi là thi hành kỷ luật với các ông lãnh đạo CCRĐ cũng chỉ là trò hề "giơ cao đánh khẽ" để lừa dối dư luận mà thôi. Trường Chinh mất ghế Tổng bí thư, nhưng lại vẫn là ủy viên BCT, chuyển sang ngồi ghế Chủ tịch Quốc hội, lại phụ trách công tác tư tưởng, rồi chính ông ta đã cùng Tố Hữu bày ra vụ Nhân văn–Giai phẩm đàn áp quyết liệt anh chị em trí thức ưu tú, khao khát tự do, làm bao văn nghệ sĩ tài ba bị tù dày, bị đàn áp, bị treo bút trong hàng mấy chục năm trời, đánh một đòn nặng nề vào nền văn học miền Bắc, làm nó bị thui chột trong nhiều thập niên. Hoàng Quốc Việt (một người nổi tiếng "ác liệt nhất" chẳng những trong CCRĐ mà trong nhiều vụ trước nữa, chẳng hạn, vụ H122 xảy ra trong kháng chiến chống Pháp, ông phụ trách xét vụ này, đã bắt giam nhiều cán bộ, phần đông là cán bộ quân đội, và làm chết oan nhiều người), bị đưa ra khỏi BCT thì lại trao chức vụ Viện trưởng Viện Kiểm sát tối cao là chức vụ nắm quyền sinh quyền sát con người, Lê Văn Lương chịu trách nhiệm về Chỉnh đốn tổ chức đã làm cho nhiều cán bộ đảng viên ở xã bị bắn giết, bị tù đày, phải ra khỏi BCT thì sau này lại được đưa về làm bí thư Thành ủy Hà Nội, còn Hồ Viết Thắng bị đưa ra khỏi TW Đảng thì lại cho làm ủy viên thường trực Ủy ban Kế hoạch nhà nước! Trái lại, người ngoài Đảng mà dám thẳng thắn phát biểu ý kiến với ĐCS, cho dù nhẹ nhàng chăng nữa, như trường hợp luật sư Nguyễn Mạnh Tường đọc bài tham luận tại hội nghị Mặt trận Tổ quốc phê phán cuộc CCRĐ và đưa ra những đề nghị hợp lý thì Đảng trù dập ông, dồn ông vào cảnh khốn cùng cho đến chết! Và thử hỏi có bao giờ TW Đảng thành thực sám hối về những sai lầm, những tội ác của mình hay không?

Chẳng những không sám hối mà cả cho đến ngày nay, ĐCS vẫn cứ nói lấy được là CCRĐ đã giành được thắng lợi lớn: "thực hiện ước mơ nghìn đời" của nông dân - đem lại ruộng đất cho người cày. Đây là một sự dối trá trắng trợn. Vì ruộng đất nông dân được chia thì một phần đáng kể là của những người bị quy oan, khi sửa sai cuối cùng phải trả lại. Phần ruộng đất chia còn trong tay nông dân, họ chưa kịp được hưởng gì trên mảnh đất được chia đó thì năm 1957-1958, ĐCS đã bắt đầu lùa họ vào hợp tác xã để tập thể hoá nông nghiệp, nghĩa là họ không còn làm chủ ruộng đất của họ! Vả lại, xét cho cùng, "đem lại ruộng đất cho người cày" đâu có phải là mối quan tâm chính yếu hay là mục đích tối hậu của Đảng! Cho nên đến khi sửa đổi Hiến pháp sau ngày thống nhất đất nước, bằng một điều khoản mới trong Hiến pháp, Đảng đã nhẹ nhàng quốc hữu hoá toàn bộ ruộng đất trong cả nước! Thế thì làm sao có thể nói là

Đảng "đem lại ruộng đất cho người cày" được?! Quả thật là người nông dân chịu bao nhiêu đau thương tang tóc cuối cùng chẳng được gì cả!

Thứ hai. Tội phá hoại truyền thống tốt đẹp mấy nghìn năm của dân tộc. Truyền thống hiếu hoà, thương yêu, đùm bọc lẫn nhau ở nông thôn Việt Nam được dân tộc ta xây dựng hàng nghìn năm đã bị ĐCS phá vỡ trong vòng ba-bốn năm CCRĐ. Nếu ai đã từng sống ở nông thôn Việt Nam trước "cách mạng", trước CCRĐ đều cảm nhận cái tinh thần "đùm bọc nhau", "lá lành đùm lá rách" còn khá đậm đà trong mối quan hệ giữa người với người. Cố nhiên, không ai nói là ở các làng quê không có những kẻ bóc lột, nhưng tinh thần chung ở nông thôn ta là như vậy. Với cái chính sách "phân định thành phần giai cấp", ĐCS chia cư dân nông thôn thành cố nông, bần nông, trung nông (có ba loại, trung nông yếu, trung nông vừa, trung nông cứng), phú nông (có hai loại, phú nông thường, phú nông ngấp nghé địa chủ – đây là "sáng kiến" của người chấp hành để khi cần thì dễ "kích" họ lên địa chủ, chứ trong chính sách thì không chia ra), địa chủ (có mấy loại, địa chủ yêu nước và kháng chiến, địa chủ thường, địa chủ cường hào ác bá, địa chủ phản động). Sự phân chia có vẻ "khoa học" lắm, nhưng khi thực hiện thì tất cả đều do cảm tính chủ quan, do nhu cầu của "đội" (khi trên bắt phải đủ 5% địa chủ, bắt phải có ác bá, phản động để bắn, thì cứ phải "kích" lên cho đủ số), do ý muốn chủ quan của "ông đội" (nhiều khi ý muốn đó rất quái đản, thấy thái độ của đương sự có vẻ ngang bướng thì cứ "kích" lên cho bõ ghét). Về nguyên tắc, muốn phân định thành phần thì phải "tố khổ", phải "tố" nhau, vạch nhau ra để "xếp" thành phần. Với lối xúi giục, cưỡng ép người dân tố giác lẫn nhau rất phổ biến trong CCRĐ, nên từ đó họ chia rẽ nhau, thù ghét nhau. Cũng có nhiều người lúc đầu không muốn "tố" ai hết vì không muốn làm trái lương tâm, nhưng ai không chịu "tố" thì bị đội CCRĐ coi là chưa "dứt khoát", "có liên quan", v.v... cuối cùng thì ai cũng tham gia vào cuộc "tố" lẫn nhau để giữ mạng mình. Đây là số đông. Nhưng cũng có không ít những kẻ hoặc vì tư thù, hoặc vì muốn trục lợi, "tố điêu", "tố láo" để ngoi lên làm "rễ", làm "cốt cán", làm cán bộ, để được chia "quả thực" nhiều hơn. Mà thường cái đám người này nghèo túng vì lười biếng, vì rượu chè, cờ bạc, có khi là những phần tử lưu manh, nhưng thường lại được đội coi như là bần cố nông để dựa, o bế, sử dụng nhằm... hoàn thành nhiệm vụ của đội. Một điều kỳ quái cần nói nữa là: mọi lời "tố" của nông dân đều không cần bằng chứng, hơn nữa mọi lời "tố" của họ đều được coi là bằng chứng, đều được ghi vào hồ sơ tội trạng! Không cần có bất cứ một sự kiểm chứng nào hết! "Lý luận"

chung hồi đó là "phải tin tưởng ở quần chúng", "nông dân lao động đã nói là đúng". Thế là không còn ai cãi được nữa! Chính vì thế, khi đội cần "đánh vào" bí thư hay chủ tịch ủy ban kháng chiến trước ở vùng tạm bị chiếm, nay bị coi là tổ chức cũ, mà có một ai đó "tố" là "chúng nó họp Quốc Dân đảng" thì bị "lên hồ sơ" ngay là "bí thư Quốc Dân đảng", và anh ta khó tránh khỏi cái án tử hình! Một nông dân "tố" một người bị "kích" lên địa chủ là "hồi kháng chiến, khi máy bay địch tới, tôi thấy hắn nhìn lên trời và chỉ chỏ cái gì đó", tức thì bị quy ngay là "gián điệp" và số phận anh ta coi như là "đi đứt"! Có thể là thế hệ mới lớn lên, nhất là những người đang sống ở các nước dân chủ tiên tiến, thì khó mà tin là đã có những chuyện như thế. Khốn thay đó lại là sự thật đắng cay đã từng xảy ra trong lịch sử nước nhà!

Tóm lại, CCRĐ làm cho nội bộ nông dân chia rẽ trầm trọng, làng xóm đảo lộn lung tung! Đến khi ĐCS tuyên bố sửa sai thì tình hình nông thôn lại cực kỳ hỗn loạn: những vụ ẩu đả, đâm chém, trả thù nhau giữa những người bị "tố oan" với những kẻ "tố điêu", giữa những người bị tước đoạt tài sản với những người được hưởng "quả thực", giữa cán bộ cũ bị quy kết phản động và bị tù tội với cán bộ mới "ngoi lên" trong CCRĐ... Di sản nghìn năm rất đáng quý mà cha ông ta đã để lại là tinh thần đùm bọc, hoà hiếu nhau của người dân nông thôn miền Bắc đã bị phá huỷ từ ngày CCRĐ. Lẽ nào đó không phải là một tội ác?

Thứ ba. Tội phá hoại đạo lý, luân thường của dân tộc. Trong lịch sử dân tộc Việt Nam chưa bao giờ đạo lý làm người bị đảo điên một cách quái đản như trong CCRĐ. Các đội CCRĐ không từ một cách nào hết để "tìm ra địa chủ", "tìm ra phản động", "tìm ra của chìm", họ ép buộc con cái "đấu tố" cha mẹ, con dâu "đấu tố" bố mẹ chồng, con rể "đấu tố" bố mẹ vợ, vợ "đấu tố" chồng, anh em "đấu tố" lẫn nhau, trò "đấu tố" thầy, kẻ hàm ơn "đấu tố" người đã làm ơn, láng giềng hàng xóm "đấu tố" lẫn nhau! (Cũng có trường hợp cha mẹ bấm bụng khuyên con cái "đấu tố" mình để mong cứu mạng cho con cái). Thật là một tấn bi kịch hãi hùng! Những người bị quy là địa chủ ngay lập tức bị tước mọi quyền làm người, bị hạ nhục, bị chà đạp, ngay lập tức phải thay đổi cách xưng hô trước nông dân, phải cúi đầu lễ phép "thưa các ông, các bà nông dân", phải xưng "con" trước mặt nông dân, dù đó chỉ là một đứa trẻ con. Còn nông dân thì tha hồ gọi người kia là "thằng kia", "mụ kia", "con kia", là "mày", "chúng bay" và tự xưng là "tao", "chúng tao", thậm chí có thể chửi mắng, xỉ vả. Chẳng ai dám làm trái lại cái "lệ mới" đó – đội tuyên bố phải đối xử như thế mới "nâng cao uy thế nông dân", mới "đánh gục

giai cấp địa chủ" được! Không làm thế là "bênh địa chủ", "mất lập trường giai cấp", thậm chí "có liên quan với địa chủ"! Ngay cả đứa bé con cũng có thể mắng mỏ, sỉ nhục người lớn đã bị quy là địa chủ. Những người này, dù là thứ bậc thế nào trong họ tộc cũng đều bị bà con họ tộc xa lánh, để không "bị liên quan". Còn khi hành quyết người bị án tử hình thì những người thân thích, ruột thịt của người ấy, từ già cả cho đến trẻ con, đều bắt buộc phải có mặt để chứng kiến tận mắt cảnh tượng đó! Đúng là sự khủng bố tinh thần cực kỳ vô nhân đạo!

Một tình trạng thương tâm nữa là nhiều gia đình ở nông thôn (và cả ở thành phố có liên hệ với nông thôn) đã tan vỡ, con cái bơ vơ, vì khi một trong hai người có gia đình bị quy (hoặc bị kích lên) thành phần địa chủ, bị gán tội phản động, thì bên kia, tức là vợ hay chồng, sợ liên lụy phải bỏ nhau. Nhiều người đi lập gia đình khác, có con hoặc chưa có con với chồng hay vợ mới. Đến sau này thấy sai, người bị bắt đi tù nay được trở về, thế là bao nhiêu chuyện rắc rối xảy ra đến nỗi Bộ tư pháp VNDCCH phải ra thông tư ngày 19-04-1956 để "giải quyết những vụ vợ chồng bỏ nhau". Thật là mỉa mai, người ta cho rằng có thể hàn gắn được tình cảm yêu thương trong gia đình đã bị thương tổn nặng nề bằng một tờ thông tư vô hồn của Bộ tư pháp! Tình yêu của nam nữ cũng bị xâm phạm nghiêm trọng giống hệt như thế – để giữ lập trường giai cấp ai cũng phải cắt đứt với người yêu thuộc thành phần địa chủ, phản động!

Đây cũng là một nét về đạo đức nữa cần phải nói đến. Chưa bao giờ sự giả dối trắng trợn được đề cao như trong CCRĐ. Chẳng cần phải nói tới việc các "anh đội", "chị đội" báo cáo láo cho đoàn, vì quá thường, mà cái cần vạch ra ở đây chính là người ta ép buộc, khuyến khích người nông dân nói dối, làm láo. Dần dà rồi người nông dân cũng thấy cần phải nói dối, làm láo để "qua khỏi cái đận CCRĐ", họ cũng "tố bậy", "tố điêu" dù trong thâm tâm biết mình đang nói dối, vu khống. Cũng có người cố giữ lương tâm trong sạch, nhưng thường họ phải trả giá đắt cho điều đó. Cho nên cơn dịch dối trá cứ lan tràn. Đội cũng dạy thêm cho nông dân quen làm những việc giả dối, chẳng hạn như dặn họ: khi thấy trên màn ảnh xuất hiện hình địa chủ thì phải hô "đả đảo", hay vừa hô vừa ném đá vào hình địa chủ để tỏ lòng uất hận của mình. Thế là nông dân cũng làm theo. Tất nhiên, cũng không loại trừ cái hiện tượng gọi là "tâm lý đám đông", khi người ta hành động như trong một cơn lên đồng tập thể. Chẳng hạn, mỗi lần chiếu phim "Bạch Mao Nữ" của Trung Quốc, thì có nhiều người khóc nức nở, và khi xuất hiện hình địa chủ là bên

dưới ào ào ném đá vào màn ảnh. Chính vì thế, các diễn viên kịch thường từ chối lên sân khấu đóng vai địa chủ vì sợ vỡ đầu sứt trán.

Chủ trương của UBCCRĐTW là trong các cuộc đấu địa chủ, nhất là địa chủ cường hào ác bá đều phải chuẩn bị rất chu đáo để ra "đấu trường" không được vấp váp. Thế là trước ngày đấu, mọi "rễ", "chuỗi", dân quân, công an, toà án, chủ tịch đoàn... đều phải "diễn tập" như thật, ai lên "đấu" trước, ai lên "đấu" sau, "tố" thế nào, xỉa xói ra sao, nói gì, khi nào người "tố" phải cảm động khóc lóc, khi nào người dân phải hô "đả đảo" (khi người bị "tố" không nhận tội...), lúc nào thì bắt địa chủ quỳ (quỳ là biểu hiện của sự "bị đánh gục"!), lúc nào thì "hoan hô" (khi toà tuyên án tử hình, tịch thu tài sản...). Chủ tịch đoàn những cuộc đấu lớn đều là "rễ", "chuỗi", cốt cán mới đào tạo trong vài tháng, nói năng ngượng nghịu, lúng ta lúng túng, điều khiển thế nào nổi, nên khi ra "đấu trường", thường "anh đội", "chị đội" phải ngồi sau lưng nhắc, như người nhắc tuồng (souffleur) ở rạp hát! Cũng có khi nhắc mãi không được, chủ tịch đoàn cuống lên, thì "anh đội" giật micro và điều khiển luôn. Tóm lại, một sự diễn kịch, một trò giả dối lố bịch, trắng trợn, mà không hề không biết ngượng! Nhưng cái nguy hại chính là sự giả dối đó cứ thấm dần vào tiềm thức cán bộ và người dân, tạo nên một nếp sống giả dối vô đạo đức của nhiều người!

Thứ tư. Tội phá hủy truyền thống tâm linh và văn hoá của dân tộc. Bằng cuộc CCRĐ, ĐCS cố tình triệt hạ các tôn giáo và truyền thống tâm linh của dân tộc. Trước CCRĐ, các nhà thờ Công giáo, các tu viện, nhà cô nhi... đều có ruộng đất riêng, các chùa có ruộng hậu do tín chủ cúng cho chùa, các nhà thờ họ có ruộng họ, các đình có ruộng làng... để lo việc sửa sang, tu bổ nhà thờ, chùa, đình, cúng tế hàng năm, việc từ thiện, v.v... và để nuôi sống các linh mục, tu sĩ, tăng ni và những người chuyên lo việc trông nom, thờ phụng... Nhờ thế hoạt động tôn giáo, tâm linh, từ thiện được tiến hành bình thường không có trở ngại. Nhưng với chính sách CCRĐ của ĐCS, tất cả các ruộng đất đó đều nhất loạt bị coi là ruộng đất phong kiến và bị trưng thu để chia cho nông dân. Với cái đòn độc địa đó, tất cả các nhà thờ, tu viện, nhà cô nhi, chùa chiền, điện thờ, miếu mạo, nhà thờ họ, đình... đều trở nên điêu đứng và dần dần tàn tạ. Riêng đối với nhà thờ Công giáo, do phong trào giáo dân ồ ạt di cư vào Nam, nên về sau Đảng đã phải để lại cho các nhà thờ một ít ruộng đất. Người ta công nhiên dùng các cơ sở thờ cúng vào việc họp hành, đóng quân, làm hội trường, làm kho hợp tác xã mua bán, kho hợp tác xã sản xuất, v.v... Có nơi thậm chí người ta cho các tượng Phật trôi sông. Nhiều nơi bà con tín đồ bí mật cứu các tượng Phật,

đem chôn, đem giấu hầm kín, sau này phần lớn các tượng gỗ đều mục nát, thế nhưng cũng có ít tượng còn giữ được, vào thập niên 80 bà con mới đưa lại vào chùa. Tóm lại, cuộc sống tâm linh hoàn toàn bị xoá bỏ. Chữ "thiện", chữ "nhân" một thời gian dài chẳng ai dám nói đến, vì giữa lúc cái ác tràn đầy mà nói đến chữ "thiện", chữ "nhân" thì có thể bị coi là biểu hiện sự phản đối!

Trong lúc đó, người ta lại đề cao bạo lực, cổ vũ đấu tranh giai cấp, khuyến khích điều ác, điều bất nhân, điều vô đạo. Một điều rất quái dị trong CCRĐ mà ĐCS lại coi là tự nhiên hoặc là cần thiết: người ta thường xuyên huy động các cháu thiếu niên từ 9-10 tuổi trở lên tham gia CCRĐ. Bắt chúng mang trống ếch đi cổ động, đi "đả đảo", "hoan hô", tham dự các cuộc đấu tố, các phiên toà CCRĐ, các buổi hành quyết công khai. Nhiều cháu, nhất là các cháu gái, vốn có tâm lý hiền lành bị bắt buộc phải tham gia, đã không chịu nổi, run sợ, khiếp đảm, có cháu ngất xỉu trước cảnh hãi hùng, súng bắn, máu đổ... Còn các cháu vốn có tâm lý hung dữ thì lại thích thú hoan hô, thậm chí sau khi "được" tham dự những cảnh tượng đó, có nơi chúng lại bày trò chơi "đấu tố", bắt con cái địa chủ quỳ để con cái nông dân lên đấu, cũng xỉa xói vào mặt, cũng xỉ vả, vạch tội... Chẳng biết có ai xúi giục không, nhưng nhiều nơi đã xảy ra những "trò chơi" quái đản đó! Khi cái thiện bị nén xuống mà cái ác được cổ vũ, thì chẳng có gì đáng ngạc nhiên là đạo đức bị suy đồi, băng hoại dưới chế độ của những người Cộng sản. Tôi còn nhớ trong thời kỳ "cởi trói", đã được đọc truyện ngắn "Bước Qua Lời Nguyền" của Tạ Duy Anh đăng trên tuần báo "Văn Nghệ" (1989) ở Hà Nội, truyện đó phản ánh phần nào tấn bi kịch của giới trẻ nông thôn đã lớn lên trong và sau cuộc CCRĐ đầy kinh hoàng.

Không những CCRĐ đánh một đòn rất mạnh vào nền đạo lý và truyền thống nhân bản, mà nền văn hoá dân tộc cũng vì nó mà bị tổn hại rất nặng nề. Nhiều miếu đền uy nghiêm bề thế, nhiều bia đá là những di tích văn hoá lâu đời của dân tộc đã bị huỷ hoại trong CCRĐ. ĐCS giấu kín những chuyện này, nhưng cũng có thể nêu ra vài trường hợp. Mong rằng các bạn xa gần, trong và ngoài nước sưu tầm và bổ sung thêm. Chẳng hạn, cụ Nguyễn Mai (1876-1954) là hậu duệ đời thứ 14 của dòng họ Nguyễn Tiên Điền, gọi thi hào Nguyễn Du (1765-1820) đời thứ 11 là bác. Đầu năm 1954, lúc 78 tuổi cụ bị đội và đoàn CCRĐ quy là địa chủ (vì có vài mẫu cho phát canh để sống) lại bị "kích" lên thành phần phong kiến cường hào (vì cụ từng đỗ cử nhân khoa Canh Tý (1900) lúc 24 tuổi, lại đỗ Tiến sĩ khoa Giáp Thìn (1904) lúc 28 tuổi), mà thật ra cụ không hề nhận chức tước, phẩm hàm gì, chỉ cam phận sống thanh nhàn ẩn dật. Cụ

bị đấu ba đêm liền, bị kết án 15 năm tù khổ sai, bị giam ở trại Đâng, tỉnh Hà Tĩnh, là nơi nước rất độc, nên ngay mùa thu năm ấy, cụ bị phù thũng chết trong trại tù, vùi xác ở ven rừng. Cụ Nghè Nguyễn Mai từ trần trong uất hận là nỗi đau lớn, nhưng nỗi đau còn lớn hơn nữa cho dân tộc là do cụ bị quy oan như vậy, mà đội CCRĐ đã phá huỷ nhiều đền đài, bia, miếu thờ của các danh nhân họ Nguyễn Tiên Điền và nghiêm trọng hơn nữa đã đốt cháy ngôi nhà năm gian chứa đầy thư tịch quý giá của dòng họ Nguyễn Tiên Điền, trong đó có di cảo của thi hào Nguyễn Du. Một sự mất mát lớn lao về văn hoá không có gì bù lại được! (Xem sách "Bể Dâu Trong Dòng Họ Nguyễn Du" của Đặng Cao Ruyện, NXB Miền Đông, Hoa Kỳ, 2002, tr. 200, 201).

Còn chuyện này nữa. Trong hội nghị cán bộ do TW Đảng triệu tập sau khi có nghị quyết sửa sai trong CCRĐ hồi tháng 09-1956, tôi được nghe ông Cù Huy Cận, lúc đó là thứ trưởng Bộ Văn hoá, nói ở cuộc họp tổ là tấm bia đá của Lê Lợi đã bị đội CCRĐ phá huỷ. Bộ Văn hoá phải cấp tốc thuê làm bia khác giống hệt bia cũ rồi đặt vào chỗ cũ và phải tuyệt đối giữ bí mật để không ai biết là bia mới! Tôi không có điều kiện kiểm chứng, nhưng chẳng lẽ ông thứ trưởng văn hoá lại nói sai?!

*

TRÁCH NHIỆM VỀ CCRĐ : Như trên tôi đã viết, tuy là chuyện CCRĐ đã qua từ lâu rồi, nhưng ngày nay, vẫn cần phải nói đến, vì ngày nay tập đoàn lãnh đạo ĐCS đang cố viết lại lịch sử, đang cho bọn bồi bút xuyên tạc lịch sử để chạy tội cho ông Hồ Chí Minh và cho ĐCSVN trong CCRĐ và cả trong nhiều việc khác nữa.

Cần phải nói công bằng là trước năm 1950, ông Hồ và ĐCSVN không nói đến CCRĐ, chỉ nói đến giảm tô, mà cũng chỉ trên giấy tờ và rất coi nhẹ việc thực hiện. Chỉ từ năm 1952, vấn đề giảm tô và CCRĐ mới đặt ra một cách gắt gao. Như vậy có thể nói là việc CCRĐ là do sức ép của Stalin và Mao Trạch Đông. Nhưng khi ông Hồ đã nhận làm CCRĐ là ông và ĐCSVN đã làm một cách tin tưởng và tích cực. Cũng có thể do yếu tố tâm lý của một người trước đây đã từng bị Stalin và Quốc tế Cộng sản coi là hữu khuynh, thậm chí bị nghi ngờ, không giao việc trong thời hạn dài, nay lại bị nhận xét là coi nhẹ nhiệm vụ phản phong, thì ông càng phải cố tỏ rõ tinh thần mẫn cán, kiên quyết của mình. Quả là hồi đó, ông Hồ và ĐCSVN cũng thật tình rất tin tưởng vào Stalin và Mao Trạch Đông. Chẳng thế mà ông đã công khai nói trước hội nghị cán bộ (1950) tại chiến khu Việt Bắc để chuẩn bị cho đại hội 2 của ĐCS sẽ họp năm sau là: "Các cô các chú nên biết rằng: ai đó thì có thể sai, chứ đồng chí

Stalin và đồng chí Mao Trạch Đông thì không thể nào sai được". Chính tôi có mặt trong cuộc hội nghị đó, tôi nghe rõ, nhiều người khác cũng nghe rõ như thế, có điều bây giờ họ không muốn hay không dám nhắc lại mà thôi. Đến đại hội 2 của Đảng (tháng 03-1951), ông Hồ lại cũng nói đúng như thế, và cụ Nguyễn Văn Trấn cũng đã kể lại chuyện đó trong sách của cụ "Viết Cho Mẹ Và Quốc Hội". Cho nên ông Hồ làm CCRĐ rõ ràng với sự tin tưởng và tích cực. Vì thế, không phải ngẫu nhiên mà cụ Vũ Đình Huỳnh, người gần gũi ông nhất thời gian đó sau này đã "khẳng định người chịu trách nhiệm chính trong sự gây ra những sai lầm trong CCRĐ là ông Hồ Chí Minh, chứ không phải ông Trường Chinh, như đã có sự ngộ nhận kéo dài nhiều năm. Trường Chinh là con dê tế thần cho sai lầm của ông Hồ" (xem "Đêm giữa ban ngày" của Nv Vũ Thư Hiên). Theo tôi, đúng là ông Hồ phải chịu trách nhiệm chính, như cụ Vũ đã nói, nhưng Trường Chinh chẳng phải là "con dê tế thần" với cái nghĩa "oan dương" đâu, vì ông ta vừa là Tổng bí thư, vừa là chủ nhiệm UBCCRĐTW, ông ta là người điều hành mọi việc CCRĐ hồi đó, cho nên, nếu Trường Chinh không phải là thủ phạm số một thì cũng phải là thủ phạm số hai. Cái ý của cụ Vũ, theo tôi hiểu, là TW Đảng trong hội nghị lần thứ 10 (09-1956) đã không đả động gì đến Hồ Chí Minh, đã không dám nói đến trách nhiệm của ông Hồ (vì thi hành kỷ luật Chủ tịch Đảng, Chủ tịch nước thì... ôi thôi, ĐCS còn gì nữa!) mà chỉ đưa Trường Chinh và các ông khác ra "chịu trận" mà thôi.

Sau này, trong giới thân cận với giai cấp cầm quyền, có những người hay tung ra những câu chuyện về Hồ Chí Minh không tán thành chủ trương CCRĐ, không tán thành việc xử tử bà Nguyễn Thị Năm, không tán thành làm Chỉnh đốn tổ chức trong CCRRĐ, v.v... Nhưng, xét cho cùng, loại chuyện đó chỉ là những huyền thoại không hơn không kém. Những huyền thoại ấy nhằm đánh lừa những người không biết tình hình thực tế hồi thập niên 50 ở miền Bắc và những thế hệ trẻ hậu sinh, nhằm chạy tội cho ông Hồ để vớt vát cái gọi là "tư tưởng Hồ Chí Minh" làm phao cứu mạng cho tập đoàn thống trị Cộng sản. Hoàng Tùng, nguyên tổng biên tập báo Nhân Dân, nguyên bí thư TW ĐCSVN, nhiều năm làm tuyên huấn, v.v... là một trong số những "chuyên gia" sáng tác huyền thoại kiểu đó. Trong hồi ký "Những Kỷ Niệm Về Bác Hồ", ông ta có kể lại về thái độ của ông Hồ đối với án tử hình bà Nguyễn Thị Năm như sau: "Họp Bộ chính trị Bác nói: "Tôi đồng ý người có tội thì phải xử thôi, nhưng tôi cho là không phải đạo nếu phát súng đầu tiên lại nổ vào người đàn bà, mà người ấy cũng giúp đỡ cho cách mạng. Người Pháp nói không nên đánh đàn bà, dù chỉ đánh bằng một cành hoa". Sau cố vấn Trung

Quốc La Quý Ba đề nghị mãi, Bác nói: "Thôi tôi theo đa số, chứ tôi vẫn cứ cho là không phải". Và họ cứ thế làm" (xem đoạn trích, đăng trên tờ "Diễn Đàn Forum" ở Paris, số 123/11-2002, tr.15). Khi kể chuyện này, Hoàng Tùng đã cố lờ đi mấy điều thực tế lịch sử rất quan trọng: 1/ vào thời điểm nửa đầu thập niên 50, uy thế của ông Hồ trong Đảng là tuyệt đối, một lời của ông đã nói ra thì không một ai, kể cả các ông trong BCT, dám làm trái ý ông hết; 2/ tất cả các ông trong BCT TW, không trừ một ai hết, đều răm rắp giữ đúng tư cách một người học trò khiêm tốn, không bao giờ được phép quyết định những chủ trương lớn mà không có ý kiến ông, huống hồ là việc làm trái ý ông. Hồi 1952-1953 thì không thể nào có chuyện "Thôi tôi theo đa số" và "Và họ cứ thế làm" được! Nếu thật sự ý thức được là "không nên đánh đàn bà, dù chỉ đánh bằng một cành hoa", mà ông Hồ chỉ lắc đầu một cái thôi, chứ không cần phải nói nhiều lời như Hoàng Tùng kể, thì chắc chắn là ông đã cứu được bà Nguyễn Thị Năm! Mà không chỉ một mình bà Năm! Thêm nữa, cái chữ "họ" trong câu của Hoàng Tùng "Và họ cứ thế làm" rất mập mờ: "họ" là ai? Các ông trong BCT hay các cố vấn? Các ông trong BCT thì chắc chắn là không. Còn các ông cố vấn có thể họ trái ý với ông Chủ tịch nước, Chủ tịch Đảng của Việt Nam, nhưng họ không thể bắt ép ông được, họ chỉ là cố vấn, chứ không có quyền biểu quyết, quyết định. Những cơ quan nào đã từng làm việc với cố vấn Trung Quốc hồi đó đều biết cái nguyên tắc đó. Cho nên có thể khẳng định rằng: Trong vụ án Nguyễn Thị Năm, đúng là ông Hồ đã không cứu bà Năm. Cũng như sau này, trong vụ án Xét lại – chống Đảng, ông đã không cứu ông Vũ Đình Huỳnh. Dù rằng ông biết rõ về họ.

Hơn nữa, một câu hỏi hoàn toàn chính đáng được đặt ra: trong suốt ba-bốn năm đằng đẵng lẽ nào ông Hồ và BCT không hề hay biết gì hết đến những thảm họa của người dân ở nông thôn mà họ cai trị hay sao? Lẽ nào ông Hồ, Trường Chinh và các ông khác trong BCT không biết rằng ở quê hương mình những người đồng hương của họ đang khốn khổ ra sao? Lẽ nào trong giới thân cận của ông Hồ và các ủy viên BCT không có một ai dám phản ánh tình trạng bi đát của người dân cho họ biết hay sao? Câu trả lời dứt khoát là: các ông ấy đều có biết, nhưng các ông đều im lặng! Im lặng đến nỗi ông Vũ Đình Huỳnh một lần đang ốm cũng cố chống gậy lên Chủ tịch phủ gặp ông Hồ và nói toạc vào mặt ông: "Máu đồng bào, đồng chí đã đổ mà Bác ngồi yên được à? Chúng ta tuy không có học, chúng ta dốt, chúng ta phải vừa làm vừa xây dựng chính quyền, vì dốt nát chúng ta mắc mọi sai lầm, nhưng chúng ta không có quyền để tay chúng ta nhuốm máu đồng bào, đồng chí!" (Xem "Đêm Giữa Ban

Ngày"). Hoàng Tùng cũng đã lờ tịt cái thực tế lịch sử phũ phàng này: Trong suốt thời gian CCRĐ, ông Hồ, với tư cách là Chủ tịch nước, chưa hề ký một lệnh ân xá nào cho một ai bị án tử hình. Chỉ từ sau Đại hội lần thứ 20 ĐCS Liên Xô và nhất là sau hội nghị cán bộ cao cấp và trung cấp của Đảng (từ 28-04 đến 03-05-1956), do phản ứng rất mạnh của cán bộ thì mới có lệnh tạm thời chưa thi hành các án tử hình. Nhưng, than ôi, lúc đó thì... CCRĐ về cơ bản đã gần xong rồi! Lúc đó các đoàn và UBCCRĐTW đang bắt tay làm báo cáo tổng kết để chuẩn bị cho hội nghị TW Đảng kiểm điểm CCRĐ (tháng 09-1956).

Ngay cả việc Chỉnh đốn tổ chức trong CCRĐ, Hoàng Tùng cũng cố tình đổ lỗi cho cố vấn Trung Quốc là chính, chứ không phải lỗi của ông Hồ và ĐCSVN. Ông Tùng viết: "Thuyết của họ là không dựa vào tổ chức cũ mà tổ chức lại một số tổ chức của Đảng, họ phủ nhận hết các tổ chức khác, như chính quyền, các đoàn thể. Ai lãnh đạo Cách mạng Tháng tám thành công, ai lãnh đạo cuộc kháng chiến từ năm 1945 đến năm 1953? Thế mà họ thẳng tay bỏ hết, trong đó có mấy ngàn người bị xử tử. Mục đích của họ không phải là CCRĐ mà là đánh vào Đảng ta. May mà đến năm 1956 ta kịp dừng lại (bao nhiêu đầu rơi, máu đổ và CCRĐ cũng đã gần xong, thế mà bảo là "kịp"! – Người viết), nếu không thì tan nát hết". Một đoạn khác: "Đánh thuế công thương nghiệp, cải tạo tư sản cũng là do Trung Quốc đề ra. Hậu quả là hơn một triệu người di cư vào Nam. Ta đổ tội cho Pháp, Mỹ, điều đó chỉ đúng phần nào, còn là do ta vội, làm ẩu, đánh tràn hết. Không phải địa chủ mà phú nông, thậm chí trung nông cũng đánh. Đảng viên tốt cũng bị đánh. Kết quả của những chính sách, cải cách lúc đó là như thế" (xem tờ "Diễn Đàn Forum" nói trên). Đúng là các cố vấn Trung Quốc chỉ biết có kinh nghiệm CCRĐ ở Hoa Nam, khi Hồng quân tiến xuống phía Nam, hầu như không có cơ sở tổ chức của ĐCS, nên có nhiều người không phải Cộng sản cũng đã đứng ra lập tổ chức, lập chính quyền, vì thế khi làm CCRĐ thì ĐCS Trung Quốc cố tình nhân cơ hội ấy quét sạch các tổ chức đó đi lập những tổ chức mới của họ. Còn ở miền Bắc Việt Nam, tình hình hoàn toàn khác hẳn. Không thể làm rập khuôn theo kinh nghiệm Hoa Nam được. Tôi cũng chẳng thích gì các cố vấn Trung Quốc, nhưng tôi nghĩ rằng cần phải xét vấn đề khách quan theo đúng sự thật lịch sử, chứ không thể đổ lỗi, đổ tội tùm lum cho họ tất cả được. Ông Hồ và BCT TW ĐLĐVN sống và làm việc ở Việt Nam, có phải là trẻ con đâu mà bảo các ông cố vấn Trung Quốc xúi gì là làm nấy? Chẳng qua chỉ vì khi đã say men "lập trường giai cấp đấu tranh", say men Marxisme-Leninisme, Stalinisme,

Maoisme... trong cuộc lên đồng tập thể, thì chính các ông lãnh tụ Cộng sản Việt Nam cũng "hăng hái" không kém gì người ta. Tôi còn nhớ, có lần đọc bài nói chuyện của ông Hồ với cán bộ CCRĐ đăng trên tờ nội san "CCRĐ" (tạp chí lưu hành trong nội bộ), trong đó ông giải thích rất mộc mạc chủ trương không được dựa vào tổ chức cũ như sau: "Tổ chức cũ là "tổ kén", các cô, các chú không được dựa vào...". Lại cũng cái lối dùng hình ảnh như việc uốn tre đã nói trên! Năm 1962, khi nói chuyện về Tuyển tập Hồ Chí Minh với anh Nguyễn Kiến Giang, lúc đó là phó giám đốc Nhà xuất bản Sự Thật, anh kể rằng: "Làm tuyển tập đó chúng tôi mệt lắm, phải rà soát lại cả, bao nhiêu bài nói của ông cụ trong CCRĐ phải loại bỏ hay thu gọn lại". Tôi hỏi anh có nhớ bài ông cụ nói "Tổ chức cũ là "tổ kén" không? Anh trả lời: "Có chứ! Bài đó phải loại bỏ. Cán bộ đảng viên nông thôn người ta đang oán giận đùng đùng, đưa vào tuyển tập thế nào được!" Nếu ông Hồ không tán thành chủ trương của các cố vấn đối với tổ chức cũ ở nông thôn thì có ai bắt ông phải nói thế đâu?

Tôi kể lại những chuyện đó chỉ để đi đến kết luận này: ĐCSVN chớ nên đổ lỗi, đổ tội cho ai cả, mà cần thấy hết cái trách nhiệm lớn lao của mình trong CCRĐ. Chừng nào ĐCSVN chưa sám hối được về những tội ác đã gây ra, thì người dân chớ có hy vọng là Đảng sẽ sửa đổi, sẽ đổi mới và sẽ không tái diễn lại những tội ác trước đây.

Cũng xin mọi người đừng quên: CCRĐ không phải là thảm họa đầu tiên, cũng chẳng phải là thảm họa cuối cùng mà tập đoàn thống trị Cộng sản Việt Nam đã gây ra cho dân tộc ta! Tôi không kể những thảm họa trước CCRĐ, mà chỉ nói ngay liền sau CCRĐ là vụ án Nhân văn–Giai phẩm, vụ án Xét lại–chống Đảng, rồi Cải tạo công thương nghiệp, đánh đổ tư sản ở miền Bắc, rồi cái nghị quyết số 49/NQ/TVQH của Thường vụ Quốc hội do Trường Chinh ký ngày 20-06-1961, nhốt hàng chục vạn người vô tội ở miền Bắc vào các trại tập trung khủng khiếp, rồi Tết Mậu Thân, v.v... và v.v... Nếu kể hết thì ta thấy cả một chuỗi dài tội ác khủng khiếp đã qua và đang tiếp tục mãi cho đến tận ngày nay. Cố nhiên, ngày nay người ta dùng thủ đoạn tinh vi hơn, nhưng bản chất tội ác vẫn thế.

Tội ác mới gần đây nhất là vụ án Lê Chí Quang, xử một nhà yêu nước chân thành, một chí sĩ đáng kính dù chỉ mới ngoài ba mươi tuổi! Cái "tội" của anh là đã dũng cảm dấn thân vì nước, đã dám kêu gọi đám cầm quyền hiện nay hãy cảnh giác kẻo mang tội bán nước cho Bắc triều, đã dám đứng chân vào "Hội Nhân dân chống Tham nhũng" những mong trừ được quốc nạn cho dân tộc. Tập đoàn thống trị Cộng sản Việt Nam đã trắng trợn bày trò xử án để tống người thanh niên yêu nước vào tù, người thanh niên đã

từng tuyên bố đanh thép chí hướng của anh trong bài tiểu luận nổi tiếng "Hãy Cảnh Giác Với Bắc Triều": "Tôi viết bài này khi đang bị kìm kẹp trong vòng nghiệt ngã của các lực lượng bảo thủ và tay sai cho Bắc Triều. Biết rằng, bài viết này không làm cho hào quang lấp lánh trên đầu tôi mà trái lại, càng đẩy tôi sâu thêm vào vòng nguy hiểm. Ngay như đối với một công thần của cách mạng, mà họ còn ngang nhiên tuyên bố xanh rờn: "…Sẵn sàng hy sinh Hoàng Minh Chính để bảo vệ chế độ". Huống chi tôi chỉ là *con tốt đen dễ dàng bị biến thành vật tế thần cho bàn thờ Bắc Triều*. Dẫu sao trước hiểm họa khôn lường của tồn vong đất nước, tôi đâu dám nề hà xả thân, bởi tôi tâm niệm câu nói của Hàn Phi Tử: ***"Nước mất, mà không biết là bất tri. Biết mà không lo liệu, là bất trung. Lo liệu, mà không liều chết là bất dũng".*** Chỉ mong sao tấc lòng nhỏ mọn này, được lương tri dân tộc trong và ngoài nước soi thấu, và hết lòng, hết sức chỉ giáo" (01-10-2001).

Rất mong rằng trong dịp nhớ lại thảm họa CCRĐ, "lương tri dân tộc trong và ngoài nước", nhất là lương tri giới trẻ nhận thức rõ rằng chế độ độc tài đảng trị mà còn thì những thảm họa tương tự vẫn sẽ còn tiếp tục, vì tập đoàn thống trị CS không tôn trọng con người, không tôn trọng sinh mạng và quyền tự do của con người, không tôn trọng luật pháp mà chỉ coi trọng quyền lực của họ là tối thượng mà thôi. Nhắc lại thảm họa CCRĐ, chúng tôi rất mong mọi người, nhất là giới trẻ noi gương Lê Chí Quang, thêm quyết tâm tranh đấu sớm xoá bỏ chế độ độc tài nhằm chuyển hoá đất nước ta thành một xã hội dân chủ đích thực, tạo điều kiện cho sự phát triển và phồn vinh của Tổ quốc chúng ta.

Xin lưu ý : Các tiểu đề trên đây do chúng tôi đặt

NHÌN LẠI CUỘC CCRĐ: NHỮNG BÀI HỌC CÒN NÓNG HỔI

Bùi Tín (VNN 01-11-2006)

Cuộc CCRĐ được thực hiện trên miền Bắc nước ta đã hơn một nửa thế kỷ. Sau 3 năm thực hiện, do sai lầm nặng nề và phổ biến, đảng CS buộc phải nhìn nhận sai lầm (tháng 10-1956) và sửa sai.

Họ không thành tâm và cũng không thể sáng suốt để nhìn thật rõ và thật đủ những sai lầm, do đó họ không sửa được sai lầm.

Bi kịch CCRĐ kéo dài trong không gian và thời gian, chồng chất ngày càng nhiều những đau khổ và tàn phá cho đất nước và dân tộc. Lúc này, những người dân chủ và yêu nước nhìn lại bi kịch ấy và phân tích cho sâu sắc hơn là một việc làm cần thiết, có ích. Nhân dịp này, những bài viết của anh Nguyễn Minh Cần, anh Trần Gia Phụng và những buổi phát thanh chuyên đề của đài Á châu Tự do rất có giá trị.

Có người bảo CCRĐ đã diễn ra hơn nửa thế kỷ, đi sâu vào dĩ vãng rồi, hay ho gì mà bới móc ra. Đảng CS đã sửa sai, đã đổi mới hơn 20 năm rồi, nhắc lại chuyện xưa cũ làm gì!

Không! Vẫn cần nhắc lại và rút ra những bài học sâu sắc hơn, giúp ích cho con đường đi lên và hòa nhập của đất nước, để chia tay dứt khoát với những sai lầm trong quá khứ, để mạnh bước trên con đường đổi mới thật sự. Cần nhìn lại cuộc CCRĐ với con mắt thực tiễn, tôn trọng sự thật lịch sử, trên tinh thần nghiên cứu khoa học cũng như trên lập trường đấu tranh cho dân chủ, tự do.

Từ đó cũng nên nhìn rộng ra vấn đề chiến lược: quan hệ giữa đảng CS với nông dân VN.

Sau khi có thời gian nửa thế kỷ để nhìn lại và suy nghĩ, chúng ta nên tập trung chú ý đến những vấn đề và bài học dưới đây:

1- Cục diện mới dẫn đến CCRĐ:

Những ai từng sống những năm giữa thế kỷ 20 ở Việt Nam có thể nhớ lại không khí lãng mạn nhẹ nhàng trong cuộc chiến đấu chống thực dân Pháp, với những bài hát sôi nổi "Bao chiến sỹ anh hùng...", "Nào ta đi hùng binh...", "Diệt phát xít...". Đảng CS rút vào bí mật, các cuộc thanh trừng diễn ra kín đáo, tuổi trẻ sẵn sàng xông ra trận để bảo vệ nền độc lập.

Từ cuối năm 1949, năm 1950 và 1951 một cục diện mới mở ra. Đảng CS Trung Quốc thắng to và rất nhanh, chiếm cả lục địa Trung Hoa, lập nên nước Cộng hòa Nhân dân, Quân giải phóng Trung Quốc đến biên giới Trung - Việt; Việt Nam chấm dứt thời kỳ bị cô lập, quan hệ Việt - Trung về mọi mặt mở ra rất rộng rãi về ngoại giao, kinh tế, quân sự, văn hóa... Ảnh hưởng của Trung Quốc tràn vào Việt Nam như nước lũ, từng đoàn cố vấn Trung Hoa nhập Việt, cùng với viện trợ quân sự đủ trang bị mới hoàn toàn cho 6 sư đoàn bộ binh và 1 sư đoàn pháo binh; rồi gạo, vải, đường, thuốc men, xe Giải phóng...; hàng ngàn cán bộ quân sự, kinh tế, giáo dục, y tế, văn hoá sang Trung Quốc học tập; mọi người nô nức học tiếng tàu và

tiếng Nga. Khắp nơi nhảy ương ca: "Đồ đồ đồ sol đồ, đồ đồ đồ sol rê, rê rê rê mí xì rê, rê rê mí rê đô là..."; những đoàn văn công Trung Quốc sang biểu diễn...; sách đỏ "Mao tuyển" và huy hiệu hình Mao tràn ngập.

Cuối năm 1949, ông Hồ Chí Minh đi Bắc Kinh, Mátxcơva, gặp Mao Trạch Đông và Stalin. Tháng 2-1950 La Quý Ba đại sứ Trung Quốc cùng đoàn chuyên gia đến Việt Bắc. Tháng 9-1950 chiến dịch Biên giới, được đoàn chuyên gia quân sự cầm đầu bởi tướng Trần Canh làm quân sư, mở rộng biên giới Việt-Trung từ Cao Bằng, Lạng Sơn đến Tiên Yên, Móng Cái. Có thể nói lý luận Trung Quốc, kinh nghiệm TQ, hàng hóa TQ, vũ khí TQ, phim ảnh TQ, sách báo TQ... trở thành cuộc sống bao trùm các "vùng giải phóng", còn gọi là "vùng tự do".

Vì vùng giải phóng là vùng "tự túc", khép kín, cách biệt với vùng "tạm chiếm" nên cũng là cách biệt hẳn với thế giới bên ngoài; hàng phương tây đều gọi là hàng địch, hàng lậu, hàng cấm. Chính trong không khí ấy, trong những điều kiện ấy mà cuộc CCRĐ là một sản phẩm Trung Quốc, mang nhãn hiệu thuần Trung Quốc, từ mục tiêu đến cách tiến hành theo các bước cụ thể; có thể khẳng định đây là một đặc sản Trung Quốc.

2- Đặc sản Trung Quốc: từ chủ trương đến phương châm và biện pháp:

Tháng giêng năm 1950, khi ông Hồ gặp Mao Trạch Đông ở Bắc Kinh và Stalin ở Mátxcơva, cả 2 ông Mao và Xít đều thúc dục ông Hồ phải về làm ngay CCRĐ để còn đi đến xóa bỏ tư hữu ở thành thị và nông thôn. Ông Xít còn phân công cho đảng CS của Mao việc "giúp đỡ" cho cách mạng vô sản ở châu Á, trước hết là Việt Nam.

Ông Hồ luôn sùng bái đến mức tuyệt đối Xít và Mao, coi đó là 2 bậc thày của mình - không bao giờ phạm sai lầm - nên khi về nước là răm rắp thực hiện. Cũng theo thúc giục của Xít và Mao, đầu năm 1951 Đại hội II của ĐCS họp ở Tuyên Quang, ra công khai trở lại dưới tên mới "Đảng Lao động Việt Nam" và ra nghị quyết về CCRĐ.

Từ Á–Phi sang Âu–Mỹ, xưa nay đã có biết bao nhiêu cuộc CCRĐ. Các cuộc Cách mạng tư sản dân quyền đều đặt vấn đề chia lại ruộng đất cho nông dân. Thế nhưng khi đảng CS Liên Xô và Trung Quốc đặt ra vấn đề CCRĐ thì mục đích không phải là chia ruộng cho nông dân. Mục đích của họ rõ ràng là một mục đích khác, đó là thiết lập và củng cố sự thống trị còn mới mẻ của đảng CS lên toàn xã hội, điều mà họ công khai tuyên bố: thiết lập nền chuyên chính vô sản, một nền chuyên chính đầy máu và nước mắt.

Ở Trung Quốc, sau cuộc Vạn lý Trường chinh (từ 10-1934 đến 10-1935), đảng CSTQ bị mất đến 9/10 lực lượng. Quốc Dân đảng của Tưởng Giới Thạch phát triển mạnh; sau khi Phát xít Nhật thua trận, Quốc Dân đảng củng cố chính quyền trên toàn quốc theo hướng quân phiệt. Cuối năm 1945, được Stalin chuyển cho toàn bộ số vũ khí tước được của đội quân Quan Đông Nhật ở quân khu Mãn Châu, Quân Giải phóng Nhân dân TQ lớn rất nhanh và chỉ trong 2 năm, từ 1948 đến 1949 đã Nam hạ chiếm toàn lục địa TQ. Họ đột nhiên chiếm được một vùng đất lạ mênh mông lâu năm dưới sự cai trị của Quốc Dân đảng, nên họ cần làm gấp cuộc CCRĐ để quét sạch tàn dư còn khá nặng nề và nguy hiểm ấy. Địa chủ QDĐ bị bắn, giết, chôn sống như rạ.

Cần chỉ rõ các cố vấn TQ về CCRĐ sang VN đều dự "Thổ địa cải cách" ở TQ, có khá nhiều kinh nghiệm thực tế ở vùng Hoa Nam; nhưng họ có trình độ văn hóa rất hạn chế, hầu hết từ thành phần cơ bản bần cố nông nghèo khổ thất học, lần đầu tiên đi ra nước ngoài, lại mang nặng tư tưởng nước lớn Đại Hán tộc, nên luôn có thái độ trịch thượng, tự coi mình là giỏi giang, cái gì cũng biết để dạy bảo người khác. Về phía Việt Nam, các cấp đoàn ủy (chỉ đạo một vùng) và đội (chỉ đạo một xã) cũng đều tuyển lựa trong lớp bần cố nông 3 đời nghèo khổ, nên thường là dân mù chữ, đi làm thuê, mới được học bình dân học vụ và bổ túc văn hóa, không có khả năng lãnh đạo, càng không có tư duy độc lập, nên chỉ còn biết vâng dạ các đồng chí cố vấn, "phái viên quý báu" của Mao chủ tịch vĩ đại (!), dù cho các vị - từ tổng cố vấn Kiều Hiểu Quang trở xuống - chuyên mang thực tế TQ thay cho thực tế VN. Máu đổ rùng rợn từ đó.

Vậy mà năm 1956, khi nhìn ra sai lầm, thú nhận sai lầm và đề ra sửa sai ở Hội nghị trung ương 10, những người lãnh đạo đảng CS VN không một ai dám nói gì đụng đến Trung Quốc.

Tất nhiên trách nhiệm trước hết là ở thái độ chủ quan, giáo điều, xa rời thực tế của đảng CS VN, nhưng không thể bỏ qua cội nguồn của những sai lầm ấy là thái độ sùng bái TQ, sùng bái Mao, sùng bái ĐCS TQ, sùng bái đoàn cố vấn CCRĐ, sùng bái kinh nghiệm TQ. Những người lãnh đạo đảng CS VN đã từ nhiệm vai trò "chủ nhân ông" đất nước mình, từ nhiệm vai trò làm chủ trong lãnh đạo đất nước, tự biến mình thành kẻ tay sai ngay trên đất nước mình.

Chính do thái độ mù quáng, sùng ngoại, tê liệt trong tư duy và suy luận, thiếu bản lĩnh tự hào dân tộc mà bộ chính trị ĐCS VN suốt trong năm 1954 và đến cuối 1955 vẫn tin và truyền bá công khai rằng: "Địa chủ VN ta rất ma quái, phần lớn dấu thành phần giai cấp

để chỉ là phú nông và trung nông", "rất nhiều địa chủ giả bộ, đóng kịch làm địa chủ kháng chiến", "rất nhiều tên địa chủ giả vờ hăng hái ủng hộ cách mạng, góp vàng bạc, tiền, hiến nhà chỉ để che giấu tội ác", "nhiều tên chui vào đảng CS, không ít tên còn chui sâu, leo cao..."; "phần lớn đảng bộ và chi bộ đảng vùng đồng bằng Bắc bộ là do Đơ Bê - Deuxième Bureau, Phòng nhì quân viễn chinh Pháp - tổ chức".

Theo thôi thúc cố vấn Tàu, các tôn giáo bị diệt thẳng tay, sư sãi cha cố bị đi làm khổ sai, tiếng chuông chùa im bặt, tượng Phật, ảnh Chúa bị liệng xuống ao.

Tôi nhớ lại, giữa năm 1955, khi "địa chủ cường hào ác bá kiêm Việt gian" bị bắn la liệt và bừa bãi suốt từ Thái Nguyên về Hưng Yên, Thái Bình, Kiến An, từ Hà Đông, Ninh Bình vào Nghệ An, Hà Tĩnh, gây xôn xao dữ dội, các tờ thông tin và đặc san về CCRĐ vẫn đưa tin về chỉ thị của Bộ chính trị là "tỷ lệ 5% dân số là địa chủ là tỷ lệ chính xác (!) trên thực tế", và "mỗi xã phải có ít nhất 2 đến 3 địa chủ ác bá để chịu tội tử hình là đúng đắn". Nơi nào không đạt những tỷ lệ ấy là đã bị nhiễm căn bệnh hữu khuynh, phải làm lại; phải luôn nhớ đây là "cuộc cách mạng long trời lở đất", phải nắm vững phương châm "phóng tay phát động quần chúng, nghĩa là làm mạnh, dù có tả khuynh đôi chút cũng không sao, còn hơn là hữu khuynh"; "đừng e ngại các biện pháp mạnh, như đấu tố, dùng đông đảo quần chúng áp đảo địch và kẻ lừng chừng, dùng tòa án và các cuộc xử tử tại chỗ để gây khí thế". Chính lãnh đạo đảng CS đã thôi thúc cuộc tàn sát, đến tận giữa năm1956 khi xã hội đã phản ứng mạnh mẽ.

Rõ ràng tình hình Trung Quốc và Việt Nam khác hẳn nhau về chính trị, kinh tế, về chiếm hữu ruộng đất, về các giai cấp và tầng lớp ở nông thôn, về các đảng phái chính trị. Áp dụng máy móc kinh nghiệm Trung Quốc vào Việt Nam rõ ràng là sai lầm cơ bản nhất, là nguyên nhân của những nguyên nhân sai lầm kéo dài dai dẳng hơn 2 năm trời qua cả 5 đợt cải cách. Đến năm 1956, sau khi Đại hội 20 của đảng CS Liên xô (2-1956) công khai công nhận sai lầm về sùng bái cá nhân Stalin, cuộc họp Trung ương lần thứ 10 đảng Lao động Việt Nam (9-1956) mới dám làm theo để công khai công nhận sai lầm của mình.

Cần chỉ ra thật rõ rằng cuộc kiểm điểm sai lầm này vẫn còn rất hời hợt, không sâu sắc triệt để, sửa sai do đó vẫn chỉ sơ sài hình thức, vin cớ là trong thời kỳ chiến tranh, "phải tránh không cho địch lợi dụng", "phải chiếu cố miền Nam, tránh làm cho bà con trong Nam giảm niềm tin, kẻ địch trong Nam lợi dụng...".

Do thái độ sùng bái TQ, e sợ đảng CS TQ, kiểm điểm sai lầm không dám đụng đến TQ nên từ đó họ vẫn kéo dài căn bệnh "cúi đầu" trong ứng xử với TQ, với những hệ quả tai hại lâu dài cho đất nước và dân tộc, kéo dài cho đến tận ngày nay mà vẫn chưa biết bao giờ mới chấm dứt.

3- Bàn tay của Trung Quốc trong chia đôi Việt Nam:

Chuyện này không trực tiếp dính đến cuộc CCRĐ, nhưng không thể bỏ qua khi nói đến CCRĐ vì nó xảy ra ngay khi CCRĐ đang ở cao điểm ở Việt Nam và nó cũng bắt nguồn từ thái độ sùng bái TQ, ở thái độ từ nhiệm quyền tự chủ, quyền độc lập của Việt Nam.

Chuyện này khá dài. Chỉ xin nói rất gọn để rõ do đâu mà nước ta bị chia đôi; nước ta liền một giải, bỗng nhiên bị chia làm hai, hai chế độ, hai nhà nước, hai chính phủ, hai phe...; vết thương chia cắt đến nay vẫn chưa thành sẹo, sự chia cắ t đã tác động sâu sắc đến cuộc sống của mỗi gia đình, mỗi con người Việt Nam trong hơn nửa thế kỷ qua.

Nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa được thành lập từ ngày 1-10-1949, đến những năm 1953, 1954, vị trí quốc tế còn rất thấp (mãi đến năm 1971 Bắc Kinh mới được vào Liên Hợp Quốc). Mao và Chu Ân Lai lợi dụng cuộc chiến tranh Pháp - Việt để tìm kiếm một tư thế ngoại giao trên trường quốc tế. Liên Xô đã tiếp tay cho Bắc Kinh, đề xướng cuộc họp quốc tế ở Genève (Thụy sỹ) đầu năm 1954 nhằm tìm giải pháp cho hai cuộc chiến tranh ở Triều Tiên và ở Việt Nam. Mỹ, Anh và Pháp đều tán thành. Đây là cuộc ra mắt quốc tế đầu tiên của nước Trung Hoa Cộng sản. Đoàn đại biểu Trung Quốc do Thủ tướng kiêm ngoại trưởng Chu Ân Lai dẫn đầu. Qua kể lại, văn kiện hội nghị và hồi ký của những nhân vật tham dự như Molotov (ngoại trưởng Liên Xô), Chu Ân Lai, Phạm Văn Đồng (ngoại trưởng VN Dân chủ Cộng hòa), Tạ Quang Bửu (thứ trưởng Quốc phòng miền Bắc VN)... thì thoạt đầu đoàn miền Bắc chỉ có một dự kiến là ngừng bắn tại chỗ, trong khi chờ thời hạn cuộc tổng tuyển cử tự do trên toàn quốc. Đó là ngừng bắn theo "kiểu da báo", theo từng vùng xen kẽ với nhau, không chia đôi, không cắt ngang đất nước qua một vĩ tuyến nào đó...

Trong tư tưởng quân sự của các tướng Võ Nguyên Giáp, Nguyễn Chí Thanh, Lê Trọng Tấn, Trần Văn Trà... hồi ấy, lập trường "ngừng bắn tại chỗ" dựa trên thế trận đang thuận lợi trên toàn quốc, và nhìn rộng hơn, là thế trận trên toàn chiến trường Đông Dương. Trên chiến trường chính là miền Bắc, chiến thắng vang dội Điện

Biên Phủ đã được sự phối hợp và hỗ trợ khá mạnh của các chiến trường Trị–Thiên, Tây Nguyên (nơi cả GM 100 bị tiêu diệt trên đường 13 và 14), Đông Nam bộ và đồng bằng sông Mékông, cũng như ở gần Luang Prabang, Phong Saly, Paksé-Sénô ở Lào. Vùng giải phóng rộng lớn ở đồng bằng Liên khu 5 là nguồn nhân lực và vật lực quan trọng cho cuộc chiến.

Người đề ra việc chia cắt Việt Nam làm 2 miền chính là Chu Ân Lai nhằm làm cho cuộc họp kết thúc nhanh, được phía chính phủ Pháp tán thành ngay giữa thái độ sửng sốt, ngỡ ngàng của trưởng đoàn Phạm Văn Đồng và tất cả đoàn VN Dân chủ Cộng hòa. Đầu tháng 7-1954, Chu Ân Lai từ Genève trở về Bắc Kinh báo cáo với Mao rồi ghé qua Liễu Châu ở Quảng Tây, gần biên giới Trung–Việt, triệu tập ông Hồ Chí Minh và tướng Giáp sang gặp tại đó, ép buộc chấp nhận giải pháp chia cắt. Chu ép rằng "Mao chủ tịch đã tán thành ý kiến này; chia cắt chỉ tạm thời thôi, trong khi chờ tổng tuyển cử toàn quốc; phải giải quyết sớm không thì Mỹ sẽ can thiệp...". Ông Hồ băn khoăn đành cúi đầu, tướng Giáp cay đắng vẫn phải vâng lời. Chu còn ngỏ ý việc chia cắt sẽ ở vào quãng vĩ tuyến 16, nơi hồi 1945 các nước Đồng minh quy định ranh giới cho việc giải giới quân phát-xít Nhật (quân Anh ở phía Nam, quân Trung Hoa Tưởng ở phía Bắc).

Ngày 20-7-1954, ngay trước ngày ký Hiệp định Genève, chính cũng lại Chu Ân Lai ép Phạm Văn Đồng chấp nhận việc chia cắt ở vĩ tuyến 17, dọc theo sông Bến Hải, viện cớ rằng Thừa thiên–Huế là Cố đô, có nhiều lăng tẩm nhà Nguyễn nên Pháp và ông Bảo Đại không chịu nhượng bộ. Lại một quả đắng phải nuốt vì trước đó Phạm Văn Đồng, Tạ Quang Bửu nhận điện của tướng Giáp từ Hà Nội... đã cò kè với phía Pháp đường chia cắt phải ở vĩ tuyến 13 (qua đèo Cả) rồi lùi về vĩ tuyến 14, 15, rồi cố giữ ở vĩ tuyến 16 (phía Nam đèo Hải Vân) như Chu Ân Lai từng hứa hẹn, mà cũng không được. Chỉ thị trước đó của Phạm Văn Đồng cho Tạ Quang Bửu khi mặc cả với phía Pháp: "Không được để mất vùng Nam Ngãi Bình Phú (Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên)" chỉ là ý muốn hão huyền.

Chính con dao Bắc Kinh trong bàn tay của Mao và Chu Ân Lai đã cắt đôi đất nước ta với sự đồng thuận của nhóm lãnh đạo CS ở Hà Nội. Sự chia cắt độc ác ấy nằm trong "chiến lược chia để trị" truyền thống của bọn bành trướng cũng như của bọn thực dân, để lại những di hại lâu dài. Bắc Kinh là kẻ hưởng lợi lớn nhất tại Genève năm 1954, được nâng cao vị trí quốc tế, được tiếng là "đóng

góp nổi bật cho hòa bình ở châu Á", được đóng vai cường quốc thế giới.

Thái độ cam chịu làm chư hầu của Trung Quốc là đường lối chiến lược nhất quán xưa nay của đảng CS VN, được khẳng định trong điều lệ của đảng kể từ năm 1960 (Đại hội III) ghi rõ lấy tư tưởng Mao làm nền tảng lý luận. Đường lối ấy chỉ tạm ngưng một thời gian ngắn khi bùng nổ mâu thuẫn Xô–Trung và chiến tranh biên giới Việt–Trung (1979) nhưng ngay sau khi đảng CS Liên xô tan vỡ (tháng 8-1991), đường lối ấy lại được khôi phục, còn mặn mà chặt chẽ hơn trước, suốt từ sau đại hội VII (1991) đến đại hội X, được Đỗ Mười và Lê Đức Anh bảo kê, còn kéo dài chưa biết đến bao giờ mới hết!

Chính 2 nhân vật tệ hại này đã một mặt làm tay trong cho Bắc Kinh để lấn đất, lấn biển nước ta qua 2 hiệp định Việt–Trung 1999 và 2000, mặt khác trì hoãn việc ký hiệp định Việt–Mỹ, cản bước VN sớm gia nhập WTO theo thâm ý của các ông chủ ở Bắc Kinh.

Nhắc đến thái độ bạc nhược của nhóm lãnh đạo CS ở Hà Nội trước thế lực bành trướng TQ, xin nhớ ông cha ta vẫn căn dặn là phải cứng cỏi về nguyên tắc, dựa vào ý chí độc lập của toàn khối dân tộc, không thể chia rẽ, yếu đuối để họ lấn lướt "được đằng chân lân đằng đầu", đồng thời không khiêu khích chúng, khôn khéo giữ hòa khí để duy trì quan hệ láng giềng bình thường và bình đẳng.

Nhiều nhà trí thức rởm bênh che cho thái độ quỵ lụy dai dẳng của bộ chính trị đảng CS VN thường viện vị trí địa lý Việt Nam ở sát nước khổng lồ nên phải có thái độ biết thân phận mình, theo học thuyết địa lý–chính trị. Họ lý giải: người ta không thể chọn láng giềng, đây là định mệnh (!), phải biết sống để tồn tại, cứ phải chờ, TQ đổi mới đến đâu ta đổi theo đến đấy.

Các nhà thông thái nửa mùa ấy có biết hay không: một loạt nước sống cạnh TQ, có biên giới với TQ, vẫn giữ vững độc lập tự chủ đó sao? Ấn Độ, Sri Lanca, Miến Điện, Thái Lan, Mông Cổ... đều nhỏ bé hơn TQ sao vẫn giữ được nền độc lập và tự chủ. Họ đâu có thúc thủ chịu đựng cái bất hạnh địa lý–chính trị có một nước lớn là láng giềng. Các nhà thông thái trên đây có biết chăng: dân tộc Hán lớn đến vậy, luôn tự hào là Đại Hán tộc, sống từ ngàn xưa trên đất Trung Quốc, thế mà từng bị dân tộc nhỏ bé ở Mông Cổ và Mãn Châu tràn sang thống trị thời Nguyên Mông và Mãn Thanh.

Các nhà chính trị thời hiện tại cần hiểu rằng: ngày nay, với khoa học kỹ thuật và công nghiệp quốc phòng phát triển cao, không gian và thời gian bị thu lại rất hẹp, quan hệ quốc tế trên cơ sở những

giá trị của thời đại được toàn cầu hóa với tổ chức Liên Hợp Quốc, không phải dễ gì mà một nước lớn lấn áp, thống trị được một nước láng giềng, trừ phi nhóm lãnh đạo của chính nước đó dại dột tự nguyện làm chư hầu cho nước lớn.

Thật đại phúc cho dân tộc Việt Nam ta, gần đây đã có những thanh niên thông minh tuấn tú như Lê Chí Quang, Nguyễn Khắc Toàn, Đỗ Nam Hải, Trần Khải Thanh Thủy, Lê Thị Công Nhân... cùng nhiều chiến sỹ dân chủ đã cảnh báo về nguy cơ đến từ phương Bắc và chỉ ra con đường độc lập tự chủ chân chính của nước ta là gắn bó với những giá trị tự do dân chủ của thời đại, tỏ rõ bản lĩnh chính trị cao hơn hẳn bộ chính trị hiện tại, cao hơn hẳn những Nông Đức Mạnh, Nguyễn Tấn Dũng, Nguyễn Minh Triết, Nguyễn Phú Trọng... một cái đầu.

4- Món nợ lưu cữu của đảng CS đối với nông dân VN:

Trong CCRĐ bà con nông dân ta đã chịu bao nhiêu tổn thất? Theo thống kê nội bộ của đảng CS (chưa được công khai hóa), ở những vùng đã làm CCRĐ:

- số "địa chủ thường": 82.777, số quy sai là 51.480, tỷ lệ sai là 62%;
- số địa chủ kháng chiến: 586, số quy sai là 290, tỷ lệ sai là 49%;
- số địa chủ cường hào ác bá: 26.453, số quy sai: 20.493, tỷ lệ sai là 77%40.

Như vậy là đã có hơn 80 ngàn gia đình địa chủ đã bị bắt bớ, đấu tố, hành hạ; mỗi gia đình có trung bình 4 đến 5 người, bị liên quan, nên số bị nạn lên đến 400 ngàn người. Họ mất nhà, mất tiền của, một số tự sát, còn sống cũng đói khổ, ốm đau, suy kiệt; khá đông gia đình bị tan vỡ, con cái thất học, bơ vơ...

Số "cường hào ác bá" (bị coi là oan hay không oan) bị tù đầy, đánh đập, tra tấn rồi bị bắn lên đến hơn 26 ngàn, cả gia đình bị điêu đứng theo, thì con số bị nạn có thể lên đến hơn 100 ngàn. Vậy là tính sơ sơ số nạn nhân trực tiếp nói chung lên đến nửa triệu con người.

Chưa hết, theo thống kê nội bộ, trong Chỉnh đốn tổ chức được tiến hành ở 2.876 chi bộ đảng CS gồm có 15 vạn đảng viên, đã có đến 84.000 đảng viên bị xử trí (bị tù, tra tấn, xỉ vả, bị giết) chiếm 47%. Con số khủng khiếp này - nhiều hơn số địa chủ bị đấu tố - đã được giữ rất kín. Tôi có những bạn thân, đồng đội cấp trung đoàn (hồi ấy chưa có quân hàm) là trung đoàn trưởng, tỉnh đội trưởng... bị đánh rụng hết răng, mù mắt, gẫy chân; một số khi sửa sai thì đã bị

lao phổi nặng do phải nằm đất ẩm, chỉ có manh chiếu rách. Số đảng viên bị tra tấn còn tàn khốc hơn dân thường vì bị coi là phần tử thù địch chui vào đảng để phá từ bên trong. Hầu hết là đảng viên trí thức, có trình độ học vấn khá.

Những biện pháp sửa sai đều hời hợt qua loa vì phần lớn của cải đã bị chia chác rơi vãi tan nát hết, còn người chết, tật bệnh hiểm nghèo, đau khổ không thể khôi phục nổi. Cần chỉ rõ thái độ vô trách nhiệm, đạo đức giả của lãnh đạo khi ba hoa về sửa sai "kịp thời", "thành khẩn", "hoàn thành sửa sai".

Với thời gian nửa thế kỷ, nhìn lại cho sâu sắc, thế là cả một lớp nông dân thuộc tầng lớp trên ở nông thôn, có văn hóa và kiến thức, am hiểu sâu nghề làm ruộng truyền thống đã bị tiêu diệt nhân danh cách mạng vô sản.

Món nợ của đảng CS vẫn chưa hết. Ngay sau CCRĐ, chưa kịp sửa sai xong, đảng CS đã ép nông dân đi vào con đường tập thể hóa nông nghiệp, theo chỉ thị của Stalin và Mao. Hợp tác xã từ bậc thấp lên bậc cao, từ hợp tác xã từng xóm thôn đến hợp tác xã toàn xã theo kiểu Công xã nhân dân TQ và Nông trường Xô-viết ở Nga. Máu không tuôn chảy nhưng đó là con đường nghèo đói rã họng, chết dần chết mòn, suốt 25 năm từ 1960 đến 1985, nông dân chỉ sống cầm hơi nhờ mảnh đất 5% để lại cho từng hộ, trong khi 95% diện tích đưa vào tập thể không sản xuất nổi sản phẩm ngang bằng 5% kia. Mặc cho nông dân nghèo đói đến cùng cực, mặc cho vô vàn đảng viên kêu trời lên về sự phi lý ngu muội, như bí thư tỉnh ủy Vĩnh Phú Kim Ngọc bị vùi dập không thương tiếc; nông dân nhiều nơi bị dồn đến thế khốn cùng đã xé rào, tự cứu lấy mình, lúc ấy đảng mới "sáng suốt", chịu ti hí mở mắt theo.

Ngay sau khi nông dân thoát khỏi chiếc gông cùm tập thể hóa của đảng CS, được tự do sản xuất trên đồng ruộng mình sau năm 1986, lập tức sản lượng gạo nhảy vọt để VN trở thành nước sản xuất gạo hàng đầu; điều này càng chứng tỏ đảng CS đã "tận tình" tàn phá và bần cùng hóa nông nghiệp đến mức nào trong suốt gần 30 năm trời mụ mẫm và mù quáng.

Cùng với tai họa khủng khiếp tập thể hóa nông ngiệp, đảng CS huy động hàng triệu thanh niên nông thôn vào Quân đội nhân dân, không ít tuổi trẻ đã phải "sinh Bắc tử Nam", và ngay sau đó hơn 50 vạn lính nông dân đã bỏ mạng trên đất Cambốt (với 20 vạn bị thương). Và hiện nay đảng đang đền ơn đáp nghĩa nông dân ra sao? Biết bao mẹ anh hùng, mẹ liệt sỹ nối đuôi nhau trước các nhà "tiếp dân" vì ruộng đất, nhà cửa đã bị quan chức đảng, bọn cường hào CS cướp đoạt.

Vậy thì câu hỏi đảng CS đã trả hết nợ với nông dân hay chưa vẫn còn nguyên tính chất nóng bỏng. Đồng ruộng đất đai là sinh mạng của nông dân. Hiến pháp vẫn khẳng định ruộng đất thuộc quyền sở hữu của toàn dân. Nhà nước do đảng CS dựng lên thay mặt toàn dân nắm quyền sở hữu ấy. Cuối cùng là đảng CS lộng quyền, tự tung tự tác, chia chác ruộng đất tùy tiện, để đến nay quan chức đảng các cấp phần lớn trở thành những địa chủ tư sản mới, chủ nhà đất mới, phú nông mới, làm chủ đất, ruộng, rừng, hồ ao... ở khắp nơi.

Nông dân, người dân Việt ngày nay gọi các quan chức đảng là lũ "địa tặc", lũ giặc cướp đất của dân, những kiện cáo, khiếu kiện về ruộng đất, nhà cửa ở khắp mọi nơi ngày càng chồng chất, một vụ chưa giải quyết đã lại nổ ra trăm ngàn vụ khác, oan khiên oán giận ngút trời, không có cách gì giải quyết nổi.

Nhìn chung nông dân nước ta như con bò cái khỏe mạnh đã bị đảng cộng sản "chiếu cố", vắt kiệt sữa, bỏ đói dài dài, nay trơ xương, cay đắng nhìn về thành phố ra vẻ sung túc phồn vinh, ngậm ngùi về sự lạc hậu bất công, về sự phản bội lời hứa xây dựng một nông thôn xã hội chủ nghĩa tiên tiến giàu sang của đảng CS. Đây là món nợ cực lớn.

Kết luận:

Nhìn lại cuộc CCRĐ và mối quan hệ giữa nông dân VN và đảng CS trong hơn nửa thế kỷ qua, có thể kết luận đó là mối quan hệ tuyệt hảo, tốt đẹp hay chỉ là một bi kịch kéo dài. Câu hỏi nóng bỏng rút ra từ thực tế lịch sử là:

- đến bao giờ đảng CS mới trả lại quyền tư hữu ruộng đất đầy đủ cho nông dân, những ngươi đã và đang khai khẩn, lao động làm ra nông sản cho xã hội, và trả lại cho mọi tầng lớp xã hội quyền tự do đầy đủ về kinh tế, chính trị, văn hóa và tôn giáo, như trong một xã hội dân chủ văn minh?

- đến bao giờ đảng CS VN trở về với nền độc lập tự chủ của dân tộc, từ bỏ thái độ thần phục nước lớn, khôi phục các vùng đất và vùng biển đã mất, để cùng nhân dân mình theo con đường phát triển đúng đắn gắn bó với thời đại dân chủ văn minh?

Trên đây là hồi tưởng và suy nghĩ của một người từng ở trong lòng cuộc CCRĐ để quan sát và thuật lại, nhân dịp nửa thế kỷ cuộc sửa sai (tháng 10-1956). Xin chớ vội cho là tôi đã cố tình thổi phồng sự kiện, phóng đại tình hình vì cay cú không còn ở trong đảng CS.

Tôi đã cố giữ tinh thần trung thực của một chiến sỹ dân chủ, lấy sự thật và chỉ có sự thật làm mục tiêu và động lực tinh thần, nhằm

làm cho bà con nông dân ta, tuổi trẻ và cả những người cộng sản nhìn lại một cách tỉnh táo và lương thiện về những vấn đề chiến lược: nền độc lập dân tộc và quan hệ giữa nông dân VN và đảng CSVN.

Người viết mong được nhiều ý kiến nhận xét, đối thoại và tranh luận từ mọi hướng, từ các nhà nghiên cứu ở trong nước, các viện sỹ, giáo sư, sinh viên ngành chính trị, lịch sử, triết học, kinh tế, văn hóa của Học viện chính trị quốc gia và Viện Khoa học xã hội và nhân văn, đặc biệt là từ tuổi trẻ trong và ngoài nước và bà con nông dân quý mến.

(Paris tháng 10-2006)

HỒ CHÍ MINH trong CCRĐ

Nguyễn Quang Duy 26-01-2007

Cuộc Cải cách Ruộng đất (CCRĐ) tại miền Bắc Việt Nam là sự kiện có một không hai trong lịch sử Việt Nam. Sự kiện này đã dẫn đến việc tháng 9-1956, Hội nghị lần thứ 10 của BCH TW Đảng Lao động phải ra các quyết định sau : ngưng chức Tổng Bí thư của Trường Chinh, khai trừ Hoàng Quốc Việt và Lê Văn Lương khỏi Bộ Chính trị và loại Hồ Viết Thắng ra khỏi Ban Chấp hành Trung ương. **Sau nhiều năm bị che đậy, các tài liệu, các bài viết, các hồi ký, các tác phẩm văn học... được phổ biến trong thời gian gần đây giúp chúng ta biết thêm sự thật về cuộc CCRĐ này.**

Tuy vậy trong năm mười năm qua vai trò của Hồ Chí Minh trong CCRĐ vẫn được đặt ra với nhiều câu hỏi. Có thật ông chỉ theo lệnh của Stalin và Mao Trạch Đông ? Có thật ông chỉ là thiểu số không đủ quyền lực để ảnh hưởng đến các cố vấn Trung Quốc ? Có phải ông chỉ muốn tiến hành giảm tô ? Có phải ông đã khóc khi biết được các tội ác do CCRĐ gây ra ?… **Các câu hỏi này càng lúc lại càng trở nên cấp thiết khi Đảng Cộng sản (ĐCS) không ngừng tạo những huyền thoại về Hồ Chí Minh.** Vừa rồi Bộ Chính trị lại ban hành **Chỉ thị số 06-CT/TW** "yêu cầu toàn dân học tập để nhận thức về những nội dung cơ bản và giá trị to lớn của lý tưởng và tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh". Những công việc này chỉ làm xa dần con người thực của ông.

Hồ Chí Minh đã hiểu rất rõ nguyện vọng "người cày có ruộng" của nông dân Việt Nam. Khi còn ở Pháp ông có viết một số bài lên án việc chiếm hữu đất đai của thực dân Pháp và của nhà thờ Công giáo. Trong thời gian hoạt động tại Trung Hoa, ông tiếp nhận và để tâm nghiên cứu cách mạng thổ địa tại đây. Nó vừa là một phương tiện đấu tranh giai cấp, vừa để xây dựng chuyên chế vô sản. Trong một lá thư gởi các lãnh đạo Quốc tế Nông dân đề ngày 8-02-1928, ông viết : "*Tôi tranh thủ thời gian viết "những ký ức của tôi" về phong trào Nông dân, chủ yếu là phong trào Hải Lục Phong, nơi có các Xô-viết Nông dân. Người "anh hùng" trong "những ký ức của tôi" chính là đồng chí Bành Bái, cựu dân ủy nông nghiệp của Xô-viết Quảng Châu và hiện là lãnh tụ của Nông dân cách mạng.*" (Hồ Chí Minh Toàn tập, tập 2 tr. 265). Năm 1953 tại Hội nghị Nông hội và Dân vận toàn quốc, ông lại nhắc đến "...*đồng chí Bành Bái ở Trung Quốc, gia đình đồng chí là đại địa chủ, đại phong kiến, nhưng đồng chí ấy đã tổ chức và lãnh đạo Nông dân đấu tranh rất quyết liệt chống địa chủ phong kiến*" (HCM Toàn tập, t. 2, tr. 357).

Năm 1930, Đảng Cộng sản Đông Dương (tiền thân của ĐCS Việt Nam) được thành lập. Cương lĩnh của đảng này là lấy việc chống đế quốc, chống phong kiến và địa chủ, giành ruộng đất về cho nông dân làm sách lược hàng đầu. Sách lược 2 của ĐCS ghi rõ: "*Đảng phải thu phục cho được đại đa số dân cày và phải dựa vững vào hạng dân cày nghèo, phải hết sức lãnh đạo cho dân cày nghèo làm thổ địa cách mạng đánh trúc bọn đại địa chủ và phong kiến"* (Hồ Chí Minh Toàn tập, tập 2 trang 297). Chương trình hành động thì hướng đến việc: "*Đảng tập hợp đa số quần chúng Nông dân, chuẩn bị cách mạng thổ địa và lật đổ bọn địa chủ và phong kiến*" (Hồ Chí Minh Toàn tập, tập 2 trang 299). Các văn kiện thành lập ĐCS Đông Dương đều do Hồ Chí Minh, đại diện Quốc tế Cộng sản, soạn ra.

Ít tháng sau, ĐCS đã lãnh đạo nông dân nổi dậy ở nhiều nơi, đặc biệt là ở Nghệ An và Hà Tĩnh. Khẩu hiệu **"Trí - phú - địa - hào, đào tận gốc, trốc tận rễ"** được dùng làm tiêu đề cho cuộc đấu tranh mới - đấu tranh triệt tiêu giai cấp địa chủ và phong kiến. Cuộc nổi dậy đã bị Pháp đàn áp dã man. Từ đó, chia rẽ giữa các các tầng lớp nông dân ngày một trầm trọng hơn.

Năm 1945, khi nắm được chính quyền, một mặt Hồ Chí Minh và ĐCS phải lo đối đầu với Pháp, mặt khác vì đa số các đảng viên và cán bộ đều xuất thân từ các gia đình địa chủ hay phú nông, việc phát động cách mạng thổ địa đã không thể tiến hành ngay. Mãi đến năm 1949, khi ĐCS Trung Hoa đã chiếm xong lục địa, cửa hậu cần mới được khai thông. Việt Minh nhận được những viện trợ dồi dào

từ Quốc tế Cộng sản, nhất là từ ĐCS Trung Hoa. Chiến trường Việt Nam ngày một thuận lợi hơn cho lực lượng Việt Minh. Khi ấy Hồ Chí Minh và ĐCS mới nghĩ đến việc tiến hành CCRĐ, mở đầu bằng việc giảm tô cho nông dân. Ngày 14-7-1949, Hồ Chí Minh ký *Sắc lệnh 78 SL* quy định chủ đất phải giảm địa tô 25 phần trăm so với mức trước năm 1945.

Ngày 25-01-1953, tại Hội nghị lần thứ tư của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động, Hồ Chí Minh chủ tọa, đọc báo cáo đề ra nhiệm vụ phát động quần chúng triệt để giảm tô, thực hiện giảm tức, đấu tranh chống giai cấp địa chủ phong kiến, tiến đến CCRĐ.

Ngay sau đó, ngày 5-2-1953, tại Hội nghị Nông hội và Dân vận toàn quốc, Hồ Chí Minh đã vấn an các đảng viên và cán bộ tham dự như sau : "*Địa chủ cũng có đôi người làm cách mạng, nước ta như các nước khác, ta cũng có vài đồng chí, đại địa chủ mà làm cách mạng, hồi bí mật có bao nhiêu tiền của giúp cho Đảng hết, cam tâm chịu tù đày. Họ tuy là người trong giai cấp địa chủ nhưng lập trường và tư tưởng đã đứng về phe vô sản, là người của giai cấp công nhân*" (Hồ Chí Minh Toàn tập, tập 6 trang 357).

Ngày 12-4-1953 Hồ Chí Minh ban hành ***Sắc lệnh số 150 SL*** về CCRĐ, tịch thu ruộng đất của thực dân Pháp và địa chủ phản động chia lại cho nông dân nghèo.

Ngày 14-11-1953, Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương và Hội nghị toàn quốc của Đảng Lao động đã quyết định tiến hành CCRĐ.

Trong báo cáo trước Quốc hội khoá I kỳ họp lần thứ ba, ông Hồ đã phát biểu "*Phương châm của CCRĐ là : phóng tay phát động quần chúng Nông dân*" (Hồ Chí Minh Toàn tập, tập 6 trang 509). Ông Nguyễn Văn Trấn, nguyên Đại biểu Quốc hội khoá I, đại diện Sài Gòn Chợ Lớn, giải thích "phóng tay" nghiã là "*cứ việc làm mạnh thả cửa*" (Nguyễn Văn Trấn, trang 266). Ông Nguyễn Minh Cần giải thích "*là làm hết sức mãnh liệt, thẳng tay, không khoan nhượng, không thương xót, cho dù quá trớn, quá tả cũng không đáng sợ*". Ông còn cho biết: "*Ông Hồ đã dùng hình ảnh dễ hiểu : khi uốn thanh tre cong cho nó thẳng ra, phải uốn quá đi một tí và giữ lâu lâu, rồi thả tay ra thì nó mới thẳng được*". Ông Nguyễn Văn Trấn than rằng: "*Trời ơi ! Đảng của tôi đã nghe lời người ngoài, kéo khúc cây cong quá trớn. Nó bật lại giết chết bao nhiêu vạn sinh linh*." (Nguyễn Văn Trấn, trang 266).

Cũng trong báo cáo trước Quốc hội này, Hồ Chí Minh đã ra chỉ tiêu : "*Giai cấp địa chủ phong kiến không đầy 5 phần trăm dân số, mà chúng và thực dân chiếm hết 7 phần 10 ruộng đất...*" (HCM Toàn

tập, tập 6 trang 509). Chính chỉ tiêu này đã "...*giết chết bao nhiêu vạn sinh linh*".

Trong thời gian tiến hành giảm tô tiến đến CCRĐ, sáu xã tại huyện Đại Từ tỉnh Thái Nguyên đã được chọn làm thí điểm. Người đầu tiên bị mang ra xử bắn là **bà Nguyễn Thị Năm.** Bà còn được gọi là bà **Cát Hanh Long** (xem Nguyễn Minh Cần). **Bà là người đã che giấu và nuôi dưỡng các lãnh đạo Cộng sản như Trường Chinh, Hoàng Quốc Việt, Phạm Văn Đồng, Lê Đức Thọ, Lê Thanh Nghị, Lê Giản...** trong thời gian ĐCS còn hoạt động bí mật. Hai con trai bà, ông Nguyễn Công và ông Nguyễn Hanh đều theo Việt Minh từ trước 1945. Khi CCRĐ được phát động, ông Nguyễn Công đang làm chính ủy trung đoàn và ông Nguyễn Hanh là đại đội phó bộ đội thông tin.

Trong Hồi ký *Làm người rất khó, làm người xã hội chủ nghĩa khó hơn*, nguyên Phó thủ tướng CHXHCN Việt Nam, ông Đoàn Duy Thành cho biết việc bà Năm bị bắn đã làm xôn xao dư luận. Ông cho rằng việc làm này có 3 điều làm sai chính sách là : (1) Địa chủ kháng chiến được chiếu cố ; (2) Địa chủ kiêm công thương được chiếu cố ; (3) Địa chủ hiến ruộng được chiếu cố. Và một điều sai đạo lý là "*... bắn một địa chủ là nữ, không phải là cường hào gian ác sẽ trái đạo lý thông thường của người Việt Nam*". Ông viết tiếp : "*Sau này khi sửa sai CCRĐ xong, tôi được nghe nhiều cán bộ cao cấp nói lại : 'Khi chuẩn bị bắn Nguyễn Thị Năm, Bác Hồ đã can thiệp và nói đại ý : "Chẳng lẽ CCRĐ không tìm được một tên địa chủ, cường hào gian ác là nam giới mà mở đầu đã phải bắn một phụ nữ địa chủ hay sao ?" Nhưng cán bộ thừa hành báo cáo là đã hỏi cố vấn Trung Quốc và được trả lời là : "Hổ đực hay hổ cái, đều ăn thịt người cả !". Thế là đem hành hình Nguyễn Thị Năm* !"

Trong hồi ký *Những kỷ niệm về Bác Hồ*, nguyên Tổng biên tập báo *Nhân Dân*, ông Hoàng Tùng cho biết : "*Chọn địa chủ Nguyễn Thị Năm để làm trước là do có người mách cho cố vấn Trung Quốc. Họp Bộ Chính trị Bác nói : "Tôi đồng ý người có tội thì phải xử thôi, nhưng tôi cho là không phải đạo nếu phát súng đầu tiên lại nổ vào một người đàn bà, mà người ấy lại cũng giúp đỡ cho cách mạng, người Pháp nói không nên đánh vào đàn bà, dù chỉ là đánh bằng một cành hoa." Sau cố vấn Trung Quốc là Lê Quý Ba đề nghị mãi, Bác nói: "Tôi theo đa số, chứ tôi vẫn cứ cho là không phải". Và họ cứ thế làm*".

Trong hồi ký *Mặt thật*, nguyên Phó tổng biên tập báo *Nhân Dân*, nhà báo Thành Tín (Bùi Tín) đã kể rằng theo lập luận của đội CCRĐ thì "*Việc con mụ Năm đã làm chỉ là giả dối nhằm chui sâu, leo cao vào hàng ngũ cách mạng để phá hoại. Bản chất của giai cấp địa*

chủ là rất ngoan cố xảo quyệt và tàn bạo, chúng không từ thủ đoạn nào để chống phá cách mạng. Nông dân phải luôn luôn sáng suốt dù chúng giở thủ đoạn nào." Thành Tín cũng viết: "*Ông Hoàng Quốc Việt kể lại rằng hồi ấy ông chạy về Hà Nội, báo cáo việc hệ trọng này với ông Hồ Chí Minh. Ông Hồ chăm chú nghe rồi phát biểu : 'Không ổn ! Không thể mở đầu chiến dịch bằng cách nổ súng vào một phụ nữ, và lại là một người từng nuôi cán bộ Cộng sản và mẹ một chính ủy trung đoàn Quân đội Nhân dân đang tại chức.' Ông hẹn sẽ can thiệp, sẽ nói với Trường Chinh về chuyện hệ trọng và cấp bách này*". Thành Tín viết tiếp : "*Thế nhưng không có gì động theo hướng đó cả! Bởi vì người ta mượn cớ đã quá chậm. Các phóng viên báo chí, các nhà văn hạ phóng tham gia cải cách đã viết sẵn bài tố cáo, lên án, kết tội bà Năm rồi*".

Qua Thành Tín ta cũng biết được suy nghĩ của Hoàng Quốc Việt : "*Đến Bác Hồ biết là không đúng cũng không dám nói với họ... 'Họ' là các ông con trời đặc phái viên của Mao*". Thành Tín nhận xét : "*Trước hết HCM có lỗi lớn. Thà rằng không biết gì về chuyện này, và dù không biết, là Chủ tịch nước, Chủ tịch Đảng ông cũng phải chịu phần trách nhiệm. Huống hồ gì ông đã biết rõ cụ thể, ông nhận định là bà Năm bị xử trí oan, thế mà ông giữ im lặng, ông không can thiệp. Đây là thái độ vô trách nhiệm. Ông không can thiệp thì ai có thể can thiệp ? Ông để mặc cho Nước ông bị một số kẻ nước ngoài (cố vấn Tàu) lũng đoạn, lộng hành. Trên thực tế ông đã từ nhiệm vị trí trách nhiệm của mình*".

Trong hồi ký *Giọt nước trong biển cả*, ông Hoàng Văn Hoan đã cho rằng Ủy ban CCRĐ "*... tự cho phép các đội CCRĐ được bắn vào địa chủ gian ác để nâng cao khí thế nông dân. Việc bắn địa chủ mở đầu từ Thái Nguyên, sau lan tràn đi nhiều nơi, coi là một phương pháp tốt, để nâng cao uy thế của Nông dân*." Ông nêu ra điều 36 của luật CCRĐ quy định : "*Đối với kẻ phạm pháp thì xét xử theo pháp luật, nghiêm cấm việc bắt bớ và giết chóc trái phép, đánh đập hoặc dùng mọi thứ nhục hình khác*". Ông cũng đã viết : "*Tham dự xong Hội nghị Trung ương về CCRĐ, tôi lại trở ra Bắc Kinh. Thủ tướng Chu Ân Lai được biết tin và rất quan tâm về vấn đề sai lầm trong CCRĐ, khi gặp tôi liền hỏi : Việc sai lầm trong CCRĐ có liên quan gì đến các đồng chí cố vấn Trung Quốc hay không ? Tôi trả lời: Kinh nghiệm CCRĐ của Trung Quốc là rất tốt. Ủy ban CCRĐ ở Việt Nam phạm sai lầm, như coi thành phần địa chủ lên quá nhiều, đánh vào thành phần phú nông và trung nông, đánh vào những người chỉ có một ít ruộng đất nhưng nguồn thu nhập chính là những nghề nghiệp khác, đánh vào những địa chủ kháng chiến, địa chủ có công với*

cách mạng, đặt biệt là đánh tràn lan vào các cơ sở Đảng, thì đó là sai lầm của Ủy ban CCRĐ Việt Nam, chứ không phải là sai lầm của các cố vấn Trung Quốc".

Ông Nguyễn Minh Cần, nguyên Phó chủ tịch Hà Nội, đã hết sức ưu tư về việc "*những người lãnh đạo Cộng sản trong Bộ Chính trị và đứng đầu chính phủ đã từng được bà che giấu, nuôi ăn, tặng vàng, nay đang làm Chủ tịch nước, Tổng Bí thư, Ủy viên ban chấp hành, Thủ tướng, Phó Thủ tướng đã lạnh lùng chuẩn y một bản án tử hình như vậy ! Phát súng đầu tiên của CCRĐ nổ vào đầu của một người phụ nữ yêu Nước đã từng giúp đỡ cho những người Cộng sản ! Phát súng đó tự nó đã nói lên nhiều điều về các lãnh tụ Cộng sản ! Nó báo trước những tai họa khôn lường cho toàn Dân tộc !*".

Nhà văn Vũ Thư Hiên nhận xét một cách dứt khoát : "*Câu chuyện về Hồ Chí Minh trong thâm tâm chống lại chủ trương CCRĐ, bực bội vì việc mở màn bằng việc bắn một người đàn bà, như một số người bào chữa cho ông là một chuyện tầm phào. Một lệnh ông Hồ ban ra không phải là chỉ cứu được bà Nguyễn Thị Năm, nó còn cứu hằng ngàn người bị giết oan trong cả CCRĐ lẫn Chỉnh đốn tổ chức do Lê Văn Lương song song tiến hành. Ông không cứu ai cho tới khi những sai lầm tích tụ lại thành cái nhọt bọc. Lúc cái nhọt bọc vỡ ra ông mới tỉnh cơn mê. Nhưng đã muộn*".

Vũ Thư Hiên còn cho biết ông Vũ Đình Huỳnh, nguyên thư ký riêng của Hồ Chí Minh, đã nói thẳng với ông Hồ : "*Máu Đồng bào, đồng chí đã đổ mà Bác vẫn còn ngồi yên được à ? Chúng ta tuy không có học, chúng ta dốt, chúng ta phải vừa làm vừa học xây dựng chính quyền, vì dốt nát chúng ta mắc mọi sai lầm, nhưng chúng ta không có quyền để tay chúng ta nhuốm máu Đồng bào đồng chí".* Cũng qua Vũ Thư Hiên ta biết được ông Vũ Đình Huỳnh đã "*... khẳng định người chịu trách nhiệm chính là ông Hồ Chí Minh, chứ không phải là Trường Chinh. Trường Chinh chỉ là con dê tế thần cho ông Hồ*".

Điểm qua những hồi ký, suy nghĩ, ưu tư kể trên, ta thấy được **vụ án Nguyễn Thị Năm nói riêng và CCRĐ nói chung còn rất nhiều uẩn khúc.** Những uẩn khúc này không phải chỉ liên quan đến các nạn nhân hay gia đình nạn nhân CCRĐ. Nó còn in đậm nét trong tâm trí của những người đã một thời tin vào chủ nghĩa CS, vào lý tưởng Cộng sản, vào sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh và ĐCS, trong đó có người từng trực tiếp tham gia CCRĐ. Những uẩn khúc này cần phải được làm sáng tỏ.

Trong tập tài liệu *Phát động quần chúng và tăng gia sản xuất* của tác giả C.B. do báo Nhân Dân xuất bản năm 1955, tr. 27 và 28,

có bài "*Địa chủ ác ghê*". Bài viết này đã được đăng trên báo Nhân Dân ngày 21-7-1953 và phổ biến lại trong tập liệu này. Đúng như nhà báo Thành Tín cho biết, "*các phóng viên báo chí các nhà văn hạ phóng tham gia cải cách đã viết sẵn bài tố cáo, lên án, kết tội bà Năm rồi*". Nhân tiện người viết xin được đăng toàn bài để bạn đọc có thể cùng suy ngẫm.

Địa chủ ác ghê

Thánh hiền dạy rằng : "Vi phú bất nhân". Ai cũng biết rằng địa chủ thì ác : như bóc lột nhân dân, tô cao lãi nặng, chây lười thuế khoá - thế thôi. Nào ngờ có bọn địa chủ giết người không nháy mắt. Đây là thí dụ :

Mụ địa chủ Cát-Hanh-Long cùng hai đứa con và mấy tên lâu la đã :

- Giết chết 14 nông dân.

- Tra tấn đánh đập hằng chục nông dân, nay còn tàn tật.

- Làm chết 32 gia đình gồm có 200 người: Năm 1944, chúng đưa 37 gia đình về đồn điền phá rừng khai ruộng cho chúng. Chúng bắt làm nhiều và cho ăn đói. Ít tháng sau, vì cực khổ quá, 32 gia đình đã chết hết, không còn một người.

- Chúng đã hãm chết hơn 30 nông dân: Năm 1945, chúng đưa 65 nông dân bị nạn đói ở Thái Bình về làm đồn điền. Cũng vì chúng cho ăn đói bắt làm nhiều. Ít hôm sau, hơn 30 người đã chết ở xóm Chùa Hang.

- Năm 1944-1945, chúng đưa 20 trẻ em mồ côi về nuôi. Chúng bắt các em ở dưới hầm, cho ăn đói mặc rách, bắt làm quá sức lại đánh đập không ngớt. Chỉ mấy tháng, 15 em đã bỏ mạng. Thế là ba mẹ con địa chủ Cát Hanh Long, đã trực tiếp, gián tiếp giết ngót 260 đồng bào !

- Còn những cảnh chúng tra tấn nông dân thiếu tô thiếu nợ, thì tàn nhẫn không kém gì thực dân Pháp. Thí dụ :

- Trời rét, chúng bắt nông dân cởi trần, rồi dội nước lạnh vào người. Hoặc bắt đội thùng nước lạnh có lỗ thủng, nước rỏ từng giọt vào đầu, vào vai, đau buốt tận óc tận ruột.

-Chúng trói chặt nông dân, treo lên xà nhà, kéo lên kéo xuống.

Chúng đóng gióng trâu vào mồm nông dân, làm cho gẫy răng hộc máu. Bơm nước vào bụng, rồi giẫm lên bụng cho hộc nước ra.

- Chúng đổ nước cà, nước mắm vào mũi nông dân, làm cho nôn sặc lên.

- Chúng lấy nến đốt vào mình nông dân, làm cho cháy da bỏng thịt.

- Đó là chưa kể tội phản cách mạng của chúng. Trước kia mẹ con chúng đã thông đồng với Pháp và Nhật để bắt bớ cán bộ. Sau Cách

mạng tháng Tám, chúng đã thông đồng với giặc Pháp và Việt gian bù nhìn để phá hoại kháng chiến. Trong cuộc phát động quần chúng, Đồng bào địa phương đã đưa đủ chứng cớ rõ ràng ra tố cáo. Mẹ con Cát Hanh Long không thể chối cãi, đã thú nhận thật cả những tội ác hại nước hại dân. Thật là :

Viết không hết tội, dù chẻ hết tre rừng,
Rửa không sạch ác, dù tát cạn nước bể ! (21-7-1953)

Vì bài báo gọi bà Nguyễn Thị Năm là Cát Hanh Long nên người viết theo đó mà gọi. Có người còn gọi bà là bà Cát Thanh Long hay bà Cát Thành Long, không biết danh hiệu nào là đúng ?

Nhà báo Thành Tín cũng viết : "*Một số Nông dân chất phác ngây thơ, kể rằng bà Năm rất tốt, nhân từ, hay đi chùa, làm việc thiện, có nhiều cán bộ chiến sĩ là con nuôi của bà, bà có công với kháng chiến, nên xếp là địa chủ kháng chiến*". Nhóm từ "*mấy tên lâu la*" được dùng trong bài báo nêu trên có lẽ để kết tội các nông dân hiền hoà, chất phác đã không chịu đấu tố bà Năm và hai người con của bà.

Báo Nhân Dân là cơ quan tuyên truyền của Trung ương Đảng Lao động Việt Nam, bài báo phải được duyệt xét kỹ của Trung ương Đảng trước khi cho phổ biến. Khi đọc bài báo này, người viết cảm nhận một điều là bố cục, hình thức và văn phong của bài viết rất tương tự với bản "Tuyên ngôn Độc lập" do Hồ Chí Minh đọc tại quảng trường Ba Đình ngày 2-9-1945, phần lên án thực dân Pháp.

Tập tài liệu *Phát động quần chúng và tăng gia sản xuất* ghi rõ tên tác giả các bài viết trong đó là **C.B.**, đây là một trong những bút hiệu của Hồ Chí Minh. Chỉ riêng trong tập 6 (từ 1-1951 đến 7-1954) của bộ sách *Hồ Chí Minh Toàn tập* do nhà xuất bản Sự Thật Hà Nội in năm 1989, người viết đã đếm được tất cả 15 bài viết của HCM ký tên là C.B.

Không thấy bài viết này được nhắc đến trong bộ sách *Hồ Chí Minh Toàn tập*. Tuy nhiên trong *Hồ Chí Minh biên niên tiểu sử* tập 5 trang 418 ghi rõ: "*Bài viết của Chủ tịch Hồ Chí Minh : Địa chủ phản động ác ghê, ký bút danh Đ. X. đăng trên báo Cứu Quốc, số 2459 (ngày 2-11-1953), tố cáo tội ác của một số địa chủ phản động đã cấu kết với thực dân và bù nhìn để phản dân, phản nước, mưu phá hoại chính sách ruộng đất của Chính phủ. Chúng là bọn 'mặt người dạ thú' và tội ác của chúng là 'tuyệt vô nhân đạo'*". Bài viết của ông Hồ trên báo Nhân Dân đã được đăng lại trên báo *Cứu Quốc*.

Khi đọc bản thảo bài viết này, ông Nguyễn Minh Cần nhớ lại năm 1953 ông đã được đọc bài "Địa chủ ác ghê" từ nội san *CCRĐ* được phổ biến trong nội bộ Đảng Lao động và các cán bộ CCRĐ.

Ông Hoàng Văn Chí có viết: Trong khoá chỉnh huấn trung ương nhằm đả thông tư tưởng đảng viên và cán bộ làm công tác CCRĐ, Hồ Chí Minh đã ví von: "*Đế quốc là con hổ mà địa chủ là bụi rậm để cho hổ núp. Vì vậy muốn đuổi hổ phải phá cho kỳ hết bụi rậm.*" (Hoàng Văn Chí, *Từ thực dân đến Cộng sản*, chương 12, trang 90).

Khác với các vụ xử tử trong CCRĐ sau này, Hoàng Tùng xác nhận **Bộ Chính trị đã họp và quyết định về vụ xử bắn bà Năm**. Ông Nguyễn Minh Cần nói rõ hơn: "*Bà đã bị quy là địa chủ cường hà ác bá, bị đoàn CCRĐ xử án tử hình, Ủy ban CCRĐ Trung ương duyệt y và Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam chuẩn y*". Theo người viết, ít nhất có 7 lý do để bà Năm được chọn làm thí điểm đầu tiên cho cuộc phóng tay phát động quần chúng CCRĐ:

- **Thứ nhất**, phương châm chính trong CCRĐ là "thà giết lầm 10 người vô tội, còn hơn để thoát một kẻ thù". CCRĐ là một cuộc đấu tranh giai cấp giữa bần cố nông và địa chủ (nông dân có ruộng). Do đó địa chủ không thể được lọt lưới, được bỏ sót. Bà Năm lại có đến 2,789 mẫu đất (Thanh Cần, trang 3), là một đại địa chủ.

- **Thứ nhì**, phát súng đầu tiên bắn vào một phụ nữ để xác định CCRĐ là một cuộc đấu tranh giai cấp và trong đấu tranh giai cấp không phân biệt địa chủ phong kiến là phụ nữ hay đàn ông, già hay trẻ...

- **Thứ ba**, như Hồ Chí Minh thường tuyên bố "toàn Dân kháng chiến", địa chủ đã chấp nhận ở lại vùng kháng chiến, đương nhiên là chấp nhận theo, đóng góp, tham gia kháng chiến. Xử bắn bà, và những địa chủ trong vùng kháng chiến, là để phủ nhận công lao đóng góp của thành phần này. Nay đã có Quốc tế Cộng sản, có giai cấp công nông, khẩu hiệu "toàn dân kháng chiến" không còn cần thiết nữa.

- **Thứ tư**, bắn bà Năm là dấu hiệu cho phép trừng phạt tất cả những người có ruộng đất, có tài sản, có ảnh hưởng kinh tế chính trị trong và ngoài Đảng Lao động Việt Nam. Theo ông Đoàn Duy Thành, bà Năm là địa chủ đã hiến ruộng cho chính quyền kháng chiến.

- **Thứ năm**, ảnh hưởng kinh tế và chính trị của bà, và của các địa chủ khác, cần phải được thủ tiêu để mở đường xây dựng chế độ chuyên chế toàn trị.

- **Thứ sáu**, xử bắn bà Năm, và giai cấp địa chủ, là nhằm xách động nông dân thực thi sách lược "chia để trị".

- **Thứ bảy**, xử bắn bà Năm và tiêu diệt giai cấp địa chủ là nhằm nâng cao quyền lực của Hồ Chí Minh và ĐCS. Nguyễn Văn Trấn đã viết : "*Các đoàn CCRĐ đã rút kinh nghiệm về cách đem phạm nhân đi bắn, và đã cho lệnh bắn sau lưng kẻ thọ hình. Vì kinh nghiệm cho thấy, đem trói nó vào nọc trụ để bắn thì nó sẽ la to Hồ Chí Minh muôn năm, Đảng Lao động muôn năm*" (Nguyễn Văn Trấn, trang 270). Vũ Thư Hiên cũng nhắc đến việc có người đã tự tử để lại bức thư tuyệt mệnh: "*Oan cho tôi lắm, cụ Hồ ơi. Tôi trung thành với cụ với Đảng. Tôi không phản bội, Hồ Chí Minh muôn năm* !" (Vũ Thư Hiên, chương 1).

Chính vì những lý do trên mà **Hồ Chí Minh mới đích thân viết bài trên báo Nhân Dân đấu tố bà Năm.** Trong một lá thư, đề ngày 18-8-1956, gởi đến "Đồng bào nông thôn" nhân dịp CCRĐ căn bản đã hoàn thành, Hồ Chí Minh xác định CCRĐ là "*một thắng lợi vô cùng to lớn*" và "*có thắng lợi này là nhờ Đảng và Chính phủ ta có chính sách đúng đắn*". Ông viết tiếp : "*CCRĐ là một cuộc đấu tranh giai cấp chống phong kiến, một cuộc cách mạng long trời lở đất, quyết liệt gay go. Lại vì kẻ địch phá hoại điên cuồng; vì một số cán bộ ta chưa nắm vững chính sách, chưa thực đi đúng đường lối quần chúng ; vì sự lãnh đạo của Trung ương Đảng và Chính phủ có chỗ thiếu cụ thể, thiếu kiểm tra đôn đốc, cho nên khi CCRĐ đã xảy ra những khuyết điểm sai lầm*" (Hồ Chí Minh Toàn tập, tập 7, trang 507). Riêng việc "*kẻ địch phá hoại điên cuồng*" đã được ông giải thích như sau : "*Như con giun không biết nhảy, khi ta giẫm lên nó, nó cũng giãy trước khi chết. Giai cấp địa chủ cũng thế.*" (Hồ Chí Minh Toàn tập, tập 7, trang 358).

Vài năm sau, nhân kỷ niệm 30 năm ngày thành lập ĐCSVN, 6-1-1960, Hồ Chí Minh lại gắn liền cuộc kháng chiến chống Pháp và cuộc CCRĐ, ông tuyên bố : "*Buổi đầu kháng chiến, đảng vẫn tiếp tục thực hiện chính sách giảm tô, giảm tức. Nhưng đến lúc kháng chiến đã phát triển mạnh, cần phải bồi dưỡng hơn nữa lực lượng Nhân dân, chủ yếu là Nông dân thì Đảng đã cương quyết phát động quần chúng CCRĐ hoàn thành thực hiện người cày có ruộng. Nhờ chính sách đúng đắn này, lực lượng kháng chiến ngày càng mạnh thêm và đã liên tục thu được nhiều thắng lợi*" (Hồ Chí Minh Toàn tập, tập 8, trang 596).

Hồ Chí Minh đã hiểu rõ nguyện vọng của Dân tộc là Độc lập, Tự do, Dân chủ, Hạnh phúc, người cày có ruộng... Trong điều 12, Hiến pháp 1946, còn được gọi là “Hiến pháp Cụ Hồ” vì ông là trưởng

ban soạn thảo Hiến pháp, đã xác định : "*Quyền tư hữu tài sản của Công dân Việt Nam được bảo đảm*". **CCRĐ chẳng những vi hiến, nó còn là một tội ác với số nạn nhân chưa thể hay không bao giờ có thể tính được.** Hồ Chí Minh đã lợi dụng các khao khát, các ước vọng của người Dân để xây dựng quyền lực cho ông và cho ĐCS Việt Nam.

CCRĐ không phải chỉ tàn sát những thường dân vô tội. Nó còn **phá hoại những truyền thống tốt đẹp, phá hoại đạo lý luân thường, phá hoại tâm linh văn hoá của Dân tộc Việt Nam** (xin xem Nguyễn Minh Cần). Quả lời ông Vũ Đình Huỳnh khẳng định: "***Người chịu trách nhiệm chính là ông Hồ Chí Minh,*** *chứ không phải là Trường Chinh. Trường Chinh chỉ là con dê tế thần cho ông Hồ*" là hoàn toàn chính xác. Bài viết này mong làm sáng tỏ, làm minh bạch một phần của quá khứ, không phải để gợi lại hận thù, mà để xây dựng con đường đi tới tránh xa những tội ác mà người đi trước như Hồ Chí Minh đã mắc phải.

Tài liệu tham khảo :

- C.B., *Phát động quần chúng và tăng gia sản xuất*, Nhân Dân, 1955.
- Đoàn Duy Thành, *Làm người rất khó, làm người xã hội chủ nghĩa khó hơn*.
- Hoàng Tùng, *Những kỷ niệm về Bác Hồ*, Điện thơ Câu lạc bộ Dân Chủ
- Hoàng Văn Chí, *Từ thực dân đến Cộng sản*, Bản dịch của Mạc Định, Nhà xuất bản Chân Trời Mới, Sài Gòn, 1964.
- Hoàng Văn Hoan, *Giọt nước trong biển cả*.
- Thanh Cần, *Tội ác bóc lột địa tô của giai cấp địa chủ*, Nhà xuất bản Sự Thật, 1955.
- Thành Tín, *Mặt thật*.
- Nguyễn Văn Trấn, *Viết cho Mẹ và Quốc hội*, Văn Nghệ California, USA, 1997
- Nguyễn Minh Cần, *Xin đừng quên tội ác!... Nửa thế kỷ trước*
- Vũ Thư Hiên, *Đêm giữa ban ngày*
- *Hồ Chí Minh biên niên tiểu sử*, Viện Nghiên cứu chủ nghĩa Mác-Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995
- *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Viện Mác-Lênin, Nhà xuất bản Sự Thật, Hà Nội, 1989

Liên lạc với

Những hình ảnh đấu tố do nhiếp ảnh gia Liên Xô Dmitri Baltermants (1912-1990) chụp năm 1955 tại Việt Nam.

Chuẩn bị thi hành bản án xử tử

Địa chủ bị đấu tố

Địa chủ bị xử bắn tại chỗ

Trẻ thơ cũng bị buộc đi dự tòa án nhân dân

CẢI CÁCH RUỘNG ĐẤT TẠI MIỀN BẮC 1949-1956

tập 3

Khối 8406 Tự do Dân chủ cho Việt Nam
11-2009

MỤC LỤC

I- QUA CÁC NGHIÊN CỨU trang 06

- Hồ Chí Minh từ Xô viết NT 1930 tới CCRĐ 1953 (*Minh Võ*) 06
- Trung Cộng nô lệ hóa CSVN qua CCRĐ (*Tường Thắng*) 20

II- QUA CÁC HỒI KÝ VÀ HỒI ỨC 27

Cải cách Ruộng đất (*Gm Phaolô Lê Đắc Trọng*) 27
- Toà án Nhân dân và những án tử hình 32
- Một số kinh nghiệm riêng tư về Cải cách 38
- Phong trào Cải cách Ruộng đất khựng lại 43
- Hoàn thành Cải cách Ruộng đất 46
- Phải chăng đó là trong chủ nghĩa duy vật? 47
- Thành quả của Cải cách Ruộng đất 51

Hồ Chí Minh, kẻ chịu trách nhiệm chính... (*Vũ Thư Hiên*) 52
Hỏi chuyện Nv Vũ Thư Hiên về CCRĐ ở VN (*PV báo CE*) 54
Câu chuyện nhà thơ Hữu Loan (*Hữu Loan*) 58
CCRĐ qua lời kể của nhà thơ Hữu Loan (*Trịnh Hưng*) 63
Có những chuyện ông đội Bối chưa kể (*Ng. Trọng Tân*) 69

III- DƯỚI MẮT NHỮNG KẺ CHỦ XƯỚNG VÀ THI HÀNH 74

Nhận xét về Cải cách Ruộng đất đợt 5 (*Hồ Viết Thắng*) 74
- Thắng lợi to lớn và căn bản 76
- Những sai lầm, thiếu sót nghiêm trọng 78
- Sửa chữa sai lầm, phát huy thành tích 82

Sửa sai và tiến lên (*Trường Chinh*) 83
- Nhiệm vụ cách mạng phản phong kiến đã căn bản hoàn thành... 84
- Phát động quần chúng để thực hiện CCRĐ là đúng và cần thiết 85
- Phát động quần chúng thực hiện CCRĐ đã đạt được những... 87
- Đánh giá sai lầm trong CCRĐ và chỉnh đốn tổ chức 89
- Nguyên nhân, khuyết điểm, sai lầm 91
- Trách nhiệm của các cơ quan lãnh đạo và chỉ đạo thực hiện... 93
- Mấy bài học kinh nghiệm 95
- Sửa sai và tiến lên 98

Xét lại "hồ sơ" của giai cấp địa chủ (*Trần Huy Liệu*) 100
- Đặt vấn đề 101
- Kiểm điểm thái độ chính trị của giai cấp phong kiến địa chủ... 102
- Đề nghị xét lại một vài nhận định từ trước 107

Liên lạc với Khối 8406 : vanphong8406@gmail.com
http://khoi8406vn.blogspot.com

Lời giới thiệu

Chúng tôi xin trình bày tiếp về các khía cạnh của cuộc Cải cách Ruộng đất (CCRĐ), một trong những biến cố đau thương và rợn rùng của lịch sử Dân tộc hiện đại, mà di chứng còn tồn tại rất lâu dài.

Trước hết là qua công trình nghiên cứu của các học giả. Nhà biên khảo Minh Võ cho chúng ta thấy CCRĐ không chỉ nhắm riêng về kinh tế mà còn đặc biệt chú trọng về chính trị với mục tiêu củng cố quyền lực cho Đảng CS. Đây là một bước đi bắt buộc trong Cách mạng Vô sản mà Hồ Chí Minh là một tín đồ phục vụ thuần thành. Ông ta đã chọn con đường chủ nghĩa CS với cuộc đấu tranh diễn tiến trường kỳ cho tới khi tận diệt giai cấp Tư bản. Thành ra, CCRĐ chỉ là một giai đoạn trên lộ trình thăm thẳm đó và HCM cùng đồng đảng đã điều hành nó một cách ý thức và phải gánh chịu tất cả mọi trách nhiệm, dù sau lưng và bên cạnh có sự khống chế thúc đẩy của đảng CS Trung Quốc như tác giả Tường Thắng tiếp đó cho thấy.

Thứ đến là qua hồi ức của nhiều nhân vật đương thời. Nhà văn Vũ Thư Hiên, tác giả cuốn "Đêm giữa ban ngày" lừng danh cũng cho thấy HCM là kẻ chịu trách nhiệm chính về cuộc CCRĐ chứ chẳng phải ai khác. Cố Giám mục Lê Đắc Trọng (khi ấy còn là linh mục Tổng Giáo phận Hà Nội), qua Hồi ký của mình, thì chứng minh CCRĐ không chỉ đánh vào các địa chủ bóc lột, cường hào ác bá mà còn đánh vào tất cả những ai có uy tín, thế lực lúc bấy giờ mà có thể gây nguy hại trong tương lai cho quyền lực của CS. Đây là kiểu tiêu diệt tiềm năng mà bất cứ tập đoàn CS nào trên thế giới cũng đều áp dụng, để trong xã hội cuối cùng chỉ còn sự thống trị tuyệt đối của đảng. Nhà thơ Hữu Loan, qua kinh nghiệm riêng tư của bản thân và gia đình, lại cho thấy tính cách phi nhân và tàn độc của cuộc CCRĐ.

Cuối cùng là qua chính lời nói chữ viết của những kẻ chủ xướng và thực hiện cái gọi là "Cách mạng long trời lở đất" như Trường Chinh, Hồ Viết Thắng, Trần Huy Liệu.... Các bài nhận định của họ về CCRĐ đã phơi bày cả một học thuyết phi nhân, một chủ trương tàn bạo, một đường lối sắt máu, một quan niệm rùng rợn, coi lịch sử là cuộc đấu tranh sống mái giữa loài người và coi VN là sân khấu cho cuộc tranh hùng xâu xé giữa các giai tầng xã hội.

Cái não trạng "đấu tranh giai cấp" ấy vẫn tiếp tục trong các đồ đệ của HCM hiện thời, giữa một bên là các đảng viên thống trị và bên kia là toàn thể nhân dân bị trị. Cán bộ CS nay trở nên những địa chủ ngàn lần giàu có, bóc lột và tàn ác hơn các địa chủ ngày xưa. Thành ra bài học CCRĐ vẫn luôn còn đó, để luôn nhắc nhở chúng ta về hiểm họa CS.

Khối Tự do Dân chủ cho Việt Nam 8406

I- QUA CÁC NGHIÊN CỨU

Hồ Chí Minh
từ Xô viết Nghệ Tĩnh 1930
tới Cải cách Ruộng đất 1953

Minh Võ

Trích "Hồ Chí Minh, Nhận định và tổng hợp", Xuất bản năm 2003 - Chương 46

Hai dấu ấn đậm đà mà chủ nghĩa Cộng sản ghi lại trên đời sống Việt Nam, đặc biệt tại nông thôn, là phong trào Xô viết Nghệ Tĩnh và cuộc Cải cách Ruộng đất.

Phong trào Xô viết Nghệ Tĩnh là phong trào nổi dậy đầu thập niên 1930 chống chính quyền đương thời lúc đảng Cộng sản Việt Nam vừa thành lập và phát động đấu tranh với danh nghĩa Cộng sản. Cuộc Cải cách Ruộng đất được thực hiện vào hai thập kỷ sau, đầu thập niên 1950, khi Cộng sản thực sự nắm quyền trên một phần đất nước.

Cả hai biến cố đều do đảng Cộng sản Việt Nam chủ trương nhưng đều có dư luận biện giải là Hồ Chí Minh không chịu trách nhiệm. Từ giữa thập niên 1930 tới cuối thập niên 1940, gần như các tài liệu Cộng sản Việt Nam thường coi Xô viết Nghệ Tĩnh là phong trào tự phát nằm ngoài ý định của Hồ Chí Minh và cách biện giải này đã ảnh hưởng tới nhiều tác giả nghiên cứu về Việt Nam và con người Hồ Chí Minh.

Từ thập niên 1950 trở về sau, phong trào Xô viết Nghệ Tĩnh được nhìn theo chiều hướng khác hơn không còn được coi là một cuộc nổi dậy mang tính tự phát nữa.

Sở dĩ có tên Xô viết Nghệ Tĩnh vì "... *khi được tin nông dân nổi dậy ở Nghệ Tĩnh, Nguyễn Ái Quốc đã vội vã báo cáo hồi tháng 11 năm đó (1930) cho Quốc tế Cộng sản và Quốc tế Nông dân là*: *"Hiện nay ở một số làng đỏ, Xô viết Nông dân đã được thành lập"*. *Từ đó cái tên Xô viết Nghệ Tĩnh được tung ra và trở thành lịch sử*." **(1)**

Phong trào đã được xác định không khuôn hạn trong hai tỉnh Nghệ – Tĩnh mà phát động trên toàn quốc. Trần Văn Giàu so sánh với cuộc khởi nghĩa Yên Bái của Việt Nam Quốc Dân đảng như sau: "*Nếu Yên*

Bái nổi lên ở một vài địa phương lẻ tẻ trên chỉ một xứ Bắc Kỳ, thì cao trào 1930-1931 phát triển trên toàn quốc, khắp Trung, Nam, Bắc." **(2)**

Hồng Hà phổ biến nội dung báo cáo ngày 29-9-1930 của Hồ Chí Minh gửi Đệ tam Quốc tế ghi rõ "*nông dân Gia Định, Chợ Lớn và Tân An ở Nam Kỳ cũng biểu tình ngày 12-9 (và) ngày 17 nông dân Gia Định lại biểu tình*". **(3)**

Dương Trung Quốc viết: "*Phối hợp với Xô viết Nghệ Tĩnh*, *phong trào Cách mạng Việt Nam ở các tỉnh Nam Trung Kỳ cũng phát triển mạnh… Các cuộc đấu tranh này đều có vũ trang và uy hiếp các cơ quan chính quyền của địch. Tiêu biểu trong cao trào này là cuộc biểu tình vũ trang thị uy của 3000 nông dân huyện Đức Phổ (Quảng Ngãi) ngày 7-10-1930…*" **(4)**

Sử gia Pháp Daniel Hémery ghi là trong ít tháng từ tháng 5-1930 đến mùa hè 1931, CS đã tổ chức 124 cuộc biểu tình bạo động khắp nơi.

Tài liệu ***Lịch sử đảng Cộng sản Việt Nam*** *được giảng dạy tại các trường đại học Việt* Nam hiện nay đưa ra con số gấp mười lần con số của sử gia Hémery – "*Từ tháng 2 năm 1930 đến tháng 4 năm 1931 trong cả nước đã có 1236 cuộc đấu tranh của công nhân và nông dân… Chỉ trong tháng 9 và tháng 10 năm 1930, cả nước có 362 cuộc đấu tranh, 29 cuộc ở miền Bắc, 316 cuộc ở miền Trung, 17 cuộc ở miền Nam... Đấu tranh của quần chúng đã bùng nổ khắp nơi, tập trung ở các nhà máy, xí nghiệp, vùng mỏ như Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định, Hòn Gai, Cẩm Phả, Vinh – Bến Thủy, Sài Gòn, Chợ Lớn vân vân...*; *ở các vùng nông thôn như Gia Định, Vĩnh Long, Sa Đéc, Bến Tre, Long Xuyên, Cần Thơ, Trà Vinh, Thủ Dầu Một, Mỹ Tho, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Ngãi, Thái Bình, Hà Nam, Kiến An...*" **(5)**

Phong trào được phát động với khẩu hiệu "*Trí-Phú-Địa-Hào, đào tận gốc, trốc tận rễ",* biểu hiện tính triệt để của giai cấp đấu tranh đã dẫn đến thảm cảnh đẫm máu tại nhiều địa phương. Để đào tận gốc, trốc tận rễ bốn thành phần thù địch là *trí thức, phú nông, địa chủ, kỳ hào,* đấu tranh bạo động trở thành phương tiện chủ yếu. Nông dân được tuyên truyền kích động nổi dậy trừng trị kẻ thù của giai cấp bằng mọi biện pháp kể cả tàn sát và tàn sát bất phân già trẻ lớn bé. Vì, dù là *trí*, *phú, địa, hào* thì kẻ nào cũng có gia đình, con cháu trong khi khẩu hiệu nêu rõ phải *đào tận gốc, trốc tận rễ* nên không thể nương tay.

Nhưng không chỉ riêng máu của những thành phần trên phải đổ mà máu của nông dân cũng chan hòa vì sự đàn áp dữ dội của chính quyền Thực dân Pháp. Để đối phó với cuộc bạo động ngày 12-9-1930 của nông dân phủ Hưng Nguyên, Nghệ An, người Pháp đã đưa máy bay tới thả bom vào giữa các đám đông sát hại 217 người. **(6)** Bạo

động kéo dài cho tới mùa hè 1931 và trải rộng trên nhiều địa phương nên thảm cảnh chém giết đã tạo một ấn tượng kinh hoàng đối với quần chúng khắp nước. Hai tiếng Cộng sản trở thành mối đe dọa khủng khiếp vì là ám ảnh chết chóc từ cả hai phía, Pháp và những người đấu tranh cách mạng.

Trong ***Lời kêu gọi*** được thông qua vào dịp thành lập đảng Cộng sản Việt Nam vào đầu tháng 2-1930 tại Hong Kong, Hồ Chí Minh đã viết: "*Việc thành lập Đảng là một bước ngoặt lịch sử vô cùng quan trọng trong lịch sử Cách mạng Việt Nam. Nó chứng tỏ rằng giai cấp Vô sản ta đã trưởng thành và đủ sức lãnh đạo Cách mạng*" **(7)**

Đi vào bước ngoặt lịch sử này, Đảng đưa ra công việc đầu tiên cho giai cấp Vô sản được đánh giá đã trưởng thành là nổi dậy triệt hạ 4 kẻ thù *trí-phú-địa-hào*. Đảng đã theo đúng quan điểm chiến lược Lênin chọn giai cấp bần nông làm nòng cốt với mục tiêu cụ thể là tịch thu tài sản ruộng đất của các thành phần thù địch chia lại cho dân – tức giai cấp Vô sản. Cảnh sống khó khăn và trình độ dân trí thấp kém đã giúp các cán bộ tuyên truyền nhanh chóng lôi cuốn được những đám đông.

Phong trào được hưởng ứng và kết quả những ngày đầu có vẻ thuận lợi nên lập tức các kiểu mẫu chính quyền Xô viết được thành lập gây hứng khởi cho nhóm lãnh đạo khiến Hồ Chí Minh vội vã báo cáo ngay với Đệ tam Quốc tế về việc *đã có những làng đỏ tại Việt Nam với các Xô viết Nông dân*. Nhưng, hành động đấu tranh mang tính thúc đẩy những cuộc cướp của giết người đã gây ác cảm trong dư luận.

Nhà báo Nguyễn Phan Long trên tờ *Đuốc Nhà Nam* trong số ra ngày 8-8-1930 đã có một bài viết về những cuộc nổi dậy này được Trần Văn Giàu trích lại như sau: "*Tôi dám chắc rằng trong đám dân biểu tình, ngoài mấy anh đầu đảng ra không nói, còn mấy người sau đều là đám dân ngu khờ khạo bị chúng cám dỗ hết thảy*. *Thiệt vậy, theo người ở Hốc Môn nói với tôi, có nhiều người ở trong làng xưa nay là dân nghèo khù khờ ngu dại thế mà bị Cộng sản đến diễn thuyết, nói những lời dưới đất trên trời, làm cho những người ấy hóa ra những người biểu tình rất hăng hái!*" Trần Văn Giàu cũng trích lại lời phát biểu của nhà báo Dương Bá Trạc trên tờ *Lục tỉnh Tân văn*: "*Làm Cộng sản là những thằng dốt, theo Cộng sản là những đứa ngu.*"

Như thế, ngay trong lần đầu công khai xuất hiện tại Việt Nam, Cộng sản đã không thu phục nổi nhân tâm. Đây là lý do khiến đảng Cộng sản phải ẩn mình dưới chiêu bài Việt Nam Độc lập Đồng minh hội của Hồ Học Lãm và cũng là lý do khiến một thời gian dài về sau cán bộ CS các cấp thường xuyên coi Xô viết Nghệ Tĩnh là phong trào tự phát.

Những luận điệu này cho tới năm 2000 còn được nhiều tác giả tiếp tục vận dụng để chứng minh sở kiến của mình như Douglas Pike,

William J. Duiker… cho rằng HCM không chủ trương bạo động nên không chịu trách nhiệm về những thảm cảnh trong phong trào Xô viết Nghệ Tĩnh. Douglas Pike còn thu hẹp phong trào vào phạm vi vài huyện của 2 tỉnh Nghệ Tĩnh để cho đó là những biến cố địa phương nhỏ hẹp.

Thực ra, chính Hồ Chí Minh vẫn coi phong trào Xô viết Nghệ Tĩnh là một thành tích lớn của đảng Cộng sản Việt Nam với sự đánh giá: "*Tuy đế quốc đã dập tắt phong trào đó trong bể máu, nhưng Xô viết Nghệ Tĩnh đã chứng tỏ tinh thần oanh liệt và năng lực cách mạng của nhân dân lao động Việt Nam*" **(8)** Dưới bút hiệu Trần Dân Tiên, Hồ Chí Minh xác nhận chỉ 2 tháng sau khi thành lập, đảng Cộng sản Việt Nam đã phát động những cuộc tranh đấu lan rộng khắp nước kéo dài suốt 13 tháng, từ tháng 4-1930 đến tháng 5-1931 và viết: "*Trong những tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh, nhân dân Việt Nam đã lật đổ chế độ cai trị của Pháp và phong kiến, và lập chính quyền Xô viết.*" **(9)**

Những người như Douglas Pike, William J. Duiker… có vẻ muốn thu hẹp cái bể máu Xô viết Nghệ Tĩnh vào phạm vi một địa phương và cố đẩy thần tượng của mình ra xa bằng các màu sắc hiếu hòa ghét bạo lực, nhưng Hồ Chí Minh lại không che đậy nổi sự hứng khởi trước những cuộc nổi dậy. Thêm nữa, riêng việc Hồ Chí Minh thường xuyên báo cáo cho Đệ tam Quốc tế ngay lúc vừa bắt đầu có các cuộc bạo động đã đủ để không thể bảo rằng Hồ Chí Minh không chịu trách nhiệm về những thảm cảnh đã xẩy ra.

Trong bản báo cáo ngày 29-9-1930, Hồ Chí Minh còn nêu rõ số người bị chết và cho biết đã chỉ thị cho đảng viên, đồng thời xin chỉ thị của Đệ tam Quốc tế về những bước đi tiếp: "*Hơn 200 người đã bị Pháp giết... Chúng tôi đã chỉ thị ngay cho các đảng viên Nam Kỳ ở trong nước cố gắng hết sức mình thu xếp một cuộc họp của trung ương để quyết định mọi việc... Đề nghị cho biết ngay chúng tôi phải làm gì và các đồng chí có thể làm gì giúp họ*." **(10)**

Báo cáo này chỉ có thể giúp Hồ Chí Minh trút trách nhiệm cho Đệ tam Quốc tế với lập luận không thể làm trái chỉ thị thượng cấp. Nhưng trút tội theo cách này thì khác gì kẻ cầm dao giết người trút tội cho kẻ trả tiền mướn. Tuy vậy, cách trút tội này đã được vận dụng khá nhiều vào hai thập kỷ sau, khi Cộng sản Việt Nam tiến hành Cải cách Ruộng đất tại miền Bắc.

Cải cách Ruộng đất là việc bắt buộc phải làm tại các nước nặng về nông nghiệp với nhiệm vụ phá bỏ quyền tư hữu tiến tới hợp tác hóa nông nghiệp để xây dựng chế độ xã hội chủ nghĩa. Liên Xô, Trung Quốc đều thực hiện Cải cách Ruộng đất sau khi CS giành được chính quyền. Việt Nam cũng bước vào diễn trình này sau khi CS kiểm soát

một phần lãnh thổ và tái xuất hiện dưới tên gọi mới Đảng Lao động Việt Nam.

Nhưng, Cải cách Ruộng đất không chỉ nhắm riêng về kinh tế mà đặc biệt chú trọng về chính trị với mục tiêu củng cố quyền lực cho Đảng. Được hướng dẫn trực tiếp bởi các *đặc phái viên thổ địa* Trung Cộng, giới lãnh đạo Cộng sản Việt Nam đã thuộc lòng bài học kinh nghiệm Hoa Lục sau khi Quốc Dân đảng Trung Hoa thất bại như sau: "*… Quốc Dân đảng là đảng vốn có thế lực cực lớn ở Hoa Nam, bắt rễ khá sâu trong xã hội Trung Quốc… Số người của Quốc Dân đảng bỏ chạy sang Đài Loan hoặc ra nước ngoài rất ít so với số dân khổng lồ. Có một số người chỉ trốn loanh quanh, tạm lánh rồi trở lại quê hương. Cho nên Cải cách Ruộng đất là biện pháp cơ bản để phát hiện rồi triệt hạ hết mọi tổ chức Quốc Dân đảng và vô vàn tổ chức thanh niên, phụ nữ, xã hội, tôn giáo, từ thiện, thể thao, nghệ thuật có dính đến Quốc Dân đảng … Tay chân của Quốc Dân đảng hoặc liên quan đến Quốc Dân đảng thâm nhập rất sâu, leo lên rất cao, cần cảnh giác phát hiện và nếu cần, giải thể hết bộ máy cũ, tạo nên bộ máy hoàn toàn mới gồm những trung kiên, cốt cán, phát hiện và được rèn luyện trong cuộc đấu tranh "long trời lở đất" này…*" **(11)**

Kinh nghiệm nêu trên dẫn đến ý kiến khắp các địa bàn, cơ cấu chính quyền Cộng sản Việt Nam khó tránh tình trạng bị phản động mai phục và Cải cách Ruộng đất chính là biện pháp cơ bản để phát hiện, tiêu diệt những phần tử này – Hoàng Văn Hoan gọi là "*mở rộng thành vấn đề chỉnh đốn tổ chức*".

Ngay sau đại hội Đảng kỳ 2 tháng 12-1951 tại Việt Bắc, vấn đề Cải cách Ruộng đất được chuẩn bị và chuẩn bị khá kỹ từ thực tế đến pháp lý. Trường Chinh trở thành Trưởng ban Cải cách Ruộng đất gồm Hoàng Quốc Việt, Lê Văn Lương, Hồ Viết Thắng, Chu Văn Biên. Một số địa phương thuộc Thanh – Nghệ – Tĩnh và Thái Nguyên được chọn làm thí điểm phát động trong thời gian chuẩn bị các văn kiện pháp lý.

Ngay trong thời gian mở đầu này, một chuyện chấn động đã xảy ra: "*Khi đội phát động đến vùng đồn điền Đồng Bẩm sát ngoại ô thành phố Thái Nguyên làm thí điểm phát động nông dân, chủ đồn điền là bà Nguyễn Thị Năm. Bà từng ủng hộ các chiến sĩ Cộng sản từ thời bí mật, từ những năm 1937-1938… Chính các ông Trường Chinh, Hoàng Quốc Việt đã được bà che chở nuôi dưỡng. Hai con trai của bà hoạt động Việt Minh từ thời bí mật, đi bộ đội giải phóng… Cố vấn Trung Quốc nhận định bừa rằng đây là mụ địa chủ ác bá, có nghĩa là cần lấy đầu. Một số nông dân chất phác ngây thơ kể rằng bà Năm rất tốt, nhân từ, hay đi chùa, làm việc thiện, có nhiều cán bộ chiến sĩ là con nuôi của bà. Những người này bị cố vấn Tàu và ông Đội trưởng quê ở Nghệ An kết*

tội là tay sai, định bênh che, chạy tội cho địa chủ. Không khí ngột ngạt bắt đầu, sau bắt rễ xâu chuỗi, đến bước đấu tranh trực diện của nông dân, kể tội và luận tội về kinh tế và chính trị, chuẩn bị cho tòa án nhân dân với màn xử bắn". **(12**)

Hoàng Quốc Việt là người từng được bà Nguyễn Thị Năm che chở, nuôi dưỡng đã tới báo cáo với HCM và thuật lại: "*Ông Hồ chăm chú nghe rồi phát biểu: "Không ổn! Không thể mở đầu chiến dịch bằng cách nổ súng vào một phụ nữ và lại là người từng nuôi cán bộ Cộng sản và mẹ một chính ủy trung đoàn Quân đội Nhân dân đang tại chức". Ông hẹn sẽ can thiệp, sẽ nói ông Trường Chinh về chuyện hệ trọng và cấp bách này! Thế nhưng không có gì động đậy theo hướng đó cả*". **(13)**

Sau đó nạn nhân đã bị đưa ra xử bắn và "*khắp đồng quê miền Bắc*" diễn ra "*những cuộc đấu tố kinh hoàng giai cấp "địa chủ" (mà phần lớn chỉ là phú nông hoặc trung nông lớp trên); vợ tố chồng, con tố cha, con dâu tố bố mẹ chồng, anh chị em đấu tố nhau… Họ đều được biểu dương là lập trường giai cấp vững chắc và dứt khoát, giác ngộ giai cấp sâu sắc, là những đảng viên trung kiên của Đảng, thấm nhuần tận xương tủy chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Mao Trạch Đông, được nêu gương để toàn đảng học tập!… Hơn 10 ngàn người đã bị bắn trong các tòa án nhân dân vừa hừng hực khí thế kích động căm thù, vừa mù quáng kỳ quặc, một chiều theo kiểu a dua của đám đông – những cơn động kinh của đám đông cuồng tín ít học*." **(14)**

Hoàng Văn Chí là người từng đứng trong hàng ngũ Việt Minh chống Pháp trước 1954 chia Cải cách Ruộng đất làm 2 đợt, đợt đầu gọi là "*Giảm tô*", mỗi xã trong khoảng 10 ngàn xã tại Bắc Việt phải chọn ra một địa chủ để hành quyết. Như vậy 10 ngàn chỉ là số nạn nhân của đợt đầu. Sang đợt 2, con số phải chết ở mỗi xã theo tiêu chuẩn đề ra tăng lên 5. Nếu cộng cả 2 đợt ít nhất phải có 60 ngàn người bị hành quyết tại chỗ. Nhưng theo Hoàng Văn Chí, "*chính sách cô lập nổi tiếng từng phải chịu trách nhiệm về số người chết có lẽ 10 lần nhiều hơn số đã bị xử bởi các "tòa án nhân dân đặc biệt"*". **(15)**

Sắc lệnh 149-SL qui định về chính sách ruộng đất và Sắc lệnh 151-SL qui định về trừng trị địa chủ do Hồ Chí Minh ký ngày 12-4-1953 là thời gian đang tiến hành chiến dịch giảm tô mà ý nghĩa đã được diễn tả như sau: "*Nhà nước VN đã quyết định đưa đấu tranh phản phong tiến lên một bước mới, tiếp thu kinh nghiệm của Trung Quốc đã sử dụng bạo lực chính trị của quần chúng đấu tranh đòi địa chủ phải giảm tô, giảm tức.*" **(16)** Đây cũng là đợt thí điểm của Cải cách Ruộng đất.

Ngày 4-12-1953 các sắc lệnh trên được Quốc hội thông qua và Hồ Chí Minh chính thức ban hành ngày 19-12-1953 nhân kỷ niệm Ngày

Toàn quốc Kháng chiến mở đầu cho các đợt chính thức của Cải cách Ruộng đất trên khắp miền Bắc.

Thực tế của việc sử dụng bạo lực chính trị quần chúng và con số nạn nhân tại một số địa phương từ ngày chính thức ban hành chính sách tới khi có quyết định sửa sai theo ghi nhận của tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử* số 267 tháng 4-1993 và nội san *Cải cách Ruộng đất* các số 10,11,14 xuất bản tại Hà Nội đầu năm 1956 như sau: "*Ở đồng bằng Bắc Bộ trong số 2033 xã đã có 63,111 hộ bị qui là địa chủ nay sửa lại 31,844 không còn là địa chủ. Con số địa chủ chỉ có 31,269 hộ tức chiếm 2.2% trong tổng số hộ ở nông thôn. Ở một xã như xã Trường Vân Thanh Hóa chỉ có 11 địa chủ bị qui lên 65 tức 54 người bị tố oan, bị đấu tố, tù đầy và kể cả bị đánh chết. Trong số 2033 xã, số người bị qui kết là địa chủ lên tới 14,908 người sau đợt sửa sai chỉ còn 3,932 người tức tố sai 10,976 người…*

Trong đấu tranh thoái tô, rất nhiều cán bộ dùng nhục hình: *treo, đánh, bắt cởi quần áo đứng ngoài đêm rét… Đồng chí L. ở xã Đảng Cương bắt con địa chủ ra truy tố không được, bực quá ra lệnh cho anh em du kích trói chặt cánh khuỷu nó lại và treo lủng lẳng lên cành cây… Ở xã Hồng Phong, T. bắt con địa chủ Thị Công truy tố*. *Đồng chí gọi đứa con nó mới 13 tuổi đến giải thích để phản hóa rồi cho nó về với mẹ nó không được*. *Đồng chí T. nổi giận cho trói đứa bé lại treo ngược lên xà nhà, kéo lên kéo xuống. Một mặt bắt mẹ nó quỳ xuống, dang hai tay ra, mỗi bên đeo một hòn đá nặng rồi đổ nước mắm vào mũi. ĐC tưởng nhục hình như thế là moi được tô nhưng rút cục chẳng ăn thua gì*" **(17)**

Theo Thành Tín tức cựu đại tá Cộng sản Bùi Tín, Cải cách Ruộng đất gồm đợt thí điểm và 5 đợt tiếp nối, nhưng bắt đầu bước sang đợt 5 vào khoảng đầu năm 1956 thì phải ngưng, vì hậu quả có thể dẫn tới một tình thế bi đát khó lường đoán. Nguyễn Quang Ngọc trong ***Tiến trình lịch sử Việt Nam*** cũng cho biết *Cải cách Ruộng đất gồm 5 đợt tiến hành trong 3653 xã, đã chia khoảng 334,100 ha ruộng đất cho khoảng 2 triệu hộ nông dân không có hoặc thiếu ruộng* **(18).**

Một nhân chứng cũng là nạn nhân và thoát chết, Phạm Văn Trì, người gốc Hưng Nguyên, Nghệ An từng qua các cuộc đấu tố trong Cải cách Ruộng đất cho biết: "*…Ở miền Bắc có khoảng 5000 xã. Không phải xã nào cũng đấu cả. Không phải người nào cũng đấu cả. Ví dụ, ông Hồ Chí Minh và Trường Chinh đưa ra một tỉ lệ một xã 1000 dân thì phải có 50 người bị đấu tức 5%. Cứ theo tỉ lệ mà đấu cho đủ số. Ví dụ xã này nghèo quá không đủ số thì tìm sao những người hống hách chút ít đôn lên cho đủ số. Phải đúng tỉ lệ đưa ra không có cũng phải tìm cho đủ. Miền Bắc coi như có 5000 xã thì số đấu tố chết là 250 ngàn người.*

– Ông có đích thân chứng kiến những vụ đấu tố không?

– Có! Tôi xin kể cho ông một vài việc tôi chứng kiến tận mắt. Có một vụ đấu tố trong đó nạn nhân bị lột hết cả quần áo ra. Người ta lấy than và dầu hôi bôi vào những chỗ có lông trên thân mình người đó, treo lên và đốt, cháy như nướng trui. Đứa con của nạn nhân mới 3 tuổi, không biết gì, đứng nhìn thấy cha mình bị đốt tưởng đang làm trò nên té lên cười. Có một anh nông dân đứng gần đó thấy vậy, lấy mã tấu chặt đầu đứa nhỏ. Đầu nó rơi xuống đất mà miệng vẫn còn cười.

– Trong các vụ đấu tố đó, nghe nói có một số địa chủ và phú nông bị chôn, chừa cái đầu lên để cho xe cày. Ông có chứng kiến việc đó không?

– Tôi có chứng kiến thế này: Bắt địa chủ ăn cứt, uống nước đái, 3, 4 thằng cầm tay kéo đứt ra, lấy kim chích ngón tay bắt khai, treo người lên đốt cháy như con cá lóc…" **(19)**

Một chứng nhân khác, Nguyễn Đình Khuê, cũng người huyện Hưng Nguyên, Nghệ An, từng là nạn nhân của phong trào Xô viết Nghệ Tĩnh từ lúc 3, 4 tuổi và là nạn nhân của Cải cách Ruộng đất vào hơn hai thập kỷ sau đã kể lại về cách thức chuẩn bị cho các vụ đấu tố:

– Cha con tôi là nạn nhân. Trước khi tiến hành việc Cải cách Ruộng đất, họ cho cán bộ về làng, thi hành chính sách "tam cùng" với nông dân: cùng ăn, cùng ở, cùng làm. Họ luyện tập cho nông dân có tinh thần chống địa chủ, bắt cán bộ ngủ cùng giường với nông dân…

– Cách thức tố khổ địa chủ thế nào?

– Họ bắt nông dân học tập và thường bịa ra… Anh nông dân bịa ra và nói cho hắn xem có đủ hay chưa. Tập luyện công phu như vậy cả năm rồi mới bắt đầu… Tôi không hiểu tình trạng trong làng của ông bạn tôi (tức Phạm Văn Trì) như thế nào, nhưng trong năm đó trong làng tôi, trong xóm tôi, nông dân họp đêm, họp tới 2, 3 giờ sáng. Học tập xong rồi mới bắt đầu thực hành…

– Số người bị đấu tố bị giết là bao nhiêu?

– Số người trong làng tôi, có mình cụ tôi. Ông cụ tôi bị giam trên núi mấy tháng thì chết. Tôi không được phép đi đâu hết nên không biết rõ số người bị đấu tố chết là bao nhiêu." **(20)**

Trong ***Đêm Giữa Ban Ngày***, Vũ Thư Hiên kể lại:

"*Tại xã Ngô Xá, làng Ngò, Thanh Hóa... người ta trói chặt hai tay rồi dong mẹ bạn tôi đi khắp làng... Ở một xã khác, một người đàn bà bị trói vào hai cây nứa bắt chéo, bên dưới là một đống lửa. "Con mẹ ni là phú nông phản động, ngoan cố lắm", những người bâu quanh nhao nhao nói thế. Người đàn bà quằn quại mãi cho đến khi ngất đi rồi mới được người ta hạ xuống. (....)*

Người ta cắm gai vào đầu ngón tay một cô gái, có trời biết cô ta bị tội gì, có thể cô ta chỉ có tội là con địa chủ, cứ mỗi câu hỏi lại cắm cái gai thêm một chút, làm cho cô ta rú lên vì đau, quằn quại trong giây trói. Một cụ già tóc bạc phơ bị tròng dây vào cổ, bị lôi xềnh xệch trên đường như một con chó. Lũ trẻ làng rùng rùng chạy theo sau. Chúng vỗ tay, chúng reo hò, chúng cười ngặt nghẽo. Tôi nhìn chúng rùng mình – những đứa trẻ này chắc chắn lớn lên với trái tim không phải của giống người..." **(21)**

Nhà văn nữ Dương Thu Hương cũng không quên cảnh tượng đã xẩy ra khi mới sáu, bảy tuổi và ghi lại trong tác phẩm ***Những thiên đường mù*** **(22**) dưới hình thức tự thuật của nhân vật trong tác phẩm:

"*Bà nội tôi và cô Tâm chịu quỳ trước sân đình, đầu gục xuống, hai tay vòng trước ngực. Trước mặt hai người là dân làng đốt đuốc ngồi. Họ có nhiệm vụ lắng nghe những lời đấu tố. Và mỗi khi có tiếng hét bật lên: "Đả đảo địa chủ!", họ có nhiệm vụ giơ tay lên hô thật to: "Đả đảo! Đả đảo!".... Bên tay trái bà nội tôi và cô tôi, những người khác quỳ gối chờ tới lượt họ. Cứ mỗi lần tiếng hô "Đả đảo" cất lên họ lại run bần bật. Chỉ có cô Tâm không hề run rẩy...*

...Cậu nói xong, tiếng trống cà rùng nổi lên, đinh tai nhức óc. Rồi tiếng hô uy hiếp vọng vào:

– Kiên quyết đánh đổ địa chủ Nguyễn Thị Tâm!

– Kiên quyết đánh đổ!!! Cậu Chính nhìn bố tôi hất hàm:

– Nghe rõ chưa? Bố tôi không trả lời. Cậu quát:

– Đội hỏi có trả lời không?

Mặt bố tôi tái xanh, mồ hôi vã đầy hai thái dương nhưng vẫn im lặng. Lúc ấy cô Tâm bước lên:

– Bẩm thưa đội, bây giờ chúng con biết thân biết phận, dù đội không ra lệnh chúng con cũng không dám chơi trèo.

Cậu Chính là đội trưởng đội cải cách. Lúc ấy đội cải cách là Thượng Đế, là Trời...."

Tài liệu giáo dục chính thức ***Tiến trình lịch sử Việt Nam*** cho biết Cải cách Ruộng đất đã giúp 2 triệu hộ nông dân nghèo có ruộng tức liên can tới trên 2 triệu hộ. Nếu chỉ tính mỗi hộ trung bình có 4 người thì Cải cách Ruộng đất trong 3 năm liên can tới 8 triệu người và theo chỉ thị Đảng và Nhà Nước, chỉ tiêu số người bắt buộc phải đưa ra đấu tố là 5% tức đã lên tới 400 ngàn người. Con số này gần ngang với con số ước lượng mà Tổng thống Mỹ Nixon nêu ra là khoảng nửa triệu.

Cũng theo con số chính thức do báo chí Cộng sản Việt Nam công bố thì trong 14,908 nạn nhân đã có 10.976 người bị tố oan, thậm chí bị đánh chết, tức là số nạn nhân bị hại oan lên tới hơn 70 phần trăm.

Ngay với vấn đề thế nào là *oan*, thế nào là *ưng* đã cần phải nhìn lại, trong khi ngoài số nạn nhân bị trực tiếp đưa ra đấu tố, chính sách cô lập còn hành hạ hàng triệu thân nhân của những kẻ này bằng cách bao vây, xua đuổi, tước đoạt mọi phương tiện cư trú, sinh sống, thậm chí chặn hết mọi nguồn tiếp tế thực phẩm để phải chết đói rét nơi bờ bụi… Số nạn nhân này không ai kê khai nổi và chắc chắn không thu hẹp trong giới hạn vài ba chục ngàn như một số tác giả ngoại quốc đã ước đoán.

Nhưng số lượng nạn nhân bị ngược đãi và tàn sát man rợ trong Cải cách Ruộng đất là bao nhiêu không nghiêm trọng bằng sự tiêu diệt mọi tình cảm thiêng liêng cao cả nơi con tim của người dân Việt Nam.

Để củng cố uy quyền của mình, Đảng đã cố thực hiện qua Cải cách Ruộng đất cái khẩu hiệu "*thà giết lầm mười người còn hơn để cho một kẻ địch sống sót*" bằng cách biến người dân thành một bầy dã thú sẵn sàng dày xéo lên tương quan vợ chồng, cha con, mẹ con, huyết mạch, xóm giềng… Nỗ lực này của Đảng đã dẫn đến cái cảnh mà Dương Thu Hương ghi lại trong một bài viết vào năm 2002: "*Trong lịch sử "bốn ngàn năm"... triều đình* Cộng sản *là triều đình duy nhất cho tới nay, dậy con gái, con dâu vu khống bố hiếp dâm, dậy con trai chỉ vào mặt bố "đả đảo thằng bóc lột", dậy cho láng giềng tố cáo điêu chác, đâm chém, dầy xéo mồ mả của nhau... vào những năm 53-55 (trong CCRĐ). Tất cả những ai chưa hoàn toàn quên lãng, hẳn hiểu rõ điều đó. Khi con người đã đủ can đảm vu khống, nhục mạ ngay bố mẹ đẻ của mình thì họ thừa sự nhẫn tâm để làm những điều ác gấp ngàn lần như thế với tha nhân*...."

Trong ***Đêm giữa ban ngày***, trang 221, Vũ Thư Hiên đã ghi rõ: "*Cha tôi khẳng định người chịu trách nhiệm chính là ông Hồ Chí Minh, chứ không phải Trường Chinh*. *Trường Chinh là con dê tế thần cho sai lầm của ông Hồ*." Mặc dù cả Vũ Thư Hiên lẫn thân phụ ông đều cố nghĩ tốt cho Hồ Chí Minh, vì những liên hệ cũ từng có.

Đầu năm 1956, khi tâm trạng phẫn uất tràn lan ở nhiều nơi, thậm chí đã có những cuộc nổi dậy của dân chúng như ở Quỳnh Lưu, Ba Làng và thái độ chống đối của nhiều phần tử từng nhiệt tình theo đảng trong kháng chiến chống Pháp, nhất là ảnh hưởng của cuộc khởi nghĩa chống Cộng sản tại Hungary, Đảng và Nhà Nước ra lệnh ngưng tiến hành đợt 5 Cải cách Ruộng đất với lý do phát hiện nhiều khuyết điểm.

Có thể nói tới lúc này cái biện pháp cơ bản để củng cố uy quyền của Đảng là Cải cách Ruộng đất đã đạt trọn mục tiêu đề ra trong khi mô thức hợp tác hóa nông nghiệp đã được tiến hành tại 3653 xã trong tổng số 5000 xã tức gần khắp miền Bắc. Hơn nữa, sửa sai không phải là từ bỏ chính sách Cải cách Ruộng đất mà là bước tiếp nối cần thiết để

củng cố thành quả đã thu hoạch suốt ba năm tiến hành Cải cách Ruộng đất, vì chỉ sửa sai những cách thức thi hành đã được thực hiện trong quá khứ tức là chỉ cần bằng những lời lẽ ngọt ngào tỏ ý tiếc về những việc đã rồi. Cách thức sửa sai được Thành Tín ghi lại như sau:

"*Sau nghị quyết sửa sai, lại thành lập những đoàn cán bộ sửa sai, công bố cả một loạt tài liệu quy định các bước sửa sai, phát hành rộng rãi những văn kiện có tính pháp luật về sửa sai… Cuộc sửa sai được tiến hành ráo riết, mỗi nơi là chừng 4 tháng, có nơi hơn 6 tháng*.

Các bước sửa sai đi cùng với củng cố tổ chức Đảng và Chính quyền cơ sở. Những người bị giam giữ oan ức được trả lại tự do, sau những buổi học thanh minh và xin lỗi theo nội dung: *Đảng không cố tình mà vô tình làm sai do không kiểm tra cấp dưới; Đảng rất đau xót nhận sai lầm; Đảng xin lỗi mỗi đồng chí, đồng bào, khôi phục danh dự và quyền lợi của các đồng chí, đồng bào*.

Trong cơn khó khăn này, Đảng mong mỗi đồng chí sát cánh cùng Đảng sửa sai đến nơi đến chốn mà đóng góp lớn nhất của đồng chí là thông cảm với Đảng, cùng Đảng sửa sai và ổn định tình hình, không gây thêm bất kỳ khó khăn nào cho Đảng…

Còn số người chết oan? Những gia đình này được cán bộ cấp huyện và chủ tịch xã đến thăm viếng, nhận lỗi và an ủi. Giấy minh oan được mang đến tận nơi, với những chứng nhận phục hồi đảng tịch (nếu là đảng viên), trả lại huân chương, bằng khen, còn được tặng thêm ảnh Chủ tịch Hồ Chí Minh có đóng dấu của tỉnh…

Ngày 29-10-1956 tại sân vận động Hàng Đẫy, đại tướng Võ Nguyên Giáp thay mặt Chủ tịch Hồ Chí Minh và Bộ Chính trị đứng ra nhận tội, xin lỗi, đưa ra phương án sửa sai khẩn cấp… Tại cuộc họp lớn này, người ta đẩy cụ Bùi Kỷ, một nhân sĩ trong Mặt trận Tổ quốc ra đọc lời khai mạc. Sau đó, đại tướng Võ Nguyên Giáp lên tiếng thuyết phục. Cái lý sự để thuyết phục là ở mặt trận, nhất là mặt trận Điện Biên Phủ, chiến sĩ ta còn lấy thân chèn pháo bất kể sinh mạng, hàng ngàn chiến sĩ bỏ mình thì việc tổn thất trong Cải cách Ruộng đất tuy là đáng tiếc nhưng cũng là đóng góp cho Cách mạng tiến lên. Ít lâu sau, báo Quân đội Nhân dân đưa ra trong xã luận, chỉ rõ "chính trong sai lầm mà nhân dân ta càng thêm vĩ đại, Đảng ta càng thêm vĩ đại'". **(23)**

Để tỏ ra muốn thực sự sửa sai, Trường Chinh không còn giữ chức Tổng Bí thư Đảng tuy nhiên được chuyển qua làm Chủ tịch Quốc hội và Hoàng Quốc Việt bị loại khỏi bộ chính trị, Hồ Viết Thắng, Nguyễn Đức Tâm bị đưa ra khỏi Ủy ban Trung ương trong khi cán bộ CCRĐ vẫn tiếp tục là cán bộ sau một thời gian họp hành kiểm điểm những việc đã qua.

Sửa sai đã kết thúc tốt đẹp vì tình hình miền Bắc hoàn toàn thuận lợi cho việc cai trị của Đảng, nhất là khi dẹp xong các phần tử văn nghệ bất mãn thuộc các nhóm Nhân văn – Giai phẩm.

Tuy vậy, không phải những lời chê trách hoàn toàn tắt lịm. Theo ghi nhận của sử gia Pháp Gerard Tongas **(24)** có mặt tại Hà Nội lúc đó thì trong thời gian Cải cách Ruộng đất, nhất là sau các vụ đàn áp ở Ba Làng, Quỳnh Lưu và nhân dân Budapest, giới trẻ Hà Nội hết sức xôn xao, đã có mưu tính biểu tình chống đối. Tuy việc không thành, nhưng sự ngưỡng mộ đối với Hồ Chí Minh sút giảm rõ rệt vì nhiều người cho rằng trách nhiệm lớn nhất trong Cải cách Ruộng đất do Hồ Chí Minh phải gánh chịu. Do đó, việc trút lỗi cho thuộc cấp làm sai đã được bổ sung thêm bằng một lập luận khác: Hồ Chí Minh đã bị cả Liên Xô lẫn Trung Quốc tạo áp lực nặng nề, bắt buộc phải Cải cách Ruộng đất.

Những người đã rời bỏ hàng ngũ Cộng sản như Nguyễn Minh Cần, Bùi Tín đều chưa rũ hết ảnh hưởng của luận điệu này, dù cả hai đều cho rằng Hồ Chí Minh phải gánh chịu phần lớn trách nhiệm. Về áp lực của Staline, Thành Tín thuật lại:

"*Đầu năm 1950… theo kể, Staline trong cuộc gặp riêng ông Hồ Chí Minh trong điện Kremlin… đi thẳng vào vấn đề, chất vấn ông Hồ 2 điểm*: *vì sao giải tán đảng Cộng sản Đông Dương? Vì sao chưa tiến hành Cải cách Ruộng đất?*

Ông Hồ đã trình bày với Staline là việc giải tán đảng Cộng sản Đông Dương cuối năm 1945 chỉ là giải tán giả, trên thực tế là Đảng lùi vào bí mật, với một bộ mặt giả công khai là Hội Nghiên cứu Chủ nghĩa Mác. Hai là cuộc kháng chiến chống Thực dân Pháp rất gay gắt nên Cải cách Ruộng đất phải chậm lại và đã làm cuộc vận động giảm tô, giảm tức. Staline nghe, và, với bản chất thô bạo vốn có, chắc chắn đã cao giọng ra chỉ thị phải sớm đưa đảng Cộng sản ra công khai…; chính trong kháng chiến gay gắt lại cần làm Cải cách Ruộng đất để huy động tinh thần và lực lượng vật chất của nông dân vào cuộc chiến đấu, cần nhớ đấu tranh giai cấp và Liên minh Công nông là hai nguyên lý cơ bản của Cách mạng Vô sản…

Ông Hồ trở về. Thế là đảng Cộng sản Việt Nam mở đại hội đảng lần thứ 2 vào tháng 12-1951 ở Việt Bắc, đảng ra công khai với tên Đảng Lao động Việt Nam… Còn Cải cách Ruộng đất? Cần thấy rõ là ông Hồ vẫn cố trì hoãn Cải cách Ruộng đất sau khi ở Moscou về. Cuộc kháng chiến rất khẩn trương, quyết liệt. Staline ở xa…" **(25)**

Tháng 3-1950, Hồ Chí Minh rời Mạc Tư Khoa trở về lo ngay việc đưa Đảng Lao động Việt Nam ra công khai vào tháng 12-1951 và mấy tháng sau, năm 1952, đã khởi sự các đợt công tác thí nghiệm Cải cách Ruộng đất thì không thể có chuyện cố tình trì hoãn.

Nguyễn Minh Cần cũng nêu áp lực của Staline nhưng không theo cách nhìn của Bùi Tín mà nhìn qua hệ thống tương quan trong khối Cộng sản đặt đảng Cộng sản tại các nước vào thế phải tuyệt đối vâng lệnh Đệ tam Quốc tế. Ngoài ra, theo Nguyễn Minh Cần, chính Hồ Chí Minh cũng luôn tín phục các lãnh tụ Staline, Mao Trạch Đông. Nguyễn Minh Cần kể lại trường hợp đích thân nghe rõ lời của Hồ Chí Minh vào dịp dự hội nghị trung ương ở chiến khu Việt Bắc. Lúc đó Hồ Chí Minh đã nhắc đến Staline, Mao Trạch Đông và nhấn mạnh với các đại biểu trong hội nghị: "*Các cô, các chú nên biết rằng việc đổi tên Đảng ta, Bác đã xin ý kiến các đồng chí Stalin và Mao Trạch Đông rồi (chúng tôi được biết hồi ấy ông vừa đi Moskva về), các đồng chí đã đồng ý*. *Các cô, các chú nên biết rằng*: *"Ai đó thì có thể sai, chứ đồng chí Stalin và đồng chí Mao Trạch Đông thì không thể nào sai được*." **(26)**

Dù muốn hay không, Hồ Chí Minh vẫn là người ký các sắc lệnh 149-SL, 151-SL vào tháng 4-1953 và sau đó ký sắc lệnh ban hành luật Cải cách Ruộng đất. Cũng thế, Hồ Chí Minh đã trực tiếp bổ nhiệm Trường Chinh và nhóm Hoàng Quốc Việt cầm đầu ban chỉ đạo Cải cách Ruộng đất. Các qui định về luật lệ cũng như người thi hành đều do Hồ Chí Minh sắp đặt và đây là những thứ đã đưa đến cái chết tàn khốc của cả nửa triệu người dân vô tội, đã phá hủy toàn bộ khuôn thước tinh thần truyền thống dân tộc.

Trước sự việc HCM im lặng bỏ mặc cho bà Nguyễn Thị Năm bị đàn em theo lệnh cố vấn Trung Cộng lôi ra xử bắn, Thành Tín đã viết: "*Tôi nghĩ việc này có rất nhiều ý nghĩa. Trước hết, ông Hồ Chí Minh có lỗi lớn*. *Thà rằng không biết gì về chuyện này; và dù không biết, là Chủ tịch Nước, Chủ tịch Đảng, ông vẫn phải chịu phần trách nhiệm*. *Huống gì ông đã biết rõ cụ thể, ông nhận định là bà Năm bị xử trí oan, thế mà ông giữ im lặng, ông không can thiệp*. *Đây là thái độ vô trách nhiệm. Ông không can thiệp thì còn ai có thể can thiệp? Ông đã để mặc cho nước của ông, đảng của ông bị một số kẻ nước ngoài lũng đoạn, lộng hành*. *Trên thực tế, ông đã từ nhiệm vị trí, trách nhiệm của mình*". **(27)**

Ý kiến của Thành Tín có thể dành chung cho toàn bộ chính sách Cải cách Ruộng đất. Dù cán bộ, đảng viên biện giải cách nào thì Hồ Chí Minh cũng không thể chối bỏ trách nhiệm của mình. Tuy nhiên, cần xét lại ý nghĩ cho rằng Hồ Chí Minh đã chịu sự chi phối bởi các áp lực bên ngoài hoặc một số người ngoại quốc kể cả do sự tín ngưỡng Staline, Mao Trạch Đông như Nguyễn Minh Cần đã nhắc.

Trên thực tế, Cải cách Ruộng đất là một bước đi bắt buộc trong Cách mạng Vô sản mà Hồ Chí Minh đã trở thành tín đồ thuần thành. Như thế, Hồ Chí Minh chỉ thi hành nhiệm vụ của một tín đồ nên không thể đặt vào cảnh ngộ bị ép buộc bởi bất kỳ cá nhân nào. Tháo gỡ trách

nhiệm không còn cần thiết và cũng là vấn đề bất khả, bởi tất cả đã được quyết định từ khi chọn đường. HCM đã chọn con đường chủ nghĩa Cộng sản với cuộc Cách mạng giai cấp diễn tiến trường kỳ cho tới khi tận diệt giai cấp Tư bản. Cải cách ruộng đất chỉ là một bước đi giai đoạn trên con đường dài thăm thẳm đó và là một bước đi không thể tránh.

Cho nên, tìm hiểu xem Hồ Chí Minh có biết các thảm cảnh đang diễn ra hay không để định mức trách nhiệm là việc làm ngây thơ không khác việc Vũ Đình Huỳnh già yếu bệnh hoạn vẫn cố chống gậy tới gặp Hồ Chí Minh để than: "*Máu đồng bào đã đổ mà Bác ngồi yên được à?*". Có phải chăng lời than này đã là một lý do để không lâu sau đó tới lượt Vũ Đình Huỳnh sau bao năm kề cận Hồ Chí Minh bị tống vào nhà tù để trở thành một trường hợp Nguyễn Thị Năm thứ hai?

Nhìn lại những sự kiện Xô viết Nghệ Tĩnh và Cải cách Ruộng đất, vì thế, không phải để cố phân tích xem Hồ Chí Minh đã dính dấp ở mức độ nào. Nghi vấn duy nhất nổi lên từ các sự kiện này là chúng có xẩy ra không, nếu không có Hồ Chí Minh?

Chú thích

(01) Đảng CSVN qua những biến động trong phong trào Cộng sản Quốc tế *– Nguyễn Minh Cần. Xin xem chương liên hệ ở phần I.*

(02) Sự phát triển tư tưởng tại Việt Nam *– Trần Văn Giàu, Tập III, Nxb TPHCM 1993.*

(03)-(10) Bác Hồ trên đất nước Lênin *– Hồng Hà, Thanh niên 2000, tr. 258. Xin xem chương liên hệ.*

(04)-(06) Việt Nam những sự kiện lịch sử *– Dương Trung Quốc, Nxb Giáo Dục, Hà Nội 2001, tr. 192*

(05) Lịch Sử Đảng CSVN *(Bài giảng) – Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội 1999. tr. 32-36.*

(07)-(08) HCM tuyển tập *- Tập 2, Sự Thật, Hà Nội 1980, tr.152 &* 154.

(09) Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch *– Nxb Văn Học 2001, tr. 88*

(11)-(12)-(13)-(14) Mặt thật *– Thành Tín, Cali 1993, tr. 57, 37-38 & 36*

(15) Từ Thực dân đến Cộng sản *– Hoàng Văn Chí, tr. 189*

(16) *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử số 267, Hà Nội 30-4-1993, tr. 1-2*

(17) Việt Nam huyết lệ sử *– Cao Thế Dung, Nxb Đồng Hương, Louisiana 1996, tr. 747-748*

(18) Tiến trình lịch sử Việt Nam *– Nguyễn Quang Ngọc, Nxb Giáo Dục, Hà Nội 2001, tr. 327*

(19)-(20) Hắc thư về chủ nghĩa Cộng sản *- Bản tiếng Việt của Hồ Văn Đồng, Hội Phát triển văn hóa Mỹ-Việt, Seattle 2002, T.II, tr. 1129-1130 – Phần phụ lục của người dịch.*
(21) Đêm giữa ban ngày*– V.T. Hiên, Nxb Văn Nghệ, Cali 1997, tr. 32.*
(22) Những thiên đường mù*– D. Thu Hương, Hà Nội 1990, tr. 17-29.*
(23)-(25)-(27) Mặt thật *– Thành Tín, Cali 1993, tr. 59-60, 67-68, 39*
(24) *Tác giả chương 7 trong* ***North Việt Nam Today*** *– Xem chương 25.*
(26) *Xin xem chương Nguyễn Minh Cần.*

Trung Cộng nô lệ hóa CSVN qua Cải cách Ruộng đất

Tường Thắng 04-01-2006

http://www.vietnamexodus.org

Qua bài trước chúng ta đã thấy rõ Trung Cộng đã nô lệ hoá cộng sản Việt Nam như thế nào với cái gọi là chỉnh huấn quân đội và chỉnh huấn tư tưởng cán bộ. Trong bài này chúng ta đào sâu thêm về câu hỏi Trung Cộng đã nô lệ hóa Việt Cộng như thế nào qua cái gọi là Cải cách Ruộng đất (CCRĐ).

Ai cũng biết, cộng sản đồng nghĩa với đấu tranh giai cấp. Từ lúc thành lập đảng, Việt Cộng không hề giấu diếm chủ trương *"cách mạng thổ địa"* của chúng. Lộ liễu nhất là khi chúng xách động nông dân nổi dậy ở Nghệ An và Hà Tĩnh, chiếm quyền ở mấy địa phương mà chúng kiểm soát được, tự xưng là *"Xô-viết Nghệ Tĩnh"* (mô phỏng theo mẫu mực Xô-viết của đế quốc Liên Xô), nêu khẩu hiệu *"trí, phú, địa, hào; đào tận gốc, trốc tận rễ"* (có nghĩa là tận diệt các thành phần trí thức, phú nông, địa chủ, và cường hào). Không được hưởng ứng, bị dẹp tan, tàn dư bọn này chạy sang Xiêm, trở thành những mầm mống đầu tiên của cộng sản Xiêm (Thái Lan). Trong bọn này có Hoàng Văn Hoan, sau trở thành tay sai thân tín của Trung Cộng cho đến chết.

Quá lộ liễu, làm bại lộ quá sớm âm mưu bành trướng của đế quốc Liên Xô, bọn cộng sản nổi loạn ở Nghệ Tĩnh bị Quốc tế 3 lên án nặng nề. Bị kiểm thảo, Nguyễn Ái Quốc chối bay, đổ lỗi cho bọn cộng sản địa phương "manh động", "tả khuynh" v.v…

Rút kinh nghiệm bài học này, NAQ năm 1945 về VN đổi tên là Hồ Chí Minh, cướp quyền với danh nghĩa "giải phóng dân tộc" và giấu biệt đi cái đuôi "đấu tranh giai cấp". Năm 1945, HCM đọc Tuyên ngôn Độc lập, nhưng Liên Xô cũng như các chư hầu cộng sản im re, không dám

lộ mặt công nhận "Việt Nam Dân chủ Cộng hoà" của cộng sản VN. Trung Cộng lúc đó còn đang nội chiến, chưa có tư cách là một quốc gia, nên cũng không thể công nhận VNDCCH.

Tuy thế, để tỏ lòng trung thành với mẫu quốc cộng sản, trong nội bộ, HCM tô đậm chủ trương *"giương cao hai ngọn cờ : (1) giải phóng dân tộc; và (2) đấu tranh giai cấp".* Bản chất "lá mặt lá trái" (double standard) của cộng sản VN đã bộc lộ từ đó. Chiêu bài (1) HCM dùng lừa bịp quốc dân VN để được tín nhiệm cho cầm cờ "giành độc lập". Chiêu bài (2) mới là chiêu bài chính, HCM tạm thời giấu đi để khỏi lộ tẩy mưu đồ lừa bịp nói trên.

Vào đầu thập niên 40, CSVN vẫn còn chủ trương thực hiện một lúc hai cuộc đấu tranh: đấu tranh giải phóng dân tộc, và Cải cách Ruộng đất. Nghị quyết của Hội nghị Trung ương ngày 6-9/11/1940 họp tại Đình Bảng (Từ Sơn - Bắc Ninh) với sự tham dự của Phan Đăng Lưu, Trường Chinh, Hoàng Văn Thụ, Hoàng Quốc Việt đã khẳng định: "*Muốn xoá bỏ mâu thuẫn cơ bản thứ nhất, phải làm cách mạng thổ địa (revolution agraire) thủ tiêu các tàn tích phong kiến, chia lại ruộng đất cho dân cày. Muốn xoá bỏ mâu thuẫn thứ hai phải làm cách mạng phản đế (révolution anti-impérialiste) đánh đuổi đế quốc chủ nghĩa, làm cho Đông Dương độc lập về kinh tế cũng như về chính trị, chiếm lại những nguồn nguyên liệu ở trong tay đế quốc chủ nghĩa đặng mở mang nền kỹ nghệ nặng cho Đông Dương. Như thế cuộc cách mạng Đông Dương trong giai đoạn hiện tại phải bao gồm có hai tính: phản đế và thổ địa. Cuộc cách mạng gồm có hai tính chất: phản đế và thổ địa ấy gọi là cách mạng tư sản dân quyền (révolution démocratique bourgeoise). Tại sao lại gọi là cách mạng tư sản dân quyền? Bởi vì mục đích của nó là thủ tiêu hết cả tàn tích phong kiến, phát triển kỹ nghệ. Phải nhớ rằng cuộc cách mạng ấy có tính chất "tư sản" (caractère bourgeoise), nó không thể chạy thẳng ngay ra khỏi cái khuôn khổ của một cuộc cách mạng chỉ dân chủ thôi". (Lênin: Hai chiến thuật). Cách mạng phản đế và cách mạng thổ địa phải đồng thời tiến, không thể cái làm trước cái làm sau*." (1)

Nhưng đến Hội nghị Trung ương lần thứ tám tại Pắc Bó (Cao Bằng) họp từ ngày 10 đến ngày 19-5-1941, với sự tham dự của HCM thì tiến trình Cải cách Ruộng đất bị đẩy lùi về đằng sau. HCM lý luận rằng phải giải phóng được dân tộc trước thì mới làm Cải cách Ruộng đất được, chứ đất còn nằm trong tay Pháp thì lấy đất đâu để mà cải cách. Vì nhu cầu ưu tiên kêu gọi đoàn kết mọi giai tầng trong xã hội để đánh Pháp trước đã, nên khẩu hiệu CCRĐ và đấu tranh giai cấp phải giấu kỹ đàng sau. Cái mà đảng CS cần nhất lúc đó là giương cao ngọn cờ dân tộc để đánh Pháp, nên cần sự hậu thuẫn, đoàn kết của tất cả

các giai cấp. Nghị quyết của Hội nghị Trung ương lần thứ tám khẳng định: "*Tóm lại, nhiệm vụ giải phóng dân tộc, độc lập cho đất nước là một nhiệm vụ trước tiên của Đảng ta và của cách mạng Đông Dương, hợp với nguyện vọng chung của tất cả nhân dân Đông Dương. Muốn làm tròn nhiệm vụ đó, Đảng ta phải thống nhất lực lượng cách mạng của nhân dân Đông Dương dưới một hiệu cờ thống nhất, tất cả các tầng lớp, các giai cấp, các đảng phái, các dân tộc, các tôn giáo có tinh thần chống Pháp, chống Nhật thành thật muốn độc lập cho đất nước, thành một mặt trận cho cách mạng chung… Vậy thì cuộc cách mạng Đông Dương trong giai đoạn hiện tại là một cuộc cách mạng dân tộc giải phóng... Chưa chủ trương làm Cách mạng tư sản dân quyền mà chủ trương làm cách mạng giải phóng dân tộc… Không phải giai cấp vô sản Đông Dương bỏ mất nhiệm vụ điền địa đi dâu, cũng không phải đi lùi lại một bước, mà chỉ bước một bước ngắn hơn để có sức mà bước một bước dài hơn*".

Đến đầu năm 1950, tại đại hội II của đảng CS, với tư cách là tổng bí thư, Trường Chinh đề nghị ba bước cần phải thi hành trong Cải cách Ruộng đất. Trường Chinh viết:

"*Bước thứ nhất: tịch thu không bồi thường ruộng đất của thực dân Pháp và của bọn phản quốc, một phần lớn chia cho dân nghèo, một phần nhỏ để làm đồn điền thí nghiệm, giảm tô, giảm tức; cổ động quyên ruộng, thu hẹp chế độ nông nô và chế độ bộ lạc; phát triển hợp tác xã nông nghiệp.*

Bước thứ hai: tịch thu ruộng đất của đại địa chủ chia cho dân cày; xóa bỏ tàn tích của chế độ nông nô.

Bước thứ ba: thủ tiêu toàn bộ chế độ bóc lột địa tô, triệt để thực hiện khẩu hiệu người cày ruộng có ruộng.

Chú ý: về việc chia ruộng đất, cố nông, bần nông và các chiến sĩ trong quân đội được ưu đãi trước nhất. Tuy nói chung địa chủ tham gia kháng chiến sẽ được bồi thường nếu bị tịch thu ruộng đất, những người được cấp ruộng phải bồi thường cho chủ ruộng hay không và bồi thường nhiều ít là tùy tình thế lúc tịch thu mà quyết định. Đến lúc thủ tiêu toàn bộ chế độ bóc lột địa tô, thì địa chủ cũng được hưởng một phần ruộng như nông dân; họ sẽ phải làm lụng trên phần ruộng của họ và hóa thành nông dân.

Hiện nay ta đang ở bước thứ nhất của việc Cải cách Ruộng đất.

Tại sao việc CCRĐ ở ta lại phải chia ra từng bước như thế? Trong bước đầu này, ta chưa đặt ra vấn đề tịch thu ruộng đất của địa chủ là vì hiện thời nhiệm vụ phản đế phải hoàn thành gấp rút, nên nhân nhượng với địa chủ để đoàn kết mọi lực lượng đánh Pháp, là một việc tất nhiên. Vấn đề then chốt của bước thứ nhất là: giảm tô, giảm tức.

Sau khi kháng chiến thành công, hoàn thành nhiệm vụ phản phong kiến là việc trước mắt. Trọng tâm của cách mạng đã chuyển từ nhiệm vụ phản đế sang nhiệm vụ phản phong kiến, thì then chốt của vấn đề Cải cách Ruộng đất lúc đó lại là thủ tiêu chế độ bóc lột địa tô bắt đầu bằng cách thủ tiêu chế độ bóc lột của đại địa chủ trước." (3)

Xuyên qua tài liệu trên, ta thấy đảng cộng sản VN lại một lần nữa khẳng định việc hoãn lại kế hoạch Cải cách Ruộng đất cho đến sau khi đánh Pháp. Thế nhưng, tình hình thay đổi hẳn khi Trung Cộng trực tiếp nhúng tay vào Việt Nam.

Hoàng Tùng, cựu tổng biên tập nhật báo Nhân Dân, viết trong hồi ký *Những kỉ niệm về Bác Hồ* như sau :

"*Sang Trung Quốc, Mao đưa Bác vào quỹ đạo của Mao. Sang tới Liên Xô, Stalin lại đưa Bác vào quỹ đạo của Stalin. Chuyến đi Trung Quốc và Liên Xô năm 1950 của Bác là chuyến đi gian khổ. Sau khi gặp Stalin và Mao, hai bên cứ thúc ép Bác làm như họ, tức là liên minh công nông, do Đảng lãnh đạo, lập chính quyền công nông, rồi làm Cải cách Ruộng đất. Bác chưa muốn làm Cải cách Ruộng đất. Thuyết ba giai đoạn của đồng chí Trường Chinh đưa ra ở Đại hội II là có ý kiến của Bác. Theo thuyết ba giai đoạn thì Cải cách Ruộng đất để sau, hãy làm giảm tô, giảm tức. Đồng chí Trường Chinh phân tích rất hay. Đại hội Đảng ta năm 1951, đại biểu nước ngoài tới dự chỉ có La Quý Ba [Trung Quốc]. La Quý Ba phát biểu chủ yếu về thuế nông nghiệp. Họ đem các nề nếp từ bên Trung Quốc sang, đem kinh nghiệm chỉnh đảng, chỉnh phong từ Diên An sang. Sau Đại hội ta không nói gì đến Cải cách Ruộng đất, chỉ thấy nói đến lí thuyết ba giai đoạn, vì thế nên mùa hè năm 1952 Mao Trạch Đông và Stalin gọi Bác sang, nhất định bắt phải thực hiện Cải cách Ruộng đất. Sau thấy không thể từ chối được nữa, Bác mới quyết định phải thực hiện Cải cách Ruộng đất. Bác viết một bài nhan đề "Terre et eau" (đất và nước) kí tên là Le Ding, đăng ở tạp chí Vì một nền hoà bình lâu dài, vì một nền dân chủ mới. Bác nói đại ý : Đất và Nước bao giờ cũng đi liền với nhau, muốn giải phóng nước phải đưa đất cho dân. Bác nói khéo để nói lên việc phải Cải cách Ruộng đất*." (4)

Sức ép của cả Trung Quốc lẫn Liên Xô đè nặng, Hồ Chí Minh phải thực hiện Cải cách Ruộng đất, chứ không thể tiếp tục trì hoãn đươc nữa. Nhưng Hồ và đảng CSVN không được phép thực hiện Cải cách Ruộng đất theo kiểu Việt Nam – nghĩa là giảm tô, tịch thu và có bồi thường tuỳ theo trường hợp; đằng này đảng cộng sản VN phải thực hiện Cải cách Ruộng đất theo kiểu mà Trung Quốc và Liên Xô muốn.

Thế kẹt chết người của cộng sản VN là nó có tới hai mẫu quốc và hai mẫu quốc ấy lại kình chống nhau. Trung Cộng ở gần, Liên Xô ở xa, cho nên cộng sản VN trở thành nô lệ trực tiếp của Trung Cộng và nô lệ

"cách không" của Liên Xô. Muốn nô lệ hóa Việt Cộng, biến chúng thành tay sai "không có đường lùi", Trung Cộng bức bách Việt Cộng phải tiến hành đấu tranh giai cấp, tự đào hố tách biệt khỏi khối đoàn kết dân tộc, trở thành đồ tể giết hại chính đồng bào mình, về sau có muốn phản chủ cũng không còn đường mà phản chủ nữa. Cũng với cung cách đó, sau này Trung Cộng đã biến Pol Pot ở Campuchia thành đồ tể lừng danh thế giới với tội diệt chủng và sát trường "The Killing Field". "Thế giới chia làm hai phe", Việt Cộng ôm cái mâu thuẫn "hai phe" đó vào lòng dân tộc Việt, đã đủ kinh hoàng cho dân tộc Việt rồi. Đến khi ngay trong "phe" xã hội chủ nghĩa lại chia ra hai "bè" đánh nhau nữa, Việt Cộng lại xô thêm dân tộc Việt vào cảnh một cổ hai tròng, làm sao mà còn đường thoát ! Về sau, rất lâu sau khi bị Trung Cộng xua quân "dạy cho một bài học", Việt Cộng lớn nhỏ mới dám hó hé viết hồi ký đổ lỗi cho Trung Cộng ép buộc chúng vào những đấu tranh giai cấp đầy tội lỗi và rất ư không cần thiết. Dù biện minh kiểu gì, ngàn đời Việt Cộng không bao giờ rửa sạch được những vết nhơ trong lịch sử qua những tội lỗi nói trên của chúng.

Trong cuốn hồi ký về *Trường Chinh - một nhân cách lớn, một nhà lãnh đạo kiệt xuất của cách mạng Việt Nam,* Hoàng Tùng kể như sau:

"*Trung Quốc phái sang một đoàn cố vấn Cải cách Ruộng đất, chính đốn tổ chức, cố vấn cho ban tổ chức, ban tuyên huấn, công an. Họ chuẩn bị đưa ra trước bộ chính trị của ta một kế hoạch đầy đủ: Thành lập các đội công tác, chỉnh đốn tổ chức đi liền với Cải cách Ruộng đất. Cuốn phim Bạch Mao Nữ, một điển hình Cải cách Ruộng đất ở nước họ được gửi sang để chiếu rộng khắp, những bài giảng của họ gây ấn tượng sâu sắc, kích động mạnh mẽ tâm lý người xem. Các đội công tác chịu sự chỉ huy trực tiếp của đoàn do Hồ Viết Thắng trực tiếp nắm, có Kiều Hiểu Quang - trưởng đoàn cố vấn về chỉnh đốn tổ chức Cải cách Ruộng đất tham gia. Họ chọn lọc những người tố cáo, kể khổ hăng hái nhất, nhiều khi bịa ra, hoặc nói phóng đại ra cho bi đát, hấp dẫn, kết nạp họ vào Đảng, hoặc đội ngũ của cuộc vận động Cải cách Ruộng đất. Các hội nghị tố khổ diễn ra cả ngày, có khi kéo dài đến tận đêm khuya*." (5)

Hoàng Tùng đã cho ta thấy Trung Cộng buộc đảng cộng sản Việt Nam phải diễn tuồng Cải cách Ruộng đất theo đúng điển mẫu của mẫu quốc, và qua đó chỉnh đốn luôn cả đảng cộng sản VN theo khuôn mẫu Tàu. Hồ có phản đối gì không? Ta hãy nghe Hoàng Tùng kể tiếp:

"*Trung Quốc muốn qua Cải cách Ruộng đất để chỉnh đốn lại Đảng ta. Thời gian từ lúc tiến hành Cải cách Ruộng đất đến lúc dừng là 3 năm. Khi đó tôi thường được dự họp Bộ chính trị do đó cũng biết một số việc. Đó là việc làm thí điểm cải cách ở đồng bằng và chọn đồn điền*

Nguyễn Thị Năm. Nguyễn Thị Năm tức là Cát Thành Long có một người con làm trung đoàn trưởng ở cục chính trị của Văn Tiến Dũng. Gia đình bà trong dịp Tuần lễ Vàng có hiến 100 lượng vàng. Bà còn tham gia công tác của Hội phụ nữ từ năm 1945 đến 1953. Tôi chưa đến đó lần nào, các anh Trường Chinh, Hoàng Quốc Việt, Lê Đức Thọ thường hay ăn cơm ở nhà bà. Gia đình Nguyễn Thị Năm cũng giống như các gia đình Đỗ Đình Thiện, Trịnh Văn Bô giúp đỡ nhiều cho cách mạng. Chọn địa chủ Nguyễn Thị Năm để làm trước là do có người mách cho cố vấn Trung Quốc. Họp Bộ chính trị Bác nói : "Tôi đồng ý người có tội thì phải xử thôi, nhưng tôi cho là không phải đạo nếu phát súng đầu tiên lại nổ vào người đàn bà, mà người ấy lại cũng giúp đỡ cho cách mạng. Người Pháp nói không nên đánh đàn bà, dù chỉ đánh bằng một cành hoa". Sau cố vấn Trung Quốc là La Quý Ba đề nghị mãi, Bác nói : "Thôi tôi theo đa số, chứ tôi vẫn cứ cho là không phải". Và họ cứ thế làm. Thuyết của họ là không dựa vào tổ chức cũ mà tổ chức lại một số tổ chức khác của Đảng, họ phủ nhận hết các tổ chức khác như chính quyền, các đoàn thể. Ai lãnh đạo Cách mạng Tháng tám thành công, ai lãnh đạo cuộc kháng chiến từ năm 1945 đến năm 1953. Thế mà họ thẳng tay bỏ hết, trong đó có mấy ngàn người bị xử tử. Mục đích của họ không phải là Cải cách Ruộng đất mà là đánh vào Đảng ta. May mà đến năm 1956 ta kịp dừng lại, nếu không thì tan nát hết. Sau này có những phiên họp Bộ chính trị tôi hay ngồi lại cùng Bác nói chuyện. Có lần Bác trầm ngâm nói : "Mình đã nói để kháng chiến xong đã, mới tiến hành CCRĐ, cứ ép mãi. Mà nếu có làm cũng làm theo cách ta, chứ không theo họ". (6)

Ngay cả một Hồ Chí Minh lúc nào cũng tự xưng tụng là "vĩ đại" như thế, ngay cả một HCM được Trần Khuê gọi là "thánh Hồ", cũng đành bó tay để mặc cho các cố vấn Trung Cộng vung tay tiêu diệt có hệ thống toàn bộ cán bộ trung kiên của Hồ. Như Hoàng Tùng đã tiết lộ, ta thấy rất rõ chủ trương của Trung Cộng là nô lệ hoá toàn bộ đảng CSVN.

Cuộc chỉnh huấn đảng cộng sản VN do Trung Cộng thực hiện qua cái gọi là Cải cách Ruộng đất đã làm cho ngay cả đến tên sắt máu Lê Duẩn cũng phải rùng mình. Nguyễn Đức Bình, hiện là uỷ viên bộ chính trị, kể lại: "*Tôi nhớ tháng 11, 1952, anh Ba Duẩn trên đường từ Nam Bộ ra Việt Bắc có ghé lại mấy ngày ở cơ quan liên khu uỷ IV. Anh Ba nói về kinh nghiệm Cải cách Ruộng đất. Anh nói: Ta phải làm theo cách của ta, phù hợp với điều kiện của Việt Nam*." (7)

Từ miền Bắc trở về Nam Bộ, Lê Duẩn *dứt khoát không tán thành nội dung chính sách và phương pháp chỉnh huấn, Cải cách Ruộng đất, chỉnh đốn tổ chức như đã làm đầu những năm 50.* (8)

Lê Duẩn nhìn thấy sự thao túng của Trung Quốc, và không phải chỉ một mình Lê Duẩn mà rất nhiều các cán bộ cao cấp của đảng cộng sản Việt Nam lúc bấy giờ cũng nhìn thấy điều đó. Nhưng tất cả đều đã câm lặng không phản đối, để mãi đến hơn 45 năm sau mới dám than thở. Tố Hữu than: "*Cuộc Cải cách Ruộng đất đề cao một cách quá đáng vai trò bần cố nông ở nông thôn và cả trong Đảng, khiến người ta cảm thấy mục tiêu đánh đổ một quan điểm chính trị còn lớn hơn cả mục tiêu mang ruộng đất về cho dân cày. Cuộc đấu tố kéo dài ngày càng quyết liệt cho đến năm 1955, đầu 1956, sau khi lập lại hoà bình, gây một tâm trạng hoảng loạn ở nông thôn và cả thành thị mới được giải phóng*" (9). Tố Hữu không bao giờ dám nhắc lại những bài thơ sặc mùi "Hồng Vệ Binh" y đã sáng tác để phục vụ cho tuyên truyền thời "đấu tố". Y cũng không bao giờ dám nhắc đến hàng triệu người Việt Nam bỏ xứ, từ Bắc di cư vào Nam, như là một cuộc "bỏ phiếu bằng chân" của quốc dân Việt, chống lại đấu tranh giai cấp, đồng thời chống luôn đế quốc cộng sản (cả Nga lẫn Tàu) và bọn tay sai bản xứ là đảng cộng sản VN.

Những gì mà các tay tổ lãnh đạo cộng sản bây giờ mới dám thổ lộ ra - một chút ít - đã cho chúng ta thấy hình ảnh của một tập đoàn tay sai ngay từ thời chúng lập đảng cho đến ngày hôm nay. Ngay từ "Thời Dựng Đảng", chúng đã chủ trương "*Phải thực hành cho được chánh sách và nghị quyết của Đảng và Quốc tế Cộng sản*". (10).

Đảng cộng sản thường hay khoe khoang "đảng ta vĩ đại". Trong thực tế, nếu đảng ấy quả thật có "vĩ đại" thì nó chỉ "vĩ đại" trong sự nghiệp làm tay sai cho các quyền lợi của đế quốc, miễn sao "đảng ta" bảo vệ được cái quyền ngồi trên đầu trên cổ người dân, mặc tình sinh sát và vơ vét.

Qua sự lũng đoạn và thao túng của cộng sản Tàu, chúng ta thấy được dã tâm của Mao Trạch Đông là cố tình làm cho đảng cộng sản VN phải vong thân với quốc dân Việt Nam. Có bị quốc dân Việt Nam xem như là kẻ thù thì đảng cộng sản Việt Nam mới biến thành một tên nô lệ mãi mãi lệ thuộc vào Trung Cộng. Thập niên 70, khi cộng sản Pol Pot lên nắm quyền tại Cam Bốt, với sự ủng hộ của Trung Cộng, Pol Pot đã tiêu diệt hơn 2 triệu người Cam Bốt, và chính hành động này đã đẩy bè lũ Pol Pot vào tư thế trở thành kẻ thù truyền kiếp của quốc dân Cam Bốt. Pol Pot không còn sự lựa chọn nào khác đành phải biến mình thành tên nô lệ cho Trung Cộng nhằm bảo vệ cái ghế quyền lực của mình. Cho đến khi vì cần trao đổi với Mỹ Trung Cộng đã không ngần ngại bỏ rơi Pol Pot. Và y đã chết như một con chó ghẻ trong sự nhờm tởm của loài người văn minh.

Trong lịch sử nhân loại, chỉ có chế độ cộng sản khi sụp đổ đã không để lại được một cái gì ngoài sự tàn bạo của nó.

Chú thích

(1) Văn Kiện Đảng Toàn tập, tập 7 (1940-1945)
(2) Văn Kiện Đảng Toàn tập, tập 7 (1940-1945)
(3) Văn Kiện Đảng Toàn Tập, tập 11 (1950): Chính sách ruộng đất của Đảng và vấn đề điều tra nông thôn, ngày 10-2-1950
(4) Hoàng Tùng - Những kỉ niệm về Bác Hồ.
(5) Trường Chinh, một nhân cách lớn, một nhà lãnh đạo kiệt xuất của các mạng Việt Nam (Hồi ký) - Nhiều tác giả. Nhà xuất bản Chính Trị Quốc Gia, Hà Nội 2002. Bài của Hoàng Tùng, trang 139-140.
(6) Những kỉ niệm về Bác Hồ - Hoàng Tùng.
(7) Lê Duẩn, một nhà lãnh đạo lỗi lạc, một tư duy sáng tạo lớn của cách mạng Việt Nam (Hồi ký) - Nhiều tác giả. Nhà xuất bản Chính Trị Quốc Gia, Hà Nội 2002. Bài của Nguyễn Đức Bình, trang 151.
(8) Lê Duẩn (sdđ phần 7). Bài của Hoàng Tùng, trang 240.
(9) Tố Hữu - Nhớ lại một thời. Nhà xuất bản Văn Hoá Thông Tin, Hà Nội 2002. Trang 211.
(10) Văn Kiện Đảng Toàn tập, tập 2 (1930) - Điều lệ vắn tắt của Đảng Cộng sản Việt Nam.

II- QUA CÁC HỒI KÝ VÀ HỒI ỨC

Cải cách Ruộng đất

Giám mục Phaolô Lê Đắc Trọng
GM Phụ tá Tổng Giáo phận Hà Nội
Trích "Những câu chuyện về một thời", xuất bản năm 2009, tập 3

Ở những nước tư bản, có những chủ nhân, những xí nghiệp, những nhà máy, có giới chủ với người thợ, thì cuộc đấu tranh giữa thợ thuyền và chủ nhân là nhằm đánh đổ giới chủ, để có một lớp người vô sản, để biến xã hội tư bản thành xã hội vô sản.

Ở những nước mà nguồn kinh tế chính là ruộng đất, thì nơi đó giới thống trị là người có nhiều ruộng đất, là những địa chủ, và giới vô sản

là những bần cố nông không ruộng đất. Cuộc đấu tranh của vô sản ở đây là nông dân nghèo vùng lên đòi lấy ruộng đất từ các địa chủ, để giới vô sản sẽ làm chủ nhân ông. Đó là tư tưởng chỉ đạo việc Cải cách Ruộng đất. Cuộc Cải cách Ruộng đất ở các nước nông nghiệp là phương tiện chính để vô sản hoá xã hội.

Ở Trung Quốc, Đảng Cộng sản nắm chính quyền vào năm 1949. Liền sau đó là cuộc Cải cách Ruộng đất long trời lở đất làm biến đổi hẳn bộ mặt Trung Quốc, một nước vô sản vĩ đại sau Liên Xô. Liên Xô là thành trì của thế giới, đối với VN là anh cả, mà anh hai là Trung Quốc.

1- Cho nên sau cuộc Cải cách Ruộng đất ở Trung Quốc, người Cộng sản Việt Nam cũng lăm le theo gót. Phải nói: Cộng sản Trung Quốc đến sau Cộng sản Việt Nam trong việc cướp chính quyền, song Cộng sản Việt Nam từ đây mọi cái nhất nhất phải theo Cộng sản Trung Quốc. Có nhiều lý do: Hầu hết các lãnh tụ Cộng sản Việt Nam đều phát xuất từ Trung Quốc, hoặc chịu ảnh hưởng Trung Quốc hơn là Liên Xô. Một là vì Việt Nam ở sát Trung Quốc, việc giao lưu dễ dàng. Hai là tuy cách mạng Việt Nam giành được độc lập trước Trung Quốc, song nhờ Trung Quốc mà giữ vững được vị trí, đặc biệt là nhờ chiến thắng Điện Biên Phủ tháng 5-1954, trong đó Việt Nam nếu không nhờ Trung Quốc tất cả thì cũng là phần lớn.

2- Cộng sản Trung Quốc một khi nắm chính quyền là nắm toàn bộ, còn ở Việt Nam, nền độc lập chỉ có trên nguyên tắc, Cộng sản còn phải đánh nhau với Pháp nên chưa dám lộ diện hoàn toàn. Chỉ mới là Đảng Lao Động, nhà nước dân chủ cộng hoà.

3- Cuộc Cải cách Ruộng đất nó dữ dội quá, giết nhiều người quá, đã làm hoen ố bộ mặt Cộng sản vốn luôn tuyên bố vì nước vì dân, vì độc lập, với bao là chính nghĩa xuông, nên Cộng sản Việt Nam có làm Cải cách Ruộng đất cũng là một cách miễn cưỡng, chẳng đặng đừng, và một cách dè dặt, chứ không cực đoan, triệt để như Trung Quốc. Cho nên họ phải đưa ra ông Trường Chinh (Đặng Xuân Khu, người Hành Thiện, Xuân Trường, Nam Định). Tuy là Tổng bí thư Đảng, là lý thuyết gia của Đảng, nhưng ít người biết đến tên tuổi ông, đến mặt mũi ông. Ông được trao cho nhiệm vụ thừa hành kế hoạch Cải cách Ruộng đất, còn ông Hồ Chí Minh "*giả cách đứng ngoài*". Kế hoạch đó cũng đạt mục đích phần nào, vì sau này tai tiếng đều trút trên đầu ông Trường Chinh, mà "Bác Hồ" vốn "nhân từ" chỉ bị liên hệ chút ít. Nhưng làm sao mà che mắt được dư luận nhân dân. Ông Hồ là lãnh tụ tối cao, ông Trường Chinh chỉ là tay chân, làm sao công việc long trời lở đất đó lại qua mắt được lãnh tụ tối cao! Sau này mới có chính sách lãnh đạo tập thể, chứ lúc đó mọi cái chỉ do mấy ông chóp bu định đoạt. Dù cá nhân, dù tập thể, thì ai là lãnh tụ phải chịu trách nhiệm chính. Tuy nhiên mặt ông

Trường Chinh không bao giờ được rửa sạch. Mặc dù sau này ông làm Chủ tịch Quốc hội, ông cũng không bao giờ vươn lên khuôn mặt kính mến trước nhân dân.

4- Do chính sách "*chiếu cố*" miền Nam, Cộng sản Việt Nam ở miền Bắc chưa dám lộ ra bộ mặt quá cứng rắn, quá tàn ác đi tới mọi rợ.

Dù sao, cuộc Cải cách Ruộng đất đã được thực hiện. Sách "*Biên niên sử Việt Nam*" không đề cập gì đến Luật cải cách được ban bố ngày nào, thi hành ngày nào, mà chỉ nói "*Tháng 7 năm 1956: Hoàn thành Cải cách Ruộng đất ở miền Bắc*". Ruộng đất đã về tay nông dân, 10 triệu nông dân lao động đã làm chủ ruộng đất, làm chủ nông thôn.

Nói "*Hoàn thành Cải cách Ruộng đất ở miền Bắc*", vì thực ra đã có cuộc cải cách ở miền Trung, trong các tỉnh Thanh Hoá, Nghệ Tĩnh, giữa lúc quân đội Pháp và Việt Minh đang gay gắt đánh nhau ở miền Bắc, năm 1951-1952. Không những giật lấy ruộng đất ở tay địa chủ, cuộc cải cách ở miền Trung còn dập tắt mọi mầm mống có thể nổi lên từ phía quốc gia, để khỏi đi với Pháp chống lại Việt Minh (Cộng sản). Ở miền Bắc nghe thấy nói tới Cải cách Ruộng đất ở Khu Tư là rợn người, đến khiếp sợ cả người Khu Tư nữa.

Nói "*hoàn thành*" là hoàn thành thế nào? Đó là 10 triệu nông dân nghèo không ruộng đất, nay có ruộng cầy. Cái kết quả đẹp đẽ quá! Nhưng để tới kết quả đó, đã phải có những phương tiện nào?

Người Cộng sản Việt Nam học được kinh nghiệm của các anh Liên Xô, Trung Quốc, nên công cuộc được tổ chức rất chu đáo cặn kẽ, từ lúc phát động đến hoàn thành. Tuy nhiên, người Việt Nam vốn có lòng từ tâm, nên những cách tàn bạo quá đỗi ở Liên Xô hay Trung Quốc, không được bắt chước đầy đủ.

Đầu hết là cái khẩu hiệu "*Người cầy có ruộng*" quá hợp tình hợp lý đi thôi. Cho được thế, phải lấy ruộng đất ở tay những người có nhiều quá mà san sẻ cho những người không có tí nào! Đó cũng là lẽ công bằng. Nhưng làm sao để vui lòng san sẻ ? Giáo Hội có luật công bằng, xã hội dựa trên bác ái. Cộng sản có phương châm đấu tranh dựa trên căm thù. Làm thế nào để khơi dậy căm thù, hay nói chung, để thành cán bộ cải cách, Đội cải cách?

Nhiều trường được xây dựng để đào tạo Đội cải cách. Tôi biết một trường như thế ở Phủ Lý. Tôi đã có dịp vào đó. Nghỉ ở đó trong một buổi họp nọ. Trường gồm độ vài chục căn nhà, mái tranh vách đất, có vẻ tạm thời, nằm ở phía đông nhà thờ Phủ Lý. Thị xã lúc này đã bị phá huỷ theo sách lược "tiêu thổ kháng chiến" hồi năm 1946-1947: không còn một ngôi nhà, chỉ trừ nhà thờ.

Người ta dạy gì trong trường? Tôi không rõ, tất cả là bí mật. Khi thấy công việc Đội cải cách làm, thì biết họ học gì, được huấn luyện thế

nào! Học xong họ được phân đi các xã, các thôn, cũng hầu như bí mật. Người tỉnh này được phái đi các tỉnh khác để không ai biết họ, cũng như họ không biết ai trong địa phương, để hoàn toàn tránh những liên lạc, hoặc cư xử riêng tư hay nể nang gì đó.

Mỗi xã được phân phối dăm bẩy đội viên hoặc hơn kém tùy theo xã quan trọng thế nào. Đội về đâu ở đâu không ai biết. Họ sống theo chế độ "ba cùng": cùng ăn, cùng ở, cùng làm. Nghĩa là họ đến một nhà nào đó, thường là một bần cố nông. Người này ở một cái lều, đồng chí Đội cũng chui rúc vào lều đó; nhà đó ăn cháo, ăn cơm độn thì Đội cũng ăn cháo, ăn cơm độn như họ; bần cố nông đó đi cầy, đi cuốc thuê, thì Đội cũng cùng làm y hệt. Người Đội cải cách bắt rễ ở nhà nào, thì sống trong những điều kiện của nhà đó, không có chi khác biệt. Bởi đó người ta cũng không để ý tới, đã mấy ai nghe nói đến Cải cách, đến Đội cải cách mà theo dõi! Còn người được Đội đến nhà, có thể lấy đó làm vinh dự, đàng khác Đội lại khéo léo, chấp nhận ăn chung, sống chung với nhau như thế, khách chủ cùng cánh, dễ thông cảm và thân mật.

Do cách sống gần gũi thân mật với nhau, nhìn nhau mỗi ngày 24/24 tiếng, người Đội khéo léo tỉ tê, khai thác được mọi chuyện của người bà con nông dân chất phác và dốt nát đó: Bác nông dân đó kể lể về cảnh sống khổ sở của mình làm sao? Lam lũ làm thân trâu ngựa thế nào? Bị hành hạ làm sao? Bị áp bức và bị bóc lột đến thế nào? Các anh địa chủ, các tên cường hào kia ăn ở làm sao? Bóc lột áp bức thế nào? Thế là lửa căm thù được nhóm lên giữa những giai cấp khác nhau, để một ngày kia sẽ bùng lên.

Sau khi mối hận thù giữa các giai cấp chín muồi, thì phong trào Cải cách được phát động rầm rộ. Quả nhiên, những ngày hội của nông dân bắt đầu. Từng đoàn thiếu nhi đeo trống ếch đi khắp ngõ ngách xóm làng, tiếng tùng tùng tùng tùng bắt nhịp với những tiếng hô đả đảo, đả đảo địa chủ… đả đảo cường hào… tiêu diệt ác ôn! Một tên xướng lên, cả đoàn lập lại hai lần. Bầu sát khí nổi lên bừng bừng. Bừng bừng một cách giả tạo, miễn cưỡng, chứ từ xưa tới nay dân làng vẫn sống cảnh thanh bình đầm ấm; nhất là vào ngày tết, ngày lễ, ngày hội, anh em bà con có đi làm ăn xa đến đâu, cũng nhớ đến nơi chôn rau cắt rốn trở về đoàn tụ gia đình. Cái luỹ tre xanh bao quanh làng biểu tượng một đời sống tĩnh mịch, êm ấm.

Tuy trong thời gian chiến tranh, bom đạn có khuấy động đời sống dân làng. Nhưng đã qua đi cái thời chiến tranh loạn lạc… Nay khắp nơi ngày đêm ra rả những tiếng ca ngợi hoà bình: hoà bình trong nước, hoà bình trên thế giới. Xem ra chủ nghĩa xã hội độc quyền cả hoà bình, còn chiến tranh là của tư bản. Các hạng người vong bản, họ nhập cảng một chủ nghĩa ngoại lai ở đâu ấy, hô hào xây dựng nên cảnh bồng

lai…. Vậy mà ngược với cảnh hoà bình êm đềm, họ đưa xóm làng vào một cuộc cách mạng long trời lở đất, Việt Nam chưa hề thấy bao giờ!

Chiều chiều sau việc đồng áng, khi bà con về cầu ao rửa chân tay, cầy cuốc, chuẩn bị cơm tối, tiếng trống ếch đã rộn rã trên các đường ngõ trong làng, tiếng hô loa nổi lên mời bà con đi họp, họ chờ đầy đủ không thiếu một ai. Đi họp đầy đủ, chứ ai mà dám ở nhà. Có thể đầu làng một đám lửa bốc lên ở một đống rơm, một chuồng lợn. Người ta cố ý đốt và đổ cho bọn địch không chịu đi họp đã gây nên. Chỗ khác, những viên đá, viên gạch ném ra đường ngăn cản đội hoặc bà con đi họp, là do bọn địch không chịu đi họp gây nên!?!

Vào phòng họp, đội dõng dạc tuyên bố: "*Bà con nông dân đề cao cảnh giác, vì địch nó ngồi ở đằng sau ta…*". Người ngồi sau run sợ! Một lúc nữa, đội lại nói: "*Bà con cảnh giác, địch nó ngồi ngay trước mặt ta*". Ngồi trước ngồi sau đều là địch cả. Không còn biết chọn chỗ nào nên ngồi! Sợ sệt và sợ sệt…!

Ai nấy ngồi yên chỗ, bắt đầu cuộc "*đấu tố*". Tố cáo tội ác giai cấp bóc lột, đấu tranh đánh đổ giai cấp bóc lột đó. Mọi người bắt đầu cuộc kể khổ, để tố cáo tội ác của bọn địa chủ cường hào ác bá. Những tội ác được bịa đặt ra nhiều hơn và nặng nề hơn sự thật.

"*Tôi vay hắn ta mấy bát gạo, hắn ta bắt tôi viết văn tự thế bằng một sào ruộng. Tôi không có gì trả, thế là hắn ăn không sào ruộng của tôi. Và cứ mấy lần vay như vậy, rồi không có gì trả, thế là chẳng còn một mẩu đất để cắm dùi…"; "Tôi cấy tô cho nó, chẳng may trời để mất mùa, vì bão lụt, nó cứ thu tô như chẳng có tai hoạ gì xẩy ra. Chẳng có gì mà nộp, nó cho người đến tháo bộ cửa, dỡ mấy gian nhà tôi…."; "Tôi nghèo khổ, đi làm thuê cho nhà nó, ăn đói, ăn khát, nó còn đánh đập, tiền công không trả, nhà nó tìm cách đuổi tôi đi để quỵt công….*"

Và nhiều thứ tội khác, chung quy là tội tàn bạo, bóc lột, đổ trên những người bị quy là địa chủ, hay ác ôn, cường hào. Có thể là tội cá biệt nhưng nay là tội chung. Ai là đối tượng thì được khoác cho những tội đó. Người nông dân thật thà chất phác, mấy ai nghĩ ra được cách tố cáo. Tất cả đã được dạy bảo, được đội "*mớm*" cho trước.

Thế rồi đấu! Đấu tranh với địa chủ, thì phải có khí thế, chưa quen thì phải tập. Chưa có ai xuất hiện để mà đấu, thì có thể dùng cái cột nhà thay thế. Bà con và nhất là các phụ nữ giơ tay xỉa xói vào cái cột nhà mà rằng: "*Mày đã cướp của tao, mày đã đốt nhà tao, mày đã đánh đập tao thật tàn bạo. Tao khó nhọc làm giầu cho mày, mà mày cho tao ăn đói ăn khát…*". Tất cả phải được nhuần nhuyễn, từ cử chỉ đến lời nói, để khi gặp "*người thật*" thì không ngượng ngùng ái ngại.

Đến nỗi có một phụ nữ đứng tuổi, rất thương người cha già chị săn sóc hằng ngày, vậy mà chị phải nói với bố: "*Ông có biết tôi là ai*

không?" Người cha ngậm ngùi ngước nhìn đứa con dứt ruột của mình và nói: "*Thưa bà, con là người đẻ ra bà ạ*". Lời thưa não nùng thảm thương, nhưng phải hỏi cái sức ma quỉ nào đã thúc đẩy người con chất vấn người bố như thế? Cứ đó mà luận ra những kẻ khởi xướng!

Một bầu khí sợ hãi lan tràn khắp nơi. Không hiểu tự đâu, Đội cải cách có cái tài làm cho mọi người sợ thế. Tôi cho là có ma quỉ đứng đằng sau để giật dây. Không ai dám đến nhà ai, không ai dám gặp nhau, nói chuyện với nhau. Gặp gỡ hay chuyện trò có thể một lúc nào đó bị coi là âm mưu tìm cách phá hoại Cải cách. Tội gì, chứ bị cáo là phá hoại thì chỉ có mà chết! "*Nhất Đội, nhì Trời*" cơ mà! Để tăng thêm nỗi sợ hãi, chỗ này hay chỗ kia một đống rơm, một chuồng lợn được đốt lên, và phao tin kẻ địch phá hoại, không chịu đi họp đã gây ra. Như thế, ai còn dám ở nhà nữa? Chỗ khác tung tin: bọn phá hoại nấp trong nhà, chờ Đội đi qua là ném gạch, ném đá. Ai nấy đi họp cho nhanh, kẻo ở nhà dễ "*bị phát hiện*" là kẻ địch.

Vào buổng họp, Đội nghiêm nghị tuyên bố: "*Kẻ địch nó ngồi ngay trước mắt ta*". Những người ngồi trước giật mình! Lúc sau đội lại nói: "*Kẻ địch nó ngồi đàng sau chúng ta*". Người ngồi sau thất đảm! Ngồi đâu cũng sợ hãi, không yên. Thế rồi ai cũng phải phát biểu, không có truyện thì bịa truyện, nói dối, vu cáo. Ăn không nói có… là đường lối chính sách. Đội dùng những phương pháp khủng bố tinh thần từ Liên Xô, nhất là từ Trung Quốc. Văn hoá, não trạng của Tàu với ta khá đồng dạng, nên ta học rất nhiều của Tàu, được coi như bậc thày.

Tôi còn nhớ, trong một buổi họp ở bên Tàu, một người tố cáo người kia, được gán cho là địa chủ, như thế này: "*Nó đổ cho tôi ăn trộm cái trứng gà của nhà nó. Nó lý luận: cái trứng đó đem ấp, nở ra một con gà, con gà đó lại đẻ ra hàng chục trứng. Từ hàng chục trứng này, lại nở ra một đàn gà. Đàn gà tăng lên, ít lâu thành trăm con, bán đi làm gì mà không mua được đôi lợn, rồi lợn tăng cân, bán đi làm gì lại không tậu được đôi bò, rồi cứ thế dùng tiền bán đi mà xây nhà, tậu ruộng. Ấy tội ăn cắp nó đổ cho tôi, gây thiệt hại to lớn đến thế. Ông bà nông dân nghĩ thế nào?*" Toàn thể hội nghị đã được học tập đồng thanh hô: "*Tịch thu tài sản của nó, còn nó có đáng chết hay không, là phán quyết của Toà án nhân dân*".

Cũng một chuyện khác xảy ra bên Trung Quốc thời Cải cách mà Việt Nam bắt chước. Ở một thành phố trước kia có nhà "tiểu nhi", tức trại mồ côi do các bà phước đảm trách, các trẻ đưa đến nhà tiểu nhi thường là các hài nhi hoặc là trẻ em bị bỏ rơi. Các bà nhặt được hoặc có ai đưa tới các bà đón nhận, rửa tội cho chúng. Thường là không nuôi được, các bà lo chôn cất hài nhi đó. Có rất nhiều.

Đội cải cách bắt các bà khai quật các mồ, hài cốt chất đầy từng thúng, cho lên xe ô-tô, các bà đi theo sau để họ bêu riếu tội ác họ gán cho các bà. Các bà đứng trên xe, với những hài cốt, xe đi qua các phố, tiếng loa quát: "*Đây là những kẻ giết người, chúng đã giết từng ngàn từng vạn hài nhi*". Dĩ nhiên là các bà đứng yên đó không lời thanh minh, chỉ có những kẻ hai bên đường phố lên tiếng phỉ báng: "*Bọn giết người!*"

Toà án Nhân dân và những án tử hình

Đội huấn luyện, chỉ bảo, thúc đẩy nhân dân. Đội bảo án tội thế nào, nhân dân cứ thế mà nói, thường là do quá sợ hãi! Có làm theo chỉ là "bị" phát động, do quá sợ hãi. Mọi việc đều do "nhân dân" hình thức thi hành. Đặc biệt có Toà án nhân dân, hằng ngày nhóm họp để xét xử hoặc lên án những "*tội phạm*" đã bị đấu tố.

Toà án nhân dân thành phần là các bần cố nông, một chữ không biết mà đứng làm quan toà, làm thẩm phán. Tôi biết một bà thẩm phán ở xứ Phú Ốc, khi tôi lên làm lễ thường ra chào bà. Nhà bà ở gần đường vào nhà thờ, toà án có khi họp phiên ngay nhà bà, chật chội phải chen chúc. Bà trạc gần 70, có cô con gái tiến bộ, lấy ông chủ tịch thôn ngoại giáo. Bà thật hiền lành, đạo đức, chữ nghĩa không biết, không biết ăn nói nữa. Tôi gặp bà, bà lễ phép chào tôi và chỉ cười. Đúng là bà lão nhà quê, thế mà nắm quyền sinh sát trong tay. Cũng may là làng Phú Ốc chỉ có ba bốn người Công giáo bị quy lên địa chủ: Ông lang Thản, ông Chuân ngày xưa đi lính cho Pháp, ông Cố Nhụ (có hai linh mục Trinh và Thiện đi Nam), ông Kiều công nhân nhà máy dệt…

Có người làm việc cho nhà nước, cha mẹ anh em cũng vẫn bị quy tội như thường. Ông Chuân có con làm cán bộ, em làm hiệu trưởng trường lục quân; những người này hình như sợ liên quan, không dám thăm hỏi, xưng anh chị em gì cả. Phần đám trẻ, gặp ông ở đường làng, chạy đến giật râu ông và bảo: "*Chào ông bà nông dân đi*". Ông Chuân phải khoanh tay chào lũ trẻ: "*Con chào ông bà nông dân ạ*". Các địa chủ khi gặp bất cứ người già hay trẻ, phải xưng hô là "*con*", và thưa chào "*ông*" hay "*bà nông dân*".

Như vậy là uy thế của địa chủ đã bị hạ trong hội nghị, trong quần chúng. Cả từ "địa chủ" cũng do tuyên truyền mà trở nên cái gì ác quái, ghê gớm, xấu xa trong đầu óc quần chúng. Phải công nhận cái tài nhồi sọ của Cộng sản!

Cùng bị hại với những người bị quy là địa chủ, còn có những người phải mang danh từ tội ác nặng nề hơn, đó là "*bọn ác ôn, bọn cường hào ác bá*". Những người này là ai? Thường là những người làm việc dưới các chế độ khác như thời Pháp cai trị, hoặc thời quốc gia. Họ

làm quan, làm viên chức, như Chánh phó tổng, Chánh phó hương hội, Lý trưởng, Thơ ký, Thủ quỹ của hương hội. Thậm chí cả những người nào có uy tín trong quần chúng, những người nào có vẻ đạo mạo….

Quy thành địa chủ, thì phải theo tiêu chuẩn nào đó, như người đó có một số mẫu ruộng, hoặc nhà ngói gốc mít, ao cả ruộng liền, rồi thuê người làm hơn là làm lấy, có thế mới dễ dàng quy vào hạng bóc lột. Như vậy, việc quy lên địa chủ ở nông thôn Việt Nam bị giới hạn nhiều, vì ít làng có nhiều người ruộng liền ao cả. Ở Việt Nam, người có vài ba mẫu ruộng cũng bị coi là địa chủ; trong khi ở các nước khác, địa chủ là người có hàng trăm, nghìn mẫu ruộng.

Nhưng những người có uy tín, có thế lực, thậm chí được kính nể, thì tương đối nhiều hơn là con số địa chủ. Ngoài ra, ở xã hội ta, một xã hội có thể coi là phong kiến, những người làm việc hương lý có những hành vi tàn bạo, bất công, ức hiếp, hà lạm… con số không phải là nhỏ. Vả lại dân ta hiền lành, nên đôi nơi có người chẳng giữ chức vụ gì, nhưng vẫn có thể xưng hùng xưng bá, bắt nạt người khác với những hành vi tàn bạo, đốt nhà cướp của, cả làng khiếp sợ, không ai dám nho nhoe. Tất cả những người có uy tín, hương chức có hành vi tàn ác, hoặc những kẻ chỉ làm việc cho chế độ cũ (viên chức, lính tráng) như thế đều bị quy là cường hào ác bá, ác ôn, và những nhân vật loại này còn nặng tội hơn là địa chủ, và đáng bị tiêu diệt hơn.

Thế còn những viên chức trong đạo thì sao? Cải cách Ruộng đất làm ra vẻ rất tôn trọng tự do tín ngưỡng, nhà thờ nhà xứ được bảo đảm. Nhưng ngoài ra đều phải theo luật CCRĐ. Chẳng hạn nhà xứ nào có nhiều ruộng đất, cha xứ cũng bị đấu tố, xỉ vả như các người khác.

Tôi chỉ thấy có cha Thính ở Vĩnh Đà không bị đấu tố, vì ngài không dính dáng đến ruộng nương, không ăn nhờ vào ai. Ngài còn tuyên bố: "*Mỗi ngày tôi chỉ vài chiếc bánh đa và nước lã là đủ*". Nhưng cha Thu, thư ký cho Đức Cha Tĩnh giáo phận Bùi Chu, thì bị đổ cho cái tội "*khoan đê*". Ngài cho lời vu khống đó là quá trẻ con, ai lại dùng chiếc khoan gỗ của thợ mộc mà khoan cho vỡ đê được. Thấy quá lố bịch ngài nhận cho xong. Thế mà thành tội thật và bị đem ra xử bắn vì tội khoan đê. (Cũng có người bị khép tội khoan đê như thế, người đó phải cầm cái khoan của thợ mộc, khoan vào đê, cán bộ chụp hình, làm chứng cớ tội phạm).

Hình phạt dành cho địa chủ, cường hào gian ác v.v… do Toà án nhân dân lên án. Nói đúng ra là cán bộ cải cách, chứ bà thẩm phán tên là Thậm ở Phú Ốc nói một câu cũng không ra câu, thì lên án làm sao?

Án phạt trước hết là tịch thu nhà cửa ruộng đất. Người đó bị đuổi ra khỏi nhà, đi ở đâu thì đi. Họ dựng một cái lều ở đất hoang nào đó để độ thân, còn nhà cửa thì được chia cho ông bà nông dân, đặc biệt là

bần cố nông loại nhất, nhà to thì chia cho hai ba người. Bên lương, họ không có 10 điều răn Chúa, họ dễ dàng đến ở. Trước đây ở các lều, các nhà lụp xụp, nay được mấy gian nhà ngói, làm gì mà không nhận. Nhưng bà con Công giáo thì khác, cũng có người ép tình nhận, đến ở ít lâu, sau có dịp trả lại. Có người không nhận, ít người vui vẻ nhận.

Khi hai ba người được một cái nhà, họ thường chia nhau, rỡ đi bán. Bán đi tiêu hết tiền, lại trở về cảnh sống nơi túp lều. Ông trùm Tứ, xứ Ba Trại, có căn nhà lá ba gian, được chia cho hai người, lập tức họ chia đôi mỗi người được gian rưỡi, họ lấy cưa, cưa đôi gian giữa. Không biết rỡ về làm được gì, họa chăng dựng được túp lều?

Chú tôi ở Kim Lâm, tuy hai ông bà đã chết hoặc đi Nam gì đó, có cô con gái lấy chồng cán bộ, anh Hân, thế mà cũng bị quy là địa chủ, nhà cửa bị tịch thu chia cho hai người Công giáo; hai người chỉ lẫm lờ nhận, nhưng không dám ở bao giờ. Em tôi vẫn giữ mãi cho đến ngày không ở thì dâng cho họ giáo để làm nhà phòng. Cảnh nhà cửa bị tịch thu nó tương tự như thế.

Còn ao vườn ruộng đất? Dĩ nhiên là được đem chia cho nông dân hết, theo nguyên tắc chung. Đất đai là công thổ, tất cả là của nhà nước. Do đó mà ao vườn đất đai nhà thờ, nhà xứ, cũng được đem ra chia hết.

Còn bản thân những thành phần có tội với nhân dân thì sao? Từ khi Cải cách được phát động, tối nào cũng họp bà con nông dân. Đội cải cách nhờ chính sách "*ba cùng*" đã nắm bắt tình hình các hộ, đã chia ra từng thành phần: địa chủ, hay loại người tương tự, phú nông, trung nông, bần nông, cố nông. Chỉ có phú nông trở xuống mới được đi họp, và dĩ nhiên bần cố nông là nòng cốt, là lãnh đạo.

Ai mà không được đi họp thì lo ngay ngáy. Số phận từ đây đã được định đoạt: thành phần có tội, đáng bị loại trừ khỏi xã hội. Thành phần tuy đã được đội xác định, song để cho có vẻ "*dân chủ*" thì sẽ có các cuộc họp của nhân dân vạch mặt rồi định đoạt số phận.

Có hai vòng họp, vòng họp thứ nhất thành phần xấu không được tham dự. Trong vòng họp này, bà con nông dân vạch mặt bọn "*địa chủ, cường hào gian ác*". Ai cũng phải phát biểu, nói thật thì ít, bịa đặt vu khống thì nhiều, vừa nói vừa làm ra vẻ căm phẫn, vừa nói vừa xỉa xói.

Sau khi đã cho việc tố cáo là đủ, các cuộc họp chuyển sang vòng hai. Những người đã bị các cuộc hội họp tố, nay được triệu tập đến để các thành viên khác đấu. Những cuộc đấu tố này chẳng khác gì những phiên toà lên án tội nhân. Những người bị tố trong các buổi họp trước nay thành tội nhân mà nhân dân sẽ lên án.

Tội nhân bị tố nặng như có nợ máu với nhân dân, có thể bị trói tay, bắt quỳ hay ngồi trên đất ở giữa hội nghị. Những người đấu tố lần lượt kể tội. Phạm nhân bị cưỡng bức đó chỉ còn một việc cúi đầu nhận tội.

Nếu tỏ dấu thanh minh, sẽ bị coi là ngoan cố, tội càng nặng hơn. Không ai được phép bào chữa. Chỉ tỏ vẻ thương cảm mà không tỏ vẻ phẫn uất, cũng rất nguy hiểm, có thể bị coi là liên quan và chịu vạ lây. Con cái cũng không được tỏ bầy cảm tình đối với cha mẹ, còn phải đấu tố cha mẹ là khác, để may ra được ra khỏi thành phần.

Không phải người bị đấu tố nào cũng phải xử bắn, họ bị phân loại. Trên hết là địa chủ gian ác, bóc lột, có nhiều ruộng, lại bị tố cáo có những hành vi bóc lột, đánh đập người ở. Ở bên Công giáo hạng này thì ít, vì phần lớn những người giầu có, nhiều ruộng nhiều thóc, như ở Sơn Miêng, ở xứ Tâng (An Phú), Kẻ Vác… họ hiểu thế nào là CS, nên đã cao bay xa chạy vào Nam từ năm 1954 rồi. Một số đồng bào bên lương, đặc biệt ở thành phố, cũng đã hiểu và cũng cao chạy xa bay.

Nhưng số lớn người bị bắn thường là những người bị quy cho là cường hào gian ác, ác bá ác ôn… Đây là những chức việc trong xã trong huyện, hoặc là những người đã tham gia những đảng phái khác như Quốc Dân Đảng, Đại Việt… Cả những người trong đảng Cộng sản bị nghi là tả khuynh, hữu khuynh, có tư tưởng theo đường lối xét lại, thậm chí những người trung thành với Đảng, có uy tín cá nhân, nhưng lại có vẻ không trung thành với lãnh tụ, nói cách khác, không ăn cánh với cấp trên. Tất cả đều bị coi là nguy hiểm và cần tiêu diệt ngay từ trứng nước.

Tôi biết có hai người bị tội bắn: ở Báo Đáp, một người giầu có, xưa đã đi lính cho Pháp. Một người khác ở quê tôi, làm Chánh tổng lâu năm. Số người bị bắn không mấy làng không có, có làng bị đến 2, 3 người, và con số ở miền Bắc lên tới hàng vạn, hàng vạn người.

Những người bị tử hình hầu hết là bị bắn, hoặc bị bắn ở cánh đồng, hoặc bị treo lên cành cây rồi bắn. Cuộc xử bắn diễn ra trước hàng vạn người, để có tính cách răn đe. "*Sát nhất nhân, vạn nhân cụ*". Và đúng là thế, sự sợ hãi lên tới cực điểm, tựa như có đám mây đen bao phủ toàn dân. Phải triệt để khai thác tình trạng sợ hãi này. "*Không được để lọt một thằng nào*". Hiệu lệnh là thế! "*Thà giết nhầm 10 thằng còn hơn để một thằng lọt*".

Các địa chủ trung bình thường bị giam. Một số lớn cũng bị giam cùng với họ là những người đã cộng tác với chế độ ngày trước trong hành chính, hoặc đã đi lính và đã có cấp bậc, những trí thức xem ra không thiện cảm với chế độ mới, những người đảm nhiệm công việc trong tôn giáo mà có uy tín như Chánh trương, Trùm trưởng, Quản giáo. Có cả những đảng viên Cộng sản, thành viên Uỷ ban Nhân dân bị nghi ngờ là không trung thành. Gần tôi như ban Hành giáo xứ Kẻ Báng (Xuân Bảng), nhất là Quản giáo bị bắt giam hầu hết. Xứ Tường Loan (Ba Trại) chưa được năm trăm nhân danh mà cũng mấy người bị bắt

giam, trong đó có cả anh Trưởng ban hát và một thanh niên thường. Cũng ở xã đó, có anh Chủ tịch Uỷ ban xã mà tôi mới trình giấy tháng trước, thì tháng sau nghe nói đã bị bắt giam.

Trong thời gian bị giam, thường họ bị cưỡng ép làm giấy thú nhận đã có những hành vi phá hoại: như bỏ trứng sâu vào lúa, phá hoại đê điều, đầu độc người nọ người kia, và ai cũng phải làm giấy nhận tội hết. Thời gian bị giam thường là năm, bảy tháng. Có nhiều người bị ngược đãi quá, hoặc bị bệnh nặng thì được tha về, và chỉ ít lâu sau thì chết.

Các địa chủ không có tội gì, ngoài việc có máu mặt hơn trong làng xóm, hoặc được người ta kính trọng hơn, có uy tín hơn một chút, thì chỉ bị phân biệt đối xử. Không còn quyền công dân như là bầu cử, hội họp, không được làm chức vụ gì trong xã hội, cả trong tôn giáo. Nếu là người Công giáo, có đến nhà thờ cũng phải ngồi dưới, không được ngồi lên ghế trên. Con cái không được đi học, trừ đứa nào tiến bộ, cố gắng thoát ly ra khỏi giai cấp, bằng cách đứng với bần cố nông, hăng hái đấu tố giai cấp của bố mẹ, đi đến cả đấu tố cha mẹ, mới được hưởng quyền lợi đôi chút của xã hội. Nhưng không bao giờ tẩy xoá được cái danh hiệu "*con địa chủ*", danh hiệu cha truyền con nối. Không được cả đến cái "*vinh dự*" đi bộ đội, vì còn bị nghi là không trung thành, bởi đã mang dòng máu đối nghịch truyền đời của giai cấp.

Có những cán bộ xuất thân từ giai cấp địa chủ, tư sản, từ đầu Cách mạng đã hoàn toàn thoát ly và đã có thể giữ chức nọ kia, có thể lên chức. Nhưng khi Cách mạng thành công, họ không được trọng dụng lắm, chẳng lên chức nào, mà còn bị thất sủng là khác. Những cán bộ như thế, trong thời gian hoạt động, nhất là trong thời gian Cải cách, không được, nói đúng ra, không dám có một liên hệ gì đến gia đình. Có thể nói cả đến tư tưởng cũng phải dứt khoát! Nếu không sẽ bị liệt vào hạng liên quan và bị đem ra xử lý. Không bị kết tội thì cũng bị hạ tầng công tác.

Tất cả những lãnh tụ, kể cả lãnh tụ vĩ đại nhất cũng đều xuất thân từ giai cấp địa chủ hoặc tư sản. Ông Hồ Chí Minh, ông Trường Chinh (Đặng Xuân Khu), ba anh em ông Lê Đức Thọ lý thuyết gia của Đảng, ông Võ Nguyên Giáp, ông Phạm Văn Đồng... đều là con cái địa chủ, hoặc là tư sản. Các ông ấy là những người sáng lập, cha đẻ ra chủ nghĩa vô sản Việt Nam, nhưng các ông ấy đứng trên tất cả, thì ai làm gì được các ông! Các ông đặt ra cái thòng lọng, lại để cho cái thòng lọng thắt cổ mình làm sao?

Giả sử các ông ấy là nông dân thường, con nhà bần cố nông, thì làm gì có cơ hội mà ăn học. Đàng này, hầu hết các ông là học trò của trường Thành Trung (Carreau) Nam Định, trường Bưởi Hà Nội… Phải là địa chủ giầu có mới đủ tiền gửi con cái lên các trường đó, có ông còn được Thực dân Pháp cho đi ăn học.

Xét cho cùng, thì giới bần cố nông phải biết ơn giới địa chủ, tư sản, đã phát động phong trào cải cách để họ nâng lên vai trò lãnh đạo. Còn các nhà cải cách phát động phong trào, tô điểm mỹ miều cho cái danh từ "*thoát ly*" mà họ mắc vào, chứ thực ra họ là những người "*phản giai cấp*". Và công luận không bao giờ cho phép xoá đi cái danh hiệu con nhà "*địa chủ*", mà họ đã dầy công bắt người ta bôi nhọ bằng đủ cái xấu. Gậy ông lại đập lưng ông là thế.

Một số kinh nghiệm riêng tư về Cải cách

Ngoài xứ Nam Định là chính, tôi còn phụ trách hai xứ Phú Ốc và Tường Loan, hai xứ thuộc nông thôn nên có Cải cách Ruộng đất.

Tôi vẫn đi lại xứ Phú Ốc một cách dễ dàng, vì chỉ cách chỗ tôi ở thường xuyên có 3 km. Chúa nhật nào tôi cũng lên đó dâng lễ, cả thứ Sáu thứ Bẩy đầu tháng. Còn như là bắt buộc phải đến đó vào các ngày lễ. Theo Đội cải cách, đang làm việc gì, ở đâu ngày nào thì cứ việc làm, nếu bỏ thì y như là phá Cải cách, làm cho Cải cách mang tiếng phá đạo.

Đạp xe đạp lên Phú Ốc, cứ đến bờ hồ trước nhà thờ, thì lần nào cũng có chị Đội cải cách đứng đón ở dưới gốc cây bàng. Chị mặc quần áo đen, đeo túi, và nói với tôi cách nhã nhặn: "*Mời linh mục vào hội ý*". Tôi bước theo chị, sang xóm bên lương, vào một túp lều, chắc là ngôi nhà của vị bần cố nông Đội đã bắt rễ. Ngủ nghỉ, ăn làm, bếp núc là trong căn lều đó. Tôi ngồi trên nệm rơm với anh Đội bên cạnh bếp. Trong cuộc hội ý, anh ân cần nhắc nhở tôi, lần nào cũng một tư tưởng: "*Linh mục cứ về làm lễ như thường, linh mục lưu ý là ở đây có nhiều phần tử xấu. Trong khi giảng đạo linh mục không được nói gì gây chia rẽ*". Nghe xong, tôi đứng dậy, ra dắt xe vào nhà thờ dâng lễ. Cả việc rước kiệu cũng phải giữ, không được bỏ.

Tình hình Cải cách ở đây xem ra không gay gắt như ở các nơi khác. Dân cư ở đây, nhất là người có đạo, hiền lành tử tế hơn. Bà thẩm phán là bà Thứ, gặp tôi vẫn chào hỏi như các con chiên tốt lành khác. Mấy anh du kích như Trường, Vu v.v… bà con sau này kêu là quá đáng, vì có những cách đối xử tàn bạo với những người bị quy là địa chủ. Người trong xứ đi Nam hầu hết, chỉ còn lại gần năm trăm, thế mà cũng có 3 người bị quy là địa chủ. Địa chủ thường, chỉ bị đấu tố thôi.

Trong ba ông, già nhất là ông Chánh Lục, làm thày lang, hiền lành đạo đức. Thế mà ông cũng bị tố là đã cho thuốc độc vào quả táo để đầu độc đội cán bộ. Ông thứ hai là ông Chuân, trước kia có đi lính thời Pháp; ông có râu nên bị trẻ con giật râu, bắt phải chào hỏi theo lối Đội cải cách (trẻ con mặc quần thủng đũng): "*Con chào ông bà nông dân ạ!*". Ông có người anh tên Cao, làm hiệu trưởng Trường Lục quân, con

trai làm cán bộ trung ương, song chẳng ai thèm ngó tới ông. Ông thứ ba là ông Kiều, công nhân nhà máy dệt Nam Định, như thế là thuộc giai cấp lãnh đạo, giai cấp công nông (búa liềm). Chỉ vì ông hay nói, và có nói không đúng chính sách, nên ông bị quy "*tội phản động*", và bị tố là đã cho thuốc độc vào quả táo để sát hại nhân dân.

Tôi cũng trông thấy đám nhi đồng quàng khăn đỏ, chiều chiều đi đánh trống phát động phong trào, tối đến bà con đi họp đông đủ.

Ở Tường Loan (Ba Trại), phong trào Cải cách tương đối mạnh mẽ, gay gắt hơn. Đến làm lễ Chúa nhật ở đó, thường là phải xin phép trước, xin phép cơ quan thành phố Nam Định, chứ không phải xin phép Đội. Xin minh họa qua một cuộc cử hành lễ Chầu Lượt tại Ba Trại.

Đó là vào dịp Tết Nguyên Đán năm Bính Thân (1956). Chúa nhật Chầu Lượt rơi vào chính ngày Mồng Một Tết. Một tuần trước, tôi đến Ba Trại để giải tội (vì cho rằng ngày Mồng Một Tết không có thì giờ giải tội).

Theo lệ, đến đâu là phải tới chào Đội ngay để "*hội ý*". Xong công việc, khi trở về, cũng phải ra chào Đội. Bởi vì chào lúc đi, rồi sắp trở lại ngày Tết. Đội nói với tôi:

- Lần sau ông đến, có gì xẩy ra ở đây, ông phải chịu trách nhiệm!

- Ông nói thế thì cũng như cấm tôi ra đây. Tôi ví dụ: nếu ông treo ở cổng làng tấm bảng đề: "*Ai vào làng này sẽ phải chịu trách nhiệm về cái gì xẩy ra nơi đây*", thì nhìn bảng yết thị như thế, ai còn dám vào làng? Tôi cũng không dám!

- Ông nói thế thì được. Ông cứ việc đến, có thế nào thì sẽ xét -Anh Đội đấu dịu- chứ không đóng sống cho bất kể ai vào làng này đâu!

Có lẽ chỉ mình tôi dám ý kiến thẳng với Đội. Nhất Đội nhì Trời cơ mà. Ai dám nho nhe!

Ngày thứ Bẩy trước Chúa nhật lễ Chầu, tức hôm 30 Tết, tôi xin giấy ra Ba Trại làm lễ Chầu. Đến Khu phố, Khu phố bảo đến Công an. Đến Công an, Công an bảo đến Mặt trận. Nộp đưa các đơn có phải là dễ đâu. Biết thân phận mình thuộc thành phần rốt hết, nên nộp đơn phải cẩn thận, đặt dưới cùng đống đơn bà con đến trước đã dầy cộm. Cán bộ cứ lần lượt xét, giải quyết từ trên xuống dưới. Cuối cùng đến lượt mình, may mà còn thì giờ nên đơn được cầm lên. Nếu hết giờ, chưa đến lượt, thì về không; sáng đến chiều, chiều đến hôm sau, cứ mỗi buổi đơn thêm nhiều bao nhiêu, của mình vẫn ở cuối cùng. May mà lần này, vẫn còn giờ, nhưng lại được đẩy đến cơ quan khác. Trong một ngày 30 Tết đó, tôi được đẩy đi qua hết mọi cơ sở hữu quan, có nơi đến lần thứ hai. Tới chiều, khi mọi cơ quan đều đóng cửa về ăn tết, tôi vẫn không bị từ chối, nhưng bị đẩy đi các cửa. Đến khi các cơ quan

đóng cửa hết, tôi đành cầm đơn về không. Thế là ngày mai Ba Trại không có lễ Chầu!

Đêm 30 Tết đó thật là tối. Tối như đêm 30 Tết mà! Kẻ trộm cũng rình mò tối hôm đó hơn các đêm khác. Trong dân gian lưu truyền vậy. Tất tả suốt ngày, đêm đến giấc ngủ đang ngon thì bỗng có tiếng gọi cổng nhà xứ. Công an gọi tôi cấp tốc ra đồn. Có việc gì mà khẩn cấp thế? Mắt còn đang cay xè, tôi bước theo anh công an. Đi thế này, trong đêm tối thường chỉ là bị bắt và điệu đi giam. Thế mà sao lúc này, tôi chẳng có ý nghĩ gì về chuyện đó, nên không thấy xao xuyến gì. Một số cán bộ ngồi đó cho biết Toà Giám mục Hà Nội vừa ra một Thư Chung phản động. Thư Chung Đức Cha Trịnh Như Khuê vừa viết là về đề tài Tình yêu. Họ giải thích đó là bức thư chống Cải cách Ruộng đất, đặc biệt qua sự tha thứ cho thù địch, và như thế là tha thứ cho địa chủ, bọn phản động, cường hào ác bá.

Tình yêu, yêu mọi người cả kẻ thù nghịch, đó là luật căn bản của đạo Phúc âm. Cuộc tranh luận nổ ra ngay ban đêm. Giữa một bên là cha chính Nhân với tôi và bên kia là cán bộ của Uỷ ban. Không thể và không dám bắt chúng tôi bỏ đi lề luật căn bản ấy của đạo, họ chỉ đòi chúng tôi là không được đọc thư đó và nộp cho họ các bức thư. Chúng tôi không nộp.

Sau đó họ hỏi tôi có làm lễ Chầu ở Ba Trại không? Tôi nói các ông có cấp giấy đâu mà làm, tôi đã đi suốt ngày để xin giấy, cho đến lúc các cơ quan đều đóng cửa cả mà không nơi nào giải quyết cả. Họ nói: "Sáng mai ra đồn Công an lấy giấy".

Sáng hôm sau, Chúa nhật Mồng Một Tết, tôi và cha chính Nhân thỏa thuận tóm tắt Thư Chung rồi nói, như thế mọi người đều hiểu căn bản về bức thư.

Lễ xong tôi ra đồn xin giấy. Đến đồn, chưa ai thức dậy, tôi phải đánh thức họ. Một anh công an hỏi tôi cần gì? Tôi nói đêm qua, Uỷ ban Thành phố có bảo tôi sáng nay ra đồn lấy giấy.

- Hôm nay không cấp giấy! anh công an nói.

- Tôi biết, hôm nay ngày Tết, chỉ kẻ nào không có trí khôn mới đến cơ quan xin giấy. Nhưng vì tối qua Uỷ ban bảo sáng nay ra đồn lấy giấy, nên tôi mới đến.

- Được rồi! Ông cứ về đi! Chúng tôi còn xét…

Tôi về nhà được độ 5 phút, có tiếng gọi rối rít ở sân:

- Ông Trọng ơi! Ông Trọng ơi! Ra đồn lấy giấy!

Tôi vội vàng đi theo anh công an ra đồn. Đến văn phòng, ngay ở cửa, thấy chiếc bàn trên có bày la liệt bánh kẹo, ấm chén.

Một anh công an ở buồng trong đi ra, có lẽ là đồn trưởng. Anh chúc mừng năm mới tôi, rồi tôi chúc mừng đáp lại. Trong vòng 10 phút

mà quang cảnh rất khác nhau. Anh đồn trưởng mời tôi ăn bánh kẹo, uống nước trà để mừng xuân, cùng nhau vui xuân một lúc. Anh đưa cho tôi giấy thông hành có giá trị ba ngày. Tôi xin phép đi, anh ân cần hỏi:

- Linh mục có phương tiện gì không?

- Có, tôi vẫn đi xe đạp.

Tôi vừa nói xong, thì một người từ cổng chạy vào nói:

- Có tôi giúp linh mục.

Tôi nhận ra người đó là anh Đội cải cách, tôi đã gặp ở Ba Trại. Tôi về nhà lấy xe đạp, cùng sánh vai với anh, qua các đường phố. Đường phố lúc này còn vắng vẻ. Chưa tới giờ xuất hành mà! Ra khỏi thành phố, trên con đường qua cánh đồng để đi tới Ba Trại, tuyệt không một bóng người. Nhưng trên cánh đồng, ở đàng xa, lủi thủi mấy bóng người. Tôi đoán có lẽ là những địa chủ, đã bị tịch thu hết nhà cửa tài sản, không được vui tết với ai cả, đành lang thang trên cánh đồng.

Đến gần nhà thờ, trước cửa nhà ông Sặt, một gia đình được Đội coi là thân thiện, anh Đội chia tay tôi, để tôi một mình vào nhà xứ. Trong vòng mấy tiếng đồng hồ, các màn kịch diễn ra thay đổi như trở bàn tay. Lúc thì xua đuổi, lúc thì ân cần đón tiếp, săn sóc đến nơi đến chốn, để rồi đưa vào cạm bẫy.

Những màn sau đây cũng được sắp xếp, có đầy tình nghĩa, song lại được lái vào những mục tiêu gian dối và thâm độc hơn.

Tới nhà xứ, ba gian nhà khách đã đầy ắp người, im lặng như đang có cái gì. Hay nói đúng hơn, với dáng dấp sợ sệt, không ai hé môi.

Một ông dắt xe đạp của tôi, để vào một chỗ. Một bà bưng chậu nước nóng để tôi rửa mặt rửa tay. Trời lạnh mà! Tôi biết tên hai người: ông Lộc, bần cố nông nay Đội cải cách cắt làm Trùm, bà Giảng, cũng là bần cố nông nay được cất làm Quản giáo. Ông Lộc, bà Giảng hôm nay được Đội chỉ định để hầu hạ tôi.

Tôi vào ngồi giữa nhà, bà con tất cả ngồi chung quanh, chen nhau trong nhà, không ai ngồi hè. Anh Chung, con người tôi chưa biết, thay mặt cho mọi người chúc tết tôi, rồi anh tuyên bố: "*Thưa Cha, những người đội lốt đã bị lột mặt nạ, và đội đã tống giam cả rồi. Xin cha cứ yên trí ở lại với chúng con, nghỉ lại đêm Mồng Một với chúng con*".

Nhìn chung quanh, không thấy ông Chánh trương Huỳnh, ông Trùm Tứ, ông Quản giáo Luỹ, ông cựu Trùm Trạch, tôi biết ngay những người đội lốt là ai. Thấy thế, tôi định tâm không ở lại đêm nữa, mặc dù tôi có giấy và có ý nghĩ từ trước là sẽ ở lại.

Thấy trước mặt mình có người lạ chưa quen biết, tôi hỏi anh ta:

- Anh là người thế nào mà tôi chưa biết? Dân xứ đây tôi biết hết.

- Thưa Cha, con ở Phủ Lý về đây!

- Sao đang ở Phủ Lý lại về đây?

- Con xin thú thực với Cha, con là người Thanh Hoá, gia đình con kéo nhau đi Nam. Đến Phủ Lý con bị cản lại, nên về đây!

- Anh cứ ở đây, đất lành chim đậu, đi Nam làm gì?

Khi mọi người giải tán, lên nhà thờ, ông trùm Lộc thắc mắc với tôi?

- Sao ban nãy Cha lại nói chuyện với người lạ?

- Tôi thấy người đó lạ, tôi phải hỏi.

- Anh ta không có nhiệm vụ, mà anh dám vào tiếp xúc với cha. Cái này con phải ra trình Đội!

Rồi tôi ra nhà thờ cử hành Thánh lễ, lễ xong đặt Mình Thánh Chúa. Lễ Chầu năm nay chỉ có những người trong xứ chầu Mình Thánh với nhau, trong bầu không khí buồn tẻ sợ hãi. Ngoài việc giải tội những người không đi kịp tuần trước, chẳng một ai đến tiếp xúc với tôi, trừ ông trùm Lộc, bà Giảng lo liệu việc cơm nước cho tôi. Thêm anh Chung, lúc nào cũng săn đón tôi để xin xưng tội, dù bị giãn. Anh là Đội cải cách hoạt động ở vùng Gia Trạng, Đại Lại, không biết bị thất sủng hay được sai về làm việc ở quê. Nếu được làm việc ở quê thì cũng khác thường, vì hầu như theo quy luật, Đội cải cách phải hoạt động xa quê quán của mình, để dễ "*khách quan*".

Đến 5 giờ chiều, tôi trở về Nam Định. Không dám ở lại đêm như đã dự định, vì những người thân quen làm việc bên tôi đã bị bắt giam hết.

Còn truyện ông trùm Lộc đi báo cáo với Đội về anh Long nào đó, tức là người lạ mặt mà tôi hỏi chuyện trong buổi chúc mừng tết ở Ba Trại hôm ấy, thì không phải do lòng độc ác đâu. Ông chỉ quá thật thà làm theo kế hoạch Đội đặt ra mà không hay biết.

Kế hoạch là làm thế nào bắt anh Long với những bằng chứng rành rành không thể chối cãi được. Trước hết anh có mặt trong buổi họp, nơi anh không được phép đến, trừ ra Đội cho phép hoặc thúc đẩy. Đến chỗ họp, anh được xếp ngồi một mình trước mặt linh mục, để linh mục phải bó buộc bắt chuyện. Giả sử không có cuộc tiếp xúc đi nữa, cũng không thành vấn đề. Nguyên việc anh là người lạ, mà có mặt bên những con chiên của cha, là anh đã trà trộn vào với ý đồ. Sự có mặt, việc tiếp xúc đó, ông Trùm là người có nhiệm vụ phải quan sát tất cả, và đúng là mọi cái không qua mắt ông, dù ông là người chột mắt. Ông đi báo cáo với Đội. Thế là tội anh Long có đủ bằng chứng không thể chối cãi được. Nghe đâu anh đã bị bắt giam ngay, và trong khi bị giam anh đã khai: "Tôi đã gặp linh mục, linh mục có trao cho tôi một chai axít, để đổ vào cán bộ. Tôi ra khỏi sân nhà thờ, đến bờ ao, tôi đã ném xuống ao rồi".

Cán bộ cũng không bắt anh phải xuống ao mò chai axít đó, vì làm gì có! Có xuống mò thì cái gian dối lại thò đuôi ra. Mặc dù thế, anh vẫn

bị kết án. Giá người có tội thật thì phải xử bắn. Nhưng tội của anh, chỉ là trong kế hoạch thu xếp của Đội, không có thật. Dù thế, anh vẫn bị ba tháng tù, rồi bị đuổi về Thanh Hoá, quê quán của anh. Nói chung, những người bị bắt dưới thời Cải cách, hầu hết rơi vào tình trạng "phạm tội" như thế.

Cũng ở Ba Trại, một anh thanh niên tên Ghi, con bà Hồi, còn bị khép tội một cách trâng tráo hơn nhiều. Một buổi chiều nọ, trong tháng 3 năm 1956, đội đưa anh Ghi xuống Nam Định. Đến cổng trại An Phong, Đội bảo anh vào gặp linh mục, lúc này là cha già Nguyễn Phúc Hạnh. Anh ngơ ngác, rụt rè một mình đến với cha, cha hỏi:

- Anh ở đâu, có việc gì ?

Anh ấp úng đáp:

- Con ở Ba Trại, trình... trình.... cha..

Cha Hạnh đuổi ngay.

- Ba Trại thì xuống cha xứ mà trình, tôi không biết.

Anh lủi thủi đi ra cổng, vẫn gặp anh Đội đã đưa mình đi. Anh Đội bắt nghiến lấy với tội danh: "*Đã đến tiếp xúc với linh mục, nhận chỉ thị để về gây tội ác*". Vì tội đó, anh bị giam một năm. Chuyện thật trăm phần trăm.

Cả đến đồng chí Chủ tịch Uỷ ban xã Mỹ Tân (Ba Trại) tên là Đán cũng bị bắt giam với tội danh "bỏ trứng sâu vào ruộng ngô". Anh còn phải diễn lại "*tội ác*" bằng cách cầm một hộp bích quy đựng tro và rắc trên ruộng trước ống kính nhà nhiếp ảnh. Thật là nhọ nhem!

Tất cả các viên chức hàng xứ Ba Trại đều bị khép tội như thế. Ông Huỳnh, ông Tứ, ông Lũy, ông Nguyệt, ông Trạch.... bị quy địa chủ, bị bắt giam một thời gian mấy tháng. Các ông đều làm giấy xin tôi tha tội, vì trong khi bị giam các ông đã "dại dột" đổ tội cho tôi đã đưa trứng sâu cho các ông để bỏ vào lúa.

Những chuyện có vẻ trẻ con đó mà hậu quả thì rất nghiêm trọng, chắc chắn đã diễn ra trên khắp miền Bắc. Đó là chính sách Cải cách Ruộng đất, đâu đâu cũng phải thực hành theo cùng một cung cách như nhau. Anh Đội nào, địa phương nào mà dám làm khác? Và con số những người bị vu khống oan ức như thế, phải lên đến hàng triệu!

Người trần gian mà làm ông tổ của nói dối, vu khống là đại văn hào Pháp Voltaire. Ông đã đưa ra một khẩu hiệu: "*Bạn cứ nói dối, nói dối khoẻ hơn nữa đi! Thế nào cũng còn cái gì!*". Phải, thế nào cũng còn cái gì! Quần chúng phẫn nộ trước sự gian dối độc ác. Khi vụ Cải cách phải sửa sai, họ đi tìm các anh Đội mà rạch mép rạch mồm, những cái mồm mép đã phun ra bao là dối trá, vu khống. Cũng may mà chỉ tìm ra được số ít, vì không biết họ từ đâu mà đến, để gieo rắc bao tai họa cho

thôn làng. Nhưng chuyện mấy tên bị rạch mép cũng đủ làm im đi những môi mép đã phun ra bao nọc độc chết chóc.

Phong trào Cải cách Ruộng đất khựng lại

Phong trào Cải cách đang vùn vụt tiến tới, đỉnh ngọn lửa đấu tranh đang ngùn ngụt bốc lên như hoả diệm sơn, thì đùng một cái nó khựng lại. Nguyên nhân tại đâu ?

Nhà nước thì gọi giai đoạn này là "*sửa sai*". Nói đến sửa sai tất nhiên đã có sai lầm. Có sai lầm không? Đảng thì không thể sai lầm được! Nhưng Đảng đã khéo dự phòng, chọn "*con dê gánh tội*" là ông Trường Chinh. Ông là nhân vật bí ẩn, trước nay có ra trước công chúng bao giờ! Không ai biết mặt ông, chỉ biết tên. Tha hồ mà đổ tội cho ông. Ông chẳng sao cả, vì ông đúng như một nhân vật "*vô hình vô tượng*"!

Sai do chỗ nào? "*Nhất Đội nhì Trời*". Mọi khi đúng sai, tốt xấu là do ông Trời phân định. Bây giờ Đội ở trên cả ông Trời, thì Đội còn có khả năng phân định giỏi hơn ông Trời chứ!

Có một cái sức bí nhiệm không ai lường được, tựa như những cơn sóng ngầm trong lòng quần chúng, làm vỡ đê điều lúc nào không hay. Nó như thanh gươm hai lưỡi, chém người khác, rồi lại quay lại chém người sử dụng nó, một cách bất ngờ. Bởi đó mà có những nhà độc tài, những nhà cầm quyền hét ra lửa, bị quật ngã lúc nào không biết.

Phong trào Cải cách đang quay mũi dùi căm thù vào kẻ thù của giai cấp vô sản, thì không hiểu tại sao mũi dùi căm thù quay trở lại chĩa vào những người đang lái nó. Những anh "Đội nhất Trời nhì" hôm nào còn dương oai tác quái, hùng hổ hơn Trời, miệng thét ra lửa, thế mà nay bỗng dưng biến đâu mất, như những bóng ma không ai còn trông thấy. Những anh cốt cán hôm nào mặt còn rắn như đanh, tay cứng như sắt, nay cũng nhũn như con chi chi. Sức mạnh nào đã làm thay đổi đến thế? Đó chỉ là quy luật tự nhiên: ác giả ác báo! Nhưng nhà nước đã đưa ra phương thế để chữa cháy: chính sách "*sửa sai*", gáo nước lạnh đổ vào nồi nước sôi. Họ khiêm tốn nhận có sai thật! Đây là những sai lầm: một số người đưa lên địa chủ một cách vô lý, phải hạ thành phần cho họ. Một số khác bị tịch thu nhà cửa bừa bãi, rồi chia cho người khác, phải trả lại như cũ. Đại loại sửa sai là thế. **Nhưng các trường hợp sai sót con số chẳng là bao đối với những đảo lộn long trời lở đất và những cái sửa lại đó không đáng kể đối với một xã hội đã bị thương tổn đến gốc rễ.**

Tuy nhiên các lỗi lầm, theo thái độ quần chúng, xem ra không phải là về việc phân định sai ai là địa chủ, hoặc tịch thu nhầm về ruộng đất. Những sai lầm phải được xem xét theo thái độ hờn ghét của quần

chúng chĩa mũi dùi vào ai. Không hiểu tại sao khi vừa nghe nói có việc sửa sai, thì bọn cán bộ cải cách biến đâu hết. Họ là ân nhân của người không có ruộng cầy, thì những người này phải biết ơn những kẻ đã đem lại ruộng cầy cho mình, và đáng lẽ phải có một cuộc đại liên hoan, mừng Cải cách Ruộng đất thành công mới phải chứ?

Nhưng không, chỉ thấy dân chúng thay vì cảm ơn và mở tiệc ăn mừng, họ lại "*xuống đường*" đi săn bắt Đội cải cách "*ân nhân*" của mình. Ngược đời! Họ lùng bắt không phải để đánh đập hoặc giết chết. Dân chúng bản chất vẫn rất nhân từ. Họ chỉ tìm để rạch mép, nhẹ nhàng thế thôi. Sao lại rạch mép? Là vì những môi mép kia đã phun ra bao là vu khống dối trá, và bắt người lành cũng phải dối trá như họ, để gây nên biết bao là chết chóc, đau khổ cho mọi người, gây nên hận thù giữa làng xóm, mà xưa nay vẫn sống hiền hoà.

Nhưng bọn cải cách đã cao chạy xa bay từ đời nào. Họ biết trước phần thưởng dành cho họ. Rạch mép nhẹ nhàng, thâm thuý chua cay, nhằm đúng mục tiêu. Không biết có bao nhiêu tên bị rạch mép? Chúng biến đi, cái xã hội gian trá chúng gây nên cũng biến đi. Sự an bình vui tươi lại trở về, y như không có chuyện gì. Người này người nọ, xóm này thôn kia lại giao tiếp với nhau, đi lại với nhau. Đâu đấy lại trở về đời sống không chỉ như trước Cải cách, mà còn xa hơn nữa.

Đức Cha Khuê cũng nhờ việc đi lại dễ dàng mà kinh lý rất nhiều nơi, từ Hà Nội đến Hà Đông, Hà Nam, Nam Định. Chẳng phải xin phép, chẳng phải báo cáo với ai. Không giấy tờ, không gặp gỡ chính quyền, hoàn toàn tự do....

Lại bàn về sai lầm. Thiết nghĩ làm gì có thể sai lầm được! Giả sử chỉ có mình Việt Nam làm CCRĐ, chưa có đâu làm, thì còn có thể nói đến sai lầm. Đàng này các bậc thày, các bậc đàn anh đã làm, đã rút kinh nghiệm, Việt Nam chỉ việc lặp lại. Người ta đã tính từ trước sẽ có những sai sót. Có thể nói, những sai sót cố ý! Thà giết nhầm mười người còn hơn để sót một! Hoặc kinh nghiệm cho thấy là việc Cải cách gây đau khổ nhức nhối chừng nào! Nên giả cách, có vài sửa sai chẳng vào đâu cả, để phần nào làm nguôi lòng dân. Thực thế, cấp dưới thấy cấp trên ăn năn hối lỗi, giả cách hay thực tình, và đưa ra vài biện pháp lặt vặt, thì cũng cho qua... Dân chúng dễ nguôi đi, chỉ trừng phạt bằng cách rạch mép được tên nào thì rạch. Bọn này cũng dễ rút êm, vì chúng được bố trí đến không ai biết, đi không ai hay.

Có hai bức thư rất mạnh mẽ, một cái đâm thẳng vào quả tim Cải cách, một cái đâm vào bụng Cải cách. Đấy là theo như cách đánh giá của những kẻ cho là mình bị nhầm. Thứ nhất là bức **Thư Chung do Đức Cha Giuse Maria Trịnh Như Khuê**, ban bố hồi tháng 2-1956 dịp Tết Nguyên Đán Bính Thân. Ngài dạy luật căn bản của đạo

Phúc Âm: "*Thương yêu, tha thứ*" trong khi Cải cách đang khơi dậy ngọn lửa căm thù giai cấp. Thứ hai là bức **Thư Chung do Đức Cha Giuse Phạm Năng Tĩnh, Giám mục Bùi Chu**, ban bố lúc Cải cách sắp kết thúc, nói về luật căn bản của Đạo, đi theo luật căn bản thứ nhất: đó là "*công bằng*". Đối với Cải cách họ hiểu: dù ăn vào bụng rồi, cũng phải nhả ra. Người ta gọi đó là "*Bức thư giả của*".

Cứ theo như đánh giá của Cải cách, thì các tác giả của hai bức Thư Chung đó phải bị nhân dân băm vằm. Nhưng các Ngài không bị hề hấn gì. Chung quy chỉ ngăn cản không cho phổ biến hai bức thư. **Cũng chỉ là sự nhịn nhục khéo léo đấy thôi. Trước hết hai bức thư đó nói về những điều căn bản của đạo. Đem ra tranh luận hay xử lý cách nào đó, thì chỉ lợi cho đạo, mà bất lợi cho Cải cách.** Đàng khác có phổ biến, thì cũng chỉ là trong giới Công giáo, nhóm thiểu số giữa đám đông đang sôi sục căm thù và đòi lấy của. Im đi là thượng sách. Con cái thế gian khôn ngoan là thế!

Hoàn thành Cải cách Ruộng đất

Trong cuốn Biên Niên Sử có nói: "*Cuộc Cải cách Ruộng đất đã hoàn thành, mười triệu nông dân có ruộng cầy*". Một cuộc cách mạng long trời lở đất, mà kết quả có thế thì cũng khiêm tốn. **Đó chỉ là cái khiêm tốn giả tạo, sự thực "kết quả" to lớn hơn vô cùng!**

Lấy được ruộng ở tay người địa chủ, không phải là việc dễ dàng. Phải có những bàn tay mạnh mẽ, đi tới tàn bạo của một chính thể độc tài chuyên chính. Người ta vẫn nói vô sản chuyên chính mà! Thật ra **lấy lại ruộng đất để chia cho những người cầy, không phải là mục tiêu chính của việc Cải cách và chính việc Cải cách cũng không phải là mục tiêu của Cách mạng. Lấy lại ruộng đất chỉ là phương tiện để cải cách, chính việc Cải cách cũng chỉ là phương tiện cho sự thống trị của giai cấp vô sản. Nói đúng ra, cho sự thống trị của Đảng chuyên chính được thiết lập vững chắc.**

Nói Cải cách Ruộng đất: ruộng đất là cái mồi lôi cuốn những kẻ không có ruộng tham dự vào cuộc đấu tranh. Trong tay không một tấc đất, mai kia sẽ làm chủ, chứ không đi làm thuê, lấy thân làm trâu ngựa. Nghe thế ai mà không phấn khởi, tích cực tham gia? Như thế ruộng đất là cái mồi thúc đẩy việc Cải cách.

Cuộc đấu tranh đòi ruộng đất là động lực chính, lại còn được dùng để đánh đổ các thế lực khác! Trước hết là địa chủ, phải đánh gục để lấy đất ra! Còn có những kẻ khác không có ruộng hay có ít chẳng bõ, nhưng họ uy quyền, uy thế, uy tín trong nông thôn. Cả những người được vị nể một cách xứng đáng nhờ đạo đức, nhờ quảng đại, cũng là những đối tượng phải đánh gục. Các thành phần này có thể đông hơn

là địa chủ nhiều. Lấy việc đòi ruộng để chia là cách dễ đi vào lòng người, hầu đánh vào những thành phần khác. Như vậy Cải cách Ruộng đất trở thành phương tiện cho Cách mạng. Vì thế, kết quả việc CCRĐ không chỉ vẻn vẹn trong tình trạng mười triệu người có đất cầy.

Cải cách Ruộng đất là một cách quét sạch những địa chủ, những cường hào ác ôn, ác bá, những người có uy tín, những người có mầm mống để vươn lên. Tất cả những gì mà Cách mạng cho là đối nghịch, là nguy hiểm trong hiện tại và trong tương lai. **Quét sạch, để cho xã hội trở nên một tờ giấy trơn, hầu Đảng muốn vẽ gì thì vẽ, theo ý mình.**

Không có cái gì gai gai lên, xã hội trở nên mặt bằng, Đảng muốn đặt hình tượng nào thì tuỳ ý. Không sợ có hình thể nào lén cài lại. Sao lại nặn tôi lên như thế? Sao lại đặt tôi vào chỗ này? Đảng làm vậy để toàn năng như Ông Trời.

Đó, kết quả của việc Cải cách là thế, là quét sạch mọi thế lực bị coi là thù nghịch! Chứ có phải là lấy mấy triệu mẫu ruộng, đem chia ra rồi có ngày lại thu về đâu! Đó là tạo nên một mặt bằng, không gì gợn lên. Cái gọi là "vô sản chuyên chính" cũng chỉ là cái áo khoác cho dân nghèo vốn chiếm phần đông trong xã hội nhìn cho vừa mắt.

Phải chăng đó là trong chủ nghĩa duy vật?

Đối với chủ nghĩa duy vật, đem giải thích theo lịch sử quan, thì xã hội loài người theo cấu trúc hạ tầng cơ sở và thượng tầng cơ sở (super-structure). Hạ tầng cơ sở là vật chất thì bất biến. Thượng tầng cơ sở là trí tuệ, kiến thức, luân lý, tôn giáo, quyền bính thì thay đổi. Chính kinh tế làm thay đổi, biến thể. Thượng tầng cơ sở là nền tảng của chủ nghĩa duy tâm, bị kinh tế làm thay đổi. Theo họ, lịch sử thế giới biến đổi, tiến bộ, không do trí tuệ, do chiến tranh, do tôn giáo, do phát triển khoa học, nhưng là do kinh tế chi phối; và họ đưa ra duy vật sử quan để giải thích những giai đoạn loài người đang trải qua, từ lúc kinh tế còn thô sơ cho tới nền kinh tế phức tạp ngày nay. Chính kinh tế làm thay đổi mọi sự!

Theo chủ nghĩa Mác-Ăngghen, lịch sử thế giới diễn biến theo nhịp kinh tế, từ đời sống hang hầm, đẽo đá, cho tới thời đại điện tử. Kinh tế chi phối tất cả, nó làm thay đổi cái thượng tầng cơ cấu. Cải cách Ruộng đất cũng trong đường lối diễn biến đó. Nó làm thay đổi bộ mặt xã hội, mà nền tảng là vật chất. Nó là duy vật nên không chấp nhận cái gì là thiêng liêng. Làm gì có Chúa, có thánh thần! Có cái gì là linh thiêng cao cả, có cái gì là ở trên, có cái gì là cái đáng kính đáng trọng, có cái gì cần nể nang, cần phải bảo tồn đâu! **Chủ nghĩa duy vật mù quáng, chôn vùi mọi thứ xuống đất không chút thương tiếc.**

Vì thế Cải cách Ruộng đất dựa vào chủ nghĩa duy vật, có thể đập phá lung tung, không phải kiêng nể bất cứ cái gì; phong trào được phát động đến mức con cái có thể đào mả bố, đấu tố sỉ nhục cha mẹ. San bằng tất cả những cái mà các chế độ, các thời đại trước đã tạo nên, để xây dựng một thượng tầng cơ sở mới, không biết nó sẽ là cái gì, vì vật chất thì mù quáng, làm gì có kim chỉ nam! Sống suy nghĩ theo Mác-Ăngheln thì nó miên man và ảo tưởng đến thế!

Nhưng nông dân vô sản làm gì mà biết suy luận như vậy! Người ta bảo đánh thì đánh, đập phá thì đập phá. Rồi họ mãn nguyện với mảnh bằng, chứng thực. **Họ được làm chủ mấy sào ruộng, để rồi ít lâu nữa sẽ rời những cái ghế chủ nhân ấy.** Bây giờ họ chưa biết thế đâu!

Tấm bằng được trình bầy một cách rất lộng lẫy, khổ 60 x 40, có ghi những chữ lớn với nét đỏ thắm: **Giấy chứng nhận quyền sở hữu ruộng đất!** Sau đó là kê khai những thửa ruộng được làm chủ. Cuối cùng lại hiện ra những dòng chữ viết khá lớn, để cho thấy nội dung cũng quan trọng. Toàn là những khẩu hiệu đã được ghi đó đây, được để ở cửa miệng để hô to. Ghi ở đây, chúng lại có ý nghĩa đặc biệt. Câu đầu là: "*Tăng cường đoàn kết*".

Đoàn kết ở đây, trong lúc này có ý nghĩa đặc biệt. Học thuyết Hegel, một trong những nguồn gốc của chủ nghĩa Mácxít, chủ trương vạn vật hợp tan tan hợp (Thèse, Antithèse và Synthèse, Chính đề, Phản đề và Hợp đề). Xã hội chứa đầy những thực thể (Thèse), nhưng cũng luôn có những đối kháng (Antithèse) và do cuộc đấu tranh giữa những thực thể đối kháng nhau mà đi tới tổng hợp (Synthèse). Tổng hợp đây không có nghĩa là hợp những cái mâu thuẫn lại, nhưng là các mâu thuẫn loại trừ nhau, tạo nên một mặt bằng (Synthèse). Đó chính là điều mà bản Tuyên Ngôn của Mác nói đến khi mở đầu: "*Hỡi các bạn vô sản toàn thế giới, hãy đoàn kết lại*".

Trong Cải cách Ruộng đất, giới vô sản, tức bần cố nông đứng sau Đảng, lật đổ không những giới chủ ruộng, mà còn cả những thực thể đối nghịch khác, để làm nên một mặt bằng gồm những người khố rách như nhau, để rồi trên đó sẽ có những người có cái khố lành hơn, cái áo sặc sỡ hơn, làm nẩy nở những mâu thuẫn khác (Antithèse). **Đó chỉ là những cái mà giới chóp bu đưa vào để tìm nguồn động lực cho hoạt động của mình; còn dân chúng thì chỉ bị lái, mà nổi dậy một cách vô ý thức.**

Sau cuộc đấu tranh mệt mỏi, được thưởng bằng một tờ giấy có ghi: "Giấy chứng nhận quyền sở hữu ruộng đất" là hể hả. Nhưng còn phải giữ cái thành quả đó bằng "tăng cường đoàn kết", rồi "nâng cao cảnh giác". **Nâng cao cho đến lúc ruộng đất được đem đi dâng, còn lại mảnh bằng, có cất kỹ thì may ra lâu mới không mục vì nó bằng**

giấy. Nhưng cái gì con người tạo nên, nó cũng sẽ mau biến đi như thân phận con người.

Cải cách Ruộng đất chỉ là một công cụ mà Đảng Cộng sản nước nào cũng dùng để xây dựng và củng cố quyền bính. Nó là công cụ, nên chỉ là giai đoạn, vì chỉ được dùng vào một thời nào đó. Những cảnh rùng rợn nó gây nên, chẳng bao lâu người ta cũng nguôi đi, hoặc bị làm cho quên lãng.

Khoảng tháng 10 năm 1956, người ta mời tôi đi họp. Tại sao người ta lại mời tôi, họp về việc gì tôi cũng không nhớ! Kỳ cục thay, địa điểm họp lại chính là trường đào tạo cán bộ Cải cách Ruộng đất ở thị xã Phủ Lý. Một khu rộng rãi, gần nhà thờ, có mấy chục ngôi nhà lợp lá. Thị xã Phủ Lý lúc này do tiêu thổ kháng chiến đã bị hoang tàn, dân cư thưa thớt, nhà cửa lụp xụp. Có độ vài trăm người họp. Có điều khác thường, chắc trước đây không có: đó là có một ngôi nhà nguyện, trong đó sáng tối có tiếng đọc kinh râm ran. Người họp có đủ hạng, thành thị, nông thôn, đàn bà, đàn ông, người già, người trẻ... Các bà đọc kinh cầu nguyện tối sáng, có lẽ là các bà Bùi Chu. **Cũng có mấy linh mục khác. Chúng tôi không gặp nhau, vì không muốn lợi dụng đi họp để gặp nhau. Chúng tôi không làm lễ dù người ta mời. Cũng không đến cái gọi là nhà nguyện bao giờ.** Đi họp là đi họp, không làm lễ, và chúng tôi không mang áo dài thâm, để lấy cớ không có áo dài thâm thì không làm lễ. Họp ba ngày, ăn ngủ ở đó, phân chia từng tổ. Tổ bao gồm những người thuộc tỉnh mình, địa phương mình. Tổ của tôi gồm các nhân sĩ, bác sĩ, giáo sư, nghĩa là thành phần "*thượng lưu*".

Không biết có nhiều phiên họp chung không, và họp về các đề tài gì? Chỉ biết chúng tôi ngồi với nhau tán chuyện suốt ngày. Rồi bữa ăn, bữa quà. Tối đến đi xem diễn kịch, hoặc Xinêma. Những giải trí đó tôi không đi bao giờ.

Họp sau khi Cải cách, giữa trường đã đào tạo Đội cải cách, mà không nói gì tới Cải cách. Không khen, không chê, không rút kinh nghiệm. Ở dưới mái nhà đã che nắng mưa cho những người được huấn luyện để đi gây rùng rợn, sợ hãi cho kẻ khác. Nằm trên những chiếc giường mà hôm nào đó, những người cán bộ Cải cách Ruộng đất đã có những đêm ngủ ngon, để rồi đi gieo đau thương vào tâm hồn và thể xác của hàng triệu dân lành.

Ấy thế mà không ai nói đến chuyện Cải cách. Những lúc ngồi tán gẫu với nhau, thường người đời chỉ lấy chuyện "*bù khú*" làm đầu. Nhưng chợt thấy tôi ở gần, họ liếc mắt nhau, rồi lảng sang chuyện khác, y như nói với nhau: "*Ông cố đạo đấy, đừng làm rát tai ông ta, ông ta cười cho*". Có lần họ giở chuyện đạo với nhau, và tôi nghe được.

Chuyện ở miền Nam. Họ được thông tin đâu đó nói rằng: Toà Thánh đặt Đức Cha Nguyễn Văn Hiền ở Sài Gòn, còn Đức Cha Ngô Đình Thục, anh ông Diệm thì đưa về Huế, và họ khen Toà Thánh công bằng! Có ý muốn nói: Ông Thục là anh em với ông Diệm, lẽ thường ông Diệm muốn đặt người anh của mình ở thủ đô Sài Gòn, thế mà Toà Thánh lại không nghe, lại đặt ở Huế, không quan trọng bằng "*thủ đô Sài Gòn*". Nghe thì biết vậy, chứ thực ra lúc này Hà Nội làm gì có những thông tin như thế, và tôi cũng không tham gia vào câu chuyện.

Họp sau ngày Cải cách, họp trong trường đào tạo cán bộ cải cách, mà không nói gì đến Cải cách, lại chỉ nói đến chuyện ở đâu. Y như người ta muốn quên đi những chuyện về Cải cách. Quên thật! Những ngày họp ở đây toàn là những ngày "*chiêu đãi*" để lấp liếm mọi chuyện. Được đi họp những buổi như thế này là vinh dự lắm, phải ở cấp nào, công tác làm sao mới được vinh dự đó. Không hiểu sao, tôi lại được cái vinh dự đó!

Đầu năm 1957, tôi thấy trong mình hơi yếu. Lợi dụng sau Cải cách, mọi cái dễ dàng, tôi xin lên Hà Nội một tháng để chữa bệnh. Chữa bệnh thì ít, ý định khác thì nhiều. **Lúc này nhà nước cho ra cái phong trào "*Người Công giáo yêu nước*" dưới danh hiệu "*Hội liên lạc những người Công giáo yêu tổ quốc, yêu hoà bình*". Ở các nước Cộng sản khác, họ trắng trợn đưa ra cái thứ Hội yêu nước như thế để tách khỏi Vatican. Ở Việt Nam, miền Bắc còn phải "chiếu cố" miền Nam, nên không dám cho mình tự trị, nhưng cũng tìm cách đứng ngoài ảnh hưởng của Vatican.**

Về phía Giáo quyền đã có những tuyên bố, chỉ thị, biện pháp, chống lại trào lưu này. Ngoài thông cáo thời danh của cha chính Antôn Đinh Lưu Nhân, Nam Định, về hội Liên lạc Công giáo đó, tôi cũng muốn đóng góp một phần nhỏ tích cực hơn. **Tôi thu thập những bài nói về Hội Thánh, soạn thành một cuốn sách nhỏ, chỉ nói về vẻ đẹp của Hội Thánh, để cho thấy tách biệt khỏi Hội Thánh là tách biệt khỏi Chúa Kitô, tách biệt khỏi Chúa Kitô là tách biệt khỏi Thiên Chúa.** Tôi đã soạn xong nhân dịp đi an dưỡng. Nhờ ông Tiệp lúc này chưa là ông Cố, mà chỉ là thư ký làm việc ở hiệu sách Thánh Maria, đánh máy giùm. Dĩ nhiên là ông đánh máy, trình bầy đẹp hơn tôi. Tôi đã hoàn thành và định nhờ máy ronêô của Nhà Chung. Máy này bỏ lâu không dùng được. Tôi xin một ít giấy của Nhà Chung đưa về Nam Định quay lấy. Tôi đưa về Nam Định quay ronêô với một đứa cháu của tôi, để công việc kín đáo hơn.

Nhắc lại chuyện đó để cho thấy sau Cải cách, vào thời kỳ sửa sai, việc đi lại dễ dàng. Việc xuất bản khó khăn, nhưng việc in ấn còn có thể kín đáo tiến hành. Nhưng nhất là cho thấy **Giáo Hội Việt Nam còn phải**

đối phó gay go với một phong trào khác: "*Hội Liên Lạc*", gay go, phức tạp, dai dẳng hơn là với Cải cách Ruộng đất.

Ví dụ: Do tình thế đi lại dễ dàng của thời kỳ sửa sai, vị Giám mục địa phận, Đức Cha Trịnh Như Khuê, đi đến cả những xứ thật xa, ở tỉnh Nam Định, như xứ An Lộc. Nơi đây cha xứ là cha Vũ Xuân Kỷ, Chủ tịch Hội Liên lạc Công giáo, hình như đi công tác, không có mặt. Trong lúc Đức Cha tiếp giáo dân đứng chật trong nhà, ngoài hiên, ngoài sân, **mấy tên Công giáo tiến bộ, đứng đầu là tên Đượm, tên Đọc... cứ xô đẩy đám đông, để xông vào ý kiến với Đức Cha, đoạn xô đẩy Đức Cha đến chân tường, rồi ra hiên đằng sau, đến chân cầu thang. May nhờ cầu thang này mà Đức Cha lên gác thoát nạn!**

Khi mọi người trở lại bình tĩnh, Đức Cha tuyên bố bãi xứ An Lộc và chuyển sang họ Vạn Điểm. Từ nay họ Vạn Điểm trong lịch Công giáo được in là xứ Vạn Điểm. Quyết định có vẻ vội vàng một chút. Song thấy cha xứ đứng đầu phong trào chống Giáo hội, giáo dân không biết bao nhiêu người lại có những cử chỉ quá khích, thì làm sao tránh khỏi kết luận như vậy. Xứ này không còn trung thành với Giáo Hội, nên bãi đi.

Kết luận khác không thể sai: Những cử chỉ quá khích của một số giáo dân An Lộc hôm đó đã được hình thành từ cách lộng hành, tàn bạo của Cải cách Ruộng đất.

Thành quả của Cải cách Ruộng đất

Mấy sào ruộng rồi sẽ đưa vào hợp tác xã để ông chủ lại đi cầy thuê. Cái bằng chứng nhận kia chỉ đem vứt vào sọt rác, vì nó chỉ còn là một tờ giấy vô giá trị. Cảnh người cầy có ruộng lại lên mây!

Cái bầu trời đã phác quang, cái mặt đất đã san phẳng lì, muốn dựng lên cái gì thì dựng. Với tính tàn khốc, tính quá khích, họ đã tạo nên bầu trời quang và mặt đất bằng. Tính tình man rợ đó đã in sâu trong lòng, không biết phải bao nhiêu thế hệ mới xoá nổi !

Trên tờ "*Chứng nhận quyền sở hữu ruộng đất*" có ghi cái khẩu hiệu để viết trên mặt bằng của Cải cách: "*Xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giầu mạnh*". Vẫn chưa thoả mãn? Đẹp thế mà! Thời kỳ Cải cách mọi cái thay đổi khá nhiều, theo hướng đi lên hay đi xuống không ai biết! Cả Đức Cha Khuê cũng có vẻ đổi thay. Ngài đi kinh lý xứ Nam Định. Tôi theo Ngài ra thăm Mặt trận Tổ Quốc. Thay đổi đấy! Ngồi đối diện với ông Chủ tịch Mặt trận, Ngài chúc sức khỏe ông Chủ tịch và các nhân viên. **Để cập nhật hơn, Ngài bầy tỏ lòng yêu mến nước VN, cầu mong nước Việt Nam hạnh phúc.**

Ông Chủ tịch bất cần nhã nhặn, phản ứng ngay: "*Nói Việt Nam thôi không đủ. Phải nói là Việt Nam Xã hội Chủ nghĩa*". Tim Đức Cha không biết có bị nhói không, phần tôi thì sạm mặt lại. Chúng tôi ngần này tuổi đầu, học hành gì mà cái tên nước Việt Nam cũng không nói đúng!

Việt Nam dù là hoà bình, là thống nhất, là giầu mạnh hay gì đi nữa, cũng không đủ. Cải cách Ruộng đất không chỉ đi đến mục tiêu đó, nhưng là tới cùng đích: VN Xã hội Chủ nghĩa. Xã hội Chủ nghĩa là gì?

Như vậy ai cũng hiểu Cải cách Ruộng đất là sách lược cơ bản, không phải là cái gì tuỳ tiện. Những phương pháp tàn bạo cũng chẳng phải là cái gì vượt ra khỏi dự phòng. Cả những cái gọi là sai lầm cũng là giả tạo, để lấy cớ sửa sai.

Trước khi Cải cách, nhiều người hy vọng vinh quang đang đến với mình, có thể phấn khởi hô lên: "*Cải cách muôn năm! Cải cách muôn năm!*". Sau này, dù có những tai tiếng đến đâu, những ai nhờ đó mà có chỗ ăn chỗ đứng, trong thâm tâm vẫn phải vang lên "*Cải cách muôn năm*"!!!

(Chúng tôi có biên tập lại. Người sưu tập)

Hồ Chí Minh, kẻ chịu trách nhiệm chính trong Cải cách Ruộng đất*

Vũ Thư Hiên

Trích "Đêm giữa ban ngày"
Xuất bản năm 2005 - Chương 12

(*) Đề bài do chúng tôi đặt. Người sưu tập.

Cha tôi khẳng định người chịu trách nhiệm chính trong sự gây ra những sai lầm trong Cải cách Ruộng đất là ông Hồ Chí Minh chứ không phải Trường Chinh, như đã có sự ngộ nhận kéo dài nhiều năm. Trường Chinh là con dê tế thần cho sai lầm của ông Hồ.

Nhưng, lại cũng công bằng mà nói, ông Hồ không hề có ý định làm Cải cách ruộng đất trong kháng chiến chống Pháp. Ông không muốn khuấy động sự ổn định của chính quyền cách mạng trong lúc trước mặt là kẻ thù xâm lược. Ông đã buộc phải làm Cải cách ruộng đất khi bị Mao nhắc nhở. Trong quyết định này khía cạnh tâm lý có tầm quan trọng lớn: ông Hồ không muốn bị vu vạ thêm một lần như ông đã từng bị vu vạ rằng ông là người không có lập trường cách mạng kiên quyết.

Như vậy, Cải cách ruộng đất được quyết định trong hoàn cảnh có sự thúc ép mạnh mẽ từ bên ngoài. Nó bắt đầu vào những năm 1953-1954, khi tình hình các chiến trường, tình hình trong nước và thế giới trở nên đặc biệt thuận lợi cho cuộc kháng chiến chống Pháp, làm cho ông Hồ có cảm giác chiến thắng cuối cùng đã gần kề.

Những nhân vật kế cận ông Hồ như Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Hoàng Văn Hoan (1), Lê Văn Lương, Hoàng Quốc Việt… vốn là những mao-ít nòi. Họ vừa thúc bách ông, vừa hùn vào quyết định còn đang lung lay của ông. Tuy nhiên, đối với ông Hồ Chí Minh họ lúc nào cũng giữ tư cách những học trò khiêm tốn. Bên cạnh ngôi sao sáng Hồ Chí Minh tổng bí thư Trường Chinh không có vai trò lớn như nhiều người lầm tưởng. Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp không bao giờ dám, và cũng không bao giờ được phép tự mình quyết định những chủ trương lớn.

Vào giai đoạn cuối cuộc kháng chiến chống Pháp, khi ở vùng tự do Thanh hóa, Nghệ An thuộc Liên khu 4, cán bộ giảm tô giảm tức kích động nông dân hành hạ dã man những địa chủ, nói cho đúng là những nông dân giàu có, cha tôi tức tốc lên Việt Bắc báo cáo tình hình xảy ra với chủ tịch. Ông Hồ hốt hoảng hạ lệnh đình chỉ tức khắc cuộc giảm tô giảm tức cường đạo và gửi thư xin lỗi đồng bào.

Ông đã nghe cha tôi vào thời kỳ ấy, nhưng đến Cải cách ruộng đất thì ông không nghe nữa. Lúc ấy ông đã bị các cố vấn Trung Quốc và những lý thuyết gia mao-ít nội hóa thuyết phục. Ông nghe làm sao được khi trên báo Nhân Dân ngày nào cũng tràn ngập tin tức về những thắng lợi rực rỡ của cuộc cách mạng long trời lở đất.

Câu chuyện về Hồ Chí Minh trong thâm tâm chống lại chủ trương Cải cách ruộng đất, bực bội vì nó mở màn bằng việc bắn một người đàn bà, như một số người muốn bào chữa cho ông là chuyện tầm phào. Một lệnh ông Hồ ban ra không chỉ cứu một bà Nguyễn Thị Năm (2), nó còn cứu hàng ngàn người bị giết oan trong cả CCRĐ lẫn Chỉnh đốn tổ chức do Lê Văn Lương song song tiến hành. Ông Hồ đã không cứu bà Năm. Ông không cứu ai cho tới khi những sai lầm tích tụ lại thành cái nhọt bọc. Lúc cái nhọt bọc vỡ ra ông mới tỉnh cơn mê. Nhưng đã muộn.

Trong những ngày u ám đó cha tôi được cử làm bí thư Đoàn ủy một đoàn CCRĐ. Là người có kinh nghiệm vận động quần chúng, ông thấy CCRĐ đang mắc sai lầm. Nó đi chệch mục tiêu "người cày có ruộng", biến thành một cuộc tàn sát chỉ để tàn sát, một dịch cuồng amok (3) của châu Á. Trong cuộc đời cách mạng của ông, ông đi nhiều, tiếp xúc nhiều, ông hiểu đất nước ông, ông hiểu đồng bào ông. Ông không tin kết luận của các thầy Tàu nói phàm nông dân giàu có

đều là địa chủ chống cách mạng, chống kháng chiến. Ông tin ở lòng yêu nước của đồng bào. Chính những nông dân giàu có, những địa chủ nhỏ, theo ông, là những người sớm giác ngộ cách mạng do ý thức được phải tự giải phóng khỏi thân phận nô lệ hơn lớp bần cố nông do quá nghèo đói và mù chữ không có điều kiện tiếp xúc với trí tuệ cách mạng. Những nông dân giàu đã có công lớn trong việc nuôi cán bộ, bộ đội trong những ngày đầu kháng chiến, khi chính quyền cách mạng còn trứng nước. Không phải sự nghèo khổ làm cho người ta có ý thức cách mạng. Trong chuyện này người ta quên hẳn lời những nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác "ý thức cao nhất của công nhân chỉ là ý thức công đoàn".

Sự tráo trở được dựng thành lý thuyết: những nhà giàu mà người ta gọi bằng các nhà hằng tâm hằng sản khi cần đến sự giúp đỡ của họ chỉ là đồng minh giai đoạn, gọi theo đúng chữ dùng trong các tài liệu học tập cho cán bộ. Giờ đây, khi cách mạng đã qua cái giai đoạn cần họ thì họ bị coi như kẻ thù.

Lại một lần nữa, cha tôi bỏ công việc về Hà Nội gặp ông Hồ Chí Minh. Đang trong cơn đau gan nặng, ông chống gậy lên Chủ tịch phủ. Ông nói lớn với ông Hồ: "Máu đồng bào, đồng chí đã đổ mà Bác còn ngồi yên được à? Chúng ta tuy không có học, chúng ta dốt, chúng ta phải vừa làm vừa học xây dựng chính quyền, vì dốt nát chúng ta mắc mọi sai lầm, nhưng chúng ta không có quyền để tay chúng ta nhuốm máu đồng bào, đồng chí!" (4)

Sau sai lầm Cải cách ruộng đất, ông Hồ và những người phụ tá luôn bị ám ảnh rằng mọi người đều lên án họ. Do đó ai nói đụng tới Cải cách ruộng đất cũng đều làm cho họ khó chịu. Trường Chinh ngay trong Cải cách ruộng đất đã phàn nàn rằng cha tôi giờ bất mãn với Đảng, trở thành cái loa cho bọn tư sản, địa chủ. Mà cha tôi bất mãn thật. Ông bất mãn về nhiều việc làm của Đảng mà ông cho là không quân tử, không đạo đức. Ông bất mãn vì nhìn thấy cuộc cách mạng mà ông tham gia cuối cùng đã dựng nên một xã hội không tử tế.

Chú thích

(1) *Một nhân vật cách mạng nổi tiếng của VN. Sinh năm 1905, ông đến Thái Lan năm 1928, cùng với ông Hồ Chí Minh lập ra Đảng cộng sản Thái Lan, đảng viên chủ yếu là người Tàu và người Việt. Sau đó ông Hoàng Văn Hoan đi Trung Quốc, hoạt động ở nước này trong nhiều năm. Ông bị đưa ra khỏi Bộ Chính trị và Trung ương Đảng ở Đại hội IV, sau đó bị xử tử hình vắng mặt khi ông trốn sang Trung Quốc xin cư trú chính trị. (Tóm)*

(2) *Bà Nguyễn Thị Năm là địa chủ tích cực ủng hộ kháng chiến. Nhà bà ở huyện Đồng Hỷ, Thái Nguyên, là nơi các cán bộ cao cấp thường qua*

lại, trong đó có cả các ông Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Nguyễn Duy Trinh, Hoàng Quốc Việt, Lê Giản…

(3) *Những cơn cuồng giết chóc không kiềm chế nổi bất thần xâm chiếm cả một bộ lạc, một vùng ở châu Á, khi những con người như bị mụ mẫm đi khi lao vào cuộc chiến hỗn độn, giết nhau không vì cái gì.*

(4) *Ông Nguyễn Văn Hoan, phó chánh án Tòa Tối cao, kể cho tôi nghe chuyện này. Ông đang báo cáo với Chủ tịch nước về tình hình công tác tư pháp thì cha tôi chống ba-toong bước vào (ông đang lên cơn đau gan). Thấy cha tôi quá bực mà to tiếng, ông Hồ bảo: "Ngồi xuống đã, từ từ nói tôi nghe, chi mà nóng như lửa vậy". (Tóm)*

Hỏi chuyện nhà văn Vũ Thư Hiên về Cải cách Ruộng đất ở Việt Nam

Phóng viên báo CE, 2006

http://www.doi-thoai.com/vth_vuthuhien13.html

CE: *Vừa qua, một số tổ chức chính trị tại hải ngoại có tổ chức kỷ niệm 50 năm Cải cách Ruộng đất ở Việt Nam. Thưa nhà văn Vũ Thư Hiên, ông có nghĩ rằng đây cũng lại là một sự ôn nghèo kể khổ theo truyền thống lâu nay của dân tộc ta không ạ?*

Nhà văn Vũ Thư Hiên: Bạn nghĩ rằng "ôn nghèo kể khổ" là truyền thống của dân tộc ta ư? Thế thì khổ thật đấy. "Ôn nghèo kể khổ" chỉ là một cách khêu gợi lòng căm thù của quần chúng đối với các giai cấp bóc lột, nói theo cách của cán bộ Cải cách Ruộng đất vào thập niên 50 của thế kỷ trước. Tôi không thấy có "một số" tổ chức chính trị hải ngoại kỷ niệm 50 năm Cải cách Ruộng đất ở Việt Nam. Tôi biết có một tổ chức làm chuyện đó là Mạng Lưới Dân Chủ, dưới đầu đề "Không quên những nạn nhân Cải cách Ruộng đất", tại Berlin. Nhưng không nên nghĩ đó là một sự "ôn nghèo kể khổ" tương đương với cái "ôn nghèo kể khổ" từng diễn ra ở nông thôn Việt Nam.

CE: *Thưa, vào cái hồi Cải cách Ruộng đất xảy ra ấy, ông đã bao nhiêu tuổi, và ông đang làm gì? Ở đâu?*

Nhà văn Vũ Thư Hiên: Hồi ấy tôi mới 20 tuổi. Tôi còn rất ngây thơ về chính trị. Tôi tin thật ở khẩu hiệu "người cày (phải) có ruộng", nên phải làm Cải cách Ruộng đất. Nghĩa là tôi tin ở sự lãnh đạo của chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng cộng sản. Tôi lúc đó làm nghề quay phim. Tôi làm phụ quay phim cho nhà quay phim Liên Xô Eshurin trong ê-kíp làm

phim "Việt Nam trên đường thắng lợi" (hay "Việt Nam chiến đấu", theo tên Nga) của đạo diễn Roman Karmen. Đội của Eshurin có trách nhiệm quay một đoạn về Cải cách Ruộng đất tại Thanh Hoá. Cảnh cha con người nông dân kéo cày thay trâu ngày nay được coi như ảnh tư liệu trong các bảo tàng Việt Nam về đời sống nông dân trong thời Pháp thuộc là do tôi chụp chính trong thời kỳ đó, ở gần đầm Rủn, Thanh Hoá. Đó là một cảnh dựng lại để quay phim, không phải cảnh thật. Hồi ấy tôi thành thật tin rằng có thể dựng lại các cảnh cũ để rồi thừa nhận nó là thật, miễn nó giống thật. Cái đó nằm trong quan niệm của cái gọi là hiện thực xã hội chủ nghĩa.

CE: *Đã có rất nhiều người nói về khí thế của nhân dân ta trong những ngày Cải cách Ruộng đất... Theo ông, cái hừng hực như lửa ấy ở đâu mà có, tại sao nó duy trì được và sự duy trì ấy được bao nhiêu lâu?*

Nhà văn Vũ Thư Hiên: Khí thế hừng hực trong Cải cách Ruộng đất? Tôi không trực tiếp tham gia cuộc Cải cách Ruộng đất (khi nó diễn ra tôi đang học ở Moskva), tôi không làm chứng được cho cái khí thế ấy. Nhưng tôi tin rằng nó đã có, bằng vào cái mà tôi thấy trong cuộc giảm tô giảm tức đi trước Cải cách Ruộng đất từ năm 1953. Người nông dân được (hay bị) tuyên truyền rằng phải đánh đổ địa chủ cường hào gian ác thì đời sống của họ mới khá hơn, thì họ ào ào theo. Ai chẳng muốn đời sống khá hơn, nhất là trong khi đời sống hiện tại thì lại quá cay cực? Đáng buồn là trong khí thế đi tìm cái đời sống khá hơn người ta quên bẵng nhiều thứ: đạo đức, tình thương yêu giữa con người với con người, quyền con người của người khác... Đảng cộng sản khuyến khích sự quên đó.

CE: *Thưa nhà văn Vũ Thư Hiên, ông có được chứng kiến một cuộc đấu tố nào không? Người ta đã tiến hành nó như thế nào vậy?*

Nhà văn Vũ Thư Hiên: Tôi được chứng kiến một cuộc đấu tố duy nhất. Đó là cuộc đấu địa chủ Nguyễn Bá Ngọc tại Thanh Hoá. Tôi, với tư cách người quay phim, tôi được có mặt ở mọi chỗ. Kể chuyện người ta tiến hành nó như thế nào thì dài lắm. Tôi nói tóm lại: nó được bố trí chu đáo như một vở tuồng. Những người nông dân được tập đấu (tố cáo tội ác của địa chủ) nhiều ngày trước khi có đấu thật. Đến khi đấu thật thì đấu lưng trước (tức là địa chủ quay lưng lại người đấu), sau mới đấu mặt (mặt đối mặt). Sở dĩ phải làm như thế là vì nhiều khi người đấu nhìn thấy mặt người bị đấu thì không nỡ đấu nữa (cũng là bà con lối xóm với nhau cả!). Đến cả địa chủ cũng được các đạo diễn (ông đội) hướng dẫn tỉ mỉ: phải quỳ thế nào, không được phép ngẩng mặt lên khi nghe những câu không đúng (các ông bà nông dân bao giờ cũng đúng, Đảng bao giờ cũng đúng...). Rất phường tuồng. Buồn cười không chịu

được. Nhưng chỉ dám cười thầm. Có lẽ ai cũng thấy cái chất buồn cười trong hoàn cảnh rơi nước mắt ấy. Nhiều chuyện thương tâm lắm.

CE: *Thưa... Trước, trong và sau cuộc Cải cách Ruộng đất, ông đã có lần nào, lúc nào được tiếp xúc với những nạn nhân của nó, và ông thấy, thái độ, tình cảnh của họ trong từng giai đoạn như thế nào?*

Nhà văn Vũ Thư Hiên: Trước hết, tôi xin nói lại điều tôi đã nói nhiều lần: đảng cộng sản cầm quyền ở nước nào cũng rất giỏi sản xuất ra kẻ thù. Trong kháng chiến chống Pháp, khi chưa có viện trợ của Trung Quốc, bộ đội sống nhờ dân, mà chủ yếu là những người nông dân lớp trên, một số sau này được quy thành địa chủ cường hào gian ác. Không có họ, bộ đội không có cái ăn để đánh Pháp. Tôi biết điều đó một cách chắc chắn bởi lúc ấy tôi ở trong bộ đội. Tức là đảng cộng sản đã bịa cho những người nông dân giàu vai trò kẻ thù. Ngay cả trong trường hợp họ giàu có, họ cũng không dĩ nhiên phải chống cách mạng giải phóng dân tộc. Bằng chứng là phần nhiều đảng viên Quốc dân đảng thuộc tầng lớp này. Về sau này những kẻ thù do đảng cộng sản bịa ra rồi có trở thành kẻ thù thật của Đảng thì cũng đáng lắm. Tất nhiên, sau CCRĐ tình cảnh địa chủ (hay những người bị quy là địa chủ) thê thảm lắm. Đến cả con cái họ cũng bị trù dập, không cho đi học, không cho đi làm. Đảng CS thù dai lắm, thù theo sách (chứ người ta lúc ấy có thù gì Đảng đâu), đã thế lại còn hẹp hòi đến tởm lợm. Chẳng cứ con cái địa chủ, con cái tư sản cũng vậy. Con cái những người bị coi là đối tượng cách mạng cũng thế. Trong chuyện này gia đình tôi có kinh nghiệm bản thân. Tốt nhất là đừng có chơi với một Đảng như thế. Đã trót bắt tay nó thì nhớ xem lại tay mình còn mấy ngón.

CE: *Người ta bảo, vào những ngày ấy, có thể thấy bóng dáng của các cố vấn Trung Quốc ở khắp mọi nơi... Điều đó có đúng không, thưa ông... Đã có lúc nào ông có dịp được tiếp xúc với một trong những ngài cố vấn đó không? Cảm tưởng của ông về các ngài như thế nào?*

Nhà văn Vũ Thư Hiên: Điều đó không đúng. Cố vấn Trung Quốc có ở cấp Trung ương và ở các Đoàn uỷ Cải cách ruộng đất. Nhưng họ rất ít lang thang ngoài đường để tìm cà phê. Tôi chưa gặp họ ở khắp mọi nơi như bạn hỏi.

CE: *Hình như những người lãnh đạo đảng CSVN thích dùng mấy chữ cải cách, cải tạo... Sau cuộc Cải cách Ruộng đất này, theo từng thời kỳ của cách mạng, họ còn có những cuộc cải tạo tư sản tư thương ở miền Bắc và miền Nam, cải cách giáo dục, cải cách hành chính, cải cách tiền tệ, lương bổng, cải tạo thanh thiếu niên hư hỏng, cải tạo gái mãi dâm, cải tạo bọn chích choác xì ke, ma tuý... và đặc biệt là cuộc cải tạo hàng triệu sỹ quan và những người đã phục vụ trong chính quyền Sài Gòn trước 1975, ý kiến ông về vấn đề này như thế nào?*

Nhà văn Vũ Thư Hiên: Những người cộng sản Việt Nam chỉ thích chữ cải tạo thôi. Mọi thứ cải tạo: cải tạo tư tưởng, cải tạo tư sản, cải tạo công thương nghiệp, tập trung cải tạo... được tiến hành trong sự chủ động. Còn cải cách thì họ không thích đâu. Họ cho rằng cải cách không có tính chất cách mạng, triệt để, một thứ cải lương. Người ta phải dùng từ cải cách là khi nào muốn giảm nhẹ trọng lượng chính trị của câu nói. Hoặc một cái gì đó chưa đáng để gọi là cải tạo.

CE: *Thưa nhà văn Vũ Thư Hiên! Cuộc trao đổi của chúng ta đã hơi dài. Vì thời gian không cho phép, nên xin hỏi ông câu cuối cùng: Xin ông nói một đôi điều tóm lại về bản chất của những cái gọi là cải cách, cải tạo ấy?*

Nhà văn Vũ Thư Hiên: Bản chất của cải tạo, cải cách? Nên chăng dùng chữ mục đích? Mọi hành động của Đảng cộng sản bao giờ cũng chỉ nhằm đoạt lấy và giữ cho chặt chính quyền. Bạn thấy đấy: trong bất cứ lĩnh vực nào có nảy sinh mâu thuẫn và đấu tranh thì Đảng cộng sản đặt ngay vấn đề ai thắng ai? Tất nhiên Đảng cộng sản phải thắng.

CE: *Xin cảm ơn ông và chúc ông dồi dào sức khoẻ.*

Câu chuyện nhà thơ Hữu Loan

12-04-2009

http://thangmomedia.com/page.php?id=3395

Tôi sinh ra trong một gia đình nghèo, hồi nhỏ không có cơ may cắp sách đến trường như bọn trẻ cùng trang lứa, chỉ được cha dạy cho dăm chữ bữa có bữa kô ở nhà. Cha tôi tuy là tá điền nhưng tư chất lại thông minh hơn người. Lên trung học, theo ban thành chung tôi cũng học tại Thanh Hóa, không có tiền vào Huế hoặc ra Hà Nội học. Đến năm 1938 - lúc đó tôi cũng đã 22 tuổi- tôi ra Hà Nội thi tú tài, để chứng tỏ rằng con nhà nghèo cũng thi đỗ đạt như ai. Tuyệt nhiên tôi không có ý định dấn thân vào chốn quan trường. Ai cũng biết thi tú tài thời Pháp rất khó khăn. Số người đậu trong kỳ thi đó rất hiếm, hiếm đến nỗi 5-6 chục năm sau, những người cùng thời còn nhớ tên những người đậu khóa ấy, trong đó có Nguyễn Đình Thi, Hồ Trọng Gin, Trịnh văn Xuấn, Đỗ Thiện và... tôi, Nguyễn Hữu Loan.

Với mảnh tú tài Tây trong tay, tôi rời quê nhà lên Thanh Hóa để dạy học. Nhãn mác con nhà nghèo học giỏi của tôi được bà tham Kỳ

chú ý, mời về nhà dạy cho hai cậu con trai. Tên thật của bà tham Kỳ là Đái Thị Ngọc Chất, bà là vợ của của ông Lê Đỗ Kỳ, tổng thanh tra canh nông Đông Dương, sau này đắc cử dân biểu Quốc hội khóa đầu tiên. Ở Thanh Hóa, Bà tham Kỳ có một cửa hàng bán vải và sách báo, tôi thường ghé lại xem và mua sách, nhờ vậy mới được bà để mắt tới.

Bà tham Kỳ là một người hiền lành, tốt bụng, đối xử với tôi rất tốt, coi tôi chẳng khác như người nhà. Nhớ ngày đầu tiên tôi khoác áo gia sư, bà gọi mãi đứa con gái - lúc đó mới 8 tuổi- mới chịu lỏn lẻn bước ra khoanh tay, miệng lí nhí: "Em chào thầy ạ". Chào xong, cô bé bất ngờ mở to đôi mắt nhìn thẳng vào tôi. Đôi mắt to, đen láy, tròn xoe như có ánh chớp ấy đã hằn sâu vào tâm trí tôi, theo tôi suốt cả cuộc đời. Thế là tôi dạy em đọc, dạy viết. Tên em là Lê Đỗ Thị Ninh, cha làm thanh tra nông lâm ở Sài Gòn nên sinh em trong ấy, quen gọi mẹ bằng má. Em thật thông minh, dạy đâu hiểu ấy nhưng ít nói và mỗi khi mở miệng thì cứ y như một "bà cụ non". Đặc biệt em chăm sóc tôi hằng ngày một cách kín đáo: em đặt vào góc mâm cơm chỗ tôi ngồi ăn cơm lúc thì vài quả ớt đỏ au, lúc thì quả chanh mọng nước em vừa hái ở vườn. Những buổi trưa hè, nhằm lúc tôi ngủ trưa, em lén lấy áo sơ mi trắng tôi treo ở góc nhà mang ra giếng giặt...

Có lần tôi kể chuyện "bà cụ non" ít nói cho hai người anh của em Ninh nghe, không ngờ chuyện đến tai em, thế là em giận! Suốt một tuần liền, em nằm lì trong buồn trong, không chịu học hành... Một hôm bà tham Kỳ dẫn tôi vào phòng nơi em đang nằm thiếp đi. Hôm ấy tôi đã nói gì, tôi không nhớ nữa, chỉ nhớ là tôi đã nói rất nhiều, đã kể chuyện em nghe, rồi tôi đọc thơ... Trưa hôm ấy, em ngồi dậy ăn một bát to cháo gà và bước ra khỏi căn buồng. Chiều hôm sau, em nằng nặc đòi tôi đưa lên khu rừng thông. Cả nhà không ai đồng ý: "Mới ốm dậy còn yếu lắm, không đi được đâu". Em không chịu nhất định đòi đi cho bằng được. Sợ em lại dỗi nên tôi đánh bạo xin phép ông bà tham Kỳ đưa em lên núi chơi.....

Xe kéo chừng một giờ mới tới được chân đồi. Em leo đồi nhanh như một con sóc, tôi đuổi theo muốn đứt hơi. Lên đến đỉnh đồi, em ngồi xuống và bảo tôi ngồi xuống bên em. Chúng tôi ngồi thế một hồi lâu, chẳng nói gì. Bất chợt em nhìn tôi, rồi ngước mắt nhìn ra tận chân trời, không biết lúc đó em nghĩ gì. Bất chợt em hỏi tôi: “Thầy có thích ăn sim không ?”

Tôi nhìn xuống sườn đồi: tím ngắt một màu sim. Em đứng lên đi xuống sườn đồi, còn tôi vì mệt quá nên nằm thiếp đi trên thảm cỏ.... Khi tôi tỉnh dậy, em đã ngồi bên tôi với chiếc nón đầy ắp sim. Những quả sim đen láy chín mọng. “Thầy ăn đi”. Tôi cầm quả sim từ tay em đưa lên miệng trầm trồ: “Ngọt quá”.

Như đã nói, tôi sinh ra trong một gia đình nông dân, quả sim đối với chẳng lạ lẫm gì, nhưng thú thật tôi chưa bao giờ ăn những quả sim ngọt đến thế! Cứ thế, chúng tôi ăn hết quả này đến quả khác. Tôi nhìn em, em cười. Hai hàm răng em đỏ tím, đôi môi em cũng đỏ tím, hai bên má thì... tím đỏ một màu sim. Tôi cười phá lên, em cũng cười theo!

Cuối mùa đông năm ấy, bất chấp những lời can ngăn, hứa hẹn can thiệp của ông bà tham Kỳ, tôi lên đường theo kháng chiến. Hôm tiễn tôi, em theo mãi ra tận đầu làng và lặng lẽ đứng nhìn theo. Tôi đi... lên tới bờ đê, nhìn xuống đầu làng, em vẫn đứng đó nhỏ bé và mong manh. Em giơ bàn tay nhỏ xíu như chiếc lá sim ra vẫy tôi. Tôi vẫy trả và lầm lũi đi... Tôi quay đầu nhìn lại.... em vẫn đứng yên đó.... Tôi lại đi và nhìn lại đến khi không còn nhìn thấy em nữa.....

Những năm tháng ở chiến khu, thỉnh thoảng tôi vẫn được tin tức từ quê lên, cho biết em vẫn khỏe và đã khôn lớn. Sau này, nghe bạn bè kể lại, khi em mới 15 tuổi đã có nhiều chàng trai đến ngỏ lời cầu hôn nhưng em cứ trốn trong buồng, không chịu ra tiếp ai bao giờ....

Chín năm sau, tôi trở lại nhà.... Về Nông Cống tìm em. Hôm gặp em ở đầu làng, tôi hỏi em, hỏi rất nhiều, nhưng em không nói gì, chỉ bẽn lẽn lắc hoặc gật đầu. Em giờ đây không còn cô học trò Ninh bướng bỉnh nữa rồi. Em đã gần 17 tuổi, đã là một cô gái xinh đẹp....

Yêu nhau lắm nhưng tôi vẫn lo sợ vì hai gia đình không môn đăng hộ đối một chút nào. Mãi sau này mới biết việc hợp hôn của chúng tôi thành công là do bố mẹ em ngấm ngầm "soạn kịch bản".

Một tuần sau đó chúng tôi kết hôn. Tôi bàn việc may áo cưới thì em gạt đi, không đòi may áo cưới trong ngày hợp hôn, bảo rằng là: "Yêu nhau, thương nhau cốt là cái tâm và cái tình bền chặt là hơn cả". Tôi cao ráo, học giỏi, làm thơ hay... lại đẹp trai nên em thường gọi đùa là anh chồng độc đáo. Đám cưới được tổ chức ở ấp Thị Long, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa của gia đình em, nơi ông Lê Đỗ Kỳ có hàng trăm mẫu ruộng. Đám cưới rất đơn sơ, nhưng khỏi nói, hai chúng tôi hạnh phúc hơn bao giờ hết!

Hai tuần phép của tôi trôi qua thật nhanh, tôi phải tức tốc lên đường hành quân, theo sư đoàn 304, làm chủ bút tờ Chiến Sĩ. Hôm tiễn tôi lên đường, em vẫn đứng ở đầu làng, nơi chín năm trước em đã đứng. Chỉ có giờ em không còn cô bé Ninh nữa mà là người bạn đời yêu qúy của tôi. Tôi bước đi, rồi quay đầu nhìn lại... Nếu như chín năm về trước, nhìn lại chỉ thấy một nỗi buồn man mác thì lần này, tôi thật sự đau buồn. Đôi chân tôi như muốn khuỵu xuống.

Ba tháng sau, tôi nhận được tin dữ: vợ tôi qua đời! Em chết thật thảm thương: Hôm đó là ngày 25 tháng 5 âm lịch năm 1948, em đưa quần áo ra giặt ngoài sông Chuồn (thuộc ấp Thị Long, Nông Cống), vì

muốn chụp lại tấm áo bị nước cuốn trôi đi nên trượt chân chết đuối! Con nước lớn đã cuốn em vào lòng nó, cướp đi của tôi người bạn lòng tri kỷ, để lại tôi tôi nỗi đau không gì bù đắp nỗi. Nỗi đau ấy, gần 60 năm qua, vẫn nằm sau thẳm trong trái tim tôi.

Tôi phải giấu kính nỗi đau trong lòng, không được cho đồng đội biết để tránh ảnh hưởng đến tinh thần chiến đấu của họ. Tôi như một cái xác không hồn.... Dường như càng kèm nén thì nỗi đau càng dữ dội hơn. May sao, sau đó có đợt chỉnh huấn, cấp trên bảo ai có tâm sự gì cứ nói ra, nói cho hết. Chỉ chờ có thế, cơn đau trong lòng tôi được bung ra. Khi ấy chúng tôi đang đóng quân ở Nghệ An, Tôi ngồi lặng đi ở đầu làng, hai mắt tôi đẫm nước, tôi lấy bút ra ghi chép. Chẳng cần phải suy nghĩ gì, những câu những chữ mộc mạc cứ trào ra:

Nhà nàng có ba người anh đi bộ đội
Những em nàng có em chưa biết nói
Khi tóc nàng đang xanh...
...Tôi về không gặp nàng....

Về viếng mộ nàng, tôi dùng chiếc bình hoa ngày cưới làm bình hương, viết lại bài thơ vào chiếc quạt giấy để lại cho người bạn ở Thanh Hóa. Anh bạn này đã chép lại và truyền tay nhau trong suốt những năm chiến tranh. Đó là bài thơ Màu Tím Hoa Sim.

Đến đây, chắc bạn biết tôi là Hữu Loan, Nguyễn Hữu Loan, sinh ngày 2-4-1916 hiện tại đang "ở nhà trông vườn" ở làng Nguyên Hoàn - nơi tôi gọi là chỗ "quê đẻ của tôi đấy" thuộc xã Mai Lĩnh, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Em Ninh rất ưa mặc áo màu tím hoa sim. Lạ thay nơi em bị nước cuốn trôi dưới chân núi Nưa cũng thường nở đầy những bông hoa sim tím. Cho nên tôi viết mới nổi những câu:

Chiều hành quân, qua những đồi sim
Những đồi sim, những đồi hoa sim
Những đồi hoa sim dài trong chiều không hết
Màu tím hoa sim, tím cả chiều hoang biền biệt
Và chiều hoang tím có chiều hoang biết
Chiều hoang tim tím thêm màu da diết.

Mất nàng, mất tất cả, tôi chán đời, chán kháng chiến, bỏ đồng đội, từ giã văn đàn về quê làm ruộng, một phần cũng vì tính tôi "hay cãi, thích chống đối, không thể làm gì trái với suy nghĩ của tôi". Bọn họ chê tôi ủy mị, hoạch họe đủ điều, không chấp nhận đơn từ bỏ kháng chiến của tôi. Mặc kệ! Tôi thương tôi, tôi nhớ hoa sim của tôi quá! Với lại tôi cũng chán ngấy bọn họ quá rồi!

Đó là thời năm 1955-1956, khi phong trào văn nghệ sĩ bùng lên với sự xuất hiện của nhóm Nhân văn Giai phẩm chống chính sách độc

tài, đồng thời chống những kẻ bồi bút đang tâm lừa thầy phản bạn, dốc tâm ca ngợi cái này cái nọ để kiếm chút cơm thừa canh cặn. Làm thơ thì phải có cái tâm thật thiêng liêng thì thơ mới hay. Thơ hay thì sống mãi. Làm thơ mà không có tình, có tâm thì chả ra gì! Làm thơ lúc bấy giờ là phải ca tụng, trong khi đó tôi lại đề cao tình yêu, tôi khóc người vợ tử tế của mình, người bạn đời hiếm có của mình. Lúc đó tôi khóc như vậy họ cho là khóc cái tình cảm riêng.... Y như trong thơ nói ấy, tôi lấy vợ rồi ra mặt trận, mới lấy nhau chưa được hơn một tháng, ở nhà vợ tôi đi giặt rồi chết đuối ở sông.... Tôi thấy đau xót, tôi làm bài thơ ấy tôi khóc, vậy mà họ cho tôi là phản động? Tôi phản động ở chỗ nào? Cái đau khổ của con người, tại sao lại không được khóc?

Bọn họ xúc phạm đến tình cảm thiêng liêng của tôi đối với người vợ mà tôi hằng yêu qúy, cho nên vào năm 1956, tôi bỏ đảng, bỏ cơ quan, về nhà để đi cày. Họ không cho bỏ, bắt tôi phải làm đơn xin. Tôi không xin, tôi muốn bỏ là bỏ, không ai bắt được! Tôi bỏ tôi về, tôi phải đi cày đi bừa, đi đốn củi, đi xe đá để bán. Bọn họ bắt giữ xe tôi, đến nỗi tôi phải đi xe cút kít, loại xe đóng bằng gỗ, có một bánh xe cũng bằng gỗ ở phía trước, có hai cái càng ở phía sau để đủn hay kéo. Xe cút kít họ cũng không cho, tôi phải gánh bộ. Gánh bằng vai tôi, tôi cũng cứ gánh, không bao giờ tôi bị khuất phục. Họ theo dõi, ngăn cản, đi đến đâu cũng có công an theo dõi, cho người hại tôi.... Nhưng lúc nào cũng có người cứu tôi! Có một cái lạ là thơ của tôi đã có lần cứu sống tôi! Lần đó tên công an mật nói thật với tôi là nó được giao lệnh giết tôi, nhưng nó sinh ở Yên Mô, thường đem bài Yên Mô của tôi nói về tỉnh Yên Bình quê nó ra đọc cho đỡ nhớ, vì vậy nó không nỡ giết tôi.

Ngoài Yên Mô, tôi cũng có một vài bài thơ khác được mến chuộng. Sau năm 1956, khi tôi về rồi thấy cán bộ khổ quá, tôi đã làm bài Chiếc Chiếu, kể chuyện cán bộ khổ đến độ không có chiếc chiếu để nằm!

Định mệnh đưa đẩy, dắt tôi đến với một phụ nữ khác, sống cùng tôi cho đến tận bây giờ. Cô tên Phạm Thị Nhu, cũng là phụ nữ có tâm hồn sâu sắc. Cô vốn là một nạn nhân của chiến dịch Cải cách Ruộng đất, đấu tố địa chủ năm 1954-1955.

Lúc đó tôi còn là chính trị viên của tiểu đoàn. Tôi thấy tận mắt những chuyện đấu tố. Là người có học, lại có tâm hồn nghệ sĩ nên tôi cảm thấy chán nản quá, không còn hăng hái nữa. Thú thật, lúc đó tôi thất vọng vô cùng. Trong một xã thuộc huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa, cách xa nơi tôi ở 15 cây số, có một gia đình địa chủ rất giàu, nắm trong gần năm trăm mẫu tư điền.

Trước đây, ông địa chủ đó giàu lòng nhân đạo và rất yêu nước. Ông thấy bộ đội sư đoàn 304 của tôi thiếu ăn nên ông thường cho tá

điền gánh gạo đến chỗ đóng quân để ủng hộ. Tôi là trưởng phòng tuyên huấn và chính trị viên của tiểu đoàn nên phải thay mặt anh em ra cám ơn tấm lòng tốt của ông, đồng thời đề nghị lên sư đoàn trưởng trao tặng bằng khen ngợi để vinh danh ông. Thế rồi, một hôm, tôi nghe tin gia đình ông đã bị đấu tố. Hai vợ chồng ông bị "đội phóng tay phát động quần chúng" đem ra cho dân xỉ vả, rồi chôn xuống đất, chỉ để hở hai cái đầu lên. Xong họ cho trâu kéo bừa đi qua đi lại hai cái đầu đó cho đến chết. Gia đình ông bà địa chủ bị xử tử hết, chỉ có một cô con gái 17 tuổi được tha chết nhưng bị "đội phóng tay phát động" đuổi ra khỏi nhà với vài bộ quần áo cũ rách. Tàn nhẫn hơn nữa, chúng còn ra lệnh cấm không cho ai được liên hệ, nuôi nấng hoặc thuê cô ta làm công. Thời đó, cán bộ cấm đoán dân chúng cả việc lấy con cái địa chủ làm vợ làm chồng.

Biết chuyện thảm thương của gia đình ông bà địa chủ tôi hằng nhớ ơn, tôi trở về xã đó xem cô con gái họ sinh sống ra sao vì trước kia tôi cũng biết mặt cô ta. Tôi vẫn chưa thể nào quên được hình ảnh của một cô bé cứ buổi chiều lại lén lút đứng núp bên ngoài cửa sổ nghe tôi giảng Kiều ở trường Mai Anh Tuấn.

Lúc gần tới xã, tôi gặp cô ta áo quần rách rưới, mặt mày lem luốc. Cô đang lom khom nhặt những củ khoai mà dân bỏ sót, nhét vào túi áo, chùi vội một củ rồi đưa lên miệng gặm, ăn khoai sống cho đỡ đói. Quá xúc động, nước mắt muốn ứa ra, tôi đến gần và hỏi thăm và được cô kể lại rành rọt hôm bị đấu tố cha mẹ cô bị chết ra sao. Cô khóc rưng rức và nói rằng gặp ai cũng bị xua đuổi; hằng ngày cô đi mót khoai ăn đỡ đói lòng, tối về ngủ trong chiếc miếu hoang, cô rất lo lắng, sợ bị làm bậy và không biết ngày mai còn sống hay bị chết đói.

Tôi suy nghĩ rất nhiều, bèn quyết định đem cô về làng tôi, và bất chấp lệnh cấm, lấy cô làm vợ. Sự quyết định của tôi không lầm. Quê tôi nghèo, lúc đó tôi còn ở trong bộ đội nên không có tiền, nhưng cô chịu thương chịu khó, bữa đói bữa no... Cho đến bây giờ cô đã cho tôi 10 người con - 6 trai, 4 gái, và cháu nội ngoại hơn 30 đứa!

Trong mấy chục năm dài, tôi về quê an phận thủ thường, chẳng màng đến thế sự, ngày ngày đào đá núi đem đi bán, túi dắt theo vài cuốn sách cũ tiếng Pháp, tiếng Việt đọc cho giải sầu, lâu lâu nổi hứng thì làm thơ, thế mà chúng vẫn trù dập, không chịu để tôi yên. Tới hồi mới mở cửa, tôi được ve vãn, mời gia nhập Hội Nhà văn, tôi chẳng thèm ra nhập làm gì.

Năm 1988, tôi "tái xuất giang hồ" sau 30 năm tự chôn và bị chôn mình ở chốn quê nghèo đèo heo hút gió. Tôi lang bạt gần một năm trời theo chuyến đi xuyên Việt do hội văn nghệ Lâm Đồng và tạp chí

Langbian tổ chức để đòi tự do sáng tác, tự do báo chí - xuất bản và đổi mới thực sự.

Vào tuổi gần đất xa trời, cuối năm 2004, công ty Viek VTB đột nhiên đề nghị mua bản quyền bài Màu Tím Hoa Sim của tôi với giá 100 triệu đồng. Họ bảo đó là một hình thức bảo tồn tài sản văn hóa. Thì cũng được đi. Khoản tiền 100 triệu trừ thuế đi còn 90 triệu, chia "lộc" cho 10 đứa con hết 60 triệu đồng, tôi giữ lại 30 triệu đồng, phòng đau ốm lúc tuổi già, sau khi trích một ít để in tập thơ khoảng 40 bài mang tên Thơ Hữu Loan.

Sau vụ này cũng có một số công ty khác xin ký hợp đồng mua mấy bài thơ khác, nhưng tôi từ chối, thơ tôi làm ra không phải để bán-/-

Cải cách Ruộng đất qua lời kể của nhà thơ Hữu Loan

Nhạc sĩ Trịnh Hưng 14-03-2006

http://www.vietnamexodus.org

Từ một tình sử đau buồn trong đó người vợ trẻ bị chết đuối sau đám cưới có bảy ngày, một anh bộ đội vệ quốc quân đã kể cho tôi nỗi đau buồn tê tái của mối tình đầu xuất hồn khỏi con tim ra thành bài thơ bất hủ. Chính bài thơ đó đã tạo nên tên tuổi anh. Cô dâu mới vô phúc kia là Lê Đỗ Thị Ninh. Đại tác phẩm thi ca nói trên mang nhan đề "Màu tím Hoa sim" thuộc về nhà thơ Hữu Loan.

Nhà thơ già kể lại cho tôi nghe tình sử ấy một cách say sưa với nét mặt hằn vết nhăn tuổi tác như sống lại với kỷ niệm xa xưa cách nay nửa thế kỷ, rồi chua chát mỉm cười hỏi tôi:

- Thỏa mãn chưa, chú Hưng?

Tôi trả lời :

- Thưa anh, em thật thỏa mãn, vì đã hơn năm mươi năm rồi mới gặp lại anh, lại được chính anh kể cho nghe về tình sử đó. Từ trước tới giờ, không riêng em mà nhiều người từng yêu mến bài thơ "Mầu tím Hoa sim" cũng chỉ hiểu sơ qua lời tâm sự chứ không biết cặn kẽ về cuộc tình tuyệt đẹp mà đau buồn đó. Bây giờ, xin anh cho em biết thêm một chuyện khác về cuộc đời riêng của anh từ cuối năm 1952, sau ngày em về Hà Nội.

Khi ấy, với chiến thắng Điện Biên Phủ cùng tái lập hòa bình cho xứ sở, rồi trở về đến thủ đô, lý do gì mà anh và anh Quang Dũng, những sĩ quan trung cấp ưu tú và văn nghệ sĩ nổi danh, lại không được nhà nước ưu đãi như đối với các người có công khác. Ngược lại, các anh còn bị bỏ rơi, gạt ra khỏi giới nhà văn nhà thơ, bị treo bút và không cho công ăn việc làm. Đến nỗi anh Quang Dũng từ ngày về thủ đô chịu đói khổ, không có được một bữa cơm ăn đơn sơ cho no lòng. Còn anh thì bị trục xuất về quê và còn bị quản thúc, không được phép liên hệ với bất cứ ai. Tại sao lại như vậy, thưa anh?

Thi sĩ Hữu Loan lại mỉm cười chua chát bảo tôi;

- Chú muốn biết, anh sẽ kể rõ hết cho chú nghe. Chú, anh chị Trạch, và anh Trần Chánh Thành về Hà Nội, anh nào có hay. Sau đó, anh được anh Quang Dũng cho biết là anh ấy có đi đưa tiễn gia đình chú về Hà Nội. Anh bảo Quang Dũng rằng như thế là may cho anh chị Trạch và anh Trần Chánh Thành, chứ nếu ở lại hậu phương thì khổ, vì các anh ấy vốn thuộc giới trí thức làm quan lại cho Tây hồi xưa.

Đến cuối năm 1952 đầu năm 1953, chính phủ ta đi theo đường lối chính sách của Tầu. Đó là rập theo mô hình đấu tố của Mao đề ra đang được thi hành bên Tầu. Chúng gửi cố vấn sang Việt Nam, bắt buộc chính phủ ta phải thi hành việc đấu tố như Tầu.

Cố vấn Tầu đưa Trường Chinh lên làm chủ tịch và Hoàng Quốc Việt làm phó, bắt đầu mở màn phát động chiến dịch đấu tố cái mà chúng gọi là "địa chủ cường hào". Tụi cố vấn Tầu chỉ định đưa bà Nguyễn Thị Năm, tên hiệu là Cát Thành Long chủ một đồn điền lớn ở Thái Nguyên ra đấu tố làm điển hình.

Trong quá khứ, bà Cát Thành Long là một phụ nữ rất hiền hậu, yêu nước, thương người. Bà có tiệm ở Hà Nội lấy nhãn hiệu Cát Thành Long và là một nhà giàu nhất nhì Hà Nội trong thời Pháp thuộc. Chính bà đã nuôi nấng, giấu giếm trong nhà nhiều cán bộ Cộng sản, giúp họ khỏi bị Tây bắt. Trong số cán bộ được bà Cát Thành Long che chở nuôi ăn có cả Trường Chinh và Hoàng Quốc Việt. Đến khi Việt Minh có chân trong Hội đồng Chính phủ, già Hồ ngầm tổ chức Tuần Lễ Vàng lấy tiền mua súng để thành lập quân đội thì người ủng hộ nhiều vàng nhất Hà Nội bấy giờ cũng chính là bà Cát Thành Long tức Nguyễn Thị Năm.

Rồi cuối năm 1946 chiến tranh Việt Pháp bùng nổ. Dân thành phố Hà Nội bỏ nhà bỏ cửa đi tản cư khắp trong vùng quê tỉnh nhỏ. Bà Năm cùng gia đình chạy lên Thái Nguyên ở vùng Việt Bắc vì nơi đó bà có một đồn điền lớn với nhiều tá điền. Những người này được bà Năm quý mến, lại tận tình giúp đỡ khi họ gặp khó khăn, và họ cũng đều thương mến kính trọng bà.

Vào những năm đầu của cuộc kháng chiến, bộ đội phải sống rất vất vả trong nghèo nàn đói khát. Gạo không có mà ăn cho đủ no. Thường thường mỗi bữa mỗi người chỉ được hai miệng bát cơm gạo mục mốc đầy thóc và sạn. Cho nên, nhiều khi bộ đội hành quân qua đồn điền của bà Năm, quân số lên cả tiểu đoàn. Bà mời họ ở lại, sai người nhà mổ bò heo, làm gà vịt để bộ đội ăn no cho có sức ra trận đánh Tây. Vì thế bộ đội ở Việt Bắc lúc đó ai cũng thương bà, gọi bà là Mẹ chiến sĩ. Thêm vào đó, bà có hai con trai đều đi bộ đội. Người con lớn làm đến sư đoàn trưởng, người con thứ làm đến trung đoàn trưởng. Cả hai đánh giặc rất hăng.

Ấy thế mà sau này tụi cố vấn Tầu lại bắt Trường Chinh phải đem bà Năm ra đấu tố làm điển hình. Tên Trường Chinh quá sợ nên y theo lệnh. Hoàng Quốc Việt còn chút lương tâm, viết thư về trình cho HCM hay vì hắn tin rằng chỉ có già Hồ mới đủ sức can thiệp cứu mạng cho bà Năm mà thôi. Nhưng không ngờ già Hồ làm ngơ khi đọc thư tường trình của hắn, để mặc Trường Chinh mang bà ra đấu tố cho đến chết. Hai con trai bà cũng sợ, không dám về hoặc kiếm cách can thiệp gì cả.

Sau khi hoàn thành việc đấu tố bà Nguyễn Thị Năm, bọn họ phát động phong trào đấu tố toàn tỉnh Thanh Hóa. Từ thành phố đến huyện xuống tới xã thôn, nơi nào cũng có cán bộ đến giải thích kích động hô hào. Biểu ngữ căng đầy đường. Ngày đêm, họ tụ họp các thanh niên nam nữ, thiếu niên, nhi đồng, đi thành từng đoàn, hô to những khẩu hiệu được học thuộc "Hãy giết sạch lũ địa chủ cường hào ác bá!" "Đào tận gốc, trốc tận rễ!" "Cường hào ác bá ra tro!"... Khắp chốn, các đội cán bộ đến lôi dân chúng ra tuyên truyền nhồi sọ những lời vu oan giá họa dùng để áp đặt lên những người bị đem ra đấu tố. Dân chúng kinh hoảng khi thấy đội cán bộ vào làng để học tập việc đấu tố. Quyền hành sinh sát trong tay họ. Dân chúng sợ quá nói với nhau "Nhất Đội, nhì Trời"! Đội gieo tang tóc, máu đổ thịt rơi, gây kinh hoàng, làm cho từng người dân đêm nằm ngủ không yên, lúc nào cũng nơm nớp lo có người trong đội hoặc du kích rình rập bên ngoài nghe trộm.

Nhà thơ ngừng nói, nhấp vài hớp trà, rồi nhìn tôi đăm đăm kể tiếp :

- Lúc đó, anh còn là chính trị viên tiểu đoàn. Anh thấy tận mắt những chuyện đấu tố. Hơn nữa, mình là người có học, hiểu biết luân thường đạo lý, lại có tâm hồn nghệ sĩ, nên anh cảm thấy chán nản quá và không còn kính trọng già Hồ cũng như chủ nghĩa Cộng sản nữa. Tuy nhiên, anh đã trót làm đảng viên được mấy năm rồi. Thú thật với chú, lúc đó anh thất vọng vô cùng!

Trong một xã thuộc huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa, cách xa anh ở độ mười lăm cây số, có một gia đình địa chủ rất giầu, nắm trong tay gần năm trăm mẫu tư điền. Ông địa chủ giầu lòng nhân đạo, rất yêu

nước thương người. Ông thấy bộ đội sư đoàn 301 của anh thiếu ăn, nên ông thường cho tá điền gánh gạo tới chỗ đóng quân để ủng hộ bộ đội. Anh là Trưởng phòng Tuyên huấn và Chính trị nên phải thay mặt anh em ra cám ơn tấm lòng tốt của ông ta, đồng thời đề nghị lên Sư đoàn trưởng trao tặng bằng khen ngợi để vinh danh ông. Riêng anh rất quý mến và luôn luôn nhớ đến ông.

Thế rồi một hôm anh nghe tin gia đình ông địa chủ ấy bị đội đấu tố mang cả hai vợ chồng ra cho dân đấu tố, sỉ vả, nhục mạ, rồi chôn xuống đất để hở có cái đầu lên thôi. Xong, họ cho trâu kéo bừa qua lại hai cái đầu cho đến chết. Gia đình ông bà địa chủ xấu số chỉ còn có một cô con gái mười bảy tuổi được tha chết nhưng bị đội đấu tố đuổi ra khỏi nhà với vài bộ quần áo. Dã man hơn nữa, chúng còn ra lệnh cấm không cho ai được liên hệ, nuôi nấng hoặc thuê cô ta làm công. Thời đó, cán bộ cấm dân chúng cả việc lấy các con cái của địa chủ làm vợ làm chồng.

Anh Hữu Loan chớp chớp đôi mắt nhăn nheo có hai vành mi ướt đỏ đượm mầu thương cảm. Anh mím miệng, nuốt nước bọt cho bớt nghẹn cổ, rồi kể tiếp :

- Biết chuyện thảm thương giáng xuống gia đình ông bà địa chủ mà anh hằng nhớ ơn, anh trở về xã đó xem cô con gái của họ sinh sống ra sao, vì trước kia anh cũng biết mặt cô ta. Lúc gần tới nơi, may sao anh gặp cô ta áo quần rách mướp, mặt mày lem luốc, đang lom khom tìm lượm vài củ khoai mà dân bỏ sót nhét vào túi áo, rồi chùi vội một củ vào quần đưa lên miệng gặm. Anh quá xúc động, nước mắt muốn ứa ra. Anh lại gần hỏi thăm và được cô ta kể lại rành rọt hôm cha mẹ cô bị đấu tố chết ra sao. Cô ta khóc mếu nói rằng gặp ai cũng bị xua đuổi; hàng ngày cô phải đi mót khoai ăn đỡ đói lòng, tối về ngủ trong cái miếu hoang; cô rất đói khổ lo lắng, không biết ngày mai còn sống hay sẽ chết vì đói khát!

Anh nghe mà lấy làm thương tâm quá, trong lòng vô cùng xúc động. Anh bèn đem cô ta về quê của anh, rồi bất chấp lệnh cấm, anh đã lấy cô ta làm vợ. Cho đến ngày nay, bà ấy đã cho anh mười người con ngoan. Khi xưa, quê anh nghèo, nhà anh cũng nghèo, anh lại còn ở trong bộ đội nên không có tiền. Nhưng hai vợ chồng cố gắng chịu đựng đùm bọc nhau bữa đói bữa no.

Sau khi lấy vợ, anh trở lại đơn vị làm đơn xin bỏ ngũ và trả lại thẻ đảng, rồi về quê luôn không chờ cấp trên có chấp thuận cho anh giải ngũ hay không. Được một năm, vợ anh sinh cho anh một cháu trai rất kháu khỉnh.

Năm 1954 Việt Minh thắng thực dân Pháp. Cuối năm đó, nhà nước bảo Tố Hữu đặt Nguyễn Đình Thi là một văn nô làm chủ tịch hội

nhà văn miền Bắc Cộng sản, quy tụ hết nhà văn vào hội. Anh ở dưới quê nhưng Nguyễn Đình Thi cho mời anh lên Hà Nội nhận chức tổng thư ký Hội Nhà văn Bắc Việt. Anh thương vợ con cả năm sống ở nhà quê với mảnh vườn ba trăm thước, nên bàn với vợ anh: "Nhân dịp Hội Nhà văn mời cộng tác, vợ chồng mình lên đó có lương và tiêu chuẩn gạo cũng đỡ khổ hơn là ở quê nhà." Thế là hai vợ chồng thu xếp lên Hà Nội ngay. Anh thi hành chức vụ tổng thư ký, được cấp một căn nhà nhỏ, được lĩnh gạo cho hai vợ chồng và hai đứa con trai. Hàng tháng, anh còn lĩnh số lương khiêm tốn để mua thức ăn.

Sau ít tháng, Tố Hữu ra lệnh cho Nguyễn Đình Thi tổ chức Đại hội Nhà văn toàn thể miền Bắc quy tụ tất cả anh chị em văn nghệ dân sự cũng như quân sự. Tất cả mọi người kéo về Hà Nội họp mặt đầy đủ, ai nấy hồ hởi lắm.

Hội Nhà văn mời hết khách quý trong các ngoại giao đoàn. Anh được chọn làm thư ký ngày Đại hội. Cán bộ đảng và nhân viên chính quyền tới tham dự, có Hồ chủ tịch ra đọc diễn văn khai mạc cho long trọng. Trong bài diễn văn, ông Hồ chú trọng nhất đến trách nhiệm nặng nề của nhà văn lúc đó và vạch ra đường hướng cho anh chị em nhà văn đi theo. Tựu trung, ông muốn đưa ra một chỉ thị...

Nghe anh Hữu Loan kể đến đây, một ý nghĩ nảy ra trong đầu, tôi vội giơ tay ngăn anh lại, rồi ôn tồn nói: "Xin anh vui lòng kể chi tiết buổi khai mạc Đại hội nhà văn có ông Hồ chủ tọa".

Anh Hữu Loan bóp trán, rồi chậm rãi nói :

- Lúc ông Hồ ra đọc diễn văn khai mạc, ông cúi chào và cám ơn các quan khách, cán bộ đảng cùng nhân viên chính quyền, và các văn nghệ sĩ (mà ông gọi bằng "các chú"). Đọc xong diễn văn, ông nói thêm: "Các chú văn nghệ sĩ hãy nghiêm túc học tập để hoàn thành nhiệm vụ cao cả của mình." Đoạn ông hỏi: "Ai có ý kiến gì thì cứ mạnh dạn góp lời để bổ túc thêm. Tôi rất hoan nghênh."

Trong số anh em nghệ sĩ đi họp hôm đó có nhiều vị thuộc loại nhà văn tiền chiến nhiều tuổi hơn hoặc bằng tuổi ông Hồ. Thế mà ông ta cứ ngang nhiên gọi tất cả là "các chú". Điều này làm anh nổi tự ái và nóng mắt. Anh liền giơ tay lên xin góp ý. Ông Hồ thấy anh xung phong liền đi lại bắt tay anh cười thân mật nói: "Chú có ý kiến gì đóng góp, cứ tự nhiên phát biểu để mọi người cùng nghe." Anh khoanh tay lễ phép cúi đầu: "Dạ thưa Chủ tịch kính mến của dân tộc Việt Nam, tôi được Chủ tịch cho phép đóng góp ý kiến, do vậy tôi xin mạo muội đưa ra một đề nghị nho nhỏ thô sơ, nếu có gì sơ suất thất thố xin Chủ tịch rộng lòng tha thứ cho" – "Không sao. Chú cứ tự nhiên góp ý." Già Hồ nói.

"Kính thưa Chủ tịch kính mến, tôi thật là vui sướng được chỉ định làm thư ký trong những ngày Đại hội Văn nghệ toàn quốc lần thứ nhất.

Đại hội này là biến cố trọng đại sẽ được ghi vào lịch sử đồng thời cũng là niềm hãnh diện cho tất cả anh chị em văn nghệ sĩ khắp nơi được về thủ đô hội họp gặp mặt cùng nhau học tập chuẩn bị cho hướng đi ngày mai như lời dạy bảo của Chủ tịch nói trong bài diễn văn khai mạc. Vinh dự lớn lao cho anh chị em văn nghệ sĩ là được Chủ tịch anh minh kính mến làm chủ tịch danh dự của ngày Đại hội cũng như đọc diễn văn khai mạc trước các quan khách ngoại giao đoàn, các cấp lãnh đạo đảng và nhà nước ta mới độc lập và có chủ quyền. Để Chủ tịch giữ trọn vẹn cương vị và tư thế của một vị lãnh đạo anh minh có công đuổi được thực dân Pháp giành độc lập cho quốc gia, tôi xin phép Chủ tịch góp một ý kiến thô thiển là xin Chủ tịch hãy gọi các văn nghệ sĩ là "anh chị em văn nghệ sĩ" thay vì "các chú văn nghệ sĩ". Bởi vì đây là ngày trọng đại có đủ quan khách quý hóa chứ không phải là một buổi họp tọa đàm thân mật của văn nghệ sĩ. Nếu ở trong buổi họp thân mật mà Chủ tịch gọi chúng tôi là "các chú" văn nghệ sĩ thì anh chị em sẽ vui lắm vì đó là lời thân mật của gia đình văn nghệ."

Nói xong, anh lễ phép cúi đầu chào Chủ tịch và các quan khách cùng văn nghệ sĩ ngồi dưới. Anh nghe có một vài tiếng vỗ tay. Liền đó, ông Hồ tiến lại bắt tay rồi ôm lấy anh với nụ cười rất xã giao của nhà chính trị. Ông nói: "Tôi thành thật khen chú đã góp ý hay cho tôi. Tôi xin ghi nhận." Nói xong, để tỏ ra mình là người trên biết ghi nhận lời kẻ dưới, ông Hồ quay lại nói với văn nghệ sĩ cùng quan khách bên dưới: "Kính thưa văn nghệ sĩ, tôi xin thành thật ngợi khen lời góp ý của nhà thơ Hữu Loan, và bây giờ xin anh em ai có ý kiến gì hay cứ việc mạnh dạn lên đây phát biểu. Chúng ta là văn nghệ sĩ cần phải nói thẳng nói thật để sáng tác phục vụ cho nhân dân."

Anh đi xuống bàn thư ký. Khi bước ngang qua hàng ghế đầu, anh liếc nhìn thấy Tố Hữu và Ng. Đình Thi mặt lạnh như tiền, hai cặp mắt nhìn anh không một tí thiện cảm. Anh biết hai ông thầy của anh rất ghét và tức anh, nhưng anh làm lơ về chỗ ngồi tiếp tục nhiệm vụ của mình.

Tiếp theo đó, là phần thảo luận các đề tài trong bài diễn văn của ông Hồ nêu ra. Đến mười hai giờ, mọi người nghỉ đi ăn, chờ buổi chiều bàn tiếp. Anh cũng rời chỗ đi ăn cơm. Khi ra phòng ngoài, nhiều bạn bè xúm lại bắt tay anh ôm anh và tỏ lời khen ngợi anh can đảm nêu ý kiến rất hay. Tuy nhiên, một số đông nhìn anh bằng cặp mắt không những tỏ ra thiếu thiện cảm mà còn khinh khi nữa. Trong số bạn bè yêu mến và ca ngợi anh, có một anh bạn vỗ vai anh bảo nhỏ: "Cậu hay lắm! Nhưng hãy giữ mình thận trọng đó!"

Có những chuyện khác ông đội Bối chưa kể

Nguyễn Trọng Tân 6-1-2007

http://www.talawas.org

Nhà văn Tô Hoài sinh năm 1920, cùng tuổi với bố tôi. Thời kỳ Cải cách Ruộng đất, nhà văn Tô Hoài, ông đội Tô Hoài đã 33–34; cái tuổi từng trải, cái tuổi ở đỉnh thăng hoa của sức lực, trí tuệ. Là đội phó đội cải cách, chánh tòa án đội Cải cách Ruộng đất, nhà văn Tô Hoài viết *Ba người khác* trong thế thượng phong của người trong cuộc, kể những điều trong ký ức, những sự thật lịch sử về một thời kỳ "đặc biệt" trong tiến trình cách mạng Việt Nam – mà lâu nay chẳng ai cấm mà vẫn như cấm viết, cấm nói về nó – thời kỳ tiến hành công cuộc Cải cách Ruộng đất đầy hùng hổ, ngây thơ và cũng để lại bao nhiêu oan nghiệt, kinh hoàng cho nhiều vùng nông thôn miền Bắc VN. Song dường như chưa có một tác phẩm văn học nào nói đích về nó. *Ba người khác* đã làm việc này. Ở đây tôi thực sự cảm phục cách lựa chọn chi tiết, dẫn dụ câu chuyện làm cho người đọc cảm nhận những câu chuyện cũ một cách đầy mới mẻ, hứng khởi. *Ba người khác* hấp dẫn, mông lung, lãng mạn, tò mò, khám phá... nó là tiểu thuyết, nó là hồi ký và nó cũng là sử ký.

Có thể người khác không đồng ý với nỗi hân hoan quá đỗi của tôi, nhưng thực lòng tôi ngốn ngấu nó trong bốn giờ liên tục với một tâm trạng bới tìm những lời giải về một thời mà chính tôi cũng là một thằng Vó thằng Cò con bác trưởng thôn Diệc trong *Ba người khác*. Một lũ trẻ ranh quần thủng đít, thò lò mũi xanh rồng rắn bám đít ông đội Bối đi xem đấu tố địa chủ.

Hôm nay, nhà văn Tô Hoài, ông đội Tô Hoài bước vào tuổi 87, thì tôi cũng bước vào tuổi 60, vẫn ôm trong lòng một mớ hiểu biết hổ lốn, những kỷ niệm đau buồn, uất ức của một đứa bé lên 7 tuổi bị vò cuốn trong cơn gió độc địa của Cải cách Ruộng đất ở quê tôi. 7 tuổi nhưng tôi phải khôn trước tuổi vì cuộc sống nghèo túng lam lũ. Tôi như tờ giấy trắng tinh bị Cải cách Ruộng đất hất một chậu mực đủ gam màu. Thậm chí 7 tuổi tôi đã biết phản ứng, yêu ghét, ngấm ngầm những điều sai đúng của người lớn. Với tôi đó là thời kỳ trái khoáy điêu hớt, nó xăm trổ vào ký ức, tình cảm tôi những điều méo mó không xóa đi được.

Bố tôi là đảng viên CS, chủ tịch lâm thời UB Hành chính Kháng chiến xã. Sau Kháng chiến toàn quốc, ông thoát ly thành bộ đội chủ lực

tham gia chiến dịch Điện Biên Phủ. Mẹ tôi một người đàn bà mù chữ, ở nhà làm ruộng nuôi con. Thằng em tôi ba tuổi lúc Cải cách, nó bé quá. Nhà tôi nghèo đến độ, trước đó giặc Pháp đốt làng, chỉ còn sót lại có một vì kèo. Phải gác nhờ cây cái móc vào vì kèo nhà bên cạnh mới lợp được hai mái rạ che nắng mưa. Mãi rồi bố tôi mới dựng được một túp nhà riêng giữa vườn chuối cho ba mẹ con trước khi ông đi thoát ly. Ngày Đội cải cách về, chẳng hiểu cơn cớ làm sao mẹ tôi bị quy là cường hào ác bá (dây mơ dễ má đâu là chỗ ông nội tôi từng làm chân lý trưởng. Ông tôi mất năm 1933, trước ngày Đội cải cách về đúng 20 năm. Đời bố tôi đã là 1 bần cố nghèo rớt mồng tơi, đi theo cách mạng).

Đang là con nít mải ăn mải chơi với trẻ con hàng xóm, lúc rủ nhau chui rào hái trộm ổi xanh, khi lang thang đúc dế ở chân đê, rồi đánh nhau lôi tên cái bố mẹ nhau ra mà chửi dọc đê làng... đùng một cái mẹ lôi hai anh em tôi xuống cái ổ rạ cạnh bếp vừa khóc vừa bảo (cái đũa bếp cháy vẹt một đầu đập đập theo tiếng thổn thức): "Bầm dặn thằng Tân từ hôm nay phải ngồi đóng gông ở nhà trông em. Không được đi chơi đi học nữa. Nếu gặp đám bạn con nhà hàng xóm thì phải khoanh tay chào bằng ông bà và xưng là con..."

Tôi phụng phịu phản ứng. Mẹ tôi giang tay tát một cái trời giáng vào mặt khiến hai mắt tôi nổ hoa cà hoa cải. Liền đấy bà ôm hai anh em tôi khóc như mưa như gió nói những điều mà tôi không hiểu: "Nhà ta từ nay là gia đình thành phần rồi con ơi..."

Mãi sau này tôi mới biết phần nào nỗi oan ức nhục nhã mà bà phải chịu. Cái tát vào mặt tôi cũng thể hiện sự cứng cỏi bà phải có để vượt qua những tháng ngày kinh khiếp và phi lý ấy. Mẹ tôi lấy bố tôi được hơn một năm thì nổ ra cướp chính quyền. Bố tôi hoạt động bí mật, thỉnh thoảng lại cùng các đồng chí của ông đem súng đạn, lựu đạn về cùng mẹ tôi chôn giấu xuống bên dưới các gốc chuối trong vườn nhà. Khi đủ chuyến các ông áp thuyền vào bến sông ngoài đê, đào vũ khí rồi chuyển lên chiến khu Vạn Thắng (vùng Hạ Hòa, Phú Thọ ngày nay). Chuyện lớn thế mà cứ kín nhẹm. Năm 1945 giặc Nhật chiếm làng tôi. Chúng bắt dân ra sân đình, thằng quan Nhật giơ cao thanh kiếm bảo là kiếm thần, chỉ cần cắm xuống đất nhà ai sẽ biết có chôn giấu vũ khí hay không. Ai có vũ khí đem nộp được thưởng. Ai cố tình chôn giấu, chúng sẽ chém cả nhà. Mẹ tôi thao thức trắng hai đêm. Chuyện kiếm thần khiến bà lo lắng bồn chồn. Chồng không thấy về. Ngoài vườn vẫn còn mấy hố đạn chưa đem đi hết. Đêm thứ ba bà lẳng lặng trở dậy, đào từng hố cho vào đôi thùng gánh nước bằng gỗ đem ra sông đổ. May thế nào mới đổ được hai chuyến thì bố tôi về. Ông nhào xuống sông mò lại và đem hết số vũ khí trong vườn đi. Mẹ tôi bảo, nhìn đứa con đỏ hỏn – ấy là anh cả tôi nhưng sau này không nuôi được – nghĩ đến lời

thằng sĩ quan Nhật bà chẳng biết phải làm thế nào. Thôi gà mái giữ lấy cái ổ đã. Chuyện ấy may mà sau này Đội cải cách không biết.

Là cường hào ác bá nhưng nhà tôi chẳng đủ gạo ăn. Đã thế còn lại cấm quan hệ với anh em, họ hàng chòm xóm. Đó là nỗi nhục, nỗi uất lớn nhất của mẹ tôi. Bữa cơm chỉ có sắn khô meo mốc luộc lên nhai, nhiều bữa ăn cháo củ chuối... Đêm nào mẹ tôi cũng giật mình thon thót khi bước chân tuần tra của dân quân nện phía ngoài hàng rào. Nhưng cũng có những tiếng động làm giật mình mà bà chờ đợi. Ấy là bà ngoại tôi, các dì tôi biết ba mẹ con tôi đói nên thỉnh thoảng lại gói khoai lang, bắp ngô, túm gạo... nhằm lúc không có người ném bụp vào trong vườn. Bần cố nông cứ tiếp tế lương thực cho cường hào mấy tháng liền mà không ai biết.

Với tôi ngoài nỗi khổ của mẹ, có lẽ in đậm nhất là trò đám cán bộ Đội cải cách nghĩ ra để phá hoại nhà tôi. Ngoài mấy thước ruộng trồng lúa, nhà tôi còn có một cây hồng không hạt rất ngon, giống hồng Hạc Trì. Cây hồng cổ thụ xum xuê che rợp bóng xuống cả đoạn đê trước nhà. Mùa quả mẹ tôi hái, ngâm vào một dãy nồi đình. Khi ăn được bà đem cho hàng xóm mỗi nhà vài quả, còn thì gánh sang chợ Nhông bên Trung Hà bán. Nhìn trước ngó sau thấy gia đình tôi không có cái gì đáng giá để tịch thu, chia quả thực, cán bộ Th., một tên lưu manh mạt hạng, chuyên sờ sẩm quả trứng buồng chuối của xóm giềng được Đội cải cách xâu chuỗi thành rễ cốt cán nghĩ ra trò rất ma bùn. Hắn làm hai cái cán cờ thật dài, cho hai tay dân quân cầm đi đầu đoàn mít tinh, đến ngang cây hồng nhà tôi hắn giơ thật cao. Cành hồng nào chạm vào cờ cách mạng hắn hô dân quân lên chặt. Cây hồng quý duy nhất của làng tôi bị chém xơ xác và năm đó nó chết. Bao nhiêu người tìm cách chiết cành, ươm rễ nhưng đều không sống được. Cũng hôm ấy, thấy người đi mít-tinh vui quá, hùng dũng quá, tôi quên thân phận mình, quên lời mẹ dặn, chui rào trốn ra cùng đám bạn bám quanh cán cờ. Mắt tôi cũng long lanh kích động, cũng nắm tay thụi ngược miệng hô: "Đả đảo bọn địa chủ cường hào ác bá"; "Đào tận củ trốc tận rễ bọn trí phú địa hào...". Chợt rễ Th. nhìn thấy tôi. Hắn túm gáy, bẹo tai tôi vặn ngược, lôi xềnh xệch ra mép đê, đạp một cú chí mạng vào ngực tôi miệng chửi: "Đ. mẹ thằng cường hào con. Ai cho mày mó vào cờ cách mạng hả". Tôi lộn mấy vòng xuống chân đê, trong lòng vừa hoảng sợ vừa uất ức cực độ. Từ hôm ấy tôi cũng công khai chửi vào mặt bọn con nhà nông dân: "Ông đút b... vào chơi với chúng bay nữa. Ông chỉ chơi với thằng Vựng thằng Khàng thôi". Thằng Vựng con nhà phú nông, thằng Khàng con nhà địa chủ... Đám cường hào, địa chủ con chúng tôi đành tha thẩn chơi với nhau.

Nói cho cùng thì làng tôi bé teo heo, chỉ biết sống bằng nghề trồng lúa, chẳng có ai đáng mặt để gọi là địa chủ giàu có. Đội cải cách về thấy bảo tìm mãi mới được vài nhà dư dật hơn, ngày xưa ông cha có dính dấp tí hàm sắc, đôn lên làm thành phần bóc lột. Không có địa chủ nào đáng bị bắn. Chỉ có hai địa chủ bị đem ra đấu tố giữa chợ, tôi nhớ rất lâu chuyện bà địa chủ Oanh, chính thằng cháu khốn nạn lên xỉa xói, nhổ nước bọt vào mặt bà, giật dứt cái mấm vàng trên tai bà và vu những chuyện không đâu. Còn lại vài nhà bị gọi là cường hào, phú nông như mẹ tôi hình như cho đủ tiêu chuẩn quy định. Các cụ trong làng tôi bây giờ vẫn kể cái cảnh quy địa chủ mà cứ như trò đùa. Đội cải cách tập hợp người lại bảo đấu tố, kể khổ truy bức. Có bà Tý toét ở thôn Cao bị quy địa chủ. Nghe thấy tên mình bà ta còn đứng dậy cám ơn rồi từ chối: "Nhà cháu một chữ cắn đôi không biết, lại neo lắm, cháu không làm địa chủ được đâu, cháu xin nhường anh thêm Cửu..." Đại loại cách hiểu về địa chủ cường hào vùng tôi là thế. Đội Cải cách Ruộng đất về làng như một cơn gió độc, cuốn lộn tùng phèo mấy chục nóc nhà giống như mấy chục cái đụn rạ của thôn tôi lên. Mãi sau này khi trưởng thành, tôi mới thấy sự tác hại ghê gớm của nó còn di họa đến tận ngày nay, đó là sự phá vỡ cái kết cấu chặt chẽ của nông thôn Việt Nam, những mối quan hệ tốt đẹp, tương thân tương ái, hợp lý hợp tình của mỗi quần thể sống, như người xưa vẫn dạy: xóm giềng "sớm lửa tối đèn" có nhau. Nguy hại hơn nó còn phá vỡ nếp sống tốt đẹp tôn ti trật tự có trên có dưới, cái hạt nhân làm nên tinh hoa văn hóa của mỗi dân tộc, đó là gia đình, cũng như triệt hạ không ít những con người tinh hoa nhất, giỏi giang nhất trong mỗi làng xóm. Và cũng chỉ từ Cải cách Ruộng đất các cụ bảo mới có chuyện con cháu hỗn hào với ông bà cha mẹ, mới có chuyện con chửi cha, vợ lộn chồng như thế.

Rồi cũng sửa sai. Mẹ tôi xuống hàng bần nông. Cái hôm được "giáng chức" ấy, bà lại khóc một trận tơi bời. Khóc như rũ đi cái gánh đời ô nhục vơ với quàng vào cổ bà. Chẳng bóc lột ai, chẳng ân oán với ai nên mối quan hệ cũ cũng bình tâm trở lại. Chỉ có tôi là vẫn ngang bướng. Tôi nhìn đám con cái nông dân với ánh mắt khinh bạc. Tôi tìm đủ cớ để gây sự với chúng. Bố tôi nhận ra sự tổn thương trong tình cảm của tôi, sự méo mó trong tuổi thơ tôi nên ông đưa tôi về sống ở Hà Nội để cắt đứt với những ám ảnh cũ. Lúc ấy ông đang được giao phụ trách các rạp chiếu bóng Hà Nội của chi nhánh điện ảnh I, chỗ ở chính là 59 phố Cửa Nam, ngay trong rạp chiếu bóng Kinh Đô. Tôi bắt đầu đi học lớp 1 ở trường Lý Thường Kiệt, phố Sinh Từ. Hôm nhập học, bố mẹ tôi cùng đưa đi, tôi chưa quen đi dép, cứ chân đất tôi chen lấn làm dạt đám cậu ấm cô chiêu thơm tho Hà Nội để leo lên ban công tầng hai,

ngang với ngọn cây xoan ở quê. Tôi thò đầu ra vẫy tay, rối rít gọi toáng lên: “Bầm ơi. Em ở đây mà!”

Cái khăn mỏ quạ của bầm tôi ngúc ngoắc lo tôi ngã. Còn ánh mắt ngạc nhiên và khinh bỉ của đám học trò Hà Nội cũng không làm tôi bớt vui vì một mảng cuộc đời khác đã đến sau những ngày Cải cách Ruộng đất đầy tối tăm.

Cho đến tận bây giờ tôi chỉ hiểu Cải cách Ruộng đất một cách lõm bõm, thật hư, đậm nhạt như thế. *Ba người khác* giống như một bộ phim có đầu có cuối giúp tôi giải nghĩa, lắp ghép, xâu chuỗi những mảng còn thiếu, những chỗ đứt đoạn, mờ ảo trong cái ký ức còn quá non dại thời ấy. Háo hức tìm đọc *Ba người khác* như tìm lại hình bóng của chính mình, những câu chuyện, hoàn cảnh giống gia đình mình. Thì ra ở đâu cũng vậy, cũng có chuyện nhốn nháo, hàm oan, cũng đĩ bợm, khốn nạn.

Còn cánh cán bộ đội, những chuỗi, rễ cơ hội lưu manh ở thôn tôi sau này cũng không thấy ai thành người tử tế. Riêng tay đội Xuấn gian ác nhất, người già làng tôi vẫn kể rằng vào một đêm tối trời hắn bị ai đó giết chết treo lên cành gạo cạnh ủy ban xã. Hạ bộ bị cắt, cái của quý nhét vào miệng. Chẳng biết đúng sai đến đâu nhưng rất nhiều thôn khác trong xã cũng nhận hắn là ông Đội của thôn mình – tôi đã lấy những chi tiết này đưa vào truyện ngắn "Trang gia phả viết bằng vôi" – còn bao nhiêu điều nữa người làng đồn thổi về các ông đội Cải cách Ruộng đất, tất cả đều kèm theo tiếng thở dài, ai oán.

Nguồn: *Phát biểu tại Tọa đàm về tiểu thuyết Ba Người Khác của nhà văn Tô Hoài do Hội Nhà văn Hà Nội tổ chức ngày 22-12-2006*

III- DƯỚI MẮT NHỮNG KẺ CHỦ XƯỚNG VÀ THI HÀNH

Nhận xét về Cải cách Ruộng đất đợt 5

Hồ Viết Thắng

http://www.talawas.org

Đợt 5 Cải cách Ruộng đất là đợt to nhất từ trước tới nay. Xét về nhiệm vụ và tác dụng của nó, thì như Trung ương Đảng và Chính phủ (CP) đã nhận định, nó là chiến dịch Điện Biên Phủ chống phong kiến ở miền Bắc. Đối chiếu với các đợt trước, có thể nói đợt này rộng lớn hơn những đợt ấy gộp lại.

Đợt 5 bao trùm một vùng rộng lớn, phức tạp và quan trọng: hầu khắp đồng bằng miền Bắc, gần suốt bờ biển, quanh các thành phố lớn, dọc các đường giao thông chính, khu giới tuyến tạm thời, các vùng tập trung đồng bào công giáo, một vài nơi (thuộc Liên khu 4) có cả đồng bào dân tộc thiểu số. Vùng Cải cách Ruộng đất đợt 5 phần lớn lại là vùng trước bị địch chiếm.

Mặt khác, đợt này làm trong những điều kiện chính trị phức tạp và khẩn trương. Đế quốc Mỹ và tay sai của chúng thì tăng cường khủng bố ở miền Nam đồng thời tìm mọi cách phá hoại công cuộc Cải cách Ruộng đất và khôi phục kinh tế, phát triển văn hóa của nước ta ở miền Bắc, hòng ngăn cản việc thống nhất nước ta. Còn ta thì phải xúc tiến thực hiện kế hoạch Nhà nước năm 1956, củng cố quốc phòng, gìn giữ an ninh nhằm củng cố miền Bắc, tranh thủ miền Nam, giữ vững hòa bình và tiến lên thống nhất nước nhà.

Sau hơn 5 tháng tiến hành đấu tranh khẩn trương và gian khổ, chúng ta có thể nó rằng Cải cách Ruộng đất đợt 5 đã giành được thắng lợi to lớn và căn bản, đồng thời cũng đã phạm những sai lầm và thiếu sót nghiêm trọng.

Bảng đối chiếu các đợt Cải cách Ruộng đất

	Đợt thí điểm	Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3	Đợt 4	Đợt 5 [1]	So sánh đợt 5 với các đợt trước
Số xã CCRĐ	6	53	210	466	859	1.732	+8,6%
Số nhân khẩu	10.792	109.675	480.563	1.207.294	2.564.105	6.140.127	+40,4%
Tịch thu, trưng thu, trưng mua							
Ruộng đất (éc-ta)	939,4	10.664	32.939,5	86.738,7	183.858,8	376.722	+19,54%
Trâu bò (con)	352	2.628	9.152	18.958	32.860	40.716	-36,3%
Nông cụ (cái)	1.062	5.067	69.335	176.691	457.591	1.138.478	+60,4%
Lương thực (kilô)	26.479	150.392	2.538.930	2.833.480	6.555.300	9.717.370	-18,06%
Chỉnh đốn tổ chức							
Số hội viên nông hội	38.919	38.909	179.796	543.967	866.021	2.238.916	+37,4%

[1] Về phần tịch thu, trưng thu, trưng mua và chỉnh đốn tổ chức, chưa tính kết quả của Khu Hồng Quảng.

Thắng lợi to lớn và căn bản

Trong thời gian qua, ta đã phát động được một phong trào nông dân mạnh mẽ. Hơn 6 triệu nông dân lao động, tức là non nửa dân số miền Bắc, đã thoát cảnh lầm than, họ đã giành lại được ruộng đất, đã vươn mình, đã thật sự làm chủ nông thôn. Dinh lũy cuối cùng, kiên cố nhất của thế lực phong kiến ở miền Bắc, một chỗ dựa của đế quốc Mỹ và của bọn phản động miền Nam, đã bị đập tan. Quan hệ sản xuất phong kiến trước đây ràng buộc nông thôn miền Bắc đã bị phá bỏ, mở đường cho nông thôn ta tiến lên. Giải phóng một lực lượng lao động và cách mạng to lớn như vậy, đánh đổ một thế lực hủ bại và phản động như vậy, thật là một thắng lợi to lớn!

Tuy sai lầm và thiếu sót trong đợt 5 thật nghiêm trọng, nó đã hạn chế khá nhiều tác dụng của những thắng lợi đã giành được, nhưng nó không thể phủ nhận thắng lợi ấy. Chúng ta hãy xét về các mặt.

Trong đợt 5, phát động quần chúng nông dân được như thế nào? Đợt này, do ảnh hưởng của những đợt trước, nói chung quần chúng đều thiết tha mong đợi CCRĐ. Khổ nhiều, thù sâu, họ đòi hỏi đánh đổ bọn địa chủ và bọn phá hoại đã bóc lột và đàn áp họ. Họ muốn có ruộng và khao khát tự do. Nhưng đồng thời họ cũng có rất nhiều lo lắng. Sau bao nhiêu năm chiến tranh tàn phá, nay lại bị thiên tai liên tiếp và những sự phá hoại của địch, đời sống của họ còn nhiều khó khăn chật vật, họ rất lo về sinh kế trước mắt. Đối với các chính sách của Đảng và CP, vì không phổ biến sâu rộng trong nhân dân và vì địch cố xuyên tạc phá hoại, nên quần chúng cũng có nhiều thắc mắc. Đồng bào Công giáo thì lo "mất cha, mất đạo". Người trước đi ngụy quân, làm ngụy quyền, hoặc có tên trong các tổ chức khác của địch, thì sợ bị trừng trị. Nhà có người đi Nam sợ "bị liên lụy". Rất nhiều người sợ bị "liên quan" với địa chủ, đế quốc và phản động. Địch lại ra sức uy hiếp và mua chuộc, do đó trong quần chúng có nhiều người sợ địch. Trong tình hình ấy, làm thế nào phát động được tư tưởng của quần chúng, khiến họ tự nguyện, tự giác tổ chức nhau lại, vùng lên đấu tranh kiên quyết, đó là một khó khăn lớn mà ta đã khắc phục được. Đương nhiên, trong đợt này còn nhiều người chưa được phát động đầy đủ; có lúc, do địch phá và do ta làm sai, nhiều nơi quần chúng đã hoang mang, kém đoàn kết. Nhưng nói chung quần chúng nông dân đã thật sự vươn mình mạnh mẽ.

Về mặt đánh đổ giai cấp địa chủ và trừng trị bọn phá hoại hiện hành, ta cũng thu được những thành tích đáng kể. Khi mở đầu đợt 5, ở hầu hết địa bàn của đợt, thế lực giai cấp địa chủ còn khá mạnh. Nhất là ở 640 xã chưa qua giảm tô, uy quyền của chúng chưa hề bị đả kích.

Trong chiến tranh, chúng đã giết, cướp, phá và bóc lột nông dân vô cùng tàn khốc. Có những tên như Nguyễn Đức Chiêm (Thái Bình) đã tự tay giết, bố trí giết và làm bị thương 98 người, tên Nguyễn Văn Đức (Thái Bình) chiếm hữu ruộng đất trên phạm vi 17 xã thuộc 4 huyện. Đến Cải cách Ruộng đất, chúng càng ráo riết phá hoại. Phá hoại của chúng phần nhiều đều có chuẩn bị, có tổ chức. Tính chất trắng trợn và thâm hiểm cũng nặng hơn các đợt trước: giết người, đốt nhà, phá của, bố trí tay chân, giả tạo tổ chức, bày đặt vụ án, tuyên truyền xuyên tạc, lôi kéo nông dân vào vòng tội ác, v.v… Đợt này, cán bộ ta bị hy sinh đến 18 đồng chí. Trong tình hình ấy, tìm ra và đánh đổ được giai cấp địa chủ, và trừng trị được bọn phá hoại hiện hành, cũng là một khó khăn lớn mà ta đã khắc phục được. Trong đợt này cũng còn để lọt một số địa chủ; có nơi quy sai một số người thành địa chủ; việc phân hóa giai cấp địa chủ ở một số nơi không được chú trọng. Nhưng nói chung, giai cấp địa chủ đã bị vạch mặt, uy thế của chúng đã bị đập tan. Bọn cường hào gian ác và bọn đầu sỏ phá hoại hiện hành bị trừng trị đích đáng.

Trên cơ sở phát động quần chúng, đánh đổ địa chủ, trừng trị bọn phá hoại hiện hành, các việc chia ruộng đất, thực hiện kế hoạch Nhà nước, chỉnh đốn tổ chức đã được xúc tiến.

Quyền chiếm hữu ruộng đất phong kiến bị xóa bỏ vĩnh viễn. Khẩu hiệu "người cày có ruộng" của Đảng được thực hiện. 376.722 éc-ta ruộng đất (tức là 45% tổng số ruộng đất của vùng Cải cách Ruộng đất đợt 5), 40.716 con trâu bò, 1.138.478 nông cụ và 9.717 tấn lương thực của giai cấp địa chủ đã đem chia cho 1.325.019 hộ gồm 4.619.165 nhân khẩu nông dân và lao động khác (82,7% tổng số nhân khẩu nông dân lao động). Yêu cầu thiết tha nhất của nông dân đã được thỏa mãn. Ví dụ: ở Tả ngạn, mỗi cố nông đã có 4 sào, mỗi bần nông 4 sào 2 thước trong khi mỗi trung nông có 4 sào 12 thước. Những bần cố nông trước đây không tấc đất cắm dùi hoặc thiếu ruộng, quanh năm lĩnh canh, cày thuê cuốc mướn, sống lam lũ tối tăm, luôn luôn bị đói rét, nợ nần, roi vọt và chết chóc đe dọa, ngày nay đã nghiễm nhiên trở thành chủ nhân chính đáng của đồng ruộng. Họ bắt đầu bước vào cuộc đời mới.

Do nông dân (ND) và đồng ruộng được giải phóng, trong nông nghiệp ta đã có một lực lượng sản xuất to lớn. Vựa thóc của đồng bằng miền Bắc bắt đầu có điều kiện căn bản để khôi phục và phát triển mạnh mẽ. Dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chính phủ, kết hợp với đợt 5 Cải cách Ruộng đất, kế hoạch Nhà nước được tích cực thực hiện. Tuy bận đấu tranh và phong trào gặp nhiều khó khăn, nông dân vùng Cải cách Ruộng đất đợt này đã ra sức chống hạn, cứu bão, sửa mặn, tháo úng. Riêng ở địa phương thuộc vùng công tác của 29 đoàn (trong số 32

đoàn), đã cấy chiêm vượt mức kế hoạch 2,18%, ngô vượt 3,92%, khoai vượt 68,80%. Ở Tả ngạn, chiêm vượt 2,95% về diện tích và lúa tốt hơn tất cả mọi vụ trước. Ở vùng Cải cách Ruộng đất đợt 5 thuộc Liên khu 3, lúa chiêm vượt 4% về diện tích và 7% về thu hoạch. Phong trào bình dân học vụ cũng lên mạnh. 14 đoàn đã mở 8.036 lớp sơ cấp gồm 130.148 người học, 4.032 lớp dự bị với 66.817 người.

Về chỉnh đốn tổ chức, đã phạm nhiều sai lầm nghiêm trọng. Một số khá đông cán bộ và đảng viên bị xử trí oan hoặc quá nặng, tác dụng giáo dục trong công tác chỉnh đốn tổ chức bị hạn chế, do đó ảnh hưởng đến sự đoàn kết trong Đảng và sự liên hệ giữa Đảng với quần chúng, làm tổn thương một phần lực lượng cách mạng ở nông thôn. Nhưng cũng cần nhận rõ là cơ sở tổ chức của Đảng, chính quyền, nông hội ở xã căn bản đã được trong sạch, được bổ sung bằng những người tốt mới nảy ra trong phong trào; ở những nơi chưa có cơ sở hoặc có cơ sở hoặc có nhưng bị địch phá trong thời kỳ bị chiếm, chúng ta đã lập lại cơ sở mới. Trước đây, kể cả những nơi đã qua giảm tô, tình hình các tổ chức cơ sở của ta ở xã nói chung là phức tạp, nhiều nơi lại phức tạp nghiêm trọng, ở vùng trước bị chiếm nói chung thì phức tạp hơn vùng tự do cũ. Nhưng bây giờ ủy ban hành chính, công an, du kích đã được chấn chỉnh trong sạch hơn trước. Hơn 38% nông dân lao động đã được tổ chức vào Nông hội. Miền biển có Hội những người đánh cá. Các chi bộ Đảng cũng có thanh trừ được những phần tử bóc lột và một số phản động trá hình lén lút vào trong Đảng, kết nạp thêm được 15.019 đảng viên nông dân tốt. 100 chi bộ mới được xây dựng ở những vùng cơ sở trắng. Tóm lại, ND lao động đã thật sự nắm lấy các tổ chức của mình, nền chuyên chính dân chủ nhân dân ở xã đã được bước đầu củng cố, vai trò của bần cố nông ở nông thôn đã bước đầu được xác định.

Xét các mặt trên, chúng ta có thể khẳng định rằng mặc dù có nhiều sai lầm, đợt 5 Cải cách Ruộng đất đất cũng đã tạo được những nhân tố tốt đảm bảo cho sự phát triển của nông thôn sau này. Với thời gian, do sự lãnh đạo của Đảng, những nhân tố đó sẽ có thể phát huy mạnh mẽ tác dụng của nó.

Những sai lầm, thiếu sót nghiêm trọng

Thắng lợi của đợt 5 cải cách ruộng đất sẽ rất to lớn nếu không có những sai lầm thiếu sót nghiêm trọng đáng tiếc. Khuyết điểm căn bản của đợt này là anh chị em cán bộ, trước hết là các cán bộ lãnh đạo, không đánh giá đúng tình hình nước ta và địch, không nắm vững phương châm chính sách của Đảng ở nông thôn trong cải cách ruộng đất. Về phát động quần chúng, phổ biến là không làm đúng đường lối của Đảng ở nông thôn, đoàn kết chặt chẽ với trung nông, liên hiệp với

phú nông, do đó đã ảnh hưởng không tốt đến việc xây dựng mặt trận chống phong kiến rộng rãi ở nông thôn.

Đối với giai cấp địa chủ, có khi thiếu phân biệt, không chiếu cố đúng mức những người đáng chiếu cố, kém phân hóa cao độ hàng ngũ của chúng trong khi cần cô lập và đánh mạnh vào bọn cường hào gian ác. Về trấn áp bọn phá hoại hiện hành, thì ta đã kiên quyết trừng trị bọn đầu sỏ, nhưng ít phân biệt trong khi xử lý những tay chân của chúng, có lúc lẫn lộn những người lầm đường hoặc bị cưỡng bức theo địch với bọn cố ý, nên trong thực tế đã coi thường việc tranh thủ giáo dục những người cần tranh thủ giáo dục, làm cho diện xử trí quá rộng, gây tình trạng căng thẳng ở nông thôn.

Về chỉnh đốn tổ chức thì không nắm vững phương châm kiên quyết và thận trọng, thành kiến với tổ chức cũ và đảng viên cũ, không những không dựa và bồi dưỡng người tốt, thậm chí còn đả kích cả một số người tốt; coi nhẹ việc tranh thủ và giáo dục người kém, cho nên xử trí quá nặng, có khi oan uổng; đối với những phần tử xấu, tuy thái độ kiên quyết, nhưng lại thiếu tranh thủ cải tạo.

Tóm lại, không thấu suốt phương châm đoàn kết mọi lực lượng có thể đoàn kết, tranh thủ mọi lực lượng có thể tranh thủ, trung lập mọi lực lượng có thể trung lập. Nhiều lúc ta đã làm trái hẳn lại phương châm chính sách của Đảng, do đó đã mắc những sai lầm nghiêm trọng, rõ rệt nhất là trong việc đánh địch và chỉnh đốn tổ chức. Có thể nói là có những lúc ta đã thoát ly quần chúng, thậm chí còn đả kích nhằm vào nông dân, đảng viên và cán bộ tốt nữa. Những tổn thất ấy thật là thấm thía cho chúng ta.

Trong một thời gian, những sai lầm trên đây đã có tính chất phổ biến trong đợt 5. Cũng có những sai lầm đã bắt đầu nảy ra từ các đợt giảm tô và CCRĐ trước đây. Sai lầm đã làm giảm bớt khá nhiều thắng lợi của phong trào quần chúng. Những sai lầm đó đã bắt đầu được sửa chữa từ 3 tháng nay và hiện đang được tiếp tục sửa chữa.

Nguồn gốc của những sai lầm rất phức tạp. Một phần do địch phá hoại kịch liệt. Một phần do lập trường và tư tưởng của cán bộ chưa vững, lại thiếu kinh nghiệm đánh địch. Nhưng chủ yếu là do sự lãnh đạo sai lầm và thiếu sót của Ủy ban Cải cách Ruộng đất trung ương.

Hội nghị các bí thư Đoàn ủy tháng 6 năm 1956 đã sơ kết đợt 5 và bước đầu kiểm điểm sự lãnh đạo trong phong trào phát động quần chúng giảm tô và Cải cách Ruộng đất nói chung. Hội nghị cán bộ tháng 7 năm 1956 lại kiểm điểm thêm về Cải cách Ruộng đất đợt này. Hiện nay, chúng ta có thể bước đầu rút ra một số kinh nghiệm về lãnh đạo Cải cách Ruộng đất để làm bài học từ nay về sau.

Chủ nghĩa Mác-Lênin là chân lý phổ biến, nhưng nghệ thuật của lãnh đạo là ở chỗ biết kết hợp nó với thực tiễn cách mạng của nước ta. Do đó, ta cần luôn luôn học tập lý luận Mác-Lênin, đồng thời điều tra nghiên cứu kỹ càng tình hình thực tế của ta. Trong công tác, một mặt phải nắm vững nguyên tắc cứng rắn của đường lối chính sách chung, mặt khác lại phải biết áp dụng đường lối chính sách ấy một cách linh hoạt, thích hợp với hoàn cảnh từng nơi từng lúc.

Theo quan điểm Mác-Lênin, lãnh đạo đúng là định ra đường lối chính sách đúng, tổ chức việc chấp hành đúng đường lối chính sách ấy, và kiểm tra đúng việc chấp hành đó. Muốn bảo đảm được sự lãnh đạo đúng, Đảng cần luôn luôn nâng cao công tác tư tưởng, thực hành lãnh đạo tập thể, và đi đúng đường lối quần chúng. Trong việc lãnh đạo, thường xuyên phải điều tra nghiên cứu và theo sát tình hình, nắm vững trọng tâm công tác, làm việc có kế hoạch, tổng kết kinh nghiệm, phê bình và tự phê bình. Những việc này cần làm trong mọi mặt lãnh đạo của Đảng, về tư tưởng, chính sách cũng như về tổ chức.

Dưới ánh sáng của những luận điểm trên đây, việc kiểm điểm đợt 5 Cải cách Ruộng đất đã cho thấy rõ một số điều sai và một số điều đúng trong lề lối lãnh đạo của ta từ trước đến nay.

Điều nổi bật nhất là: qua cuộc vận động quần chúng, ta đã bước đầu và tương đối nắm được tình hình phức tạp và luôn luôn biến động của nông thôn hiện nay. Vào vùng mới giải phóng, ta đã kịp thời nêu rõ những đặc điểm của vùng này so với những vùng tự do cũ. Do đó, đã có những cải tiến trong kế hoạch và phương pháp phát động quần chúng đánh địch, có cả những bổ sung trong chính sách cụ thể. Nhưng về mặt nhận định tình hình, còn nhiều sai lệch, đôi lúc sai lệch nghiêm trọng; chủ yếu trong thời gian qua là: đánh giá địch quá cao, thiếu tỉnh táo, việc gì không hay xảy ra cũng cho là địch phá, tổ chức nào cũng cho là "địch lũng đoạn" hoặc là "tổ chức của địch lồng vào"; mặt khác thì đánh giá ta quá thấp, cho rằng trong vùng địch chiếm cũ, quần chúng quá lạc hậu, Đảng cũng không có chi bộ nào là tốt, và những đảng viên và chi bộ còn lại ngày nay ở địa phương không phải là những người và những tổ chức đã từng lãnh đạo nhân dân đấu tranh chống địch trước đây, mà đều là xấu cả. Chính do đánh giá không đúng tình hình về địch, nên đã làm cho một số đông cán bộ từ chỗ rón rén đến chỗ làm ẩu, trước thì kiên nhẫn ba cùng phát động tư tưởng quần chúng, sau thì sinh nghi ngờ quần chúng, có lúc đã sốt ruột phạm vào truy bức, mớm cung, bắt bừa, xử ẩu, làm cho tình hình nông thôn quá căng thẳng. Trong lúc đó, vẫn có những tên địch thoát được lưới, thọc tay phá hoại, gây thêm rối loạn. Đó là do trong phương pháp lãnh đạo và công tác, ta đã phạm vào chủ nghĩa chủ quan, chủ nghĩa duy tâm, chưa thật xuất

phát từ thực tế, thiếu điều tra nghiên cứu một cách toàn diện, có khi ta đã lấy những thực tế cục bộ, thậm chí là những "điển hình" đặc biệt xấu, để làm căn cứ kết luận chung.

Về lãnh đạo tư tưởng, trong CCRĐ, nói chung ta đã tương đối thấy rõ tư tưởng cán bộ, tư tưởng quần chúng và cả tư tưởng của địch. Do đó, so với trước thì ta đã tăng cường việc tuyên truyền giáo dục chính sách trong nhân dân; trước và sau mỗi đợt công tác đều có tổ chức học tập chính sách, kế hoạch, tổng kết kinh nghiệm và chỉnh huấn tư tưởng cho cán bộ. Nhưng trong đợt này, một lối lãnh đạo tư tưởng sai lẻ tẻ của các đợt trước, tức là lối nhấn mạnh một chiều việc chống hữu khuynh, đã biến thành cách làm phổ biến, do đó đã gây ra tai hại.

Từ hội nghị lần thứ 7 (tháng 3 năm 1955), Trung ương đã nêu rõ phương châm đấu tranh tư tưởng của ta hiện nay là "đấu tranh trên hai mặt trận hữu và tả", song chống hữu khuynh là chính, và trong khi chống hữu, phải đề phòng cán bộ lệch sang "tả". Nhưng trong Cải cách Ruộng đất đợt này, cơ quan lãnh đạo Cải cách Ruộng đất thường nhấn mạnh chống hữu, và hầu như quên việc đề phòng cán bộ lệch sang "tả". Nhất là thường chỉ "đả thông" tư tưởng chung chung theo lối "chụp mũ", cái gì cũng gán ép cho là "hữu khuynh", ít phân tích cụ thể. Do đó, nhiều cán bộ các đội, các đoàn, và cả một số cán bộ khu, luôn luôn sợ mình "hữu khuynh", và nẩy ra tư tưởng "thà tả còn hơn hữu"!

Về lãnh đạo chính sách, qua CCRĐ, Đảng ta đã bổ sung được nhiều vấn đề cụ thể thích hợp với vùng mới giải phóng, vùng Công giáo, miền biển, những nơi quanh đô thị, v.v… Nhưng đợt này, đối với việc trấn áp bọn phá hoại hiện hành, việc chỉnh đốn tổ chức vùng mới giải phóng, thì trong chính sách còn nhiều vấn đề chưa cụ thể. Trong khi chỉ đạo công tác, có những vấn đề giải quyết thiếu thận trọng hoặc đề ra yêu cầu không thực tế. Đặc biệt trong đợt này, việc trấn áp bọn phá hoại hiện hành là một nhiệm vụ mới, phải kết hợp làm tốt trong CCRĐ, đề ra như thế là đúng, nhưng tiếc rằng yêu cầu, phương châm, phương pháp, chính sách, kế hoạch không được cụ thể. Thêm vào đó, một số cán bộ lãnh đạo thường dùng lối mệnh lệnh để ép buộc cấp dưới phải tìm cho ra phản động, cho nên xảy ra tình trạng trấn áp tràn lan.

Về lãnh đạo tổ chức, đợt này phạm phải một khuyết điểm lớn, là trên nhận thức thì ta thấy đợt 5 là chiến dịch Điện Biên Phủ chống phong kiến, nhưng về tổ chức thì không tăng cường lực lượng, lãnh đạo lại yếu, kiểm tra thiếu sót, làm việc thiếu dân chủ và tập thể. Trong đợt 5 này, Ủy ban Cải cách Ruộng đất trung ương và các Đoàn ủy thiếu theo dõi sát, không chú trọng thu thập ý kiến của quần chúng và cán bộ, thiếu điều tra nghiên cứu và tổng hợp đầy đủ tình hình thực tế, họp

không đều và thiếu bàn bạc cụ thể. Có khi gặp vấn đề lớn, cũng chỉ đồng ý nhau chung chung trên nét lớn, còn chính sách và kế hoạch cụ thể thì lại do cá nhân quyết định.

Sửa chữa sai lầm, phát huy thành tích

Nhiệm vụ trước mắt của ta hiện nay là phải tích cực tiếp tục sửa chữa những sai lầm đã mắc phải, nhằm ổn định nông thôn, đoàn kết nhân dân, đoàn kết cán bộ, đẩy mạnh sản xuất, do đó phát huy các thành tích đã giành được trong đợt 5 Cải cách Ruộng đất.

Trước hết cần thống nhất tư tưởng, đánh giá đúng thành tích và khuyết điểm của đợt 5. Trên cơ sở đó, giải quyết những vấn đề còn lại để mở rộng thắng lợi của Cải cách Ruộng đất.

Sửa chữa phải có kế hoạch. Việc gì sửa chữa được ngay thì phải làm ngay. Việc gì chưa sửa được ngay thì phải kết hợp trong kiểm tra lại Cải cách Ruộng đất mà tiến hành. Cần chú trọng việc khôi phục những cán bộ, đảng viên tốt và nhân dân bị xử trí nhầm, sửa lại thành phần giai cấp cho những người bị quy sai, điều chỉnh lại diện tích và sản lượng ruộng đất ở những nơi đã lên quá mức, thực hiện đúng chính sách liên hiệp phú nông, chú ý đúng mức những gia đình địa chủ đáng chiếu cố, v.v…

Hiện nay cần ngăn ngừa hai chiều hướng tư tưởng sai lệch: một là vẫn còn chủ quan tự mãn, chỉ thấy thành tích, không thấy sai lầm; không chịu thành khẩn tiếp thu phê bình, không quyết tâm sửa chữa sai lầm khuyết điểm hoặc sửa chữa một cách chiếu lệ; hai là bi quan tiêu cực, chỉ thấy sai lầm, không thấy thành tích, thành ra mất tỉnh táo, mất tự tin, dễ phạm những sai lầm nghiêm trọng mới trong việc sửa chữa.

Cần động viên cán bộ, phát huy ưu điểm của anh chị em, đồng thời phải phân tích rõ sai lầm, vạch rõ nguyên nhân và tác hại của nó, và bàn bạc cụ thể cách sửa chữa. Giúp cán bộ giải quyết 3 khuynh hướng không đúng sau đây: một là vì sĩ diện cá nhân, vì sợ kỷ luật, nên không dám phát hiện sai lầm khuyết điểm, không kiên quyết sửa chữa; hai là vì không thấu suốt tinh thần chỉ thị của cấp trên, ngại khó ngại khổ, không chịu đi sâu xem xét nghiên cứu, nên lại lệch từ "tả" sang hữu; ba là sửa chữa không có lãnh đạo, không có kiểm tra, đi đến chỗ sửa cả cái đúng.

Trước đây, ta đánh giá địch quá cao, do đó cán bộ sinh ra thiếu tỉnh tảo, đi đến truy bức, đánh địch một cách lung tung, do đó sai lầm lớn. Nhưng nếu ngày nay ta lại đánh giá lực lượng địch quá thấp thì cũng là sai lầm lớn, nó có thể đưa ta đến chỗ tê liệt cảnh giác, dễ bị địch lợi dụng phá hoại.

Trước đây, ta vơ đũa cả nắm, cho ở đâu chi bộ cũng xấu, cũng phức tạp nghiêm trọng, cũng bị "địch lũng đoạn" hoặc "địch lồng vào", do đó mà mù quáng đả kích vào chi bộ tốt đảng viên tốt, đó là sai lầm lớn. Nhưng nếu ngày nay ta không nhận rõ chi bộ nông thôn nói chung phức tạp và có nơi phức tạp nghiêm trọng, thì có thể phạm sai lầm như khôi phục đảng tịch cho những phần tử xấu.

Trước đây ta chủ quan tự mãn cho rằng phong trào Cải cách Ruộng đất không có sai lầm, khuyết điểm gì đáng kể, do đó không chịu nghe những ý kiến đúng của cán bộ và lời phê bình đúng của người ngoài Đảng, không kịp thời ngăn chặn những sai lầm, khuyết điểm tai hại, đó là sai lầm lớn. Nhưng nếu ngày nay lại sinh ra bi quan, để ảnh hưởng đến việc tích cực sửa chữa khuyết điểm và phát huy thắng lợi thì cũng có hại.

Trên cơ sở sửa chữa tốt những sai lầm, khuyết điểm, chúng ta cần tiến hành tổng kết kinh nghiệm mấy đợt kiểm tra Cải cách Ruộng đất, để chuẩn bị phương châm, chính sách, kế hoạch đầy đủ cho việc mở rộng phong trào kiểm tra lại Cải cách Ruộng đất, giải quyết nốt những vấn đề còn lại, kết thúc tốt cuộc vận động CCRĐ, đặng chuyển mạnh sang cuộc vận động tương trợ hợp tác, đẩy tới sản xuất nông nghiệp.

CCRĐ là một cuộc đấu tranh giai cấp lớn lao, gay go và phức tạp. Nó là một cuộc cách mạng long trời lở đất. Nhưng dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chính phủ, hàng triệu nông dân hăng hái đấu tranh, các tầng lớp nhân dân nhiệt liệt ủng hộ, hàng vạn cán bộ tận tụy công tác. Cho nên, năm đợt Cải cách Ruộng đất đã thu được những thắng lợi to lớn. Tiếc rằng trong đợt 5, ta lại mắc nhiều sai lầm nghiêm trọng, gây ra những chấn động có hại. Mỗi một đồng chí chúng ta cần nghiên cứu những bài học kinh nghiệm thấm thía rút được trong đợt 5, ra sức góp phần sửa chữa sai lầm, khắc phục khó khăn và phát huy ưu điểm, làm cho nông thôn dân chủ của chúng ta tươi vui và phồn thịnh. Được như thế thì ta sẽ có một cơ sở tốt để tiến lên giành những thắng lợi mới to lớn hơn trong sự nghiệp xây dựng hòa bình và thống nhất Tổ quốc.

Nguồn: *Học Tập, tạp chí lý luận và chính trị của Đảng Lao động Việt Nam, số 8, tháng 7/1956, tr. 7-14. Bản điện tử do talawas thực hiện.*

Sửa sai và tiến lên

Trường Chinh

Chúng ta vừa căn bản hoàn thành CCRĐ ở miền Bắc, nhưng đồng thời cũng vừa phạm những sai lầm nghiêm trọng trong công tác Cải cách Ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức. Những sai lầm ấy đã được Hội nghị Trung ương lần thứ 10 mở rộng phê phán một cách sâu sắc.

Trong bài này, để giải thích thêm về tinh thần nghị quyết của Hội nghị Trung ương, tôi sẽ trình bày một số ý kiến, góp vào việc đánh giá công tác Cải cách Ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức, nhận định về tính chất những khuyết điểm sai lầm của ta trong các công tác ấy, bàn về nguyên nhân sai lầm và trách nhiệm, đồng thời rút ra mấy bài học kinh nghiệm lớn trong vấn đề này và giúp cán bộ, đảng viên chúng ta nhận rõ nhiệm vụ trung tâm đột xuất của Đảng hiện nay là *sửa sai và tiến lên*.

Nhiệm vụ cách mạng phản phong kiến đã căn bản hoàn thành ở miền Bắc

Cách mạng dân tộc-dân chủ nhân dân của ta có hai nhiệm vụ chiến lược: - đánh đổ chủ nghĩa đế quốc, - xóa bỏ chế độ phong kiến.

Đế quốc và phong kiến là hai lực lượng phản động nhất câu kết với nhau để thống trị Việt Nam đã hơn 80 năm. Chính bọn phong kiến nhà Nguyễn bán nước cho đế quốc Pháp, và sau khi đế quốc Pháp chiếm nước ta, chúng đã biến thành ngụy quyền, làm tay sai cho đế quốc. Đế quốc dùng phong kiến làm chỗ dựa để xâm lược Việt Nam, phong kiến Việt Nam ôm chân đế quốc để duy trì quyền lợi ích kỷ. Tập đoàn thống trị nhà Nguyễn trước đây nói chung tiêu biểu cho giai cấp địa chủ phong kiến phản dân tộc. Chính quyền Ngô Đình Diệm ở miền Nam hiện nay đại biểu cho tầng lớp địa chủ phong kiến và tư sản mại bản thân Mỹ, hiện đang phá hoại thống nhất Việt Nam, hòng biến miền Nam nước ta thành một thứ thuộc địa và căn cứ quân sự của đế quốc Mỹ. Đế quốc và phong kiến là *hai đối tượng chính* của cách mạng Việt Nam, *hai kẻ thù chính* của nhân dân Việt Nam.

Muốn đánh đổ đế quốc phải đồng thời đánh đổ phong kiến. Ngược lại, muốn đánh đổ phong kiến phải đồng thời đánh đổ đế quốc. Hai nhiệm vụ phản đế và phản phong kiến *không thể tách rời*.

Cách mạng dân tộc-dân chủ nhân dân của ta là một cuộc cách mạng chống đế quốc, chống phong kiến, một cuộc cách mạng của quần chúng nhân dân đông đảo, nghĩa là của giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, giai cấp tiểu tư sản, giai cấp tư sản dân tộc và những nhân sĩ dân chủ, thân sĩ yêu nước do giai cấp công nhân lãnh đạo, dựa trên cơ sở công nông liên minh. Mục đích của cuộc cách mạng đó là giành độc

lập dân tộc, xây dựng và phát triển dân chủ nhân dân, tạo điều kiện tiến tới chủ nghĩa xã hội.

Cách mạng tháng Tám và kháng chiến đánh đổ đế quốc ở miền Bắc và làm yếu thế lực phong kiến ở nước ta. Cải cách Ruộng đất đánh đổ giai cấp địa chủ và xóa bỏ chế độ phong kiến chiếm hữu ruộng đất ở miền Bắc. Cách mạng tháng Tám giành được chính quyền nhân dân, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Kháng chiến thắng lợi tiêu diệt lực lượng đế quốc và ngụy quyền ở miền Bắc, hoàn toàn giải phóng một nửa nước ta. Cải cách Ruộng đất tiếp tục nhiệm vụ cách mạng phản phong kiến của nhân dân ta từ trước đến nay, đánh đổ giai cấp địa chủ ở miền Bắc đưa nông dân lên làm chủ thật sự ở nông thôn, thực hiện người cày có ruộng. Đó là những thắng lợi về chiến lược, thắng lợi của quần chúng nhân dân nước ta đấu tranh gian khổ và anh dũng trong bao nhiêu năm dưới sự lãnh đạo của Đảng. Đạt được những thắng lợi đó tức là hoàn thành nhiệm vụ chiến lược của cách mạng dân tộc-dân chủ nhân dân ở miền Bắc.

Lực lượng cách mạng ở nước ta là nhân dân mà 87% là nông dân. Sự nghiệp dân tộc giải phóng muốn thành công, kháng chiến muốn thắng lợi, chủ yếu phải dựa vào nông dân. “Thực chất của vấn đề dân tộc là vấn đề nông dân”. Nông dân trực tiếp bị giai cấp địa chủ phong kiến áp bức bóc lột. Cơ sở của phong kiến ở nước ta là chế độ phong kiến chiếm hữu ruộng đất, nó làm cho tuyệt đại đa số nhân dân nước ta là nông dân khổ cực, đồng thời kìm hãm nông nghiệp, cản trở công thương nghiệp nước ta phát triển, giữ nước ta ở trình độ nông nghiệp lạc hậu, không tiến lên trình độ công nghiệp hóa hiện đại được. Vì vậy mà nước ta nghèo, dân ta khổ. Cho nên Cải cách Ruộng đất nhằm đánh đổ giai cấp địa chủ, xóa bỏ chế độ phong kiến chiếm hữu ruộng đất là chính nghĩa, là nhân đạo. Cách mạng tháng Tám, Kháng chiến trường kỳ và Cải cách Ruộng đất là ba sự kiện lịch sử lớn nhất của nước ta trong vòng mười một năm nay. Nó quyết định thắng lợi của sự nghiệp cách mạng dân tộc-dân chủ nhân dân ở miền Bắc nước ta.

Với Cải cách Ruộng đất căn bản hoàn thành ở miền Bắc, nhiệm vụ cách mạng phản phong kiến ở miền Bắc cũng căn bản hoàn thành.

Những sai lầm của phát động quần chúng thực hiện Cải cách Ruộng đất nghiêm trọng, nhưng không có nghĩa là chủ trương Cải cách Ruộng đất của Đảng Lao động Việt Nam và của Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là sai. Những sai lầm ấy hạn chế thắng lợi của sự nghiệp cách mạng phản phong kiến ở miền Bắc chứ không xóa bỏ thắng lợi đó.

Phát động quần chúng để thực hiện Cải cách Ruộng đất là đúng và cần thiết

Gần đây, có ý kiến cho rằng không cần phát động quần chúng cũng thực hiện Cải cách Ruộng đất được, hoặc muốn thực hiện khẩu hiệu "người cày có ruộng" chỉ cần vận động địa chủ hiến ruộng đất cũng đủ. Ý kiến ấy có đúng không? Không đúng.

Cải cách Ruộng đất là một cuộc cách mạng, là sự nghiệp của hàng triệu quần chúng nông dân do Đảng lãnh đạo. Bất kể cuộc cách mạng lớn nhỏ nào, không phát động quần chúng đều không thể làm được.

Có hai cách thực hiện Cải cách Ruộng đất: hòa bình cải cách ruộng đất và phát động quần chúng cải cách ruộng đất. Ta đã phát động quần chúng thực hiện Cải cách Ruộng đất; như thế là đúng và cần thiết vì những lẽ dưới đây:

- Nước ta là một nước do đế quốc và phong kiến thống trị từ lâu đời. Trải qua hàng chục thế kỷ, nông dân nước ta bị địa chủ phong kiến áp bức bóc lột, không ngóc đầu lên được. Nay phải phát động quần chúng nông dân mới dám mạnh dạn vươn mình, đấu tranh đánh đổ địa chủ, tự tay mình giành lại ruộng đất cho mình.

- Phát động quần chúng là làm cho quần chúng tự giác, tự nguyện tham gia cách mạng ruộng đất, huy động lực lượng quần chúng nổi dậy đập tan chế độ phong kiến chiếm hữu ruộng đất, thực hiện chế độ sở hữu ruộng đất của nông dân lao động. Chính quyền và cán bộ không thể và không nên làm thay và ban ơn cho nông dân.

- Có phát động quần chúng mới làm cho giai cấp địa chủ chịu khuất phục trước sức mạnh vùng lên của quần chúng nông dân, và quần chúng nông dân mới tự tin ở lực lượng của bản thân mình. Đó là điều rất cần để giành lại ruộng đất và giữ được ruộng đất.

Có người nói: ta vận động hiến ruộng cũng đủ ruộng đất chia cho nông dân. Tôi xin trả lời: trong hoàn cảnh nước ta có thể vận động cả giai cấp địa chủ hiến ruộng. Một giai cấp xã hội không bao giờ tự nguyện nhường tư liệu sản xuất mà nó đã chiếm giữ từ lâu đời cho một giai cấp bị nó bóc lột bao giờ. Hòa bình cải cách ruộng đất bằng cách vận động hiến ruộng là một ảo tưởng.

Có người cho rằng: ta đã có chính quyền từ Cách mạng tháng Tám; ta có thể dùng biện pháp chính quyền mà lấy lại ruộng đất cho nông dân, không phải phát động quần chúng làm gì cho phiền phức. Hoặc có người hỏi: tại sao ta không thực hiện Cải cách Ruộng đất theo kiểu một vài nước anh em, như thế có nhanh và gọn hơn không? Sự thật là ta có kết hợp biện pháp hành chính của chính quyền với đấu

tranh quần chúng trong Cải cách Ruộng đất. Nhưng trong khi phát động quần chúng, ta có coi nhẹ biện pháp chính quyền (ví dụ ta coi nhẹ việc phối hợp công an, tư pháp với phát động quần chúng, coi nhẹ những biện pháp hỏi cung, đối chiếu tang chứng, sử dụng tòa án nhân dân đặc biệt một cách không đúng, v.v…). Dùng riêng biện pháp chính quyền mà Cải cách Ruộng đất thì đương nhiên là không đủ, phải kết hợp chặt chẽ đấu tranh của quần chúng từ dưới lên với mệnh lệnh của chính quyền từ trên xuống, và phải coi đấu tranh quần chúng là chủ yếu thì mới thực hiện Cải cách Ruộng đất được tốt. Sai lầm không phải tại ta đã phát động quần chúng, mà chính vì càng về sau này, cán bộ các Đội không thật sự phát động quần chúng, không tin ở quần chúng, mà lần truy bức, nhục hình, bắt bớ tràn lan để thay cho phát động quần chúng, và trong phát động quần chúng, ta đã không sử dụng biện pháp chính quyền một cách đầy đủ.

Có người nói: phát động quần chúng để thực hiện Cải cách Ruộng đất là đúng, nhưng phát động theo kiểu "đấu tố" như thế là sai. Nhưng cần nhớ rằng Cải cách Ruộng đất là một cuộc đấu tranh giai cấp, trong đó ta phát động tư tưởng quần chúng nông dân bằng cách lấy khổ gợi khổ, qua tố khổ mà giáo dục ý thức giai cấp cho nông dân, tổ chức nông dân để nông dân có đủ lực lượng đấu tranh đánh đổ địa chủ; đó là một việc hoàn toàn đúng. Sai lầm của cán bộ Cải cách Ruộng đất là không thật sự phóng tay phát động quần chúng, lại gò ép quần chúng tố khổ; thành ra bên cạnh những người tố đúng đã có một số người tố sai. Hơn nữa, nhiều cán bộ mù quáng, mất cảnh giác, dựa vào những phần tử xấu mà không tự giác, rồi nghe những lời bịa đặt của chúng mà đánh lầm vào một số người tốt của ta. Lỗi đó tại cán bộ ta làm sai mà lãnh đạo không kịp thời phát hiện sai lầm để ngăn chặn và sửa chữa, chứ không phải tại chủ trương phát động quần chúng "đấu tố".

Phát động quần chúng thực hiện Cải cách Ruộng đất đã đạt được những yêu cầu gì?

Hiện nay, người thì nói Cải cách Ruộng đất thành công, người thì nói Cải cách Ruộng đất thất bại, thậm chí có xu trào chỉ dám nói thất bại mà không dám nói thành công. Đương nhiên, tình hình ấy chỉ có lợi cho bọn phản cách mạng, bọn địa chủ vừa bị đánh đổ ở miền Bắc, chúng đang lợi dụng việc Đảng ta tự phê bình về những khuyết điểm, sai lầm trong Cải cách Ruộng đất và sửa sai để hòng đả kích và "cô lập" Đảng ta, đả kích bần cố nông và cốt cán của họ, và xóa bỏ những thành quả của Cải cách Ruộng đất.

Thật ra, muốn đánh giá đúng thành công và thất bại của Cải cách Ruộng đất phải đợi khi nào tổng kết toàn bộ công tác phát động quần

chúng thực hiện Cải cách Ruộng đất. Bây giờ, chúng ta hãy kiểm điểm xem phát động quần chúng đã đạt được những mục đích yêu cầu gì? Mục đích yêu cầu của phát động quần chúng Cải cách Ruộng đất là:

a- *Đánh đổ giai cấp địa chủ*, đập tan uy thế chính trị của giai cấp địa chủ, thực hiện ưu thế chính chị của nông dân lao động ở nông thôn, thực hiện nông dân làm chủ nông thôn.

b- *Xóa bỏ chế độ phong kiến chiếm hữu ruộng đất*, thực hiện chế độ sở hữu ruộng đất của nông dân lao động, thực hiện người cày có ruộng, giải phóng sức sản xuất ở nông thôn.

c- *Giáo dục cho nông dân về mặt tư tưởng và chính trị*, làm cho nông dân nhận rõ bọn thực dân đế quốc và giai cấp địa chủ phong kiến là kẻ địch, nhận rõ Đảng Lao động Việt Nam là Đảng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, thật thà mang lại quyền lợi cho mình; nhận rõ chính quyền nhân dân là của mình, v.v…

d- *Kết hợp chỉnh đốn tổ chức ở nông thôn*, chỉnh đốn chi bộ, nông hội, chính quyền, dân quân du kích, chi đoàn Thanh niên Cứu quốc Việt Nam, chi hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam; bồi dưỡng cán bộ cơ sở.

Hãy xét xem trong khi thực hiện các mục đích yêu cầu ấy của phát động quần chúng, ta đã đạt được những gì, không đạt được những gì?

Về yêu cầu thứ nhất, trong phát động quần chúng Cải cách Ruộng đất, giai cấp địa chủ phong kiến về căn bản đã vĩnh viễn bị đánh đổ ở miền Bắc, nói chung ưu thế chính trị của nông dân lao động đã được xây dựng ở nông thôn. Tuy vậy, một số phú nông hoặc nông dân lao động lại bị vạch lầm là địa chủ, là phản động và bị đả kích nặng. Đó là một điều rất đáng tiếc. Nhưng phải nhận rằng nông dân vẫn làm chủ nông thôn.

Có người nói: nông dân đã làm chủ nông thôn từ Cách mạng tháng Tám, và ở vùng mới giải phóng, quân đội viễn chính Pháp rút đi đến đâu là nông dân làm chủ đến đó rồi. Song thật ra chưa Cải cách Ruộng đất, chưa xóa bỏ chế độ phong kiến chiếm hữu ruộng đất thì chưa có thể chấm dứt được tình trạng địa chủ khống chế nông thôn, nhất là ở vùng sau lưng địch trước đây, và nông dân vẫn chưa thể thật sự làm chủ nông thôn.

Về yêu cầu thứ hai, xóa bỏ chế độ phong kiến, chế độ sở hữu ruộng đất của nông dân lao động, giải phóng sức sản xuất ở nông thôn, việc đó ta đã thực hiện được trong Cải cách Ruộng đất. Tuy vậy một số nông dân bị vạch lầm là địa chủ, do đó đã bị tịch thu, trưng thu, trưng mua ruộng đất và chỉ được chia một phần ruộng đất xấp xỉ với số bình quân chiếm hữu của nông dân ở địa phương, nhưng không được chia ruộng nguyên canh, tốt và gần.

Có người bảo: nông dân đã làm chủ ruộng đất từ Cách mạng tháng Tám hay từ Kháng chiến rồi. Thật ra có nơi nông dân chỉ tạm sử dụng ruộng đất vắng chủ theo lối ai cày người ấy được hưởng và được chia lại công điền; qua Cải cách Ruộng đất, họ mới thật sự có quyền sở hữu ruộng đất.

Về yêu cầu thứ ba, trong phát động quần chúng, nông dân đã được giáo dục về tư tưởng và chính trị. Họ đã nhận rõ đế quốc và phong kiến là thù địch. Nói chung họ đã tự tin ở lực lượng đoàn kết đấu tranh của họ, tin ở sự lãnh đạo của Đảng. Họ nhận rõ từ trước đến nay ở nước ta chỉ có Đảng ta và chế độ ta mới mang lại ruộng đất cho họ. Tuy vậy, những sai lầm của ta đã làm cho uy tín của Đảng và chính phủ tạm thời bị giảm sút một phần nào (với mức độ khác nhau tùy từng nơi) dù rằng quần chúng nông dân nói chung vẫn tin tưởng ở Đảng và CP.

Có người cho rằng nông dân miền Bắc đã được giáo dục nhiều về tư tưởng và chính trị trong tám năm Kháng chiến toàn quốc. Điều đó đúng, nhưng chỉ đúng một phần. Không phát động quần chúng thì không thể giáo dục giai cấp, không thể giáo dục lập trường, tư tưởng một cách sâu sắc cho quần chúng nông dân được, cũng chưa thể hạ uy thế chính trị của giai cấp địa chủ ở nông thôn.

Về yêu cầu thứ tư, việc kết hợp với phát động quần chúng Cải cách Ruộng đất mà chỉnh đốn tổ chức có làm được phần nào. Đó là làm cho thành phần các tổ chức ở nông thôn tương đối trong sạch, nhưng chưa thể nói là vững mạnh (địa chủ, cường hào đã bị đuổi ra khỏi tổ chức, hàng vạn cốt cán đã được đào tạo và bồi dưỡng trong phong trào; những cốt cán đó nói chung thành phần trong sạch, nhưng phần lớn trình độ chính trị và kinh nghiệm công tác còn non kém; cũng có một số phần tử xấu được đưa lầm nên thành cốt cán và được kết nạp vào tổ chức, nhưng đó chỉ là số rất ít). Có hàng trăm xã vùng mới giải phóng trước đây chưa có chi bộ, nay ta xây dựng được chi bộ mới.

Nhưng thất bại của chỉnh đốn tổ chức thì rất nặng; càng về những đợt sau này, sai lầm càng lớn. Đau đớn nhất là đánh lầm vào nội bộ Đảng và nội bộ các tổ chức quần chúng ở cơ sở cũng như vào nội bộ nông dân, khiến cho một số cán bộ, đảng viên và nông dân cách mạng có thành tích bị xử oan.

Tóm lại, phần quan trọng của những mục đích, yêu cầu của phát động quần chúng nói chung đã đạt. Những sai lầm của ta có hạn chế những kết quả đã thu được, nhưng ta không thể không khẳng định thắng lợi của Cải cách Ruộng đất. Chính vì thế nên Hội nghị Trung ương lần thứ 10 mở rộng đã đánh giá Cải cách Ruộng đất "là một cuộc chuyển biến to lớn về kinh tế, chính trị và xã hội" [1].

Đánh giá sai lầm trong CCRĐ và chỉnh đốn tổ chức

Sai lầm trong Cải cách Ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức thể hiện trên mấy mặt công tác dưới đây:

- đánh địch và trấn áp bọn phá hoại hiện hành,
- qui định thành phần giai cấp,
- tịch thu, trưng thu, trưng mua.
- định diện tích và sản lượng,
- chỉnh đốn tổ chức Đảng, chính, quân, dân ở cơ sở, v.v…

Những sai lầm ấy đã vi phạm đường lối chung của Đảng ở nông thôn trong Cải cách Ruộng đất: "dựa hẳn vào bần cố nông, đoàn kết chặt chẽ với trung nông, liên hiệp phú ông, xóa bỏ chế độ phong kiến chiếm hữu ruộng đất một cách có phân biệt, có từng bước, có kế hoạch, có trật tự, có lãnh đạo". Hậu quả của những sai lầm ấy rất tai hại:

1- Nó đã làm giảm một phần uy tín của Đảng Lao động Việt Nam và của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, tổn thất một phần đến cơ sở của Đảng, của Mặt trận và chính quyền nhân dân.

2- Nó làm cho nông thôn hiện nay thiếu đoàn kết, ảnh hưởng không tốt đến thành thị, không tốt đến khối đại đoàn kết dân tộc.

3- Những sai lầm về Cải cách Ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức đã ảnh hưởng đến quân đội, đụng đến một số gia đình quân nhân cách mạng; cơ sở quân dân du kích nhiều nơi bị sứt mẻ.

4- Về vấn đề phát triển sản xuất nông nghiệp, Cải cách Ruộng đất tức là giải phóng sức sản xuất ở nông thôn khỏi xiềng xích phong kiến, thực hiện người cày có ruộng thì tất nhiên nói chung là đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp và mở đường cho công thương nghiệp nước ta phát triển. Nhưng sai lầm của ta cũng tạm thời làm cho nhiều nông dân được đất mà chưa thật phấn khởi sản xuất, vì diện tích và sản lượng bị kích lên quá cao.

5- Vì những lẽ trên đây, cho nên đối với vấn đề củng cố miền Bắc hiện nay tình hình nhiều nơi ở miền Bắc chưa được ổn định, chưa được củng cố. Đối với vấn đề tranh thủ miền Nam thì ảnh hưởng không tốt đến việc tranh thủ các tầng lớp rộng rãi, nhất là các tầng lớp trên ở miền Nam, không lợi cho cuộc đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà.

Tóm lại, sai lầm trong Cải cách Ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức đã vi phạm đường lối chung của Đảng ở nông thôn, vi phạm chính sách, nguyên tắc và điều lệ của Đảng, vi phạm chế độ pháp trị dân chủ và cương lĩnh của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, và ảnh hưởng một phần nào đến việc thực hiện kế hoạch Nhà nước năm 1956.

Một hiện tượng trái ngược là Cải cách Ruộng đất đáng lẽ củng cố đoàn kết toàn dân, nhưng vì sai lầm của ta, nên hiện nay tạm thời đoàn kết bị giảm; đáng lẽ nâng cao uy tín của Đảng và Chính phủ, nhưng hiện nay tạm thời uy tín đó bị sút kém một phần nào. Ta sửa chữa sai lầm có kết quả tốt thì sẽ phát huy được những nhân tố tích cực sẵn có do Cải cách Ruộng đất tạo ra, đồng thời thu hẹp và đi đến thủ tiêu được những nhân tố tiêu cực, có hại do sai lầm của ta mang lại.

Tính chất và đặc điểm của sai lầm trong Cải cách Ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức có thể tóm tắt lại như sau:

a- Sai lầm có tính chất "tả" khuynh, biểu hiện ở chỗ "thái quá" trong việc đánh địch, trong việc trấn áp bọn phá hoại; vạch thành phần giai cấp; kích diện tích và sản lượng, tìm phản động trong tổ chức của ta, v.v… (Tuy vậy, bên cạnh những sai lầm "tả" khuynh vẫn còn tồn tại một số sai lầm có tính chất hữu khuynh, như rón rén, sợ địch, không dám phát động quần chúng đến nơi đến chốn; hoặc có một số biểu hiện "tả" khuynh lại chính là bóng đen của tư tưởng hữu khuynh: đánh giá lực lượng địch quá cao, đánh giá tổ chức của ta quá thấp, v.v…)

b- Sai lầm có tính chất nghiêm trọng, phổ biến và kéo dài (truy bức nhục hình, đánh địch tràn lan, không chấp hành đúng đường lối chung của Đảng ở nông thôn, v.v…). Tuy vậy cũng phải nhận rằng: lấy một xã mà xét thì sai lầm vẫn là từng phần, không phải toàn thể (ví dụ: vạch sai thành phần một số nông dân, không phải vạch sai tất cả nông dân; xử trí oan một số người, không phải oan tất cả, v.v…). Về các đợt sau này, sai lầm phổ biến nhất là truy bức, nhục hình, đả kích tràn lan và kích diện tích và sản lượng.

c- Sai lầm về sách lược và phương châm, chính sách cụ thể không phải sai lầm về chiến lược cách mạng, về đường lối cách mạng nói chung. Tuy vậy, có một số sai lầm thuộc về nguyên tắc, ví dụ: không chấp hành đúng đường lối của Đảng ở nông thôn, đánh lầm vào nội bộ tổ chức của ta, đả kích sai vào một số nông dân lao động, tác phong không tôn trọng tập thể và dân chủ, v.v…

d- Sai lầm trong khi ta đã có chính quyền, quân đội xâm lược của bọn đế quốc và ngụy quân, ngụy quyền đã bị quét sạch khỏi miền Bắc, cách mạng đã và đang thu được những thắng lợi về mọi mặt (quân sự, chính trị , kinh tế, văn hóa) và trong khi cách mạng Việt Nam đang ở thời kỳ tiến lên, chứ không phải ở thời kỳ thoái trào.

Tóm lại, những sai lầm trong Cải cách Ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức rất nghiêm trọng, nhưng nhất định có thể sửa chữa. Chỉ có tổn thất do những cán bộ, đảng viên và quần chúng bị hy sinh oan uổng thì không có cách nào cứu vãn được. Đó là một điều vô cùng đau xót cho Đảng và cho nhân dân. Nhưng dù sao những sai lầm ấy không phá bỏ

thắng lợi về chiến lược của Cải cách Ruộng đất; nó không dẫn đến thất bại về chiến lược cách mạng chống phong kiến ở miền Bắc nước ta.

Nguyên nhân, khuyết điểm, sai lầm

Muốn tìm ra nguyên nhân sai lầm, chúng tôi thấy trước hết cần nhận rõ trong điều kiện nào đã phạm phải những sai lầm ấy. Trong những điều kiện dưới đây:

a- Cũng như bất cứ giai cấp bóc lột nào trong lịch sử, giai cấp địa chủ nước ta đến lúc bị đánh đổ thì tìm mọi cách chống lại Cải cách Ruộng đất; phân tán tài sản, mua chuộc nông dân, thủ tiêu khổ chủ, ám hại, mua chuộc cán bộ ta, truy bức thì khai vấy vào tổ chức ta, v.v… Có người nói: ở nước ta giai cấp địa chủ dựa vào đế quốc, nay ở miền Bắc đế quốc bị đánh đổ thì chúng cũng khắc đổ, không thể chống lại ta. Nói như thế là không đúng. Sự thật kháng chiến thành công, quân đội thực dân bị quét sạch ở miền Bắc thì một số ít địa chủ (bọn đại địa chủ) theo đế quốc vào Nam; một bọn đầu hàng ta, nhưng một bọn vẫn tìm cách chống lại ta, chống lại Cải cách Ruộng đất (ngay trong số địa chủ đã ủng hộ kháng chiến cũng có một số bị đụng chạm trực tiếp đến quyền lợi trong Cải cách Ruộng đất cho nên đã phá hoại phát động quần chúng bằng cách này hay cách khác). Bọn kiên quyết chống lại thường dựa vào thế lực phản động đội lốt tôn giáo hoặc câu kết với bọn tay sai đế quốc và bọn phá hoại hiện hành còn lẩn lút ở miền Bắc.

b- Bị địa chủ phong kiến áp bức bóc lột từ hàng chục thế kỷ nay, giai cấp nông dân nước ta thường hay tiêu cực, bị động, mê tín, nhưng đôi khi khổ quá không nhẫn nhục được nữa phải đấu tranh tự phát, phiêu lưu, mạo hiểm, manh động; có khi hành động lẻ tẻ, có khi hành động tập thể. Nay được phát động, giáo dục, tổ chức và lãnh đạo, họ nhận rõ kẻ thù, nhận rõ lối thoát, thì vùng dậy đấu tranh quyết liệt, đè bẹp kẻ thù giai cấp; lúc đó lãnh đạo không cứng thì dễ sinh ra tình trạng hỗn loạn, đấu tranh quá trớn.

c- Cán bộ ta phần đông là tiểu tư sản, trước kia phần nhiều hữu khuynh đối với địa chủ, nặng về đoàn kết rộng rãi, thuyết phục một chiều, nhẹ về đấu tranh giai cấp. Nay nhận rõ sai lầm cũ thì dễ lệch sang "tả", còn tư tưởng "thà tả còn hơn hữu", cho rằng "tả đỡ hại hơn hữu", v.v… Một số cán bộ xuất thân gia đình địa chủ vì sợ bị hiểu lầm, sợ bị truy là mất lập trường, v.v… nên thấy sai nhiều khi cũng không dám đề đạt ý kiến, hoặc đề đạt một cách rất yếu ớt, dè dặt.

d- Ta vừa thắng lợi lớn trong Kháng chiến, lại bắt đầu bước sang thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội. Nước ta ở sát Trung Quốc, là một nước đang tiến những bước khổng lồ lên chủ nghĩa xã hội. Tình hình ấy một mặt đã tạo ra không khí say sưa thắng lợi, cán bộ dễ sinh

chủ quan, tự mãn; một mặt dễ sinh ra tư tưởng nóng vội, muốn tiến mau lên chủ nghĩa xã hội và thực hiện thống nhất nước nhà.

Chính trong những điều kiện ấy, lãnh đạo, nhất là cơ quan chỉ đạo thực hiện (như Ủy ban Cải cách Ruộng đất các cấp, các đoàn ủy, Ban tổ chức Trung ương) đã phạm những sai lầm nghiêm trọng.

Song, nói như thế không phải chúng ta đổ tại hoàn cảnh khách quan, mà chính là để nhận rõ trong hoàn cảnh như thế nào chúng ta đã phạm sai lầm. Nguyên chính vẫn là do chủ quan ta có khuyết điểm. Thật thế, do chỗ *không xuất phát đầy đủ từ thực tế Việt Nam*, không nghiên cứu kỹ những đặc điểm của tình hình Việt Nam (Việt Nam là một nước nông nghiệp bị đế quốc áp bức bóc lột trong một thời gian khá lâu; nước ta chia làm hai miền v.v…), do chỗ không nắm vững yêu cầu khách quan của nhiệm vụ cách mạng Việt Nam trong giai đoạn hiện tại (củng cố miền Bắc, nhưng đồng thời phải tranh thủ miền Nam v.v…) cho nên cơ quan lãnh đạo và nhất là cơ quan chỉ đạo thực hiện đã có những chủ trương chính sách không đúng:

- Nặng về chống hữu, nhẹ về chống "tả", tư tưởng chỉ đạo lệch một chiều;
- Chủ trương kết hợp bọn phá hoại trong Cải cách Ruộng đất, căn bản làm tan rã tổ chức phản động ở xã và thanh trừ phản động ra khỏi tổ chức cơ sở (yêu cầu quá cao);
- Chủ trương căn bản hòan thành Cải cách Ruộng đất trước 20-7-1956 (thời gian quá gấp);
- Nhận định không đúng về sức phản ứng của địch, về tổ chức cũ của ta (cho là tổ chức của ta bị địch lũng đoạn, chi bộ địch lồng vào chi bộ ta, v.v…);
- Chỉnh đốn tỉnh, huyện một cách thiếu thận trọng; phương châm, phương pháp đều có chỗ không đúng;
- Để cho tổ chức chỉ đạo thực hiện Cải cách Ruộng đất thành một hệ thống riêng với quyền hạn quá rộng, nhưng lại thiếu kiểm tra đôn đốc chặt chẽ.

Ngoài ra, tác phong lãnh đạo lại quan liêu, thiếu tập thể, dân chủ; cơ quan chỉ đạo chủ quan, tự mãn, độc đoán, chuyên quyền, cho nên mới có tình trạng một số chỉ thị do cá nhân trong Thường trực Ủy ban Cải cách Ruộng đất Trung ương và trong Ban Tổ chức Trung ương đề ra mà không thông qua tổ chức bàn định trước, và không trình Trung ương phê chuẩn. Tình hình sai lầm đã trở nên nghiêm trọng từ đợt 8 giảm tô và đợt 4 Cải cách Ruộng đất rồi mà mãi đến giữa bước hai Cải cách Ruộng đất đợt 5 mới phát hiện và bắt đầu sửa chữa.

Trách nhiệm của các cơ quan lãnh đạo và chỉ đạo thực hiện chính sách

Đường lối cách mạng phản đế và phản phong kiến (dân tộc-dân chủ nhân dân) của Đảng nói chung là đúng, cho nên mới có Cách mạng tháng Tám và kháng chiến thắng lợi, mới hoàn toàn giải phóng được miền Bắc và thực hiện người cày có ruộng trên một nửa nước ta, điều mà từ bao nhiêu đời nay mới thành sự thật. Nhưng về chủ trương chính sách cụ thể, Đảng có khuyết điểm sai lầm. Đảng thành khẩn tự phê bình và kiên quyết sửa chữa để đưa toàn dân ta tiến lên.

Lê-nin nói: "Thái độ của một chính đảng đứng trước những sai lầm của mình là một trong những tiêu chuẩn quan trọng nhất và chắc chắn nhất để nhận xét xem đảng ấy có đứng đắn hay không và nó có thật làm tròn nghĩa vụ của mình đối với giai cấp mình và đối với quần chúng lao động không. Thành thật nhận sai lầm, phân tích trường hợp đã đẻ ra những sai lầm ấy, xét kỹ những biện pháp sửa chữa sai lầm, đó là dấu hiệu của một đảng đứng đắn, đó cũng là cách đảng ấy làm tròn nghĩa vụ của mình, giáo dục và huấn luyện giai cấp mình và sau nữa giáo dục và huấn luyện quần chúng." (*Bệnh ấu trĩ của chủ nghĩa cộng sản*)

Trong sai lầm lần này, Đảng có trách nhiệm trước nhân dân, vì dưới sự lãnh đạo của Đảng, đã xẩy ra những sai lầm khuyết điểm nghiêm trọng để tổn hại đến sinh mệnh, tài sản của nhân dân, tổn thương đến việc thực hiện cương lĩnh của Mặt trận Tổ quốc, đến sự nghiệp củng cố miền Bắc và đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà.

Cơ quan lãnh đạo của Đảng có trách nhiệm, vì đã thông qua một số chủ trương, chính sách xét ra thiếu sót hoặc có chỗ không đúng, không nắm thật vững công tác Cải cách Ruộng đất là công tác trọng tâm số một trong toàn bộ công tác củng cố miền Bắc.

Sở dĩ Đảng có khuyết điểm như trên, một phần do cơ quan lãnh đạo (Trung ương và Bộ chính trị) thiếu điều tra, nghiên cứu nên không xuất phát đầy đủ từ tình hình thực tế Việt Nam; thiếu kiểm tra đôn đốc, làm việc thiếu tập thể; và một phần do cơ quan chỉ đạo thực hiện (cụ thể là Thường trực Ủy ban Cải cách Ruộng đất Trung ương và Ban Tổ chức Trung ương của Đảng) không báo cáo đúng và kịp thời, không kịp thời phát hiện sai lầm và đề nghị chính sách và biện pháp sửa chữa thích đáng.

Vì vậy, lãnh đạo có trách nhiệm, nhưng trách nhiệm trực tiếp và quan trọng là do chỉ đạo thực hiện đã có những sai lầm, khuyết điểm cụ thể dưới đây:

a- Chỉ đạo tư tưởng lệch một chiều, nặng chống hữu, nhẹ chống "tả" và phòng "tả", đẩy cán bộ đã "tả" khuynh lại "tả" khuynh thêm.

b- Không chấp hành nghiêm chỉnh chính sách của Trung ương Đảng và Chính phủ. Vì thiếu điều tra nghiên cứu nên đã đề nghị một số chủ trương chính sách không đúng.

c- Việc giáo dục cán bộ có nhiều khuyết điểm, làm cho cán bộ tự mãn, lộng hành, không nắm chính sách, không tôn trọng 10 điều kỷ luật trong phát động quần chúng. (Một số ít phần tử xấu đã phá hoại chính sách của Đảng và CP bằng những hành động vô nguyên tắc ở xã.)

d- Tác phong quan liêu, độc đoán, thoát ly quần chúng, thoát ly thực tế, chủ quan, tự mãn, không nhìn ra sai lầm nghiêm trọng để kịp thời sửa chữa.

Hội nghị Trung ương lần thứ 10 của Đảng đã phân tích, phê phán sai lầm, tìm ra nguyên nhân, định rõ trách nhiệm, và định ra phương châm, chính sách và kế hoạch sửa chữa. [2]

Có đồng chí hỏi: phải chăng Trung ương đùn trách nhiệm cho mấy đồng chí Ủy viên Trung ương trực tiếp phụ trách Cải cách Ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức? Vấn đề không phải là Trung ương đùn đẩy trách nhiệm cho người này hay người khác. Trung ương nhận phần trách nhiệm của mình. Nhưng tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, cho nên trách nhiệm trực tiếp vẫn phải quy vào cá nhân những đồng chí đã lĩnh trách nhiệm trước Trung ương.

Có người bảo: kỷ luật thi hành với những đồng chí có trách nhiệm trực tiếp nhẹ quá. Trung ương thi hành kỷ luật cán bộ làm sai là theo phương châm chữa bệnh cứu người, cho nên đối với những đồng chí đã làm sai, Đảng lấy giáo dục làm chính. Đương nhiên kỷ luật đối với từng người có nặng nhẹ khác nhau, tùy theo những điểm dưới đây mà quyết định:

- trách nhiệm nhiều hay ít, trực tiếp hay gián tiếp;
- tác hại của những sai lầm lớn hay nhỏ;
- động cơ phạm sai lầm tốt xấu như thế nào;
- thái độ nhận sai lầm thành khẩn hay không, thành khẩn nhiều hay ít, v.v…

Việc thi hành kỷ luật với một số đồng chí phạm sai lầm là cần thiết: nhưng Đảng ta thi hành một chính sách sửa sai chứ không thi hành một chính sách báo thù.

Mấy bài học kinh nghiệm

Sai lầm lần này dạy cho ta mấy bài học kinh nghiệm lớn dưới đây:

1. Về giai cấp đấu tranh

Giai cấp đấu tranh là một sự cần thiết và tất nhiên trong xã hội phân chia giai cấp. Khi ta chưa có chính quyền thì hình thức giai cấp đấu tranh có khác với khi ta đã có chính quyền. Từ Cách mạng tháng Tám, ta đã có chính quyền Nhà nước dân chủ nhân dân; đó là một thứ vũ khí đấu tranh giai cấp của ta. Ta phải tận dụng khả năng của chính quyền trong cuộc đấu tranh chống giai cấp địa chủ.

Trong Cải cách Ruộng đất ta phải dùng chính quyền ban hành những luật lệ, những điều quy định cần thiết, có tính chất bắt buộc đối với giai cấp địa chủ. Đồng thời, muốn cho giai cấp địa chủ thi hành đúng chính sách, phải phát động quần chúng nông dân đấu tranh buộc địa chủ phải tuân theo pháp luật. Những sắc lệnh và nghị định của Chính phủ có hiệu lực nhất định của nó. Nhưng trong nhiều trường hợp nếu ta không vận động quần chúng đấu tranh thì không thể đảm bảo những sắc lệnh và nghị định ấy được hoàn toàn tôn trọng. Không thể ngồi bàn giấy ra lệnh mà giải quyết được vấn đề Cải cách Ruộng đất. Cán bộ Đảng và chính quyền cũng không thể làm thay và ban ơn cho nông dân. Cho nên phải kết hợp chính quyền ra lệnh với quần chúng đấu tranh. Phải phát động quần chúng đấu tranh và phải coi đó là biện pháp chủ yếu để Cải cách Ruộng đất.

Một trong những sai lầm của ta trong Cải cách Ruộng đất là đã coi nhẹ việc sử dụng biện pháp chính quyền.

Đối với giai cấp thù địch thì nhất định ta phải đánh đổ. Nhưng giai cấp địa chủ nước ta đã bị phân hóa, ta phải phân biệt đối xử với từng hạng địa chủ. Năm 1953, Trung ương đã nói:

"Ta thực hiện Cải cách Ruộng đất trong kháng chiến, nên phải đấu tranh trên hai mặt trận: mặt trận chống đế quốc và mặt trận chống phong kiến. Ta lại có Mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi. Vì vậy càng bớt được kẻ địch càng tốt, càng cô lập và phân hóa được giai cấp địa chủ càng hay. Diện đả kích không nên quá rộng." [3]

Ta đã có chính quyền ở miền Bắc, lực lượng của ta mạnh hơn hẳn lực lượng của giai cấp địa chủ phong kiến. Bọn địa chủ nào kháng cự lại thì ta mới trấn áp. Bọn nào đầu hàng thì ta để cho chúng thi hành chính sách, phục tùng nông dân; ta không dùng bạo lực đối với chúng, trái lại ta mở đường cho chúng lao động cải tạo, trở thành những con người mới. Đại hội lần thứ 20 Đảng cộng sản Liên-xô đã nhắc nhở ta về vai trò của bạo lực trong lịch sử, nhưng đồng thời cũng chỉ rõ người cộng sản không phải là thích dùng bạo lực. Đằng này, do các cơ quan thực hiện có tư tưởng chỉ đạo lệch lạc, do cán bộ ta phần lớn thiếu kinh nghiệm đấu tranh giai cấp, cho nên khi xuống xã, đứng trước tình hình phức tạp, họ rối trí, đi đến trấn áp tràn lan, đánh địch mà đánh cả vào tổ

chức của mình, có lúc đã dùng bạo lực không cần thiết và không đúng chỗ.

2. Về nhân dân dân chủ chuyên chính

Nhân dân dân chủ chuyên chính là dân chủ với nhân dân, chuyên chính với kẻ thù của nhân dân. Nhưng nhân dân là ai, kẻ thù của nhân dân là ai? Đó là một vấn đề vô cùng quan trọng. Nếu không nhận rõ điều đó thì có khi dân chủ cả với kẻ thù của nhân dân và chuyên chính không nhắm đúng đối tượng, mũi nhọn chuyên chính có thể không chĩa vào kẻ địch. Đối với nhân dân ta phải bảo đảm quyền tự do dân chủ, phải mở rộng dân chủ một cách đúng mức. Nhưng đối với kẻ thù của nhân dân thì phải kiên quyết thi hành chuyên chính, không thể nhu nhược.

Trong Cải cách Ruộng đất, cán bộ ta đã vạch lầm một số nông dân lên địa chủ hay cường hào gian ác, đã vạch một số cán bộ, đảng viên là phản động và đả kích nặng, gây ra tình trạng hỗn loạn, rất nguy hiểm. Đồng thời đã vi phạm chế độ pháp trị, vi phạm quyền tự do dân chủ của nhân dân, gây ra không khí khủng bố ở nông thôn.

Việc mở rộng dân chủ ở thành thị và nông thôn bảo đảm sự tôn trọng chế độ pháp trị là rất cần thiết. Sống lâu ngày dưới chế độ thực dân và phong kiến, nhân dân ta ngày nay được giải phóng, rất khao khát tự do. Ta phải phát triển dân chủ để có thể phát huy tính tích cực của nhân dân, làm cho nhân dân tích cực tham gia vào công tác quản lý Nhà nước; nhưng đồng thời cũng phải chuyên chính đúng mức, đối với bọn phản cách mạng hiện hành thì kịp thời trấn áp. Vì vậy một mặt cần giáo dục cho quần chúng nhân dân nhận rõ mình là chủ nhân của nước nhà, mình có nghĩa vụ và quyền lợi rõ ràng, dứt khoát; mình phải được hưởng quyền dân chủ của mình, nhưng đồng thời cũng phải biết sử dụng đúng quyền đó, không làm ẩu, làm bừa, để gây khó khăn cho chính quyền và địch có thể lợi dụng. Mặt khác, phải kiện toàn không ngừng bộ máy chuyên chính, củng cố công an và quốc phòng, nắm vững lực lượng của ta, không nhu nhược với bọn phản cách mạng hiện hành, muốn nhân những khuyết điểm sai lầm của ta mà lừa phỉnh quần chúng, tổ chức âm mưu nhằm đạt những mục đích đen tối của chúng.

3. Về lãnh đạo

Ta thường nói lãnh đạo đúng là:

- tìm ra cách giải quyết đúng vấn đề;
- tổ chức thực hiện cách giải quyết đúng;
- tổ chức việc kiểm tra.

Song muốn tìm ra cách giải quyết đúng vấn đề thì phải điều tra nghiên cứu tình hình, liên hệ chặt chẽ với quần chúng, nghĩa là phải xuất phát từ thực tế; đồng thời phải nắm vững nguyên lý của chủ nghĩa

Mác–Lênin, kết hợp chân lý phổ biến của chủ nghĩa Mác–Lênin với thực tiễn cách mạng nước ta, nếu không sẽ phạm phải chủ nghĩa kinh nghiệm hoặc chủ nghĩa giáo điều. Phải tôn trọng nguyên tắc tập thể dân chủ, nếu không định ra phương châm, chính sách sẽ thiếu sót, thậm chí sai lầm nữa.

Muốn tổ chức việc thực hiện cách giải quyết đúng phải đưa cách giải quyết đó xuống quần chúng, bàn bạc với quần chúng, làm cho quần chúng thông suốt cách giải quyết đó và tự giác tự nguyện chấp hành, phát huy tính tích cực và trí sáng tạo của quần chúng. Không thế thì sẽ phạm phải chủ nghĩa quan liêu, mệnh lệnh và sẽ thất bại đau đớn. Lãnh đạo đúng là lãnh đạo theo đường lối quần chúng: từ quần chúng mà ra, trở về nơi quần chúng.

Trong khi chấp hành chủ trương chính sách, phải kiểm tra đôn đốc, theo dõi sát tình hình, kịp thời phát hiện vấn đề, tổng kết kinh nghiệm, sửa chữa sai lầm, phát huy thành tích. Muốn thế phải phát triển phê bình tự phê bình, nhất là phê bình từ dưới lên. Phê bình tự phê bình là liều linh đan chữa bệnh quan liêu và chủ quan, tự mãn của các cơ quan lãnh đạo và của cán bộ.

Trong phát động quần chúng thực hiện Cải cách Ruộng đất vừa rồi, cơ quan lãnh đạo cũng như cơ quan chỉ đạo thực hiện nhiều khi đã không nắm vững cách lãnh đạo đó. Vì vậy mà đã phạm sai lầm khuyết điểm nghiêm trọng.

Sửa sai và tiến lên

Nghị quyết của Hội nghị Trung ương lần thứ 10 mở rộng đã nêu rõ: "Nhiệm vụ và phương châm trước mặt của chúng ta là: kiên quyết sửa chữa sai lầm trong Cải cách Ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức, phát huy những kết quả và thắng lợi đã thu được. Trong lúc thực hiện nhiệm vụ đó thì *dựa trên đường lối nông thôn của Đảng*, dựa trên tinh thần tin tưởng và truyền thống đoàn kết của Đảng ta và của nhân dân ta; *thi hành đúng chính sách cụ thể sửa chữa sai lầm*, nhằm đoàn kết nội bộ, đoàn kết nhân dân, ổn định nông thôn, gây tinh thần phấn khởi, đẩy mạnh sản xuất, hoàn thành tốt công tác Cải cách Ruộng đất và trên cơ sở đó đẩy mạnh công cuộc củng cố miền Bắc, tranh thủ miền Nam và đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà."

Sai lầm này nghiêm trọng, nhưng không phải sai lầm về chiến lược. Đảng và Chính phủ đã phát hiện sai lầm và quyết tâm sửa sai, đã định rõ phương châm, chính sách và kế hoạch sửa sai một cách thiết thực. Nhân dân ta sẵn có truyền thống đoàn kết, nói chung vẫn tin tưởng ở lãnh đạo và sẵn sàng góp sức vào việc sửa sai.

Vì vậy ta có đủ điều kiện sửa sai và tiến lên. Muốn sửa sai cần khắc phục những tư tưởng sai lầm chính dưới đây:
- bảo thủ, tự mãn, không chịu nhận hết sai lầm, không kiên quyết sửa sai;
- bi quan, tiêu cực, nhìn mọi cái đều hỏng, không tin ở phần thắng lợi của Cải cách Ruộng đất, không tin có thể sửa sai được tốt;
- bàng quan, vô trách nhiệm, không quan tâm đến việc sửa sai.
- Những nhân tố thắng lợi chủ yếu của cách mạng ta (Đảng, Mặt trận, quân đội, chính quyền) có chịu ảnh hưởng không tốt vì những sai lầm vừa qua, nhưng chỉ trong một phạm vi nhất định. Vì thế ta có đủ lý do tin tưởng ở thắng lợi của công tác sửa sai.

Tuy vậy, cũng cần nhận rõ những khó khăn đang gặp trong việc sửa sai. Chủ yếu có khó khăn dưới đây:
- bọn phản động đội lốt tôn giáo và bọn địa chủ ngoan cố, bọn đầu sỏ trong số tề ngụy cũ đang ngo ngoe ngóc đầu dậy, phá rối ta;
- vấn đề sửa sai rất phức tạp, diện sửa sai khá rộng;
- việc lãnh đạo sửa sai chưa được thật tăng cường; nội bộ Đảng hiện còn thiếu đoàn kết và thống nhất.

Muốn sửa sai tốt, cần khắc phục những khó khăn đó.

Gần đây một số những người bị tố oan là phản động hoặc bị quy sai thành phần, sốt ruột chờ sửa sai, đã tự phát báo thù. Một số địa chủ và bọn phản động, lưu manh lợi dụng cơ hội lôi kéo quần chúng bất mãn, gây ra những vụ lộn xộn trong nông thôn. Đáng chú ý nhất là mới đây bọn phản động đội lốt tôn giáo đã gây ra những vụ phá rối trật tự an ninh ở tại một vài vùng giáo dân ở tập trung. Chúng lợi dụng lòng tin của một số quần chúng tín đồ mà lấy lại những quyền lợi nông dân đã giành được trong Cải cách Ruộng đất. Rõ ràng là chúng đang ra sức phá hoại những thành tựu của Cải cách Ruộng đất và phá hoại việc sửa chữa của ta. Vì vậy, muốn sửa sai tốt, phải ngăn ngừa những hành động tự phát, báo thù. Đồng thời phải trấn áp bọn phản động, bọn quấy rối, không để cho chúng làm mưa làm gió.

Chính sách sửa sai đã công bố chưa được thật cụ thể. Tình hình thực tế ở nông thôn phức tạp hơn ta tưởng. Cho nên cần rút kinh nghiệm ở một số địa phương để bổ sung chính sách đó.

Diện sửa sai khá rộng. Cần có kế hoạch sửa sai để tiến hành từng bước. Kế hoạch ấy phải căn cứ vào chỉ thị của Trung ương về sửa sai nói chung, đồng thời cũng phải căn cứ vào yêu cầu cấp bách sửa sai của từng địa phương và căn cứ vào thời vụ mà đặt ra cho sát.

Theo nghị quyết của Trung ương Đảng và quyết định của Chính phủ, việc sửa sai sẽ giao cho Đảng bộ và chính quyền các cấp trực tiếp phụ trách. Cho nên phải kiện toàn bộ máy lãnh đạo các cấp để cho nó

gánh được trách nhiệm sửa sai theo đúng phương châm, chính sách mà Trung ương Đảng và Chính phủ đã đề ra.

Việc kiện toàn các cấp cần phải đạt yêu cầu thống nhất tư tưởng và nhận thức về thắng lợi của Cải cách Ruộng đất cũng như về những khuyết điểm sai lầm và nhiệm vụ sửa sai. Trung ương Đảng và CP quyết tâm sửa sai, nhân dân mong chờ sửa sai. Có nhiều vấn đề sửa sai liên hệ mật thiết với chiêm này, đòi hỏi chúng ta phải giải quyết gấp rút. Chúng ta phải xiết chặt hàng ngũ, lao mình vào công tác sửa sai.

Qua các cuộc hội nghị nghiên cứu nghị quyết của Trung ương Đảng, tư tưởng cán bộ, đảng viên đã được nhất trí trên những vấn đề chính. Đương nhiên, vẫn còn một số vấn đề tồn tại giữa cán bộ, đảng viên cũ và cán bộ, đảng viên mới, cán bộ bị xử trí và cán bộ không bị xử trí, cán bộ đã tham gia Cải cách Ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức với cán bộ không tham gia Cải cách Ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức, v.v… Tư tưởng chưa được thống nhất thì hành động trong việc sửa sai cũng sẽ không được thống nhất. Vì vậy, phải qua việc hoàn thành phổ biến nghị quyết của Hội nghị Trung ương lần thứ 10 mở rộng xuống đến tận xã mà làm cho tư tưởng và nhận thức của cán bộ và đảng viên thống nhất hơn. Cần làm cho toàn Đảng *trên cơ sở thấu suốt tinh thần nghị quyết của Trung ương Đảng và nâng cao ý thức về trách nhiệm trước việc sửa sai mà tăng cường đoàn kết trong Đảng*. Do Đảng được đoàn kết, thống nhất mà tăng cường đoàn kết giữa các Đảng ta và các đảng phái, các đoàn thể nhân dân trong Mặt trận, giữa Đảng ta và quần chúng nhân dân nói chung. Đó là một điều kiện cần thiết cho việc sửa sai có kết quả.

Công tác cách mạng của chúng ta có thành tích và cũng có sai lầm. Điều cốt yếu là Đảng ta tránh được những sai lầm về đường lối cách mạng, và một khi phạm sai lầm dù lớn hay nhỏ đều thành khẩn nhận hết sai lầm và kiên quyết sửa chữa.

Sai lầm của ta trong Cải cách Ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức không có nghĩa là đường lối cách mạng Việt Nam do Đảng ta vạch ra là sai, cũng không có nghĩa là chế độ dân chủ nhân dân của ta là không tốt. Vì đường lối cách mạng của Đảng ta đúng, bản chất chế độ ta tốt, quần chúng nhân dân ta nói chung vẫn tin tưởng ở Đảng ta và Chính phủ ta, cho nên ta có điều kiện tốt để *sửa sai và tiến lên*.

Mỗi cán bộ và đảng viên chúng ta cần tin tưởng và hăng hái gánh một phần trách nhiệm trong việc sửa sai, biến những đau xót của chúng ta trước những sai lầm thành sức mạnh vật chất đặng tiến hành tốt công tác sửa chữa sai lầm, phát huy thành tích, *củng cố công nông liên minh, giữ vững và phát triển thắng lợi của Cải cách Ruộng đất ở miền Bắc*. Do đó chúng ta làm cho miền Bắc được thật sự củng cố, chế độ ở

miền Bắc càng tốt đẹp hơn, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi để đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà.

Chú thích

[1] Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 10 mở rộng.
[2] Về trách nhiệm cá nhân ở cấp Trung ương thì xem thông cáo của Trung ương đăng trên báo Nhân dân ngày 30-10-1956.
[3] Nghị quyết của Bộ chính trị tháng 8 năm 1953.

Nguồn: *Học Tập, tạp chí lý luận và chính trị của Đảng Lao động VN, số 11, tháng 11-12/ 1956, tr. 9-23. Bản điện tử của Talawas*

Xét lại "hồ sơ" của giai cấp địa chủ

Trần Huy Liệu

http://www.talawas.org

Ngay từ tháng 3-1954, khi cuộc Cải cách Ruộng đất đang ở thời kì khắc nghiệt nhất, Trần Huy Liệu đã viết thư cho ông Hoàng Quốc Việt, một trong những người lãnh đạo Cải cách Ruộng đất, nêu ý kiến cho rằng ở Việt Nam, khác với Trung Quốc, địa chủ đa số là bậc trung và bậc tiểu, mà phần đông lại là yêu nước. Vì vậy, cần có sách lược đối xử đúng mức trong Cải cách Ruộng đất, không nên gộp tất cả là kẻ địch. Bài này của Trần Huy Liệu đăng trên tập san Văn Sử Địa số 25, quý I-1957, kí tên Hải Khách, bút danh của ông thời Mặt trận Dân chủ Đông Dương (1936-1939). Nó phản ánh nhận thức của Trần Huy Liệu - lúc đó là trưởng ban nghiên cứu Văn Sử Địa - sau cuộc CCRĐ và thời kì sửa sai. Ngay sau khi bài được đăng, trong một cuộc họp ở câu lạc bộ Đoàn kết, ông Trường Chinh đã nhận xét là bài có sự "mơ hồ giai cấp".

Đặt vấn đề

Sau những sai lầm nghiêm trọng về Cải cách Ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức, đã đến lúc chúng ta cần phải xét lại một số nhận định từ trước về tính chất giai cấp, quan hệ giữa các giai cấp và đối tượng chủ yếu của cách mạng, các lực lượng tham gia cách mạng trong quá trình cách mạng Việt Nam. Việc này chúng tôi đã bắt đầu làm trong mấy số tập san gần đây. Một nhận thức chung là xã hội Việt Nam trong thời Pháp thuộc là một xứ thuộc địa và nửa phong kiến, do đó, nó có những đặc điểm mà chúng ta phải tìm ra để biết đến để sắp xếp lực lượng, định một chiến lược cho thật đúng.

Với bài này, tôi nói về giai cấp phong kiến địa chủ và trước hết, hãy trang trải về danh từ. Còn nhớ năm 1935, trong cuộc bút chiến giữa Phan Khôi và Hải Triều, một vấn đề đã được nêu lên là nước Việt Nam ta còn có chế độ phong kiến không. Ông Phan Khôi căn cứ vào mấy chữ định nghĩa "phong hầu kiến ấp" ngày trước để đi đến chỗ phủ nhận phong kiến còn tồn tại ở Việt Nam. Trái lại ông Hải Triều căn cứ vào chế độ chiếm hữu ruộng đất của phong kiến, hình thức bóc lột địa tô của địa chủ để đi đến kết luận là phong kiến vẫn tồn tại ở Việt Nam. Cuộc bút chiến hồi đó, cũng như nhiều cuộc bút chiến khác, không có trọng tài để phân giải ai phải ai trái một cách rõ ràng. Nhưng với một nhận thức căn bản về quan hệ tư liệu sản xuất, cụ thể là ruộng đất, không ai chối cãi được là nước Việt Nam có chế độ phong kiến, có giai cấp phong kiến mà một trong những nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam là phải đánh đổ bọn phong kiến, tay sai của đế quốc và quét sạch tàn tích phong kiến. Trong cuộc giảm tô và Cải cách Ruộng đất vừa qua, đối tượng của nông dân là giai cấp địa chủ. Nhưng trong đó còn có những trường hợp phiền phức như: có những người về địa vị và danh vọng thuộc giai cấp phong kiến, nhưng không có ruộng cho thu tô, không bóc lột theo lối phong kiến. Liệt họ vào giai cấp nông dân thì cố nhiên họ không phải là nông dân. Cũng có người nói họ là chủ của một ít ruộng đất, tức là tiểu tư hữu nằm trong cơ sở của chế độ tư sản. Vấn đề rất phức tạp, cần phải nghiên cứu nhiều. Ngay đến việc quy định thành phần địa chủ trong cuộc cải cách vừa qua cũng còn nhiều điểm phải bàn lại.

Vì vấn đề phức tạp, mục đích của bài này chưa đi sâu vào nội dung sinh hoạt của giai cấp, cũng không tách khỏi địa chủ với phong kiến, mà chỉ kiểm điểm thái độ chính trị của họ, nghĩa là xét lại "hồ sơ" của họ. Cùng với việc nghiên cứu các giai cấp khác, tôi muốn biết đặc điểm của giai cấp phong kiến thuộc địa trong một xứ thuộc địa khác với giai cấp phong kiến địa chủ trong một nước độc lập và cũng do đó, chúng ta càng nhận rõ bạn thù trong từng giai đoạn lịch sử nhất định trên lập trường giai cấp và lập trường dân tộc. Bài này viết ra tôi mới trình bày những ý kiến sơ bộ và còn tiếp tục nghiên cứu.

Kiểm điểm thái độ chính trị của giai cấp phong kiến địa chủ qua các thời kì

Cần phải "phân bua" rằng: xét lại "hồ sơ" của giai cấp địa chủ, một giai cấp đã bị lên án, liệt vào đối tượng của cách mạng dân tộc dân chủ, tôi không có ý định làm "thầy cãi" cho một tội nhân đã có tội chứng rành rành, mà chỉ tìm trong đó những tình tiết đáng chú ý, những trường hợp

cần thẩm tra lại, làm nổi bật lên tính chất của địa chủ ở một xứ thuộc địa nửa phong kiến.

Không như các giai cấp tư sản dân tộc, tiểu tư sản và công nhân mới xuất hiện trong thời kì Pháp thuộc, giai cấp phong kiến địa chủ nước ta xuất hiện và nắm quyền thống trị từ lâu. Trước ngày thực dân Pháp đánh chiếm nước ta thì mâu thuẫn giữa giai cấp nông dân và giai cấp địa chủ phong kiến đã phải nhường chỗ chủ yếu cho mâu thuẫn giữa toàn dân Việt Nam, trong đó có giai cấp phong kiến địa chủ, với bọn xâm lược cướp nước. Cũng từ lúc này sự phân hóa trong giai cấp phong kiến địa chủ biểu hiện thái độ chính trị với bọn xâm lược đã diễn ra không ngừng. Đầu tiên là sự phân chia giữa phái chủ hòa, nói đúng hơn là phái đầu hàng, đã đứng trên lập trường giai cấp của chúng, muốn thỏa thuận với giặc ngoại xâm để duy trì quyền lợi một phần nào của chúng khỏi bị đổ vỡ trước phong trào ngày càng lớn mạnh của nông dân. Phái chủ chiến đứng trên lập trường giai cấp từ trước cũng như lập trường dân tộc, thấy không thỏa hiệp được với giặc ngoại xâm, không can tâm làm nô lệ nên chủ trương chiến đấu. Sau khi phái chủ chiến đã chiến bại và triều đình Huế đã đầu hàng, công nhận sự đô hộ của thực dân Pháp thì sự phân chia lại một lần nữa diễn ra giữa bọn phong kiến tại triều và một số văn thân kháng chiến. Nếu chúng ta điểm mặt những lãnh tụ khởi nghĩa bấy giờ thì hầu hết là những hưu quan, những nhà khao mục ở các địa phương. Họ không những không có đặc quyền đặc lợi gì, mà phần nhiều thuộc loại "tiếng cả nhà thanh", nghĩa là danh vọng thì lớn nhưng tài sản thì ít. Một điểm đáng nghi là: ngoài chỗ dựa vào nông dân, những phần tử trung kiên trong các cuộc khởi nghĩa đa số là những nhà Nho nghèo. Về danh nghĩa họ thuộc giai cấp phong kiến, nhưng không phải là địa chủ sống bằng địa tô. Chính những người này là động lực của cuộc khởi nghĩa kháng Pháp và nối liền những tập đoàn lãnh đạo khởi nghĩa với nông dân địa phương.

Nói đến cuộc lãnh đạo cách mạng trong giai đoạn đầu, có người thấy giai cấp địa chủ là đối tượng của cách mạng ngày nay rồi chực phủ nhận cả một bộ phận phong kiến đã có lúc lãnh đạo cách mạng. Có người dựa vào lí luận nói giai cấp phong kiến địa chủ là kẻ thù của nông dân thì làm thế nào lãnh đạo được giai cấp nông dân. Những người này đã xa lìa thực tế, không đặt giai cấp phong kiến địa chủ vào khung cảnh thuộc địa, lại cũng không thấy mâu thuẫn dân tộc ở một xứ thuộc địa bao trùm cả mâu thuẫn giai cấp, mặc dù mâu thuẫn dân tộc về thực chất vẫn là mâu thuẫn giai cấp. Nhìn vào giai đoạn lịch sử này, chúng ta phải phân biệt bọn đại phong kiến có những đặc quyền đặc lợi tại triều đình với những lớp phong kiến nghèo và những trung, tiểu phong kiến ở thôn quê đã biểu lộ nhưng thái độ khác hẳn nhau. Chúng

ta một mặt ghi điểm phản động của giai cấp phong kiến với chế độ chiếm hữu ruộng đất bóc lột địa tô, một mặt đừng quên ghi điểm tiến bộ của những văn thân yêu nước chống giặc. Một ngày nào họ chưa đầu hàng đế quốc, còn đứng trên lập trường dân tộc, còn lãnh đạo chống Pháp thì nhân dân vẫn ủng hộ họ. Nói cho cùng những cuộc vũ trang khởi nghĩa từ khi thực dân Pháp bắt đầu đánh chiếm Nam Kỳ qua phong trào Cần Vương đến cuối thế kỉ XIX, trừ một vài trường hợp đặc biệt không kể nếu chúng ta cố ý phủ nhận sự lãnh đạo cho giai cấp nào? Hôm trước, trong cuộc thảo luận giữa tôi và một đồng chí Liên Xô nghiên cứu về lịch sử Việt Nam, đồng chí bạn có đặt ra một câu nghi vấn xem có một nhóm văn thân vào lúc ấy đã có khuynh hướng tư sản chưa? Tôi căn cứ vào sử liệu mà trả lời rằng: chủ trương của các văn thân hồi đó rõ ràng là bình Tây, là Cần Vương, là khôi phục chế độ cũ, chớ chưa biểu lộ ra khía cạnh nào có xu hướng dân chủ cả. Vả chăng, xu hướng dân chủ tư sản chỉ có thể sản ra với một điều kiện xã hội Việt Nam có đủ một nền kinh tế tư bản chủ nghĩa và những tầng lớp tư sản mới.

Qua hai lần phân chia kể trên, đến đầu thế kỉ XX, giai cấp phong kiến lại một lần phân hóa nữa. Lúc này, sau những cuộc khởi nghĩa thất bại, một bộ phận phong kiến đã bị phá sản. Trong các cuộc khai thác lần thứ nhất của thực dân Pháp, kinh tế tư bản chủ nghĩa đã dần dần có cơ sở. Tầng lớp tư sản mới đã bắt đầu xuất hiện tại các thành thị. Trào lưu tư tưởng của thế giới tràn vào thông qua các yếu tố mới đương nẩy nở trong nước làm cho ý thức hệ của giai cấp phong kiến bị rạn nứt, rung động. Lần này phân hóa diễn ra giữa hai phái sĩ phu: một phái thủ cựu vẫn ôm riết lấy ý thức hệ phong kiến, và một phái có khuynh hướng dân chủ tư sản tới một mức độ nào. Những phong trào đầu thế kỉ XX như: Đông Du, Đông Kinh Nghĩa Thục, Duy Tân... do một số sĩ phu tiến bộ trong giai cấp phong kiến lãnh đạo đã nói lên một biến động lớn về tính chất của cuộc đấu tranh cách mạng cũng như về hệ thống tư tưởng của đẳng cấp sĩ phu. Sau đó giai cấp phong kiến cho đến hết cuộc đại chiến thứ nhất, nói chung, đã hết vai trò lãnh đạo chống thực dân Pháp, nhưng một bộ phận trong phái sĩ phu tiến bộ mà tiêu biểu của nó là Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh đã dần đi vào khuynh hướng tư sản dân chủ của những tầng lớp đang cấu thành giai cấp và phong trào tư sản sắp chính thức bắt đầu. Một bộ phận khác như Lê Văn Huân, Nguyễn Đình Kiên... lãnh tụ đảng Tân Việt sau này, còn tiến xa hơn nữa, trút bỏ hết những nếp tư tưởng, đường lối đấu tranh của giai cấp phong kiến, giai cấp gốc rễ của họ để hòa mình vào trào lưu mới chẳng những có tính chất dân chủ, mà còn có khuynh hướng xã hội chủ nghĩa.

Ở trên tôi đã đánh dấu vai trò lãnh đạo chống thực dân Pháp của giai cấp phong kiến, mặc dầu là một bộ phận, đã chấm dứt từ sau cuộc đại chiến thứ nhất. Nhưng vấn đề đặt ra là: có phải từ đó trở đi, giai cấp phong kiến địa chủ đã trở nên hoàn toàn phản động, cấu kết với thực dân Pháp để chống lại dân tộc không? Chúng ta phải xét lại sự nhận định ấy đúng đến đâu, đến mức độ nào? Tốt hơn hết là chúng ta hãy trình bày những sự thực diễn ra qua các thời kì để làm cơ sở cho nhận xét khách quan.

Thực ra, ngay từ khi thực dân Pháp bắt đầu xâm chiếm nước ta, một bộ phận phong kiến, chủ yếu là phong kiến cầm quyền tại triều đình Huế, đã câu kết với giặc, làm tay sai cho giặc để giết hại đồng bào, phản lại Tổ quốc. Những tên đại Việt gian như Trần Đình Lộc, Nguyễn Thân, Hoàng Cao Khải... chẳng những là kẻ thù dân tộc, mà còn là kẻ thù của phe phong kiến chống Pháp lúc bấy giờ. Trong hai bức thư trao đổi giữa Hoàng Cao Khải và Phan Đình Phùng, chúng ta thấy rõ hai người cùng một giai cấp mà đứng trên hai lập trường, phân biệt rõ rệt người phong kiến yêu nước. Từ sau cuộc đại chiến thứ nhất, giai cấp tư sản VN hình thành. Nhưng một đặc điểm của xứ thuộc địa, xứ nông nghiệp mà chúng ta đừng quên là: những nhà tư sản lớp trên đa số xuất thân từ giai cấp phong kiến cũng như số công thương gia kiêm địa chủ hay địa chủ kiêm công thương gia khá nhiều. Đảng Lập hiến ở Nam Kỳ là một tập đoàn đại địa chủ tư sản hóa vừa có hàng nghìn hàng vạn mẫu ruộng thu tô vừa có những nhà máy gạo, máy dệt, hãng làm xà phòng, thuốc lá ở thành thị, đến cả nhà VN ngân hàng. Do đó, khuynh hướng chính trị của họ biểu lộ ra từ khoảng những năm 1922-1926 là đòi tự do dân chủ, tán thành cải lương để rồi đi đến "Pháp Việt đề huề", sát cánh với bọn đại biểu của tư sản Pháp trong các nghị trường và cuối cùng là chống lại phong trào đấu tranh của nhân dân ngày một lên cao. Từ năm 1930 trở đi, đối tượng cách mạng chẳng những chĩa vào thực dân Pháp mà còn chĩa vào giai cấp phong kiến địa chủ thì thái độ bọn địa chủ, trong đó đa số là quan lại và chính khách cũng tỏ ra quyết liệt, không còn miếng đất nào có thể hòa giải với cách mạng. Đảng Lý Nhân mà hồi đó người ta nhắc đến ở Nam Kỳ cũng như ở Nghệ Tĩnh là một đảng chống lại cách mạng. Cho tới nay chúng tôi vẫn chưa tìm được tài liệu cụ thể về đảng này, chỉ biết rằng hồi đó bọn thống trị Pháp âm mưu lập một tổ chức dựa vào phong kiến địa chủ để đàn áp cách mạng. Thái độ phản cách mạng của bọn đại địa chủ đã rõ rệt, nhưng chỗ mà chúng ta cần đi sâu vào là thái độ của tầng lớp trung, tiểu địa chủ ra sao? Tài liệu về phong trào Xô Viết Nghệ Tĩnh năm 1930 cho biết rằng: những ngày đầu nhiều địa chủ phú nông cũng hưởng ứng theo phong trào, sẵn sàng đem thóc gạo trong nhà đem

cống ra xã hội. Nhưng với khẩu hiệu "Trí, phú, địa, hào, đào tận gốc, trốc tận rễ", những người lãnh đạo phong trào hồi đó đã không nắm vững đường lối chính trị của đảng, đã làm cho công, nông bị cô lập và mặt trận thống nhất dân tộc bị tan rã và không tranh thủ được trung tiểu địa chủ còn có thể đi được với cách mạng đến một chừng mực nào, trong một phạm vi nào.

Tiếp đến phong trào Mặt trận Bình dân 1936-1939. Vì là một phong trào đấu tranh công khai và hợp pháp mà chương trình tối thiểu của Đảng Cộng sản đề ra là chống phản động thuộc địa, đòi tự do dân chủ và cải thiện dân sinh, nên sự phản ứng của giai cấp địa chủ không rõ rệt. Chỉ biết: trong tổ chức cũng như công tác đều có những thành phần nhỏ địa chủ tham gia. Những "giáp mới" và "hội hiếu", "hội hỷ" bấy giờ, những hình thức vừa để đoàn kết nông thôn vừa là "hội biến tướng của cách mạng" đều có mặt cả trung, tiểu địa chủ. Nhưng đến năm 1939, trong âm mưu trở lại hiệp ước 1884, chúng ta thấy rõ một lần nữa, thực dân Pháp câu kết với bọn phong kiến mà Phạm Quỳnh và Phạm Lê Bổng là chủ mưu, đã muốn khôi phục uy quyền của bọn phong kiến Nam triều để đàn áp phong trào nhân dân đương sôi nổi, kẻ phản động rõ rệt chống lại nhân dân vẫn là bọn vua quan phong kiến.

Tháng 6 năm 1940, sau khi quân Nhật kéo vào Đông Dương, nhân dân Đông Dương nói chung, nhân dân VN nói riêng bị một cổ hai tròng. Những việc cướp đất làm trường bay hay khu quân sự, nhổ ngô lúa trồng đay, gai và bắt nộp thóc tạ... chẳng phải chỉ trút lên đầu nông dân, mà chính nhiều địa chủ phải chịu nhiều thiệt hại nặng nề. Do đó, không kể bọn đại địa chủ và bọn bám theo Nhật hoặc bám theo Pháp, một số trung, tiểu địa chủ đều ngã theo cách mạng, theo chủ trương đánh Pháp đuổi Nhật của ĐCS Đông Dương. Biểu hiện rõ rệt nhất là khởi nghĩa Nam Kỳ tháng 11-1940. Trước tình thế mới, vài quyền lợi cấp thiết của cuộc cách mạng dân tộc giải phóng, Đảng Cộng sản Đông Dương tạm gác khẩu hiệu tịch thu ruộng đất của địa chủ chia cho dân cày, thay bằng khẩu hiệu tịch thu ruộng đất của bọn Việt gian phản quốc chia cho dân cày. Tôi còn nhớ lúc ấy một cuộc hội thảo sôi nổi đã nêu lên giữa các đảng viên: thay chiến lược hay thay chiến thuật. Chỗ này quan hệ lắm, nếu thay đổi theo chiến thuật thì đó chỉ là cách ứng phó thích nghi của một hoàn cảnh nhất thời; trái lại thay đổi chiến lược là thay đổi cả đối tượng cách mạng và cách bố trí lực lượng cách mạng trong một giai đoạn lịch sử nhất định. Kết quả, theo lời giải thích của trung ương, thì đây không phải là thay đổi chiến thuật mà là thay đổi chiến lược. Có điều đây là chiến lược ngắn chuyển trọng tâm sang cuộc giải phóng dân tộc. Nó vẫn nằm trong chiến lược dài, nghĩa là

chiến lược cách mạng dân chủ tư sản với hai nhiệm vụ là phản đế và phản phong.

Thế rồi, Mặt trận Việt Minh thành lập (5-1941) và một mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi hơn hết từ trước đến bây giờ so với mặt trận phản đế và Mặt trận Dân chủ Đông Dương. Trong bản chương trình điều lệ nêu rõ chủ trương cứu nước của mặt trận Việt Minh là liên hiệp hết các tầng lớp nhân dân... làm cho xứ Việt Nam và cả xứ Đông Dương được hoàn toàn độc lập. Về mặt kinh tế, bản điều lệ chỉ nêu lên tịch thu hết tài sản của phát xít Nhật, Pháp và bọn Việt gian, Hán gian... chia lại công điền, giảm địa tô. Đối với tầng lớp nhân dân bản điều lệ ghi rõ quyền sở hữu ruộng đất của địa chủ vẫn được coi trọng. Về tổ chức, địa chủ được gia nhập Việt Nam Cứu quốc hội. Ở đây chúng ta chưa bàn đến chủ trương của Đảng Cộng sản Đông Dương thông qua mặt trận Việt Minh, mà chỉ cần ghi rằng: theo chiến lược ngắn này, thì, trong cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, giai cấp địa chủ cho đến bây giờ chưa phải đã là hoàn toàn câu kết với đế quốc. Về mặt kinh tế, nói rõ hơn là về mặt sản xuất, họ là phản động, nhưng về mặt chính trị, trừ bọn đại địa chủ hay địa chủ quan lại, những trung và tiểu địa chủ còn có thể góp sức vào công cuộc cứu quốc tới một mức độ nào. Chính cũng vì dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng Cộng sản Đông Dương, Mặt trận Việt Minh đã tập hợp được mọi lực lượng của các tầng lớp nhân dân, đưa đến cuộc cách mạng Tháng Tám thành công. Cuộc cách mạng Tháng Tám, tính chất dân tộc của nó đã nổi lên.

Có lẽ tôi không phải nói nhiều về thái độ của giai cấp địa chủ nói chung, tầng lớp tiểu địa chủ nói riêng. Từ sau cách mạng Tháng Tám và những ngày đầu kháng chiến, sự thật thì có một số đại địa chủ, nhất là địa chủ quan lại, đã quây quần xung quanh bọn phản động Quốc Dân Đảng ở ngoài Bắc, Nguyễn Văn Thinh của "Nam Kỳ quốc", và sau hết là bù nhìn Bảo Đại. Nhưng sự thật cũng là đại đa số trung tiểu địa chủ, ngay cả một vài đại địa chủ, đã đứng trong Mặt trận Liên Việt, dự vào cuộc toàn dân kháng chiến, theo lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Chúng ta không đòi hỏi nhiệt tình và công sức của đại địa chủ ngang với công nông và trí thức, mà chỉ đặt mức độ tối thiểu là không theo giặc phản nước và tham gia kháng chiến trong một phạm vi nào đó. Đành rằng trong chính sách đối đãi cũng như quy định thành phần nông dân, chúng ta có phân biệt giai cấp địa chủ với những nhân sĩ yêu nước. Nhưng nhân sĩ yêu nước chỉ là một con số rất nhỏ, địa chủ kháng chiến là con số lớn.

Đề nghị xét lại một vài nhận định từ trước

Trở lên trên, bằng những sự việc chứng thực, tôi đã trình bày về thái độ chính trị của giai cấp phong kiến địa chủ qua các thời kì để đi đến mấy nhận xét sơ bộ.

Nhận xét thứ nhất là vì địa vị, quyền lợi của các tầng lớp trong giai cấp phong kiến địa chủ có chỗ khác nhau nên thái độ với đế quốc cũng không phải đều giống nhau. Bọn đại địa chủ, nhất là bọn địa chủ quan lại thì từ trước tới sau, đại đa số làm tay sai cho đế quốc, hay ngã về đế quốc. Chúng là kẻ thù của dân tộc, không ai có quyền bênh vực. Nhưng ngoài những văn thân yêu nước đánh giặc, tầng lớp trung tiểu địa chủ cũng bị áp bức dưới ách đế quốc, nên một số đã đứng trong mặt trận dân tộc chống chủ nghĩa đế quốc.

Nhận xét thứ hai, nước ta từ trước là một nước nông nghiệp, ngoài một số ruộng đất tập trung vào địa chủ, những ruộng đất bị phân tán linh tinh. Theo bảng quy định thành phần trong dịp Cải cách Ruộng đất ở miền Bắc, số trung tiểu địa chủ chiếm đa số trong giai cấp địa chủ và số ruộng đất chiếm hữu của mỗi người không nhiều. Nếu đem số ruộng đất chiếm hữu của mỗi trung, tiểu địa chủ xứ ta so với địa chủ nhiều nước khác thì thấy cách biệt nhau quá. Do đó sinh hoạt và tính chất của họ cũng không giống như đại địa chủ.

Nhận xét thứ ba, mà là nhận xét chủ yếu: giai cấp địa chủ VN từ sau khi Pháp thuộc, là giai cấp của một xứ thuộc địa, cho nên thái độ chính trị của họ cũng có khác giai cấp địa chủ các nước không phải thuộc địa. Tôi đồng ý với ý kiến của Thủ tướng Phạm Văn Đồng về công tác CCRĐ trước Quốc hội khóa thứ 6 vừa qua, trong đó có câu: "*Giai cấp địa chủ, đứng về giai cấp mà nói, là phản động cần phải đánh đổ. Nhưng đi sâu vào thái độ chính trị của từng cá nhân địa chủ thì có một số người tuy về kinh tế bóc lột theo lối phong kiến, nhưng về chính trị thì có tinh thần dân tộc đến một trình độ nhất định*". Tôi thấy cần phải đi sâu như thế thì mới thấy được những chỗ khác nhau giữa giai cấp địa chủ Việt Nam với giai cấp địa chủ nước khác không phải thuộc địa và mới thấy được một trong những đặc điểm của cách mạng VN.

Như vậy, những quan điểm từ trước cho rằng toàn bộ giai cấp phong kiến địa chủ đã đầu hàng địch, đã câu kết với địch, phủ nhận đặc điểm của xã hội Việt Nam, phủ nhận sự thật lịch sử, tôi thấy cần phải xét lại. Không cần phải nhắc lại những sai lầm trong Cải cách Ruộng đất vừa qua không phân biệt địa chủ kháng chiến với địa chủ khác, coi tất cả địa chủ là địch là máy móc. Dù sao, trong khi đi sâu vào việc kiểm điểm thái độ chính trị của tầng lớp phong kiến địa chủ qua các thời kì, chúng ta không nên đi đến chỗ phủ nhận đối tượng của cuộc cách mạng dân tộc dân chủ là đế quốc và phong kiến địa chủ. Dứt khoát là chế độ chiếm hữu ruộng đất của giai cấp phong kiến, bóc lột phong kiến

cũng như giai cấp phong kiến địa chủ phải hoàn toàn thủ tiêu. Chúng ta chỉ cần nhắc lại là: vì xã hội nước ta trước đây là xã hội thuộc địa và nửa phong kiến nên nhiệm vụ cơ bản của cách mạng là chống đế quốc chủ nghĩa và quét sạch tàn tích phong kiến; nhưng đừng quên giữa hai mâu thuẫn chủ yếu, mâu thuẫn dân tộc với chủ nghĩa đế quốc xâm lược và mâu thuẫn giữa nông dân với địa chủ phong kiến thì mâu thuẫn dân tộc ta với đế quốc vẫn là chủ yếu nhất. Có nắm vững được quan điểm này thì đem thi hành ra chính sách mới không sai lệch.

Hiện nay nhiệm vụ phản phong tại miền Bắc về căn bản đã hoàn thành, giai cấp phong kiến địa chủ tại miền Bắc nước ta về căn bản đã ra đời. Đề ra việc xét lại "hồ sơ" của giai cấp phong kiến địa chủ, tôi chú ý vào việc nghiên cứu để mong dựng lại một sự thật lịch sử, đồng thời mong cống hiến một phần nào cho công tác sửa sai lúc này.

Hải Khách

8.3.1957

Nguồn: Tập san Văn Sử Địa số 25, quý I -1957